

PGS.TS. PHẠM DUY ĐỨC - PGS.TS. VŨ THỊ PHƯƠNG HẬU
(Đồng chủ biên)

VĂN HÓA TRONG CHÍNH TRỊ VÀ VĂN HÓA TRONG KINH TẾ Ở VIỆT NAM

**MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN
VÀ THỰC TIỄN**



NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

Chịu trách nhiệm xuất bản:
Q. GIÁM ĐỐC - TỔNG BIÊN TẬP
PHẠM CHÍ THÀNH

Chịu trách nhiệm nội dung:
ỦY VIÊN HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP - XUẤT BẢN
TS. VÕ VĂN BÉ

Biên tập nội dung:	ThS. PHẠM NGỌC BÍCH
	ThS. NGUYỄN THỊ HẢI BÌNH
	ThS. VÕ THỊ TÚ OANH
	NGUYỄN MAI ANH
	ThS. NGUYỄN VIỆT HÀ
Trình bày bìa:	ĐƯỜNG HỒNG MAI
Chế bản vi tính:	NGUYỄN QUỲNH LAN
Đọc sách mẫu:	ĐÀO QUỲNH HOA
	BÙI BỘI THU

Số đăng ký kế hoạch xuất bản: 4139-2020/CXBIPH/19-337/CTQG.

Số quyết định xuất bản: 5370-QĐ/NXBCTQG, ngày 15/10/2020.

Nộp lưu chiếu: tháng 10 năm 2020.

Mã số ISBN: 978-604-57-6114-4.

**VĂN HÓA TRONG CHÍNH TRỊ
VÀ VĂN HÓA
TRONG KINH TẾ Ở VIỆT NAM**

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN
VÀ THỰC TIỄN

PGS.TS. PHẠM DUY ĐỨC - PGS.TS. VŨ THỊ PHƯƠNG HẬU
(Đồng chủ biên)

VĂN HÓA TRONG CHÍNH TRỊ
VÀ VĂN HÓA
TRONG KINH TẾ Ở VIỆT NAM
MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN
VÀ THỰC TIỄN

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT
Hà Nội - 2019

TẬP THỂ TÁC GIẢ

PGS.TS. PHẠM DUY ĐỨC - PGS.TS. VŨ THỊ PHƯƠNG HẬU
(Đồng chủ biên)

GS.TS. CHU VĂN CẤP

PGS.TS. LÊ VĂN CƯƠNG

PGS.TS. NGUYỄN QUỐC DŨNG

PGS.TS. ĐOÀN THẾ HANH

PGS.TS. NGUYỄN NGỌC HÒA

PGS.TS. NGUYỄN THỊ XUÂN HƯƠNG

PGS.TS. LÊ HỒNG HUYỀN

PGS.TS. BÙI SỸ LỢI

PGS.TS. NGUYỄN TOÀN THẮNG

PGS.TS. HUỖNH VĂN THỐI

PGS.TS. NGUYỄN HỮU THỨC

PGS.TS. PHẠM MINH TUẤN

PGS.TS. VÕ VĂN THẮNG

TS. NGUYỄN VIỆT ANH

TS. BÙI THỊ KIM CHI

TS. LÊ THỊ HƯƠNG

TS. PHAN CÔNG KHANH

TS. NGUYỄN THỊ KIM LIÊN

TS. NGHIÊM THỊ THU NGÀ

TS. NGUYỄN HUY PHÒNG

TS. LƯƠNG HUYỀN THANH

TS. NGUYỄN THỊ TUYẾN

ThS. ĐÀO DUY ANH

ThS. NGUYỄN THỊ HẰNG

ThS. LÊ THỊ TRANG

ThS. ĐẶNG THỊ TUYẾT

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Để xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước, Nghị quyết Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI (năm 2014) đã xác định một nhiệm vụ đặc biệt quan trọng là “xây dựng văn hóa trong chính trị và kinh tế”¹. Đây là nhiệm vụ có vai trò to lớn trong việc xây dựng, xác lập và thực hành các giá trị chuẩn mực văn hóa, làm cho văn hóa thấm sâu và lan tỏa vào các lĩnh vực chính trị và kinh tế, từ đó, tác động tích cực đến toàn bộ đời sống văn hóa và môi trường văn hóa của đất nước. Đây cũng là một trong những nhiệm vụ có ý nghĩa quan trọng để nâng cao chất lượng và hiệu quả của hoạt động chính trị và kinh tế, góp phần xây dựng và hoàn thiện nhân cách con người Việt Nam, đồng thời tham gia tích cực vào cuộc đấu tranh chống sự suy thoái về tư tưởng, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ.

Để có thể xây dựng văn hóa trong chính trị và kinh tế một cách có chất lượng và hiệu quả, cần có sự nghiên cứu cả về cơ sở lý luận, quan điểm, đường lối của Đảng ta cũng như khảo sát, đánh giá thực trạng xây dựng văn hóa trong các lĩnh vực chính trị và kinh tế,

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương khóa XI*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2014, tr.53.

từ đó chỉ ra những quan điểm, giải pháp hữu ích để tiếp tục đẩy mạnh công tác này trong thời gian tới.

Nhằm giúp bạn đọc có thêm tài liệu tham khảo về những vấn đề trên, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật xuất bản cuốn sách ***Văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế ở Việt Nam - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn***. Cuốn sách là tổng hợp kết quả nghiên cứu của Đề tài khoa học cấp nhà nước *Văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế ở Việt Nam hiện nay - Thực trạng, vấn đề đặt ra và giải pháp*, mã số KX.04.18/16-20, thuộc Chương trình khoa học công nghệ trọng điểm cấp quốc gia *Nghiên cứu khoa học lý luận chính trị giai đoạn 2016 - 2020*, mã số KX.04/16-20.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách cùng bạn đọc.

Tháng 12 năm 2019

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

LỜI NÓI ĐẦU

Trong sự nghiệp đổi mới đất nước vì mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”, Đảng ta xác định văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là động lực, là sức mạnh nội sinh quan trọng để xây dựng và phát triển bền vững đất nước. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng đã xác định một nhiệm vụ quan trọng là: “*Xây dựng văn hóa trong chính trị và kinh tế*. Chú trọng chăm lo xây dựng văn hóa trong Đảng, trong các cơ quan nhà nước và các đoàn thể; coi đây là nhân tố quan trọng để xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh. Thường xuyên quan tâm xây dựng văn hóa trong kinh tế. Xây dựng văn hóa doanh nghiệp, văn hóa doanh nhân với ý thức tôn trọng, chấp hành pháp luật, giữ chữ tín, cạnh tranh lành mạnh vì sự phát triển bền vững của đất nước, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”¹. Trong quá trình triển khai nghiên cứu đề tài khoa học *Văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế ở Việt Nam hiện nay - Thực trạng, vấn đề đặt ra và giải pháp*, mã số KX.04.18/16-20 thuộc Chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm cấp quốc gia *Nghiên cứu khoa học lý luận chính trị*

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016, tr.128.

giai đoạn 2016 - 2020, mã số KX.04/16-20, Ban Chủ nhiệm đề tài đã đúc kết được một số kết quả nghiên cứu và trân trọng giới thiệu với độc giả quan tâm về vấn đề này.

Cuốn sách *Văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế ở Việt Nam - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn* chất lọc kết quả nghiên cứu với những vấn đề lý luận về văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế; khảo sát, đánh giá thực trạng văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế ở nước ta trong thời kỳ đổi mới, đề xuất mục tiêu, quan điểm, nhiệm vụ và giải pháp để tiếp tục đẩy mạnh xây dựng văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế trong giai đoạn tới.

Chúng tôi xin trân trọng cảm ơn Ban Chủ nhiệm Chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm cấp quốc gia *Nghiên cứu lý luận chính trị giai đoạn 2016 - 2020*, mã số KX.04/16-20; Bộ Khoa học và Công nghệ; Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh; Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật; Viện Văn hóa và Phát triển - Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, đặc biệt là cảm ơn các nhà khoa học đã tham gia nghiên cứu, thẩm định và góp ý để chúng tôi hoàn thành cuốn sách này.

Xin trân trọng giới thiệu và mong được sự trao đổi của bạn đọc về những vấn đề cùng quan tâm trong cuốn sách này.

BAN CHỦ NHIỆM
ĐỀ TÀI KX.04.18/16-20

Chương I

CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN NGHIÊN CỨU VĂN HÓA TRONG CHÍNH TRỊ VÀ VĂN HÓA TRONG KINH TẾ Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

I- CƠ SỞ LÝ LUẬN

1. Một số khái niệm cơ bản

a) Khái niệm văn hóa

Văn hóa là một khái niệm mang tính đa nghĩa gắn liền với tất cả các hoạt động sống của con người, từ hoạt động sản xuất vật chất đến hoạt động tinh thần, từ hoạt động của cá nhân tới hoạt động của cộng đồng, phản ánh sức sáng tạo hướng tới các giá trị nhân văn, thúc đẩy sự tiến bộ xã hội. Văn hóa là một phẩm chất đặc hữu chỉ thấy ở con người, nó là dấu hiệu để phân biệt con người và động vật. Đồng thời văn hóa là dấu hiệu đặc trưng của tổ chức xã hội loài người, do quá trình học hỏi, tích lũy được mà có, khác với tổ chức của loài vật kế thừa theo bản năng sinh học.

E.B.Taylor trong công trình *Văn hóa nguyên thủy* (*Primitive Culture*, 1871) lần đầu tiên đã đưa ra định nghĩa về văn hóa: “Văn hóa hay văn minh, theo nghĩa rộng về tộc người học, nói chung gồm có tri thức, tín ngưỡng, nghệ thuật, đạo đức, luật pháp, tập quán và một số năng lực và

thói quen khác được con người chiếm lĩnh với tư cách là một thành viên của xã hội”¹. Từ đó đến nay, các định nghĩa về văn hóa liên tục xuất hiện để nhằm giải quyết các vấn đề khác nhau trong nhận thức lý luận cũng như đáp ứng nhu cầu của thực tiễn. Nhìn một cách tổng quát, văn hóa được xác định là toàn bộ các giá trị vật chất và giá trị tinh thần do loài người sáng tạo ra nhằm mục đích phục vụ cho sự tồn tại và phát triển của loài người. Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Vì lẽ sinh tồn cũng như mục đích của cuộc sống, loài người mới sáng tạo và phát minh ra ngôn ngữ, chữ viết, đạo đức, pháp luật, khoa học, tôn giáo, văn học, nghệ thuật, những công cụ cho sinh hoạt hằng ngày về ăn mặc, ăn, ở và các phương thức sử dụng. Toàn bộ những sáng tạo và phát minh đó tức là văn hóa. Văn hóa là sự tổng hợp của mọi phương thức sinh hoạt cùng với biểu hiện của nó mà loài người đã sản sinh ra nhằm thích ứng những nhu cầu đời sống và đòi hỏi của sự sinh tồn”².

Hội nghị quốc tế bàn về chính sách văn hóa họp tại Mêhicô từ ngày 26/7 đến ngày 26/8/1982 đã đưa ra một quan niệm chung về văn hóa: “Trong ý nghĩa rộng nhất, văn hóa là tổng thể những nét riêng biệt về tinh thần và vật chất, trí tuệ và cảm xúc quyết định tính cách của một xã hội hay một nhóm người trong xã hội. Văn hóa bao gồm nghệ thuật và văn chương, những lối sống, những quyền cơ bản của con người, những hệ thống các giá trị, những tập tục và tín ngưỡng. Văn hóa đem lại cho con người khả năng suy xét về

1. E.B.Taylor: *Văn hóa nguyên thủy*, Tủ sách văn hóa, Tạp chí Văn hóa nghệ thuật dịch và xuất bản, Hà Nội, 2000, tr.13.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.3, tr.458.

bản thân. Chính văn hóa làm cho chúng ta trở thành những sinh vật đặc biệt nhân bản, có lý tính, có óc phê phán và dẫn thân một cách đạo lý”¹.

Khái quát lại có ba cách quan niệm về văn hóa: *Cách thứ nhất* quan niệm văn hóa như là thuộc tính bản chất của con người, chỉ toàn bộ năng lực lao động sáng tạo của con người hướng tới cái đúng, cái tốt và cái đẹp (khoa học, đạo đức và thẩm mỹ) để thúc đẩy sự phát triển của xã hội và hoàn thiện nhân cách của con người. Ở đây, văn hóa là phạm trù chỉ chất lượng của sự sáng tạo trong hoạt động thực tiễn xã hội của con người (bao gồm cá nhân và cộng đồng). *Cách thứ hai* quan niệm văn hóa bao gồm toàn bộ các hoạt động sáng tạo tinh thần của con người, là một bộ phận của kiến trúc thượng tầng chịu sự quy định của cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội và có tác động năng động đối với cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội. Đây là quan niệm theo lý thuyết hình thái kinh tế - xã hội của C.Mác. *Cách thứ ba* là quan niệm văn hóa như một bộ phận trong cấu trúc tổng thể của xã hội bao gồm chính trị, kinh tế, văn hóa và xã hội (theo quan điểm của Hồ Chí Minh). Nhìn từ góc độ lý luận chính trị, ba cách quan niệm này đều giúp ích cho các chủ thể chính trị xác định vị trí và vai trò của văn hóa trong tương quan với các lĩnh vực khác như kinh tế, chính trị, xã hội trong quá trình xây dựng và phát triển đất nước phù hợp với hoàn cảnh lịch sử - cụ thể ở mỗi giai đoạn khác nhau.

1. *Tuyên bố về những chính sách văn hóa*, Hội nghị quốc tế do UNESCO chủ trì từ ngày 26/7 đến ngày 26/8/1982 tại Mêhicô. Dẫn theo Hoàng Vinh: *Mấy vấn đề lý luận và thực tiễn xây dựng văn hóa ở nước ta*, Viện Văn hóa, Nxb. Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, 1999, tr.42.

b) Khái niệm chính trị

- Chính trị (tiếng Anh: politic): Là một trong những lĩnh vực hoạt động chủ yếu của con người phản ánh mối quan hệ giữa các giai cấp, các dân tộc và các quốc gia về vấn đề giành, giữ, phát triển, tổ chức và sử dụng quyền lực nhà nước, là sự tham gia của người dân vào công việc của nhà nước và xã hội, là hoạt động chính trị thực tiễn của các đảng phái chính trị, các nhà nước nhằm tìm kiếm những khả năng thực hiện đường lối và mục tiêu chính trị để ra đáp ứng nhu cầu lợi ích của chế độ chính trị.

- Chế độ chính trị: Là nội dung, phương thức tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị quốc gia mà trung tâm là nhà nước. Chế độ chính trị được cấu thành bởi sự kết hợp giữa các yếu tố: chính trị, kinh tế - xã hội, tư tưởng, văn hóa, pháp luật. Chế độ chính trị được hiểu rõ nét trong mô hình tổ chức nhà nước, trong hiến pháp của mỗi nhà nước quy định về nguồn gốc và tính chất của quyền lực, sự phân bổ và tổ chức các cơ quan quyền lực, và mối quan hệ giữa các cơ quan quyền lực, về mối quan hệ giữa nhà nước với công dân, các đảng phái chính trị, các tổ chức xã hội, giữa các giai cấp và các tầng lớp xã hội, giữa các dân tộc trong nước và thế giới¹.

- Quyền lực chính trị: Là quyền sử dụng sức mạnh của một hay liên minh giai cấp và tập đoàn xã hội để đạt mục đích thống trị xã hội, thỏa mãn lợi ích của giai cấp và quốc gia. Đặc điểm của quyền lực chính trị là quyền lực của xã hội nhằm để giải quyết lợi ích của giai cấp, lợi ích của quốc gia, quốc tế, là khả năng áp đặt và thực thi các giải pháp phân bổ

1. Xem Hội đồng quốc gia chỉ đạo biên soạn Từ điển bách khoa Việt Nam: *Từ điển bách khoa Việt Nam*, Trung tâm biên soạn Từ điển bách khoa Việt Nam, Hà Nội, 1995, t.1, tr.432.

giá trị có lợi cho một giai cấp, là sức mạnh bạo lực có tổ chức của một giai cấp để trấn áp giai cấp khác.

- Hệ thống chính trị: Bao gồm toàn bộ các tổ chức chính trị, được lập ra để thực hiện quyền lực chung của xã hội - quyền lực chính trị. Đây là một chỉnh thể các tổ chức chính trị trong xã hội bao gồm các đảng chính trị, nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội hợp pháp được liên kết với nhau trong một hệ thống tổ chức nhằm tác động vào các quá trình của đời sống xã hội, để củng cố, duy trì và phát triển chế độ chính trị cho phù hợp với lợi ích của chủ thể giai cấp cầm quyền.

- Hệ thống chính trị Việt Nam: Là một chỉnh thể thống nhất theo mô hình nhà nước xã hội chủ nghĩa đơn đảng, giai cấp công nhân và nhân dân lao động làm chủ thể chân chính của quyền lực. Hệ thống chính trị ở Việt Nam bao gồm Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội. Trong đó, Đảng giữ vai trò lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ thông qua Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội.

c) Khái niệm kinh tế

Kinh tế là tổng thể các yếu tố sản xuất, các mối quan hệ trong quá trình sản xuất và tái sản xuất xã hội. Nói đến kinh tế là nói đến sở hữu và lợi ích kinh tế được phản ánh vào thu nhập.

Theo Wikipedia tiếng Việt: Kinh tế là tổng hòa các mối quan hệ tương tác lẫn nhau giữa con người và xã hội liên quan trực tiếp đến việc sản xuất, trao đổi, phân phối, tiêu dùng các loại sản phẩm hàng hoá và dịch vụ, nhằm thỏa mãn nhu cầu ngày càng cao của con người trong một xã hội với một nguồn lực có hạn.

Thể chế kinh tế là hệ thống những quy phạm pháp luật nhằm điều chỉnh các chủ thể kinh tế, các hành vi sản xuất kinh doanh và các quan hệ kinh tế. Thể chế kinh tế bao gồm các yếu tố chủ yếu: các đạo luật, chính sách, quy định, quy tắc... về kinh tế gắn với các chế tài xử lý hành vi vi phạm, các tổ chức kinh tế, cơ chế vận hành nền kinh tế.

Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là nền kinh tế vừa tuân theo quy luật của kinh tế thị trường, vừa chịu sự chi phối của các yếu tố bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa.

Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII đã khẳng định: “Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa mà nước ta xây dựng là nền kinh tế vận hành đầy đủ, đồng bộ theo các quy luật của kinh tế thị trường, đồng thời bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa phù hợp từng giai đoạn phát triển của đất nước; là nền kinh tế thị trường hiện đại và hội nhập quốc tế, có sự quản lý của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, nhằm mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”¹.

d) Quan niệm về văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế

Văn hóa trong chính trị là quá trình xác lập và thực hành các giá trị văn hóa (cái đúng (chân), cái tốt (thiện), cái đẹp (mỹ)) trong bộ máy tổ chức và hoạt động chính trị, cả trong chấp chính (lãnh đạo và cầm quyền của đảng, quản lý điều

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, tr.30.

hành của nhà nước, kiểm tra, giám sát quyền lực của nhân dân), lẫn tham chính (tham gia đời sống chính trị của cán bộ, công chức, công dân và mọi người dân) với vai trò, vị thế, thẩm quyền và trách nhiệm, nghĩa vụ khác nhau, phối hợp với từng đối tượng của chủ thể. Văn hóa trong chính trị biểu hiện tập trung ở trình độ dân chủ hóa chính trị, bảo đảm quyền con người trong phát triển. Đồng thời, văn hóa trong chính trị biểu hiện ở con người - chủ thể của tổ chức chính trị và hoạt động chính trị, nhân tố quyết định văn hóa trong đảng, cơ quan nhà nước và các tổ chức chính trị, trong đó đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức giữ vai trò nòng cốt. Văn hóa chính trị không chỉ liên quan đến kỷ luật chính trị, đạo đức chính trị mà còn quan hệ chặt chẽ với phong cách chính trị. Phong cách chính trị dân chủ, quần chúng, nêu gương chính trị là phong cách của cán bộ lãnh đạo, quản lý cần được xây dựng hiện nay.

Văn hóa trong kinh tế là quá trình xây dựng và thực hành các giá trị văn hóa trong tổ chức và cá nhân tham gia hoạt động kinh tế nhằm nâng cao tính sáng tạo, tính nhân văn trong kinh tế, khắc phục những mặt trái do kinh tế thị trường tạo ra. Văn hóa trong kinh tế là khẳng định cái đúng (chân), cái tốt (thiện), cái đẹp (mỹ) của sự phát triển kinh tế, chú trọng các giá trị pháp lý và giá trị đạo lý trong hoạt động kinh tế, phấn đấu làm giàu vì sự phồn vinh của đất nước, nâng cao năng lực sáng tạo và cạnh tranh, đề cao tinh thần chia sẻ, trách nhiệm xã hội và đạo đức nghề nghiệp. Văn hóa trong kinh tế được biểu hiện trong tư duy chiến lược và phát triển kinh tế quốc gia, thể hiện trong đường lối phát triển kinh tế, trong văn hóa doanh nghiệp, văn hóa doanh nhân và sự tham gia của người dân vào hoạt động kinh tế.

2. Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế

a) Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế

- Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về văn hóa trong chính trị:

Trong nhận thức lý luận cũng như trong hoạt động thực tiễn, các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lênin luôn luôn đề cao văn hóa trong chính trị nói chung, văn hóa trong lãnh đạo chính trị nói riêng. Vấn đề đầu tiên mà chủ nghĩa Mác - Lênin quan tâm là bàn đến vai trò của văn hóa đối với lĩnh vực chính trị.

Trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, C.Mác và Ph.Ăngghen đã nêu rõ: “Vậy là về mặt thực tiễn, những người cộng sản là bộ phận kiên quyết nhất trong các đảng công nhân ở tất cả các nước, là bộ phận luôn luôn thúc đẩy phong trào tiến lên về mặt lý luận, họ hơn bộ phận còn lại của giai cấp vô sản ở chỗ là họ hiểu rõ những điều kiện, tiến trình và kết quả chung của phong trào vô sản”¹.

Như vậy, C.Mác và Ph.Ăngghen đã đặt ra yêu cầu rất cao đối với Đảng Cộng sản trong sự nghiệp lãnh đạo cách mạng. Tầm văn hóa trong chính trị của Đảng Cộng sản ở đây đòi hỏi Đảng Cộng sản phải có năng lực: “Hiểu rõ những điều kiện, tiến trình và kết quả chung” của phong trào cách mạng, nắm vững quy luật và hành động theo quy luật của cách mạng.

1. C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.4, tr.614-615.

Theo C.Mác và Ph.Ăngghen, văn hóa trong chính trị được hiểu trước hết là tri thức lý luận chính trị để cải tạo thế giới. Hai ông đã nhận xét: “Công nhân đã có một trong những yếu tố thành công là số lượng. Nhưng số lượng chỉ giải quyết được vấn đề khi quần chúng được tổ chức lại và được sự hiểu biết chỉ đạo”¹.

C.Mác đã khẳng định sức mạnh của hệ tư tưởng, của lý luận cách mạng, một bộ phận trọng yếu của văn hóa trong chính trị: “vũ khí của sự phê phán cố nhiên không thể thay thế được sự phê phán của vũ khí, lực lượng vật chất cũng chỉ có thể bị đánh đổ bằng lực lượng vật chất; nhưng lý luận cũng sẽ trở thành lực lượng vật chất, một khi nó thâm nhập vào quần chúng”². Mặt khác, C.Mác cũng đã cảnh báo rằng: “Sự ngu dốt là sức mạnh ma quỷ và chúng ta lo rằng nó sẽ còn là nguyên nhân của nhiều bi kịch”³.

Đề cao vai trò của văn hóa trong việc vận động và thức tỉnh giai cấp công nhân và nhân dân lao động về trí tuệ của mình trong cuộc đấu tranh giải phóng khỏi áp bức, bóc lột của chủ nghĩa tư bản và xây dựng xã hội mới, C.Mác và Ph.Ăngghen đã yêu cầu đội ngũ trí thức của Đảng “phải tiến hành tranh luận, thuyết minh, phát triển và bảo vệ những lợi ích của Đảng, bác bỏ và đánh bại các luận điệu huênh hoang của Đảng đối địch”⁴.

Là người kế tục thiên tài sự nghiệp vĩ đại của C.Mác và Ph.Ăngghen, V.I.Lênin đặc biệt coi trọng vai trò của văn hóa trong chính trị, trước hết là vai trò của hệ thống lý luận

1. C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.16, tr.21.

2, 3. C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.1, tr.580, 166.

4. C.Mác, Ph.Ăngghen và V.I.Lênin: *Về văn học và nghệ thuật*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1977, tr.287.

chính trị. V.I.Lênin đã khẳng định: “Không có lý luận cách mạng thì cũng không thể có phong trào cách mạng”¹. Đối với tổ chức đảng, V.I.Lênin cho rằng: “*chỉ đảng nào được một lý luận tiên phong hướng dẫn thì mới có khả năng làm tròn vai trò chiến sĩ tiên phong*”². Ông nhấn mạnh: “Không thể có một đảng xã hội chủ nghĩa vững mạnh, nếu không có lý luận cách mạng để đoàn kết tất cả những người xã hội chủ nghĩa lại, để họ rút ra từ trong lý luận đó tất cả những tín hiệu của họ và đem áp dụng lý luận đó vào những phương pháp đấu tranh và phương sách hành động của họ”³.

Đánh giá cao vai trò của chủ nghĩa Mác đối với cuộc đấu tranh cách mạng của giai cấp công nhân, V.I.Lênin đã rút ra nhận xét xác đáng: Chủ nghĩa Mác khác tất cả các lý luận xã hội chủ nghĩa khác ở chỗ nó kết hợp một cách tài tình sáng suốt khoa học hoàn toàn trong việc phân tích tình hình khách quan và sự tiến hóa khách quan, với việc thừa nhận một cách hết sức dứt khoát tác dụng của nghị lực cách mạng, tính sáng tạo cách mạng và tính chủ động cách mạng của quần chúng, và dĩ nhiên là cả của những cá nhân, những tập đoàn, những tổ chức và những chính đảng biết phát hiện và thực hiện được sự liên hệ với những giai cấp này hoặc giai cấp khác.

Mặc dù đề cao chủ nghĩa Mác nhưng Lênin không tuyệt đối hóa chủ nghĩa Mác như một công thức giáo điều bất định mà ông cho rằng: “Chúng ta không hề coi lý luận của Mác như một cái gì đã xong xuôi hẳn và bất khả xâm phạm;

1, 2. V.I.Lênin: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, t.6, tr.30, 32.

3. V.I.Lênin: *Toàn tập*, *Sdd*, t.4, tr.232.

trái lại, chúng ta tin rằng lý luận đó chỉ đặt nền móng cho môn khoa học mà những người xã hội *cần phải* phát triển hơn nữa về mọi mặt, nếu họ không muốn trở thành lạc hậu đối với cuộc sống”¹. Điều này hoàn toàn đúng, đặc biệt là trong bối cảnh tình hình chính trị, kinh tế, văn hóa đang có nhiều biến đổi sâu sắc như hiện nay.

V.I.Lênin luôn luôn mong muốn và tin tưởng Đảng Cộng sản phải trở thành “trí tuệ, danh dự và lương tâm của thời đại chúng ta”². Đây chính là các giá trị văn hóa đã thấm sâu vào trong đời sống chính trị để Đảng Cộng sản trở thành biểu tượng tinh hoa của xã hội, có sứ mệnh lãnh đạo và dẫn dắt sự phát triển xã hội vươn tới sự cao đẹp. V.I.Lênin nhấn mạnh: “Chỉ có đảng cộng sản, nếu nó thực sự là đội tiên phong của giai cấp cách mạng, nếu nó bao gồm những đại biểu ưu tú nhất của giai cấp đó, nếu nó gồm tất cả những chiến sĩ cộng sản hoàn toàn có ý thức và trung thành, có học vấn và được tôi luyện bằng kinh nghiệm đấu tranh cách mạng bền bỉ, nếu nó biết gắn mình với toàn bộ cuộc sống của giai cấp mình và thông qua giai cấp đó, gắn liền với tất cả quần chúng bị bóc lột, và biết làm cho giai cấp và quần chúng đó tin tưởng hoàn toàn vào mình, - chỉ có một đảng như vậy mới có thể lãnh đạo được giai cấp vô sản trong cuộc đấu tranh cuối cùng, kiên quyết nhất, thẳng tay nhất chống lại tất cả mọi thế lực của chủ nghĩa tư bản”³.

V.I.Lênin nhận thức rất rõ tác động to lớn của văn hóa đối với chính trị. Ông đã tuyên bố: “*Toàn bộ quan điểm của*

1. V.I.Lênin: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.232.

2. V.I.Lênin: *Toàn tập, Sđd*, t.34, tr.122.

3. V.I.Lênin: *Toàn tập, Sđd*, t.41, tr.227.

*chúng ta về chủ nghĩa xã hội đã thay đổi trên căn bản. Sự thay đổi trên căn bản đó là ở chỗ: chúng ta đã đặt và không thể không đặt trọng tâm vào đấu tranh chính trị, vào cách mạng, vào việc giành lấy chính quyền, v.v.. Ngày nay, trọng tâm ấy đang chuyển dần sang công tác tổ chức “văn hóa”*¹.

Tổng kết kinh nghiệm lịch sử, V.I.Lênin đã rút ra nhận xét hoàn toàn xác đáng về sức mạnh riêng của văn hóa trong chính trị mà không có lĩnh vực nào có thể thay thế được: “Trong cuộc cách mạng trước kia thường bị diệt vong là vì công nhân không biết giữ bằng một nền *chuyên chính cứng rắn*, và họ cũng không hiểu được rằng chỉ bằng một việc chuyên chính, chỉ bằng bạo lực, bằng cưỡng bách không thôi, thì không thể giữ vững được. Người ta chỉ có thể giữ vững cuộc cách mạng ấy bằng cách lấy tất cả *kinh nghiệm, văn hóa và kỹ thuật của chủ nghĩa tư bản*, tiến bộ, bằng cách thu nạp tất cả những người đó làm việc cho họ”².

Khi bàn đến văn hóa trong chính trị, không thể không đề cập văn hóa trong tổ chức bộ máy nhà nước. V.I.Lênin đã chỉ rõ những yếu kém trong bộ máy nhà nước Xôviết sau Cách mạng Tháng Mười: “Tình hình bộ máy nhà nước của ta rất đáng buồn, nếu không muốn nói là rất tồi tệ, đến nỗi trước hết chúng ta phải suy nghĩ nghiêm chỉnh xem nên khắc phục những khuyết điểm của bộ máy ấy như thế nào; và đừng quên rằng những khuyết điểm đó bắt nguồn từ quá khứ, quá khứ này tuy đã bị lật đổ, nhưng chưa bị tiêu diệt, nó chưa phải là một giai đoạn văn hóa đã hết thời từ lâu. Tôi sẵn lòng đặt ra đây chính ngay vấn đề văn hóa, vì về mặt này,

1, 2. V.I.Lênin: *Về văn hóa và cách mạng văn hóa*, Nxb. Tiến bộ, Mátxcơva, tr.153, 73.

chỉ có cái gì đã ăn sâu vào đời sống văn hóa, vào phong tục, tập quán, mới có thể coi là đã được thực hiện”¹. Để đổi mới bộ máy nhà nước, V.I.Lênin đã nhấn mạnh đến nhiệm vụ học tập: “Muốn đổi mới bộ máy nhà nước của chúng ta, phải cố hết sức tự đặt cho mình nhiệm vụ sau đây: một là học tập, hai là học tập mãi, và sau nữa, phải làm sao cho học thức ở nước ta không nằm trên giấy hoặc là một lời nói theo mốt nữa (điều này, phải thú thực là thường hay xảy ra ở nước ta), phải làm sao cho học thức thật sự ăn sâu vào trí não, hoàn toàn và thực tế trở thành một bộ phận khăng khít của cuộc sống của chúng ta”².

V.I.Lênin cho rằng, *uy tín chính trị* của Đảng và của Nhà nước Xôviết là ở *sự trung thực*, là sự nhất quán giữa *lời nói* và *việc làm*. Người cho rằng, giai cấp vô sản và nhân dân cần *biết sự thật*, và chẳng có gì tệ hại hơn cho sự nghiệp cách mạng bằng những lời dối trá có vẻ đẹp đẽ và êm tai của bọn tiểu tư sản.

Nâng cao trình độ văn hóa của nhân dân là một trong những nhiệm vụ bức thiết nhất mà V.I.Lênin đã luôn luôn nhấn mạnh, vì theo ông: “Một người không biết chữ là người đứng ngoài chính trị”³.

Để nâng cao văn hóa trong chính trị, V.I.Lênin không chỉ đề cao vai trò của học tập, của giáo dục mà Người còn rất chú ý đến khoa học, đề nghị những người cộng sản phải có thái độ tôn trọng khoa học: “*Phải biết quý trọng khoa học, gạt bỏ thái độ huênh hoang “cộng sản” của những nhà tài tử và những anh chàng quan liêu, phải học tập làm việc*

1, 2. V.I.Lênin: *Toàn tập, Sđd*, t.45, tr.442-443, 444.

3. V.I.Lênin: *Toàn tập, Sđd*, t.44, tr.218.

*một cách có hệ thống, sử dụng chính ngay kinh nghiệm của mình và thực tiễn của mình*¹. Đồng thời, ông cho rằng có ba kẻ thù chính đối với đảng viên, tổ chức đảng và bộ máy nhà nước là: “kẻ thù thứ nhất - tính kiêu ngạo cộng sản chủ nghĩa; kẻ thù thứ hai - nạn mù chữ; kẻ thù thứ ba - nạn hối lộ”².

Để nâng cao văn hóa trong chính trị, V.I.Lênin yêu cầu những người cộng sản “phải biết học tập kẻ thù của mình”³. Theo ông: “Cần phải giành lấy toàn bộ nền văn hóa mà chủ nghĩa tư bản đã để lại, và xây dựng chủ nghĩa xã hội bằng nền văn hóa ấy. *Cần phải giành lấy toàn bộ nền khoa học, kỹ thuật, toàn bộ tri thức, nghệ thuật*. Không có những thứ đó, chúng ta không thể nào xây dựng được một cuộc sống của chủ nghĩa cộng sản được”⁴. Đồng thời V.I.Lênin cũng kiên quyết phê phán thái độ rập khuôn máy móc, chạy theo “mốt” và sùng bái phương Tây, mất *phương hướng chính trị* cũng như mục tiêu thực tiễn.

Để xây dựng văn hóa trong chính trị, V.I.Lênin đặc biệt nhấn mạnh đến vai trò lãnh đạo cách mạng của Đảng Cộng sản. Đây là yêu cầu sống còn đối với sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa. V.I.Lênin đã khẳng định: Đảng có thể phù hợp hoặc nhiều, hoặc ít với lợi ích của giai cấp mình, nó thường phải trải qua những đổi thay sửa đổi này hay sửa đổi khác. Song chúng ta không thấy có một hình thức nào tốt hơn. Đồng thời, V.I.Lênin cũng chỉ rõ: Toàn bộ những kinh nghiệm của chúng ta chỉ rõ ràng đó là vấn đề cực kỳ hệ trọng, bởi vậy việc công nhận vai trò lãnh đạo của Đảng là

1, 2. V.I.Lênin: *Toàn tập, Sđd*, t.44, tr.217.

3, 4. V.I.Lênin: *Về văn hóa và cách mạng văn hóa, Sđd*, tr.38.

việc không một phút nào xao lãng, và chúng ta không được quên khi thảo luận về hoạt động và xây dựng tổ chức.

Nhìn lại một cách khái quát quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về văn hóa trong chính trị, chúng ta nhận thấy các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lênin đã đặc biệt quan tâm đến vai trò của giá trị tư tưởng lý luận trong chính trị của Đảng Cộng sản, đề cao vai trò của tri thức, của khoa học, của các giá trị đạo đức như niềm tin, sự trung thực trong việc bảo đảm uy tín chính trị của Đảng và Nhà nước, của tinh thần tự phê phán nhằm khắc phục những thói quen, tập quán bảo thủ, lạc hậu cản trở sự phát triển của cách mạng. Những chỉ dẫn trên đây của các nhà kinh điển chủ nghĩa Mác - Lênin là cơ sở để chúng ta tiếp tục đi sâu nghiên cứu về văn hóa trong chính trị ở Việt Nam hiện nay.

- Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về văn hóa trong kinh tế:

Theo lý thuyết về hình thái kinh tế - xã hội, văn hóa là một bộ phận của thượng tầng kiến trúc, chịu sự tác động của cơ sở hạ tầng kinh tế - kỹ thuật. Theo C.Mác và Ph.Ăngghen, khi tìm hiểu về văn hóa trong kinh tế và văn hóa trong chính trị cần chú ý các mối quan hệ cơ bản sau:

Thứ nhất là mối quan hệ giữa văn hóa và kinh tế. Đây là biểu hiện tập trung của quan hệ giữa vật chất và ý thức, giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội, giữa sản xuất vật chất và sản xuất tinh thần. Ở đây, cần phải nhận thức sâu sắc và toàn diện về mối *quan hệ biện chứng* và quan điểm *lịch sử - cụ thể* khi xem xét mối quan hệ này. Theo C.Mác: Để nghiên cứu mối liên hệ giữa sản xuất tinh thần và sản xuất vật chất, trước tiên cần phải xem xét ngay bản thân nền sản

xuất vật chất này không phải với tư cách là một phạm trù phổ biến, mà là dưới một hình thức lịch sử nhất định: “Ví dụ, phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa phù hợp với một loại sản xuất tinh thần khác với phương thức sản xuất thời trung cổ. Nếu không lấy bản thân nền sản xuất vật chất dưới cái hình thái *lịch sử đặc thù* của nó, thì không thể nào hiểu được những nét đặc trưng của nền sản xuất tinh thần thích ứng với nó và sự tác động qua lại giữa hai cái đó... từ một hình thái sản xuất vật chất nhất định sẽ toát ra, thứ nhất, một cơ cấu xã hội nhất định, thứ hai, một quan hệ nhất định giữa con người với thiên nhiên. Chế độ nhà nước của họ và phương thức sinh hoạt tinh thần của họ đều do cả hai cái đó quyết định. Do đó, điều ấy cũng quyết định cả cái tính chất của nền sản xuất tinh thần của họ”¹.

C.Mác đã khẳng định bước chuyển từ dạng sản xuất tinh thần này sang dạng khác, từ trình độ phát triển văn hóa tương đối thấp lên cao hơn là kết quả tất yếu của sự thay đổi phương thức sản xuất do sự phát triển của lực lượng sản xuất quyết định. Nhưng mặt khác, mối quan hệ này không phải là mối quan hệ cơ học đơn giản mà là một quá trình diễn biến phức tạp vì sự tiến bộ văn hóa và sự phát triển của sản xuất tinh thần không chỉ chịu sự tác động trực tiếp của sản xuất vật chất, của cơ sở kinh tế mà còn chịu sự tác động của các thành tố khác nhau trong kiến trúc thượng tầng như hệ tư tưởng, chính trị, tôn giáo, pháp luật, giáo dục, nghệ thuật, v.v..

Mặt khác, theo C.Mác: Sự phát triển văn hóa tinh thần bị quy định bởi nhân tố kinh tế, nhưng đến lượt mình, văn hóa

1. C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.26, ph.I, tr.394-395.

tinh thần lại có tác động tích cực hoặc tiêu cực đối với sự phát triển kinh tế.

Nghiên cứu về mối quan hệ giữa văn hóa và kinh tế, C.Mác và Ph.Ăngghen đã rút ra kết luận: “những điều kiện kinh tế xét cho cùng quy định sự phát triển lịch sử. Bản thân chủng tộc là một yếu tố kinh tế. Nhưng ở đây không nên quên hai điều:

a) Sự phát triển của chính trị, pháp luật, triết học, tôn giáo, văn học, nghệ thuật v.v. đều dựa trên cơ sở sự phát triển kinh tế. Nhưng tất cả chúng cũng có ảnh hưởng lẫn nhau và ảnh hưởng đến cơ sở kinh tế. Vấn đề hoàn toàn không phải là chỉ có hoàn cảnh kinh tế mới là *nguyên nhân*, chỉ có nó là *tích cực*, còn tất cả những cái còn lại đều là hậu quả thụ động. Không, ở đây tác động qua lại trên cơ sở tất yếu kinh tế, *xét cho cùng* bao giờ cũng mở đường đi cho mình. Chẳng hạn, nhà nước ảnh hưởng bằng thuế quan bảo hộ, tự do buôn bán, chính sách thuế tốt hoặc xấu. Ngay cả sự mệt mỏi tột độ và sự bất lực của người tiểu thị dân Đức - do hoàn cảnh kinh tế thảm hại của nước Đức trong thời kỳ từ năm 1648 đến năm 1830 quy định và biểu hiện trước hết ở giáo phái Kiền thành, sau đó ở sự đa cảm và ở sự luôn cúi như nô lệ đối với các quận vương và tầng lớp quý tộc, - cũng không phải không có ảnh hưởng đến kinh tế. Đó là một trong những trở ngại lớn nhất đối với sự hưng thịnh mới, và trở ngại này chỉ bị lay chuyển do các cuộc chiến tranh cách mạng và các cuộc chiến tranh Napôlêông đã làm cho sự nghèo khổ kinh niên trở thành gay gắt. Do đó, tình hình kinh tế không tác động một cách tự động - như một số người tưởng tượng cho tiện, - mà chính con người làm ra lịch sử của mình, nhưng

trong một hoàn cảnh nhất định, quy định họ, trên cơ sở các quan hệ thực hiện hữu, trong đó các điều kiện kinh tế, dù những điều kiện khác - các điều kiện chính trị và tư tưởng - ảnh hưởng đến chúng mạnh mẽ đến đâu, - xét cho cùng vẫn là có tính chất quyết định và tạo thành sợi chỉ đỏ xuyên suốt toàn bộ sự phát triển và chỉ có nó mới dẫn tới chỗ hiểu được sự phát triển ấy.

b) Chính con người làm ra lịch sử của mình, nhưng cho tới nay họ đã làm ra lịch sử ấy mà không tuân theo một ý chí chung, theo một kế hoạch chung thống nhất và thậm chí cũng phải trong khuôn khổ một xã hội nhất định, bị hạn chế một cách nhất định. Những mong muốn của họ đan xen lẫn nhau, vì vậy trong tất cả những xã hội như vậy, *tính tất yếu* thống trị, mà cái bổ sung và hợp tác biểu hiện của tính tất yếu ấy là *tính ngẫu nhiên*. Tính tất yếu xuyên qua toàn bộ tính ngẫu nhiên ở đây, - xét đến cùng lại vẫn là tính tất yếu kinh tế”¹.

Tuy nhiên, đứng trước tình trạng một số người mácxít trẻ đã ngộ nhận và cho rằng chỉ có kinh tế là nguyên nhân duy nhất và có tác dụng tích cực, còn các hoạt động ý thức khác đều đóng vai trò thụ động, Ph.Ăngghen đã kịp thời chấn chỉnh lại trong thư ông gửi cho I.Bolôkhơ vào ngày 22/9/1890. Ông viết: “C.Mác và bản thân tôi là có lỗi khi một số bạn trẻ thỉnh thoảng quá nhấn mạnh mặt kinh tế. Trong cuộc đấu tranh chống lại kẻ thù, chúng tôi buộc phải nhấn mạnh nguyên tắc chủ yếu và nguyên tắc đó đang bị họ bác bỏ, và chúng tôi không phải lúc nào cũng có thời gian, điều kiện để

1. C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.39, tr.271-272.

chứng minh những tác động của nhân tố còn lại”. Trong thư gửi V.Bacquix ngày 25/01/1894, Ph.Ăngghen viết: “Sự phát triển của chính trị, luật pháp, tôn giáo, văn học và nghệ thuật... đều xây dựng trên cơ sở phát triển kinh tế. Nhưng tất cả chúng đều tác động lẫn nhau và tác động đến cơ sở kinh tế”¹.

Như vậy, theo quan điểm của C.Mác và Ph.Ăngghen, văn hóa vừa chịu quy định của kinh tế, vừa có tác động đối với kinh tế. Mối quan hệ ở đây là mối quan hệ biện chứng, gắn bó hữu cơ với nhau.

Thứ hai, khi nghiên cứu về văn hóa trong kinh tế, C.Mác và Ph.Ăngghen đã nhấn mạnh đến sự phát triển năng lực bản chất của con người tác động đến sự phát triển kinh tế. Trong sách *Bản thảo triết học*, C.Mác đã nhận xét: “Chúng ta nhận thấy lịch sử công nghiệp và sự tồn tại của nền công nghiệp là một quyển sách mở của lực lượng bản chất người”². Trong công trình khác, C.Mác và Ph.Ăngghen đã khẳng định: “Của cải là gì nếu không phải là sự biểu hiện tuyệt đối của những tài năng sáng tạo của con người, không cần tiên đề nào khác ngoài sự phát triển lịch sử đã có, sự phát triển vốn lấy cái chính thể của phát triển làm mục đích tư nhân, tức là mọi lực lượng bản chất người, bất chấp quy luật đã định”³.

Chính vì vậy, C.Mác và Ph.Ăngghen đã đi đến nhận xét: “Căn cứ vào mức độ tự nhiên được con người biến thành bản chất người, tức là mức độ tự nhiên được con người

1. Dẫn theo Phạm Duy Đức (Chủ biên): *Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về văn hóa*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2008, tr.75.

2. C.Mác và Ph.Ăngghen: *Tác phẩm* (tiếng Nga), t.3, tr.3.

3. C.Mác và Ph.Ăngghen: *Tác phẩm* (tiếng Nga), t.16, ph.I, tr.476.

khai thác, cải tạo thì có thể xét được trình độ văn hóa chung của con người”¹.

Dựa theo các đoạn trích trên đây cho thấy, C.Mác và Ph.Ăngghen đã nhấn mạnh đến các lực lượng bản chất người bao gồm sức lao động và tài năng sáng tạo là nguồn gốc và động lực để tạo ra của cải, làm giàu cho xã hội. Lực lượng bản chất người này không phải là sản phẩm tự nhiên mà chúng được sinh ra và biến đổi do tác động của các mối quan hệ xã hội và trình độ phát triển văn hóa. Các lực lượng bản chất ấy được khách thể hóa thông qua hoạt động lao động và cải tạo thế giới của con người.

Giôn Échác (John Erhart) - nhà nghiên cứu người Đức nhận thấy trong hai tác phẩm *Gia đình thần thánh* và *Hệ tư tưởng Đức* của C.Mác và Ph.Ăngghen đã đặt đối lập hai quan niệm: “Lao động như một phạm trù kinh tế và lao động như hoạt động sáng tạo”² với nhau. Nếu phương diện kinh tế của lao động là sự sản xuất ra của cải vật chất thì phương diện văn hóa của lao động là sáng tạo - biểu hiện của các lực lượng bản chất người. Đó chính là quá trình sức sáng tạo được vật thể hóa trong hoạt động thích ứng và cải tạo thế giới, trong đó có bản thân con người.

C.Mác và Ph.Ăngghen đã khẳng định vai trò của nền văn hóa Hy Lạp và La Mã cổ đại, nền văn hóa Phục hưng và các thành tựu của nền văn hóa Khai sáng (thế kỷ XVIII) trong sự phát triển của lịch sử loài người. Các ông đã khẳng

1. C.Mác và Ph.Ăngghen: *Những tác phẩm thời trẻ* (tiếng Nga), Mátxcơva, 1956, tr.587.

2. Giôn Échác: *Những vấn đề văn hóa và hoạt động văn hóa* (tiếng Nga), Mátxcơva, 1969.

định các thành tựu về tư tưởng, khoa học, nghệ thuật đã góp phần tạo ra động lực để phát triển tư duy, đạo đức và tình cảm xã hội, thúc đẩy quá trình phát triển kinh tế - xã hội. C.Mác và Ph.Ăngghen đặc biệt quan tâm đến phát triển giáo dục trong chủ nghĩa cộng sản: “Công tác giáo dục sẽ làm cho những người trẻ tuổi có khả năng nắm vững nhanh chóng toàn bộ hệ thống sản xuất vật chất trong thực tiễn, làm cho họ có thể lần lượt chuyển từ ngành sản xuất này sang ngành sản xuất nọ, tùy theo nhu cầu của xã hội hoặc tùy theo sở thích của bản thân họ... làm cho những thành viên trong xã hội đó có khả năng sử dụng một cách toàn diện năng lực phát triển toàn diện của mình”¹.

Kế thừa và phát huy những quan điểm của C.Mác và Ph.Ăngghen vào trong thực tiễn xây dựng và phát triển nước Nga - Xôviết sau Cách mạng Tháng Mười năm 1917, V.I.Lênin đã nhận thức sâu sắc về tầm quan trọng của văn hóa trong phát triển kinh tế - xã hội. V.I.Lênin nhấn mạnh đến việc cần thiết phải thay đổi tư tưởng tâm lý, tập quán, thói quen của xã hội trên sự áp bức, bóc lột của chủ nghĩa tư bản để chuyển sang xây dựng chế độ xã hội mới tốt đẹp và nhân văn hơn, trong đó vai trò của giáo dục chiếm vị trí đặc biệt quan trọng.

V.I.Lênin xác định nhiệm vụ của nền giáo dục mới là phải tổ chức lại hệ thống giáo dục quốc dân, xây dựng hệ thống các cơ quan văn hóa - giáo dục, xây dựng nhà trường theo nguyên tắc mới là phải đem lại cho thanh niên những kiến thức cơ bản về khoa học và tinh thần cộng sản.

1. C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.475.

Trong khi thực hiện Chính sách kinh tế mới, V.I.Lênin nhận thức sâu sắc hơn về vai trò của văn hóa đối với phát triển kinh tế. Trong hầu hết các báo cáo chính trị quan trọng của mình, V.I.Lênin đều tập trung nhấn mạnh vào nhiệm vụ văn hóa. Theo Người: ““Mấu chốt lúc này” (mắt xích) = sự xa cách giữa các nhiệm vụ vĩ đại được giao phó và *sự nghèo nàn* không những về vật chất mà cả về *văn hóa*”¹. Đứng trước sự cản trở của những “cái ung nhọt của xã hội cũ” để lại như tệ quan liêu, nạn tham nhũng, thói lười biếng, lề mề, vô trách nhiệm, V.I.Lênin đã cho rằng: “Trên thực chất không thể dùng những thắng lợi quân sự và những cải cách chính trị để chữa khỏi cái ung nhọt ấy mà chỉ có nâng cao trình độ văn hóa lên mới có thể chữa khỏi được”². Theo ông, những trở ngại, khó khăn, những vấp vấp, chậm trễ trong tiến trình cách mạng đều có nguồn gốc sâu xa từ văn hóa, từ trình độ hiểu biết, trình độ văn hóa, khoa học kỹ thuật, ý thức xã hội chậm phát triển.

V.I.Lênin đã nhấn mạnh: “chúng ta buộc phải thừa nhận là toàn bộ quan điểm của chúng ta về chủ nghĩa xã hội đã thay đổi về căn bản. Sự thay đổi căn bản là ở chỗ... trọng tâm của chúng ta đã chuyển sang hoạt động giáo dục... nếu gác tình hình quốc tế ra mà chỉ nói đến quan hệ kinh tế trong nước của chúng ta thì trọng tâm công tác của chúng ta hiện nay quả thật là xoáy vào hoạt động giáo dục”³. V.I.Lênin đã cảnh báo những khó khăn trong điều kiện phát triển kinh tế hoàn toàn khác với việc giải quyết các nhiệm vụ quân sự và chính trị: “Có thể giải quyết các nhiệm vụ chính trị và quân sự

1, 3. V.I.Lênin: *Toàn tập, Sđd*, t.45, tr.474, 428.

2. V.I.Lênin: *Toàn tập, Sđd*, t.44, tr.215.

bằng cách đẩy mạnh nhiệt tình, ở một trình độ giác ngộ nhất định của công nhân và nông dân. Tất cả họ đều hiểu rằng cuộc chiến tranh đế quốc chủ nghĩa giết hại họ; không cần phải nâng lên một trình độ giác ngộ mới, một trình độ tổ chức mới, họ cũng hiểu được điều đó. Tinh thần hăng say, tinh thần anh dũng, tinh thần xung phong đã giúp ta giải quyết những nhiệm vụ đó... nhưng ưu điểm đó ngày nay đã trở thành khuyết điểm nguy hiểm nhất của chúng ta. Chúng ta cứ nhìn lại đằng sau và cho rằng những nhiệm vụ kinh tế cũng có thể giải quyết theo cách ấy được. Nhưng chính sai lầm là ở chỗ đó: khi tình hình đã thay đổi và chúng ta phải giải quyết những nhiệm vụ thuộc loại khác, thì không nên nhìn lại đằng sau và sử dụng những phương pháp của ngày hôm qua”¹.

Như vậy, V.I.Lênin đã phát triển quan điểm về văn hóa trong kinh tế của C.Mác và Ph.Ăngghen vào thực tiễn lãnh đạo sự nghiệp cách mạng ở nước Nga Xôviết, phát huy giá trị văn hóa trong cuộc đấu tranh xây dựng, phát triển kinh tế, bảo đảm cơ sở vật chất vững chắc của chủ nghĩa xã hội. những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin về văn hóa trong kinh tế vẫn còn mang tính chất thời sự, có ý nghĩa lý luận và thực tiễn nhất định để triển khai nghiên cứu về văn hóa trong kinh tế ở Việt Nam hiện nay.

b) Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế

** Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa trong chính trị:*

Hồ Chí Minh là Anh hùng giải phóng dân tộc, nhà văn hóa kiệt xuất của dân tộc. Theo quan điểm của Người, văn

1. V.I.Lênin: *Toàn tập, Sđd*, t.44, tr.398.

hóa là những sáng tạo và phát minh ra các sản phẩm vật chất và tinh thần cũng như *phương thức sử dụng* các kết quả đó để đáp ứng nhu cầu sinh tồn và phát triển của con người. Điểm đặc sắc và độc đáo trong định nghĩa này là Hồ Chí Minh đã nhấn mạnh đến một vấn đề rất quan trọng là *phương thức sử dụng các kết quả của sự sáng tạo*. Chính phương thức sử dụng này là thước đo trình độ văn hóa của con người. Nếu phương thức sử dụng đúng, nó sẽ nhân đạo hóa con người; nếu phương thức sử dụng sai, nó sẽ làm tha hóa con người.

Chính vì hiểu theo nghĩa rộng này mà ngay từ năm 1942, Hồ Chí Minh đã phác họa năm nhiệm vụ của văn hóa Việt Nam là:

- 1) Xây dựng tâm lý: tinh thần độc lập tự cường;
- 2) Xây dựng luân lý: biết hy sinh mình, làm lợi cho quần chúng;
- 3) Xây dựng xã hội: Mọi sự nghiệp có liên quan đến phúc lợi của nhân dân trong xã hội;
- 4) Xây dựng chính trị: dân quyền;
- 5) Xây dựng kinh tế¹;

Như vậy, theo Hồ Chí Minh, văn hóa bao quát, thấm thấu và tác động tới toàn bộ hoạt động làm nên diện mạo của quốc gia, bao gồm cả tâm lý, luân lý, xã hội, chính trị, kinh tế. Từ tầm nhìn này, Hồ Chí Minh đã nhận rõ vai trò của văn hóa đối với sự phát triển của quốc gia, dân tộc. Người khẳng định: “Văn hóa phải soi đường cho quốc dân đi”². Tính khoa học, nhân văn và cách mạng của văn hóa đòi hỏi văn hóa

1. Xem Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.3, tr.458.

2. Xem Báo *Cứu quốc*, ngày 24/10/1946.

phải có trách nhiệm xã hội lớn lao trong việc “soi đường” cho quốc dân đi, phải đánh thức những khát vọng hướng tới cái đúng (khoa học), cái tốt (đạo đức), cái đẹp (thẩm mỹ) trong Nhân dân, tạo điều kiện để Nhân dân phát huy hết năng lực của mình trong công cuộc xây dựng cuộc sống mới ấm no, tự do, hạnh phúc.

Mục tiêu văn hóa trong chính trị được Hồ Chí Minh diễn đạt một cách giản dị, hàm súc và sâu sắc.

Về mối quan hệ giữa văn hóa và chính trị, Hồ Chí Minh đã nêu một luận điểm rất quan trọng là “Văn hóa ở trong chính trị”¹. Người khẳng định: “Văn hóa có liên lạc với chính trị rất mật thiết, nghĩa là văn hóa phải sửa đổi được tham nhũng, lười biếng, phù hoa xa xỉ. Tâm lý của ta lại muốn lấy độc lập tự do làm gốc, văn hóa phải làm thế nào cho cũng có lý tưởng tự chủ, độc lập, tự do, đồng thời văn hóa phải làm cho quốc dân có tinh thần vì nước quên mình, vì lợi ích chung mà quên lợi ích riêng”².

Đối với Nhân dân, Hồ Chí Minh xác định: “Văn hóa phải làm thế nào cho mỗi người dân Việt Nam từ già đến trẻ, cả đàn ông và đàn bà, ai cũng phải thể hiện nhiệm vụ của mình và biết hưởng cái hạnh phúc của mình nên được hưởng, số phận dân ta ở trong tay ta, văn hóa phải soi đường cho quốc dân đi”³.

Như vậy, văn hóa không đứng ngoài chính trị mà ở trong chính trị, gắn bó mật thiết với chính trị. Hồ Chí Minh nêu rõ: dân tộc bị áp bức thì văn hóa cũng không có tự do. Văn hóa muốn tự do thì phải tham gia giải phóng dân tộc. Chính trị có được giải phóng thì văn hóa mới được giải phóng.

1, 2, 3. Xem Báo *Cứu quốc*, ngày 24/10/1946.

Theo Hồ Chí Minh: “Văn hóa với chính trị có quan hệ chặt chẽ với nhau. Có chính trị mới có văn hóa, xưa kia chính trị bị đàn áp, nền văn hóa của ta vì thế không nảy sinh được”¹. Để phát huy vai trò của văn hóa trong chính trị, Hồ Chí Minh đề ra phương châm “Văn hóa hóa kháng chiến” và “Kháng chiến hóa văn hóa”. Văn hóa hóa kháng chiến có nghĩa là các binh chủng văn hóa và các hoạt động văn hóa phải tham gia tích cực vào cuộc kháng chiến để giành độc lập dân tộc. Kháng chiến hóa văn hóa là phải nâng cao trình độ của cuộc kháng chiến của dân tộc và nhân loại, khẳng định các giá trị chân chính và nhân văn của cuộc kháng chiến, thu phục nhân tâm, lôi cuốn được sự đồng tình ủng hộ của nhân dân cả nước và bạn bè quốc tế đối với sự nghiệp chính nghĩa của Nhân dân Việt Nam trong cuộc kháng chiến này. Như vậy, chính trị phải được đặt lên tầm văn hóa, hướng tới cái đúng (chân), cái tốt (thiện), cái đẹp (mỹ) để phục vụ chính nghĩa, phục vụ lợi ích chân chính của Nhân dân, của dân tộc, phù hợp với xu thế tiến bộ của thời đại. Như vậy, nói rộng ra đây là “văn hóa hóa chính trị”, văn hóa phải làm cho mục tiêu và hành động chính trị mang tính nhân văn, khoa học và dân chủ. Mặt khác chính trị cũng phải “hóa văn hóa”, chính trị cũng phải chuyển thành các giá trị và các hoạt động văn hóa để thâm nhập sâu sắc vào đời sống xã hội, thuyết phục Nhân dân thực hiện các mục tiêu chính trị và nhiệm vụ chính trị.

Cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã có nhận xét rất đúng rằng: “Tôi hình dung Hồ Chí Minh là *người đem lại ánh sáng, ánh sáng văn hóa, ánh sáng cách mạng* cho nhân dân ta và

1. Hồ Chí Minh: *Về văn hóa*, Bảo tàng Hồ Chí Minh, 1997, tr.10.

góp phần đem lại ánh sáng cho nhân dân nhiều nước khác, để xua tan bóng tối của chủ nghĩa thực dân, đế quốc, của dốt nát, đói nghèo, bệnh tật đè nặng lên cuộc sống của các dân tộc thiểu số bị áp bức”¹.

Nhà nghiên cứu Trần Bạch Đằng đã rút ra nhận xét sâu sắc về tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh: “Tư tưởng Hồ Chí Minh tất nhiên là tư tưởng chính trị, định hướng chính trị song mang đặc thù dễ phân biệt với các tư tưởng đương thời khác ở *phần lớn biểu hiện của tư tưởng dưới dạng văn hóa*. Nói cách khác, tư tưởng Hồ Chí Minh tác động vào xã hội như *một sức mạnh văn hóa, thuyết phục bằng cảm hóa*... Tự biểu hiện đến trình độ một nền văn hóa, tư tưởng Hồ Chí Minh thâm nhập vào xã hội, ảnh hưởng đến nếp nghĩ, nếp sống hàng chục triệu người, đến quan hệ cộng đồng, và đến sự tu thân cá nhân”². Sự chuyển hóa tư tưởng chính trị “*dưới dạng văn hóa*”, biến chính trị trở thành *sức mạnh của văn hóa*, thấm thấu vào đời sống tinh thần, tình cảm của xã hội là phương pháp chính trị độc đáo và đặc sắc của Hồ Chí Minh.

Hồ Chí Minh xác định rõ: “*Phải đem văn hóa lãnh đạo quốc dân để thực hiện độc lập, tự cường, tự chủ*”³. Trong Thư gửi các họa sĩ nhân triển lãm hội họa năm 1951, Hồ Chí Minh khẳng định: “Văn hóa nghệ thuật cũng là *một mặt trận*.”

1. Phạm Văn Đồng: *Hồ Chí Minh - Quá khứ, hiện tại và tương lai*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1991, tr.43.

2. Trần Bạch Đằng: *Tư tưởng Hồ Chí Minh - Sinh khí của một học thuyết, trong nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh*, Viện Hồ Chí Minh xuất bản, Hà Nội, 1993, t.2, tr.57-58.

3. Hồ Chí Minh: *Về công tác văn hóa, văn nghệ*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1971, tr.77.

Anh chị em là *chiến sĩ* trên mặt trận ấy.

Cũng như các chiến sĩ khác, chiến sĩ nghệ thuật có *nhiệm vụ* nhất định, tức là phục vụ kháng chiến, phụng sự Tổ quốc, phụng sự nhân dân”¹. Người còn lưu ý: “Chắc có người nghĩ: Cụ Hồ đưa nghệ thuật vào *chính trị*.

Đúng lắm. Văn hóa, nghệ thuật cũng như mọi hoạt động khác, không thể đứng ngoài, mà phải ở trong kinh tế và chính trị”². Chính Hồ Chí Minh đã khẳng định mục tiêu chính trị trong toàn bộ các tác phẩm của mình: “Về nội dung... tất cả những bài Bác viết chỉ có một “đề tài” là: chống thực dân đế quốc, chống phong kiến địa chủ, tuyên truyền độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội”³.

Như vậy, mục tiêu chính trị mà Hồ Chí Minh suốt đời phấn đấu là độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Đó là “ham muốn tột bậc” và là “đề tài duy nhất” mà Người theo đuổi suốt cuộc đời. Đó chính là tư tưởng chính trị nhân văn, hành động chính trị nhất quán ở Hồ Chí Minh để phấn đấu cho một đất nước Việt Nam hòa bình, dân chủ và giàu mạnh, “ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành”⁴.

Như vậy, hệ giá trị văn hóa trong chính trị mà Hồ Chí Minh đã hướng tới là độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, phấn đấu để giải phóng con người khỏi sự áp bức bóc lột về phương diện dân tộc, giai cấp và xã hội, đem lại tự do hạnh phúc cho Nhân dân. Giá trị văn hóa cốt lõi về chủ nghĩa xã hội mà Hồ Chí Minh quan tâm là dân giàu, nước mạnh: “Chủ nghĩa xã hội là làm sao cho dân giàu nước mạnh”⁵.

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.7, tr.246.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.12, tr.171.

4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.187.

5. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.10, tr.390.

Để xây dựng văn hóa trong chính trị, Hồ Chí Minh rất quan tâm đến việc nâng cao trình độ dân trí cho Nhân dân. Ngay sau khi chính quyền đã về tay Nhân dân, Hồ Chí Minh trên cương vị Chủ tịch lâm thời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa vừa được thành lập đã tuyên bố: “Chúng ta có nhiệm vụ cấp bách là phải giáo dục lại nhân dân chúng ta. Chúng ta phải làm cho dân tộc chúng ta trở nên một dân tộc dũng cảm, yêu nước, yêu lao động, một dân tộc xứng đáng với nước Việt Nam độc lập”¹. Hồ Chí Minh đã đề ra chủ trương diệt “giặc đói”, “giặc dốt” và giặc ngoại xâm, phát huy phong trào “Bình dân học vụ”, tiếp đến là “Bổ túc văn hóa”, - phong trào văn hóa giáo dục có tính chất rộng rãi nhất trên đất nước ta để tập trung xóa nạn mù chữ, nâng cao trình độ dân trí của Nhân dân.

Quan điểm về văn hóa trong chính trị ở đây chính là văn hóa trong chính trị của quảng đại quần chúng nhân dân. V.I.Lênin cũng đã từng nói, những người mù chữ đứng ngoài chính trị. Hồ Chí Minh đã khẳng định: “Một dân tộc dốt là một dân tộc yếu”². Muốn cho dân tộc phát triển thì phải diệt “giặc dốt”, nâng cao trình độ dân trí, trình độ văn hóa của Nhân dân để Nhân dân tham gia tích cực vào đời sống chính trị. Những tư tưởng chính trị vĩ đại và nhân văn của Hồ Chí Minh đã thống nhất với những tư tưởng lớn của chủ nghĩa Mác - Lênin và phù hợp với thực tiễn cách mạng Việt Nam. Để xây dựng văn hóa trong chính trị, Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm đến công tác xây dựng văn hóa trong Đảng và bộ máy nhà nước để lãnh đạo và quản lý đất nước thực hiện những nhiệm vụ chính trị cụ thể của từng thời kỳ cách mạng.

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.7.

Đối với Đảng, Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Đảng ta là một Đảng cầm quyền. Mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần *đạo đức cách mạng*, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân”¹. Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm tư cách của đảng chân chính cách mạng: “Đảng không phải là một tổ chức để làm quan phát tài. Nó phải làm tròn nhiệm vụ giải phóng dân tộc, làm cho Tổ quốc giàu mạnh, đồng bào sung sướng... Mọi công tác của Đảng luôn luôn phải đứng về phía quần chúng. Phải đem tinh thần yêu nước và cần, kiệm, liêm, chính mà dạy bảo cán bộ, đảng viên và nhân dân...”².

Để đánh giá về bản chất của nhà nước xã hội chủ nghĩa và nhà nước tư bản, đế quốc và phong kiến, Hồ Chí Minh dùng chuẩn giá trị là *thiện* và *ác* với Nhân dân để so sánh, làm rõ tính ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa chính là cái thiện. Hồ Chí Minh khẳng định: “Nếu không có nhân dân thì Chính phủ không đủ lực lượng. Nếu không có Chính phủ, thì nhân dân không ai dẫn đường. Vậy nên Chính phủ với nhân dân phải đoàn kết một khối. Ngày nay, chúng ta đã xây dựng nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Nhưng nếu nước độc lập mà dân không được hưởng hạnh phúc tự do, thì độc lập cũng chẳng có nghĩa lý gì”³.

Đối với Chính phủ, Hồ Chí Minh cũng chỉ rõ: “Chúng ta phải hiểu rằng, các cơ quan của Chính phủ từ toàn quốc cho đến các làng, đều là công bộc của dân, nghĩa là để gánh việc

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr.622.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.5, tr.289.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.64.

chung cho dân, chứ không phải để đè đầu dân như trong thời kỳ dưới quyền thống trị của Pháp, Nhật.

Việc gì lợi cho dân, ta phải hết sức làm.

Việc gì hại đến dân, ta phải hết sức tránh.

Chúng ta phải yêu dân, kính dân thì dân mới yêu ta, kính ta”¹.

Điều mà Hồ Chí Minh quan tâm không chỉ là lĩnh vực hoạch định đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước mà Người còn đặc biệt đề cao *đạo đức cách mạng, đạo đức của cán bộ, đảng viên trước Nhân dân*. Đạo đức cách mạng là giá trị văn hóa cốt lõi của chính trị, dù ở bất cứ lĩnh vực nào, dù ở bất kỳ cương vị nào.

Hồ Chí Minh đã xác định rõ trách nhiệm của cán bộ: “Cán bộ là cái dây chuyền của bộ máy. Nếu dây chuyền không tốt, không chạy thì động cơ dù tốt, dù chạy toàn bộ máy cũng tê liệt. Cán bộ là những người đem chính sách của Chính phủ, của Đoàn thể thi hành trong nhân dân, nếu cán bộ dở thì chính sách hay cũng không thể thực hiện được”².

Vì vậy, Người khẳng định, “cán bộ là cái gốc của mọi công việc... huấn luyện cán bộ là công việc gốc của Đảng”³, trong đó tư cách của người cách mạng phải được đặt lên hàng đầu. Đây chính là giá trị đạo đức trong chính trị, một bộ phận trọng yếu của văn hóa trong chính trị.

Hồ Chí Minh không chỉ đề cao đạo đức trong chính trị mà Người cũng rất đề cao *phong cách, tài năng trong chính trị*. Hồ Chí Minh nhận xét rất đúng rằng: “Trong các ngành hoạt động của chúng ta, nào chính trị, kinh tế, nào quân sự, văn hóa, chắc không thiếu những người có năng lực, có sáng kiến...

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.64-65.

2, 3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.5, tr.68, 309.

Nhưng vì cách lãnh đạo của ta còn kém, thói quan liêu còn nặng cho nên có những người như thế cũng bị chìm xuống, không được cất nhắc.

Muốn tránh khỏi sự hao phí nhân tài, chúng ta cần phải sửa chữa cách lãnh đạo: Thí dụ: “bắt buộc trong mỗi ngành phải thiết thực báo cáo và cất nhắc nhân tài”¹.

Ngay từ đầu thành lập Chính phủ lâm thời, Hồ Chí Minh đã kêu gọi người hiền tài ra giúp nước. Người khẳng định: “Kiến thiết cần có nhân tài. Nhân tài nước ta dù chưa có nhiều lắm nhưng nếu chúng ta khéo lựa chọn, khéo phân phối, khéo dùng thì nhân tài càng ngày càng phát triển thêm nhiều”². Như vậy, theo Hồ Chí Minh, văn hóa trong chính trị bao gồm cả việc đề cao đạo đức và tài năng (năng lực) trong chính trị. Những điều đó phụ thuộc vào công việc đào tạo, huấn luyện cán bộ, đảng viên.

Là người am hiểu sâu sắc văn hóa dân tộc và đặc điểm của cán bộ, đảng viên tham gia vào đời sống chính trị của đất nước, Hồ Chí Minh đã dành nhiều thời gian để viết các tác phẩm *Đời sống mới* (20/3/1947) và *Sửa đổi lối làm việc* (10/1947) nhằm tuyên truyền, giáo dục và huấn luyện cán bộ, đảng viên trong lãnh đạo và quản lý đất nước. Có thể nói đây là những cuốn sách có tính chất bách khoa đối với cán bộ, đảng viên và có ý nghĩa thời sự sâu sắc đối với công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng hiện nay.

Hồ Chí Minh chỉ rõ năm đức tính tốt cần thiết làm nên đạo đức cách mạng là nhân, nghĩa, dũng, trí, liêm: “Đạo đức đó không phải là đạo đức thủ cựu. Nó là đạo đức mới, đạo đức

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.5, tr.281.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.114.

vĩ đại, nó không phải vì danh vọng của cá nhân, mà vì lợi ích chung của Đảng, của dân tộc, của loài người.

Cũng như sông thì có nguồn mới có nước, không có nguồn thì sông cạn. Cây phải có gốc, không có gốc thì cây héo. Người cách mạng phải có đạo đức, không có đạo đức thì tài giỏi mấy cũng không lãnh đạo được nhân dân. Vì muốn giải phóng cho dân tộc, giải phóng cho loài người là một công việc to tát, mà tự mình không có đạo đức, không có căn bản, tự mình đã hủ hoá, xấu xa thì còn làm nổi việc gì”¹.

Để bảo đảm xây dựng văn hóa trong tổ chức đảng, Hồ Chí Minh nhấn mạnh: “Đảng một mặt phải làm công việc giải phóng dân tộc, một mặt phải giáo dục đảng viên và cán bộ, kiên quyết cảm hóa những phần tử xấu, sửa chữa những thói xấu còn lại. Phải cố sửa chữa cho tiệt nọc các chứng bệnh, khiến cho Đảng càng mạnh khỏe, bình an”².

Theo Hồ Chí Minh, giá trị cốt lõi của người đảng viên chân chính là thực hiện bốn phạm của mình gồm:

- “a) Suốt đời đấu tranh cho dân tộc, cho Tổ quốc.
- b) Đặt lợi ích của cách mạng lên trên hết, lên trước hết.
- c) Hết sức giữ kỷ luật và giữ bí mật của Đảng.
- d) Kiên quyết thi hành những nghị quyết của Đảng.
- đ) Cố gắng làm kiểu mẫu cho quần chúng trong mọi việc.
- e) Cố gắng học tập chính trị, quân sự, văn hóa. Phải gần gũi quần chúng, học hỏi quần chúng, cũng như phải lãnh đạo quần chúng”³.

Hồ Chí Minh yêu cầu phải nâng cao *tính đảng của mỗi đảng viên*. Tính đảng thể hiện ở việc phải đặt lợi ích của Đảng, của dân tộc lên trên hết; việc gì cũng phải làm cẩn thận,

1, 2, 3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.5, tr.292, 303, 306.

đến nơi, đến chốn; lý luận và thực hành phải đi đôi với nhau. Đồng thời, Người cũng chỉ rõ các căn bệnh làm tổn hại đến rèn luyện tính đảng. Đó là các bệnh ba hoa, bệnh địa phương, bệnh ham danh vị, bệnh thiếu kỷ luật, bệnh cầu thả (gặp sao hay vậy), bệnh xa quần chúng, bệnh chủ quan, bệnh hình thức, bệnh ích kỷ, bệnh hủ hóa, bệnh thiếu ngăn nắp, bệnh lười biếng. Mắc phải một trong những bệnh đó tức là hỏng việc. Theo Người: “chúng ta phải ráo riết dùng *phê bình và tự phê bình* để giúp nhau chữa cho hết những bệnh ấy. Có như thế Đảng mới chóng phát triển”¹.

Hồ Chí Minh đã khẳng định: “Muốn tiến lên chủ nghĩa xã hội thì phải có con người xã hội chủ nghĩa, muốn có con người xã hội chủ nghĩa phải có tư tưởng xã hội chủ nghĩa, muốn có tư tưởng xã hội chủ nghĩa phải gột rửa tư tưởng cá nhân chủ nghĩa”². Theo Người, chủ nghĩa cá nhân là nguyên nhân đẻ ra các căn bệnh làm hại đến sự phát triển của đất nước.

Đối với Hồ Chí Minh, xác định giá trị văn hóa trong chính trị phải được cụ thể hóa đối với từng đối tượng cụ thể, từng ngành, từng lĩnh vực, từng lứa tuổi, từng giai cấp và tầng lớp khác nhau trong xã hội để có thể thực hành được trong đời sống.

Đối với ngành Công an, Hồ Chí Minh đã xác định tư cách người công an cách mạng là:

“Đối với tự mình, phải cần, kiệm, liêm, chính,

Đối với đồng sự, phải thân ái giúp đỡ.

Đối với Chính phủ, phải tuyệt đối trung thành.

Đối với nhân dân, phải kính trọng, lễ phép.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.5, tr.307.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.12, tr.11.

Đối với công việc, phải tận tụy.

Đối với địch, phải cương quyết, khôn khéo”¹.

Đối với Quân đội, Hồ Chí Minh xác định: “Quân đội ta trung với Đảng, hiếu với dân, sẵn sàng chiến đấu, hy sinh vì độc lập, tự do của Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội. Nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng.

Cán bộ và chiến sĩ thương yêu nhau như ruột thịt, chia ngọt sẻ bùi. Quân với dân như cá với nước, đoàn kết một lòng, học hỏi, giúp đỡ lẫn nhau”².

Đối với thanh niên, Người căn dặn: “Không có việc gì khó. Chỉ sợ lòng không bền.

Đào núi và lấp biển.

Quyết chí ắt làm nên”³.

Đối với thiếu niên, Người có năm điều dạy các cháu:

- Yêu Tổ quốc, yêu đồng bào
- Học tập tốt, lao động tốt
- Đoàn kết tốt, kỷ luật tốt
- Khiêm tốn, thật thà, dũng cảm.

Đối với các cụ phụ lão, Hồ Chí Minh rất trân trọng và động viên các cụ:

*“Tuổi già nhưng chí không già
Góp phần xây dựng nước nhà phồn vinh”⁴.*

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.5, tr.498-499.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.14, tr.435.

3. Bài thơ Hồ Chí Minh tặng Đơn vị thanh niên xung phong 321 làm đường tại xã Cẩm Giàng, Bạch Thông, Bắc Kạn, ngày 28/3/1951. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.6, tr.440.

4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.13, tr.338.

Như vậy con đường đi từ chính trị đến với nhân dân là con đường văn hóa - con đường vừa thuyết phục bằng trí tuệ và tình cảm để thu phục nhân tâm, vừa khích lệ được tính tích cực, chủ động của các đối tượng khác nhau tự vươn lên tham gia vào đời sống chính trị. Chiều sâu của các giá trị văn hóa mà Hồ Chí Minh đưa đến cho chính trị ở đây chính là sức cảm hoá, sức thuyết phục từ trái tim đến trái tim, từ trái tim vĩ đại của một nhân cách vĩ đại tới trái tim của hàng triệu người dân bằng những lời nói, hành động tác phong giản dị, hàm súc, có sức lan tỏa mạnh mẽ. Văn hóa trong chính trị ở Hồ Chí Minh chính là làm cho các giá trị văn hóa thấm sâu vào đời sống của từng cá nhân và cộng đồng, từ đội ngũ cán bộ, đảng viên trong tổ chức đảng và nhà nước đến các tầng lớp, các lĩnh vực khác nhau trong xã hội để xác lập uy tín chính trị và tạo sự đồng thuận trong chính trị, huy động được sức mạnh đại đoàn kết của Nhân dân trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc và xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Nhận thức sâu sắc và toàn diện tư tưởng về văn hóa trong chính trị ở Hồ Chí Minh giúp chúng ta có phương hướng và giải pháp cụ thể để xây dựng văn hóa trong chính trị ở thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế, đặc biệt là trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI và khóa XII về xây dựng, chỉnh đốn Đảng.

** Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa trong kinh tế:*

Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa trong kinh tế là hệ thống quan điểm nhân văn và khoa học trong xây dựng nền kinh tế Việt Nam hướng tới các giá trị chân, thiện, mỹ, phấn đấu tất cả vì hạnh phúc của con người, của nhân dân lao động. Khi bàn về mối quan hệ giữa văn hóa và kinh tế,

Người nhấn mạnh rằng nền *văn hóa dân tộc phải được thể hiện cả trong “xây dựng kinh tế”*¹. Đây không chỉ là mối quan hệ tương tác lẫn nhau mà là mối quan hệ có ý nghĩa thấm thấu và lan tỏa các giá trị văn hóa vào trong hoạt động kinh tế, làm cho văn hóa trở thành bộ phận cấu thành của kinh tế, nội lực để thúc đẩy kinh tế phát triển.

Nhận thức đầy đủ và toàn diện tư tưởng văn hóa trong kinh tế của Hồ Chí Minh sẽ góp phần định hướng cho quá trình xây dựng văn hóa trong kinh tế ở nước ta hiện nay.

Có thể làm rõ tư tưởng văn hóa trong kinh tế của Hồ Chí Minh ở các nội dung chủ yếu sau:

Thứ nhất, văn hóa trong kinh tế thể hiện ở mục tiêu và tầm nhìn đối với sự phát triển kinh tế.

Trong bài phát biểu tại cuộc họp đầu tiên của Ủy ban Nghiên cứu kế hoạch kiến quốc ngày 10/01/1946, Hồ Chí Minh đã tuyên bố: “Chúng ta tranh được tự do, độc lập rồi mà dân cứ chết đói, chết rét, thì tự do, độc lập cũng không làm gì. Dân chỉ biết rõ giá trị của tự do, của độc lập khi mà dân được ăn no, mặc đủ”². Và Người xác định rõ mục tiêu của kế hoạch kiến quốc: “Chúng ta phải thực hiện ngay:

1. Làm cho dân có ăn.
2. Làm cho dân có mặc.
3. Làm cho dân có chỗ ở.
4. Làm cho dân có học hành.

Cái mục đích chúng ta đi đến là bốn điều đó. Đi đến để dân nước ta xứng đáng với tự do độc lập và giúp sức cho tự do độc lập”³.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.3, tr.458.

2, 3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.175.

Tư tưởng nhân văn vĩ đại của Hồ Chí Minh đã thể hiện rõ trong mục đích phát triển đất nước nói chung, phát triển kinh tế nói riêng của Người.

Quan tâm đến mục tiêu phát triển kinh tế vì con người, vì Nhân dân là mục tiêu bao trùm, xuyên suốt và nhất quán ở Hồ Chí Minh. Người xác định rõ phương châm hành động cách mạng nói chung cũng như hành động kinh tế nói riêng là: “Việc gì lợi cho dân, ta phải hết sức làm.

Việc gì hại đến dân, ta phải hết sức tránh”¹.

Tầm nhìn chiến lược của Hồ Chí Minh về phát triển kinh tế ở Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội đã được Người đúc kết trong một luận điểm tổng quát là: “*đặc điểm to nhất của nước ta trong thời kỳ quá độ* là từ một nước nông nghiệp lạc hậu *tiến thẳng* lên chủ nghĩa xã hội không phải kinh qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa... Vì vậy, nhiệm vụ quan trọng nhất của chúng ta là phải *xây dựng nền tảng vật chất và kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội*”².

Từ đặc điểm to nhất của nước ta trong thời kỳ quá độ này mà Hồ Chí Minh đã chỉ rõ đặc điểm của nhiều thành phần kinh tế trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Trong Báo cáo về dự thảo Hiến pháp sửa đổi tại kỳ họp Quốc hội khóa I nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, ngày 18/12/1959, Hồ Chí Minh nêu rõ:

“Trong nước ta hiện nay có những hình thức sở hữu chính về tư liệu sản xuất như sau:

- Sở hữu của Nhà nước tức là của toàn dân.
- Sở hữu của hợp tác xã tức là sở hữu tập thể của nhân dân lao động.

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.65, 411-412.

- Sở hữu của người lao động riêng lẻ.
- Một ít tư liệu sản xuất thuộc sở hữu của nhà tư bản”¹.

Người nhấn mạnh rằng: “kinh tế quốc doanh là hình thức sở hữu của toàn dân, nó lãnh đạo nền kinh tế quốc dân và Nhà nước phải bảo đảm cho nó phát triển ưu tiên.

... kinh tế hợp tác xã là hình thức sở hữu tập thể của nhân dân lao động, Nhà nước đặc biệt khuyến khích, hướng dẫn và giúp đỡ cho nó phát triển...

Đối với người làm nghề thủ công và lao động riêng lẻ khác, Nhà nước bảo hộ quyền sở hữu về tư liệu sản xuất của họ, ra sức hướng dẫn và giúp đỡ họ cải tiến cách làm ăn, khuyến khích họ tổ chức hợp tác xã sản xuất theo nguyên tắc tự nguyện.

Đối với những nhà tư sản công thương, Nhà nước không xóa bỏ quyền sở hữu về tư liệu sản xuất và của cải khác của họ, mà ra sức hướng dẫn họ hoạt động nhằm làm lợi cho quốc kế dân sinh, phù hợp với kế hoạch kinh tế của Nhà nước”².

Tầm nhìn về văn hóa trong kinh tế của Hồ Chí Minh còn được thể hiện ở vai trò của nông nghiệp trong phát triển kinh tế ở nước ta. Ngay trong *Thư gửi điền chủ nông gia Việt Nam*, ngày 11/4/1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết: “Việt Nam là một nước sống về nông nghiệp. Nền kinh tế của ta lấy canh nông làm gốc. Trong công cuộc xây dựng nước nhà, Chính phủ trông mong vào nông dân, trông cậy vào nông nghiệp một phần lớn.

Nông dân ta giàu thì nước giàu. Nông nghiệp ta thịnh thì nước ta thịnh”³. Theo Người, phát triển nông nghiệp là điểm

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.12, tr.372, 373.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.246.

xuất phát, là nền tảng để phát triển kinh tế xã hội chủ nghĩa, là cơ sở để tích lũy cho quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Điều này hoàn toàn phù hợp quy luật phát triển kinh tế ở một nước nông nghiệp lạc hậu quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Trong Chính sách kinh tế mới, V.I.Lênin đã chủ trương, phải bắt đầu từ kinh tế nông dân, phải chấn hưng kinh tế nông nghiệp. V.I.Lênin đã coi nông nghiệp là nhân tố đột phá đầu tiên để mở mang nền sản xuất, tạo tiền đề cần thiết cho phát triển kinh tế của đất nước.

Rất tiếc rằng những tư tưởng khoa học và nhân văn về kinh tế này đã không được quán triệt trong chính sách và hành động thực tiễn trong thời kỳ trước đổi mới, dẫn đến việc xóa bỏ nền kinh tế nhiều thành phần, góp phần đưa đất nước lâm vào tình trạng khủng hoảng kinh tế - xã hội. Từ khi bắt tay vào công cuộc đổi mới, Đảng và Nhà nước đã nhận thức đầy đủ và sâu sắc hơn tư tưởng kinh tế của Hồ Chí Minh, quán triệt trong đường lối, chính sách kinh tế, phát triển nền kinh tế nhiều thành phần, góp phần giải phóng lực lượng sản xuất, tạo nên động lực cho kinh tế Việt Nam phát triển liên tục trong bối cảnh kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế.

Tư tưởng nhân văn của Hồ Chí Minh trong phát triển kinh tế còn được thể hiện ở sự khuyến khích của Người đối với mọi thành viên trong xã hội tham gia làm giàu cho mình và cho đất nước. Theo Hồ Chí Minh, phát triển kinh tế là để mọi người, kể cả người giàu và người nghèo đều được hưởng lợi, ngày càng khá giả hơn. Ngay trong tác phẩm *Thường thức về chính trị* (1953), Hồ Chí Minh đã khái quát chính sách kinh tế của Đảng và Chính phủ gồm có mấy điều:

“1. *Công tư đều lợi*. Kinh tế quốc doanh là công. Nó là nền tảng và sức lãnh đạo của kinh tế dân chủ mới. Cho nên

chúng ta phải ra sức phát triển nó và nhân dân ta phải ủng hộ nó. Đối với những người phá hoại nó, trộm cắp của công, khai gian lậu thuế, thì phải trừng trị.

Tư là những nhà tư bản *dân tộc* và kinh tế cá nhân của nông dân và thủ công nghệ. Đó cũng là lực lượng cần thiết cho cuộc xây dựng kinh tế nước nhà. Cho nên Chính phủ cần giúp họ phát triển. Nhưng họ phải phục tùng sự lãnh đạo của kinh tế quốc gia, phải hợp với lợi ích của đại đa số nhân dân.

2. *Chủ thợ đều lợi*. Nhà tư bản thì không khỏi bóc lột. Nhưng Chính phủ ngăn cấm họ bóc lột công nhân quá tay. Chính phủ phải bảo vệ lợi quyền của công nhân. Đồng thời, vì lợi ích lâu dài, anh chị em *thợ* cũng để cho chủ được số lợi hợp lý, không yêu cầu quá mức.

Chủ và thợ đều tự giác tự động, tăng gia sản xuất lợi cả đôi bên.

3. *Công nông giúp nhau*. Công nhân ra sức sản xuất công cụ và các thứ cần dùng khác, để cung cấp cho nông dân. Nông dân thì ra sức tăng gia sản xuất, để cung cấp lương thực và các thứ nguyên liệu cho công nhân. Do đó mà càng thắt chặt liên minh giữa công nông.

4. *Lưu thông trong ngoài*: Ta ra sức khai lâm thổ sản để bán cho các nước bạn và để mua những thứ ta cần dùng. Các nước bạn *mua* những thứ ta đưa ra và *bán* cho ta những hàng hóa ta chưa chế tạo được. Đó là chính sách *mậu dịch*, giúp đỡ nhau rất có lợi cho kinh tế ta.

Bốn chính sách ấy là mấu chốt để phát triển kinh tế của nước ta”¹.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t.8, tr.267.

Phải chăng đây chính là tư tưởng phát triển bao trùm, phát triển bền vững ở các lĩnh vực, các thành phần kinh tế khác nhau mà thế giới đang hướng tới.

Tâm nhìn nhân văn về phát triển kinh tế của Hồ Chí Minh và những định hướng phát triển kinh tế của Người là cơ sở tư tưởng để chúng ta tiếp thu, kế thừa nhằm phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay. Những nhận thức này chính là nhân tố văn hóa trong kinh tế, tác động đến các quyết định về chính sách kinh tế của nước ta trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Thứ hai, văn hóa trong kinh tế là phát huy các giá trị văn hóa trong phát triển kinh tế, chống các tiêu cực trong kinh tế.

Một nội dung đặc sắc về “văn hóa trong kinh tế” của Hồ Chí Minh là Người luôn luôn nhấn mạnh tinh thần *tiết kiệm*, một giá trị quan trọng trong truyền thống văn hóa dân tộc. Hồ Chí Minh nêu rõ: “Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội, phải ra sức tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm... tăng gia phải đi đôi với tiết kiệm”¹. “Sản xuất mà không tiết kiệm thì như gió vào nhà trống”². Người chỉ rõ: “Tăng gia sản xuất và thực hành tiết kiệm là con đường đi đến xây dựng thắng lợi chủ nghĩa xã hội, xây dựng hạnh phúc cho nhân dân. Tăng gia là tay phải của hạnh phúc, tiết kiệm là tay trái của hạnh phúc”³. Tiết kiệm ở đây không chỉ có ý nghĩa như một nội dung kinh tế mà còn liên quan đến hạnh phúc của con người.

Trong tác phẩm *Đời sống mới*, Hồ Chí Minh xác định tăng gia sản xuất là một bộ phận của đời sống mới. Có tinh thần đời sống mới, thì tăng gia sản xuất mới chóng thành công.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.11, tr.551.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.10, tr.600.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.14, tr.311.

Mà tăng gia sản xuất có thành công, thì đời sống mới dễ thực hiện. Người nhấn mạnh: “Muốn gia tăng sản xuất, mọi người phải *Cần*, phải *Kiệm*. Không *Cần*, thì phí thời giờ nhiều mà sản xuất được ít. Không *Kiệm* thì làm được bao nhiêu, dùng hết bấy nhiêu, rút cục cũng như sản xuất ít. Tăng gia sản xuất ích riêng cho mình mà cũng ích chung cho cả nước. Nếu không có tinh thần *Liêm* và *Chính*, nếu tham lam ích kỷ, thì không thể phát đạt việc tăng gia sản xuất. Vì vậy, tăng gia sản xuất và đời sống mới phải đi đôi với nhau, không thể lìa nhau”¹.

Bên cạnh việc đề cao các giá trị văn hóa đạo đức cần, kiệm, liêm, chính trong hoạt động kinh tế, Hồ Chí Minh đặc biệt chú ý đấu tranh chống tình trạng tham ô, lãng phí, quan liêu. Người khẳng định: “*Tham ô, lãng phí và bệnh quan liêu là kẻ thù của nhân dân*”². Hồ Chí Minh đã nêu rõ: “Vì những người và những cơ quan lãnh đạo mắc *bệnh quan liêu* thành thử có mắt mà không thấy suốt, có tai mà không nghe thấu, có chế độ mà không giữ đúng, có kỷ luật mà không nắm vững. Kết quả là những người xấu, những cán bộ kém tha hồ tham ô, lãng phí.

Thế là *bệnh quan liêu* đã áp ủ, dung túng, che chở cho nạn tham ô, lãng phí”³.

Hồ Chí Minh đã đề cao trách nhiệm của Nhân dân trong công cuộc chiến đấu gian khổ này: “*Nhiệm vụ của quần chúng* là phải hăng hái tham gia phong trào chống tham ô, lãng phí, quan liêu... Tham ô, lãng phí, quan liêu là một thứ “*giặc ở trong lòng*”. Nếu chiến sĩ và nhân dân ra sức chống

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.5, tr.116.

2, 3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.7, tr.357.

giặc ngoại xâm mà quên *chống giặc nội xâm*, như thế là chưa làm tròn nhiệm vụ của mình. Vì vậy, chiến sĩ và nhân dân phải hăng hái tham gia phong trào ấy”¹. “Nếu không kiên quyết chống bệnh quan liêu, mệnh lệnh, lãng phí, tham ô, thì nó sẽ cản trở, phá hoại ta tiến lên chủ nghĩa xã hội”². Trong các bệnh đó, Hồ Chí Minh cho rằng: “*Tham ô* là hành động xấu xa nhất, tội lỗi, đê tiện nhất trong xã hội. Tham ô là trộm cắp của công, chiếm của công làm của tư. Nó làm hại đến sự nghiệp xây dựng nước nhà; hại đến công việc cải thiện đời sống của nhân dân; hại đến đạo đức cách mạng của người cán bộ và công nhân”³. Vì vậy, theo Hồ Chí Minh cần mở một cuộc vận động nâng cao ý thức trách nhiệm, tăng cường quản lý kinh tế tài chính, chống tham ô, lãng phí, quan liêu là yêu cầu cấp bách và thường xuyên để bảo đảm cho nền kinh tế phát triển lành mạnh. Tư tưởng này đến nay vẫn còn mang tính thời sự.

Thứ ba, văn hóa trong kinh tế là phát triển khoa học và công nghệ, giáo dục - đào tạo để thúc đẩy kinh tế phát triển.

Trong quá trình lãnh đạo Nhân dân bước vào thời kỳ hòa bình, xây dựng và phát triển đất nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, Hồ Chí Minh nhận thức sâu sắc về vai trò và nhiệm vụ của khoa học và kỹ thuật trong sự nghiệp cách mạng này. Theo Người, khoa học và kỹ thuật không chỉ lực lượng sản xuất trực tiếp mà còn là động lực thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển. Hồ Chí Minh đã nhận xét: “Chúng ta đều biết rằng trình độ khoa học, kỹ thuật của ta hiện nay còn

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.7, tr.362-363.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.12, tr.503.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.14, tr.141.

thấp kém. Lề lối sản xuất chưa cải tiến được nhiều. Cách thức làm việc còn nặng nhọc. Năng suất lao động còn thấp kém... Nhiệm vụ của khoa học là ra sức cải biến những cái đó... Khoa học phải từ sản xuất mà ra và phải trở lại phục vụ sản xuất, phục vụ quần chúng, nhằm *nâng cao năng suất lao động* và *không ngừng cải thiện đời sống của nhân dân*, bảo đảm cho chủ nghĩa xã hội thắng lợi”¹.

Vai trò của khoa học và kỹ thuật được Hồ Chí Minh khẳng định là điều kiện thiết yếu để nâng cao năng suất lao động, cải thiện đời sống của Nhân dân và bảo đảm cho chủ nghĩa xã hội thắng lợi. Như vậy, khoa học và kỹ thuật không chỉ là nền tảng, là động lực phát triển kinh tế mà còn là tiền đề bảo đảm cho sự thắng lợi về mục tiêu chính trị. Người nhấn mạnh: “Chủ nghĩa xã hội cộng với khoa học, chắc chắn sẽ đưa loài người đến hạnh phúc vô tận”². “Cách mạng xã hội chủ nghĩa gắn liền với sự phát triển khoa học và kỹ thuật, với sự phát triển văn hóa của nhân dân”³. Người chỉ rõ: “nhiệm vụ của khoa học, kỹ thuật là cực kỳ quan trọng, cho nên mọi ngành, mọi người đều phải tham gia công tác khoa học, kỹ thuật, để nâng cao năng suất lao động, sản xuất ra nhiều của cải vật chất, để xây dựng chủ nghĩa xã hội thắng lợi”⁴.

Hồ Chí Minh đã nhấn mạnh đến tầm quan trọng của vấn đề dân chủ trong việc phát triển khoa học và kỹ thuật. Dân chủ ở đây là bảo đảm cho tất cả mọi người đều được tham gia vào hoạt động khoa học, kỹ thuật; tham gia vào học tập, nghiên cứu, phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, thúc đẩy

1, 4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.14, tr.96-97, 97.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.11, tr.354.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.12, tr.371

năng suất lao động phát triển. Dân chủ trong khoa học và kỹ thuật là bảo đảm công bằng, tự do, dân chủ, công khai trong mọi sinh hoạt khoa học, kỹ thuật, tôn trọng tài năng, khuyến khích và giúp đỡ tài năng khoa học, kỹ thuật phát triển.

Một trong những vấn đề mà Hồ Chí Minh quan tâm là công tác giáo dục - đào tạo con người cho quá trình phát triển kinh tế - xã hội nói riêng, cho xây dựng chủ nghĩa xã hội nói chung. Hồ Chí Minh khẳng định: “Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội, trước hết cần có những *con người xã hội chủ nghĩa*”¹.

Ngay sau Lễ tuyên bố độc lập một ngày, Hồ Chí Minh đã xác định: “Chúng ta có nhiệm vụ cấp bách là phải giáo dục lại nhân dân chúng ta. Chúng ta phải làm cho dân tộc chúng ta trở nên một dân tộc dũng cảm, yêu nước, yêu lao động, một dân tộc xứng đáng với nước Việt Nam độc lập”².

Hồ Chí Minh rất quan tâm đến mục tiêu định hướng xây dựng con người: “Ta xây dựng con người cũng phải có ý định rõ ràng như nhà kiến trúc. Định xây dựng ngôi nhà như thế nào rồi mới dùng gạch, vữa, vôi cát, tre gỗ... mà xây nên”³. Theo Người, con người mà chúng ta mong muốn là con người xã hội chủ nghĩa, vừa có đức, vừa có tài, có tinh thần yêu nước, cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, sẵn sàng phấn đấu hy sinh vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, vì tự do, hạnh phúc của Nhân dân.

Một tư tưởng đặc sắc của Hồ Chí Minh để thúc đẩy sản xuất phát triển là kết nối trí thức với công - nông thông qua

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.13, tr.66.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.7.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr.665.

chủ trương trí thức hóa công - nông và công - nông hóa trí thức. Người viết: “Đào tạo... trí thức công nông hóa... nghĩa là công nông cần học tập văn hóa để nâng cao trình độ trí thức của mình, trí thức cần gần gũi công nông và học tập tinh thần, nghị lực, sáng kiến và kinh nghiệm của công nông”¹. Sự gắn kết chặt chẽ giữa hai nhóm chủ thể quan trọng là trí thức và công - nông là cơ sở để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội phát triển.

Nhìn lại những tư tưởng của Hồ Chí Minh về văn hóa trong kinh tế, chúng ta có thể rút ra những bài học bổ ích và thiết thực, vận dụng vào trong quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế hiện nay.

c) Mối quan hệ giữa văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế

Trong tổng thể hệ thống xã hội, mối quan hệ giữa văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế không phải là mối quan hệ lệ thuộc của chính trị vào kinh tế hay kinh tế lệ thuộc vào chính trị, mà giữa chúng có mối quan hệ biện chứng, gắn bó, tương tác, ảnh hưởng qua lại và hỗ trợ lẫn nhau.

Văn hóa trong chính trị thể hiện tầm nhìn về quyền lực và sức mạnh của chính trị trong việc xác định đường lối phát triển kinh tế của quốc gia. Lý tưởng chính trị, hệ tư tưởng chính trị đóng vai trò quyết định đối với đường lối xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội. Thông qua việc xác lập thể chế chính trị và thể chế kinh tế, các giá trị văn hóa trong chính trị quy định chức năng, nhiệm vụ, phương hướng, chính sách

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.7, tr.72-73.

phát triển kinh tế - xã hội. Đồng thời, đạo đức trong chính trị, trong các chủ thể chính trị khác nhau có tác động mạnh mẽ tới đạo đức trong kinh tế, có thể thúc đẩy kinh tế phát triển lành mạnh thông qua cơ chế hoạt động minh bạch, công khai, trách nhiệm giải trình, thực hiện dân chủ của bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế. Đồng thời, những yếu kém trong văn hóa chính trị được thể hiện ở sự yếu kém về thể chế, về đạo đức công chức, công vụ, tình trạng quan liêu, tham nhũng, hối lộ, chuyên quyền, mất dân chủ... cũng dẫn đến kìm hãm sự phát triển của nền sản xuất. Quá trình đổi mới tư duy của Đảng, đặc biệt là đổi mới tư duy về mô hình chế độ xã hội chủ nghĩa mà Nhân dân ta xây dựng, đổi mới nhận thức về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam và những đặc điểm của thời kỳ quá độ... là những tiền đề cơ bản để Đảng ta đổi mới tư duy về kinh tế, nhận thức đầy đủ và sâu sắc hơn về mô hình phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, về công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam..., từ đó xác định những chính sách kinh tế phù hợp. Như vậy, đổi mới tư duy trong chính trị chính là một bộ phận cốt lõi của văn hóa trong chính trị, có vai trò to lớn để định hướng văn hóa trong kinh tế.

Sự tác động của văn hóa trong chính trị đối với văn hóa trong kinh tế được thể hiện tập trung nhất ở đạo đức, nhân cách của đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, của đội ngũ công chức, viên chức tham gia vào xây dựng đường lối, chính sách phát triển kinh tế và quản lý kinh tế. Mọi chủ trương, chính sách, luật pháp, thể chế đều thông qua hoạt động thực tiễn của con người mới đi vào cuộc sống. Đạo đức công chức, công vụ lành mạnh làm giảm các chi phí tiêu cực, kích thích sự cạnh tranh lành mạnh của nền kinh tế và ngược lại. Vì vậy,

xây dựng đạo đức công chức, công vụ đóng vai trò hàng đầu trong xây dựng văn hóa trong chính trị, đồng thời có tác động tích cực tới xây dựng văn hóa trong kinh tế hiện nay.

Ảnh hưởng của văn hóa trong kinh tế đối với văn hóa trong chính trị diễn ra theo xu hướng thuận chiều. Nếu các giá trị văn hóa trong kinh tế được phát huy theo chiều hướng tích cực và tiến bộ, đề cao cái đúng, cái tốt, cái đẹp trong hoạt động kinh tế sẽ giúp cho văn hóa trong chính trị được củng cố và phát triển lành mạnh. Ngược lại, nếu các giá trị văn hóa không được thấm thấu vào trong hoạt động kinh tế, để cho tình trạng tiêu cực xuất hiện tràn lan như làm hàng giả, hàng kém chất lượng, tình trạng buôn gian bán lận, tranh cướp, trốn thuế, buôn lậu, chạy theo tìm kiếm lợi nhuận bằng mọi giá, bất chấp đạo đức và pháp luật... sẽ tác động tiêu cực đến văn hóa trong chính trị, làm cho chính trị bị lũng đoạn, tha hóa, thậm chí đe dọa sự tồn vong của chế độ chính trị.

Vì vậy, mối quan hệ giữa văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế là mối quan hệ tương hỗ, hoặc bổ sung thúc đẩy lẫn nhau cùng phát triển, hoặc cản trở lẫn nhau, làm suy thoái lẫn nhau.

Điểm tương đồng giữa văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế là cả hai lĩnh vực này đều phải lấy các giá trị văn hóa làm nền tảng. Đó là cái đúng (khoa học), cái tốt (đạo đức), cái đẹp (thẩm mỹ) làm điểm tựa và là mục tiêu phấn đấu. Đồng thời, cả hai lĩnh vực này đều dựa vào chủ thể là con người, được giáo dục và đào tạo trong một nền văn hóa nhất định. Vì vậy, vấn đề xây dựng con người, đặc biệt là xây dựng con người về tư tưởng, đạo đức, lối sống là vấn đề cốt lõi để tạo nên động cơ chính trị và động cơ kinh tế lành mạnh. Văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế đều phải

dựa trên nền tảng của giáo dục, luật pháp và đạo đức xã hội, đều phải dựa trên những giá trị văn hóa cơ bản là chân, thiện, mỹ. Nếu chính trị và kinh tế không dựa trên nền tảng này để phát triển thì chắc chắn sẽ bị suy thoái và đổ vỡ.

Điều khác biệt cơ bản giữa văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế là ở đặc trưng của mỗi lĩnh vực này. Nếu đặc trưng của văn hóa trong chính trị là đạo đức quyền lực, đạo đức của người có quyền lực chính trị và ý nghĩa của việc sử dụng quyền lực chính trị thì đặc trưng của văn hóa trong kinh tế là đạo đức của người tìm kiếm lợi ích vật chất, tìm kiếm của cải thặng dư và sử dụng nguồn của cải đó. Tuy vậy, hành vi văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế này lại bị quy định bởi lý tưởng chính trị và ý nghĩa của cuộc sống mà con người lựa chọn trên cơ sở định hướng giá trị xã hội chung.

Việc xây dựng văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế mà Nghị quyết Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI nêu ra là hết sức cần thiết để góp phần tạo động lực cho quá trình phát triển bền vững của đất nước.

Trong quá trình xây dựng văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế, chúng ta không chỉ khai thác và phát huy các giá trị văn hóa, các hoạt động văn hóa; không chỉ tập trung xây dựng con người và môi trường văn hóa trong chính trị và kinh tế mà còn tập trung xây dựng thể chế chính trị và thể chế kinh tế để kiến tạo văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế. Trong công trình nghiên cứu nổi tiếng của hai học giả Daron Acemoglu và James A. Robinson là *Nguồn gốc của quyền lực, thịnh vượng và nghèo đói. Tại sao các quốc gia thất bại?* đã chứng minh rằng những thể chế chính trị và

thể chế kinh tế do con người tạo ra là nguyên nhân căn bản của thành công (hay không thành công) về kinh tế¹. Tuy nhiên, chính các tác giả trong công trình này cũng xác nhận văn hóa có vai trò quan trọng trong xây dựng thể chế chính trị và thể chế kinh tế. Khi quyền về chính trị được mở rộng, thì người dân sử dụng những quyền ấy để tiếp tục mở rộng cơ hội phát triển kinh tế của họ. Những mong muốn tìm kiếm nguyên nhân của sự đói nghèo hay giàu có từ động lực lịch sử hay động lực văn hóa của các xã hội là những gợi ý có ý nghĩa để nhận thức sâu sắc hơn về mối quan hệ giữa văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế hiện nay.

d) Vai trò của văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế đối với sự phát triển bền vững đất nước

- Văn hóa là nền tảng tinh thần để chính trị và kinh tế phát triển lành mạnh:

Trong đời sống xã hội, chính trị và kinh tế là hai lĩnh vực cơ bản có ý nghĩa quyết định đến sự tồn tại và phát triển của xã hội. Nếu kinh tế là nhân tố cơ bản để tạo nên cơ sở vật chất của xã hội thì chính trị là nhân tố có ý nghĩa quyết định sự ổn định và phát triển của xã hội.

Bất cứ chế độ chính trị và thể chế kinh tế nào cũng đều dựa trên nền tảng văn hóa của dân tộc, gắn liền với các truyền thống, các giá trị và chuẩn mực văn hóa của dân tộc đó. Các giá trị và chuẩn mực văn hóa này thấm thấu, lan tỏa vào trong chính trị và trong kinh tế, tạo thành điểm tựa tinh

1. Xem Daron Acemoglu và James A. Robinson: *Nguồn gốc quyền lực, thịnh vượng và nghèo đói. Tại sao các quốc gia thất bại?*, Trần Thị Kim Chi biên dịch với sự hợp tác của Hoàng Thạch Quân và Hoàng Ngọc Lan, Nxb. Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh, 2016, tr.22-23.

thần của chính trị và kinh tế trong một cộng đồng xã hội nhất định. Trong nền văn hóa Việt Nam, giá trị chủ đạo xuyên suốt lịch sử dựng nước và giữ nước của Nhân dân là chủ nghĩa yêu nước, tinh thần đại đoàn kết dân tộc, truyền thống nhân đạo, tinh thần trọng đạo lý, trọng tình nghĩa, cần cù, dũng cảm, lạc quan, yêu đời v.v.. Những giá trị văn hóa này thấm thấu và lan tỏa vào các hoạt động chính trị và kinh tế góp phần định hướng, đánh giá và điều chỉnh các hoạt động chính trị và kinh tế, tạo thành bản sắc và bản lĩnh của dân tộc trong chính trị và kinh tế, nâng cao sức mạnh của chế độ chính trị và khả năng phát triển của nền kinh tế. Vì vậy, kế thừa và phát huy các giá trị văn hóa trong chính trị và trong kinh tế để phát triển đất nước là yêu cầu cấp thiết hiện nay.

- Văn hóa là động lực để xây dựng, phát triển kinh tế và chính trị:

Bản chất của văn hóa là sự sáng tạo hướng tới cái đúng (chân), cái tốt (thiện) và cái đẹp (mỹ), hay nói cách khác là hướng tới các giá trị nhân văn, đề cao con người, đặt con người vào vị trí trung tâm của quá trình phát triển.

Đưa văn hóa vào trong chính trị và trong kinh tế nhằm mục tiêu xây dựng một chế độ chính trị nhân văn, mỗi người vì mọi người, bảo đảm tự do, bình đẳng cho con người, tạo cơ hội và điều kiện thuận lợi để con người được tự do và hạnh phúc. Vì vậy, các giá trị văn hóa tốt đẹp cũng chính là mục tiêu để xây dựng văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế. Xây dựng văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế là hướng tới mục tiêu xây dựng một chế độ chính trị nhân văn, một nền kinh tế nhân đạo, phát triển kinh tế bền

vững và bao trùm, bảo đảm cho mọi người đều được thụ hưởng thành quả của phát triển kinh tế và không ai bị bỏ lại phía sau.

Văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế là động lực để phát triển bền vững đất nước. Văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế là hai lĩnh vực cơ bản của đời sống xã hội có sức *lan tỏa sâu sắc và toàn diện* tới các lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội. Văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế được xây dựng vững chắc chính là hai “cột trụ” để xây dựng văn hóa trong các lĩnh vực xã hội khác, làm cho văn hóa thấm sâu vào đời sống xã hội và sinh hoạt của con người, góp phần tạo lập môi trường văn hóa lành mạnh để bảo đảm sự phát triển bền vững của đất nước.

Văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế góp phần nâng cao trình độ và chất lượng cuộc sống của con người, tạo cơ hội và điều kiện cho con người tham gia tích cực vào đời sống chính trị và đời sống kinh tế, thúc đẩy quá trình dân chủ hóa xã hội, kích thích năng lực sáng tạo, chủ động của con người trong việc xây dựng chế độ chính trị vững mạnh và phát triển kinh tế phồn vinh. Sự phát triển con người sẽ góp phần tích cực vào xây dựng văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế. Đồng thời, môi trường văn hóa trong chính trị và trong kinh tế phát triển lành mạnh cũng là nguồn dinh dưỡng để phát triển nguồn lực con người trong chính trị và trong kinh tế.

- *Văn hóa trong chính trị và trong kinh tế phát triển góp phần đẩy lùi các tiêu cực và tệ nạn xã hội*, đặc biệt là đấu tranh chống sự suy thoái về tư tưởng đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ.

Công cuộc đổi mới ở nước ta diễn ra hơn 30 năm qua đã đem lại những “thành tựu to lớn có ý nghĩa lịch sử”, nhưng đồng thời cũng đang đặt ra những thách thức mới, nhất là tình trạng suy thoái về tư tưởng, đạo đức, lối sống diễn ra phức tạp trong cán bộ, đảng viên và trong Nhân dân, gây bất bình trong xã hội, làm giảm sút niềm tin của Nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước, thậm chí đe dọa sự tồn vong của chế độ chính trị và phá hoại các thành tựu kinh tế đã đạt được. Vì vậy, xây dựng văn hóa trong chính trị và trong kinh tế nhằm nâng cao năng lực cầm quyền của Đảng, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước, xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa phát triển nhanh, bền vững và lành mạnh là điều kiện cơ bản và cấp thiết để đấu tranh chống lại các tiêu cực xã hội và tệ nạn xã hội, tạo lập môi trường tinh thần lành mạnh cho sự phát triển bền vững của đất nước.

- Văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế có vai trò quan trọng trong việc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, chống lại âm mưu “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch, góp phần bảo vệ độc lập chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ trong thời kỳ hội nhập quốc tế.

Chính trị và kinh tế là trụ cột để tạo nên “sức mạnh cứng” của quốc gia. Trong bối cảnh diễn biến phức tạp của tình hình quốc tế hiện nay, các quốc gia, các dân tộc vừa cạnh tranh, vừa hợp tác để phát triển. Mặc dù trong hơn 30 năm đổi mới vừa qua, thế và lực của Việt Nam trên trường quốc tế đã có những bước tiến quan trọng nhưng các thế lực thù địch vẫn chưa từ bỏ âm mưu “diễn biến hòa bình”, lợi dụng các vấn đề “tôn giáo”, “dân tộc”, “dân chủ”, “nhân quyền” để can thiệp vào công việc nội bộ, hòng thay

đổi chế độ chính trị ở nước ta. Vấn đề tranh chấp lãnh thổ, biển đảo, tranh giành ảnh hưởng của các nước lớn ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương và khu vực Biển Đông diễn ra phức tạp, khó lường. Vì vậy, xây dựng văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế, đề cao các giá trị tinh thần của dân tộc trong chính trị và trong kinh tế, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân dưới sự lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước, đấu tranh phê phán, phản bác các quan điểm sai trái của các thế lực quốc tế về các vấn đề chính trị, kinh tế ở Việt Nam hiện nay là vấn đề có ý nghĩa quan trọng, góp phần vào bảo đảm an ninh, quốc phòng, làm thất bại mọi âm mưu phá hoại sự nghiệp đổi mới, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong thời kỳ mới.

đ) Một số lý thuyết nghiên cứu về văn hóa trong chính trị và trong kinh tế

- *Tiếp cận theo lý thuyết hình thái kinh tế - xã hội:* Nghiên cứu về văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế ở Việt Nam hiện nay cần xuất phát từ quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử, xem xét văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế trong mối quan hệ biện chứng giữa cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội với kiến trúc thượng tầng, trước hết là mối quan hệ giữa chính trị và kinh tế trong một hình thái kinh tế - xã hội nhất định.

Chính trị và kinh tế là hai bộ phận rất cơ bản của một hình thái kinh tế - xã hội, có tác động hữu cơ mật thiết với nhau. Mặt khác, văn hóa và chính trị là hai bộ phận khác nhau của kiến trúc thượng tầng đều chịu sự quy định của tồn tại xã hội, chịu sự quy định của cơ sở kinh tế - xã hội nhưng

đều tác động năng động đến cơ sở hạ tầng, hoặc là thúc đẩy hoặc là kìm hãm sự phát triển của cơ sở hạ tầng.

Ở đây, cần chú ý đến tính đặc thù đối với sự tác động của văn hóa và chính trị đối với kinh tế. Văn hóa tác động tới kinh tế thông qua sức mạnh của truyền thống, của lối sống, phong tục, tập quán trong quá khứ và những tri thức, những sáng tạo về khoa học, công nghệ và trình độ, về kinh nghiệm và đạo đức trong sản xuất, kinh doanh và dịch vụ... Chính trị tác động đến kinh tế thông qua đường lối, chính sách, pháp luật và việc phân bổ, phối hợp các nguồn lực của nhà nước để phát triển kinh tế. Sự tác động của chính trị đối với kinh tế là tác động trực tiếp, tập trung và tức thì bằng các quyết định chính trị mang tính chất hành chính. Sự tác động của văn hóa đối với kinh tế thường thông qua con đường gián tiếp, từng bước, mang tính chất tự nguyện, tự ý thức để tạo nên sự thay đổi. Sự tác động của chính trị đối với kinh tế chủ yếu tập trung vào sức mạnh của thể chế, còn sự tác động của văn hóa đối với kinh tế chủ yếu thông qua thay đổi nhận thức và hành động của con người. Một vấn đề đáng lưu ý nữa ở đây là cần tôn trọng sự đa dạng trong sự khác biệt trong tác động của chính trị và văn hóa đối với kinh tế. Nếu chính trị điều tiết sự phát triển kinh tế thông qua quyền lực cứng là thể chế, luật pháp và các quy phạm mang tính chất hành chính, thì văn hóa điều tiết sự phát triển kinh tế thông qua sự thay đổi về các giá trị và chuẩn mực đạo đức, thẩm mỹ, sinh thái, nhân văn.

Sự tác động của kinh tế tới chính trị và văn hóa là sự tác động đồng thuận. Kinh tế là cơ sở, là tiền đề để xây dựng và củng cố chế độ chính trị và phát triển văn hóa. Chủ nghĩa duy vật đòi hỏi phải xem xét, giải quyết các vấn đề chính trị

và văn hóa từ nguyên nhân sâu xa của nó là kinh tế. Đồng thời, ở đây cũng phải chú ý tới việc chống tuyệt đối hóa các nhân tố chính trị, nhân tố kinh tế hoặc nhân tố văn hóa trong quá trình phát triển. Quan điểm duy vật lịch sử cũng đòi hỏi việc nghiên cứu văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế phải đặt vào hoàn cảnh lịch sử cụ thể của đất nước, chú ý tới các điều kiện khách quan và chủ quan tác động để phát hiện ra những vấn đề cần giải quyết một cách thiết thực, hợp lý.

- *Tiếp cận theo lý thuyết văn hóa và phát triển của UNESCO*: Nghiên cứu văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế ở Việt Nam cần dựa trên sự tiếp thu những thành tựu lý luận của Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa Liên hợp quốc (UNESCO) về vai trò của văn hóa đối với phát triển.

Nhận thức chung của loài người về của cải của một quốc gia đã được thể hiện trong Báo cáo Phát triển con người năm 1990 của Chương trình phát triển Liên hợp quốc (UNDP). Báo cáo bắt đầu bằng một tuyên bố: “Nhân dân là tài sản đích thực của một quốc gia”. Tuyên bố này đã khẳng định vai trò, vị thế của Nhân dân là chủ thể, động lực của lịch sử, đồng thời là của cải, tài sản quý giá nhất, có giá trị nhất của quốc gia. Điều này, chính Hồ Chí Minh đã từng khẳng định: “Trong bầu trời không có gì quý bằng nhân dân”. Đây là tuyên bố có ý nghĩa định hướng chiến lược đối với nền chính trị thế giới và quy tụ sự phấn đấu của các quốc gia vì lợi ích của nhân dân. Tuyên bố chung về Sự đa dạng văn hóa của UNESCO xác định: “Văn hóa tạo nên một chiều cạnh cơ bản của quá trình phát triển và giúp củng cố nền độc lập, chủ quyền và bản sắc của các quốc gia. Sự tăng trưởng thường

được hình dung dưới dạng định lượng mà không tính đến chiều cạnh chất lượng thiết yếu của nó, cụ thể là sự hài lòng về mặt tinh thần và những khát vọng văn hóa của con người. Mục tiêu của sự phát triển đích thực là duy trì sự khỏe mạnh, hạnh phúc và sự hoàn thiện của mỗi và mọi cá nhân”¹.

Theo Edgar Morin, văn hóa là: “Sự tổng hòa của các tri thức, các kỹ năng, các quy tắc, các chuẩn mực, các yêu cầu, các chiến lược, các đức tin, các tư tưởng, các giá trị, và các thần thoại được truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác và được tái tạo trong mỗi cá nhân, kiểm soát sự tồn tại của xã hội và duy trì sự phức tạp về tâm lý và xã hội”².

Như vậy, mục tiêu của chính trị là hướng tới phục vụ Nhân dân, vì lợi ích chân chính và hạnh phúc của Nhân dân. Đây chính là của cải, là tài sản quý giá nhất của mỗi quốc gia chứ không phải là tăng trưởng kinh tế, tách rời hạnh phúc của Nhân dân. Đây cũng chính là các giá trị văn hóa, giá trị con người mà các chế độ chính trị tiến bộ và nhân văn phải hướng tới.

Theo quan điểm của UNESCO, văn hóa tạo nên một chiều cạnh cơ bản của quá trình phát triển giúp “củng cố độc lập, chủ quyền và bản sắc quốc gia”. Như vậy, văn hóa là một bộ phận cấu thành bên trong của chính trị và kinh tế, là “ở trong chính trị” và “trong kinh tế” như Hồ Chí Minh đã từng khẳng định. Những nhận thức của thế giới hiện nay về văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế cũng tương đồng

1. UNESCO: *Universal Declaration on Cultural Diversity. World Conference on Cultural Policies*, Mondialent Mexico City, 1982.

2. Dẫn theo E. Morin: *Seven complex lessons education for the future*. UNESCO, Paris, 1999, p.26.

với tư tưởng Hồ Chí Minh, không xa lạ đối với việc xây dựng chế độ chính trị và phát triển kinh tế ở Việt Nam, nhưng nó góp phần làm sâu sắc hơn, toàn diện hơn những nhận thức chung của Đảng và Nhà nước ta về lĩnh vực này để tự tin đổi mới, sáng tạo hơn nữa trong quá trình xây dựng và phát triển bền vững đất nước hiện nay.

- *Tiếp cận theo lý thuyết hiện đại hóa*: Việc nghiên cứu văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế ở Việt Nam hiện nay cần đặt trong bối cảnh của quá trình hiện đại hóa và phát triển bao trùm, bền vững của đất nước.

Khái niệm hiện đại hóa đã xuất hiện ở châu Âu từ cuối thế kỷ XIX. Các tác phẩm của các nhà lý luận xã hội nổi tiếng như Henry Maine, Emile Durkheim, Karl Marx, Ferdinand Tönnies và Max Weber đã xây dựng nên một loạt các khái niệm nhằm miêu tả sự thay đổi các chuẩn mực xã hội và quan hệ xã hội diễn ra khi loài người chuyển từ sản xuất nông nghiệp sang sản xuất công nghiệp (chẳng hạn như các khái niệm: địa vị xã hội/khế ước xã hội; quan hệ cơ giới/quan hệ hữu cơ; cộng đồng/xã hội; quyền lực duy lý/quyền lực quan liêu/quyền lực xã hội). Theo Francis Fukuyama (giáo sư Đại học Johns Hopkins - Mỹ), học giả nổi tiếng với tác phẩm: *Sự tận cùng của lịch sử và con người cuối cùng* (1992), nhận xét: “Các nhà lý luận về hiện đại hóa đã đặt ra những chuẩn mực giá trị lớn cho hiện đại hóa và theo quan điểm của họ, những cái tốt đẹp của hiện đại hóa đều có xu hướng đồng hành với nhau. Phát triển kinh tế, biến đổi các quan hệ xã hội như đô thị hóa và phân rã các nhóm thị tộc cơ bản, nâng cao và mở rộng các trình độ giáo dục, chuyển đổi chuẩn mực hướng tới các giá trị như “hoàn thiện” và duy lý, thế tục hóa và phát triển các thiết chế chính trị dân chủ, tất cả đều được

xem là một tổng thể phụ thuộc lẫn nhau. Phát triển kinh tế sẽ nuôi dưỡng giáo dục tốt hơn, từ đó dẫn tới biến đổi giá trị, thúc đẩy nền chính trị hiện tại và cứ như vậy trong một chu trình hợp lý”¹.

Suốt một thời gian dài, mô hình phát triển “đuổi kịp” đã được coi là chủ đạo và gần như là duy nhất của các phi phương Tây muốn đứng ngang hàng với phương Tây và cố gắng đuổi kịp nó trong sự phát triển của mình. Nhưng chính Samuel Huntington (học giả nổi tiếng người Mỹ, giáo sư Đại học Harvard, Chủ tịch Viện Hàn lâm Harvard nghiên cứu quốc tế và khu vực) đã chỉ ra khả năng có một số con đường phát triển khác nhau:

Con đường thứ nhất, đó là Tây phương hóa mà không hiện đại hóa. Đây là đặc trưng của sự tiếp thu bề ngoài, đôi khi mang tính thao tác, kinh nghiệm của phương Tây mà không tiếp thu các nguyên lý và đặc điểm văn hóa của đời sống phương Tây. Nó liên quan đến việc phá bỏ các truyền thống văn hóa của chính mình mà không tính đến việc bổ sung cho kho tàng đó, dù chỉ một phần, bằng các hình mẫu vay mượn. Một xã hội như thế được gọi là xã hội truyền thống bị phá vỡ, không chuyển lên một trình độ phát triển tiếp theo. Đó là con đường mà Ai Cập và Philíppin đã đi. Dường như sự hiện diện của Mỹ ở Philíppin là yếu tố góp phần thúc đẩy tiếp thu kinh nghiệm và lối sống Mỹ, nhưng ở đó không để ra các mối quan hệ giống như chủ nghĩa tư bản phương Tây mà trái lại, đã hình thành xã hội kém hiệu quả nhất. Ai Cập và Philíppin hiện vẫn đang trong cảnh đói nghèo.

1. Dẫn theo *Niên giám thông tin khoa học xã hội nước ngoài*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, số 2 (2011), tr.147.

Con đường thứ hai, hiện đại hóa mà không phương Tây hóa. Đây là con đường mới về nguyên tắc so với con đường hiện đại hóa cổ điển luôn đi kèm với phương Tây hóa. Tiêu biểu là con đường của các nước ở Đông Á và Đông Nam Á. Các nước này đã hiện đại hóa mà không thay đổi bản sắc của mình. Người Nhật Bản đã thực hiện công cuộc hiện đại hóa trên chính mảnh đất và văn hóa của mình, tức là họ vẫn giữ nguyên vẹn những giá trị bản sắc văn hóa truyền thống đồng thời vẫn sản xuất ra các vật phẩm hiện đại, thực hiện được cuộc cách mạng công nghiệp. Sự chiếm đóng về quân sự và kinh tế của Mỹ ở Nhật Bản sau Chiến tranh thế giới thứ hai đòi hỏi phải phá vỡ cấu trúc tập thể vốn là đường dẫn của kiểu ý thức quân phiệt để quá trình tự do hóa được bắt đầu, nhưng nó chỉ dẫn tới kết quả phá vỡ diện mạo xã hội truyền thống. Vào những năm 50 thế kỷ XX, giới xã hội học Nhật Bản đã đưa ra một cương lĩnh khác: Không phá bỏ các cấu trúc mang tính tập thể của xã hội Nhật Bản mà thay đổi các mục tiêu của nhà nước, vì các cấu trúc kiểu công xã của Nhật Bản rất thích hợp với phương thức tiến hành sự tác động của nhà nước. Người Nhật Bản đã tiến hành cải cách sau khi từ chối tự do hóa, duy trì tính hiệu quả tập thể đã có. Xã hội Nhật Bản thay đổi vì nhà nước thay đổi mục tiêu của mình. Ở đây, không phải văn hóa thích nghi với các nhiệm vụ hiện đại hóa, mà chính là giới elite¹ lãnh đạo muốn thực hiện hiện đại hóa đã thích ứng với văn hóa. Hành động này giống như

1. Elite: từ tiếng Anh dùng để chỉ nhóm người có địa vị cao, có quyền lực và ảnh hưởng lớn đến xã hội, thường được hiểu là tầng lớp tinh hoa của xã hội (B.T).

nhà lập pháp Solon của Hy Lạp thời cổ đại. Khi người ta hỏi ông ta rằng, các đạo luật mà ông ta nghĩ ra có minh triết không, ông đã đáp rằng luật của ông minh triết vì dân có thể sống theo các đạo luật đó; còn nếu đem áp dụng những luật mà dân không quen và không thể sống theo đó, dựa trên cơ sở giả định rằng cần phải thay đổi dân, thay đổi và phá vỡ văn hóa để họ có thể theo luật mới thì sẽ khó có thể đem lại kết quả.

Tuy nhiên, hiện nay nhiều người cho rằng sự đình trệ của Nhật Bản vào thập niên 90 thế kỷ XX là hệ quả của phương Tây hóa không đầy đủ. Phải chăng kỹ thuật phương Tây cần phải có tinh thần phương Tây chứ không phải tinh thần Nhật Bản. Đây là bài toán cần lời giải đáp.

Con đường thứ ba là phát triển đuổi kịp, trong đó tỷ lệ hiện đại hóa và phương Tây hóa là tương đương nhau. Đây là mô hình đã được Nga, Thổ Nhĩ Kỳ, Mêhicô và các nước khác đi theo. Nhưng cả mô hình này, dù đã có nhiều thành công, xét cho cùng vẫn đi vào chỗ bế tắc. Bởi vì, một là do sự chuyển hóa nhanh của phương Tây ngày nay không cho phép các nước này dừng lại, phải đuổi kịp một giai đoạn nào đó của phương Tây; và hai là, nếu quá trình hòa giải văn hóa (reculturalization), một yếu tố của quá trình phương Tây hóa, tức là phủ nhận văn hóa của chính mình được thực hiện một cách vội vã hoặc thô bạo thì không tránh khỏi sự phản kháng và bị đẩy ngược về phía sau. Những thất bại của cuộc cải cách ở Nga trong thập niên 90 thế kỷ XX là minh chứng rất rõ cho luận điểm này.

Theo Huntington, hình thức phát triển thích hợp nhất của các xã hội là mô hình hiện đại hóa quốc gia - dân tộc.

Điển hình cho mô hình này là Trung Quốc. Công cuộc cải cách ở Trung Quốc được bắt đầu từ việc cải cách nền kinh tế - quan hệ sản xuất ở nông thôn; đồng thời tiến hành dần từng bước quá trình cải cách các quan niệm lý luận - thời kỳ đầu cải cách, người ta nói nhiều đến việc quay trở về các nguyên tắc kế hoạch hóa nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa mà trước đó đã bị tha hóa trong thời kỳ “cách mạng văn hóa”, rồi nói đến việc sử dụng thị trường, nhưng đó là thị trường chịu sự lãnh đạo của kế hoạch, sau này mới xuất hiện thuật ngữ “nền kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa”. Phương pháp luận của cải cách trong hiện đại hóa ở Trung Quốc là làm tuần tự, dần từng bước và có xét đến đặc điểm của nước mình, dân tộc mình. Đó là “quy tắc vàng của cải cách”, cải cách phân biệt với cách mạng, tốc độ của cải cách phải phù hợp với năng lực của người thích nghi với những bước chuyển của cải cách. Như vậy, hiện đại hóa không chỉ là gia tăng tư bản, phát triển kinh tế, mà cần quan tâm tới chiều cạnh văn hóa, xã hội của hiện đại hóa¹.

Nhìn lại quá trình đổi mới của Việt Nam, mô hình hiện đại hóa của Việt Nam là hoàn toàn đúng đắn, có những bước đi tuần tự, khoa học, tập trung vào đổi mới kinh tế, từng bước đổi mới chính trị trên cơ sở chú trọng phát triển văn hóa, xác định văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là động lực thúc đẩy kinh tế - xã hội, tập

1. Xem thêm V.G.Fedetova: “Những xu hướng mới trong cách hiểu về hiện đại hóa”, trong *Niên giám thông tin khoa học xã hội nước ngoài*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2012, số 4, tr.139-150.

trung vào đổi mới giáo dục, đào tạo nguồn nhân lực, đảm bảo an sinh xã hội, xóa đói, giảm nghèo bền vững, củng cố quốc phòng và an ninh quốc gia, tạo lập môi trường hòa bình cho phát triển đất nước. Đây là “những thắng lợi to lớn, có ý nghĩa lịch sử” của dân tộc, cần tiếp tục được nghiên cứu, đúc rút kinh nghiệm để tạo nên những “đột phá” mới trong thời kỳ hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng hơn. Những định hướng phát triển bền vững đất nước được khẳng định trong *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011)* và các Nghị quyết Đại hội và Hội nghị Trung ương Đảng khóa XII về phát triển kinh tế - xã hội đã thể hiện tầm nhìn bao quát và sâu sắc của Đảng ta về hiện đại hóa đất nước. Về quan điểm biện chứng, tổng hợp và toàn diện trong chiến lược hiện đại hóa gắn với phát triển bền vững bao trùm, hướng tới sự phát triển của hiện tại không làm mất đi cơ hội của tương lai, không để lại ai phía sau quá trình phát triển, để làm được điều này, cần phải khẳng định rõ ràng và nhất quán hơn nữa vai trò của việc xây dựng văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế, để văn hóa thực sự vừa làm nền tảng tinh thần, vừa là mục tiêu, vừa là động lực để phát triển kinh tế và chính trị, nâng cao chất lượng của chính trị và kinh tế trong quá trình xây dựng và bảo vệ Tổ quốc dưới sự lãnh đạo của Đảng.

- *Tiếp cận từ lý thuyết giá trị học*: Nghiên cứu về văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế ở Việt Nam cần quan tâm tới vấn đề chuyển đổi giá trị trong xu thế hiện đại hóa.

Những nghiên cứu của Dự án Khảo sát giá trị thế giới do GS. Ronald Inglehart và GS. Christian Welzel chủ trì

và công bố gần đây trong cuốn chuyên khảo *Hiện đại hóa, biến đổi văn hóa và dân chủ* cho thấy những gợi ý tham chiếu có ý nghĩa nhất định khi nghiên cứu về văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế ở Việt Nam hiện nay. Trong công trình *Phát triển dẫn tới dân chủ như thế nào? Những điều chúng ta biết về hiện đại hóa*, hai ông đã cho thấy rõ mối liên hệ biện chứng giữa hiện đại hóa và phát triển dân chủ. Hai ông nhấn mạnh rằng: “Tiền đề cốt lõi của học thuyết hiện đại hóa là đúng đắn: phát triển kinh tế thị trường đưa đến những thay đổi quan trọng, gần như có thể tiên đoán được, trong các lĩnh vực xã hội, văn hóa và chính trị. Nhưng những kiến giải trước đây của học thuyết hiện đại hóa cần phải được chỉnh sửa ở nhiều phương diện”¹. Theo các ông, đó là:

Trước hết, hiện đại hóa không đi theo một đường thẳng. Nó không chuyển động mãi theo một hướng nhất định, thay vào đó, quá trình này luôn vấp phải những điểm chuyển điệu. Bằng chứng thực tế cho thấy, mỗi thời kỳ trong quá trình hiện đại hóa gắn với những chuyển biến đặc biệt trong thế giới quan của con người. Công nghiệp hóa kéo theo một quá trình biến đổi quan trọng, dẫn tới quan liêu hóa, phân chia giai cấp, tập trung quyền lực, thế tục hóa, và một sự chuyển dịch từ giá trị truyền thống sang giá trị duy lý phi tôn giáo. Sự phát triển của xã hội hậu công nghiệp đem đến hàng loạt chuyển biến về văn hóa, tạo ra một hướng chuyển

1. Xem Ronald Inglehart & Christian Welzel: “Phát triển dẫn tới dân chủ như thế nào? Những điều chúng ta biết về hiện đại hóa”, *Niên giám Thông tin khoa học xã hội nước ngoài*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2011, số 2, tr.419.

mới: Khuynh hướng mới ngày càng nhấn mạnh *ý chí tự do cá nhân* và các *giá trị bộc lộ bản ngã* chứ không phải quan liêu hóa và tập trung hóa.

Hai là, những chuyển biến về xã hội và văn hóa có tính phụ thuộc tuần tự và có tính lịch sử. Tuy phát triển kinh tế thường mang lại những chuyển biến có thể dự báo trước trong thế giới quan của con người, nhưng di sản của một xã hội - dù di sản đó là đạo Tin lành, Công giáo, Hồi giáo, Khổng giáo hay do chủ nghĩa cộng sản tạo nên thì đều để lại dấu ấn lâu dài trong thế giới quan của xã hội ấy. Hệ thống giá trị của một xã hội phản ánh sự tương tác giữa các động lực của quá trình hiện đại hóa và ảnh hưởng dai dẳng của truyền thống. Mặc dù các nhà nghiên cứu học thuyết hiện đại hóa cổ điển ở cả phương Tây và phương Đông đều cho rằng tôn giáo và truyền thống dân tộc rồi đây sẽ bị mai một, nhưng trên thực tế lại có một sức sống mãnh liệt. Mặc dù công chúng của các xã hội đang trong thời kỳ công nghiệp hóa trở nên giàu có hơn và có học vấn cao hơn, nhưng vẫn khó tạo được nền văn hóa đồng nhất toàn cầu. Các di sản văn hóa tồn tại cực kỳ bền vững.

Ba là, hiện đại hóa không có nghĩa là phương Tây hóa, quan niệm này trái với cách kiến giải mang màu sắc chủ nghĩa vị chủng trước đây của học thuyết hiện đại hóa.

Bốn là, hiện đại hóa không tự dẫn đến dân chủ. Đúng hơn là, xét về lâu dài, hiện đại hóa mang lại những thay đổi xã hội và văn hóa để dân chủ hóa dần trở thành hiện thực. Có mức thu nhập bình quân đầu người cao đơn thuần không tạo ra dân chủ, ví dụ như trường hợp Côoét và Các tiểu vương quốc Arập thống nhất.

Các nghiên cứu của hai ông cũng chỉ ra rằng: Điểm trọng yếu của chế độ dân chủ là trao quyền cho những người dân. Chỉ số thực chất tổng quát của chế độ dân chủ có thể tính toán được bằng cách nhân hai điểm số sau: dân chủ hình thức (được đánh giá bằng sự hiện hữu của các quyền trên giấy tờ theo cách đánh giá của tổ chức Freedom House dựa trên quyền dân sự và chính trị); và sự trong sạch của thể chế và của giới lãnh đạo (do Ngân hàng Thế giới đánh giá).

Dân chủ thực sự là một tiêu chuẩn khắt khe hơn chế độ dân chủ tuyển cử. Chế độ dân chủ tuyển cử có thể thiết lập ở khắp mọi nơi nhưng nó không thể tồn tại lâu dài nếu không được chuyển giao quyền lực từ giới lãnh đạo tới tay người dân. Dân chủ thực sự gắn chặt với một cơ sở hạ tầng tương đối phát triển bao gồm không chỉ các nguồn lực về kinh tế mà cả những thói quen tham gia hoạt động chính trị và coi trọng quyền lực tự chủ, coi trọng bản ngã của người dân. Mặc dù còn có những ý kiến khác nhau về những nhận định này nhưng đây là những gợi ý cần thiết để chúng ta suy nghĩ về việc xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa dưới sự lãnh đạo của đảng cộng sản. Văn hóa Việt Nam trong thời kỳ đổi mới hiện nay cũng đang ở vào quá trình chuyển đổi giá trị từ truyền thống sang hiện đại trong bối cảnh hội nhập quốc tế. Mối quan hệ giữa các giá trị truyền thống và hiện đại, giá trị cá nhân và giá trị cộng đồng, vấn đề giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc và tiếp thu tinh hoa văn hóa thế giới cũng đã tác động mạnh đến xây dựng văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế hiện nay.

- *Tiếp cận từ thực tiễn đổi mới ở Việt Nam*: Nghiên cứu văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế ở Việt Nam

hiện nay cần đặt trong bối cảnh Việt Nam thời kỳ đổi mới, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và tích cực, chủ động hội nhập quốc tế.

Việt Nam bắt đầu tiến hành sự nghiệp đổi mới từ năm 1986 (từ khi tiến hành Đại hội VI), đến nay đã được hơn 30 năm. Quá trình đổi mới được bắt đầu từ đổi mới về kinh tế, chuyển từ mô hình kinh tế tập trung quan liêu, bao cấp sang mô hình phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần có sự quản lý của Nhà nước và từng bước xác lập mô hình xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế. Trên cơ sở đổi mới kinh tế, Việt Nam đã từng bước đổi mới chính trị, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, thực hành dân chủ xã hội chủ nghĩa, đa dạng hóa, đa phương hóa các quan hệ quốc tế trên cơ sở tôn trọng lợi ích của nhau, phấn đấu vì mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”¹. Văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế trong hơn 30 năm đổi mới ở Việt Nam được xây dựng và phát triển liên tục gắn liền với quá trình đổi mới nhận thức của Đảng về mô hình chế độ xã hội chủ nghĩa mà Nhân dân ta xây dựng; về đặc điểm thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa ở Việt Nam; về phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; về vai trò của các thành phần kinh tế và kinh tế nhà nước; về xây dựng Đảng cầm quyền và xây

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Sdd, tr.102.

dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân; về phát triển văn hóa, khoa học, giáo dục, quản lý các vấn đề xã hội; về công tác đối ngoại, đảm bảo quốc phòng và an ninh quốc gia...

Tổng kết 30 năm đổi mới, Đảng ta đã rút ra năm bài học kinh nghiệm, trong đó có bài học “đổi mới phải toàn diện, đồng bộ, có bước đi phù hợp; tôn trọng quy luật khách quan, xuất phát từ thực tiễn, bám sát thực tiễn, coi trọng tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận, tập trung giải quyết kịp thời, hiệu quả những vấn đề do thực tiễn đặt ra”¹. Đây là những kết luận có ý nghĩa phương pháp luận quan trọng để nghiên cứu vấn đề xây dựng văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế ở Việt Nam hiện nay.

Trên cơ sở các phương pháp tiếp cận này, chúng tôi cố gắng tích hợp lại để có cái nhìn tổng thể, bao quát toàn diện hơn trong quá trình đi sâu vào nghiên cứu văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế ở Việt Nam hiện nay.

II- CƠ SỞ THỰC TIỄN

1. Khái quát bối cảnh quốc tế và trong nước tác động đến văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế ở nước ta qua hơn 30 năm đổi mới (1986 - 2019)

a) Tình hình quốc tế

Những năm cuối thế kỷ XX, tình hình thế giới đã diễn ra những biến đổi to lớn, sâu sắc. Nhiều nước xã hội chủ nghĩa

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Sdd, tr.69.

lâm vào khủng hoảng kinh tế - xã hội trầm trọng. Để thoát khỏi tình trạng khủng hoảng, cải tổ và đổi mới đã trở thành xu thế khách quan ở các nước xã hội chủ nghĩa. Tuy nhiên, do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan, từ cuối thập niên 80 đến đầu thập niên 90 thế kỷ XX, chế độ xã hội chủ nghĩa theo mô hình Xôviết ở Liên Xô và Đông Âu sụp đổ; chủ nghĩa xã hội và phong trào cộng sản, công nhân quốc tế lâm vào tình trạng thoái trào, chủ nghĩa tư bản đã tự điều chỉnh, thích ứng và sử dụng những thành quả của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại nên đã có bước tăng trưởng đáng kể. Cục diện thế giới thay đổi to lớn và sâu sắc. Mỹ trở thành siêu cường số một muốn thiết lập trật tự thế giới đơn cực để chi phối thế giới. Mặt khác, xu hướng đấu tranh giữa các nước lớn để tạo lập trật tự thế giới đa cực cũng diễn ra phức tạp, đặc biệt là sự trỗi dậy của Trung Quốc, Nga, Liên minh châu Âu (EU), Ấn Độ, v.v.. Toàn cầu hóa và cuộc cách mạng khoa học và công nghệ diễn ra mạnh mẽ thúc đẩy sự hình thành nền kinh tế tri thức và xã hội thông tin, ảnh hưởng sâu sắc đến quá trình phát triển của nhiều nước.

Những mâu thuẫn về giai cấp, dân tộc, tôn giáo diễn ra ngày càng phức tạp. Mặc dù xu thế hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ, vừa đấu tranh vừa hợp tác là xu thế lớn nhưng chiến tranh cục bộ, xung đột và chạy đua vũ trang, xung đột sắc tộc, tôn giáo, hoạt động can thiệp, lật đổ, khủng bố, tranh chấp lãnh thổ, tài nguyên và cạnh tranh vì lợi ích kinh tế vẫn diễn ra gay gắt. Các vấn đề toàn cầu và an ninh phi truyền thống như: an ninh tài chính, an ninh năng lượng, an ninh lương thực, an ninh mạng, biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh, nước biển dâng, v.v. diễn biến phức tạp. Nền kinh tế

thế giới phục hồi chậm, ảnh hưởng của chiến tranh thương mại Mỹ - Trung đã tác động tiêu cực đến kinh tế toàn cầu. Các nước lớn vừa hợp tác, thỏa hiệp, vừa cạnh tranh, kiềm chế lẫn nhau, làm phức tạp hơn các mối quan hệ quốc tế. Khu vực châu Á - Thái Bình Dương và Đông Nam Á phát triển năng động nhưng cũng tiềm ẩn nhân tố bất ổn, nhất là tình trạng tranh chấp lãnh thổ, biển đảo, tài nguyên ngày càng gay gắt.

b) Tình hình trong nước

Quá trình đổi mới ở Việt Nam đã trải qua bốn giai đoạn chính. Sau 10 năm đầu đổi mới (1986 - 1996), Việt Nam đã từng bước vượt qua được sự bao vây, cấm vận của nước ngoài, đất nước đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, cơ bản đã hoàn thành những nhiệm vụ của chặng đường đầu của thời kỳ quá độ, chuyển sang thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Giai đoạn 10 năm 1996 - 2006, về cơ bản, tình hình đất nước ổn định. Các khó khăn, thách thức từng bước được khắc phục; sản xuất phát triển, tốc độ tăng trưởng kinh tế nhanh, đời sống nhân dân từng bước được cải thiện. Vị thế, vai trò quốc tế của Việt Nam được nâng lên. Thế và lực, sức mạnh tổng hợp của đất nước đã tăng lên.

Trong 10 năm 2006 - 2016, đất nước đã ra khỏi tình trạng nước nghèo, kém phát triển, trở thành nước đang phát triển có thu nhập trung bình, đạt tốc độ tăng trưởng khá, chính trị - xã hội ổn định, an sinh xã hội được bảo đảm.

Từ năm 2016 đến năm 2019, mặc dù khủng hoảng về tài chính và sự suy thoái kinh tế toàn cầu đã tác động tiêu cực đến tình hình kinh tế thế giới nhưng kinh tế Việt Nam vẫn

giữ được tốc độ tăng trưởng khá. Cuộc đấu tranh chống tham nhũng diễn ra quyết liệt không làm cho kinh tế suy thoái, mà ngược lại, nó củng cố niềm tin của Nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng, Nhà nước, củng cố niềm tin của các nhà đầu tư trong nước và quốc tế. Kinh tế năm 2018 tăng trưởng 7,08%, cao nhất so với thời gian 5 năm trở lại đây. Tuy nhiên, những nguy cơ mà Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khóa VII nêu ra gồm: nguy cơ tụt hậu, nguy cơ tham nhũng, nguy cơ chệch hướng và nguy cơ “diễn biến hòa bình” vẫn đang là những thách thức lớn đối với sự nghiệp đổi mới. Mặt khác, cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển, đảo trên Biển Đông, cuộc đấu tranh chống “tự chuyển hóa”, “tự diễn biến” trong nội bộ và chống các tiêu cực xã hội, tệ nạn xã hội, đang đòi hỏi quyết tâm cao của cả hệ thống chính trị và toàn thể nhân dân trong tình hình mới.

2. Các nhân tố tác động lớn đến văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế ở nước ta qua hơn 30 năm đổi mới

Nhìn một cách khái quát, các nhân tố có tác động lớn đến văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế ở Việt Nam thời gian hơn 30 năm đổi mới vừa qua bao gồm một số các nhân tố lớn sau đây:

Thứ nhất là nhân tố kinh tế. Quá trình chuyển đổi từ nền kinh tế kế hoạch tập trung cao độ sang phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa diễn ra từng bước gắn với sự phát triển nhận thức lý luận về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và việc tổng kết kinh nghiệm thực tiễn xây dựng và phát triển kinh tế ở nước ta.

Từ chỗ xác định kinh tế hàng hóa, kinh tế thị trường là điều kiện, là phương tiện để xây dựng chủ nghĩa xã hội, áp dụng cơ chế thị trường vào trong sản xuất, kinh doanh, Đảng ta đã tiến tới khẳng định phát triển mạnh mẽ kinh tế thị trường, đưa ra quan điểm và từng bước cụ thể hóa mô hình kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Đảng ta khẳng định: “Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nền kinh tế vận hành đầy đủ, đồng bộ theo các quy luật của kinh tế thị trường, đồng thời bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa phù hợp với từng giai đoạn phát triển của đất nước. Đó là nền kinh tế thị trường hiện đại và hội nhập quốc tế, có sự quản lý của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, nhằm mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”¹. Đây là nền kinh tế có nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, hoạt động trên cơ sở quy luật thị trường, tự do cạnh tranh, bình đẳng theo Hiến pháp và pháp luật. Quá trình phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đã tác động mạnh mẽ đến văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế, đòi hỏi Đảng và Nhà nước phải thay đổi tầm nhìn, cách nhìn, đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước cũng như phát huy vai trò của Nhân dân trong quá trình này.

Quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước là quá trình chuyển đổi nền kinh tế từ nông nghiệp

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Sdd, tr.102.

phân tán, nhỏ lẻ, lạc hậu sang phát triển nền kinh tế công nghiệp hiện đại, nông nghiệp hiện đại, dịch vụ tiên tiến dựa trên nguồn nhân lực chất lượng cao và trình độ khoa học tiên tiến. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước được tiến hành theo ba bước: *bước một* là tạo tiền đề, điều kiện để công nghiệp hóa, hiện đại hóa; *bước hai* là đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa; *bước ba* là nâng cao chất lượng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa mà Đảng và Nhà nước lựa chọn là công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo hướng nhân văn, trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế, lấy khoa học, công nghệ, tri thức và nguồn nhân lực chất lượng cao làm động lực chủ yếu; huy động và phân bổ có hiệu quả mọi nguồn lực phát triển. Trong quá trình này, Đảng và Nhà nước chú trọng công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, phát triển nhanh, bền vững, quyết tâm đưa đất nước ta sớm thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại, nhân văn, lấy con người làm trung tâm của quá trình phát triển.

Thứ hai là nhân tố chính trị. Cùng với quá trình đổi mới về kinh tế, Đảng ta từng bước đổi mới về chính trị. Đảng đã nhận thức ngày càng sâu sắc về vai trò và tầm quan trọng của xây dựng và phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, khẳng định dân chủ là bản chất của chế độ ta, vừa là mục tiêu vừa là động lực của công cuộc đổi mới. “Nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam phải vừa thể hiện được các giá trị phổ quát nhất của nhân loại, vừa phải thể hiện những giá trị đặc trưng phản ánh bản sắc, đặc điểm văn hóa, truyền thống của Việt Nam: có nội dung cốt lõi là tôn trọng, bảo đảm quyền

con người, quyền công dân, quyền làm chủ của Nhân dân, gắn với trách nhiệm và nghĩa vụ công dân nhằm tạo ra ngày càng đầy đủ những điều kiện cho sự giải phóng mọi năng lực sáng tạo của con người, gắn liền với việc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa (được quy định trong Hiến pháp năm 2013)”¹.

Thực chất của đổi mới chính trị ở nước ta dưới sự lãnh đạo của Đảng là thực hiện dân chủ, phát huy quyền làm chủ của Nhân dân. Phát huy dân chủ đồng thời phải gắn liền với tăng cường kỷ cương, kỷ luật, tuân thủ pháp luật. Cơ chế vận hành của hệ thống chính trị ở nước ta là “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ”, chú trọng phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong sự nghiệp đại đoàn kết dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, bảo đảm sự gắn bó mật thiết giữa Nhân dân với Đảng, Nhà nước, thực hiện chức năng giám sát và phản biện xã hội.

Trong quá trình đổi mới chính trị, Đảng ta đã đẩy mạnh công tác xây dựng Đảng, xác định thực hành dân chủ trong Đảng có ý nghĩa quyết định đối với phát triển dân chủ trong tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị. Đảng ta tập trung vào nâng cao năng lực và phẩm chất cầm quyền lãnh đạo cách mạng của Đảng, đẩy mạnh đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị và xã hội, thường xuyên tự chỉnh đốn, tự đổi mới trong công tác xây

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, Ban Chấp hành Trung ương, Ban Chỉ đạo tổng kết: *Báo cáo tổng kết một số vấn đề lý luận, thực tiễn qua 30 năm đổi mới (1986 - 2016)*, lưu hành nội bộ, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2015, tr.40.

dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức, đấu tranh kiên quyết chống tình trạng suy thoái về tư tưởng, đạo đức, lối sống trong một bộ phận cán bộ, đảng viên, tình trạng “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ; nêu cao trách nhiệm nêu gương của người đứng đầu cấp ủy các cấp; thực hiện cơ chế kiểm soát quyền lực, ngăn ngừa tình trạng lạm quyền, vi phạm kỷ luật, kỷ cương.

Đảng ta đã tập trung chỉ đạo xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam để quản lý đất nước. Đây là Nhà nước của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân, tất cả quyền lực nhà nước đều thuộc về Nhân dân, có sự phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp, chú trọng yêu cầu khách quan của kiểm soát quyền lực trong Nhà nước pháp quyền, bảo đảm mối quan hệ thống nhất giữa Trung ương và địa phương. Vấn đề xây dựng Nhà nước pháp quyền đã được tiến hành đồng bộ trên cả ba mặt lập pháp, hành pháp và tư pháp và được tiến hành đồng bộ với đổi mới hệ thống chính trị theo hướng tinh gọn, hiệu quả, gắn với đổi mới kinh tế, văn hóa, xã hội. Hoạt động của Quốc hội, Chính phủ, Tòa án, Viện Kiểm sát nhân dân và hoạt động của chính quyền địa phương đang từng bước có sự đổi mới phù hợp với quá trình phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, hội nhập quốc tế và đặc điểm cụ thể của từng địa phương theo quy định của pháp luật. Công tác xây dựng Đảng, quản lý đội ngũ cán bộ, công chức được chú trọng cả về năng lực và phẩm chất đạo đức, trách nhiệm xã hội. Cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, quan liêu, lãng phí, hách dịch, cửa quyền, thực hành tiết

kiệm trong các cơ quan nhà nước và trong đội ngũ cán bộ, công chức được đề cao. Tăng cường vai trò giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội, của các cơ quan thông tin đại chúng và của Nhân dân.

Quá trình xây dựng hệ thống chính trị trong bối cảnh phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế trong hơn 30 năm qua đã tạo được những thành tựu to lớn, bảo đảm ổn định chính trị - xã hội, giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, góp phần nâng cao vị thế của đất nước trong giao lưu và hợp tác quốc tế; củng cố niềm tin của Nhân dân vào sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng và Nhà nước; phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Tuy nhiên, do những nguyên nhân khách quan và chủ quan khác nhau, tình hình chính trị - xã hội của đất nước cũng đang đứng trước những khó khăn và thách thức mới. Những nguy cơ đe dọa đến sự ổn định của chế độ chính trị mà Nghị quyết Đại hội giữa nhiệm kỳ khóa VII nêu ra vẫn còn tồn tại, có mặt còn diễn biến phức tạp, nhất là tình trạng suy thoái về tư tưởng, đạo đức, lối sống và âm mưu “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch. Điều này tác động mạnh mẽ đến quá trình xây dựng văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế ở nước ta thời gian vừa qua.

Thứ ba là nhân tố văn hóa - xã hội. Để bảo đảm điều kiện về nguồn nhân lực và môi trường văn hóa cho quá trình phát triển kinh tế và xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, Đảng ta đã sớm xác định nhiệm vụ phát triển giáo

dục - đào tạo cùng với khoa học và công nghệ phải được coi là “quốc sách hàng đầu”; xây dựng và phát triển văn hóa là nền tảng tinh thần, vừa là mục tiêu, vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển bền vững đất nước. Các nghị quyết quan trọng của Đảng về văn hóa, giáo dục - đào tạo, khoa học và công nghệ, chăm sóc sức khỏe, bảo đảm an sinh xã hội, bảo vệ tài nguyên môi trường đã có tác động mạnh mẽ đến đời sống xã hội, góp phần tạo nên sự chuyển biến tích cực trên các lĩnh vực này, hướng vào nâng cao năng lực của con người, tạo lập môi trường văn hóa phát triển lành mạnh để phát triển kinh tế - xã hội.

Quan điểm của Đảng về đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục, đào tạo; phát triển nguồn nhân lực đã từng bước được thể chế hóa và tổ chức thực hiện, bước đầu đáp ứng được yêu cầu nâng cao dân trí, đào tạo nguồn nhân lực, bồi dưỡng tài năng của xã hội, Quy mô, mạng lưới cơ sở giáo dục và đào tạo tiếp tục được mở rộng. Hệ thống giáo dục và đào tạo các cấp được tổ chức lại. Đầu tư cho giáo dục được nâng lên cả từ phía Nhà nước và xã hội. Chất lượng giáo dục và đào tạo có tiến bộ. Khoa học và công nghệ đã có đóng góp tích cực cho sự phát triển kinh tế - xã hội trên tất cả các lĩnh vực từ khoa học xã hội nhân văn, khoa học tự nhiên đến khoa học và công nghệ. Hiệu quả hoạt động khoa học và công nghệ đã có chuyển biến tích cực, gắn bó với phát triển kinh tế - xã hội và tăng cường quốc phòng - an ninh. Quá trình xây dựng và phát triển nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc đã có sự chuyển biến tích cực. Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” đã có tác động tích cực đến cộng đồng. Các hoạt động bảo tồn,

phát huy di sản văn hóa; phát triển văn học, nghệ thuật, thông tin đại chúng đã có nhiều thành tựu, góp phần đáp ứng nhu cầu văn hóa tinh thần ngày càng cao của Nhân dân. Thị trường văn hóa đã từng bước hình thành và phát triển, một số ngành trong lĩnh vực công nghiệp văn hóa như điện ảnh, biểu diễn nghệ thuật, du lịch văn hóa, ca nhạc, thời trang, v.v. đã bước đầu khẳng định được vị trí trong xã hội. Giao lưu văn hóa quốc tế được mở rộng. Vấn đề đoàn kết dân tộc, đoàn kết tôn giáo được coi trọng. Chính sách an sinh xã hội được bảo đảm. Công tác xóa đói, giảm nghèo bền vững đã có những thành tựu đáng khích lệ. Trật tự an toàn xã hội được bảo đảm.

Tuy nhiên, trên lĩnh vực văn hóa - xã hội, cũng xuất hiện nhiều những tiêu cực trở ngại đến xây dựng văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế. Đó là tình trạng giáo dục - đào tạo chưa đáp ứng được yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho phát triển kinh tế, khoa học và công nghệ chưa thực sự trở thành quốc sách hàng đầu, chưa trở thành động lực nâng cao năng suất lao động xã hội. Môi trường văn hóa còn chưa lành mạnh, xuất hiện nhiều tiêu cực và tệ nạn xã hội; phân hóa giàu - nghèo gia tăng, công tác giảm nghèo chưa bền vững.

Thứ tư, về lĩnh vực đối ngoại. Trong hơn 30 năm đổi mới, công tác đối ngoại của nước ta đã có những thành tựu to lớn, góp phần quan trọng vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Từ một nước bị bao vây, cấm vận, Việt Nam đã bình thường hóa quan hệ với các nước: Đến tháng 8/2018, thiết lập quan hệ với hơn 189 quốc gia và vùng lãnh thổ trong tổng số 193 thành viên của Liên hợp quốc, tham gia vào 70 tổ chức

quốc tế, khu vực và đóng vai trò tích cực, chủ động và có trách nhiệm. Tiếng nói của Việt Nam trên trường quốc tế được các nước trong khu vực và quốc tế tôn trọng, nhiều sáng kiến của Việt Nam đã được cộng đồng quốc tế hoan nghênh. Cho đến nay, Việt Nam đã thiết lập được quan hệ với 16 đối tác chiến lược toàn diện, 11 đối tác toàn diện trên thế giới, hợp tác nhiều mặt với bạn bè quốc tế, tạo ra sự tin cậy, gắn bó chặt chẽ, tranh thủ được nguồn lực để phát triển đất nước, đồng thời tranh thủ sự ủng hộ, hỗ trợ của bạn bè quốc tế trong cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của đất nước¹.

Đường lối đối ngoại đúng đắn của Đảng đã góp phần tích cực vào quá trình hội nhập quốc tế của Việt Nam trên tất cả các lĩnh vực: kinh tế, chính trị, xã hội, an ninh - quốc phòng. Đến nay, Việt Nam đã tham gia sâu rộng vào các định chế kinh tế, tài chính, thương mại của ASEAN như Khu vực mậu dịch tự do ASEAN (AFTA), Khu vực đầu tư ASEAN (AIA), là thành viên của Diễn đàn hợp tác Á - Âu (ASEM), Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC), có quan hệ chặt chẽ với Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF), Ngân hàng Thế giới (WB), Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB), gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO), Hiệp định đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP).

Việt Nam đã tham gia vào lực lượng giữ gìn hòa bình thế giới, là ứng viên duy nhất của châu Á tham gia ứng cử và đã đắc cử vị trí Ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an

1. Số liệu công bố tại Hội nghị ngoại giao lần thứ 30 (từ ngày 12 đến ngày 17/8/2018).

Liên hợp quốc với số phiếu tín nhiệm là 192/193 phiếu (nhiệm kỳ 2020 - 2021). Chính nhờ đường lối đa phương hóa, đa dạng hóa các mối quan hệ quốc tế và phương châm tích cực, chủ động hội nhập quốc tế, tăng cường các hình thức đối ngoại của Đảng, của Nhà nước, của các đoàn thể chính trị - xã hội vì lợi ích của quốc gia, dân tộc, phù hợp với các nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế mà uy tín chính trị của Việt Nam được nâng lên một tầm cao mới, góp phần quan trọng vào chiến lược bảo vệ Tổ quốc từ xa, giữ vững môi trường hòa bình, khai thác sức mạnh của dân tộc và thời đại phục vụ cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong hơn 30 năm đổi mới vừa qua. Đây là những tác động thuận lợi để xây dựng văn hóa trong chính trị. Tuy nhiên, những vấn đề diễn biến phức tạp trong quan hệ giữa các nước lớn, những mâu thuẫn, xung đột về lợi ích dân tộc, quốc gia; những diễn biến phức tạp, khó lường trên thế giới cũng đặt ra nhiều khó khăn, phức tạp trong xây dựng văn hóa trong chính trị và trong kinh tế ở Việt Nam

Trên đây là một số nhân tố cơ bản từ kinh tế, chính trị đến văn hóa - xã hội đã tác động đến văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế ở Việt Nam trong hơn 30 năm đổi mới. Các nhân tố này đều ở trong quá trình sáng tạo và đổi mới không ngừng, trên cơ sở bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa vì mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”. Trong quá trình vận động và phát triển, các nhân tố này vừa có những tiến bộ và hạn chế nhất định, tác động nhiều chiều đến văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế. Đây là cơ sở thực tiễn quan trọng để đi sâu tìm hiểu thực trạng văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế ở

Việt Nam, từ đó có thể rút ra những bài học kinh nghiệm và đề xuất giải pháp xây dựng văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế ở Việt Nam trong giai đoạn tiếp theo.

III- NỘI DUNG XÂY DỰNG VĂN HÓA TRONG CHÍNH TRỊ VÀ VĂN HÓA TRONG KINH TẾ

Từ việc nhận thức rõ cơ sở lý luận và thực tiễn về văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế, có thể xác định những nội dung cơ bản cần làm rõ sau:

1. Nội dung xây dựng văn hóa trong chính trị

Mục tiêu xây dựng văn hóa trong chính trị là nhằm làm cho giá trị văn hóa bao gồm cái đúng, cái tốt, cái đẹp, cái hữu ích thấm sâu vào trong các tư tưởng, đường lối chính trị, hoạt động của hệ thống chính trị, thể chế chính trị, nghệ thuật chính trị, thấm sâu vào hoạt động của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, nâng cao trách nhiệm và sự tham gia chính trị của mọi tầng lớp nhân dân, phát huy vai trò của các lĩnh vực và các hoạt động văn hóa, nghệ thuật vào thực hiện mục tiêu chính trị thực tiễn.

Như vậy, xây dựng văn hóa trong chính trị gồm các nội dung chủ yếu sau:

Thứ nhất, xây dựng các giá trị và chuẩn mực văn hóa làm cơ sở cho hoạt động chính trị.

Các giá trị và chuẩn mực này phải thấm nhuần tinh thần dân tộc, dân chủ, khoa học và nhân văn, kế thừa các giá trị văn hóa tinh hoa của dân tộc, tiếp thu các giá trị tiến bộ của thời đại phù hợp với thực tiễn Việt Nam; đặc biệt là phát huy truyền thống yêu nước, đoàn kết của dân tộc, khát vọng

độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội dựa trên nền tảng của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và các giá trị tiến bộ của thời đại để định hướng, đánh giá và điều chỉnh các hoạt động chính trị nhằm thực hiện mục tiêu phát triển bền vững đất nước vì sự nghiệp dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Thứ hai, xây dựng con người - chủ thể của quá trình xây dựng văn hóa trong chính trị.

Xây dựng văn hóa trong chính trị ở Việt Nam hiện nay trước hết tập trung chăm lo xây dựng văn hóa trong Đảng, trong cơ quan nhà nước và các đoàn thể chính trị - xã hội; coi đây là nhân tố quan trọng để xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh. Trong đó, trọng tâm là xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức có phẩm chất đạo đức, tận tụy, hết lòng phụng sự Tổ quốc, phục vụ Nhân dân, gắn bó máu thịt với Nhân dân; có ý thức thượng tôn pháp luật, dân chủ đi đôi với kỷ luật, kỷ cương, tự do cá nhân gắn với trách nhiệm xã hội và nghĩa vụ công dân. Ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong một bộ phận cán bộ, đảng viên, phát huy vai trò gương mẫu của đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức trong công tác xây dựng Đảng và bộ máy nhà nước trong sạch, liêm chính, vị dân.

Thứ ba, xây dựng môi trường văn hóa trong chính trị.

Thể chế hóa các giá trị văn hóa trong chính trị thành các quy định của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước, tạo môi trường pháp lý và đạo lý minh bạch để thực hiện xây dựng văn hóa trong chính trị, làm cho các giá trị văn hóa thấm sâu và tỏa sáng trong quan điểm, chủ trương của Đảng, trong công tác tư tưởng, tổ chức cán bộ,

kiểm tra, giám sát, công tác dân vận của Đảng và sự quản lý của Nhà nước

Các giá trị và chuẩn mực trong chính trị được quy phạm hóa thành các quy chế, luật lệ được cộng đồng chấp nhận và thực hiện tự giác, trở thành nền nếp sẽ góp phần xây dựng môi trường văn hóa trong chính trị lành mạnh, làm cơ sở để rèn luyện và hoàn thiện nhân cách con người trong chính trị.

Vấn đề xây dựng môi trường văn hóa trong tổ chức đảng, từ chi bộ cơ sở đến hoạt động của toàn Đảng dựa trên Cương lĩnh chính trị và Điều lệ đảng nhằm mục tiêu xây dựng tổ chức đảng vững mạnh, là hạt nhân và làm tấm gương để xây dựng môi trường văn hóa trong xã hội.

Môi trường văn hóa trong Đảng được xây dựng trên cơ sở nguyên tắc tập trung dân chủ và nguyên tắc tự phê bình và phê bình cùng với việc thực hiện các nghị quyết của Đảng về xây dựng, chỉnh đốn Đảng, đặc biệt là Nghị quyết Trung ương 4 và Nghị quyết Trung ương 7 khóa XII của Đảng.

Về xây dựng văn hóa trong cơ quan nhà nước, Chính phủ đã ban hành Quy chế xây dựng văn hóa công sở, văn hóa công vụ. Một số tỉnh và thành phố cũng đã ban hành các quy chế văn hóa ứng xử của cán bộ, công chức trong cơ quan nhà nước. Đây là những tiền đề quan trọng để nâng cao văn hóa chính trị ở nước ta hiện nay.

Thứ tư, phát huy vai trò của các lĩnh vực văn hóa như báo chí, truyền thông, văn học, nghệ thuật, tham gia vào đời sống chính trị.

Trong việc xây dựng văn hóa trong chính trị, không thể không chú ý phát huy vai trò của các lĩnh vực văn hóa như báo chí, truyền thông đại chúng, văn học, nghệ thuật trong

việc tuyên truyền đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, cổ vũ, động viên phong trào của quần chúng nhân dân tham gia thực hiện đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước. Đây chính là phát huy sức mạnh “mềm” của văn hóa đối với chính trị, lan tỏa các giá trị chính trị trong đời sống xã hội, nâng cao hiệu quả của chính trị trong thực tiễn.

Thứ năm, nâng cao trình độ, tạo điều kiện và cơ hội cho Nhân dân tham gia vào đời sống chính trị.

Dân chủ hóa trong hoạt động chính trị là một động lực to lớn để thực hiện các mục tiêu chính trị. Chỉ khi nào người dân tham gia vào thực hành chính trị, từ việc tham gia bầu cử, ứng cử, theo dõi, góp ý vào hoạch định đường lối, chính sách phát triển kinh tế - xã hội và triển khai thực hiện, tham gia giám sát việc thực hiện quyền lực nhà nước ở các cấp, khi đó quyền lực mới thuộc về Nhân dân một cách thực sự.

Trên đây là những nội dung cơ bản và thiết yếu để xây dựng văn hóa trong chính trị ở nước ta hiện nay. Thực hiện đồng bộ và toàn diện các nội dung này sẽ là cơ sở để bảo đảm nâng cao chất lượng và hiệu quả xây dựng văn hóa trong chính trị mà Đảng ta nêu ra.

2. Nội dung xây dựng văn hóa trong kinh tế

Mục tiêu xây dựng văn hóa trong kinh tế nhằm làm cho các giá trị văn hóa bao gồm cái đúng, cái tốt, cái đẹp, cái hiệu quả (có ích) thấm sâu và lan tỏa vào trong đời sống kinh tế của đất nước, từ đường lối, chính sách phát triển kinh tế - xã hội tới hệ thống thể chế và các tổ chức, các cá nhân tham gia hoạt động kinh tế, thực hiện tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững, gắn với phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và

công bằng xã hội, bảo vệ môi trường. Những nội dung cơ bản để xây dựng văn hóa trong kinh tế gồm:

Thứ nhất, xây dựng các giá trị và chuẩn mực văn hóa trong kinh tế.

Việc xây dựng các giá trị và chuẩn mực văn hóa trong kinh tế, trước hết từ trong việc hoạch định các chính sách kinh tế vĩ mô tới các chương trình, dự án phải chú ý tới các nhân tố văn hóa và con người, phải quán triệt quan điểm của Đảng: văn hóa là nền tảng tinh thần, vừa là mục tiêu, vừa là động lực để phát triển bền vững đất nước. Mọi hoạt động kinh tế của Nhà nước, doanh nghiệp và người dân phải hướng tới cái đúng, cái tốt và cái đẹp, hiệu quả kinh tế phải gắn liền với hiệu quả văn hóa và xã hội, phải đặt con người vào vị trí trung tâm của quá trình phát triển kinh tế. Cần quán triệt quan điểm của Đảng xác định con người là trung tâm của phát triển, tức là chủ thể của phát triển.

Thứ hai, xây dựng nguồn nhân lực cho quá trình phát triển kinh tế.

Nguồn lực con người chính là chủ thể đưa các giá trị văn hóa lan tỏa, thâm nhập vào trong các hoạt động kinh tế - xã hội. Nguồn lực con người trước hết phải phục vụ cho định hướng phát triển nhanh và bền vững của nền kinh tế, vừa bảo đảm phát triển theo chiều rộng, vừa bảo đảm phát triển theo chiều sâu, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế, xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, tham gia có hiệu quả vào mạng sản xuất và chuỗi giá trị gia tăng toàn cầu. Như vậy, xây dựng nguồn lực cho hoạt động kinh tế cần phải bám sát vào mục tiêu, yêu cầu phát triển kinh tế của đất nước trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế,

đặc biệt là phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, có khả năng sáng tạo và chiếm lĩnh khoa học công nghệ hiện đại của cuộc cách mạng công nghiệp để phát triển kinh tế. Đồng thời, phải chú ý nâng cao trình độ và chất lượng nguồn nhân lực ở các vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn, vùng đồng bào các dân tộc thiểu số để hướng tới phát triển nền kinh tế bao trùm, không để ai bị bỏ lại phía sau hoặc bị gạt ra bên lề của sự phát triển. Trong vấn đề đào tạo và xây dựng nguồn nhân lực này, bên cạnh việc nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cần coi trọng việc nâng cao lý tưởng chính trị và khát vọng dân tộc, giáo dục đạo đức và trách nhiệm xã hội, ý chí và bản lĩnh trong lao động, sản xuất, kinh doanh và dịch vụ. Điều này có ý nghĩa đặc biệt quan trọng để góp phần xây dựng văn hóa trong kinh tế, chuyển tải và thực hành các giá trị văn hóa trong kinh tế, chống các tiêu cực do mặt trái của kinh tế thị trường đưa lại.

Thứ ba, xây dựng môi trường văn hóa trong kinh tế.

Môi trường văn hóa trong kinh tế được xây dựng trên nền tảng của hệ thống luật pháp do Nhà nước ban hành và tổ chức thực hiện để tạo ra kỷ cương, kỷ luật, hình thành nền nếp, khuôn mẫu buộc các chủ thể kinh tế phải thực hiện trong hoạt động kinh tế.

Đồng thời, môi trường văn hóa trong kinh tế còn chịu sự quy định bởi các giá trị văn hóa, giá trị đạo đức của xã hội được dư luận xã hội ủng hộ và bảo vệ. Mỗi hành vi kinh tế của chủ thể không chỉ được đánh giá về phương diện đúng hay sai mà còn được đánh giá bởi các tiêu chí tốt hay xấu, lương thiện hay bất lương.

Ở tầm vĩ mô, Nhà nước quản lý kinh tế bằng pháp luật và các chính sách vĩ mô. Vì vậy, Nhà nước cần tạo ra môi trường

pháp lý rõ ràng, minh bạch, ổn định để các chủ thể kinh tế được tự do sản xuất kinh doanh tất cả các lĩnh vực mà Nhà nước không cấm. Đồng thời, Nhà nước có các chính sách hỗ trợ, khuyến khích xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế - kỹ thuật, trợ giúp những vùng gặp khó khăn, điều tiết và phối hợp các nguồn lực để bảo đảm cho nền kinh tế phát triển hài hòa và bền vững.

Ở tầm vi mô, xây dựng môi trường văn hóa trong kinh tế đề cao các giá trị nhân văn trong hoạt động kinh tế ở các chương trình, dự án phát triển kinh tế, là quá trình xây dựng văn hóa doanh nghiệp, văn hóa doanh nhân, nâng cao đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp của người lao động trong các cơ sở kinh tế - xã hội.

Môi trường văn hóa trong kinh tế lành mạnh chính là động lực quan trọng để kinh tế - xã hội phát triển bền vững.

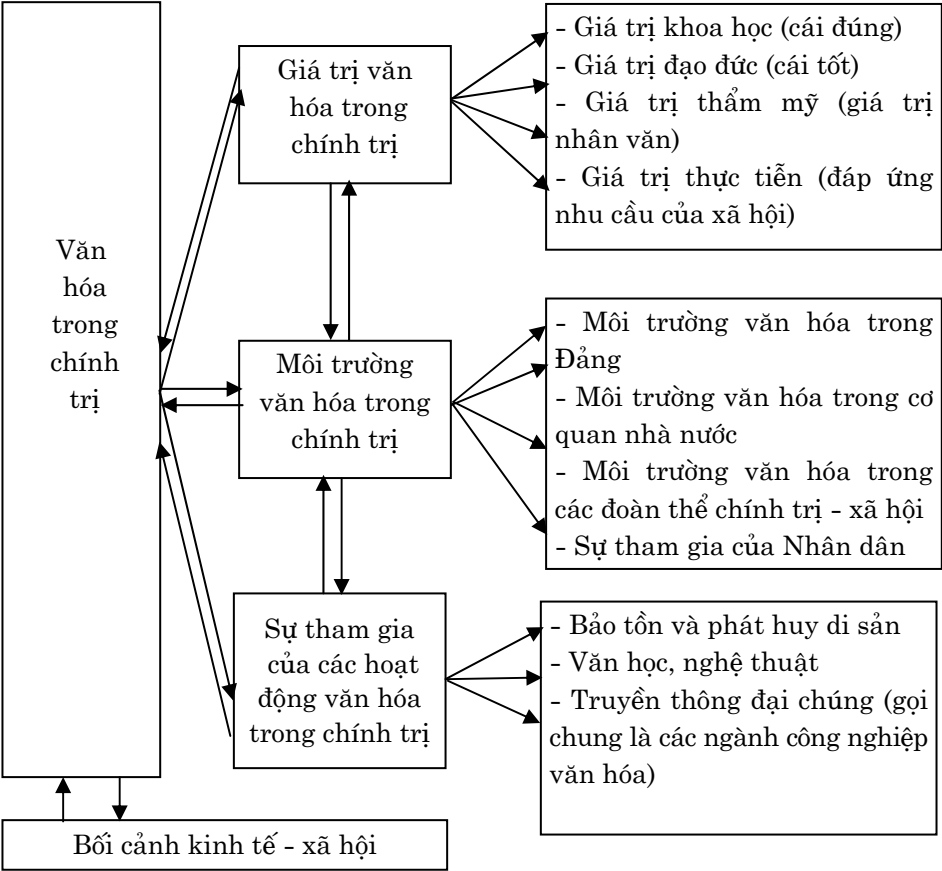
Thứ tư, phát triển các ngành công nghiệp văn hóa.

Công nghiệp văn hóa là một bộ phận quan trọng để xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, vừa là một bộ phận trong nền kinh tế quốc dân. Trong thời kỳ bùng nổ của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, đặc biệt là sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ thông tin và truyền thông, sức sáng tạo trong lĩnh vực công nghiệp văn hóa có xu hướng ngày càng gia tăng và đóng góp mạnh mẽ vào sự phát triển kinh tế của các quốc gia. Công nghiệp văn hóa là những ngành, những lĩnh vực sáng tạo, sản xuất và truyền bá các sản phẩm văn hóa gắn liền với sự sáng tạo thẩm mỹ và nghệ thuật, sử dụng những thành tựu khoa học và công nghệ hiện đại hướng tới phục vụ đại chúng thông qua thị trường văn hóa. Đặc trưng cơ bản của công nghiệp văn hóa là có sự kết hợp giữa các nhân tố sáng tạo

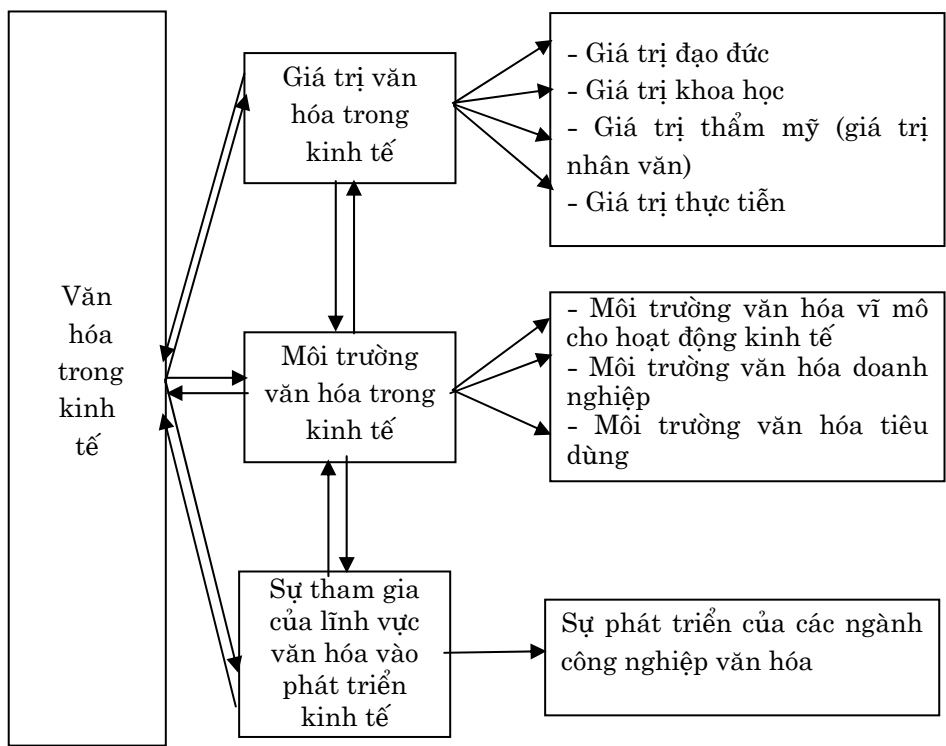
văn hóa với nhân tố kỹ thuật, công nghệ và nhân tố kinh tế để tạo ra sản phẩm đáp ứng nhu cầu tinh thần của xã hội. Công nghiệp văn hóa bao gồm các lĩnh vực điện ảnh, nghệ thuật biểu diễn, thời trang, quảng cáo, phát thanh truyền hình, trò chơi trực tuyến, mỹ thuật, du lịch văn hóa... Vì vậy, công nghiệp văn hóa đóng vai trò quan trọng đặc biệt trong xây dựng văn hóa trong kinh tế ở Việt Nam hiện nay.

3. Sơ đồ Khung phân tích văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế

Sơ đồ 1: Khung phân tích văn hóa trong chính trị



Sơ đồ 2: Khung phân tích văn hóa trong kinh tế



Chương II

THỰC TRẠNG VĂN HÓA TRONG CHÍNH TRỊ VÀ VĂN HÓA TRONG KINH TẾ Ở VIỆT NAM

I- THỰC TRẠNG VĂN HÓA TRONG CHÍNH TRỊ Ở VIỆT NAM

1. Định hướng giá trị văn hóa trong chính trị

a) Giá trị khoa học trong chính trị

Giá trị khoa học trong chính trị của hệ thống chính trị nước ta được đặt trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kinh nghiệm lãnh đạo chính trị của Đảng, truyền thống tốt đẹp của văn hóa dân tộc và tiếp thu tinh hoa văn hóa của nhân loại. Giá trị khoa học đó phản ánh trí tuệ sáng suốt của toàn Đảng, toàn dân ta trong quá trình tìm tòi, sáng tạo, đổi mới đất nước, được kết tinh trong đường lối xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Công cuộc đổi mới đất nước là một sự nghiệp cách mạng lâu dài và gian khổ, đòi hỏi phải được tiến hành từng bước phù hợp với quy luật khách quan và tôn trọng quy luật khách quan của sự phát triển. Từ thực tiễn cách mạng Việt Nam, Đại hội VI của Đảng (tháng 12/1986) đã rút ra một bài học kinh nghiệm quan trọng là: **“Đảng phải luôn luôn xuất phát từ thực tế, tôn trọng và hành động theo quy luật**

khách quan. Năng lực nhận thức và hành động theo quy luật là điều kiện bảo đảm sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng”¹.

Đảng ta xác định để khắc phục được khuyết điểm nhằm chuyển biến tình hình, Đảng phải thay đổi nhận thức, đổi mới tư duy, phải nhận thức đúng đắn và hành động phù hợp với quy luật khách quan, trong đó có các quy luật chung và quy luật đặc thù của chủ nghĩa xã hội chi phối mạnh mẽ phương hướng phát triển chung của xã hội. Đại hội VI đã đề ra đường lối đổi mới toàn diện đất nước, bao gồm đổi mới tư duy, đổi mới tổ chức và cán bộ, đổi mới phương pháp lãnh đạo và phong cách công tác. Đại hội đặc biệt nhấn mạnh đến đổi mới tư duy, trước hết là tư duy kinh tế; phải nắm vững quy luật khách quan, dân là gốc; phải “*nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật*”². Đại hội khẳng định nước ta đang ở chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, cần xây dựng những tiền đề vật chất cần thiết để đẩy mạnh công nghiệp hóa, cần kiên quyết xóa bỏ cơ chế quan liêu bao cấp, xây dựng cơ chế quản lý mới, tiến hành đổi mới chính sách kinh tế gắn với đổi mới chính sách xã hội, xây dựng con người mới. Những nhận thức mới mang tính khoa học và thực tiễn của Đại hội VI đánh dấu một “bước ngoặt có ý nghĩa cách mạng trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta, tạo ra bước đột phá lớn, toàn diện, đem lại luồng sinh khí mới trong xã hội, làm xoay chuyển tình hình, đưa đất nước tiến lên”³.

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, t.47, tr.363, 340.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam, Ban Chấp hành Trung ương, Ban Chỉ đạo tổng kết: *Báo cáo tổng kết một số vấn đề lý luận, thực tiễn qua 30 năm đổi mới (1986 - 2016)*, Sdd, tr.42.

Đại hội VII của Đảng (tháng 6/1991) đã thông qua *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*. Đây là một văn kiện quan trọng của Đảng có giá trị khoa học cao, xác định rõ nội dung và tính chất của thời đại, nêu bật hai nội dung cơ bản: 1) Quan điểm tổng quát về xã hội chủ nghĩa mà Nhân dân ta đã xây dựng; 2) Những phương hướng cơ bản để xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Đồng thời, Cương lĩnh khẳng định: Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động, lấy tập trung dân chủ làm nguyên tắc cơ bản. Đảng phải vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức; thường xuyên tự đổi mới, tự chỉnh đốn, ra sức nâng cao trình độ trí tuệ, năng lực lãnh đạo của Đảng.

Những nhận thức mới của Đảng về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta trong Cương lĩnh năm 1991 đã đặt cơ sở cho sự phát triển nhận thức lý luận về chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam trong các nhiệm kỳ Đại hội Đảng sau này. Để thể chế hóa Cương lĩnh năm 1991, Hiến pháp năm 1992 được ban hành, làm cơ sở cho Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam được tiếp tục xây dựng và hoàn thiện

Đại hội XI của Đảng (tháng 01/2011) đánh dấu một giai đoạn mới trong phát triển nhận thức lý luận và thực tiễn công cuộc đổi mới ở nước ta. Trên cơ sở tổng kết 20 năm thực hiện Cương lĩnh năm 1991, Đảng ta đã bổ sung, phát triển Cương lĩnh, xác định tám đặc trưng cơ bản của chế độ xã hội chủ nghĩa mà Nhân dân ta xây dựng, tám phương hướng cơ bản và tám mối quan hệ lớn đặc biệt cần nắm vững và giải quyết, từ đó làm sâu sắc hơn nhận thức của Đảng về chủ nghĩa xã hội.

Hiến pháp năm 2013 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã thể chế hóa những quan điểm mới của *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011)*, khẳng định xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân; tất cả quyền lực nhà nước là thuộc về Nhân dân, quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp. Khẳng định tôn trọng và bảo đảm các quyền con người, quyền công dân. Nhân dân thực hiện quyền làm chủ thông qua hoạt động của Nhà nước.

Đại hội XII (tháng 01/2016) của Đảng tiếp tục bổ sung và phát triển những quan điểm lý luận về đổi mới, khẳng định “đổi mới phải toàn diện, đồng bộ, có bước đi phù hợp; tôn trọng quy luật khách quan, xuất phát từ thực tiễn, bám sát thực tiễn, coi trọng tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận, tập trung giải quyết kịp thời, hiệu quả những vấn đề do thực tiễn đặt ra”¹. Đồng thời, Đảng ta nhấn mạnh: “phải đặt lợi ích quốc gia - dân tộc lên trên hết; kiên định độc lập, tự chủ, đồng thời chủ động và tích cực hội nhập quốc tế trên cơ sở bình đẳng, cùng có lợi; kết hợp phát huy sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại để xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa”².

Đại hội XII đã tập trung khẳng định giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Sdd, tr.69, 69-70.

hướng xã hội chủ nghĩa; tiếp tục xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Đại hội XII đã xác định sáu nhiệm vụ trọng tâm trong nhiệm kỳ phải tập trung chỉ đạo thực hiện kiên quyết và có hiệu quả. Trong đó, nhiệm vụ thứ nhất: tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ; tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là đội ngũ cán bộ cấp chiến lược, đủ năng lực, phẩm chất và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ; và nhiệm vụ thứ hai: xây dựng tổ chức bộ máy của toàn hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, đẩy mạnh đấu tranh, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu, là hai nhiệm vụ có ý nghĩa chiến lược để xây dựng văn hóa trong Đảng và trong hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, có đủ năng lực, uy tín và phẩm chất để lãnh đạo và quản lý đất nước.

Giá trị khoa học trong chính trị của Đảng không chỉ được phản ánh ở mục tiêu, quan điểm và phương hướng về xây dựng và phát triển đất nước ở tất cả các lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội, từ chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, môi trường đến vấn đề xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, vấn đề đối ngoại, an ninh, quốc phòng mà còn thể hiện trong công tác tổ chức cán bộ, công tác kiểm tra, công tác tuyên truyền, giáo dục lý luận chính trị, bồi dưỡng, đào tạo nguồn nhân lực lãnh đạo, quản lý. Để nâng cao giá trị khoa học trong chính trị, Đảng ta xây dựng các chương trình nghiên cứu khoa học trọng điểm cấp nhà nước về khoa học lý luận chính trị, tiếp nhận những kết quả nghiên cứu từ các chương trình nghiên cứu khoa học trọng điểm cấp nhà nước, cấp ban đảng, cấp bộ và ngành, đoàn thể

chính trị - xã hội khác nhau... để làm cơ sở cho việc nghiên cứu, hoạch định chủ trương, đường lối của Đảng.

Trong quá trình xây dựng các văn kiện của Đảng, Đảng đã quan tâm thực hiện dân chủ hóa, tranh thủ sự góp ý của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên, của đội ngũ trí thức khoa học, của toàn thể các tầng lớp nhân dân. Quá trình dân chủ hóa trong xây dựng đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước đã được coi trọng, từ đó góp phần nâng cao trình độ trí tuệ của Đảng, khắc phục xu hướng chủ quan duy ý chí, giáo điều trong lãnh đạo và quản lý đất nước.

b) Giá trị dân chủ trong chính trị

Khi nói về Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã xác định rõ: “Để thực hiện tốt nhiệm vụ cách mạng, Nhà nước ta phải phát triển quyền dân chủ và sinh hoạt chính trị của toàn dân, để phát huy tính tích cực và sức sáng tạo của nhân dân, làm cho mọi người công dân Việt Nam thực sự tham gia quản lý công việc Nhà nước, ra sức xây dựng chủ nghĩa xã hội và đấu tranh thực hiện thống nhất nước nhà”¹.

Theo Hồ Chí Minh, “quyền dân chủ” gắn liền với “sinh hoạt chính trị của toàn dân” là bản chất của giá trị dân chủ mà nhà nước kiểu mới do Đảng lãnh đạo phải thực hiện. Người xác định: “*Dân chủ* là của quý báu nhất của nhân dân”², cũng là giá trị định hướng cho hoạt động của Đảng, Nhà nước và toàn thể xã hội.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.12, tr.374.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.10, tr.457.

Kế thừa và phát huy tư tưởng Hồ Chí Minh về dân chủ, trong hơn 30 năm đổi mới, Đảng ta đã luôn luôn đề cao giá trị dân chủ trong tuyên bố chính trị cũng như trong hành động thực tiễn. Ngay từ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI (1986), Đảng ta đã nhấn mạnh chủ trương phát huy dân chủ để tạo động lực mạnh mẽ cho sự nghiệp đổi mới: “... **trong toàn bộ hoạt động của mình, Đảng phải quán triệt tư tưởng “lấy dân làm gốc”, xây dựng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân lao động**”¹. Đồng thời, Đại hội VI cũng đề ra phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra” đối với các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước; thực hiện cơ chế làm chủ thông qua đại diện là các cơ quan dân cử và các đoàn thể, làm chủ trực tiếp thông qua hình thức bầu cử, tự quản, bằng các quy chế, hương ước tại các cơ sở phù hợp với luật pháp của Nhà nước.

Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội được thông qua tại Đại hội VII (1991) của Đảng đã khẳng định: Xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng là một xã hội do nhân dân lao động làm chủ. Giá trị dân chủ được xác định là phương hướng đầu tiên trong xây dựng Nhà nước: “Xây dựng nhà nước xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, lấy liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức làm nền tảng, do Đảng Cộng sản lãnh đạo”².

Đại hội VIII của Đảng (1996) khẳng định: “Mục tiêu chủ yếu của đổi mới hệ thống chính trị là nhằm thực hiện tốt dân

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sdd*, t.47, tr.362.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sdd*, t.51, tr.135.

chủ xã hội chủ nghĩa, phát huy đầy đủ quyền làm chủ của nhân dân. Bài học lớn là dân chủ nhất thiết phải đi đôi với kỷ luật, kỷ cương”¹.

Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) đã nhấn mạnh: “Xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng là một xã hội: Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh; do nhân dân làm chủ...”². Giá trị dân chủ đã chuyển trật tự lên trước giá trị công bằng, văn minh, đã phản ánh sự thay đổi nhận thức của Đảng ta về vấn đề dân chủ và thực hành dân chủ trong xã hội. Cương lĩnh năm 2011 tiếp tục khẳng định: “*Dân chủ xã hội chủ nghĩa* là bản chất của chế độ ta, vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển đất nước. Xây dựng và từng bước hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm dân chủ được thực hiện trong thực tế cuộc sống ở mỗi cấp, trên tất cả các lĩnh vực. Dân chủ gắn liền với kỷ luật, kỷ cương và phải được thể chế hóa bằng pháp luật, được pháp luật bảo đảm”³.

Giá trị dân chủ mà hệ thống chính trị của chúng ta hướng tới xây dựng và thực hiện là hệ dân chủ xã hội chủ nghĩa, vừa bảo đảm vai trò lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước, vừa phát huy quyền tự do dân chủ của Nhân dân. Dân chủ phải đi đôi với kỷ cương, kỷ luật. Quá trình thực hành dân chủ phải được thể hiện trước hết trong tổ chức đảng, là hạt nhân để phát huy dân chủ trong xã hội. Dân chủ

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.55, tr.359.

2, 3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.70, 84-85.

xã hội phải gắn liền với xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, đề cao chức năng quản lý nhà nước bằng pháp luật, bảo đảm thực hiện quyền công dân, quyền con người. Phát huy dân chủ xã hội gắn liền với đề cao pháp chế, đề cao trách nhiệm công dân. Chống những biểu hiện tự do dân chủ cực đoan, dân chủ hình thức.

Trong hơn 30 năm đổi mới, Đảng ta đã nhận thức ngày càng toàn diện và sâu sắc hơn về giá trị dân chủ trong chính trị, chú trọng phát huy dân chủ từ Trung ương đến dân chủ ở cơ sở, từ sinh hoạt trong Đảng tới cơ quan nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội, tới cộng đồng dân cư, v.v.. Những thành tựu cả về phương diện lý luận cũng như thực hành dân chủ trong xã hội đã góp phần tích cực, thúc đẩy sự nghiệp đổi mới phát triển.

Bên cạnh những thành tựu là cơ bản, việc thực hiện giá trị dân chủ trong chính trị vẫn đặt ra nhiều vấn đề cần giải quyết. Đó là vấn đề nhận thức về dân chủ trong cán bộ, đảng viên và nhân dân còn hạn chế. Tình trạng tách rời, thậm chí đối lập giữa dân chủ và kỷ cương, phép nước còn diễn ra ở nhiều nơi. Đặc biệt là sự tha hóa của một số cơ quan bảo vệ pháp luật đã làm xói mòn niềm tin của xã hội vào bộ máy công quyền. Một số nơi thực hiện dân chủ mang tính hình thức. Quy chế dân chủ ở cơ sở không được thực hiện nghiêm túc. Một số nơi còn lợi dụng dân chủ gây rối trật tự, an ninh xã hội. Đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân chậm được giải quyết. Nhiều vấn đề mất dân chủ trong quản lý kinh tế, văn hóa, xã hội gây bức xúc trong Nhân dân chậm được giải quyết. Những vấn đề này cần được giải quyết hiệu quả để bảo đảm dân chủ xã hội chủ nghĩa, tạo động lực cho sự nghiệp đổi mới tiếp tục phát triển lành mạnh và bền vững.

c) Giá trị đạo đức trong chính trị

Đạo đức giữ một vai trò trung tâm trong chính trị. Ngay từ năm 1927, Hồ Chí Minh đã viết về “Tư cách một người cách mạng” để giáo dục, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ cách mạng. Theo Hồ Chí Minh, người cán bộ cách mạng phải có đạo đức cách mạng mới là người cán bộ cách mạng chân chính. Theo Người, đạo đức cách mạng có thể tóm tắt là:

*“Nhận rõ phải, trái. Giữ vững lập trường.
Tận trung với nước. Tận hiếu với dân”¹.*

Hồ Chí Minh đã nhiều lần khẳng định đạo đức là cái gốc của người cách mạng: “Mọi việc thành hay bại, chủ chốt là do cán bộ có thấm nhuần đạo đức cách mạng hay không”².

Trong bài báo “Nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân”, Hồ Chí Minh đã chỉ rõ chủ nghĩa cá nhân là nguyên nhân dẫn đến sự suy thoái về đạo đức, nhân cách, “sa vào tham ô, hủ hóa, lãng phí, xa hoa. Họ tham danh trục lợi, thích địa vị quyền hành...”³.

Như vậy, đạo đức trong chế độ chính trị mà chúng ta xây dựng là lòng trung thành với lý tưởng chính trị tiến bộ, trung thành với chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, trung với nước, hiếu với dân, đề cao tinh thần đoàn kết, tính tổ chức và tính kỷ luật, bảo đảm chế độ sinh hoạt của chi bộ phải nghiêm túc, kỷ luật của Đảng và Nhà nước phải nghiêm minh, công tác kiểm tra phải chặt chẽ.

Đạo đức cách mạng chính là một giá trị nổi bật trong truyền thống chính trị dưới sự lãnh đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.9, tr.354.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr.547.

và Đảng Cộng sản Việt Nam, đã góp phần to lớn vào sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước.

Nhận thức rõ về vai trò của đạo đức cách mạng, trong hơn 30 năm đổi mới, Đảng ta đã thường xuyên quan tâm đến xây dựng đạo đức trong chính trị. Ngay từ Đại hội VI (1986), Đảng ta đã nhấn mạnh: cùng với việc đổi mới tư duy, công tác tư tưởng phải hướng vào việc bồi dưỡng phẩm chất, đạo đức mới, nâng cao tinh thần yêu nước và yêu chủ nghĩa xã hội, đề cao tinh thần năng động, sáng tạo, ý thức trách nhiệm cao của mỗi người trước Nhân dân, chống lại tình trạng bi quan, dao động, mất lòng tin, mất phương hướng, trái với bản chất tốt đẹp của người chiến sĩ cách mạng. Đại hội VI đã yêu cầu mỗi cán bộ, đảng viên cần phải suốt đời học tập, noi gương đạo đức, tác phong của Bác Hồ, người thầy vĩ đại của cách mạng Việt Nam, ghi nhớ và làm theo tác phong của Người, nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân, xứng đáng là người lãnh đạo và là người đầy tớ thật trung thành của Nhân dân.

Một vấn đề mới có ý nghĩa chiến lược lâu dài mà Đại hội VI nêu lên là: “Việc giáo dục, rèn luyện phẩm chất của cán bộ, đảng viên phải được thể hiện trong chương trình công tác, ở hoạt động thực tiễn của Trung ương, các cấp ủy, các tổ chức cơ sở của Đảng. Cán bộ đảng viên phải gương mẫu trong lối sống. Người có chức vụ càng cao thì yêu cầu về sự gương mẫu càng lớn. Không ai có quyền tự ban cho mình những đặc quyền, đặc lợi”¹.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sdd*, t.47, tr.474.

Đại hội VI cũng cho biết trong 10 năm 1976 - 1986 đã có trên 19 vạn đảng viên, trong đó một phần khá lớn là những người phạm sai lầm về phẩm chất, đạo đức, đã bị đưa ra khỏi Đảng, có người phải chịu truy tố trước pháp luật. Như vậy, vấn đề xây dựng đạo đức, chống suy thoái về tư tưởng, đạo đức, lối sống trong đảng và trong xã hội là một vấn đề lớn được đặt ra ngay từ khi bước vào sự nghiệp đổi mới. Trải qua hơn 30 năm tiến hành toàn diện, đồng bộ sự nghiệp đổi mới đất nước, vấn đề xây dựng giá trị đạo đức trong chính trị, trước hết là trong tổ chức đảng, bộ máy nhà nước và các đoàn thể chính trị xã hội vẫn là vấn đề lớn, thường xuyên được Đảng ta nêu ra, đặc biệt là chỉ rõ tình trạng xuống cấp, suy thoái về đạo đức trước tác động của kinh tế thị trường và mở cửa, giao lưu và hội nhập quốc tế.

Tại Hội nghị đại biểu toàn quốc khóa VIII (năm 1996), Đảng ta đã chỉ ra tính nguy hại của sự suy thoái đạo đức. “Tệ quan liêu, tham nhũng và suy thoái về phẩm chất, đạo đức của một bộ phận cán bộ, đảng viên làm cho bộ máy đảng và nhà nước suy yếu, lòng tin của nhân dân đối với Đảng, đối với chế độ bị xói mòn”¹.

Đại hội nhấn mạnh: “Một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên thiếu tu dưỡng bản thân, phai nhạt lý tưởng, mất cảnh giác, giảm sút ý chí, kém ý thức tổ chức kỷ luật, sa đọa về đạo đức và lối sống”².

Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII (tháng 6/1997) nhận định: “Một bộ phận cán bộ

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.55, tr.365, 414.

thoái hóa biến chất về đạo đức, lối sống, lợi dụng chức quyền để tham nhũng, buôn lậu, làm giàu bất chính, lãng phí của công, quan liêu, ức hiếp dân, gia trưởng độc đoán... Đáng chú ý là những biểu hiện tiêu cực này đang có chiều hướng phát triển làm xói mòn bản chất cách mạng của đội ngũ cán bộ, làm suy giảm uy tín của Đảng, làm suy giảm niềm tin của nhân dân đối với chế độ”¹.

Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) (khóa VIII) đánh giá: “sự suy thoái về tư tưởng chính trị; tình trạng tham nhũng, quan liêu, lãng phí của một bộ phận cán bộ, đảng viên có chiều hướng phát triển nghiêm trọng hơn”².

Đại hội IX của Đảng (tháng 4/2001) nhấn mạnh: “*Tình trạng tham nhũng, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống ở một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên là rất nghiêm trọng. Nạn tham nhũng kéo dài trong bộ máy của hệ thống chính trị và trong nhiều tổ chức kinh tế là một nguy cơ lớn đe dọa sự sống còn của chế độ ta*”³. “Điều cần nhấn mạnh là: tình trạng tham nhũng và sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên đang cản trở việc thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, gây bất bình và giảm lòng tin trong nhân dân”⁴.

Đại hội X của Đảng (tháng 4/2006) đã chỉ rõ hơn: “Thoái hóa, biến chất về chính trị, tư tưởng, về đạo đức, lối sống;

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sdd*, t.56, tr.333-334.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sdd*, t.58, tr.57-58.

3, 4. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Sdd*, tr.76, 67.

tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí, sách nhiễu dân trong một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên diễn ra nghiêm trọng, kéo dài chưa được ngăn chặn, đẩy lùi, nhất là trong các cơ quan công quyền, các lĩnh vực xây dựng cơ bản, quản lý đất đai, quản lý doanh nghiệp nhà nước và quản lý tài chính, làm giảm lòng tin của nhân dân đối với Đảng...”¹.

Đại hội XI của Đảng (tháng 01/2011) nhấn mạnh: “Tình trạng suy thoái về chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống trong một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên và tình trạng tham nhũng, lãng phí, quan liêu, những tiêu cực và tệ nạn xã hội chưa được ngăn chặn, đẩy lùi mà còn tiếp tục diễn biến phức tạp cùng với sự phân hóa giàu nghèo và sự yếu kém trong quản lý, điều hành của nhiều cấp, nhiều ngành làm giảm lòng tin của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước, đe dọa sự ổn định, phát triển của đất nước”².

Đại hội XII của Đảng (tháng 01/2016) đã chỉ rõ mối quan hệ giữa sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống với “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ. Đó là: “Tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên chưa bị đẩy lùi; có mặt, có bộ phận còn diễn biến phức tạp hơn: một số rất ít cán bộ, đảng viên bị phần tử xấu lợi dụng lôi kéo, kích động, xúi giục, mua chuộc đã có tư tưởng, việc làm chống đối Đảng, Nhà nước”³.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Sdd, tr.263-264.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Sdd, tr.173.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Sdd, tr.185.

Như vậy, vấn đề xây dựng đạo đức trong chính trị đặt ra hai nhiệm vụ đi liền với nhau là vừa xây, vừa chống, lấy xây dựng làm trọng tâm, đồng thời phải kiên quyết phòng, chống thường xuyên.

Tính đến ngày 21/12/2015, toàn Đảng có 4.623.895 đảng viên, sinh hoạt ở 261.630 chi bộ thuộc 56.745 tổ chức cơ sở đảng. Số lượng, cơ cấu, trình độ, phẩm chất đạo đức của đội ngũ đảng viên đang phát triển theo chiều hướng tích cực. Từ đầu nhiệm kỳ Đại hội XI đến tháng 12/2015, toàn Đảng kết nạp được 1.074.156 đảng viên mới. Đã xuất hiện nhiều tấm gương đảng viên, cán bộ tiêu biểu về đạo đức, lối sống, gắn bó với sự nghiệp cách mạng, tham gia lao động, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI) “Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay” và Chỉ thị số 05-CT/TW, ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị “Về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”, công tác xây dựng Đảng về tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống đã có những chuyển biến tích cực, góp phần đẩy mạnh quá trình dân chủ hóa trong Đảng, nâng cao chất lượng tự phê bình và phê bình, siết chặt kỷ cương, kỷ luật trong Đảng, bước đầu ngăn chặn tình trạng suy thoái về tư tưởng, đạo đức, lối sống. Trong nhiệm kỳ Đại hội XI, toàn Đảng đã xử lý kỷ luật gần 1.400 tổ chức đảng và 73.897 đảng viên các cấp. Trong số bị kỷ luật, có 82 tỉnh ủy viên và tương đương, hơn 1.500 huyện ủy viên và tương đương, gần 3.000 đảng viên bị kỷ luật bằng hình thức cách chức; hơn 8.700 người bị khai trừ khỏi Đảng và hơn 4.300 cán bộ, đảng viên phải xử lý bằng pháp luật. Đáng chú ý là có 19.058 đảng viên (chiếm 25,8% tổng số đảng viên bị kỷ luật) do vi phạm về phẩm chất đạo đức, lối sống, vi phạm trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, đầu tư, xây dựng, đất đai, tài nguyên môi trường.

Hội nghị Trung ương 4 (khóa XII) của Đảng đã ban hành Nghị quyết số 04-NQ/TW, ngày 30/10/2016 “Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng, ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ”. Đây là nghị quyết đặc biệt quan trọng để tiếp tục nâng cao năng lực và sức chiến đấu của Đảng, xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh. Nghị quyết này đã nhận diện rõ ràng, cụ thể những biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ; bệnh thành tích, tư duy nhiệm kỳ, tình trạng tham nhũng, lãng phí, “lợi ích nhóm”, chạy chức, chạy quyền. Đồng thời, Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII) đã xác định mục tiêu, quan điểm, nhiệm vụ và giải pháp đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi có hiệu quả tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ; kiên quyết khắc phục những yếu kém trong công tác cán bộ và quản lý cán bộ, xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp có bản lĩnh chính trị vững vàng, có đạo đức, trách nhiệm, năng lực và động cơ đúng đắn, thực sự tiên phong, gương mẫu, luôn đặt lợi ích của tập thể, quốc gia, dân tộc lên trên lợi ích cá nhân, thực sự là cán bộ của dân, phục vụ Nhân dân, củng cố niềm tin của Nhân dân đối với Đảng.

Hội nghị Trung ương 7 (khóa XII) đã ban hành Nghị quyết số 26-NQ/TW, ngày 19/5/2018 “Về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ”, trong đó, đặc biệt nhấn mạnh đến phẩm chất đạo đức và sự gương mẫu của cán bộ lãnh đạo các cấp. Ngày 25/10/2018, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII đã ban hành Quy định số 08-QĐ/TW về

trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, trước hết là Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương. Mặc dù vấn đề nêu gương của cán bộ, đảng viên được đề cập từ lâu, nhiều lần trong các văn bản, nghị quyết, quy định của Đảng nhưng đây là lần đầu tiên Ban Chấp hành Trung ương Đảng trực tiếp ban hành Quy định, trong đó đề cập cụ thể đến trách nhiệm nêu gương của các đồng chí lãnh đạo cao nhất của Đảng, Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương. Điều này khẳng định tính công khai, minh bạch, dân chủ và vai trò nêu gương của cán bộ lãnh đạo cao cấp của Đảng ngày càng được Đảng ta quan tâm và đề ra các giải pháp thực hiện nghiêm túc.

Nhìn lại quá trình này, chúng ta nhận thấy, Đảng ta ngày càng nhận thức sâu sắc và toàn diện hơn vai trò của giá trị đạo đức trong xây dựng chế độ chính trị tốt đẹp và càng thấy tính chất phức tạp, lâu dài của việc đấu tranh phòng ngừa sự suy thoái về đạo đức, lối sống và yêu cầu cấp bách của việc xây dựng giá trị đạo đức lành mạnh trong chính trị hiện nay. Những nội dung cốt lõi của giá trị đạo đức trong chính trị là trung với nước, hiếu với dân, cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, như lời căn dặn của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Cuộc vận động “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” cần phải trở thành phong trào quần chúng rộng rãi, được toàn thể cán bộ, đảng viên và nhân dân thực hiện sẽ là khâu đột phá để “lấy cái đẹp dẹp cái xấu”, xây dựng những tấm gương điển hình, đấu tranh loại bỏ cái xấu, cái tiêu cực để thúc đẩy xã hội phát triển lành mạnh. Đây cũng là một nhiệm vụ lớn của xây dựng văn hóa trong chính trị hiện nay.

d) Giá trị nhân văn trong chính trị

Giá trị nhân văn trong chính trị là giá trị phản ánh bản chất của chế độ chính trị mà chúng ta xây dựng, đồng thời cũng phản ánh khát vọng hướng về cái đẹp, về sự hoàn thiện của chính trị nhằm phục vụ con người. Giá trị nhân văn đòi hỏi chế độ chính trị phải hướng tới phục vụ con người, phục vụ Nhân dân, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho Nhân dân, tạo cơ hội và điều kiện cho Nhân dân tham gia và làm chủ đời sống chính trị.

Kế thừa truyền thống nhân văn cách mạng trong thời kỳ đấu tranh chống xâm lược, thống nhất đất nước, trong *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* (1991), Đảng ta đã xác định rõ: chế độ xã hội chủ nghĩa mà Nhân dân ta xây dựng là một xã hội:

- Do nhân dân làm chủ;
- Có một nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ công bằng về các tư liệu sản xuất chủ yếu;
- Có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc;
- Con người được giải phóng khỏi áp bức, bóc lột, bất công, làm theo năng lực hưởng theo lao động, có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện cá nhân;
- Các dân tộc trong nước bình đẳng, đoàn kết và giúp đỡ nhau cùng tiến bộ;
- Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với nhân dân tất cả các nước trên thế giới¹.

1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.51, tr.134.

Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) đã khẳng định: “Xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng là xã hội: Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh; do nhân dân làm chủ; có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp; có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện; các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển; có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo; có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới”¹.

Giá trị nhân văn thể hiện bao trùm và xuyên suốt đường lối xây dựng đất nước thể hiện trong Cương lĩnh chính trị của Đảng, được phản ánh cụ thể trong từng quan điểm định hướng về chính sách phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của đất nước.

Trong quá trình phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế, giá trị nhân văn của chế độ chính trị thể hiện tập trung ở việc bảo đảm dân chủ và công bằng xã hội, phân bổ và chia sẻ các nguồn lực phát triển một cách hợp lý, khuyến khích các chủ thể tự do kinh doanh làm giàu chính đáng trong khuôn khổ pháp luật, đồng thời bảo đảm an sinh xã hội, phúc lợi xã hội, trợ giúp những đối tượng gặp khó khăn, những vùng đồng bào dân tộc thiểu số, những nơi gặp

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Sđd, tr.70.

thiên tai, bão lụt và các đối tượng dễ bị tổn thương trong xã hội. Đảng ta khẳng định: con người là trung tâm của chiến lược phát triển, đồng thời là chủ thể phát triển. Tôn trọng và bảo vệ quyền con người, gắn quyền con người với quyền và lợi ích dân tộc, đất nước và quyền làm chủ của Nhân dân. Hiến pháp năm 2013 đã thể chế quyền con người gắn liền với các quyền chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội. Như vậy, giá trị nhân văn trong chính trị ở nước ta đã từng bước được thể chế hóa thành luật pháp và chính sách để tạo cơ hội và điều kiện phát triển con người, phát triển văn hóa - xã hội đáp ứng yêu cầu xây dựng và phát triển đất nước vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

2. Thực trạng xây dựng con người trong chính trị

a) Nhận thức của Đảng về xây dựng con người trong chính trị thời kỳ đổi mới

Con người là chủ thể của chế độ chính trị, vừa là sản phẩm của chế độ chính trị. Khi nghiên cứu về văn hóa trong chính trị, chúng ta không thể không quan tâm đến xây dựng con người trong chính trị mà trọng tâm là xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên tham gia trực tiếp vào hoạt động trong hệ thống chính trị. Quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh về công tác cán bộ là “công việc gốc” của Đảng, xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ, đảng viên là công việc có ý nghĩa chiến lược của Đảng, trong hơn 30 năm đổi mới vừa qua, Đảng ta đã ban hành nhiều nghị quyết quan trọng về lĩnh vực này.

Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII đã ban hành Nghị quyết số 03-NQ/TW, ngày 18/6/1997 về *Chiến lược cán bộ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước*. Nghị quyết đã nêu rõ:

“Cán bộ là nhân tố quyết định sự thành bại của cách mạng, gắn liền với vận mệnh của Đảng, của đất nước và chế độ, là khâu then chốt trong công tác xây dựng Đảng”¹.

Ngay trong Nghị quyết số 03-NQ/TW, Đảng ta đã khẳng định những mặt mạnh của đội ngũ cán bộ và công tác cán bộ, đồng thời cũng chỉ rõ những mặt yếu và nguyên nhân dẫn đến những yếu kém, xác định phương hướng, mục tiêu, tiêu chuẩn cán bộ, đồng thời nêu rõ phương hướng, giải pháp lớn để xây dựng đội ngũ cán bộ đáp ứng yêu cầu của thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Các tiêu chuẩn chung của người cán bộ được Nghị quyết số 03-NQ/TW nêu lên là:

- Có tinh thần yêu nước sâu sắc, tận tụy phục vụ Nhân dân, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, phấn đấu thực hiện có kết quả đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước.

- Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư. Không tham nhũng và kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng. Có ý thức tổ chức kỷ luật. Trung thực, không cơ hội, gấn bó mật thiết với Nhân dân, được Nhân dân tín nhiệm.

- Có trình độ hiểu biết về lý luận chính trị, quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước; có trình độ văn hóa, chuyên môn, đủ năng lực và sức khỏe để làm việc có hiệu quả, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao.

Các tiêu chuẩn đó có quan hệ mật thiết với nhau. Coi trọng cả đức và tài, đức là gốc.

Ngoài các tiêu chuẩn chung trên, cán bộ lãnh đạo Đảng, Nhà nước, đoàn thể nhân dân còn phải:

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.56, tr.332.

- Có bản lĩnh chính trị vững vàng trên cơ sở lập trường giai cấp công nhân, tuyệt đối trung thành với lý tưởng cách mạng, với chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Có năng lực dự báo và định hướng sự phát triển, tổng kết thực tiễn, tham gia xây dựng đường lối, chính sách, pháp luật; thuyết phục và tổ chức Nhân dân thực hiện. Có ý thức và khả năng đấu tranh bảo vệ quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước.

- Gương mẫu về đạo đức, lối sống. Có tác phong dân chủ, khoa học, có khả năng tập hợp quần chúng, đoàn kết cán bộ.

- Có kiến thức về khoa học lãnh đạo và quản lý. Đã học tập có hệ thống ở các trường của Đảng, Nhà nước và đoàn thể nhân dân; trải qua hoạt động thực tiễn có hiệu quả.

Như vậy, các tiêu chuẩn để làm căn cứ xây dựng, đào tạo, bổ nhiệm và đánh giá cán bộ đã được xác định rõ cả về năng lực và phẩm chất. Đây là cơ sở để định hướng, đánh giá và điều chỉnh, xử lý các sai phạm liên quan đến công tác cán bộ, nguồn nhân lực quyết định sự thành bại của quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Ngày 02/02/2009, Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X đã ban hành Kết luận về “Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Chiến lược cán bộ từ nay đến năm 2020”. Nhìn lại sau hơn 10 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 khóa VIII, Đảng ta đã khẳng định: Đội ngũ cán bộ ở nước ta đã có bước trưởng thành và tiến bộ về nhiều mặt, đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế, là lực lượng nòng cốt cùng toàn Đảng, toàn dân, toàn quân làm nên những thành tựu to lớn trong công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Số đông cán bộ giữ vững được bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, lối sống lành mạnh và gắn bó với Nhân dân.

Mặt khác, Đảng ta cũng đã chỉ rõ: Chất lượng đội ngũ cán bộ còn những mặt yếu. Tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, bệnh cơ hội, chủ nghĩa cá nhân, thực dụng, quan liêu, tham nhũng, lãng phí, thiếu trách nhiệm, thiếu tự giác rèn luyện phấn đấu trong một bộ phận không nhỏ cán bộ diễn ra nghiêm trọng, kéo dài nhưng chậm có giải pháp hữu hiệu để ngăn chặn và kịp thời xử lý, làm giảm lòng tin của Nhân dân đối với Đảng và Nhà nước.

Trên cơ sở phân tích, làm rõ những ưu điểm và hạn chế của công tác cán bộ, Đảng ta đã khẳng định những nhiệm vụ và giải pháp lớn để tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Chiến lược cán bộ đến năm 2020. Mục tiêu cần đạt được là xây dựng đội ngũ cán bộ có bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất và năng lực tốt, có cơ cấu phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ Tổ quốc, bảo đảm sự chuyển hướng liên tục, vững vàng giữa các thế hệ cán bộ, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ của thời kỳ mới.

Như vậy, nhìn một cách tổng quát, những tố chất văn hóa cơ bản của con người tham gia vào hệ thống chính trị cần phải có là:

Thứ nhất, có lý tưởng chính trị và bản lĩnh chính trị vững vàng;

Thứ hai, có tri thức khoa học để đảm nhiệm công tác chuyên môn;

Thứ ba, có phẩm chất đạo đức lành mạnh, trung thực, cần, kiệm, liêm, chính;

Thứ tư, nghiêm chỉnh chấp hành kỷ luật, kỷ cương của Đảng, pháp luật của Nhà nước;

Thứ năm, gương mẫu, gắn bó mật thiết với Nhân dân, được Nhân dân tín nhiệm, có uy tín trước Nhân dân.

Đây chính là giá trị con người cần được thẩm thấu và lan tỏa vào chính trị, làm nên nhân cách, phẩm chất của đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý nói riêng, của người cán bộ, đảng viên nói chung. Các nghị quyết của Đảng về công tác cán bộ trong thời gian vừa qua đã nhấn mạnh đến giá trị chuẩn mực này trong xây dựng đội ngũ cán bộ. Đồng thời, đây cũng chính là cơ sở để đánh giá, đào tạo, sử dụng, bổ nhiệm hoặc xem xét xử lý vi phạm của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức.

b) Vấn đề xây dựng con người trong chính trị trong hơn 30 năm đổi mới ở Việt Nam

Tính đến tháng 3/2017, tổng số cán bộ, công chức, viên chức ở nước ta là 2.726.917 người, trong đó cán bộ, công chức là 611.069 người, viên chức là 1.983.981 người, hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP là 131.867 người, và 1.231.483 người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, thôn, tổ dân phố và hợp đồng khác¹.

Về trình độ lý luận chính trị: Đại đa số đội ngũ cán bộ, đảng viên công tác trong hệ thống chính trị các cấp đã được đào tạo, bồi dưỡng về lý luận chính trị từ sơ cấp, trung cấp đến cao cấp lý luận chính trị. Đội ngũ cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý ở các cơ quan trung ương có trình độ lý luận chính trị cao cấp và cử nhân năm 1997 là 96,64%, năm 2007 là 99,48%, năm 2017 là 100%. Hệ thống giáo dục lý luận chính trị từ Trung ương đến cơ sở đã được mở rộng và hoàn thiện, góp phần vào đáp ứng nhu cầu học tập, bồi dưỡng lý luận chính trị cho đội ngũ cán bộ, đảng viên ở các đối tượng khác nhau.

1. Xem PGS.TS. Nguyễn Thị Phương Hoa, tạp chí *Tổ chức Nhà nước điện tử*, ngày 26/11/2018.

Về trình độ chuyên môn nghiệp vụ: Trình độ chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ đã được nâng lên rõ rệt. Chỉ tính 5 năm 2009 - 2014, tỷ lệ người có trình độ đại học và trên đại học đã tăng gần gấp đôi, từ 4,4% lên 7,3%. Số lượng cán bộ quy hoạch được bảo đảm, tạo cơ sở cho sự chuyển tiếp các thế hệ. Qua mỗi kỳ Đại hội Đảng, cấp ủy các cấp đã đổi mới khoảng 40%, Ban Chấp hành Trung ương Đảng đổi mới cao hơn (khóa IX là 40%; khóa X là 59,7%; khóa XII là 48%).

Về đạo đức, lối sống: Theo đánh giá của Nghị quyết Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII “Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ”, “Nhìn chung, đội ngũ cán bộ có lập trường tư tưởng, bản lĩnh chính trị vững vàng, có đạo đức, lối sống giản dị, gương mẫu, có ý thức tổ chức kỷ luật, luôn tu dưỡng, rèn luyện; trình độ, năng lực được nâng lên, phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ được giao. Nhiều cán bộ năng động, sáng tạo, thích ứng với xu thế hội nhập. Đa số cán bộ lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội ở các cấp có năng lực, phẩm chất, uy tín. Cán bộ cấp chiến lược có bản lĩnh chính trị, kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, mục tiêu, lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, có tư duy đổi mới, có khả năng hoạch định đường lối, chính sách và lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện”¹ (cán bộ cấp chiến lược chuyên ngành về kinh tế, luật chiếm 60,49%; trong khi đó, ngành khoa học công nghệ và hợp tác quốc tế chiếm 16,56%; xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước là 8,36%).

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2018, tr.45.

Về uy tín chính trị: Uy tín chính trị trước hết do sự cố gắng của bản thân từng cán bộ, công chức trước nhiệm vụ được giao. Đồng thời, uy tín còn được xác lập từ sự đánh giá, suy tôn của từng tập thể, từng cộng đồng và mở rộng hơn là sự đánh giá của Nhân dân đối với các thành viên tham gia vào công tác lãnh đạo, quản lý. Ngay từ năm 2000, Bộ Chính trị đã ban hành Quy định số 76-QĐ/TW, ngày 15/6/2000 về việc đảng viên đang công tác ở cơ quan, doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp thường xuyên giữ mối liên hệ với chi ủy, đảng ủy cơ sở và gương mẫu thực hiện nghĩa vụ công dân nơi cư trú. Năm 2011, Đảng ban hành Quy định số 47-QĐ/TW, ngày 01/11/2011 quy định những điều đảng viên không được làm với 19 điều cụ thể. Năm 2013, Ban Chấp hành Trung ương Đảng ban hành Quy định số 165-QĐ/TW, quy định về việc lấy phiếu tín nhiệm hàng năm đối với thành viên lãnh đạo cấp ủy và cán bộ lãnh đạo trong các cơ quan đảng, nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội. Đây là một chủ trương hoàn toàn đúng đắn để mỗi cán bộ lãnh đạo, quản lý trong hệ thống chính trị tự soi xét, nâng cao năng lực và phẩm chất của mình trong công tác, đồng thời, đây cũng là giải pháp quan trọng để tăng cường giám sát quyền lực của tổ chức đảng và nhà nước đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp.

Nghị quyết Trung ương 7 (khóa XII) “Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ” đã chỉ rõ những yếu kém, bất cập của đội ngũ cán bộ hiện nay là đông nhưng chưa mạnh; tình trạng vừa thừa, vừa thiếu cán bộ xảy ra ở nhiều nơi; sự liên thông giữa các cấp, các ngành còn hạn chế; cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số chưa đạt mục tiêu đề ra. Thiếu cán bộ lãnh đạo, quản lý giỏi, nhà khoa học, chuyên gia trên nhiều lĩnh vực.

Năng lực của đội ngũ cán bộ chưa đồng đều, có mặt còn hạn chế, yếu kém. Nhiều cán bộ, trong đó có cả cán bộ cấp cao thiếu tính chuyên nghiệp, làm việc không đúng chuyên môn, sở trường. Trình độ ngoại ngữ, kỹ năng giao tiếp và khả năng làm việc trong môi trường quốc tế còn hạn chế. Không ít cán bộ trẻ thiếu bản lĩnh, ngại rèn luyện.

Đặc biệt, Nghị quyết Trung ương 7 (khóa XII) đã nêu rõ những yếu kém của cán bộ, đảng viên: “Một bộ phận không nhỏ cán bộ phai nhạt lý tưởng, giảm sút ý chí, làm việc hời hợt, ngại khó, ngại khổ, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, có biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”. Một số cán bộ lãnh đạo, quản lý, trong đó có cả cán bộ cấp chiến lược, thiếu gương mẫu, uy tín thấp, năng lực, phẩm chất chưa ngang tầm nhiệm vụ, quan liêu, xa dân, cá nhân chủ nghĩa, vướng vào tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, lợi ích nhóm. Không ít cán bộ quản lý doanh nghiệp nhà nước thiếu tu dưỡng, rèn luyện, thiếu tính đảng, lợi dụng sơ hở trong cơ chế, chính sách, pháp luật, cố ý làm trái, trục lợi, làm thất thoát vốn, tài sản của Nhà nước, gây hậu quả nghiêm trọng, bị xử lý kỷ luật đảng và xử lý theo pháp luật. Tình trạng chạy chức, chạy quyền, chạy tuổi, chạy quy hoạch, chạy luân chuyển, chạy bằng cấp, chạy khen thưởng, chạy danh hiệu, chạy tội... trong đó có cả cán bộ cao cấp, chưa được ngăn chặn, đẩy lùi”¹.

Khuyết điểm, yếu kém của một bộ phận không nhỏ cán bộ và những bất cập trong công tác cán bộ cũng là một nguyên nhân chủ yếu làm cho đất nước phát triển chưa tương xứng

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa XII, Sdd*, tr.47-48.

với tiềm năng, thế mạnh và mong muốn của Nhân dân, làm suy giảm niềm tin của Nhân dân đối với Đảng và Nhà nước.

Theo kết quả điều tra của chúng tôi cho thấy, vấn đề thiết yếu nhất để củng cố niềm tin của xã hội vào chế độ chính trị hiện nay đầu tiên là chống suy thoái về tư tưởng, đạo đức, lối sống (60,1% số người được hỏi lựa chọn); thứ hai là phát triển kinh tế - xã hội bền vững (56,5% số người được hỏi lựa chọn); thứ ba là xây dựng đời sống chính trị đúng đắn (52,1% số người được hỏi lựa chọn). Sự quan tâm của xã hội phù hợp với quyết tâm chính trị của Đảng trong việc phòng, chống sự suy thoái về tư tưởng, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” được phản ánh trong Nghị quyết Trung ương 4 và Nghị quyết Trung ương 7 (khóa XII). Vấn đề xây dựng nhân cách, đạo đức của đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp phải được đặc biệt quan tâm trong chiến lược cán bộ của Đảng và Nhà nước. Theo V.I.Lênin, sự suy thoái về tư tưởng, đạo đức, lối sống tất yếu dẫn đến sự suy thoái về chính trị, vì vậy nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân theo tư tưởng Hồ Chí Minh là vấn đề có ý nghĩa cơ bản và lâu dài để làm cho văn hóa thấm sâu vào từng chủ thể chính trị, trước hết là đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp và bí thư, cấp ủy hiện nay, góp phần nâng cao chất lượng của đội ngũ cán bộ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ cách mạng trong thời kỳ đổi mới và hội nhập quốc tế.

Điều quan trọng nhất của vấn đề xây dựng con người trong chính trị là xây dựng nhân cách, bản lĩnh của đội ngũ cán bộ, có đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, xứng tầm với nhiệm vụ chính trị đặt ra, bảo đảm sự thống nhất giữa lời nói với hành động, giữa lý luận và thực tiễn, bảo đảm mối liên hệ mật thiết với Nhân dân, vì hạnh phúc của Nhân dân.

3. Thực trạng văn hóa trong Đảng

a) *Nhận thức của Đảng ta về vấn đề xây dựng môi trường văn hóa trong Đảng từ khi đổi mới đến nay*

Từ năm 1986, tư tưởng đổi mới của Đảng ta ở Đại hội VI đã tạo nên cho đời sống văn hóa Việt Nam một sức sống và diện mạo mới. Trong hơn 30 năm qua, nhận thức về văn hóa và vai trò của văn hóa của Đảng ngày càng sâu sắc và toàn diện hơn. Đảng ta đã chỉ rõ sức mạnh nội tại của văn hóa với tư cách là **“nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội”**¹. Nhận thức có tính bước ngoặt này bắt đầu từ Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII) (năm 1998) đánh dấu sự đề cao vai trò của văn hóa, môi trường văn hóa không chỉ dừng lại ở tầng diện tư duy lý luận mà còn ở giá trị thực tiễn của nó. Nghị quyết đã xây dựng 5 quan điểm chỉ đạo quan trọng và 4 giải pháp lớn, trong đó quan tâm đến giải pháp xây dựng văn hóa trong Đảng. Đó là: “Để bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng về văn hóa, phải xây dựng văn hóa từ trong Đảng, trong bộ máy nhà nước như Bác Hồ đã dạy *“Đảng ta là đạo đức, là văn minh”*. Phải đặt mạnh việc giáo dục tư tưởng, đạo đức Hồ Chí Minh trong toàn Đảng, toàn dân, toàn quân. Văn hóa đạo đức và lối sống lành mạnh phải được thể hiện trước hết trong mọi tổ chức đảng, nhà nước, đoàn thể, trong cán bộ, viên chức nhà nước, trong từng đảng viên, hội viên, ở các bậc cha mẹ, các thầy cô giáo. Từ sự gương mẫu về mọi mặt của các tổ chức và từng cán bộ trong bộ máy đảng, nhà nước, đoàn thể mà phát huy vai trò lãnh đạo thực hiện Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”. Gương mẫu là một

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sdd, t.57, tr.303.

nội dung, một phương thức trọng yếu trong công việc lãnh đạo của Đảng”¹.

Nghị quyết Trung ương 10 (khóa IX) lại một lần nữa đánh giá cao Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII) và xác định: Phát triển văn hóa là nền tảng tinh thần với vị thế chân kiềng cùng với phát triển kinh tế là trung tâm và xây dựng, chỉnh đốn Đảng là then chốt.

Trong thời gian qua, Đảng, Nhà nước và toàn thể xã hội đã nỗ lực rất nhiều cho nhiệm vụ đưa văn hóa thấm sâu vào từng lĩnh vực kinh tế, chính trị... của đời sống xã hội; thấm sâu vào từng con người, từng gia đình, cơ quan, đơn vị, trường học... Nhiều tổ chức, cơ quan, đơn vị đã có những định hướng giá trị cho việc xây dựng văn hóa trong các tổ chức, đơn vị, cơ quan, trong đó có văn hóa trong Đảng... Tuy nhiên, những nỗ lực đó vẫn chưa làm cho môi trường văn hóa thật sự lành mạnh, tốt đẹp, thậm chí có lúc, có nơi xuất hiện những biểu hiện văn hóa phức tạp, đa chiều, nhiều giá trị bị thay đổi hoặc bị đảo lộn. Hội nghị toàn quốc tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII) (ngày 15/01/2014) do Ban Bí thư Trung ương Đảng tổ chức đã nhận định rằng: Mặc dù đây là Nghị quyết có tầm nhìn sâu rộng, chứa đựng các giá trị tư tưởng, nhân văn và khoa học, hết sức cần thiết, phù hợp với thực tiễn, tuy nhiên, kết quả đạt được của Nghị quyết nói trên chưa tương xứng với tiềm năng, chưa đáp ứng yêu cầu và chưa vững chắc; thiếu sự gắn bó chặt chẽ giữa văn hóa và kinh tế, chính trị; chưa đủ để tác động có hiệu quả đối với việc xây dựng con người, xây dựng hệ giá trị đạo đức mới của văn hóa Việt Nam và các lĩnh vực

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sdd*, t.57, tr.322-323.

của đời sống xã hội, nhất là lĩnh vực tư tưởng, đạo đức, lối sống. Văn hóa chưa thực sự trở thành động lực và mục tiêu của sự phát triển. Đời sống kinh tế có bước phát triển nhưng đời sống tinh thần chưa theo kịp, thậm chí một số mặt còn suy giảm... Những biểu hiện rõ rệt của sự yếu kém, hạn chế được chỉ ra, đó là tình trạng suy thoái đạo đức xã hội có xu hướng lan rộng, đặc biệt là sự suy thoái đạo đức trong một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên; phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư” còn nặng về hình thức; việc gìn giữ, phát huy giá trị của di sản chưa được nhận thức đúng mức và đúng tầm. Trong quá trình thực hiện Nghị quyết, nhân tố con người - trung tâm của sự phát triển văn hóa - xã hội vẫn chưa được đặt lên hàng đầu.

Để khắc phục những hạn chế, yếu kém đó, Đảng ta đặc biệt quan tâm đến việc xây dựng văn hóa gắn với con người, xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh gắn với từng đơn vị, cộng đồng. “Mỗi địa phương, cộng đồng, cơ quan, đơn vị, tổ chức phải là một môi trường văn hóa lành mạnh, góp phần giáo dục, rèn luyện con người về nhân cách, lối sống. Gắn kết xây dựng môi trường văn hóa với bảo vệ môi trường sinh thái. Đưa nội dung giáo dục đạo đức con người, đạo đức công dân vào các hoạt động giáo dục của xã hội”¹. Đặc biệt, phải xây dựng văn hóa trong chính trị, văn hóa trong Đảng: “trọng tâm là xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức có phẩm chất đạo đức, tận tụy, hết lòng phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân, gắn bó máu thịt với nhân dân; có ý thức thượng tôn pháp luật, dân chủ đi đôi với kỷ luật, kỷ cương; tự do cá nhân gắn với trách nhiệm xã hội và nghĩa vụ công dân. Ngăn chặn,

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương khóa XI*, Sdd, tr.51.

đẩy lùi tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong một bộ phận cán bộ, công chức, đảng viên”¹.

b) Thực trạng xây dựng môi trường văn hóa trong Đảng

Đối với tổ chức đảng, việc xây dựng môi trường văn hóa có ý nghĩa to lớn hơn bao giờ hết. Văn hóa trong Đảng là hạt nhân của văn hóa chính trị, môi trường văn hóa trong Đảng là sự kết tinh các giá trị, là không gian sinh tồn cho tổ chức đảng phát huy sức mạnh của đảng cầm quyền trong lãnh đạo, chỉ đạo. Môi trường văn hóa trong Đảng trong sạch, vững mạnh sẽ hình thành các tổ chức đảng vững mạnh, sẽ xây dựng được những đảng viên ưu tú, có đầy đủ tư chất, đạo đức cách mạng. Ngược lại, môi trường văn hóa trong đảng một khi đã bị “ô nhiễm” thì sẽ làm cho tổ chức đảng rệu rã, đảng viên hoang mang, mất tin tưởng vào tổ chức dẫn đến nguy cơ tan rã.

Khi nói về văn hóa trong Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng: “*Đảng ta là đạo đức, là văn minh*”². Đây là một trong sáu câu thơ của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong bài nói chuyện tại Lễ kỷ niệm 30 năm ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, để khẳng định vai trò, sứ mệnh to lớn của Đảng trong việc lãnh đạo cách mạng Việt Nam đấu tranh giành độc lập. Khi Người viết câu thơ “*Đảng ta là đạo đức, là văn minh*”, không ngoài hàm ý tôn vinh vai trò của Đảng, khẳng định giá trị đạo đức và trí tuệ của Đảng cũng như sự đòi hỏi của Nhân dân đối với Đảng. Cả hai giá trị đó chính là giá trị văn hóa cốt lõi trong Đảng.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương khóa XI, Sđd*, tr.53.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.12, tr.403.

Văn hóa trong Đảng thực chất là một dạng văn hóa của tổ chức. Mọi tổ chức đều có quy chế, điều lệ để hoạt động. Điều lệ Đảng là một bộ phận cốt lõi của văn hóa trong Đảng, môi trường văn hóa trong tổ chức đảng. Tuy nhiên, trong quá trình hoạt động, lãnh đạo và chỉ đạo, những quy định trong Điều lệ Đảng chưa bao quát hết mọi hoạt động mà phải xây dựng những nghị quyết, chỉ thị... cụ thể và kịp thời phù hợp với yêu cầu của thực tiễn cuộc sống.

Từ khi đổi mới đến nay, nhằm xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, nghĩa là xây dựng văn hóa trong Đảng, văn hóa trong tổ chức đảng, chúng ta đã có những nghị quyết chuyên đề về xây dựng Đảng như Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VIII) (lần 2) (tháng 02/1999) “Về một số vấn đề cơ bản và cấp bách trong công tác xây dựng Đảng hiện nay”; Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI (tháng 01/2012) “Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay”; Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII (tháng 10/2016) “Về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ”;... Các nghị quyết trên cũng có đề cập các nhóm giải pháp về giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, về đạo đức, lối sống, tự phê bình và phê bình,...

Đối với công tác tư tưởng, lý luận, chúng ta có Nghị quyết Trung ương 5 (khóa IX) (tháng 3/2002) “Về nhiệm vụ chủ yếu của công tác tư tưởng, lý luận trong tình hình mới”, Nghị quyết Trung ương 5 khóa X (tháng 8/2007) “Về công tác tư tưởng, lý luận và báo chí trước yêu cầu mới”, Nghị quyết số 37-NQ/TW, ngày 09/10/2014 của Ban Chấp hành

Trung ương Đảng khóa XI “Về công tác lý luận và định hướng nghiên cứu đến năm 2030”;...

Đối với công tác tổ chức, cán bộ, Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã có nhiều nghị quyết, chỉ thị, kết luận, quy định, quy chế,... về công tác cán bộ, như Nghị quyết số 03-NQ/TW, ngày 18/6/1997 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII về “Chiến lược cán bộ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”; Nghị quyết số 11-NQ/TW, ngày 25/01/2002 “Về việc luân chuyển cán bộ lãnh đạo và quản lý” và Nghị quyết số 42-NQ/TW, ngày 30/11/2004 của Bộ Chính trị khóa IX “Về công tác quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”; Kết luận số 37-KL/TW, ngày 02/02/2009 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X “Về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Chiến lược cán bộ từ nay đến năm 2020”; Nghị quyết số 12-NQ/TW, ngày 06/01/2012 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI “Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay”; Quyết định số 244-QĐ/TW, ngày 09/6/2014 “Về việc ban hành Quy chế bầu cử trong Đảng”; Kết luận số 24-KL/TW, ngày 05/6/2012 của Bộ Chính trị khóa XI “Về đẩy mạnh công tác quy hoạch và luân chuyển cán bộ lãnh đạo, quản lý đến năm 2020 và những năm tiếp theo”;...

Trên cơ sở những chủ trương, nghị quyết, chỉ thị, kết luận, quy định, quy chế,... của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư về tư tưởng lý luận, tổ chức cán bộ, đạo đức, lối sống của đảng viên..., các tổ chức đảng đã triển khai nhiệm vụ xây dựng văn hóa trong Đảng gắn với nhiệm vụ chính trị cụ thể trong toàn bộ hệ thống chính trị. Cùng với việc triển khai những chủ trương, nghị quyết, chỉ thị, chúng ta cũng phát động những phong trào rộng lớn để xây dựng môi trường văn hóa trong Nhân dân, trong Đảng

như phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”... với mục đích “làm cho văn hóa thấm sâu vào toàn bộ đời sống và hoạt động xã hội, vào từng người, từng gia đình, từng tập thể và cộng đồng, từng địa bàn dân cư, vào mọi lĩnh vực sinh hoạt và quan hệ con người, tạo ra trên đất nước ta đời sống tinh thần cao đẹp, trình độ dân trí cao, khoa học phát triển, phục vụ đắc lực sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh, tiến bước vững chắc lên chủ nghĩa xã hội”¹.

b) Kết quả thực hiện nhiệm vụ xây dựng văn hóa trong tổ chức đảng

Thứ nhất, công tác giáo dục tư tưởng, lý luận trong Đảng được củng cố, giữ gìn và phát huy trong đảng viên, trong hệ thống chính trị và đời sống xã hội.

Chúng ta biết rằng, đối với một đảng, đặc biệt là đảng cầm quyền thì vai trò của tư tưởng, lý luận là vô cùng quan trọng. “Xây dựng văn hóa đảng cũng là xây dựng và chỉnh đốn Đảng... Xây dựng văn hóa đảng trước hết và trên hết là xây dựng hệ tư tưởng của Đảng là chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, xây dựng nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động của Đảng”².

Tư tưởng, lý luận của Đảng thể hiện trí tuệ của một đảng cầm quyền. V.I.Lênin đã từng khẳng định: “Không có lý luận cách mạng thì cũng không thể có phong trào cách mạng... *chỉ*

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sdd, t.57, tr.303.

2. GS. Trần Xuân Trường: “Văn hóa Đảng và xây dựng chỉnh đốn Đảng”, in trong *Văn hóa Đảng - Văn hóa trong Đảng*, Nxb. Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, 2006, tr.11.

*đảng nào được một lý luận tiên phong hướng dẫn thì mới có khả năng làm tròn vai trò chiến sĩ tiên phong*¹. Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng nhiều lần khẳng định: “Lý luận như cái kim chỉ nam, nó chỉ phương hướng cho chúng ta trong công việc thực tế.

Không có lý luận thì lúng túng như nhắm mắt mà đi”².

Giáo dục tư tưởng, lý luận là một phần quan trọng để xây dựng văn hóa trong Đảng. Trong thời gian qua, đặc biệt là từ khi đổi mới cho đến nay, Đảng rất quan tâm đến vấn đề này³. Chúng ta đã đầu tư nhiều nguồn lực cho việc tuyên truyền, phát huy, quảng bá chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Trong sinh hoạt đảng, nội dung về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh cũng được đặt lên hàng đầu, là tiêu chí quan trọng khi nói về phẩm chất cách mạng của người đảng viên cộng sản.

Mặc dù thực tiễn thường xuyên thay đổi, nhưng chúng ta vẫn kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên trì bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng. Bên cạnh việc bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, những sinh hoạt tư tưởng, lý luận trong Đảng còn thể hiện rất rõ trong việc nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn. Văn minh, trí tuệ của một đảng trước hết được nhận diện trong việc xây dựng các văn kiện quan trọng của đảng đó. Các văn kiện của Đảng phải thể hiện trí tuệ, tư duy lý luận của một tổ chức ưu tú, phản ánh trí tuệ của giai cấp tiên tiến, của toàn thể nhân dân và dân tộc, có giá trị định hướng và dẫn dắt xã hội trong

1. V.I. Lênin: *Toàn tập, Sđd*, t.6, tr.30-32.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.5, tr.273-274.

3. Năm 1965, Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã quyết định thành lập Ban Nghiên cứu lý luận Trung ương; năm 1980, thành lập Viện Nghiên cứu Mác - Lênin; năm 1996, thành lập Hội đồng Lý luận Trung ương.

quá trình phát triển. Khi đề cập vấn đề quan trọng này, nguyên Trưởng ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương (nay là Ban Tuyên giáo Trung ương) Nguyễn Khoa Điềm có nhận định rất sâu sắc: “Vì văn hóa Đảng là văn hóa của giai cấp công nhân... Nó là văn hóa của một trình độ khác, chất lượng khác. Trong xã hội ta - xã hội có Đảng thì văn hóa Đảng phải dẫn dắt văn hóa của dân tộc. Phải quan niệm dứt khoát là như vậy vì đó là bộ phận tiên tiến của văn hóa dân tộc. Trong thời điểm hiện nay phải tích cực xây dựng văn hóa Đảng, nâng cao chất lượng văn hóa Đảng, chứ không để sa sút. Vì muốn văn hóa dân tộc phát triển thì văn hóa Đảng phải đi đầu; Đảng ta “là đạo đức là văn minh” như Bác Hồ đã nói. Văn hóa Đảng không phát triển thì văn hóa dân tộc khó phát triển, và ngược lại, văn hóa Đảng gắn với văn hóa dân tộc và chịu sự tác động thường xuyên của văn hóa dân tộc”¹.

Trong thời gian qua, công tác lý luận đã chủ động nghiên cứu nhiều vấn đề lý luận và thực tiễn của công cuộc đổi mới, về chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Từ khi đổi mới đến nay, Đảng ta đã tiến hành nhiều đợt tổng kết lớn về công tác lý luận và thực tiễn như: Tổng kết một số vấn đề lý luận - thực tiễn qua 20 năm đổi mới (1986 - 2006); Tổng kết 20 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (1991 - 2011), ban hành Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011), góp phần làm sáng tỏ nhận thức lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội

1. Nguyễn Khoa Điềm: “Muốn văn hóa dân tộc phát triển thì văn hóa Đảng phải đi đầu”, in trong *Văn hóa Đảng - Văn hóa trong Đảng*, Sđd, tr.17.

ở nước ta; Tổng kết 20 năm thực hiện Hiến pháp năm 1992, ban hành Hiến pháp năm 2013; Tổng kết một số vấn đề lý luận - thực tiễn qua 30 năm đổi mới (1986 - 2016);... Các hội nghị tổng kết trên đã góp phần phát triển tư duy lý luận của Đảng, phát hiện những vấn đề mới đang đặt ra, đề xuất những luận cứ lý luận và thực tiễn, làm cơ sở xác định quan điểm, giải pháp¹ cho đường lối, chủ trương, chính sách phát triển đất nước trong tình hình mới.

Thứ hai, sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng được duy trì và phát huy có hiệu quả trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo của các tổ chức đảng.

Sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng chính là giá trị quý báu, là thành tựu to lớn của Đảng từ khi ra đời cho đến nay, đặc biệt trong thời kỳ đổi mới. Từ khi ra đời năm 1930 cho đến nay, trải qua nhiều biến động của lịch sử trong nước và thế giới nhưng Đảng vẫn giữ được vai trò của một đảng cầm quyền uy tín nhất, tin cậy nhất của Nhân dân, của dân tộc. Sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng chính là giá trị văn hóa cốt lõi tạo thành sức mạnh nội sinh, nâng cao sức đề kháng mạnh mẽ trong các tổ chức đảng. Trong *Di chúc*, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: “Nhờ đoàn kết chặt chẽ, một lòng một dạ phục vụ giai cấp, phục vụ nhân dân, phục vụ Tổ quốc, cho nên từ ngày thành lập đến nay, Đảng ta đã đoàn kết, tổ chức và lãnh đạo nhân dân ta hăng hái đấu tranh tiến từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.

1. Xem TS. Đinh Thế Huynh, GS.TS. Phùng Hữu Phú, GS.TS. Lê Hữu Nghĩa, GS.TS. Vũ Văn Hiền, PGS.TS. Nguyễn Viết Thông (Đồng chủ biên): *30 năm đổi mới và phát triển ở Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2015, tr.305.

Đoàn kết là một truyền thống cực kỳ quý báu của Đảng và của dân ta. Các đồng chí từ Trung ương đến các chi bộ cần giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình.

Trong Đảng thực hành dân chủ rộng rãi, thường xuyên và nghiêm chỉnh *tự phê bình và phê bình* là cách tốt nhất để củng cố và phát triển sự đoàn kết và thống nhất của Đảng. Phải có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau”¹.

Nói văn hóa là nói đến sự sáng tạo và lưu giữ những giá trị. Đoàn kết, thống nhất chính là giá trị. Trong đời sống xã hội, những gì được khẳng định là giá trị thì bản thân nó trở thành thước đo và hướng đích của con người, của xã hội loài người. Édouard Herriot cho rằng: “Văn hóa là cái còn lại khi người ta đã quên đi tất cả, là cái vẫn thiếu khi người ta đã học tất cả”. Điều quan trọng phải nhận diện là cái còn lại đó chính là giá trị văn hóa, song không chỉ có được từ những hoạt động trong lĩnh vực văn hóa, từ những chủ thể sáng tạo văn hóa mà của tất cả mọi lĩnh vực trong đời sống xã hội. Suy cho cùng, cách mạng là một hoạt động chính trị nhưng sự thăng hoa của hoạt động đó đã làm nên giá trị văn hóa: chủ nghĩa yêu nước và độc lập dân tộc. Tất nhiên, không phải bất cứ cuộc nổi dậy nào cũng để lại giá trị mà đôi khi để lại sự đổ nát, hoang tàn. Chính vì vậy mà nhà văn đạt giải Nobel Văn học Gabriel García Márquez cho rằng: Bản thân cách mạng cũng là một sự nghiệp văn hóa, nó biểu hiện trọn vẹn một thiên hướng và khả năng sáng tạo...

Sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng là động lực cho thành công của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 và Đại thắng mùa Xuân năm 1975 giải phóng miền Nam, thống

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr.621-622.

nhất đất nước. Đồng thời, đây cũng là cơ sở để tạo nên sức mạnh của văn hóa Việt Nam. Đó là sức mạnh của chính nghĩa, sức mạnh của truyền thống văn hóa hàng nghìn năm dựng nước và giữ nước. Điều này đã được thể hiện rất rõ trong *Bình Ngô đại cáo* của Nguyễn Trãi khi chủ trương “Đem đại nghĩa để thắng hung tàn/Lấy chí nhân để thay cường bạo” hay “Ta bày kế đánh vào lòng người, không xông trận mà vẫn khuất phục được đối phương” (*Bình Ngô sách*). Tư tưởng này của Nguyễn Trãi càng minh chứng cho sức mạnh văn hóa của dân tộc Việt Nam có sức lôi cuốn và tiềm tàng mà các thế hệ đi sau đã kế thừa và phát huy trong các cuộc cách mạng để giành độc lập dân tộc và thống nhất đất nước. Từ lăng kính của xã hội hiện đại, khi nói về vai trò của văn hóa trong xã hội hiện đại, giáo sư người Mỹ Joseph Nye khẳng định Việt Nam có một sức mạnh văn hóa mà thế giới ngưỡng mộ: “Thực chất, Việt Nam đã chiến thắng trong hai cuộc chiến với hai đế quốc lớn trong thế kỷ XX nhờ nhiều vào “sức mạnh mềm”. Mặc dù đối phương có vũ khí và tiền bạc vượt trội, Việt Nam đã vượt qua và nhận được sự ủng hộ của bạn bè quốc tế nhờ “vũ khí mềm” là chính nghĩa, khát vọng độc lập thống nhất và lòng yêu nước”¹.

Công cuộc đổi mới được Đảng ta khởi xướng và thực hiện từ năm 1986 cũng là một thử thách lớn đối với vấn đề đoàn kết, thống nhất trong Đảng. Đây là thời điểm Liên Xô sụp đổ và kéo theo sự tan rã của hệ thống xã hội chủ nghĩa. Trong nước cũng xảy ra sự hoang mang, dao động do các thế lực thù địch từ bên ngoài chống phá và nội bộ Đảng có một số cán bộ lãnh đạo cổ xúy cho sự đa nguyên, đa đảng. Trước tình hình khó khăn, thử thách đó, Đảng Cộng sản Việt Nam đã sáng

1. Dẫn theo *TuanVietnamNet*, ngày 28/12/2009.

suốt lựa chọn bước đi phù hợp và đã vượt qua “sự khủng hoảng về tư tưởng, lý luận”, đổi mới từng bước và toàn diện mọi lĩnh vực để ổn định và phát triển như ngày hôm nay.

Thứ ba, là giá trị đạo đức, lối sống tốt đẹp được kế thừa, phát huy.

Trong thời gian qua, các tổ chức đảng đã rất coi trọng việc rèn luyện đạo đức cách mạng cho đảng viên. Trong *Di chúc*, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: “Đảng ta là một Đảng cầm quyền. Mỗi đảng viên và cán bộ phải thực sự thấm nhuần *đạo đức cách mạng*, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân”¹.

Đạo đức, lối sống của đảng viên giữ vai trò hết sức quan trọng trong xây dựng văn hóa của tổ chức đảng. Tất cả mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam, của Đảng đều có nguyên nhân từ phẩm chất đạo đức, lối sống của đảng viên. Trong đội ngũ đảng viên của Đảng hiện nay, đa số đều gương mẫu, đi đầu trong tất cả các hoạt động, đặc biệt là dù ở bất cứ tình huống khó khăn nào vẫn giữ được phẩm chất, tư cách người cách mạng. Thế hệ đảng viên lão thành, đã nhiều năm tuổi Đảng, được rèn luyện, thử thách trong đấu tranh cách mạng, nay dù ở cương vị nào vẫn luôn trung kiên, giữ vững phẩm chất người cách mạng, thể hiện và phát huy những phẩm chất ấy trong đời sống hằng ngày, trong hoạt động thực tiễn và công tác; nêu gương cho các thế hệ sau về lập trường, đạo đức, lối sống, về niềm tin vào Đảng, gắn bó với quần chúng nhân dân. Đội ngũ cán bộ, đảng viên đang trực tiếp tham gia công

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr.622.

tác trên mọi lĩnh vực đã nêu cao trách nhiệm trước cuộc sống của Nhân dân, tích cực rèn luyện nâng cao học vấn, chuyên môn, nghiệp vụ, trau dồi phẩm chất đạo đức, thực hành dân chủ, tôn trọng pháp luật, thực hiện nghị quyết, nguyên tắc và Điều lệ Đảng¹. Chính những phẩm chất này của đội ngũ đảng viên đã hình thành nên môi trường văn hóa lành mạnh trong tổ chức của Đảng.

Tư cách người đảng viên không chỉ cần có ở những vị trí lãnh đạo mà còn ở những con người công dân bình thường, giản dị, còn thể hiện rõ ở những người lao động giỏi, người công dân gương mẫu và người chiến sĩ tiên phong trong đổi mới. Họ là những công nhân, nông dân, trí thức, doanh nhân thành đạt, những cán bộ dân vận và công tác đoàn thể, những nhà quản lý đã góp phần làm nên kết quả và thành tựu của đổi mới. Đã có không ít những cán bộ, đảng viên trong lực lượng vũ trang hy sinh, đổ máu ngay trong thời bình, khi phải chống trả với bọn tội phạm, chống lại cái ác, cái xấu để bảo vệ cuộc sống bình yên cho Nhân dân. Trong thiên tai, biết bao cán bộ, đảng viên đã hết mình để bảo vệ cuộc sống và sự sống của người dân, thậm chí hy sinh cả tính mạng. Biết bao cán bộ, chiến sĩ âm thầm chịu đựng gian khổ giữ gìn biên cương, biển, đảo của Tổ quốc. Thế hệ đảng viên trẻ, lớp người sinh ra và lớn lên trong đổi mới đang là nòng cốt trong lao động, sản xuất, là động lực tăng trưởng của nền kinh tế, làm chủ khoa học và công nghệ để đưa đất nước vào quỹ đạo của phát triển; tích cực tham gia các hoạt động “đền ơn đáp nghĩa”, tình nguyện, nhân đạo; có lối sống đẹp, vị tha, nhân ái,... đem lại cho đất nước, cho Đảng sinh lực, sức sống và sức

1. Xem GS.TS. Hoàng Chí Bảo: “Tăng cường đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên”, *tapchiquptd.vn*, ngày 21/11/2016.

chiến đấu mới, v.v.. “Đó chính là những minh chứng thực tế về đạo đức tốt đẹp trong Đảng, trong dân, trong xã hội ta vẫn luôn tỏa sáng, vẫn là đường hướng chủ đạo, tích cực, là nguồn nội sinh đích thực của tiềm lực dân tộc, là phẩm chất đạo đức, văn hóa của Đảng. Không có những xung lực tinh thần này, làm sao có được thành tựu của đổi mới, của hội nhập, của xây dựng đất nước, bảo vệ Tổ quốc trong ba thập kỷ qua. Cần khẳng định, phải tiếp tục nuôi dưỡng và phát huy những nhân tố ấy”¹.

Trong những năm gần đây, mặc dù tình hình thế giới có nhiều diễn biến phức tạp, trong nước phải đối mặt với những khó khăn mới phát sinh, nhưng trong bối cảnh đó, Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư “luôn vững vàng, đoàn kết, kiên định và sáng tạo, có các quyết sách đúng đắn, kịp thời và phù hợp để lãnh đạo, chỉ đạo toàn Đảng, toàn dân và toàn quân đạt được những kết quả quan trọng trên các lĩnh vực đối nội và đối ngoại, được cán bộ, đảng viên và nhân dân ghi nhận, hoan nghênh, bạn bè thế giới đánh giá cao”². Những kết quả đó là đáng khích lệ, tạo tiền đề cho đất nước bước vào một giai đoạn phát triển mới.

Nhìn nhận những yếu tố tích cực này, chúng ta càng thấy sức mạnh và uy tín của Đảng không chỉ thể hiện ở tôn chỉ mục đích, lý tưởng mà còn ở những biểu hiện rất cụ thể về đạo đức, lối sống của đảng viên trong môi trường văn hóa của tổ chức đảng ở mọi thời điểm.

1. Xem GS.TS. Hoàng Chí Bảo: “Tăng cường đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên”, *Tlđđ*.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2017, tr.18.

c) Những hạn chế, bất cập và nguyên nhân

Có thể nói rằng, nhiệm vụ xây dựng văn hóa trong Đảng có ý nghĩa vô cùng to lớn trong việc xây dựng các tổ chức đảng trong sạch, vững mạnh. Những kết quả, thành tựu trong xây dựng văn hóa trong Đảng trong thời gian qua đã thể hiện ý chí, quyết tâm của một đảng cầm quyền trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam. Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đó, chúng ta cũng không tránh khỏi những hạn chế, bất cập trong việc xây dựng văn hóa trong Đảng.

Thứ nhất, về công tác tư tưởng, lý luận, học thuật. Thực tiễn luôn biến động nhưng chúng ta chưa nắm bắt kịp và dự báo một cách chính xác xu hướng vận động của đời sống chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội. Vấn đề dân chủ trong nghiên cứu lý luận cũng chưa thật sự sáng tỏ dẫn đến sự e ngại, dè dặt trong việc công bố những ý tưởng mới. Mặc dù đã có Quy chế dân chủ trong nghiên cứu lý luận nhưng đến nay môi trường lý luận, học thuật trong Đảng chưa thể hiện được tính đột phá. Còn nhiều vấn đề chưa được làm rõ. Đại hội XII cũng đã chỉ ra: “Công tác tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận còn bất cập, chưa làm rõ được một số vấn đề đặt ra trong quá trình đổi mới để định hướng trong thực tiễn, cung cấp cơ sở khoa học cho hoạch định đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước. Lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội còn một số vấn đề cần phải qua tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận để tiếp tục làm rõ”¹.

Công tác tư tưởng rất quan trọng đối với xây dựng văn hóa trong tổ chức của Đảng. Từ khi bắt đầu công cuộc đổi mới

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Sdd, tr.67.

đến nay, công tác tư tưởng vẫn giữ được định hướng trong Đảng. Tuy nhiên, việc thực hiện nhiệm vụ này vẫn chưa thật sự sắc bén, thiếu tính thuyết phục khi tuyên truyền đường lối của Đảng; tính chiến đấu chưa cao, chưa quyết liệt, tính khoa học chưa đạt độ thuyết phục. Điều này đã được Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII chỉ ra: “Nhiều tổ chức đảng, đảng viên còn hạn chế trong nhận thức, lơ là, mất cảnh giác, lúng túng trong nhận diện và đấu tranh, ngăn chặn “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”; việc đấu tranh, phản bác những luận điệu sai trái, xuyên tạc của các thế lực thù địch, tổ chức phản động, phần tử cơ hội, bất mãn chính trị còn bị động, thiếu sắc bén và hiệu quả chưa cao”¹.

Thứ hai, một trong những hạn chế lớn nhất trong xây dựng văn hóa trong Đảng thời gian qua chính là *tình trạng suy thoái về chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận đảng viên*. Thực trạng này đã được Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII nêu lên ở mức báo động, cảnh báo nhưng vẫn không có dấu hiệu suy giảm mà càng thêm “diễn biến phức tạp”. Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI “Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay”, nhấn mạnh thêm về sự nguy cấp mà “nếu không được sửa chữa sẽ là thách thức đối với vai trò lãnh đạo của Đảng và sự tồn vong của chế độ”². Đó là: “Một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên, trong đó có những đảng viên giữ vị trí lãnh đạo, quản lý, kể cả một số

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2016, tr.22-23.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa XI*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2012, tr.21-22.

cán bộ cao cấp, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống với những biểu hiện khác nhau về sự phai nhạt lý tưởng, sa vào chủ nghĩa cá nhân ích kỷ, cơ hội, thực dụng, chạy theo danh lợi, tiền tài, kèn cựa địa vị, cục bộ, tham nhũng, lãng phí, tùy tiện, vô nguyên tắc...”¹. Sau 5 năm, thực trạng này lại được tiếp tục nhấn mạnh trong Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII: “Tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên chưa bị đẩy lùi, có mặt, có bộ phận còn diễn biến tinh vi, phức tạp hơn; tham nhũng, lãng phí, tiêu cực vẫn còn nghiêm trọng, tập trung vào số đảng viên có chức vụ trong bộ máy nhà nước”².

Môi trường văn hóa trong tổ chức của Đảng đã có sự “ô nhiễm” như vậy nhưng *các cấp ủy đảng chưa kịp thời tẩy trừ, thanh lọc để các tổ chức đảng thật sự trong sạch, vững mạnh*. Điều này có nguyên do từ chỗ “nhiều cấp ủy, tổ chức đảng chưa làm tốt công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng, chất lượng và hiệu quả kiểm tra, giám sát chưa cao, chưa đủ sức góp phần ngăn chặn, đẩy lùi tham nhũng, tiêu cực trong Đảng. Nhiều khuyết điểm, sai phạm của tổ chức đảng, đảng viên chậm được phát hiện để kiểm tra, xử lý, nên kỷ cương, kỷ luật ở một số tổ chức đảng chưa nghiêm, một số cấp ủy còn thiếu sự đoàn kết”³.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa XI*, Sđd, tr.22.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa XII*, Sđd, tr.22.

3. TS. Đinh Thế Huynh, GS.TS. Phùng Hữu Phú, GS.TS. Lê Hữu Nghĩa, GS.TS. Vũ Văn Hiền, PGS.TS. Nguyễn Viết Thông (Đồng chủ biên): *30 năm đổi mới và phát triển ở Việt Nam*, Sđd, tr.310-311.

Theo điều tra của chúng tôi về những yếu tố cản trở xây dựng văn hóa trong chính trị ở Việt Nam, kết quả cho thấy có năm yếu tố sau có tỷ lệ người trả lời lựa chọn cao nhất là: lợi ích nhóm níu kéo (63,3%); không dám chịu trách nhiệm (60,6%); tư duy bao cấp còn nặng (52,8%); tính chất nhiệm kỳ (46,2%) và thiếu tầm nhìn chính trị (44,4%).

Trong những hạn chế đó có rất nhiều nguyên nhân đã được Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII nêu ra, trong đó nổi lên là, sự nảy sinh của chủ nghĩa cá nhân và suy thoái về đạo đức cách mạng. “Nguyên nhân sâu xa, chủ yếu của tình trạng suy thoái ở một bộ phận cán bộ, đảng viên trước hết là do bản thân những cán bộ, đảng viên đó thiếu tu dưỡng, rèn luyện; lập trường tư tưởng không vững vàng, hoang mang, dao động trước những tác động từ bên ngoài; sa vào chủ nghĩa cá nhân ích kỷ, hẹp hòi, bị cám dỗ bởi các lợi ích vật chất, không làm tròn trách nhiệm, bổn phận của mình trước Đảng, trước dân”¹.

d) Một số bài học kinh nghiệm về xây dựng văn hóa trong Đảng

Thứ nhất, xây dựng văn hóa trong Đảng phải lấy xây dựng đạo đức làm gốc.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã căn dặn: Đạo đức là cái gốc của người cách mạng. Trong từng chi bộ, đảng bộ, đạo đức của cán bộ, đảng viên trong sạch, gương mẫu thì sẽ bảo đảm cho tổ chức đảng đoàn kết, trong sạch, là điều kiện để phát triển đơn vị, nâng cao uy tín của tổ chức đối với xã hội. Đây chính

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa XII*, Sđd, tr.24-25.

là bài học kinh nghiệm quý báu đối với tổ chức đảng. Nơi nào tổ chức đảng suy thoái về đạo đức thì nơi đó Đảng mất sức chiến đấu, đánh mất vai trò lãnh đạo, đánh mất lòng tin trong Nhân dân. Nói chung, Đảng Cộng sản Việt Nam muốn quy tụ được mọi lực lượng, tầng lớp trong xã hội, muốn được Nhân dân tin yêu thì phải là hình mẫu về đạo đức, biểu tượng về mặt đạo đức.

Để lãnh đạo được quần chúng nhân dân, tập hợp được các lực lượng cách mạng, Đảng phải là một tổ chức tiên phong, ưu tú, đại diện cho mọi tầng lớp, giai cấp trong xã hội, là biểu tượng, là tấm gương đạo đức cho tất cả mọi người đồng thời thể hiện tính chất tiên tiến trong mọi thời đại. Để làm được điều đó thì ngoài các “kỹ năng chính trị” của một đảng cầm quyền, điều cốt lõi nhất để được nhân dân tin yêu là đạo đức của Đảng mà theo Hồ Chí Minh đó là *đạo đức cách mạng*. Trong *Di chúc*, Người từng khẳng định: “Đảng ta là một Đảng cầm quyền. Mỗi đảng viên và cán bộ phải thực sự thấm nhuần *đạo đức cách mạng*, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân”¹. Chính vì vậy mà tổ chức đảng không phải là nơi để làm quan phát tài mà phải luôn trong sáng. Hồ Chí Minh đã cảnh báo về sự biến đổi đạo đức trong mỗi con người, trong tổ chức đảng: “Một dân tộc, một đảng và mỗi con người, ngày hôm qua là vĩ đại, có sức hấp dẫn lớn, không nhất định hôm nay và ngày mai vẫn được mọi người yêu mến và ca ngợi, nếu lòng dạ không trong sáng nữa, nếu sa vào chủ nghĩa cá nhân...”².

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr.622, 672.

Trong các tác phẩm như *Đường cách mệnh*, *Sửa đổi lối làm việc*, *Đạo đức cách mạng*..., Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đặc biệt quan tâm đến vấn đề xây dựng đạo đức cách mạng cho cán bộ, đảng viên. Người thẳng thắn chỉ ra những khuyết tật thường thấy trong Đảng, đồng thời kêu gọi mỗi đảng viên và các tổ chức đảng nghiêm túc tự phê bình và phê bình. “Nói về Đảng, một Đảng mà giấu giếm khuyết điểm của mình là một Đảng hỏng. Một Đảng có gan thừa nhận khuyết điểm của mình, vạch rõ những cái đó, vì đâu mà có khuyết điểm đó, xét rõ hoàn cảnh sinh ra khuyết điểm đó, rồi tìm kiếm mọi cách để sửa chữa khuyết điểm đó. Như thế là một Đảng tiến bộ, mạnh dạn, chắc chắn, chân chính”¹.

Đạo đức đảng viên, của tổ chức đảng luôn hướng đến lợi ích tập thể, lợi ích của dân tộc, tuyệt đối tránh xa chủ nghĩa cá nhân. Ngày nay, sở dĩ một bộ phận đảng viên suy thoái về đạo đức là vì quá ham muốn vật chất và quyền lực, vì danh lợi mà bất chấp đạo đức và luân lý. “Đảng ta là đại biểu cho *lợi ích chung* của giai cấp công nhân, của toàn thể nhân dân lao động, chứ không phải mưu cầu *lợi ích riêng* của một nhóm người nào, của cá nhân nào”². Tuy nhiên, tính chất đạo đức của Đảng không chỉ thể hiện trong tôn chỉ nhân văn mà còn phải thể hiện trong từng tấm gương đạo đức, lối sống của đảng viên. Chính những việc làm cụ thể, gần gũi của đảng viên mới cảm hóa được quần chúng, được Nhân dân tin yêu. Nếu đảng viên bị tha hóa biến chất thì Đảng không còn là biểu tượng của đạo đức nữa.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t.5, tr.301.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t.11, tr.607.

Để xây dựng môi trường đạo đức trong sáng, lành mạnh, cần phải bồi dưỡng, giáo dục đạo đức cách mạng trong hệ thống chính trị, đặc biệt là đối với đảng viên. Đạo đức là một giá trị cốt lõi của một con người hay một tổ chức nhưng nó phải được cụ thể hóa bằng những khuôn mẫu hành vi đạo đức, hay nói đúng hơn là hình mẫu, là tấm gương để mọi người noi theo. Chính vì vậy mà đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên tác động rất lớn đến những người xung quanh, đến quần chúng nhân dân. Chỉ cần dung túng một hành vi lệch chuẩn của cán bộ, đảng viên thì sẽ đánh mất lòng tin của Nhân dân vào Đảng.

Thứ hai, xây dựng môi trường trí tuệ trong tổ chức của Đảng.

Không ai phủ nhận đạo đức là cái gốc của con người, của tổ chức trong Đảng, nhưng mọi sự vận động và phát triển đều đòi hỏi ở mỗi chủ thể sự sáng suốt của trí tuệ. Trong mỗi con người cái đó còn được gọi là tài năng. Nếu như đạo đức có con đường đi là cảm tính thì trong tài năng, lý tính đóng vai trò quan trọng cho việc vạch đường chỉ lối. Hồ Chí Minh cho rằng “Đảng ta vĩ đại thật” vì Đảng ta không chỉ là *biểu tượng của đạo đức* mà còn là *biểu tượng của văn minh*, và nếu không có hai giá trị trên thì cách mạng Việt Nam đã không thể đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.

Vậy, văn minh của một đảng cầm quyền là gì? Theo Hồ Chí Minh, một đảng được gọi là văn minh khi đảng đó xây dựng được một hệ tư tưởng tiên tiến của thời đại. Trong một xã hội có giai cấp và đấu tranh giai cấp, hệ tư tưởng chi phối toàn bộ mọi chủ trương, đường lối của chế độ, thậm chí chi phối cả những thang bậc giá trị đạo đức trong hàng ngũ lãnh đạo. Nói đến văn minh là nói đến trí tuệ của Đảng trong suốt

quá trình đấu tranh giành độc lập thống nhất nước nhà và xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội. Tầm nhìn sâu rộng và trí tuệ của Đảng đã được minh chứng khi chọn chủ nghĩa Mác - Lênin; và sau này là chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh làm kim chỉ nam cho mọi hành động. Tuy nhiên, một hệ tư tưởng tiên tiến, nhân văn không tự làm cho một đảng trở nên văn minh nếu như đảng chính trị hay những người đi theo không biết vận dụng cái tinh thần của nó vào trong thực tiễn một cách nhuần nhuyễn. Chính vì vậy, Hồ Chí Minh phê phán mạnh mẽ một số cán bộ, đảng viên học chủ nghĩa Mác - Lênin với thái độ như một lá bùa hộ mệnh, là trang sức cần thiết cho hoạn lộ của mình. Người nói: “Họ học sách vở Mác - Lênin, nhưng không học tinh thần Mác - Lênin. Học để trang sức, chứ không phải để vận dụng vào công việc cách mạng. Đó cũng là *chủ nghĩa cá nhân*”¹. Quả thật, những lo lắng của Người đã trở thành hiện thực đối với một số cán bộ, đảng viên hiện nay vì đã “Nhận thức sai lệch về ý nghĩa, tầm quan trọng của lý luận và học tập lý luận chính trị; lười học tập chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ trương, đường lối, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước”².

Văn minh, trí tuệ của một đảng không chỉ thể hiện trong tôn chỉ, mục đích của tổ chức đảng mà còn thể hiện ở lý tưởng xã hội, được nhận diện trong việc xây dựng các cương lĩnh, văn kiện quan trọng của đảng đó. Nghĩa là các cương lĩnh, văn kiện của đảng phải thể hiện trí tuệ của một tổ chức ưu tú,

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.11, tr.611.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa XII, Sđd*, tr.28.

trí tuệ của một dân tộc, có giá trị định hướng và sức hút dẫn dắt xã hội trong quá trình phát triển. Bài học kinh nghiệm về trí tuệ của Đảng được thể hiện ở Chủ tịch Hồ Chí Minh với tư cách là người lựa chọn một hướng đi, một chủ thuyết để giải phóng dân tộc: lựa chọn chủ nghĩa Mác - Lênin và tiếp tục phát triển lý luận mácxít một cách sáng tạo trên nền tảng của sự kết hợp giữa chủ nghĩa Mác - Lênin với phong trào công nhân và chủ nghĩa yêu nước của dân tộc Việt Nam. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời trong hoàn cảnh đó và đấu tranh không chỉ vì lợi ích của giai cấp công nhân mà còn vì lợi ích của toàn thể nhân dân lao động và của cả dân tộc. Chính vì vậy, chỉ có Đảng Cộng sản Việt Nam mới đủ năng lực và tầm ảnh hưởng để phát động, tập hợp được lực lượng tất cả các giai tầng trong xã hội để làm nên những thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

Môi trường trí tuệ trong tổ chức của Đảng phải được thể hiện ở sự kết hợp hài hòa giữa trí tuệ truyền thống của dân tộc với trí tuệ hiện đại. Bài học kinh nghiệm, tư duy dựng nước và giữ nước của truyền thống dân tộc phải được phát huy trong bối cảnh mới, thời đại mới. Trí tuệ của Đảng thể hiện bản lĩnh chính trị của Đảng. Bản lĩnh chính trị của Đảng do nhiều yếu tố tạo nên, trong đó, yếu tố cơ bản hàng đầu là tính khoa học, đúng đắn của nền tảng tư tưởng, đường lối chính trị. Có lý luận cách mạng khoa học mới giúp Đảng xác định rõ mục tiêu, đường lối cách mạng, không bị lúng túng, mất phương hướng khi đứng trước khó khăn. Có đường lối chính trị đúng đắn, sự lãnh đạo của Đảng mới vững vàng, cán bộ, đảng viên của Đảng mới tin tưởng, kiên định. Đó là sự giác ngộ lý tưởng, tinh thần cách mạng, sự thông minh sáng tạo của đội ngũ cán bộ, đảng viên. Sức mạnh,

trí tuệ, sự vững vàng của Đảng do toàn Đảng tạo nên. Chỉ khi có một đội ngũ cán bộ, đảng viên có ý thức rõ về mục tiêu lý tưởng cách mạng và có tinh thần cách mạng cao, đồng thời có trí tuệ mới giúp Đảng xây dựng nên bản lĩnh chính trị kiên cường, sáng suốt. Đó còn là sự vững vàng, từng trải và trí tuệ của các lãnh tụ của Đảng. Trí tuệ, bản lĩnh chính trị của Đảng thể hiện tập trung ở bản lĩnh của cơ quan lãnh đạo cao nhất của Đảng là Ban Chấp hành Trung ương và Bộ Chính trị. Đó cũng là truyền thống, kinh nghiệm của Đảng. Truyền thống là chỗ dựa, là sự khích lệ niềm tin để các thế hệ cán bộ, đảng viên của Đảng vượt lên khó khăn và vươn tới. Kinh nghiệm lịch sử giúp Đảng bình tĩnh trước mọi tình huống, xử lý đúng các vấn đề phức tạp, tránh được sai lầm¹.

Thứ ba, phải thường xuyên tăng cường kiểm tra, giám sát và kỷ luật trong Đảng.

Kinh nghiệm lịch sử cho thấy, để văn hóa trong Đảng luôn lành mạnh thì không chỉ nâng cao đạo đức cách mạng, nâng cao năng lực trí tuệ mà còn phải có những biện pháp răn đe, trừng phạt đối với những vi phạm Điều lệ Đảng. Kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng là những chức năng lãnh đạo của Đảng nhưng đồng thời cũng là giải pháp hữu hiệu để giữ gìn sự trong sáng của Đảng. Nếu không làm tốt chức năng này thì tổ chức của Đảng không còn sự nghiêm minh, các đảng viên, đặc biệt là những đảng viên ở vị trí lãnh đạo cao cấp tự tung tự tác, thao túng quyền lực, trục lợi cá nhân, tham nhũng, đánh mất uy tín nhanh chóng. Bài học

1. Xem PGS.TS. Nguyễn Văn Giang: “Nâng cao bản lĩnh chính trị của Đảng”, dangcongsan.vn, ngày 30/9/2015.

kinh nghiệm này cũng là giải pháp lớn để bảo vệ uy tín của Đảng, sự tồn vong của chế độ.

Đạo đức suy thoái, trí tuệ tụt hậu có nguyên nhân từ chỗ đảng viên bị quyền lực, vật chất cám dỗ, dẫn dắt. Chính điều đó đã làm cho văn hóa của Đảng, không gian giá trị trong Đảng ngày càng bị mai một, sau đó là mất lòng tin trong Nhân dân, và cuối cùng sẽ nguy cơ mất Đảng. Chính vì vậy mà “cần thiết phải có cơ chế kiểm soát quyền lực hiệu quả đối với cán bộ, đảng viên có chức vụ, quyền hạn, *một mặt*, bảo đảm đầy đủ điều kiện để thực thi trách nhiệm, quyền hạn một cách hiệu quả; *mặt khác*, kiểm chế để quyền lực không bị bóp méo, không trở thành công cụ để mưu lợi cá nhân, làm phương hại đến quyền lợi của nhân dân, sự tồn vong của Đảng và chế độ. Thực hiện các biện pháp ngăn ngừa sự tha hóa quyền lực của một bộ phận cán bộ lãnh đạo, quản lý là yêu cầu cấp bách hiện nay, để không có cơ hội câu kết, hình thành “nhóm lợi ích” tiêu cực, tham nhũng; tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước trong hoạt động của xã hội”¹.

Để xây dựng văn hóa trong tổ chức của Đảng, trước hết cần thực hiện nghiêm túc Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII)²

1. Trần Quốc Vượng: “Công tác kiểm tra, giám sát góp phần thực hiện thành công Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 (khóa XII) về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng”, *tapchicongsan.org.vn*, ngày 04/9/2017.

2. Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII “Về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ” đã chỉ ra tình hình, nguyên nhân, với 9 biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, 9 biểu hiện về suy thoái đạo đức, lối sống, 9 biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ, cũng như mục tiêu, quan điểm và giải pháp khắc phục.

“Về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ”. Đây là hành động thiết thực, cụ thể để tạo nên bước đột phá trong việc xây dựng văn hóa trong Đảng hiện nay.

4. Thực trạng xây dựng văn hóa trong cơ quan nhà nước

Trong hệ thống chính trị ở nước ta hiện nay, Nhà nước là trụ cột của hệ thống chính trị, có quyền lập pháp, tư pháp và hành pháp, là công cụ trọng yếu để tổ chức, xây dựng và bảo vệ đất nước.

Điều 2 Hiến pháp năm 2013 đã khẳng định: “Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam do Nhân dân làm chủ; tất cả quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân mà nền tảng là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức”¹.

Nguyên tắc tổ chức quyền lực nhà nước được quy định đầy đủ trong Điều 2 Hiến pháp năm 2013: “Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp, kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp”².

Vấn đề xây dựng môi trường văn hóa trong cơ quan nhà nước đã được nhấn mạnh trong các văn kiện của Đảng, đặc biệt là trong Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII) (năm 1998) và tiếp tục được khẳng định trong Văn kiện Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương khóa XI và Văn kiện

1, 2. *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2013, tr.8-9, 9.

Đại hội XII. Vấn đề xây dựng môi trường văn hóa trong các cơ quan nhà nước chiếm một vị trí đặc biệt quan trọng trong việc tạo lập môi trường văn hóa dân chủ, kỷ cương, trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức trong quá trình thực thi nhiệm vụ công.

Trải qua hơn 30 năm đổi mới, nhìn lại quá trình xây dựng văn hóa trong hệ thống cơ quan nhà nước các cấp, chúng ta thấy đã có những bước tiến bộ, góp phần phát huy giá trị văn hóa trong xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

a) Những ưu điểm

** Các giá trị văn hóa cơ bản trong quá trình xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa được khẳng định ngày càng đầy đủ và sâu sắc hơn:*

Đảng đã xác định rõ tính tất yếu khách quan và cấp thiết của việc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế, xác định xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa là một trong tám đặc trưng của xã hội xã hội chủ nghĩa mà Nhân dân ta xây dựng, vừa tiếp thu thành tựu của nhân loại về nhà nước pháp quyền, vừa thể hiện bản sắc, đặc điểm của Việt Nam. Đồng thời, Đảng ta cũng nhận thức rõ hơn bản chất dân chủ và pháp quyền của Nhà nước ta là Nhà nước của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân; tất cả quyền lực nhà nước đều thuộc về Nhân dân; quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp; nhấn mạnh yêu cầu khách quan phải kiểm soát quyền lực

trong Nhà nước pháp quyền, bảo đảm mối quan hệ thống nhất giữa Trung ương và địa phương.

Tại Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khóa VII, Đảng ta đã xác định xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân. Đến Đại hội XI, vấn đề này được hoàn thiện hơn trong *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011)* và được quy định trong Hiến pháp năm 2013. Đảng ta đã xác định: xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân; tất cả quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân; quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp. Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) và Hiến pháp năm 2013 đã khẳng định: Nhà nước tôn trọng và bảo đảm quyền con người, quyền công dân. Nhân dân thực hiện quyền làm chủ thông qua hoạt động của Nhà nước, của cả hệ thống chính trị và các hình thức dân chủ trực tiếp, dân chủ đại diện. Dân chủ xã hội chủ nghĩa là bản chất của chế độ ta, vừa là mục tiêu, vừa là động lực cho sự phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc. Như vậy, những giá trị văn hóa cơ bản như dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học đã được thể hiện rõ trong nhận thức của Đảng về xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, vừa tiếp thu kinh nghiệm xây dựng nhà nước pháp quyền của thế giới, vừa chú trọng tới đặc điểm, truyền thống văn hóa dân tộc; vừa phát huy được dân chủ xã hội, vừa bảo đảm kỷ cương, kỷ luật; vừa chú trọng đến xây dựng cơ cấu tổ chức, phân công và phối hợp quyền lực hợp lý, vừa kiểm soát được quyền lực. Những giá trị này đã được khẳng

định trong quan điểm và chủ trương về xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Đảng, vừa được thể chế hóa, cụ thể hóa trong hoạt động của bộ máy nhà nước, phát huy từng bước sức mạnh nội sinh của văn hóa dân tộc trong củng cố và xây dựng Nhà nước ta ngày càng vững mạnh.

** Quá trình thể chế hóa các giá trị văn hóa trong các cơ quan nhà nước ngày càng được cụ thể hóa và đạt được những chuyển biến tích cực:*

- Về xây dựng văn hóa trong cơ quan lập pháp:

Thứ nhất, nâng cao các giá trị văn hóa trong quá trình lập pháp.

Xây dựng môi trường văn hóa trong hoạt động của Quốc hội chiếm một vị trí đặc biệt quan trọng trong hệ thống bộ máy nhà nước.

Điều 69 Hiến pháp năm 2013 đã quy định: “Quốc hội là cơ quan đại biểu cao nhất của Nhân dân, cơ quan quyền lực cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Quốc hội thực hiện quyền lập hiến, quyền lập pháp, quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước và giám sát tối cao đối với hoạt động của Nhà nước”¹. Theo đó, Nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước bằng dân chủ trực tiếp, dân chủ đại diện thông qua Quốc hội, hội đồng nhân dân và các cơ quan khác của Nhà nước.

Trên cơ sở quán triệt sâu sắc quan điểm của Đảng về xây dựng môi trường văn hóa trong các cơ quan nhà nước, Quốc hội đã tập trung đổi mới các hoạt động của Quốc hội hướng tới các giá trị dân tộc, khoa học, dân chủ và nhân văn, phấn

1. *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Sđd*, tr.32-33.

đấu vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Quá trình bầu cử, ứng cử vào đại biểu Quốc hội và hội đồng nhân dân các cấp được tổ chức theo một trình tự hợp lý, khoa học, bảo đảm quyền tự do bầu cử, ứng cử của Nhân dân. Những quy định về chương trình hành động của các ứng cử viên đại biểu Quốc hội và hội đồng nhân dân các cấp được thực hiện công khai, nghiêm túc, được tổ chức tiếp xúc trực tiếp giữa đại biểu tham gia ứng cử với đại biểu nhân dân ở các đơn vị bầu cử. Công tác truyền thông về công tác bầu cử đã được coi trọng, giúp cho người dân hiểu rõ về quyền hạn, trách nhiệm công dân trong bầu cử, ứng cử và lựa chọn đại biểu mà mình tín nhiệm vào Quốc hội và hội đồng nhân dân các cấp.

Cơ cấu tổ chức của Quốc hội khóa XIV (nhiệm kỳ 2016 - 2021) đã được xác lập trên cơ sở kế thừa các điểm hợp lý và khắc phục các khuyết điểm trong tổ chức Quốc hội của các bản Hiến pháp trước đó. Chức năng, nhiệm vụ của Quốc hội đã được xác lập bảo đảm tính khoa học, hợp lý hơn, phù hợp hơn với Quốc hội trong cơ chế quyền lực nhà nước tập quyền có vận dụng các yếu tố của nguyên tắc phân quyền.

Bên cạnh việc nâng cao giá trị khoa học trong hoạt động, Quốc hội cũng rất coi trọng giá trị dân chủ trong hoạt động của mình. Dân chủ hóa trong hoạt động của Quốc hội thể hiện rõ trong quá trình xây dựng luật pháp và sinh hoạt thường niên của Quốc hội, từ Ủy ban Thường vụ Quốc hội tới các Ủy ban và Hội đồng Dân tộc. Quá trình xây dựng luật pháp được quy định một cách công khai, minh bạch từ việc lấy ý kiến của đông đảo quần chúng nhân dân, thẩm định của các cơ quan chuyên môn của Quốc hội tới việc lấy ý kiến góp ý của các đại biểu Quốc hội.

Quá trình dân chủ hóa trong hoạt động của Quốc hội đã góp phần nâng cao trí tuệ và tầm nhìn của Quốc hội trong khi ban hành các bộ luật và các chính sách quan trọng để phát triển đất nước, đồng thời giúp Quốc hội kịp thời khắc phục những bất cập, hạn chế trong việc ban hành các quyết định quan trọng. Vừa qua, Quốc hội đã ra Nghị quyết về dừng thực hiện dự án xây dựng Nhà máy điện hạt nhân ở Ninh Thuận, tạm dừng Luật đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt Vân Đồn, Bắc Vân Phong, Phú Quốc (dự định thông qua ngày 15/6/2018) là những quyết định sáng suốt khi Quốc hội nắm vững được ý nguyện của Nhân dân. Đây cũng chính là tinh thần đề cao lợi ích quốc gia - dân tộc trong quá trình xây dựng luật pháp và các chính sách của Quốc hội, chú trọng đến bản sắc, đặc điểm và lợi ích tối thượng của quốc gia - dân tộc, có cái nhìn tổng thể và toàn diện chứ không chỉ chạy theo lợi ích kinh tế thuần túy, coi nhẹ vấn đề môi trường, văn hóa và an ninh quốc gia.

Giá trị nhân văn trong hoạt động của bộ máy nhà nước đã được Hiến pháp năm 2013 chế định hóa đầy đủ thông qua quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân. Hiến pháp đã khắc phục sự nhầm lẫn giữa quyền con người và quyền công dân như ở Điều 50 của Hiến pháp năm 1992, phân biệt và sử dụng hai thuật ngữ “mọi người” và “công dân” cho việc chế định các quyền con người và quyền công dân (Chương II). Hiến pháp năm 2013 đã mở rộng nội hàm về chủ thể, mở rộng nội dung quyền, chú ý đầy đủ tới các quyền dân sự, chính trị, kinh tế, xã hội và văn hóa. Đặc biệt Hiến pháp năm 2013 đã quy định rõ hơn hoặc tách thành điều riêng hầu hết các quyền được ghi nhận trong Hiến pháp năm 1992, bao gồm: bình đẳng trước pháp luật (Điều 16);

không bị tra tấn, bạo lực, truy bức, nhục hình hay các hình thức đối xử nào khác xâm phạm thân thể, sức khỏe, xâm phạm danh dự, nhân phẩm (khoản 1 Điều 20); bảo vệ đời tư (Điều 21); tiếp cận thông tin (Điều 25); tham gia quản lý nhà nước và xã hội (Điều 28); bình đẳng giới (Điều 20); quyền biểu quyết khi Nhà nước tổ chức trưng cầu dân ý (Điều 29); được xét xử công bằng, công khai (Điều 31); bảo đảm an sinh xã hội (Điều 34); quyền việc làm (Điều 35);...

Đồng thời, Hiến pháp năm 2013 đã chế định một số quyền mới như: quyền sống (Điều 19); các quyền về nghiên cứu khoa học và công nghệ; sáng tạo văn học nghệ thuật và thụ hưởng lợi ích từ hoạt động đó (Điều 40); quyền hưởng thụ và tiếp cận các giá trị văn hóa, tham gia vào đời sống văn hóa, sử dụng các cơ sở văn hóa (Điều 41); quyền xác định dân tộc, sử dụng ngôn ngữ mẹ đẻ, lựa chọn ngôn ngữ giao tiếp (Điều 42); quyền được sống trong môi trường trong lành (Điều 43); quyền không thể bị trục xuất, giao nộp cho nhà nước khác (khoản 2 Điều 17).

Quy định về hạn chế quyền, khoản 2 Điều 14 của Hiến pháp năm 2013 quy định:

“Quyền con người, quyền công dân chỉ có thể bị hạn chế theo quy định của luật trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng”¹. Việc quy định và hạn chế quyền là cần thiết để bảo đảm quyền con người, quyền công dân được thực hiện một cách minh bạch, phòng ngừa sự cắt xén hay hạn chế các quyền này một cách tùy tiện từ phía các cơ quan nhà nước.

1. *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Sdd*, tr.14.

Từ khi Hiến pháp năm 2013 được công bố đến nay, Quốc hội đã chỉnh sửa, bổ sung bảo đảm quyền con người, quyền công dân trong các bộ luật để nâng cao tính nhân văn trong hệ thống luật pháp Việt Nam, đây là một bước tiến mới trong quá trình xây dựng và hoàn thiện hệ thống luật pháp Việt Nam gắn với thông lệ quốc tế và bảo đảm phù hợp với thực tiễn Việt Nam.

Thứ hai, vai trò, trách nhiệm chính trị của các đại biểu Quốc hội không ngừng được nâng cao.

Đại biểu Quốc hội là những công dân tiêu biểu trong các lĩnh vực hoạt động của Nhà nước và xã hội được Nhân dân tín nhiệm bầu ra thông qua tuyển cử tự do - hình thức bầu cử được đánh giá có tính phổ biến, hiện đại và dân chủ nhất trong các hình thức bầu cử. Hoạt động của đại biểu Quốc hội biểu hiện quyền lực tối cao của Nhân dân trong Nhà nước của mình. Theo V.I.Lênin, các đại biểu Quốc hội là những người tự mình công tác, tự mình áp dụng những luật pháp của mình, tự mình kiểm tra lấy những tác dụng của luật pháp ấy, tự mình chịu trách nhiệm trước cử tri của mình.

Đại biểu Quốc hội có vị trí, vai trò quan trọng trong tổ chức và hoạt động của Quốc hội, là người đại diện cho ý chí, nguyện vọng của Nhân dân ở đơn vị bầu cử ra mình và của Nhân dân cả nước. Do đó, đại biểu Quốc hội có quan hệ gắn bó mật thiết với Nhân dân, chịu sự giám sát của Nhân dân địa phương và Nhân dân cả nước, chịu trách nhiệm trước Nhân dân, bị cử tri bãi miễn nếu không hoàn thành nhiệm vụ đại biểu.

Với tư cách là một bộ phận cấu thành nên cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất, đại biểu Quốc hội trở thành cầu nối

kết chặt mối quan hệ bền vững giữa chính quyền nhà nước với Nhân dân. Do đó, đại biểu Quốc hội phải đủ khả năng tham gia xây dựng luật pháp, quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước và có mối quan hệ mật thiết với cử tri để kịp thời phản ánh tâm tư, nguyện vọng của cử tri.

Cùng với tiến trình phát triển của Nhà nước ta từ Cách mạng Tháng Tám năm 1945 đến nay, các bản Hiến pháp và Luật tổ chức Quốc hội đã thể hiện ngày càng rõ hơn vị trí, vai trò của đại biểu Quốc hội. Điều 79 Hiến pháp năm 2013 tiếp tục kế thừa những quy định của các bản Hiến pháp trước và khẳng định sâu sắc vị trí, vai trò của đại biểu Quốc hội:

“1. Đại biểu Quốc hội là người đại diện cho ý chí, nguyện vọng của Nhân dân ở đơn vị bầu cử ra mình và của Nhân dân cả nước.

2. Đại biểu Quốc hội liên hệ chặt chẽ với cử tri, chịu sự giám sát của cử tri; thu thập và phản ánh trung thực ý kiến, nguyện vọng của cử tri với Quốc hội, các cơ quan, tổ chức hữu quan; thực hiện chế độ tiếp xúc và báo cáo với cử tri về hoạt động của đại biểu và của Quốc hội; trả lời yêu cầu và kiến nghị của cử tri; theo dõi, đôn đốc việc giải quyết khiếu nại, tố cáo và hướng dẫn, giúp đỡ việc thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo.

3. Đại biểu Quốc hội phổ biến và vận động Nhân dân thực hiện Hiến pháp và pháp luật”¹.

Quá trình tổ chức và hoạt động của Quốc hội cho thấy, kết quả hoạt động của đại biểu Quốc hội từ khóa I cho đến nay luôn gắn liền với vị trí pháp lý đặc biệt của đại biểu Quốc hội. Vị thế của đại biểu Quốc hội ngày càng được nâng cao, vì “đại biểu Quốc hội về bản chất mới thực sự là trung tâm trong mọi

1. *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Sdd*, tr.41.

hoạt động của Quốc hội”¹. Các đại biểu Quốc hội hoạt động hiệu quả, mạnh mẽ, sáng suốt sẽ tạo nên Quốc hội hoạt động có thực chất, hiệu quả, sức mạnh quyền lực của Quốc hội sẽ lan tỏa trong các cơ quan khác của bộ máy nhà nước.

Trong hơn 30 năm đổi mới, chất lượng của đại biểu Quốc hội từng bước được nâng cao cả về trình độ chính trị, trình độ chuyên môn và kinh nghiệm công tác. Quốc hội khóa XIV (nhiệm kỳ 2016 - 2021) có 496 đại biểu trúng cử, các ủy viên Bộ Chính trị, 03 phó thủ tướng cùng 13 bộ trưởng được giới thiệu đều trúng cử khóa XIV.

Về cơ cấu đại biểu Quốc hội khóa XIV, có 317 người (đạt 63,9%) tham gia Quốc hội lần đầu; tự ứng cử trúng 02 người; trình độ trên đại học có 310 người (chiếm 62,50%); đại học có 180 người (36,30%); dưới đại học có 06 người. Danh sách trúng cử có gần 100 Ủy viên Trung ương Đảng. Hầu hết các đại biểu Quốc hội có trình độ lý luận chính trị cao cấp và đã được đào tạo về quản lý hành chính nhà nước. Trong tổng số đại biểu trúng cử, có 86 người là dân tộc thiểu số; phụ nữ là 133 người; người ngoài Đảng là 21 người; người trẻ tuổi (dưới 40) đạt 14,3%; tái cử 160 người. Đáng chú ý là trong số các ứng cử viên do Trung ương giới thiệu, có tới 15 ứng viên không trúng cử ở các địa phương. Cụ thể, có 7/14 ứng cử viên do Trung ương giới thiệu về Thành phố Hồ Chí Minh không trúng cử; Hà Nội có 4/13 ứng cử viên không trúng cử; con số này ở Đồng Tháp là 1/3, Phú Yên là 1/2, Trà Vinh là 1/2, và Sóc Trăng là 1/2. Điều này phản ánh sự lựa chọn của cử tri

1. Trần Văn Thuân: “Một số vấn đề lý luận về hoạt động của Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội”, tạp chí *Nghiên cứu lập pháp*, số 18 (274), tháng 9/2014.

không phải bao giờ cũng trùng khớp với giới thiệu của Trung ương và phản ánh tính dân chủ trong bầu cử của Nhân dân đã được nâng lên so với trước đây.

Kỳ họp thứ 2 Quốc hội khóa XIV đã ban hành Nghị quyết chất vấn và trả lời chất vấn, đòi hỏi bản thân các đại biểu Quốc hội tự phải học hỏi, nâng cao năng lực, tri thức, kỹ năng nêu câu hỏi và trả lời chất vấn trước cơ quan quyền lực cao nhất của đất nước. Văn hóa nghị trường đòi hỏi công tác chuẩn bị các kỳ họp của Quốc hội, đặc biệt là chuẩn bị cho việc chất vấn và trả lời chất vấn của các thành viên Chính phủ phải hết sức công phu, nghiêm túc và khoa học. Tại các kỳ họp của Quốc hội gần đây, nhiều vấn đề đã được đưa ra trao đổi, tranh luận thẳng thắn, dân chủ giữa các đại biểu Quốc hội và các thành viên trong Chính phủ, thậm chí giữa các đại biểu Quốc hội với nhau đã góp phần nâng cao chất lượng của các buổi chất vấn, làm rõ những vấn đề cần được giải quyết trong thực tiễn. Các thành viên Chính phủ đứng trước những thiếu sót, sai lầm trong công tác quản lý nhà nước lĩnh vực mà mình phụ trách đã công khai nhận trách nhiệm và xin lỗi trước Nhân dân, đề xuất giải pháp thiết thực để giải quyết những khó khăn, vướng mắc đó. Đây chính là vấn đề “tự ý thức” nêu cao trách nhiệm của các đại biểu Quốc hội trước cử tri cả nước.

Quốc hội đã tăng cường giám sát, kiểm soát Chính phủ trong việc thực hiện thẩm quyền, đặc biệt là quyền hạn quyết định chính sách cụ thể trên các lĩnh vực và tổ chức thực hiện các chính sách, pháp luật đã ban hành, việc kiểm soát được thực hiện thông qua yêu cầu giải trình và bỏ phiếu tín nhiệm Chính phủ và các bộ trưởng. Đây chính là một bước mới trong hoạt động của Quốc hội để bảo đảm Quốc hội

là cơ quan giám sát tối cao đối với toàn bộ hoạt động của bộ máy nhà nước.

- *Về xây dựng văn hóa trong các cơ quan hành pháp:*

Theo quy định của Hiến pháp năm 2013, Chính phủ là cơ quan “thực hiện quyền hành pháp”, Chính phủ với tư cách là cơ quan hành chính cao nhất và là cơ quan chấp hành của Quốc hội đã chú trọng đề cao tính dân chủ và pháp quyền trong điều hành, hướng đến xây dựng nền hành chính thống nhất, thông suốt, trong sạch, vững mạnh, có hiệu lực, hiệu quả... Trong hơn 30 năm đổi mới vừa qua, vấn đề xây dựng văn hóa trong cơ quan hành pháp đã được Chính phủ quan tâm tổ chức và triển khai thực hiện, kết quả của việc xây dựng môi trường văn hóa trong các cơ quan hành pháp được thể hiện ở một số nội dung sau:

Thứ nhất, Chính phủ thể chế hóa vấn đề xây dựng văn hóa trong cơ quan hành chính nhà nước bằng các quy định có tính thực tiễn cao, tập trung đổi mới, cải cách thể chế, tổ chức, bộ máy, công chức và tài chính công theo hướng khoa học, hiện đại, chuyên nghiệp và hiệu quả. Ngay từ ngày 17/9/2001, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 136/2001/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2001 - 2010. Đến năm 2011, Chính phủ tiếp tục có Nghị quyết số 30c/NQ-CP ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020, nhằm hướng đến xây dựng một nền hành chính chuyên nghiệp, hiện đại, văn minh. Tiếp đến, ngày 05/9/2016, Thủ tướng Chính phủ có Chỉ thị số 26/2016/CT-TTg về tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong các cơ quan hành chính nhà nước. Liên quan trực tiếp đến xây dựng môi trường văn hóa trong cơ quan nhà nước, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành

Quy chế văn hóa công sở tại các cơ quan hành chính nhà nước (theo Quyết định số 129/2007/QĐ-TTg, ngày 02/8/2007) và gần đây là ban hành Quyết định phê duyệt Đề án Văn hóa công vụ (ngày 27/12/2018). Hàng loạt các cơ quan bộ, cơ quan ngang bộ và chính quyền các địa phương cũng đã xây dựng và tổ chức thực hiện bộ Quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức. Các quy tắc văn hóa ứng xử này được xây dựng trên cơ sở khẳng định các giá trị pháp lý và các chuẩn mực văn hóa, đạo đức, lối sống trong hệ thống hành chính nhà nước, góp phần làm lành mạnh hóa, văn minh hóa môi trường làm việc tại các cơ quan công quyền, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của bộ máy hành chính nhà nước.

Thứ hai, Chính phủ đã từng bước đổi mới phương thức hoạt động, đổi mới từ cơ chế quản lý bằng mệnh lệnh, cơ chế xin - cho sang quản lý bằng pháp luật, bằng kế hoạch. Hoạt động của các bộ, các cơ quan ngang bộ ngày càng chuyên nghiệp, khoa học, công khai, minh bạch, đáp ứng tốt hơn các nhiệm vụ quản lý và điều hành xã hội; ủy ban nhân dân các cấp đã thực hiện nghiêm túc vai trò của cơ quan hành chính nhà nước ở cấp địa phương.

Quá trình dân chủ hóa trong hoạt động của Chính phủ và hệ thống cơ quan hành chính các cấp đã được coi trọng. Quy chế dân chủ trong cơ quan nhà nước và Quy chế dân chủ ở cơ sở đã được triển khai rộng khắp cả nước: các quy định về tiếp dân của các cơ quan hành chính nhà nước được thực hiện nghiêm túc; các cơ quan quản lý nhà nước đã rà soát, hủy bỏ và cắt giảm các thủ tục hành chính rườm rà, gây phiền nhiễu cho người dân và doanh nghiệp; cơ chế “một cửa” đã rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính. Việc thi tuyển, đề bạt, sử dụng đội ngũ công chức nhà nước đã được thực hiện

ng nghiêm túc. Có đơn vị đã thực hiện thi tuyển một số chức danh quản lý ở Trung ương và địa phương.

Việc áp dụng các thành tựu công nghệ thông tin vào hoạt động hành chính và lấy ý kiến phản hồi từ phía người dân vào kết quả xử lý hành chính đã tạo nên một sự chuyển biến rõ rệt về chất lượng nền hành chính phục vụ Nhân dân.

Theo đánh giá của Ngân hàng Thế giới, Việt Nam đã cắt giảm hàng nghìn điều kiện kinh doanh, thủ tục kiểm tra chuyên ngành, năm 2017 tiết kiệm được 4.000 tỷ đồng; năm 2018 tiết kiệm 6.300 tỷ đồng. Có thể khẳng định, đây là những cải cách đi vào thực tế, tạo dư địa phát triển kinh tế của đất nước.

Theo Báo cáo tại Hội nghị giao ban trực tuyến về kết quả cải cách hoạt động kiểm tra chuyên ngành, cắt giảm điều kiện kinh doanh, thủ tục hành chính, một cửa, một cửa liên thông bốn tháng đầu năm 2019 do Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ Mai Tiến Dũng chủ trì ngày 14/5/2019 cho thấy: Các bộ, ngành, địa phương đã ban hành 700 quyết định công bố 13.386 thủ tục hành chính được quy định tại 132 văn bản quy phạm pháp luật để cập nhật, niêm yết tại nơi giải quyết và đăng tải công khai trên cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính; tiếp nhận 1.049 phản ánh, kiến nghị, trong đó đã xử lý được 934 việc. Tính đến cuối tháng 4/2019, có 19/23 bộ, cơ quan ngang bộ, 54/63 địa phương đã ban hành kế hoạch thực hiện nghị quyết của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu về cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2019, định hướng đến năm 2021. Đến nay, 100% văn phòng bộ, địa phương đã tiếp nhận nhiệm vụ tổ chức, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên

thông trong giải quyết thủ tục hành chính. Ở cấp tỉnh, đã có 57/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thành lập trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh để tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính¹.

Thứ ba, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức nhà nước đã có sự trưởng thành về năng lực, trình độ và phẩm chất đạo đức, thực thi công vụ đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng dịch vụ hành chính và chất lượng dịch vụ công. Đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức nhà nước là chủ thể để xây dựng văn hóa trong chính trị, xây dựng văn hóa trong nền hành chính nhà nước, bảo đảm quyền lợi được thực thi phản ánh bản chất văn hóa của chế độ chính trị.

Ngay từ sau khi Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công, Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời, Nhà nước ta đã xây dựng văn bản pháp luật về công chức; xây dựng chế độ công chức và nền công vụ mới².

Sắc lệnh số 188/SL do Chủ tịch Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ban hành ngày 29/5/1948 xác định lập một chế độ mới cho công chức Việt Nam thích hợp với nền Dân chủ cộng hòa và công cuộc kháng chiến kiến quốc. Điều 1 của Sắc lệnh quy định: “sửa đổi lại chế độ công chức hiện thời theo hai mục đích: cải thiện đời sống công chức; đơn giản hóa chế độ công chức, và theo những nguyên tắc ấn định mức sinh hoạt tối thiểu, trọng dụng thành tích, tài năng, chú ý đến tình trạng gia đình, nâng đỡ phụ nữ và

1. Theo Xuân Tùng (Thông tấn xã Việt Nam): “Cải cách thủ tục hành chính cần thực chất hơn, cắt giảm nhanh hơn”, vnnet.vn, ngày 20/5/2019.

2. Xem PGS.TS. Nguyễn Trọng Điều: “Đôi điều suy nghĩ về công vụ nước ta phát triển qua các thời kỳ”, tạp chí *Tổ chức nhà nước*, số 5, 2016.

đồng bào miền núi làm công chức, thống nhất ngạch và cấp bậc. Như thế, Sắc lệnh số 188/SL hướng tới mục đích đơn giản hóa chế độ công chức để phục vụ tốt Nhân dân trên cơ sở những nguyên tắc có tính định hướng giá trị của nền công vụ mới.

Sắc lệnh số 76/SL ngày 20/5/1950 của Chủ tịch Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ban hành Quy chế công chức Việt Nam” với 7 chương, 92 điều, điều chỉnh toàn bộ những nội dung về công chức, công vụ nhà nước. Cụ thể hóa những giá trị hiến định về “Tất cả quyền bính trong nước là của toàn thể nhân dân”, về “thực hiện chính quyền mạnh mẽ và sáng suốt của nhân dân”, Sắc lệnh số 76/SL quy định “người công chức phải đem tất cả sức lực và tâm trí, theo đúng đường lối của Chính phủ và nhằm lợi ích của nhân dân mà làm việc”.

Điều 2 Sắc lệnh số 76/SL xác định nghĩa vụ của công chức Việt Nam “phải phục vụ nhân dân, trung thành với Chính phủ, tôn trọng kỷ luật, có tinh thần trách nhiệm và tránh làm những việc có hại đến thanh danh công chức hay đến sự hoạt động của bộ máy nhà nước.

Công chức Việt Nam phải cần, kiệm, liêm, chính, chí công, vô tư”.

Ngày 25/5/1991, Hội đồng Bộ trưởng đã ban hành Nghị định số 169-HĐBT về công chức nhà nước. Đây là bước khởi đầu cho việc xây dựng văn bản pháp luật về công vụ, công chức của Nhà nước ta trong thời kỳ đổi mới.

Từ năm 1992, công việc xây dựng Đề án Pháp lệnh cán bộ, công chức được tiến hành; sau hơn 5 năm soạn thảo, chỉnh lý, bổ sung nhiều lần theo sự chỉ đạo của Bộ Chính trị, Trung ương Đảng, ngày 26/02/1998, Ủy ban Thường vụ

Quốc hội khóa X đã thông qua Pháp lệnh cán bộ, công chức. Ngày 09/3/1998, Chủ tịch nước đã ký lệnh công bố Pháp lệnh cán bộ, công chức.

Pháp lệnh đặt ra mục đích “xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có phẩm chất đạo đức tốt, có trình độ, năng lực và tận tụy phục vụ nhân dân, trung thành với Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa”.

Điều 6 của Pháp lệnh quy định những nghĩa vụ cán bộ, công chức:

“1. Trung thành với Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; bảo vệ sự an toàn, danh dự và lợi ích quốc gia;

2. Chấp hành nghiêm chỉnh đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước; thi hành nhiệm vụ, công vụ theo đúng quy định của pháp luật;

3. Tận tụy phục vụ nhân dân, tôn trọng nhân dân;

4. Liên hệ chặt chẽ với nhân dân, tham gia sinh hoạt với cộng đồng dân cư nơi cư trú, lắng nghe ý kiến và chịu sự giám sát của nhân dân;

5. Có nếp sống lành mạnh, trung thực, cần kiệm liêm chính, chí công vô tư; không được quan liêu, hách dịch, cửa quyền, tham nhũng;

6. Có ý thức tổ chức kỷ luật và trách nhiệm trong công tác; thực hiện nghiêm chỉnh nội quy của cơ quan, tổ chức; giữ gìn và bảo vệ của công, bảo vệ bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật;

7. Thường xuyên học tập nâng cao trình độ; chủ động, sáng tạo, phối hợp trong công tác nhằm hoàn thành tốt nhiệm vụ, công vụ được giao;

8. Chấp hành sự điều động, phân công công tác của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền”.

Ngày 13/11/2008, kỳ họp thứ 4 Quốc hội khóa XII thông qua Luật cán bộ, công chức thay thế Pháp lệnh cán bộ, công chức nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân; xây dựng một nền hành chính trong sạch, hiệu lực, hiệu quả, phù hợp với xu hướng chuyển đổi sang nền hành chính phục vụ, thực hiện tốt nhiệm vụ xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập kinh tế quốc tế. Luật cán bộ, công chức được ban hành với các quan điểm chỉ đạo: thể chế hóa đầy đủ chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về tiếp tục cải cách chế độ công vụ, công chức, đáp ứng yêu cầu xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân; hoàn thiện chế độ công vụ và quản lý cán bộ, công chức phải bảo đảm sự đồng bộ với các nội dung đổi mới hệ thống chính trị trong điều kiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập kinh tế quốc tế; bảo đảm tính minh bạch, công khai và tính tự chịu trách nhiệm trong hoạt động công vụ; bảo đảm tính kế thừa và phát triển của các quy định hiện hành về công vụ và cán bộ, công chức; vừa phù hợp với thể chế chính trị và các giá trị văn hóa của Việt Nam, vừa tiếp cận được với các thành tựu của các nền công vụ trên thế giới.

Điều 3 Luật cán bộ, công chức quy định các nguyên tắc trong thi hành công vụ: tuân thủ Hiến pháp và pháp luật; bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân; công khai, minh bạch, đúng thẩm quyền và có sự kiểm tra, giám sát; bảo đảm tính hệ thống, thống nhất, liên tục, thông suốt và hiệu quả; bảo đảm thứ bậc hành chính và sự phối hợp chặt chẽ.

Điều 8 Luật cán bộ, công chức quy định nghĩa vụ của cán bộ, công chức đối với Đảng, Nhà nước và Nhân dân, trong đó có tôn trọng Nhân dân, tận tụy phục vụ Nhân dân; liên hệ chặt chẽ với Nhân dân, lắng nghe ý kiến và chịu sự giám sát của Nhân dân.

Đặc biệt, Luật cán bộ, công chức dành riêng Mục 3 Chương II quy định về đạo đức, văn hóa giao tiếp của cán bộ, công chức. Bên cạnh việc tiếp tục kế thừa quy định trách nhiệm của cán bộ, công chức “phải thực hiện cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư trong hoạt động công vụ” (Điều 15). Luật cán bộ, công chức đưa vào Điều 15 và Điều 16 quy định về văn hóa giao tiếp công sở, và đặc biệt là văn hóa giao tiếp với Nhân dân. Tuy nhiên, Luật chỉ dừng lại ở mức độ quy định chung mang tính định hướng về nguyên tắc.

Thực hiện quan điểm chỉ đạo của Đảng và yêu cầu khách quan của việc đẩy mạnh cải cách chế độ công vụ, công chức, căn cứ vào Nghị quyết số 30c/NQ-CP, ngày 08/11/2011 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020, ngày 18/10/2012, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1557/QĐ-TTg phê duyệt Đề án “Đẩy mạnh cải cách chế độ công vụ, công chức”. Đề án đã xác định các quan điểm chỉ đạo đẩy mạnh cải cách chế độ công vụ, công chức gồm:

Một là, quán triệt chủ trương, đường lối của Đảng về tiếp tục cải cách chế độ công vụ, công chức. Thống nhất về nhận thức coi tiếp tục cải cách chế độ công vụ, công chức là nhiệm vụ thường xuyên, liên tục và then chốt của cải cách nền hành chính hiện nay.

Hai là, đẩy mạnh cải cách chế độ công vụ, công chức phải gắn với quá trình thực hiện Chương trình tổng thể cải cách

hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020, phù hợp với đổi mới hệ thống chính trị, đổi mới tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước, góp phần xây dựng một nền hành chính thống nhất, trong sạch, hiện đại, hiệu lực, hiệu quả và phục vụ Nhân dân.

Ba là, đẩy mạnh cải cách chế độ công vụ, công chức phải có lộ trình, bước đi thích hợp.

Mục tiêu chung của việc đẩy mạnh cải cách chế độ công vụ, công chức phải hướng tới mục tiêu “Xây dựng một nền công vụ “Chuyên nghiệp, trách nhiệm, năng động, minh bạch, hiệu quả””.

Sau 12 năm ban hành Nghị quyết Trung ương 8 (khóa VII) và sau 10 năm ban hành Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII), Chính phủ đã ban hành “Quy chế văn hóa công sở trong các cơ quan hành chính nhà nước” (2007). Gần đây, ngày 27/12/2018, Chính phủ đã phê duyệt Đề án “Văn hóa công vụ”, góp phần nâng cao ý thức trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức trong việc xây dựng môi trường văn hóa trong cơ quan nhà nước, nâng cao chất lượng hoạt động của cán bộ, công chức các cấp, góp phần hình thành phong cách ứng xử, lễ lối làm việc, chuẩn mực của đội ngũ cán bộ, hiệu quả trong thực thi nhiệm vụ, công vụ, đáp ứng yêu cầu phục vụ Nhân dân, xã hội. Quan điểm xây dựng văn hóa công vụ trong Đề án là:

- Nâng cao văn hóa công vụ góp phần xây dựng nền hành chính chuyên nghiệp, trách nhiệm, minh bạch, hiệu quả, vì Nhân dân phục vụ;

- Kế thừa, phát huy các giá trị văn hóa tốt đẹp của dân tộc, đồng thời đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế;

- Nâng cao đạo đức công vụ của cán bộ, công chức, đạo đức nghề nghiệp của viên chức; tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, phòng ngừa tham nhũng;

- Đề cao trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức thực hiện văn hóa công vụ.

Theo Đề án này, nội dung của văn hóa công vụ gồm:

“a) Tinh thần, thái độ làm việc của cán bộ, công chức, viên chức:

Cán bộ, công chức, viên chức phải trung thành với Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; bảo vệ danh dự Tổ quốc và lợi ích quốc gia; tôn trọng và tận tụy phục vụ Nhân dân. Khi thực hiện nhiệm vụ, công vụ, cán bộ, công chức, viên chức phải ý thức rõ về chức trách, bổn phận của bản thân, bao gồm:

- Phải sẵn sàng nhận và nỗ lực hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được phân công; không kén chọn vị trí công tác, chọn việc dễ, bỏ việc khó. Tâm huyết, tận tụy, gương mẫu làm tròn chức trách, nhiệm vụ được giao; không vướng vào “tư duy nhiệm kỳ”.

- Phải có ý thức tổ chức kỷ luật; sử dụng có hiệu quả thời giờ làm việc; tránh hiện tượng trung bình chủ nghĩa, làm việc qua loa, đại khái, kém hiệu quả; nghiêm chỉnh chấp hành nội quy, quy chế của cơ quan, tổ chức; chủ động phối hợp trong thực hiện nhiệm vụ, công vụ.

- Không được gây khó khăn, phiền hà, vùi vãnh, kéo dài thời gian xử lý công việc của cơ quan, tổ chức và người dân; không thờ ơ, vô cảm, thiếu trách nhiệm trước những khó khăn, bức xúc của người dân.

- Cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo phải công tâm, khách quan trong sử dụng, đánh giá cán bộ thuộc quyền

quản lý; không lợi dụng vị trí công tác để bổ nhiệm người thân quen; chủ động xin thôi giữ chức vụ khi nhận thấy bản thân còn hạn chế về năng lực và uy tín.

b) Chuẩn mực giao tiếp, ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức:

- Trong giao tiếp với người dân, cán bộ, công chức, viên chức phải tôn trọng, lắng nghe, tận tình hướng dẫn về quy trình xử lý công việc và giải thích cặn kẽ những thắc mắc của người dân. Thực hiện “4 xin, 4 luôn”: xin chào, xin lỗi, xin cảm ơn, xin phép; luôn mỉm cười, luôn nhẹ nhàng, luôn lắng nghe, luôn giúp đỡ.

- Đối với đồng nghiệp, cán bộ, công chức, viên chức phải có tinh thần hợp tác, tương trợ trong thực hiện nhiệm vụ, công vụ; không bè phái gây mất đoàn kết nội bộ của cơ quan, tổ chức.

- Đối với lãnh đạo cấp trên, cán bộ, công chức, viên chức phải tuân thủ thứ bậc hành chính, phục tùng sự chỉ đạo, điều hành, phân công công việc của cấp trên; không trốn tránh, thoái thác nhiệm vụ; không nịnh bợ lấy lòng vì động cơ không trong sáng.

- Cán bộ, công chức, viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý không được duy ý chí, áp đặt, bảo thủ; phải tôn trọng, lắng nghe ý kiến của cấp dưới; gương mẫu trong giao tiếp, ứng xử.

c) Chuẩn mực về đạo đức, lối sống của cán bộ, công chức, viên chức:

- Cán bộ, công chức, viên chức phải không ngừng học tập, tu dưỡng, rèn luyện về đạo đức, lối sống. Thực hiện cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư; trung thực, giản dị, thẳng thắn, chân thành; không có biểu hiện cơ hội, sống ích kỷ, ganh ghét, đố kỵ.

- Cán bộ, công chức, viên chức không được đánh bạc, sa vào các tệ nạn xã hội; không được sử dụng đồ uống có cồn trong thời gian làm việc và giờ nghỉ trưa; hút thuốc lá đúng nơi quy định; phải tuân thủ kỷ luật phát ngôn, không sử dụng mạng xã hội để khai thác, tuyên truyền các thông tin chưa được kiểm chứng, phiến diện, một chiều ảnh hưởng đến hoạt động công vụ.

- Cán bộ, công chức, viên chức phải tuân thủ chuẩn mực đạo đức gia đình và xã hội, thuần phong mỹ tục, truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc; không mê tín dị đoan và có những hành vi phản cảm khi tham gia lễ hội.

d) Trang phục của cán bộ, công chức, viên chức:

Khi thực hiện nhiệm vụ, cán bộ, công chức, viên chức phải ăn mặc gọn gàng, lịch sự, đi giày hoặc dép có quai hậu. Trang phục phải phù hợp với tính chất công việc, đặc thù trang phục của ngành và thuần phong, mỹ tục của dân tộc. Đối với những ngành có trang phục riêng thì phải thực hiện theo quy định của ngành”.

Đề án cũng đưa ra các giải pháp thực hiện văn hóa công vụ. Một trong những giải pháp đầu tiên phải kể đến là nghiên cứu, đề xuất hoàn thiện quy định về văn hóa công vụ trong Luật cán bộ, công chức, Luật viên chức và các văn bản hướng dẫn thi hành. Đồng thời, còn cần tổ chức thực hiện các quy định về văn hóa công vụ góp phần tăng cường kỷ luật kỷ cương hành chính, nâng cao hiệu lực hiệu quả của nền công vụ. Trong đó, cần ứng dụng rộng rãi công nghệ thông tin trong hoạt động nội bộ của cơ quan, tổ chức, hướng tới nâng cao năng suất lao động, giảm hội họp, giấy tờ hành chính và chế độ báo cáo, tạo nền tảng phát triển chính phủ điện tử. Bên cạnh đó là tăng cường thanh tra, kiểm tra việc thực hiện

văn hóa công vụ theo chương trình, kế hoạch hằng năm của Thanh tra Bộ Nội vụ và Thanh tra Sở Nội vụ. Cán bộ, công chức, viên chức có hành vi vi phạm quy định về văn hóa công vụ tùy theo tính chất, mức độ vi phạm phải chịu hình thức kỷ luật theo quy định của pháp luật. Kiên quyết xử lý nghiêm các hành vi vi phạm, ngăn chặn tệ “tham nhũng vặt”, biểu hiện những nhiều phiền hà trong giải quyết công việc đối với người dân và doanh nghiệp; xử lý nghiêm việc chậm trễ trong thực hiện nhiệm vụ được giao.

Như vậy, quá trình thể chế hóa những yêu cầu nội dung xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức gắn liền với việc thực hành công vụ, xây dựng văn hóa công vụ đã góp phần xác lập những chuẩn mực cụ thể, minh bạch, có thể kiểm chứng được khi đánh giá cán bộ, công chức, viên chức. Đây là cơ sở quan trọng để đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức phấn đấu, rèn luyện đáp ứng với yêu cầu xây dựng nền hành chính trong sạch, liêm chính, vì nước, vì dân trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

Những chuyển biến tích cực trong xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức thời gian qua được thể hiện ở một số điểm sau:

Một là, trình độ lý luận, trình độ nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức được chuẩn hóa theo hướng chuyên môn hóa nâng cao trình độ ngoại ngữ và tin học, có khả năng sử dụng công nghệ thông tin trong công tác hành chính.

Hai là, tính chuyên nghiệp, minh bạch trong hoạt động công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức được nâng lên, trách nhiệm cá nhân thông qua xác định vị trí việc làm đòi hỏi mỗi công chức rèn luyện, phấn đấu thực hiện tốt chức trách của mình, khắc phục tình trạng dựa dẫm, trốn tránh trách nhiệm.

Ba là, văn hóa giao tiếp, văn hóa ứng xử trong hoạt động công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đã được chú ý. Trang phục, phù hiệu nơi công sở được tôn trọng. Kỷ cương, nề nếp, tác phong của cán bộ, công chức trong thi hành công vụ đã có sự chuyển biến tích cực, khắc phục hiện tượng vô cảm, hách dịch, quan liêu, cửa quyền trước Nhân dân.

Bốn là, các chuẩn mực đạo đức, lối sống của cán bộ, công chức, viên chức trong các quan hệ với gia đình, cộng đồng dân cư nơi sinh sống, nơi công cộng, trong cơ quan, trước truyền thông, trên mạng xã hội được chú ý, nhất là trong việc giữ gìn thuần phong mỹ tục, truyền thống văn hóa của dân tộc, khắc phục tình trạng mê tín dị đoan, vi phạm pháp luật và các tiêu cực, tệ nạn xã hội.

Vấn đề thực hiện xây dựng văn hóa công sở trước đây và văn hóa công vụ hiện nay đã góp phần làm cho giá trị văn hóa thấm sâu vào hoạt động công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, vừa tạo sức ép từ bên ngoài thông qua các phong trào thi đua xây dựng văn hóa công vụ, vừa tạo ra động lực từ bên trong thông qua thay đổi nhận thức, thái độ và hành vi của đội ngũ cán bộ, công chức trên cơ sở lấy hiệu quả công vụ và sự hài lòng của Nhân dân làm thước đo. Kết quả khảo sát của chúng tôi cho thấy giá trị chính yếu của người cán bộ, công chức cần được đề cao trong xây dựng văn hóa trong cơ quan nhà nước và các đoàn thể chính trị - xã hội, được đánh giá theo thứ tự lần lượt là: tính kỷ luật (73,8%), tính trách nhiệm (73,2%), tính minh bạch (69,0%), tính liêm chính (63,8%). Kết quả điều tra cũng cho thấy mức độ hài lòng của người được khảo sát với đội ngũ cán bộ, công chức quản lý ở các cấp chiếm tỷ lệ như sau:

Bảng 1: Mức độ hài lòng của người được khảo sát về đội ngũ lãnh đạo và quản lý nhà nước các cấp hiện nay

Các cấp	Mức độ hài lòng (%)			
	Rất hài lòng	Hài lòng	Ít hài lòng	Không hài lòng
Cấp phường/xã	7,5	53,1	33,6	5,8
Cấp quận/huyện	8,6	63,8	24,7	3,0
Cấp tỉnh/thành phố	10,2	65,1	21,4	3,3
Cấp trung ương	14,4	59,8	20,7	5,2

Nguồn: Kết quả điều tra của đề tài khoa học cấp nhà nước “Văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế ở Việt Nam hiện nay: Thực trạng, vấn đề đặt ra và giải pháp”.

Kết quả này cho thấy mức độ hài lòng của người dân đối với đội ngũ cán bộ, công chức chiếm đa số, theo hướng cấp trung ương cao hơn cấp tỉnh/thành phố, cấp tỉnh/thành phố cao hơn so với cấp quận/huyện, và cấp quận/huyện cao hơn so với cấp phường/xã. Như vậy, vấn đề đặt ra ở đây là phải tạo ra sự chuyển biến ở cấp cơ sở mạnh mẽ hơn, khắc phục tình trạng “trên nóng, dưới lạnh”, đẩy mạnh xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức cấp cơ sở và xây dựng văn hóa công vụ ở cơ sở để tạo nên sự chuyển biến tích cực và đồng bộ của đội ngũ cán bộ, công chức ở các cấp.

- *Về xây dựng văn hóa trong cơ quan tư pháp:*

Vấn đề xây dựng văn hóa ở cơ quan tư pháp trong những năm đổi mới vừa qua gắn liền với quan điểm của Đảng và cải cách tư pháp. Quan điểm đổi mới toàn diện đất nước do Đại hội VI của Đảng (năm 1986) khởi xướng đã tạo điều kiện cho việc nghiên cứu, đề xuất cải cách tư pháp sau này. Các văn kiện

Đại hội VII, VIII, IX của Đảng đã liên tục đề ra các nhiệm vụ cụ thể cho cải cách tư pháp, Bộ Chính trị khóa IX của Đảng đã ban hành hai nghị quyết về cải cách tư pháp (Nghị quyết số 08-NQ/TW, ngày 02/01/2002 về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới và Nghị quyết số 49-NQ/TW, ngày 02/6/2005 về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020). Ngày 12/3/2014, Bộ Chính trị khóa XI đã ban hành Kết luận số 92-KL/TW về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 49-NQ/TW, ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị khóa IX về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020.

Mục tiêu của Chiến lược cải cách tư pháp trong Nghị quyết số 49-NQ/TW mà Bộ Chính trị nêu ra là: “Xây dựng nền tư pháp trong sạch, vững mạnh, dân chủ, nghiêm minh, bảo vệ công lý, từng bước hiện đại, phục vụ Nhân dân, phụng sự Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; hoạt động tư pháp mà trung tâm là hoạt động xét xử được tiến hành có hiệu quả và hiệu lực cao”, đã nhấn mạnh các giá trị đạo đức, giá trị dân chủ, giá trị pháp quyền, giá trị nhân văn, hiện đại và giá trị thực tiễn, hiệu quả trong cải cách tư pháp.

Quan điểm cải cách tư pháp mà Chiến lược nêu ra là:

- Cải cách tư pháp phải đặt dưới sự lãnh đạo chặt chẽ của Đảng, bảo đảm sự ổn định chính trị, bản chất Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân, quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp.

- Cải cách tư pháp phải xuất phát từ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng xã hội công bằng, dân chủ, văn minh; góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ vững chắc Tổ quốc; gắn với đổi mới công tác lập pháp, cải cách hành chính.

- Phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn xã hội trong quá trình cải cách tư pháp. Các cơ quan tư pháp, cơ quan hỗ trợ tư pháp phải đặt dưới sự giám sát của các cơ quan dân cử và Nhân dân.

- Cải cách tư pháp phải kế thừa truyền thống pháp lý dân tộc, những thành tựu đã đạt được của nền tư pháp xã hội chủ nghĩa Việt Nam; tiếp thu có chọn lọc những kinh nghiệm của nước ngoài phù hợp với hoàn cảnh nước ta và yêu cầu chủ động hội nhập quốc tế; đáp ứng được xu thế phát triển của xã hội trong tương lai.

- Cải cách tư pháp phải được tiến hành khẩn trương, đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm với những bước đi vững chắc.

Phương hướng cải cách tư pháp mà Chiến lược đưa ra là:

- Hoàn thiện chính sách, pháp luật hình sự và dân sự phù hợp với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân; hoàn thiện các thủ tục tố tụng tư pháp, bảo đảm tính đồng bộ, dân chủ, công khai, minh bạch, tôn trọng và bảo vệ quyền con người.

- Tổ chức các cơ quan tư pháp và các chế định hỗ trợ tư pháp hợp lý, khoa học và hiện đại về cơ cấu tổ chức và điều kiện, phương tiện làm việc; trong đó, xác định tòa án có vị trí trung tâm và xét xử là hoạt động trọng tâm; xã hội hóa mạnh mẽ hoạt động hỗ trợ tư pháp.

- Xây dựng đội ngũ cán bộ tư pháp, hỗ trợ tư pháp, nhất là cán bộ có chức danh tư pháp, theo hướng đề cao quyền hạn, trách nhiệm pháp lý, nâng cao và cụ thể hóa tiêu chuẩn về chính trị, phẩm chất, đạo đức, chuyên môn nghiệp vụ và kinh nghiệm, kiến thức xã hội đối với từng loại cán bộ; tiến tới thực hiện chế độ thi tuyển đối với một số chức danh.

- Đổi mới và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, phát huy vai trò giám sát của các cơ quan dân cử, của công luận và của Nhân dân đối với hoạt động tư pháp.

Như vậy, quá trình cải cách tư pháp ở nước ta trong thời gian đổi mới vừa qua chính là quá trình đẩy mạnh đưa các giá trị văn hóa như dân tộc, dân chủ, khoa học, hiện đại, nhân văn thấm sâu vào hoạt động tư pháp, đáp ứng yêu cầu xây dựng và phát triển bền vững đất nước.

Kết quả xây dựng văn hóa trong cơ quan tư pháp ở nước ta trong thời gian vừa qua được thể hiện ở một số nội dung cơ bản sau:

Thứ nhất, nhận thức của cán bộ, đảng viên, cấp ủy, tổ chức Đảng và các cơ quan tư pháp về yêu cầu xây dựng một nền tư pháp của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong sạch, vững mạnh, dân chủ, khoa học, nghiêm minh, bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người... đã được nâng lên rõ rệt. Hệ thống chính sách pháp luật về hình sự, dân sự, tố tụng tư pháp, tổ chức bộ máy các cơ quan tư pháp, thi hành án, hỗ trợ tư pháp, trợ giúp tư pháp đã từng bước được xây dựng, hoàn thiện theo mục tiêu và phương hướng của Chiến lược cải cách tư pháp.

Chính sách pháp luật hình sự được hoàn thiện theo hướng đề cao hiệu quả phòng ngừa, đề cao tính hướng thiện và nhân đạo trong xử lý người phạm tội. Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) đã bãi bỏ hình phạt tử hình đối với 8 tội danh; thay đổi hình thức thi hành án tử hình; quy định về việc không áp dụng hình phạt chung thân, tử hình đối với người chưa thành niên phạm tội; không áp dụng hình phạt tử hình đối với phụ nữ có thai, phụ nữ đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi khi phạm tội hoặc khi bị xét xử; mở rộng phạm vi áp dụng hình phạt tiền, hạn chế áp dụng

hình phạt tù đối với một số tội phạm. Đây chính là sự thể hiện tính chất nhân đạo của hệ thống tư pháp, tạo cơ hội và điều kiện để người phạm tội cải tạo, hướng thiện.

Mặt khác, pháp luật quy trách nhiệm hình sự nghiêm khắc hơn đối với những người có thẩm quyền trong khi thi hành pháp luật, người lợi dụng chức vụ, quyền hạn để phạm tội. Pháp luật dân sự được hoàn thiện theo hướng tôn trọng quyền tự do kinh doanh, hình thành cơ chế pháp lý bảo đảm quyền của các chủ thể trong giao dịch dân sự, kinh tế, thương mại.

Pháp luật về tố tụng tư pháp đã từng bước được hoàn thiện, Nhà nước đã ban hành, sửa đổi, bổ sung Bộ luật tố tụng hình sự, Bộ luật tố tụng dân sự, Bộ luật tố tụng hành chính và nhiều văn bản hướng dẫn thi hành. Mô hình tố tụng theo hướng kết hợp giữa mô hình tố tụng thẩm vấn với tố tụng tranh tụng nhằm tăng tính dân chủ, công khai, minh bạch trong tố tụng và bảo đảm bình đẳng giữa các chủ thể tham gia tố tụng đã được thực hiện, góp phần nâng cao chất lượng hoạt động của tòa án.

Luật trọng tài thương mại và Luật hòa giải ở cơ sở đã khuyến khích giải quyết một số tranh chấp qua thương lượng và hòa giải. Hiến pháp năm 2013 đã tuyên bố: Nhà nước bảo đảm và phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, công nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền con người, quyền công dân. Tòa án nhân dân có nhiệm vụ bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân. Thẩm phán, Hội thẩm xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật; nghiêm cấm các cơ quan, tổ chức, cá nhân can thiệp vào việc xét xử của Thẩm phán, Hội thẩm.

Nguyên tắc tranh tụng trong xét xử, quyền bào chữa của bị can, bị cáo, quyền bảo vệ lợi ích hợp pháp của đương sự được ghi nhận và bảo đảm¹.

Vai trò của việc thực hiện quyền tư pháp của Tòa án nhân dân đã được thể hiện rõ ràng trong Luật tổ chức Tòa án nhân dân (sửa đổi) và Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân (sửa đổi) năm 2014. Tòa án nhân dân được tổ chức bốn cấp độc lập, theo thẩm quyền xét xử, tổ chức lại các tòa chuyên trách theo hướng mở rộng ở ba tòa: tòa cao cấp, tòa cấp tỉnh và tòa cấp huyện, cụ thể hóa nguyên tắc nghiêm cấm các cơ quan, tổ chức cá nhân can thiệp vào việc xét xử của Thẩm phán, Hội thẩm, bảo đảm nguyên tắc tranh tụng trong xét xử, quyền bào chữa của bị can, bị cáo, quyền bảo vệ lợi ích hợp pháp của đương sự.

Viện Kiểm sát được tổ chức theo bốn cấp phù hợp với hệ thống tổ chức của Tòa án nhân dân, phân định rõ nhiệm vụ, quyền hạn của kiểm sát viên trong thực hiện quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp, tăng cường trách nhiệm của công tố viên trong hoạt động điều tra.

Thứ hai, tính hiện đại của hoạt động tư pháp đã được thể hiện rõ trong việc hoàn thiện tổ chức bộ máy và xác định chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền của các cơ quan tư pháp. Thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân dân cấp huyện, quận đã được tăng lên, khắc phục tình trạng tồn đọng ở Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân tối cao.

Các tổ chức hỗ trợ tư pháp đổi mới mạnh mẽ theo hướng xã hội hóa, phục vụ có hiệu quả công tác điều tra, truy tố,

1. Xem *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Sđd, tr.9, 55.

xét xử đáp ứng nhu cầu của xã hội... Chế định thừa phát lại được thể nghiệm thành công ở Thành phố Hồ Chí Minh đã bắt đầu được nhân rộng ở nhiều đô thị lớn trong cả nước.

Đội ngũ luật sư phát triển nhanh chóng về số lượng, năm 2014, cả nước có 9.375 luật sư và khoảng 4.000 luật sư tập sự. Đến tháng 9/2019, tổng số luật sư của cả nước đã tăng lên 13.563 người, mỗi năm tăng trung bình 700 luật sư/năm¹. Vai trò của luật sư đã được khẳng định trong việc tham gia tư vấn, bào chữa và trợ giúp pháp lý; chủ trương xã hội hóa hoạt động công chứng đã thành công, bước đầu phục vụ kịp thời nhu cầu của người dân.

Thứ ba, đội ngũ cán bộ tư pháp được nâng cao về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng và đạo đức nghề nghiệp. Các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng đã tích cực đổi mới chương trình, nội dung, phương pháp đào tạo cử nhân, đào tạo cán bộ nguồn của các chức danh tư pháp, bổ trợ tư pháp: bồi dưỡng cán bộ tư pháp, bổ trợ tư pháp theo hướng cập nhật kiến thức mới về lý luận chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội; kiến thức chuyên sâu về pháp luật, nâng cao kỹ năng nghề nghiệp và kiến thức thực tiễn. Nhiều cán bộ, công chức của ngành tư pháp được cử đi đào tạo ở nước ngoài theo các chương trình, dự án của Nhà nước và hợp tác quốc tế.

Hoạt động hợp tác quốc tế về tư pháp được mở rộng phù hợp với thời kỳ hội nhập quốc tế. Đến nay Việt Nam đã có quan hệ về tư pháp và pháp luật với hơn 80 quốc gia và tổ chức quốc tế.

Thứ tư, việc xây dựng môi trường cảnh quan văn hóa trong các cơ quan tư pháp đã có sự phát triển theo hướng

1. Xem Lê Sơn: “Xứng đáng là “ngôi nhà chung” của giới luật sư”, báo điện tử Chính phủ, ngày 10/10/2019.

trang nghiêm, lịch sự, tôn vinh các giá trị pháp quyền ở tất cả các cấp. Đặc biệt, Tòa án đã triển khai mô hình phòng xét xử mới, thực hiện thống nhất trang phục xét xử của thẩm phán. Đồng thời mối quan hệ giữa Tòa án với các cơ quan tố tụng khác và luật sư ngày càng cởi mở hơn, phối hợp tốt hơn trong việc bảo vệ pháp luật, bảo vệ công lý, thực hiện nguyên tắc tranh tụng công khai, công khai bản án và quyết định của Tòa án, đây là những khâu mang tính đột phá được các cơ quan, tổ chức và nhân dân ủng hộ, đánh giá cao.

b) Những hạn chế

Bên cạnh những ưu điểm trong hơn 30 năm đổi mới vừa qua, việc xây dựng văn hóa trong cơ quan nhà nước còn có những hạn chế và yếu kém sau:

Thứ nhất, việc xác định rõ các giá trị văn hóa và thể chế hóa các giá trị văn hóa trong các thiết chế nhà nước như Quốc hội, Chính phủ, hệ thống tư pháp còn chưa đồng bộ, chưa tạo nên sự thống nhất cao giữa các thiết chế nhà nước trong việc thực hành các giá trị và chuẩn mực văn hóa.

Mặc dù trong các cơ quan công quyền của Nhà nước hiện nay đều có những quy chế, quy định cụ thể về xây dựng môi trường văn hóa trong cơ quan, quy định về văn hóa ứng xử, văn hóa công sở, văn hóa công vụ... nhưng chưa có sự thống nhất trong hệ thống hàng dọc (theo chức năng chuyên môn) và theo hệ thống hàng ngang (trong quan hệ đồng đẳng giữa các cơ quan).

Thứ hai, hệ thống pháp luật thiếu đồng bộ, nhiều nội dung chưa đáp ứng được yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền, còn chồng chéo, tính công khai, minh bạch, ổn định, khả thi còn hạn chế, kỷ cương, kỷ luật trong quản lý nhà nước còn nhiều yếu kém.

Cải cách hành chính còn chậm, thiếu đồng bộ, chưa đáp ứng được yêu cầu, thủ tục hành chính còn phức tạp, phiền hà, đang là rào cản lớn với việc tạo lập môi trường xã hội, môi trường kinh doanh lành mạnh, minh bạch, hiệu quả. Trách nhiệm giải trình của các cấp chính quyền chưa được quy định rõ ràng, một số nhiệm vụ cải cách tư pháp còn chậm, vẫn còn tình trạng nhũng nhiễu, tiêu cực, oan sai, bỏ lọt tội phạm.

Công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí chưa đạt yêu cầu đề ra: tham nhũng, lãng phí còn diễn ra nghiêm trọng.

Thứ ba, các phong trào, cuộc vận động xây dựng văn hóa công sở, văn hóa công vụ, phong trào “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh chưa được thực hiện đồng bộ và nghiêm túc ở tất cả các thiết chế nhà nước, từ Trung ương đến cơ sở. Chất lượng của đội ngũ cán bộ, công chức nhà nước chưa đồng bộ, đồng đều. Một bộ phận không nhỏ cán bộ suy thoái về tư tưởng, đạo đức, lối sống, vi phạm pháp luật và chính sách của Nhà nước, tham gia làm ăn bất chính, phi pháp, quan liêu, tham nhũng, lãng phí, sa đọa, làm ảnh hưởng đến uy tín của cán bộ, công chức, giảm sút niềm tin của xã hội. Đây là những vấn đề bức thiết mà Đảng và Nhà nước đang tiếp tục phải khắc phục và nâng cao chất lượng toàn diện của đội ngũ này trong thời gian tới.

5. Thực trạng xây dựng văn hóa trong các tổ chức chính trị - xã hội

a) Khái quát về các tổ chức chính trị - xã hội

Trong hệ thống chính trị ở nước ta hiện nay, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội có vai trò rất quan trọng trong việc xây dựng văn hóa trong chính trị,

phát huy truyền thống yêu nước và sức mạnh đại đoàn kết dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) đã xác định: “*Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể nhân dân có vai trò rất quan trọng trong sự nghiệp đại đoàn kết toàn dân tộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân, chăm lo lợi ích của các đoàn viên, hội viên; thực hiện dân chủ và xây dựng xã hội lành mạnh; tham gia xây dựng Đảng, Nhà nước; giáo dục lý tưởng và đạo đức cách mạng, quyền và nghĩa vụ công dân, tăng cường mối liên hệ giữa nhân dân với Đảng, Nhà nước*”¹.

Trong Cương lĩnh này, Đảng đã nêu rõ: “*Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là tổ chức liên minh chính trị, liên hiệp tự nguyện của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội và các cá nhân tiêu biểu trong các giai cấp, tầng lớp xã hội, các dân tộc, tôn giáo và người Việt Nam định cư ở nước ngoài. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là một bộ phận của hệ thống chính trị, là cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân. Đảng Cộng sản Việt Nam vừa là thành viên, vừa là người lãnh đạo Mặt trận. Mặt trận hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, hiệp thương dân chủ, phối hợp và thống nhất hành động giữa các thành viên*”².

Điều 9 Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 quy định:

“*Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là tổ chức liên minh chính trị, liên hiệp tự nguyện của tổ chức chính trị, các tổ chức*

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Sđd*, tr.86, 86-87.

chính trị - xã hội, tổ chức xã hội và các cá nhân tiêu biểu trong các giai cấp, tầng lớp xã hội, dân tộc, tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân; đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân; tập hợp, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, thực hiện dân chủ, tăng cường đồng thuận xã hội; giám sát, phản biện xã hội; tham gia xây dựng Đảng, Nhà nước, hoạt động đối ngoại nhân dân góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”¹.

Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam (gọi tắt là Công đoàn), Hội Nông dân Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam là các tổ chức chính trị - xã hội được thành lập trên cơ sở tự nguyện, đại diện và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của thành viên, hội viên tổ chức mình; cùng các tổ chức thành viên khác của Mặt trận phối hợp và thống nhất hành động trong Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên của Mặt trận và các tổ chức xã hội khác hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật. Nhà nước tạo điều kiện để Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên của Mặt trận và các tổ chức xã hội khác hoạt động.

Nhìn một cách khái quát, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội nêu trên là một bộ phận quan trọng trong hệ thống chính trị của đất nước, vừa có chức năng tổ chức, tập hợp lực lượng hội viên, tuyên truyền vận

1. *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Sđd, tr.11-12.*

động hội viên tham gia tích cực thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; vừa bảo vệ lợi ích chính đáng, hợp pháp của hội viên, tham gia phản biện xã hội, tham gia xây dựng Đảng và bộ máy nhà nước trong sạch, hiệu lực, hiệu quả. Như vậy, vấn đề xây dựng văn hóa trong Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội có ý nghĩa hết sức quan trọng đối với xây dựng văn hóa trong chính trị ở nước ta hiện nay.

b) Thực trạng xây dựng văn hóa trong Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội

- Những ưu điểm:

Thứ nhất, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị xã hội đã chủ động, tích cực đề xuất các sáng kiến để đẩy mạnh xây dựng đời sống văn hóa của Nhân dân nói chung, các tầng lớp, các thành phần dân cư nói riêng, góp phần to lớn vào việc xây dựng con người và môi trường văn hóa lành mạnh.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã đề xuất sáng kiến và đi đầu trong việc triển khai cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng cuộc sống mới ở khu dân cư” (từ năm 1995).

Để triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII) (1998) “Về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”, Mặt trận Tổ quốc đã đi đầu trong việc thực hiện cuộc vận động giáo dục chủ nghĩa yêu nước gắn với thi đua yêu nước và phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, huy động mọi lực lượng trong Nhân dân và cả hệ thống chính trị từ trên xuống, từ trong Đảng, cơ quan nhà nước, các đoàn thể ra ngoài xã hội tích cực tham gia phong trào theo quyết tâm chính trị của Đảng được nêu trong Nghị quyết này.

Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” bao gồm nhiều phong trào cụ thể khác nhau như: “Người tốt, việc tốt”; “Uống nước nhớ nguồn”; “Đền ơn đáp nghĩa”; “Xóa đói, giảm nghèo”; “Xây dựng gia đình văn hóa”; “Xây dựng văn hóa nông thôn, đô thị văn minh”,... Tất cả các phong trào này đều hướng vào thi đua yêu nước, tất cả vì mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.

Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư” do Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phát động và tổ chức hiệp thương cùng các đoàn thể chính trị - xã hội thực hiện đã đem lại hiệu quả thiết thực, thể hiện tính đúng đắn trong chủ trương của Đảng, được đông đảo các tầng lớp nhân dân tham gia tích cực, được các cấp chính quyền, các ban, ngành, đoàn thể hưởng ứng và phối hợp tích cực, tạo nên sự đồng thuận xã hội, góp phần củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc, phát huy được quyền dân chủ trực tiếp của Nhân dân thông qua hình thức tự quản ở cơ sở, tham gia tích cực vào xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh.

Báo cáo của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam khóa XII tại Đại hội đại biểu toàn quốc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam lần thứ XIII, nhiệm kỳ 2014 - 2019 đã nêu rõ: Cả nước đã có 17.168.976 gia đình đạt chuẩn danh hiệu Gia đình văn hóa, chiếm tỷ lệ trên 60%; 66.801/105.366 khu dân cư đạt danh hiệu Khu dân cư văn hóa; chiếm tỷ lệ 63,34%. Cả nước có 67.000 khu dân cư tiêu biểu, hàng vạn cá nhân điển hình được tôn vinh, biểu dương, tạo sự lan tỏa trong xã hội. Nhiều mô hình mới đã xuất hiện gắn liền với sáng kiến của các địa phương như: Tỉnh Quảng Nam triển khai mô hình “Tộc văn hóa”, “5 đoàn kết, 3 trong sạch”. Tỉnh Thanh Hóa

ban hành “kế hoạch 3 không” (khu dân cư không có tội phạm, không ô nhiễm môi trường, không vi phạm hương ước xây dựng nếp sống văn hóa). Thành phố Đà Nẵng tổ chức phong trào xây dựng “Thành phố 5 không và 3 có”. Tỉnh Quảng Ngãi xây dựng điểm sáng “Khu dân cư 6 không”, “Hộ tộc 3 không”, “Mô hình 3 giảm, 4 giữ”... Tỉnh Đồng Nai có chương trình “4 giảm” (tội phạm, ma túy, mại dâm, tai nạn giao thông). Tỉnh Hưng Yên phát động phong trào thi đua xây dựng “Khu cư dân 3 không” (không tội phạm, ma túy, mại dâm) gắn với xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh, v.v.. Đã xuất hiện nhiều mô hình tự quản về phòng, chống tội phạm và tệ nạn xã hội ở địa phương như tổ liên gia, tổ tự quản, mô hình gia đình, dòng họ tự quản...

Thực hiện nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ chủ quyền quốc gia, hệ thống Mặt trận và các tổ chức xã hội đã tích cực vận động Nhân dân tham gia động viên thanh niên thực hiện nghĩa vụ quân sự, phối hợp với chính quyền thực hiện chính sách hậu phương quân đội, kết nghĩa quân dân, động viên kịp thời các chiến sĩ đang làm nhiệm vụ bảo vệ biên giới, hải đảo. Ủy ban Mặt trận các cấp và các tổ chức thành viên phối hợp với bộ đội biên phòng tổ chức tốt phong trào “Ngày hội biên phòng toàn dân”, mở cuộc vận động “Mái ấm cho người nghèo nơi biên giới, hải đảo”. Cuộc vận động “Ngày vì người nghèo”, “Tháng vì người nghèo”, chương trình “Nối vòng tay lớn”, “Quỹ vì người nghèo” đã góp phần tích cực vào công cuộc xóa đói, giảm nghèo, bảo đảm an sinh xã hội, phát huy truyền thống đoàn kết, nhân ái, yêu thương của văn hóa Việt Nam trong xây dựng cuộc sống mới. Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” đã được triển khai sâu rộng, được Nhân dân cả nước đón nhận và góp phần thúc

đẩy sản xuất trong nước phát triển, nâng cao nội lực của nền kinh tế Việt Nam trong hội nhập quốc tế.

Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã tích cực triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 9 khóa X Về xây dựng và phát triển văn hóa con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước và Quyết định số 1620/QĐ-TTg, ngày 20/9/2011 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức thực hiện phong trào thi đua “Cả nước chung tay xây dựng nông thôn mới”, trong đó có tiêu chí xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư, phát động phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”. Phong trào này đã được sự hưởng ứng của các cơ quan nhà nước các cấp, các đoàn thể chính trị - xã hội và đem lại những hiệu quả tích cực, góp phần vào hoàn thành mục tiêu xây dựng nông thôn mới ở nhiều địa phương trên cả nước.

Cùng với Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội cũng đã phát huy sáng kiến, tổ chức các phong trào thiết thực để xây dựng đời sống văn hóa phù hợp với từng đối tượng khác nhau.

Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam chú ý bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của công nhân viên chức và người lao động.

Giai cấp công nhân Việt Nam trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa phát triển ngày càng đông đảo về số lượng và nâng cao về chất lượng, hiện có hơn 11 triệu người, chiếm hơn 26% lực lượng lao động xã hội, có mặt trong tất cả các thành phần kinh tế, giữ vai trò nòng cốt trong việc tiếp thu và làm chủ khoa học công nghệ hiện đại, đóng góp quan trọng vào các ngành công nghiệp hiện đại và tăng trưởng kinh tế. Vì vậy, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam đã phát động phong trào thi đua “Lao động giỏi, lao động sáng tạo”.

Để triển khai Đề án xây dựng đời sống văn hóa công nhân ở các khu công nghiệp đến năm 2015, định hướng đến năm 2020 của Chính phủ ban hành theo Quyết định số 1780/QĐ-TTg, ngày 12/10/2011, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam đã phối hợp với các cấp chính quyền, các ban quản lý khu công nghiệp tham mưu đẩy mạnh việc quy hoạch, thiết kế, xây dựng các thiết chế văn hóa - thể thao tại các khu công nghiệp. Trên cơ sở đề xuất của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Ban Bí thư đã ban hành Chỉ thị số 52-CT/TW, ngày 09/01/2016 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác nâng cao đời sống tinh thần cho công nhân khu công nghiệp, khu chế xuất. Đến nay, hầu hết các tỉnh, thành phố đã có kế hoạch triển khai chỉ thị trên. Nhiều tổ chức công đoàn đã tranh thủ sự ủng hộ của chính quyền địa phương để cải thiện đời sống văn hóa tinh thần cho người lao động; xây dựng nhà văn hóa cho công nhân, trực tiếp tham gia giải quyết các nhu cầu cấp thiết, từng bước nâng cao chất lượng sống của người lao động như: xây dựng nhà ở, nhà trẻ, siêu thị, trung tâm văn hóa, cơ sở vật chất về thể dục, thể thao; tư vấn pháp luật, chăm sóc y tế.

Các phong trào thi đua do tổ chức công đoàn các cấp phát động như: Hội thi công nhân giỏi, Hội thao công nhân, Câu lạc bộ sở thích công nhân, tổ chức thi văn nghệ, thể thao v.v. biểu dương công nhân lao động giỏi, lao động sáng tạo... đã thu hút sự tham gia của công nhân và người lao động. Các chương trình phúc lợi của đoàn viên công đoàn, chương trình “Tết sum vầy”, “Mái ấm công đoàn”, “Quỹ xã hội từ thiện Tấm lòng vàng lao động”, “Quỹ bảo trợ trẻ em Công đoàn Việt Nam”, chương trình “Vì trái tim và nụ cười trẻ thơ” đã góp phần thực hiện chủ trương xóa đói, giảm nghèo, bảo đảm

an sinh xã hội của Đảng và Nhà nước, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc, tinh thần dân tộc, truyền thống nhân văn, nhân ái của công nhân Việt Nam trong thời kỳ mới.

Hội Nông dân Việt Nam đã tích cực triển khai cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, phát huy sáng kiến của hội nông dân các địa phương trong việc thực hiện cuộc vận động này. Hội đã xây dựng những nội dung cơ bản phù hợp với đời sống kinh tế - xã hội - văn hóa ở nông thôn và chủ thể xây dựng là đội ngũ nông dân trong thời kỳ phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Những nội dung chủ yếu mà Hội xác định là:

- + Bảo tồn có chọn lọc, cải tiến, đổi mới phong tục tập quán tốt đẹp của dân tộc, loại bỏ dần trong cuộc sống những hình thức lỗi thời, lạc hậu; nghiên cứu xây dựng và dần hình thành những nếp sống văn minh, vừa gìn giữ và phát huy bản sắc văn hóa địa phương trong việc cưới, việc tang, lễ hội...

- + Xây dựng nếp sống tiết kiệm, lành mạnh, chống xa hoa lãng phí, phiền nhiễu.

- + Chống xu hướng kinh doanh, trục lợi trong tang ma, cưới, lễ hội.

- + Xóa bỏ hủ tục mê tín, dị đoan.

- + Phát triển kinh tế, giúp nhau làm giàu chính đáng, xóa đói, giảm nghèo.

- + Xây dựng tư tưởng lành mạnh.

- + Xây dựng nếp sống văn minh, kỷ cương, sống và làm việc theo pháp luật.

- + Xây dựng môi trường nông thôn xanh - sạch - đẹp - an toàn.

+ Xây dựng và hoàn thiện các thiết chế văn hóa - thể thao, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các thiết chế văn hóa - thể thao ở cơ sở.

+ Xây dựng “Người nông dân văn hóa”.

+ Xây dựng “Gia đình văn hóa”.

+ Xây dựng “Làng, thôn, bản, ấp văn hóa”.

Nhiều sáng kiến ở các hội nông dân ở cơ sở trong quá trình triển khai cuộc vận động này đã góp phần thiết thực nâng cao mức hưởng thụ văn hóa của nông dân, tạo điều kiện để rút ngắn khoảng cách trong thụ hưởng và sáng tạo văn hóa giữa nông thôn với đô thị. Cuộc vận động “Toàn dân xây dựng đời sống văn hóa” đã tập hợp được mọi tầng lớp trong xã hội, thu hút tất cả các ngành, các cấp, các đoàn thể cho việc xây dựng đời sống văn hóa. Các phong trào xây dựng “Gia đình văn hóa”, xây dựng “Làng, thôn, bản, ấp văn hóa” với sự tham gia tích cực, sáng tạo mang tính tự nguyện, tự quản của nông dân, của cộng đồng dân cư ở nông thôn đã góp phần làm biến đổi nhanh chóng cảnh quan, đời sống văn hóa, tăng cường tình cảm cộng đồng, giữ gìn và phát huy bản sắc tốt đẹp của từng địa phương, giúp nhau xóa đói, giảm nghèo, vượt qua những khó khăn, thách thức do thiên tai, biến đổi khí hậu, xây dựng nên những “vùng quê đáng sống”, đáng tự hào. Hoạt động của Hội Nông dân từ Trung ương đến cơ sở đã thực sự có nhiều đóng góp quan trọng trong việc thực hiện các mục tiêu của Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới, giới thiệu, quảng bá các điển hình tiên tiến, các tấm gương nông dân tiêu biểu, xuất sắc trong lao động và xây dựng đời sống văn hóa.

Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh đã phát huy vai trò và lợi thế của tuổi trẻ Việt Nam trong tổ chức và xây dựng đời sống văn hóa trong thanh niên, học sinh, sinh viên.

Thực hiện Chỉ thị số 42-CT/TW, ngày 24/3/2015 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hóa cho thế hệ trẻ, giai đoạn 2015 - 2030, Trung ương Đoàn đã triển khai Đề án và Chương trình hành động của tổ chức đoàn các cấp. Phong trào “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” được các cấp đoàn triển khai nghiêm túc, phù hợp với từng đối tượng. Chương trình “Thắp sáng ước mơ tuổi trẻ Việt Nam” đã phát hiện, tuyên dương những tấm gương người tốt, việc tốt và “Liên hoan thanh niên tiên tiến làm theo lời Bác” được triển khai sâu rộng, đã cổ vũ, động viên, tạo môi trường và động lực để thanh thiếu nhi phấn đấu, rèn luyện, trưởng thành. Các đợt sinh hoạt chính trị như “Con đường cách mạng của thanh niên thời kỳ mới”, “Tự hào tiến bước dưới cờ Đảng”, “Tự hào tuổi trẻ thời đại Hồ Chí Minh”... đã thu hút được đông đảo đoàn viên, thanh niên tham gia.

Công tác giáo dục truyền thống của Đoàn đã được triển khai sâu rộng, bám sát vào các sự kiện chính trị, lịch sử, văn hóa của đất nước. Các cuộc thi như “Tự hào Việt Nam”, ngày hội “Tôi yêu Tổ quốc tôi”, liên hoan các nhóm tuyên truyền ca khúc cách mạng, các hoạt động tuyên truyền về biển đảo... đã tạo ra hiệu ứng lan tỏa mạnh mẽ, khơi dậy và phát huy lòng yêu nước, đề cao trách nhiệm của đoàn viên, thanh niên trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Các hoạt động “Đền ơn đáp nghĩa”, “Uống nước nhớ nguồn”, các hoạt động về nguồn, đặc biệt là “Lễ thắp nến tri ân các anh hùng liệt sĩ” được tổ chức hàng năm ở tất cả các nghĩa trang liệt sĩ trên cả nước, thu hút trên hàng triệu lượt đoàn viên, thanh thiếu nhi tham gia, tạo dấu ấn sâu sắc trong Nhân dân.

Các phong trào “Xung kích, tình nguyện phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ Tổ quốc” đã có bước phát triển tích cực, các cấp bộ đoàn thể đảm nhận nhiều công trình, dự án quan trọng, mang lại giá trị kinh tế cao, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, tạo việc làm, tăng thu nhập cho thanh niên.

Các phong trào “Tuổi trẻ chung tay xây dựng nông thôn mới”, “Tuổi trẻ tham gia xây dựng văn minh đô thị”, phong trào “Thanh niên tình nguyện vì cuộc sống cộng đồng”, “Thanh niên khởi nghiệp” v.v. cùng nhiều hoạt động sáng tạo của đoàn viên thanh niên quân đội, công an, trường học v.v. không chỉ góp phần vào phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của đoàn viên thanh niên mà quan trọng hơn là góp phần xây dựng nhân cách, bản lĩnh của thanh niên trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế hiện nay.

Hơn 30 năm đổi mới, *Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam* đã tham gia tích cực vào các phong trào thi đua, các cuộc vận động để thu hút đông đảo chị em tham gia, góp công sức xây dựng, bảo vệ Tổ quốc cũng như giải quyết những vấn đề của phụ nữ ngay từ cơ sở. Lực lượng phụ nữ Việt Nam hiện nay với hơn 45 triệu người, chiếm 50% dân số và hơn 47% lực lượng lao động xã hội đã phát huy truyền thống tám chữ vàng “Anh hùng, bất khuất, trung hậu, đảm đang”, đề cao tự trọng, tự tin, tự chủ, nỗ lực trong học tập, lao động, vượt qua khó khăn, xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc, bảo đảm bình đẳng giới, bảo vệ bà mẹ và trẻ em, giải quyết việc làm và nâng cao thu nhập, góp phần quan trọng vào sự nghiệp xây dựng và phát triển bền vững của đất nước.

Hội Liên hiệp Phụ nữ các cấp đã hưởng ứng tích cực phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”,

cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” do Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phát động; các phong trào “Vì người nghèo”, “Mái ấm tình thương”, “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”, tăng cường nêu gương người tốt, việc tốt, nhân rộng và lan tỏa các điển hình tiên tiến.

Các cấp hội đã đặc biệt quan tâm đến phong trào xây dựng gia đình văn hóa, ấm no, hạnh phúc, tiến bộ, chăm sóc và giáo dục trẻ em. Hội đã tổ chức, hướng dẫn, hỗ trợ phụ nữ thực hiện các chính sách về hôn nhân - gia đình, chăm sóc sức khỏe, bảo vệ bà mẹ và trẻ em, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu.

Việc tuyên truyền, giáo dục các phẩm chất đạo đức “tự tin, tự trọng, trung hậu, đảm đang” được triển khai đồng bộ góp phần định hướng cho hội viên, phụ nữ phấn đấu rèn luyện, hoàn thiện bản thân, góp phần xây dựng phụ nữ Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước. Các cuộc vận động “Phụ nữ tiết kiệm giúp nhau giảm nghèo bền vững”, “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch”, đã phát huy hiệu quả tích cực trong đời sống thực tiễn, góp phần nâng cao đời sống văn hóa, bảo đảm an sinh xã hội, đem lại hạnh phúc, bình an cho phụ nữ nói riêng, xã hội nói chung.

Hội Cựu chiến binh Việt Nam hiện nay có hơn 2,7 triệu hội viên. Các thành viên của Hội tiếp tục phát huy truyền thống “Bộ đội Cụ Hồ”, nêu cao tinh thần đoàn kết, tích cực giữ gìn an ninh, trật tự, giúp nhau xây dựng kinh tế, cải thiện đời sống, tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền trong sạch, vững mạnh, luôn luôn gìn giữ phẩm chất đạo đức, nêu gương sáng cho thế hệ trẻ. Trong hơn 30 năm đổi mới, hội cựu chiến binh các cấp đã tích cực tham gia vào

xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở, hưởng ứng tích cực cuộc vận động “Toàn dân xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư” và phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”. Hội đã tham gia thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, góp phần xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, tăng cường đoàn kết trong nội bộ hội, đoàn kết giữa các thế hệ cựu chiến binh, cựu quân nhân. Hội đã phối hợp tham mưu và trực tiếp tham gia có hiệu quả trong cuộc đấu tranh giải quyết những vấn đề phức tạp về tôn giáo, dân tộc do các thế lực thù địch và các phần tử cực đoan gây ra trên các địa bàn. Hội đã thực hiện tốt công tác tuyên truyền vận động thanh niên làm nghĩa vụ quân sự, động viên cựu chiến binh bám biển, bám rừng, bám đảo, tham gia tuần tra bảo vệ biên giới.

Các cấp hội đã động viên cựu chiến binh tích cực tham gia các cuộc vận động các phong trào xây dựng đời sống văn hóa - xã hội, gương mẫu trong việc cưới, việc tang và lễ hội. Đã có nhiều tấm gương của cựu chiến binh hiến đất làm đường, trường học, nhà văn hóa. Hội còn tham gia triển khai các chương trình quốc gia về bảo vệ môi trường; phòng, chống tội phạm, HIV/AIDS và tệ nạn xã hội; tham gia phong trào “Toàn dân tham gia bảo vệ trật tự an toàn giao thông”.

Như vậy, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên đã tham gia tích cực vào triển khai thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước về xây dựng đời sống văn hóa, xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh. Bằng nhiều sáng kiến, phong trào và nhiều cuộc vận động phong phú, đa dạng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội đã góp phần tạo ra ở các đơn vị cơ sở (gia đình, làng, bản, xã, phường, khu tập thể, cơ quan, doanh nghiệp) các vùng dân cư

(đô thị, nông thôn, miền núi), các đối tượng khác nhau (công nhân, nông dân, thanh niên, phụ nữ, cựu chiến binh) đời sống văn hóa lành mạnh, đáp ứng nhu cầu văn hóa đa dạng, phong phú và không ngừng tăng lên của Nhân dân, góp phần xây dựng và hoàn thiện nhân cách con người, ổn định chính trị - xã hội, tạo điều kiện thuận lợi để xây dựng và phát triển đất nước.

Thứ hai, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức của Mặt trận Tổ quốc tham gia tích cực vào công tác xây dựng Đảng và Nhà nước, góp phần xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân không chỉ có vai trò quan trọng trong sự nghiệp đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của Nhân dân, chăm lo xây dựng đời sống vật chất và văn hóa tinh thần cho đoàn viên, hội viên mà còn đóng vai trò quan trọng trong *công tác xây dựng Đảng, Nhà nước*, là cầu nối giữa Nhân dân với Đảng và Nhà nước.

Bộ Chính trị khóa XI đã ban hành Quyết định số 217-QĐ/TW, ngày 12/12/2013 về việc ban hành Quy chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội và Quyết định số 218-QĐ/TW, ngày 12/12/2013 ban hành Quy định về việc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội và nhân dân tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền. Đây chính là quá trình cụ thể hóa chủ trương của Đảng, nhằm phát huy vai trò của Mặt trận và các đoàn thể chính trị - xã hội trong công tác xây dựng Đảng và bộ máy nhà nước. Đại hội X của Đảng đã nêu rõ: “Nhà nước ban hành cơ chế để

Mặt trận và các đoàn thể nhân dân thực hiện tốt vai trò giám sát và phản biện xã hội”¹. Đến Đại hội XI, Đảng ta nhấn mạnh: “Đảng tôn trọng tính tự chủ, ủng hộ mọi hoạt động tự nguyện, tích cực, sáng tạo và chân thành lắng nghe ý kiến đóng góp của Mặt trận và các đoàn thể. Đảng, Nhà nước có cơ chế, chính sách, tạo điều kiện để Mặt trận và các đoàn thể nhân dân hoạt động có hiệu quả, thực hiện vai trò giám sát và phản biện xã hội”². Đại hội XII của Đảng tiếp tục khẳng định: “Mặt trận Tổ quốc đóng vai trò nòng cốt trong tập hợp, vận động nhân dân, đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, thực hiện dân chủ, tăng cường đồng thuận xã hội; giám sát và phản biện xã hội; tham gia xây dựng Đảng, Nhà nước, hoạt động đối ngoại nhân dân góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”³.

Về cơ sở pháp lý, Hiến pháp năm 2013 đã quy định tại khoản 1, Điều 9 như sau: “Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân; đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân; tập hợp, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, thực hiện dân chủ, tăng cường đồng thuận xã hội; giám sát, phản biện xã hội”⁴. Để cụ thể hóa nhiệm vụ giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Luật Mặt trận Tổ quốc

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr.124.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, *Sđd*, tr.87.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, *Sđd*, tr.166.

4. *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, *Sđd*, tr.11-12.

Việt Nam năm 2015 đã quy định rõ, cụ thể nhiệm vụ giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong hai chương, Chương V (gồm 7 điều, từ Điều 25 đến Điều 31) và Chương VI (gồm 4 điều, từ Điều 32 đến Điều 36).

Phương thức hoạt động giám sát của Mặt trận Tổ quốc là qua ủy ban Mặt trận Tổ quốc các cấp hoặc đề nghị các tổ chức thành viên của Mặt trận theo dõi, xem xét, đánh giá, kiến nghị với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền trong cơ quan đảng, nhà nước để nâng cao chất lượng hoạt động của các cơ quan, tổ chức này. Hoạt động giám sát được thực hiện theo nguyên tắc dân chủ, phát huy quyền dân chủ của Nhân dân, huy động sự tham gia của Nhân dân và các tổ chức của Mặt trận, xuất phát từ yêu cầu, nguyện vọng của Nhân dân; thực hiện công khai, minh bạch, dân chủ, không chồng chéo, không làm cản trở hoạt động của cơ quan, tổ chức và cá nhân được giám sát.

Đáng chú ý là ngày 15/6/2017, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ và Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã ký Nghị quyết liên tịch số 403/2017/NQLT-UBTVQH14-CP-ĐCTUBTWMTTQVN quy định chi tiết về các hình thức giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Đây là cơ sở quan trọng để tiếp tục nâng cao vị thế của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong việc phản biện xã hội, tham gia tích cực hơn nữa vào xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước.

- Những hạn chế về xây dựng văn hóa trong Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị:

Thứ nhất, vấn đề xây dựng văn hóa trong Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội chưa mang tính bền vững.

Mặc dù chủ trương xây dựng văn hóa trong Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội đã được Đảng ta đề ra từ rất sớm, đặc biệt là nêu cụ thể trong Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII) “Về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc” (tháng 7/1998) nhưng quá trình triển khai thực hiện chủ trương này chưa được tiến hành đồng đều ở các địa phương. Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” đã được tiến hành trong nhiều năm qua nhưng hiệu quả của các phong trào này chưa gắn kết chặt chẽ với việc xây dựng con người và môi trường văn hóa lành mạnh để thúc đẩy sự phát triển bền vững của mỗi địa phương, mỗi ngành, mỗi cấp, mỗi đoàn thể. Một số phong trào văn hóa còn mang tính chất hình thức và chạy theo thành tích, chưa chú ý đúng mức đến giáo dục, nâng cao tinh thần tự giác, chủ động và ý thức trách nhiệm của các hội viên, đoàn viên trong việc nêu gương, trong việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống, xây dựng nhân cách. Đời sống văn hóa trong xã hội còn nhiều hiện tượng nhiễu loạn, gây bức xúc trong nhân dân.

Thứ hai, tinh thần phối hợp, hợp tác và kết nối giữa Mặt trận Tổ quốc các cấp và các đoàn thể chính trị - xã hội còn hạn chế trong quá trình xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở. Nhiều phong trào còn trùng lặp, gây phân tán nguồn lực trong tổ chức các cuộc vận động và phong trào thi đua. Thế mạnh của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên chưa được phát huy trong việc tạo nên hợp lực chung để xây dựng đời sống văn hóa ở các cấp, các lĩnh vực khác nhau.

Thứ ba, các hoạt động xây dựng văn hóa trong Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội chưa thu

hút được sự tham gia tích cực, chủ động của các hội viên, thành viên, đặc biệt là thanh thiếu niên, công nhân các khu công nghiệp, khu chế xuất và nông dân ở một số vùng nông thôn, biên giới, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và đồng bào tôn giáo. Hiện tượng “trên nóng, dưới lạnh”, sôi nổi ở bên trên, bên dưới tĩnh lặng vẫn đang tiếp diễn ở nhiều nơi. Cuộc đấu tranh chống các hiện tượng tiêu cực và tệ nạn xã hội vẫn diễn biến phức tạp ở nhiều nơi. Tình trạng suy thoái về tư tưởng, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” chưa được ngăn chặn, đẩy lùi, đe dọa đến an ninh, trật tự và an toàn xã hội. Vai trò cầu nối giữa Mặt trận và các đoàn thể chính trị - xã hội với Đảng, Nhà nước và Nhân dân còn hạn chế.

Thứ tư, vai trò phản biện xã hội, tham gia vào công tác xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội chưa được thực hiện thường xuyên. Còn tình trạng phụ thuộc, né tránh những vấn đề “nhạy cảm”, liên quan đến cá nhân và tập thể lãnh đạo, quản lý ở cơ sở, chưa “nói thẳng, nói thật”, phê phán, góp ý còn chung chung, đại khái, ít có hiệu quả thiết thực. Việc tham gia phản biện, góp ý xây dựng Đảng và Nhà nước, góp ý vào các văn kiện xây dựng Đảng, các chủ trương về phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và địa phương còn nặng về hình thức và việc tiếp thu các ý kiến phản biện, góp ý này còn hạn chế. Chưa có quy định cụ thể về cơ chế để Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và Nhân dân giám sát việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức của người đứng đầu, cán bộ chủ chốt và cán bộ, đảng viên theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII “Về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị,

đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ”.

6. Thực trạng sự tham gia của người dân vào đời sống chính trị ở Việt Nam

a) Nhận thức của Đảng và Nhà nước về vai trò, vị thế của người dân trong xây dựng văn hóa trong chính trị của đất nước

Sự tham gia của người dân vào đời sống chính trị có thể hiểu là việc người dân trực tiếp hoặc gián tiếp tham gia vào các hoạt động lãnh đạo, quản lý và điều hành đất nước. Việc tham gia của người dân vào đời sống chính trị là một tất yếu khách quan đối với quá trình đổi mới ở nước ta hiện nay. Điều này được xác định bởi nhiều yếu tố.

Trước hết, xuất phát từ vai trò quan trọng của người dân trong tiến trình phát triển của lịch sử xã hội. Nhân dân là người sáng tạo ra lịch sử, là lực lượng quyết định quá trình cải biến xã hội. Vai trò quyết định của Nhân dân đối với sự phát triển xã hội được thể hiện trên các phương diện như: Nhân dân là lực lượng chủ yếu sản xuất ra của cải xã hội, góp phần quyết định sự tồn tại và phát triển của xã hội. Lợi ích của Nhân dân là động lực cơ bản của cách mạng xã hội, của những quá trình cải biến xã hội.

Thứ hai, xuất phát từ bản chất của Nhà nước Việt Nam là Nhà nước của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân. Điều này khẳng định vị trí, vai trò của Nhân dân trong hệ thống chính trị - Nhân dân là chủ thể tối cao của quyền lực chính trị. Do đó, bảo đảm sự tham gia vào đời sống chính trị của người dân chính là bảo đảm quyền làm chủ của Nhân dân.

Nó cho thấy vai trò là chủ thể của Nhân dân trong đời sống chính trị. Người dân tham gia vào đời sống chính trị là bảo đảm cho việc nâng cao ý thức chính trị và tính tích cực của công dân, tăng cường nhận thức về quyền làm chủ của người dân đối với đời sống của mình và vận mệnh đất nước. Các bản Hiến pháp của nước ta từ trước đến nay đều ghi nhận: Tất cả quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân.

Thứ ba, với tư cách là khách thể của đời sống chính trị, Nhân dân chính là đối tượng chịu tác động trực tiếp từ các quan điểm, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước. Vì vậy, để tạo sự đồng thuận giữa chủ thể - cơ quan của Đảng, Nhà nước, với khách thể - Nhân dân, trong quy trình ban hành mọi chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước đều cần có sự tham gia của Nhân dân.

Ở Việt Nam, *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011)* của Đảng đã nêu rõ một trong những bài học kinh nghiệm lớn là: “*sự nghiệp cách mạng là của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân*. Chính nhân dân là người làm nên những thắng lợi lịch sử. Toàn bộ hoạt động của Đảng phải xuất phát từ lợi ích và nguyện vọng chính đáng của nhân dân. Sức mạnh của Đảng là ở sự gắn bó mật thiết với nhân dân. Quan liêu, tham nhũng, xa rời nhân dân sẽ dẫn đến những tổn thất khôn lường đối với vận mệnh của đất nước, của chế độ xã hội chủ nghĩa và của Đảng”¹.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.9

Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam do Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng thông qua ngày 19/01/2011 khẳng định: “Đảng Cộng sản Việt Nam là đảng cầm quyền, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân, chịu sự giám sát của nhân dân; dựa vào nhân dân để xây dựng Đảng; đoàn kết và lãnh đạo nhân dân tiến hành sự nghiệp cách mạng”¹.

Phát huy dân chủ, mở rộng sự tham gia của người dân vào đời sống chính trị đã được Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh chú ý ngay sau thắng lợi của cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945. Hiến pháp năm 1946 khẳng định: “Tất cả quyền bính trong nước là của toàn thể Nhân dân Việt Nam, không phân biệt nòi giống, gái trai, giàu nghèo, giai cấp, tôn giáo” (Điều thứ 1). “Tất cả công dân Việt Nam đều ngang quyền về mọi phương diện: chính trị, kinh tế, văn hóa” (Điều thứ 6), “... đều được tham gia chính quyền và công cuộc kiến thiết tùy theo tài năng và đức hạnh của mình” (Điều thứ 7)². Trải qua những biến động của lịch sử, Việt Nam đã có nhiều bản Hiến pháp được công bố nhưng tư tưởng trên vẫn luôn được khẳng định. Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 ghi rõ tại Điều 2:

“1. Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân.

2. Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam do Nhân dân làm chủ; tất cả quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016, tr.5-6.

2. Xem moj.gov.vn/vbqp/.

mà nền tảng là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức”¹.

Điều 3 của Hiến pháp cũng khẳng định: “Nhà nước bảo đảm và phát huy quyền làm chủ của Nhân dân”²; Điều 28 của Hiến pháp ghi rõ về quyền của người dân tham gia vào quản lý nhà nước và xã hội:

“1. Công dân có quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội, tham gia thảo luận và kiến nghị với cơ quan nhà nước về các vấn đề của cơ sở, địa phương và cả nước.

2. Nhà nước tạo điều kiện để công dân tham gia quản lý nhà nước và xã hội; công khai, minh bạch trong việc tiếp nhận, phản hồi ý kiến, kiến nghị của công dân”³.

Bảo đảm sự tham gia của Nhân dân vào công việc quản lý nhà nước không chỉ được ghi trong Hiến pháp mà còn được cụ thể hóa trong những bộ luật cụ thể như: Luật bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân; Luật tổ chức Quốc hội; Luật tổ chức Chính phủ; Luật tổ chức đại biểu Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân; Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Luật khiếu nại; Luật tố cáo; Luật phòng, chống tham nhũng;... Trong các luật đó đều có những quy định cụ thể các điều kiện, hình thức, phương thức để Nhân dân tham gia vào hoạt động quản lý của Nhà nước như việc các đại biểu, các cơ quan nhà nước phải tiếp nhận và giải quyết các đề xuất, kiến nghị, khiếu nại của người dân, tiếp thu các ý kiến đóng góp vào các văn bản quy phạm pháp luật được ban hành, các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế -

1, 2, 3. Viện Chính sách công và pháp luật: *Bình luận khoa học Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013*, Nxb. Lao động xã hội, Hà Nội, 2014, tr.709, 709, 717.

xã hội... Các luật về các tổ chức chính trị - xã hội như Luật công đoàn, Luật thanh niên, Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cụ thể hóa quy định của Hiến pháp về vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội tham gia công việc quản lý nhà nước.

Hơn nữa, nhằm tạo mọi điều kiện cần thiết để người dân tham gia nhiều hơn, chủ động hơn vào đời sống chính trị, Bộ Chính trị đã ra Chỉ thị số 30-CT/TW, ngày 18/02/1998 về xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở. Chỉ thị yêu cầu cấp ủy và chính quyền cơ sở phải bảo đảm quyền được thông tin về pháp luật, các chủ trương, chính sách của Nhà nước, nhất là những vấn đề liên quan trực tiếp đến đời sống và lợi ích hàng ngày của nhân dân tại cơ sở; có chế độ và hình thức báo cáo công khai trước dân công việc của chính quyền, cơ quan, đơn vị; có quy chế và các hình thức để Nhân dân, cán bộ, công chức ở cơ sở được bàn bạc và tham gia ý kiến vào các chủ trương, chính sách, nhiệm vụ công tác chuyên môn, công tác cán bộ... của chính quyền, cơ quan, đơn vị; có quy định về việc để Nhân dân bàn và quyết định dân chủ đối với những loại việc liên quan trực tiếp đến đời sống của Nhân dân trên địa bàn và chính quyền, thủ trưởng cơ quan, đơn vị tổ chức thực hiện theo ý kiến của đa số Nhân dân, có sự giám sát, kiểm tra của Nhân dân.

Theo đó, Chính phủ đã ra Nghị định số 29/1998/NĐ-CP, ngày 11/5/1998 về việc ban hành Quy chế thực hiện dân chủ ở xã. Trong đó quy định cụ thể những việc chính quyền địa phương phải có trách nhiệm thông tin kịp thời và công khai để Nhân dân biết; các việc Nhân dân bàn và quyết định trực tiếp; những việc Nhân dân bàn, tham gia ý kiến và Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã quyết định; những việc Nhân dân giám sát, kiểm tra. Nghị định số 71/1998/NĐ-CP,

ngày 08/9/1998 của Chính phủ ban hành Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan xác định rõ trách nhiệm của thủ trưởng cơ quan; trách nhiệm của cán bộ, công chức; những việc cán bộ, công chức phải được biết; những việc cán bộ, công chức tham gia ý kiến, thủ trưởng cơ quan quyết định; những việc cán bộ, công chức giám sát, kiểm tra. Qua Nghị định này, Chính phủ đã thêm cơ sở chính trị, pháp lý để phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra” nhanh chóng đi vào cuộc sống và phát huy tác dụng.

Có thể nói, các văn bản pháp lý hiện hành đã quy định khá cụ thể, rõ ràng các hình thức, phương thức tham gia của Nhân dân vào đời sống chính trị. Sự tham gia của Nhân dân được thực hiện trong tất cả các hoạt động của đời sống chính trị.

b) Những kết quả và hạn chế, yếu kém

- Những kết quả đạt được:

Có thể nói, trong thời gian qua, người dân đã tham gia vào đời sống chính trị ngày một tích cực, chủ động và toàn diện hơn. Điều đó đã góp phần hình thành và phát triển một sức sống mới trong đời sống chính trị hiện nay, phù hợp với tinh thần đổi mới và hội nhập quốc tế. Một số kết quả nổi bật đã đạt được có thể kể ra như sau:

Một là, tinh thần dân chủ ngày càng được thể hiện rõ nét trong đời sống chính trị.

Cơ cấu, cách thức tổ chức hoạt động của hệ thống chính trị tạo ra nhiều cơ hội cho người dân tham gia vào đời sống chính trị. Các quyền được tham gia vào các hoạt động của Đảng và Nhà nước của Nhân dân không chỉ được thể hiện trong quan điểm, đường lối của Đảng mà ngày càng được cụ thể hóa trong

các văn bản pháp quy như: Hiến pháp năm 2013; Luật bầu cử đại biểu Quốc hội sửa đổi, bổ sung năm 2010; Luật bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân sửa đổi, bổ sung năm 2010; Luật bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015; Quy chế dân chủ ở xã, phường, thị trấn; Quy chế dân chủ trong hoạt động của doanh nghiệp nhà nước; Quy chế dân chủ trong hoạt động của các cơ quan, Pháp lệnh về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn... Thông qua các văn bản quy phạm pháp luật đó, quyền được biết, được bàn, được kiểm tra, giám sát của Nhân dân ngày càng được khẳng định trong thực tế, củng cố vị thế chính trị của các tầng lớp nhân dân, thúc đẩy tính minh bạch, trách nhiệm giải trình trong hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước ở địa phương, cơ sở.

Hoạt động chất vấn của Quốc hội ngày càng đi vào thực chất và trở thành diễn đàn để Nhân dân thông qua các đại biểu do mình bầu ra chất vấn pháp luật, chính sách, cách thức điều hành của Chính phủ nhằm hướng đến các giải pháp có hiệu quả, đáp ứng quyền và lợi ích chính đáng của Nhân dân. Các kiến nghị của cử tri được giải quyết tốt hơn.

Hai là, tính công khai, minh bạch ngày càng được chú trọng trong đời sống chính trị.

Tất cả các hoạt động chính trị đều được công khai cho toàn thể Nhân dân được biết, được tham gia trước khi có quyết định chính thức. Thông qua đó, người dân đã có nhiều thông tin tốt hơn để đưa ra quyết định của chính mình, giám sát tốt hơn các hoạt động của hệ thống chính trị; góp phần quan trọng thúc đẩy quá trình tham gia vào đời sống chính trị của người dân.

Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi có hiệu lực từ tháng 7/2016 quy định: đối với những dự án luật,

pháp lệnh cần thông qua Quốc hội phê chuẩn, các cơ quan soạn thảo có đề nghị xây dựng pháp luật, pháp lệnh phải đăng tải dự thảo luật, pháp lệnh đó trên cổng thông tin điện tử của Quốc hội, Chính phủ và của cơ quan soạn thảo để tham vấn ý kiến với thời gian đăng tải ít nhất là 30 ngày. Quy định này cũng áp dụng đối với các nghị định của Chính phủ, nghị quyết của Hội đồng nhân dân và quyết định của Ủy ban nhân dân. Cơ quan soạn thảo có thể tổ chức các buổi tham vấn ý kiến và đăng tải các bản dự thảo trên báo chí, song không bắt buộc.

Đặc biệt, tháng 4/2017, Chính phủ đã đưa hệ thống tiếp nhận, trả lời kiến nghị của người dân lên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ. Đây là bước đột phá tăng cường sự tương tác giữa người dân với Chính phủ, nâng cao chất lượng giải quyết và trả lời kiến nghị của cử tri.

Bên cạnh đó, trong những năm qua, Việt Nam đã tham gia vào nhiều chương trình khảo sát mang tính chất quốc gia và quốc tế như Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh ở Việt Nam (PAPI); Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS)...

PAPI được thực hiện bởi sự phối hợp giữa Chương trình phát triển Liên hợp quốc (UNDP) và Trung tâm Nghiên cứu phát triển và Hỗ trợ Cộng đồng (CECODES). Chỉ số này được tiến hành hàng năm nhằm thể hiện đánh giá của người dân thông qua trải nghiệm và cảm nhận của họ về hiệu quả quản trị, hành chính công và cung ứng dịch vụ công của bộ máy chính quyền các cấp. Trong năm 2016, hơn 14.000 người dân từ tất cả 63 tỉnh, thành được chọn phỏng vấn ngẫu nhiên.

Kết quả khảo sát PAPI 2016 cho thấy việc cung ứng dịch vụ công được cải thiện bền vững trong suốt sáu năm 2011 - 2016; hầu hết ở các tỉnh, thành năng lực và thái độ của công chức, viên chức được cải thiện tốt hơn; tính minh bạch, khả năng phản hồi và trách nhiệm giải trình của các cơ quan nhà nước được tăng cường.

SIPAS được thực hiện bởi sự phối hợp giữa Bộ Nội vụ với Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam. Bộ Nội vụ đã lựa chọn 6 thủ tục hành chính để tiến hành khảo sát, gồm: cấp giấy chứng minh nhân dân, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy phép xây dựng nhà ở, giấy đăng ký kết hôn, giấy khai sinh và chứng thực. Chỉ số này cũng được tiến hành hằng năm nhằm xác định chỉ số hài lòng của người dân và các tổ chức với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước trên toàn quốc. Kết quả công bố vào tháng 3/2017 cho thấy sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước đã có những thay đổi theo hướng tích cực, khẳng định sự tín nhiệm của người dân đối với các cơ quan này. Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ Trương Hòa Bình đề nghị Bộ Nội vụ chủ trì phối hợp với các đơn vị, địa phương liên quan phê duyệt đề án đánh giá việc triển khai cải cách hành chính trong giai đoạn 2016 - 2020, trong đó mở rộng các thủ tục hành chính để đo lường, xác định chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức. Trên cơ sở đó, các bộ, ngành, địa phương định kỳ triển khai đo lường sự hài lòng trên quy mô lớn để phát hiện kịp thời và khắc phục những bất cập, đáp ứng nhu cầu của người dân; tạo điều kiện để người dân góp ý, tham gia giám sát việc cung ứng dịch vụ hành chính; sử dụng hợp lý

kết quả điều tra, từ đó có biện pháp nâng cao sự phục vụ của các cơ quan, lấy sự hài lòng của người dân làm thước đo đánh giá nền hành chính.

Trong các hoạt động lấy ý kiến của Nhân dân, có thể nhận thấy quy mô lấy ý kiến Nhân dân rộng lớn, thu hút được nhiều thành phần, tầng lớp nhân dân tham gia bằng nhiều hình thức. Trong thời gian lấy ý kiến nhân dân, các cơ quan từ Trung ương đến địa phương, các viện nghiên cứu, trường đại học, học viện trong cả nước đã tổ chức nhiều hội nghị, hội thảo đóng góp ý kiến cho dự thảo các văn bản pháp luật. Theo đó, người dân, vừa với tư cách cá nhân, vừa với tư cách là thành viên trong nhóm cộng đồng, vừa thông qua những tổ chức, cơ quan mà họ là thành viên tham gia đóng góp ý kiến của mình. Các ý kiến góp ý được thể hiện thông qua các bài viết được cung cấp tại hội nghị, hội thảo, trên các phương tiện thông tin đại chúng, thông qua các phiếu điều tra dư luận xã hội, phiếu góp ý kèm theo nội dung dự thảo.

Các ý kiến góp ý có nội dung sâu sắc, được chuẩn bị công phu, thể hiện sự tâm huyết, trách nhiệm, tầm vóc trí tuệ của Nhân dân trong việc xây dựng và phát triển đất nước. Những ý kiến đó đều được tiếp thu, có phản hồi và giải trình công khai cho người dân, trao đổi các thông tin, giúp người dân nắm bắt được rõ hơn tinh thần của dự thảo, từ đó giúp củng cố tinh thần, niềm tin trong Nhân dân, thúc đẩy họ tin tưởng vào chủ trương của Đảng và Nhà nước. Sau khi tổ chức các buổi hội thảo, hội nghị, các địa phương, bộ, ngành đều thành lập tổ thư ký tập hợp, tổng hợp ý kiến của Nhân dân để có báo cáo trung thực, khách quan, đầy đủ về các nội dung góp ý. Những ý kiến đóng góp dù là thiểu số đều được ghi chép, tổng hợp đầy đủ trong báo cáo.

Ba là, sự tham gia của người dân vào đời sống chính trị góp phần nâng cao nhận thức và ý thức trách nhiệm của mỗi người dân đối với sự phát triển của mỗi cá nhân và đất nước.

Trong thời gian qua, người dân ngày càng quan tâm hơn đến những vấn đề của đất nước. Người dân đã bày tỏ thái độ nhiều hơn với những chính sách phát triển ở cấp độ địa phương cũng như ở tầm quốc gia. Đó là ý kiến của người dân Hà Nội về việc chặt hạ cây xanh, của người dân Đồng Nai với dự án lấp sông xây đô thị, của người lao động Thành phố Hồ Chí Minh về Luật bảo hiểm xã hội, của người dân Bình Thuận yêu cầu EVN xử lý ô nhiễm môi trường, của người dân cả nước trước sự cố ô nhiễm môi trường biển miền Trung do Formosa gây nên, vấn đề giữa phát triển du lịch với bảo tồn di sản, cảnh quan thiên nhiên ở Đà Nẵng, vấn đề “cát tặc”...

Trong thời gian qua, việc tham gia của người dân vào đời sống chính trị một cách tích cực, chủ động đã bảo đảm cho đời sống chính trị của đất nước phản ánh được ý chí chung của các giai tầng và nhóm xã hội, ngăn chặn sự tùy tiện, sách nhiễu, thiếu trách nhiệm của một số cán bộ chính quyền. Mặt khác, sự tham gia của người dân tạo nên ý thức tốt hơn về trách nhiệm và quyền lợi trong quá trình xây dựng và phát triển đất nước; giúp tăng cường sự thống nhất của quốc gia thông qua việc mở ra khả năng hòa giải, hàn gắn những mâu thuẫn, xung đột giữa các tầng lớp và nhóm xã hội, thúc đẩy, củng cố mối quan hệ tốt đẹp giữa Nhân dân với Đảng và Nhà nước.

- Những hạn chế, yếu kém:

Bên cạnh những kết quả lớn đã đạt được, sự tham gia của người dân vào đời sống chính trị vẫn còn tồn tại những hạn chế, yếu kém như sau:

Thứ nhất, quyền làm chủ của Nhân dân ở nhiều nơi, trên nhiều lĩnh vực còn bị vi phạm, không được bảo đảm đầy đủ.

Không ít trường hợp việc thực hành dân chủ còn mang tính hình thức. Có nơi, có lúc còn biểu hiện lợi dụng quyền lực cá nhân nhằm gây ảnh hưởng, tác động đến kết quả của quá trình thực hiện chính sách, pháp luật của Nhà nước, từ đó dẫn đến nhiều hiện tượng tiêu cực như khiếu kiện đông người, vượt cấp hoặc gây mất đoàn kết nội bộ, gây rối, ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội, thể hiện sự thiếu trách nhiệm của một số cán bộ chính quyền. Tình trạng quan liêu, không thực sự tôn trọng dân chủ còn khá nặng trong một bộ phận cán bộ, đảng viên, công chức. Bên cạnh đó, một bộ phận cán bộ và nhân dân chưa hiểu rõ về Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở cơ sở, dẫn tới việc chấp hành và thực hiện chưa tốt quyền làm chủ của mình; nhiều ban thanh tra nhân dân, ban giám sát đầu tư của cộng đồng còn hoạt động hình thức, chưa đúng quy định, đặc biệt là việc công khai 11 nội dung trong Điều 5 của Pháp lệnh. Thông tin về chính sách, pháp luật không đến được với người dân một cách kịp thời và đầy đủ, những phản hồi của người dân không được tiếp thu hoặc tiếp thu rất hạn chế, hoặc không có những giải trình phù hợp với người dân khiến lòng tin đối với các công tác hoạch định chính sách từ phía người dân bị giảm đi. Hệ quả là người dân có tâm lý thờ ơ, trừ khi việc thực thi các chính sách đó xâm phạm đến lợi ích thiết thân của họ.

Những bất cập đó đã dẫn đến việc tham gia của người dân vào đời sống chính trị không cao, các cơ quan chính quyền cũng vì thế mà chưa coi trọng những ý kiến thu được mà chỉ coi đó là một hình thức thể hiện họ đã hoàn thành trách nhiệm. Công việc chính của quá trình xây dựng chính

sách vẫn do cơ quan nhà nước nắm vai trò gần như tuyệt đối mà không thể hiện được hoặc phản ánh rất hạn chế ý chí của người dân.

Thứ hai, sự tham gia của người dân vào quá trình xây dựng luật pháp, chính sách, vào công việc quản lý của Nhà nước vẫn còn nhiều khó khăn.

Đối với hình thức tham gia gián tiếp, sự tham gia của Nhân dân vào việc quản lý nhà nước phụ thuộc rất nhiều vào phương thức lựa chọn người đại diện và vào phương thức hoạt động của các cơ quan đó. Theo quy định hiện hành, mối quan hệ giữa người đại diện với Nhân dân vẫn còn khoảng cách khá xa và lỏng lẻo. Những người được bầu vẫn đại diện cho Nhân dân một cách chung chung nên chưa có sự gắn bó giữa người được bầu với cử tri. Nó thể hiện ở chỗ người được bầu không cần đi vận động, không cần hứa hẹn với cử tri vẫn được bầu. Khi trúng cử, họ không rõ những nguyện vọng mà người bầu ra họ là những gì. Trong thời gian đảm nhiệm trọng trách đại biểu của dân, theo quy định, họ phải tiếp xúc cử tri trước và sau các kỳ họp để nắm bắt ý kiến của Nhân dân, nhưng không có cơ chế bắt buộc họ phải tiếp nhận và trực tiếp xử lý những vấn đề cụ thể của người dân. Bên cạnh đó, cách tiếp xúc cử tri hiện nay chủ yếu là tiếp xúc với các đại biểu của cử tri, nên họ càng không nắm rõ hết nguyện vọng của cử tri.

Ngoài sự hạn chế từ những cơ chế quy định hiện hành, thì bản thân người dân, do trình độ nhận thức, nhất là trình độ pháp lý, cũng chưa thấy hết được quyền lợi và nghĩa vụ của mình đối với việc tham gia vào đời sống chính trị. Nó thể hiện ở sự bỏ phiếu lấy lệ, cho xong của nhiều người trong các lần bầu cử đại biểu Quốc hội, đại biểu hội đồng

nhân dân các cấp, hoặc một người đi bỏ phiếu cho tất cả cử tri của gia đình.

Việc tham gia vào đời sống chính trị của người dân thông qua các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức xã hội - nghề nghiệp mà họ là thành viên cũng còn nhiều hạn chế. Theo hình thức này, những nguyện vọng, ý kiến của người dân được các tổ chức đó tập hợp lại để chuyển tới các cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước xem xét, giải quyết. Tuy nhiên, do nhiều lý do, các tổ chức này bị hành chính hóa cả về tổ chức và phương thức hoạt động, nên chức năng đại diện cho Nhân dân trước cơ quan nhà nước bị hạn chế.

Đối với hình thức tham gia trực tiếp vào đời sống chính trị, theo Hiến pháp quy định, Nhân dân có quyền quyết định các vấn đề hệ trọng của đất nước thông qua trưng cầu dân ý và trực tiếp quyết định nhiều vấn đề liên quan đến đời sống ở cơ sở. Tuy nhiên, đến nay vấn đề trưng cầu dân ý vẫn chưa được luật hóa để triển khai thực hiện trên thực tế. Đối với việc quyết định trực tiếp các vấn đề liên quan đến dân chủ ở cơ sở cũng còn rất nhiều khó khăn. Các hoạt động tham gia quyết định các vấn đề về quy hoạch sản xuất, về sử dụng đất đai, về cán bộ địa phương... vẫn đang vấp phải những trở ngại từ phía người dân và cán bộ, chính quyền cơ sở. Nhiều địa phương, cán bộ chính quyền cơ sở tập trung vào hoạt động xây dựng các hương ước, quy ước của dân, bắt dân chịu nhiều quy định hơn là việc thực hiện công khai, xin ý kiến Nhân dân về các việc làm của chính quyền. Về phía người dân, do trình độ, do những mối quan hệ thân thiết và do sự chưa nghiêm minh trong việc xử lý cán bộ vi phạm nên họ cũng ít bày tỏ chính kiến của mình, trừ khi các vấn đề đã trở nên quá bức xúc. Chính điều này đã hạn chế quyền tham gia

của người dân vào đời sống chính trị, không huy động được sức mạnh của Nhân dân trong việc quản lý, phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Hơn nữa, nó còn là căn nguyên của các vụ khiếu kiện kéo dài, khiếu kiện vượt cấp, những điểm nóng tại một số địa phương.

Ngoài những hình thức nêu trên, người dân có thể tham gia ý kiến vào các văn bản pháp luật khi dự thảo được công bố hỏi ý kiến qua các phương tiện thông tin đại chúng. Tuy nhiên, hình thức này cũng gặp nhiều khó khăn, hạn chế. Thậm chí cả những hoạt động lấy ý kiến người dân rất quan trọng như góp ý sửa đổi Hiến pháp năm 1992, góp ý vào các dự thảo văn kiện trình Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng còn có dấu hiệu mang tính hình thức bởi huy động toàn dân tham gia, trong đó có cả người nước ngoài, người biết chữ và không biết chữ, các ngành nghề khác nhau, tiếng nói, chữ viết khác nhau song thời gian quá gấp. Nguyên Bộ trưởng Bộ Tư pháp Hà Hùng Cường từng phát biểu: “Đồng ý quan điểm Hiến pháp là “sản phẩm của Nhân dân”, Quốc hội thay mặt Nhân dân để biểu quyết, xác định Nhân dân là chủ thể xây dựng Hiến pháp. Nhưng việc lấy ý kiến Nhân dân quá gấp gáp và “đối phó””¹.

Thứ ba, vai trò giám sát của người dân còn chưa được chú trọng đúng mức.

Cho đến nay mới có Luật đất đai năm 2013 quy định về quyền tham gia giám sát trực tiếp của người dân, còn lại các luật khác đều chỉ quy định về quyền giám sát gián tiếp của dân thông qua Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức

1. Dẫn theo <http://vietnamnet.vn/vn/thoi-su/bo-truong-tu-phap-lay-y-kien-dan-ve-hp-gap-gap-122929.html>, ngày 11/7/2017.

chính trị - xã hội thành viên, hoặc mở rộng thêm tới các tổ chức xã hội - nghề nghiệp. Về cơ chế bảo đảm sự tham gia của người dân, hầu như các luật đều không có quy định cụ thể, do vậy người dân muốn tham gia cũng không biết đưa ý kiến qua kênh nào. Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam năm 2015 có một chương riêng quy định về chức năng phản biện và giám sát của Mặt trận, nhưng cũng không cho thấy rõ cách thức người dân tham gia giám sát gián tiếp thông qua Mặt trận như thế nào.

Báo cáo của Kỳ họp thứ 3 Quốc hội khóa XIV đã thẳng thắn chỉ ra: Hoạt động giám sát việc ban hành văn bản quy định chi tiết thi hành luật trong một số trường hợp chưa được quan tâm đúng mức, chủ yếu mới tập trung giám sát về tiến độ, số lượng văn bản cần ban hành mà chưa chú trọng nhiều tới nội dung, chất lượng và tính thống nhất của văn bản trong hệ thống pháp luật. Công tác đôn đốc thực hiện nghị quyết giám sát, kiến nghị sau giám sát trong một số trường hợp còn chưa thường xuyên nên hiệu quả chưa cao; chưa kiến nghị xử lý trách nhiệm của cá nhân, cơ quan, tổ chức nào khi không thực hiện đầy đủ nghị quyết, kết luận giám sát như yêu cầu của cử tri. Các bộ, ngành còn quá chú trọng tới việc trả lời các kiến nghị mà chưa quan tâm thỏa đáng tới việc giải quyết, xây dựng lộ trình giải quyết dứt điểm kiến nghị, dẫn đến thực trạng số lượng kiến nghị được trả lời rất lớn nhưng chất lượng giải quyết kiến nghị còn chưa cao, số kiến nghị được trả lời chỉ bằng việc cung cấp thông tin còn nhiều (68%), cá biệt có văn bản nội dung trả lời còn chưa rõ, chưa đúng, chưa đầy đủ với câu hỏi mà cử tri nêu. Có nhiều kiến nghị đã được tiếp thu, bố trí nguồn lực để giải quyết đáp ứng mong đợi

của cử tri, nhưng quá trình tổ chức triển khai còn nhiều bất cập khiến cử tri băn khoăn.

Việc kiểm tra, giám sát hoạt động quản lý nhà nước của các cơ quan và công chức nhà nước; thực hiện khiếu nại, tố cáo những việc làm trái pháp luật của các cơ quan và công chức nhà nước của người dân cũng còn hạn chế. Quyền khiếu nại, tố cáo dù đã được quy định tương đối hoàn chỉnh song công tác tổ chức thực hiện vẫn mang tính hình thức.

Thứ tư, người dân chưa hiểu hết quyền và nghĩa vụ tham gia vào đời sống chính trị của mình.

Trình độ dân trí nói chung và sự hiểu biết về quyền và nghĩa vụ tham gia vào đời sống chính trị của người dân ở nước ta còn nhiều hạn chế, nhất là người dân ở vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số. Do đó, việc tham gia vào đời sống chính trị của người dân vẫn chưa đạt được những kết quả như mong muốn.

Người dân còn e ngại khi thực hiện quyền tham gia do mặc cảm hạn chế về kiến thức chuyên môn và giao tiếp xã hội. Tâm lý này khiến họ từ bỏ quyền tham gia hoặc tham gia chỉ là thực hiện chiếu lệ. Tư tưởng phong kiến, thứ bậc, tôn ti trật tự trong xã hội cũ để lại là rào cản đối với sự tham gia của người dân.

Thứ năm, một số kẻ xấu lợi dụng việc người dân tham gia vào đời sống chính trị để kích động quần chúng, xuyên tạc sự thật, tác động tiêu cực đến tâm lý trong Nhân dân. Dù các cơ quan hữu quan đã phê phán, phơi bày rõ âm mưu thâm độc ngầm bên trong nhưng điều này cũng gây những tác động xấu, làm hạn chế sự tham gia của người dân vào đời sống chính trị.

7. Sự tham gia của các hoạt động văn hóa vào lĩnh vực chính trị

Trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược và chống Mỹ, cứu nước, tư tưởng Hồ Chí Minh đã chiếu sáng con đường phát triển văn hóa của dân tộc với những phương châm bất hủ: “Văn hóa phải soi đường cho quốc dân đi”; “Văn hóa phải tham gia phê chính, trừ tà”. Văn hóa đã thực sự “ở trong chính trị”, tham gia tích cực vào cuộc đấu tranh chính trị để giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước.

Bước vào thời kỳ đổi mới, kế tục truyền thống văn hóa cách mạng trong thời kỳ đấu tranh giải phóng dân tộc, các lĩnh vực văn hóa và các hoạt động văn hóa luôn bám sát vào thực hiện những nhiệm vụ chính trị mới, tiếp tục đổi mới tư duy, phát huy vai trò tích cực của mình trong việc tuyên truyền, vận động Nhân dân tham gia vào sự nghiệp đổi mới vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Xác định rõ trách nhiệm của văn hóa trong sự nghiệp đổi mới đất nước, Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII) (năm 1998) “Về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc” đã xác định:

“Phương hướng chung của sự nghiệp văn hóa nước ta là phát huy chủ nghĩa yêu nước và truyền thống đại đoàn kết dân tộc, ý thức độc lập tự chủ, tự cường xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, tiếp thụ tinh hoa văn hóa nhân loại, làm cho văn hóa thấm sâu vào toàn bộ đời sống và hoạt động xã hội, vào từng người, từng gia đình, từng tập thể và cộng đồng, từng địa bàn dân cư, vào mọi lĩnh vực sinh hoạt và quan hệ con người, tạo ra trên đất nước ta đời sống tinh thần cao đẹp, trình độ dân trí cao, khoa học

phát triển, phục vụ đắc lực sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh, tiến bước vững chắc lên chủ nghĩa xã hội”¹.

Trong thời kỳ đổi mới, các lĩnh vực và các hoạt động văn hóa đã tham gia tích cực vào thực hiện phương hướng này.

a) Những ưu điểm và kết quả đạt được

- Các lĩnh vực và các hoạt động văn hóa đã góp phần quan trọng vào bảo tồn, phát huy những giá trị tốt đẹp của văn hóa dân tộc, giáo dục truyền thống yêu nước và tinh thần đại đoàn kết dân tộc, cổ vũ tinh thần Nhân dân trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong thời kỳ đổi mới.

Bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc có vai trò quan trọng trong việc giáo dục, bồi dưỡng tinh thần dân tộc, bồi dưỡng ý chí, bản lĩnh và tinh thần độc lập tự chủ của dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Tính đến tháng 01/2018, Việt Nam đã có 26 di sản văn hóa vật thể và phi vật thể được UNESCO tôn vinh là di sản văn hóa và di sản thiên nhiên thế giới. Tổng số di tích quốc gia đến tháng 01/2018 là 3.447 di tích, trong đó có 95 di tích quốc gia đặc biệt; 142 bảo vật quốc gia; 228 di sản văn hóa phi vật thể quốc gia; đã có 61.669 di sản văn hóa phi vật thể được kiểm kê trên 62/63 tỉnh, thành phố.

Công việc điều tra, sưu tầm, nghiên cứu, phổ biến các giá trị văn hóa, nghệ thuật các dân tộc thiểu số được quan tâm đầu tư. Việc giao lưu văn hóa giữa các dân tộc thiểu số được tăng cường. Đội ngũ cán bộ văn hóa, nghệ thuật người đồng

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sdd, t.57, tr.303.*

bào dân tộc thiểu số được đào tạo, bổ sung đã góp phần tích cực vào gìn giữ, bảo vệ và phát huy giá trị văn hóa đặc sắc của từng dân tộc.

Các hoạt động văn hóa trong cộng đồng tôn giáo được củng cố và tăng cường, góp phần tăng cường khối đoàn kết toàn dân tham gia xây dựng đất nước. Nhiều lễ hội tôn giáo như lễ Phật đản, lễ Giáng sinh, các lễ hội tôn giáo của người Khmer Nam Bộ, người Chăm đã trở thành sinh hoạt văn hóa chung của cả cộng đồng dân cư.

Kế thừa truyền thống của dân tộc, Lễ hội Đền Hùng (từ mừng 1 đến mừng 10 tháng Ba âm lịch hằng năm) đã được nâng lên thành lễ hội quốc gia. Ngày 02/4/2007, Quốc hội đã phê chuẩn, sửa đổi, bổ sung Điều 73 Bộ luật lao động cho người lao động được nghỉ ngày làm việc, hưởng nguyên lương ngày Giỗ Tổ Hùng Vương (mùng 10 tháng Ba âm lịch). Kể từ đây, ngày mùng 10 tháng Ba âm lịch hằng năm đã trở thành ngày lễ lớn - Quốc lễ mang ý nghĩa tôn vinh các Vua Hùng đã có công dựng nước và là ngày đoàn kết toàn dân tộc, hướng về cội nguồn để cùng nhau xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Ý nghĩa văn hóa và ý nghĩa chính trị của ngày Giỗ Tổ Hùng Vương và Lễ hội Đền Hùng đã lan tỏa, thấm sâu vào đời sống tinh thần của Nhân dân các dân tộc khác nhau trên phạm vi cả nước, thu hút được đông đảo sự quan tâm của kiều bào Việt Nam ở nước ngoài. Đền thờ Hùng Vương đã được đông đảo các địa phương trong cả nước xây dựng để tưởng niệm các Vua Hùng, đã góp phần củng cố ý thức đoàn kết dân tộc trong sự nghiệp đổi mới, phát triển đất nước.

Bên cạnh đó, hàng loạt di tích lịch sử - văn hóa, các lễ hội lớn nhỏ trên phạm vi cả nước được tôn tạo, phục dựng, khai thác và phát huy không chỉ đáp ứng nhu cầu tâm linh của

xã hội hướng về cội nguồn, đền ơn đáp nghĩa, tri ân các vị anh hùng đã có công trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc mà còn có ý nghĩa tích cực trong việc giáo dục truyền thống anh dũng của dân tộc, củng cố lòng tự hào dân tộc, xây dựng niềm tin vào sức mạnh của con người Việt Nam, văn hóa Việt Nam trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Cùng với việc bảo tồn và tôn tạo các di tích lịch sử - văn hóa, các lễ hội truyền thống, công tác bảo tồn và phát huy các giá trị di sản cách mạng trong hai cuộc kháng chiến chống xâm lược dưới sự lãnh đạo của Đảng đã được Đảng, Nhà nước và Nhân dân đặc biệt quan tâm. Bảo tàng Hồ Chí Minh và hệ thống các khu di tích, tưởng niệm Hồ Chí Minh đã được đầu tư, nâng cấp trên phạm vi cả nước đã góp phần quan trọng vào việc giáo dục, bồi dưỡng tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh cho cán bộ, đảng viên và nhân dân, góp phần giới thiệu hình ảnh Anh hùng giải phóng dân tộc vĩ đại và Danh nhân văn hóa kiệt xuất Hồ Chí Minh với bạn bè quốc tế. Các khu di tích lịch sử cách mạng như An toàn khu (ATK) ở Thái Nguyên, Tuyên Quang; Khu di tích Trung ương Cục miền Nam ở Tây Ninh; di tích Nhà tù Sơn La; Nhà tù Côn Đảo; Nhà tù Phú Quốc; Nghĩa trang liệt sĩ Trường Sơn; Địa đạo Củ Chi - Thành phố Hồ Chí Minh; Địa đạo Vĩnh Mốc - Vĩnh Linh cùng hệ thống các di tích lịch sử cách mạng đã góp phần giáo dục truyền thống cách mạng hào hùng của dân tộc cho các thế hệ con người Việt Nam hiện nay. Hệ thống tượng đài kỷ niệm các danh nhân văn hóa, các anh hùng, liệt sĩ tiêu biểu của đất nước trên khắp các miền của Tổ quốc đã trở thành một phần quan trọng trong việc truyền bá và giáo dục truyền thống yêu nước và cách mạng.

Trên lĩnh vực văn học, nghệ thuật, trong hơn 30 năm đổi mới, văn học, nghệ thuật nước nhà đã tham gia tích cực đời sống chính trị của đất nước. Đội ngũ trí thức văn nghệ sĩ tuyệt đại đa số trung thành với sự nghiệp cách mạng do Đảng lãnh đạo, tin tưởng vào đường lối đổi mới đúng đắn của Đảng và sự quản lý của Nhà nước, tiếp tục tìm tòi, suy nghĩ, đổi mới, sáng tạo phục vụ nhu cầu tinh thần của Nhân dân, đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ chính trị. Hàng loạt công trình sưu tầm, nghiên cứu về lĩnh vực văn học, nghệ thuật của đồng bào các dân tộc được công bố và quảng bá đã góp phần quan trọng vào việc bảo tồn di sản nghệ thuật độc đáo và đặc sắc của các dân tộc. Nhiều tác phẩm văn học, sân khấu, điện ảnh đã quan tâm đến các đề tài lịch sử, đề tài chiến tranh cách mạng, phản ánh hiện thực sinh động của dân tộc trong cuộc chiến đấu chống xâm lược, bảo vệ Tổ quốc. Các chương trình truyền hình trực tiếp các sự kiện liên hoan văn nghệ về đề tài lịch sử cách mạng, giới thiệu và quảng bá, lan tỏa các “bài hát đi cùng năm tháng”, tổ chức truyền hình trực tiếp các sự kiện kỷ niệm những ngày lễ lớn của dân tộc, của cách mạng... đã truyền cảm hứng sôi động vào các tầng lớp nhân dân, cổ vũ tinh thần tự hào dân tộc, góp phần xây dựng nhân cách và bản lĩnh của con người Việt Nam trong xây dựng đất nước hiện nay.

- Các lĩnh vực văn hóa và các hoạt động văn hóa tham gia tích cực vào bảo đảm sự thống nhất về tư tưởng chính trị trên lĩnh vực văn hóa, tạo sự đồng thuận dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Trong quá trình xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, Đảng ta đã khẳng định: “*Tiên tiến là yêu nước và tiến bộ mà nội dung cốt lõi là*

lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội theo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, nhằm mục tiêu tất cả vì con người, vì hạnh phúc và sự phát triển phong phú, tự do, toàn diện của con người trong mối quan hệ hài hòa giữa cá nhân và cộng đồng, giữa xã hội và tự nhiên”¹.

Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, hệ tư tưởng chính trị là cốt lõi của nền văn hóa, nó có vai trò định hướng, đánh giá và điều chỉnh các hoạt động văn hóa nhằm mục tiêu phục vụ sự nghiệp cách mạng của dân tộc. Với tư cách là một bộ phận quan trọng trong sự nghiệp đổi mới, việc xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam phải tham gia tích cực vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc dựa trên lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội theo chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Các lĩnh vực văn hóa và các hoạt động văn hóa phải góp phần củng cố nền tảng tư tưởng của Đảng, tạo nên sự thống nhất và đồng thuận trong xã hội để thực hiện mục tiêu của sự nghiệp đổi mới.

Trong quá trình xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, thời gian vừa qua, các lĩnh vực văn hóa và các hoạt động văn hóa đã bám sát mục tiêu và nhiệm vụ chính trị mà Đảng và Nhà nước đề ra, thông qua chức năng và đặc thù của từng loại hình văn hóa, nghệ thuật, luôn luôn đề cao tinh thần trách nhiệm trước nhân dân, dân tộc và thời đại, hướng các hoạt động văn hóa vào xây dựng con người và môi trường văn hóa lành mạnh, tạo động lực tinh thần để xây dựng và phát triển bền vững đất nước.

Vấn đề xây dựng con người được Đảng, Nhà nước, các đoàn thể chính trị - xã hội và nhân dân thường xuyên quan tâm,

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sdd, t.57, tr.304.*

đặc biệt là tập trung vào xây dựng tư tưởng, đạo đức, lối sống, nếp sống lành mạnh. Phong trào “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” đã có tác động mạnh mẽ đến các tổ chức đảng, cơ quan nhà nước, đoàn thể chính trị - xã hội và toàn thể nhân dân, tạo nên sự chuyển biến và nâng cao ý thức chính trị, trách nhiệm xã hội, làm xuất hiện nhiều tấm gương tiêu biểu trên tất cả các lĩnh vực khác nhau, góp phần ngăn chặn những biểu hiện tham nhũng, quan liêu, lãng phí và các tiêu cực xã hội khác.

Các cuộc vận động về xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh không chỉ đáp ứng nhu cầu văn hóa đa dạng ngày càng tăng lên của các tầng lớp nhân dân mà còn góp phần vào củng cố an ninh, trật tự, an toàn xã hội, ổn định chính trị và tạo sự thống nhất, đồng thuận trong Nhân dân để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Các hoạt động văn học, nghệ thuật đã phát huy vai trò của mình trong việc phản ánh sinh động hiện thực đổi mới của đất nước, tái hiện lịch sử kiên cường, bất khuất của dân tộc, phản ánh những tấm gương tiêu biểu, những nhân tố tích cực trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Tiếp cận hiện thực mới, nhiều văn nghệ sĩ đã đi sâu vào phản ánh các vấn đề về đạo đức, nhân cách, phản ánh và cảnh báo sự tha hóa về tư tưởng, đạo đức, lối sống; đồng thời góp tiếng nói quan trọng vào bảo vệ chủ quyền biên giới, biển, đảo của Tổ quốc.

Thực hiện Đề án Khuyến khích sáng tác và công bố tác phẩm văn học, nghệ thuật có giá trị cao về tư tưởng và nghệ thuật, phản ánh cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và chống Mỹ, cứu nước, giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước giai đoạn 1930 - 1976, chúng ta đã in và phát hành 12 đầu

sách với hơn 30.000 bản (gồm 05 tiểu thuyết, 04 tập hồi ký, 03 tập trường ca)¹.

Lĩnh vực mỹ thuật, nhiếp ảnh và triển lãm cũng đã có những đóng góp tích cực trong việc khẳng định bản sắc bản lĩnh văn hóa Việt Nam, khẳng định những sự kiện, những con người tiêu biểu của dân tộc, của đất nước thông qua các tượng đài, các cuộc triển lãm thu hút được sự quan tâm đông đảo của Nhân dân trong nước và bạn bè quốc tế.

Nhiều chương trình nghệ thuật phục vụ các sự kiện chính trị, văn hóa, thể thao đã được tổ chức thành công, có sức lan tỏa lớn trong xã hội. Tiêu biểu là các chương trình nghệ thuật chào năm mới, Kỷ niệm 110 năm ngày sinh Tổng Bí thư Trường Chinh (1907 - 2017); Kỷ niệm 110 năm ngày sinh Tổng Bí thư Lê Duẩn (1907 - 2017); Chương trình biểu diễn nghệ thuật phục vụ các đại biểu Quốc hội dự Kỳ họp thứ ba, tư khóa XIV; Chuỗi chương trình nghệ thuật phục vụ Tuần lễ cấp cao APEC tại Đà Nẵng (2017)... Nhiều chương trình nghệ thuật của các tỉnh, thành phố đã tổ chức thành công tại các địa điểm đông dân cư phục vụ Nhân dân trong những ngày lễ lớn của dân tộc, của địa phương đã được Nhân dân đón nhận rộng rãi.

Điện ảnh là lĩnh vực phát triển mạnh mẽ trong hơn 30 năm đổi mới. Theo số liệu của Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch năm 2018, số lượng phòng chiếu phim trên phạm vi cả nước là 901 phòng với hơn 130.900 ghế, ước tính doanh thu từ rạp chiếu phim đạt 3.500 tỷ đồng...². Nhiều bộ phim do Nhà nước

1. Xem Ban Tuyên giáo Trung ương: *Báo cáo số 247-BC/BTGTW tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW của Bộ Chính trị (khóa X) “Về tiếp tục xây dựng và phát triển văn học, nghệ thuật trong thời kỳ mới”*.

2. Xem Gia Linh: *Điện ảnh Việt 2018 - Một năm nhìn lại*, trang thông tin điện tử Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, ngày 08/02/2019.

đặt hàng và tài trợ sản xuất bảo đảm phục vụ nhiệm vụ chính trị, có giá trị tư tưởng và nghệ thuật, thấm nhuần tinh thần dân tộc, nhân văn, dân chủ, có ý nghĩa tích cực trong việc giáo dục tư tưởng, đạo đức, xây dựng con người. Các đội chiếu phim lưu động vẫn có đóng góp tích cực đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng biên giới, hải đảo. Cả nước hiện có 277 đội chiếu bóng lưu động, phục vụ khoảng 12 triệu lượt khán giả vùng miền núi và hải đảo. Các đội chiếu bóng lưu động này không chỉ đáp ứng nhu cầu giải trí, nhu cầu thẩm mỹ, nghệ thuật của người dân mà còn có vai trò quan trọng trong việc tuyên truyền đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đến vùng đồng bào dân tộc thiểu số, củng cố niềm tin của đồng bào vào sự lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước, tham gia vào đấu tranh chống các luận điệu phản động, thù địch, lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo để chống phá, gây rối trật tự an ninh ở địa phương.

Đồng thời, các kỳ Liên hoan phim Việt Nam, Liên hoan phim quốc tế Hà Nội, Giải thưởng điện ảnh ASEAN được tổ chức thành công tại Việt Nam cùng các Tuần phim Việt Nam ở nước ngoài đã góp phần quảng bá hình ảnh văn hóa và con người Việt Nam ra thế giới, góp phần nâng cao uy tín chính trị và vị thế Việt Nam thông qua văn hóa đối ngoại¹.

Một trong những lĩnh vực đóng vai trò đặc biệt quan trọng trong việc tuyên truyền đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đối với Nhân dân là lĩnh vực

1. Năm 2017, chúng ta đã tổ chức Những ngày phim Việt Nam tại Hàn Quốc; tổ chức các sự kiện điện ảnh tại Liên hoan phim quốc tế Cannes và gian hàng phim Việt Nam tại Liên hoan phim Cannes; Tuần phim Việt Nam tại Tây Ban Nha; Những ngày phim Việt Nam tại Nga, tại Vácxava (Ba Lan)...

truyền thông đại chúng. Trong hơn 30 năm đổi mới, các phương tiện truyền thông đại chúng ở nước ta đã phát triển mạnh mẽ với nhiều loại hình khác nhau (báo chí, phát thanh và truyền hình, các phương tiện truyền thông mới như internet, điện thoại thông minh). Các phương tiện truyền thông đã tích cực tham gia vào quá trình tuyên truyền, giới thiệu đường lối đổi mới của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, cổ vũ, động viên Nhân dân tích cực tham gia vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Chương trình thời sự của VTV1 Đài Truyền hình Việt Nam được đại đa số người dân Việt Nam ở trong nước và nước ngoài quan tâm.

Hệ thống các phương tiện truyền thông mới đã phát huy tính năng động, sáng tạo, cập nhật thông tin đến công chúng một cách nhanh nhạy, chính xác, thực hiện quyền tự do ngôn luận gắn liền với tôn trọng luật pháp, thực hiện mục đích, tôn chỉ của cơ quan báo chí.

Các phương tiện truyền thông đại chúng đã thực sự trở thành cơ quan ngôn luận của Đảng và Nhà nước, diễn đàn của Nhân dân, tham gia vào quá trình bảo đảm sự thống nhất về tư tưởng chính trị, tạo sự đồng thuận xã hội trong công cuộc xây dựng và phát triển đất nước, nâng cao trình độ văn hóa chính trị cho Nhân dân.

- Các lĩnh vực văn hóa và các hoạt động văn hóa đã tham gia tích cực vào đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng lý luận của Đảng, đấu tranh, phản bác các luận điệu thù địch, xuyên tạc, chống phá sự nghiệp đổi mới.

Trước hết, cần nhận thức rõ âm mưu chống phá của các thế lực thù địch đối với sự nghiệp đổi mới dưới sự lãnh đạo của Đảng là nhằm xóa bỏ chế độ xã hội chủ nghĩa, từ đó thay đổi chế độ chính trị hoặc làm cho đất nước suy thoái, phủ định nền tảng tư tưởng lý luận của Đảng, tấn công vào chủ

nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, chia rẽ nội bộ trong Đảng, Nhà nước và khối đại đoàn kết toàn dân bằng các quan điểm sai trái, thù địch. Đây là một mũi nhọn trong hoạt động “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch, phản động chống phá cách mạng Việt Nam. Đứng trước sự bùng nổ của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ và “chiến tranh thông tin”, “chiến tranh mạng” trên toàn cầu, âm mưu “diễn biến hòa bình” và sự tấn công vào nền tảng tư tưởng của Đảng có những điểm đáng quan tâm:

Lực lượng thù địch nước ngoài không chỉ là các thế lực thù địch, phản động ở các nước tư bản, mà còn cả ở nước theo chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi, chủ nghĩa dân tộc nước lớn, bá quyền, bành trướng. Theo đó, động cơ chống phá đã chuyển từ đấu tranh ý thức hệ là chính sang đấu tranh vì lợi ích dân tộc cục bộ là chính.

Bên cạnh những phần tử phản động, cực đoan người Việt ở trong và ngoài nước (số ngụy quân, ngụy quyền của chế độ cũ, chức sắc tôn giáo cực đoan, những phần tử phản động), còn có cả một số phần tử cơ hội chính trị trong nước và một số phần tử “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”, trong đó có cả cán bộ đã từng là lãnh đạo, quản lý suy thoái, biến chất, dẫn đến “trở cờ”; một số cán bộ, đảng viên, trí thức, văn nghệ sĩ, thanh niên do bị lôi kéo, do thiếu thông tin đã thể hiện những quan điểm cá nhân sai trái với chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Về phương thức hoạt động, các thế lực chống phá cách mạng Việt Nam đã chuyển trọng tâm từ *bên ngoài vào bên trong*, thúc đẩy các hoạt động chống đối từ bên trong nội địa, trong nội bộ, tại chỗ là chính. Chúng tăng cường liên kết trong nước và nước ngoài, móc nối, xây dựng tổ chức ở trong nước, liên kết với các tôn giáo, kêu gọi thành lập các hội,

đoàn, nhóm, câu lạc bộ mang danh “xã hội dân sự” (Văn đoàn độc lập, Hội nhà báo độc lập, Công đoàn độc lập, mạng lưới blogger, Hội phụ nữ nhân quyền, v.v.).

Các thế lực thù địch tăng cường sử dụng các phương tiện truyền thông truyền thống, sử dụng các phương tiện thông tin đại chúng như xuất bản, báo chí ở nước ngoài, sử dụng băng đĩa, băng hình rồi chuyển vào trong nước, sử dụng các đài truyền hình, phát thanh ở nước ngoài, phát các chương trình tiếng Việt nhằm vào Việt Nam (RFI, BBC,...). Gần đây, chúng triệt để lợi dụng không gian mạng để phát tán thông tin xấu, độc, chống phá hệ tư tưởng, kích động “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”, lợi dụng các vấn đề dân tộc, tôn giáo, “dân chủ”, “nhân quyền” để chia rẽ, gây mất đoàn kết trong Nhân dân.

Tính chất nguy hiểm và tác hại từ sự chống phá của các thế lực thù địch, phản động, cơ hội chính trị là gây nhiễu loạn thông tin, hoang mang, dao động dẫn đến suy giảm niềm tin của cán bộ và nhân dân vào Đảng, Nhà nước, làm xuất hiện những quan điểm trái chiều, xa rời tôn chỉ, mục tiêu của Đảng, phủ nhận đường lối cách mạng, phủ nhận sự lãnh đạo của Đảng. Chúng kích động, gây mất ổn định về chính trị - xã hội, kích động khiêu khích đông người, thậm chí gây bạo loạn xã hội, phá hoại về kinh tế, chính trị, hạ uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế¹.

1. Trong năm 2014 xuất hiện “Thư ngỏ” của 61 đảng viên đòi thay đổi, phủ định Cương lĩnh, phủ nhận thành tựu 30 năm đổi mới. Một số văn nghệ sĩ, trí thức đòi tự do sáng tạo công bố “hồi ký”, “tùy bút”, “tiểu thuyết” (ví dụ như “Đỉnh cao chói lọi”, “Hồi ký một thằng hèn”, “Bên thắng cuộc”, “Đèn cù”, “Mối chúa”), website, blog, facebook để đăng tải thông tin xuyên tạc, vu cáo, v.v..

- *Những thành tựu của văn hóa tham gia vào cuộc đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, phản bác, phê phán các quan điểm sai trái thù địch:*

+ Công tác đấu tranh được tổ chức một cách chặt chẽ, có hệ thống, bảo đảm sự lãnh đạo thống nhất của Đảng, quản lý của Nhà nước.

Để thực hiện chủ trương của Đảng về tăng cường đấu tranh chống âm mưu, hoạt động “diễn biến hòa bình” trên lĩnh vực tư tưởng, văn hóa nói chung, phản bác lại quan điểm sai trái, thù địch tấn công vào nền tảng tư tưởng của Đảng nói riêng, Ban Bí thư và Chính phủ đã thành lập một số ban chỉ đạo như: Ban Chỉ đạo đấu tranh chống “diễn biến hòa bình” trên lĩnh vực tư tưởng, văn hóa của Trung ương (gọi tắt là Ban Chỉ đạo 94); Ban Chỉ đạo 609 đấu tranh trên mặt trận lý luận; Ban Chỉ đạo Đề án 213 đấu tranh trên lĩnh vực văn học, nghệ thuật; Ban Chỉ đạo công tác thông tin đối ngoại; Ban Chỉ đạo về nhân quyền của Chính phủ. Trong đó Ban Chỉ đạo 94 và Ban Chỉ đạo về nhân quyền được thành lập từ Trung ương đến cấp tỉnh (đang chỉ đạo xây dựng tới cấp huyện) tổ chức theo hệ thống dọc, vừa có nhiệm vụ đấu tranh chống các quan điểm sai trái thù địch trên lĩnh vực tư tưởng, lý luận, nhân quyền; vừa trực tiếp lên án, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, đấu tranh chống các thông tin xấu, độc trên internet và mạng xã hội.

Các ban chỉ đạo này đã có sự phối hợp chặt chẽ với các bộ, ban, ngành và các địa phương, các ban tuyên giáo và cơ quan văn hóa, truyền thông, bảo đảm cung cấp thông tin và tổ chức các hoạt động cụ thể để đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, phản bác, phê phán các quan điểm sai trái, thù địch.

Hiện nay, Ban Tuyên giáo Trung ương đang tích cực triển khai Đề án Chủ động thông tin tích cực trên internet, mạng xã hội; Bộ Công an xây dựng Chiến lược an ninh mạng quốc gia, Bộ Quốc phòng xây dựng Chiến lược quốc phòng, Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trên không gian mạng, thành lập Bộ Tư lệnh tác chiến không gian mạng; ban hành Chỉ thị số 823-CT/QUTW, ngày 10/9/2017 về tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo, phòng, chống “diễn biến hòa bình” trên lĩnh vực tư tưởng, văn hóa trong Quân đội. Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch, Bộ Thông tin và Truyền thông, Đài Tiếng nói Việt Nam, Báo Nhân Dân, Báo Quân đội nhân dân đã đồng loạt vào cuộc tham gia vào tuyên truyền đường lối, chính sách của Đảng, phản bác lại các luận điệu xuyên tạc, thù địch của các thế lực phản động.

+ Các hoạt động văn hóa đã tham gia chủ động, tích cực trong đấu tranh, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, phê phán, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trên lĩnh vực văn hóa, văn học - nghệ thuật, báo chí, xuất bản.

Hàng loạt các cơ quan báo chí, xuất bản đã có những bài báo, phóng sự, chuyên đề tập trung khẳng định những quan điểm đúng đắn, khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, khẳng định bản chất khoa học và cách mạng trong đường lối đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Nhiều công trình nghiên cứu về chủ nghĩa Mác - Lênin, về tư tưởng Hồ Chí Minh, về đường lối đổi mới của Đảng đã được nghiên cứu và xuất bản, góp phần khẳng định cơ sở lý luận, nền tảng tư tưởng lý luận của Đảng. Các chương trình nghiên cứu về khoa học lý luận chính trị qua các giai đoạn từ năm 1991 đến nay là một kho tài liệu cung cấp tri thức phong phú, đa dạng về cơ sở lý luận và thực tiễn đổi mới của

Đảng và Nhà nước ta. Các cuộc thảo, tọa đàm khoa học quốc gia và quốc tế đã làm rõ bản chất khoa học và cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong thời đại ngày nay. Tiêu biểu là các cuộc hội thảo “Hội thảo quốc tế kỷ niệm 170 năm Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản” (tháng 3/2018); Hội thảo quốc tế lần thứ năm về chủ nghĩa xã hội với chủ đề “Vận dụng chủ nghĩa Mác - Lênin trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội”; Hội thảo “85 năm Đảng Cộng sản Việt Nam phát triển và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào thực tiễn Việt Nam”; Hội thảo “Đấu tranh chống các quan điểm luận điệu xuyên tạc chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh”... Kết quả của những công trình, những cuộc hội thảo này đã làm sâu sắc hơn những vấn đề lý luận, chính trị trong công tác giảng dạy, giáo dục tuyên truyền lý luận chính trị, phổ biến rộng rãi thông qua các cơ quan báo chí, phát thanh và truyền hình, góp phần nâng cao tri thức lý luận cho Nhân dân, làm cơ sở cho công tác đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng và chống các luận điệu sai trái, thù địch.

Trên lĩnh vực văn học - nghệ thuật, công tác lý luận phê bình văn học - nghệ thuật đã được củng cố và góp phần tích cực vào đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch. Một số vấn đề cơ bản của lý luận văn nghệ được nghiên cứu và lý giải sâu sắc hơn như mối quan hệ giữa văn nghệ với chính trị, giữa hiện thực và nghệ thuật, giữa tự do, dân chủ trong sáng tạo và trách nhiệm công dân của người nghệ sĩ. Các quan điểm mỹ học mácxít được nhìn nhận lại một cách toàn diện, đa chiều, bao dung những bảo đảm tính nguyên tắc chung của nền nghệ thuật cách mạng. Phê bình văn học, nghệ thuật

đã góp phần khắc phục lối phê bình xã hội học dung tục, võ đoán, quy chụp hoặc trì trệ, bảo thủ. Đồng thời lý luận phê bình văn học, nghệ thuật đã tham gia tích cực trong đấu tranh với những khuynh hướng tư tưởng cực đoan, đối lập văn nghệ với chính trị, phủ nhận thành tựu văn nghệ cách mạng, xuyên tạc sự thật lịch sử, tuyệt đối hóa hình thức nghệ thuật, v.v..

Hoạt động của các hội văn học, nghệ thuật ở Trung ương và địa phương đã từng bước được củng cố, đổi mới. Theo thống kê của Liên hiệp các Hội văn học, nghệ thuật Việt Nam, trong 10 năm thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW, ngày 16/6/2008 của Bộ Chính trị khóa X “Về tiếp tục xây dựng và phát triển văn học, nghệ thuật trong thời kỳ mới” (2008 - 2018), các hội văn học, nghệ thuật chuyên ngành ở Trung ương đã kết nạp được hơn 3.800 hội viên mới, đưa tổng số lên thành 19.000 hội viên; hội viên hội văn học, nghệ thuật ở các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương là gần 23.000 người¹.

Công tác bồi dưỡng, nâng cao trình độ lý luận chính trị cho các hội viên hội văn học, nghệ thuật các cấp được quan tâm. Từ năm 2009 đến nay, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh đã xây dựng và triển khai thực hiện Đề án “Xây dựng chương trình, nội dung đào tạo về văn học, nghệ thuật trong các trường chính trị - hành chính”. Đưa nội dung giảng dạy về những vấn đề lý luận cơ bản về văn học, nghệ thuật cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý chủ chốt của

1. Xem Ban Tuyên giáo Trung ương: *Báo cáo số 247-BC/BTGTW, ngày 21/8/2018 tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW của Bộ Chính trị (khóa X) “Về tiếp tục xây dựng và phát triển văn học, nghệ thuật trong thời kỳ mới”*.

Đảng, Nhà nước và các đoàn thể chính trị - xã hội các cấp. Hội đồng Lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật Trung ương đã tổ chức 9 cuộc hội thảo khoa học toàn quốc; 15 lớp tập huấn dành cho đội ngũ cán bộ quản lý, văn nghệ sĩ, những người trực tiếp làm công tác lý luận, phê bình và sáng tạo văn hóa, nghệ thuật tham gia¹.

Vấn đề đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động của các hội văn học, nghệ thuật, nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị và chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ lý luận, phê bình, sáng tạo văn học, nghệ thuật trên đã góp phần nâng cao chất lượng của công tác đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, phản bác các luận điểm sai trái, thù địch của các thế lực thù địch, cơ hội chính trị, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ. Điều này rất đúng với nhận xét của GS.TS. Đinh Xuân Dũng khi cho rằng: “Giải pháp nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò của lý luận phê bình văn học trong đời sống đương đại là “giải pháp tổng quát nhất” đối với vấn đề củng cố, phát triển đội ngũ lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật ở nước ta hiện nay”². Đây cũng là vấn đề then chốt để phát huy vai trò của các loại hình văn học, nghệ thuật tham gia vào đời sống chính trị - xã hội, khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng, củng cố niềm tin của xã hội vào con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội, đấu tranh, phản bác những quan điểm sai trái, phản động, thù địch hiện nay.

1. Xem Ban Tuyên giáo Trung ương: *Báo cáo số 247-BC/BTGTW, ngày 21/8/2018 tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW của Bộ Chính trị (khóa X) “Về tiếp tục xây dựng và phát triển văn học, nghệ thuật trong thời kỳ mới”*.

2. GS.TS. Đinh Xuân Dũng: *Văn nghệ với người lính và thời cuộc, Tập lý luận, phê bình*, Nxb. Lao động, Hà Nội, 2018, tr.266.

Như vậy, các lĩnh vực văn hóa và các hoạt động văn hóa, đặc biệt là công tác xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở cùng các cơ quan truyền thông đại chúng, các lĩnh vực văn học, nghệ thuật đã tham gia vào cuộc đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, phản bác, phê phán, lên án các quan điểm sai trái, thù địch của các thế lực phản động, cơ hội chính trị và các phần tử thoái hóa, biến chất, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”, góp phần quan trọng vào khẳng định giá trị khoa học, cách mạng và tiến bộ của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, củng cố niềm tin của cán bộ, đảng viên, niềm tin của đội ngũ trí thức, văn nghệ sĩ và nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của Nhà nước. Sự tham gia của các lĩnh vực văn hóa này đã góp phần cùng các ngành, các cấp khắc hạn chế tối đa những tác động tiêu cực từ hoạt động chống phá của các thế lực, phản động. Từ đó, góp phần giữ vững môi trường hòa bình, ổn định chính trị - xã hội, tạo điều kiện để xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc, nâng cao vị thế và uy tín của Việt Nam trong khu vực và trên thế giới.

b) Những hạn chế, bất cập

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức, phối hợp giữa các lực lượng văn hóa còn nhiều yếu kém, bất cập.

Theo đánh giá của Ban Tuyên giáo Trung ương, công tác lãnh đạo, chỉ đạo của các cơ quan chức năng ở Trung ương còn thiếu thống nhất và chồng chéo. Cuộc đấu tranh trên lĩnh vực bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng do ba ban chỉ đạo Trung ương khác nhau (Ban Chỉ đạo 94, Ban Chỉ đạo 609 và Ban Chỉ đạo Đề án 213) vừa trùng lặp về nhiệm vụ, vừa khó phối hợp tổ chức các hoạt động dẫn đến hiệu quả chưa cao.

Trong một thời gian dài, chúng ta chưa quan tâm, ngăn chặn, xử lý những ý kiến, bài viết trái với chủ trương, đường lối của Đảng trong cán bộ, đảng viên. Công tác kiểm tra, xử lý kỷ luật phát ngôn trong nội bộ cán bộ, đảng viên có biểu hiện xem nhẹ hơn so với việc phát hiện, xử lý kỷ luật về những sai phạm trong hoạt động kinh tế và sai phạm về đạo đức, lối sống.

Sự phối hợp giữa các cơ quan nghiên cứu lý luận, thông tấn, báo chí, tuyên truyền, văn hóa, văn nghệ ở các ban, bộ, ngành, hội ở Trung ương và địa phương chưa chặt chẽ, đồng bộ.

Chế độ cung cấp thông tin còn chưa kịp thời, chưa đầy đủ đến đội ngũ cán bộ, tổ chức, lực lượng đấu tranh, phản bác.

Nhiều công nghệ mới trên lĩnh vực thông tin, tuyên truyền quảng bá chưa được đầu tư. Phương tiện, công nghệ đấu tranh còn lạc hậu.

- Nội dung, hình thức, chất lượng tham gia của các lĩnh vực văn hóa vào đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, phản bác các quan điểm trái chiều, thù địch còn hạn chế.

Sự tham gia của các hoạt động văn hóa mới dừng lại ở tuyên truyền, quan điểm, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước, cổ vũ, động viên Nhân dân tham gia vào các hoạt động kinh tế - xã hội. Công tác đấu tranh trực diện, kịp thời trên lĩnh vực tư tưởng, văn hóa, văn nghệ chưa được coi trọng đúng mức. Đội ngũ lý luận, phê bình trên lĩnh vực, văn hóa, nghệ thuật, báo chí còn thiếu thông tin, ngại va chạm, thậm chí né tránh những cuộc tranh luận phản bác các ý kiến trái chiều. Hình thức đấu tranh phản bác chưa thực sự sinh động, phong phú, chủ yếu vẫn là bút chiến, luận

chiến trên các báo in, tạp chí, báo điện tử, còn ít các chương trình bình luận, nhận diện, phê phán trực tiếp trên các sóng, kênh phát thanh, truyền hình, trên internet và mạng xã hội.

- Công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ lý luận văn hóa, văn nghệ, báo chí, xuất bản chuyên trách tham gia vào công tác đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch còn bất cập.

Hiện nay, trên lĩnh vực văn hóa, văn nghệ, báo chí, công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ chủ lực tham gia vào mặt trận này còn nhiều yếu kém. Việc sử dụng đội ngũ này mang tính chất thời vụ, chưa có kế hoạch, quy hoạch lâu dài, bài bản. Chế độ trách nhiệm cũng như chính sách đãi ngộ cho đội ngũ này còn hạn chế. Tính chuyên nghiệp của các cây bút sắc sảo trên lĩnh vực này chưa nhiều. Tâm lý e ngại, né tránh tham gia vào cuộc đấu tranh này còn nặng nề. Từ đó dẫn đến hiệu quả của cuộc đấu tranh chưa cao.

II- THỰC TRẠNG VĂN HÓA TRONG KINH TẾ Ở VIỆT NAM

1. Môi trường văn hóa kinh doanh ở Việt Nam hiện nay

Năm 2006, Việt Nam chính thức trở thành thành viên của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO), các doanh nghiệp Việt Nam bước vào sân chơi toàn cầu, nhiều cơ hội mở ra nhưng cũng đầy những khó khăn, thử thách. Năm 2015, Việt Nam gia nhập Cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC). Năm 2016, Việt Nam đã cùng các nước tham gia đàm phán và ký Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP). Đến tháng 01/2017, Hoa Kỳ tuyên bố rút khỏi TPP, khiến TPP không thể đáp ứng điều kiện có hiệu lực như dự kiến ban đầu.

Tháng 11/2017, các nước ra Tuyên bố chung đổi TPP thành CPTPP - Hiệp ước đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương. CPTPP được ký chính thức tháng 3/2018, Việt Nam là một trong những thành viên chính thức của Hiệp định. Trong điều kiện đó, khi các sản phẩm không khác nhau nhiều về chất lượng thì cạnh tranh trên thị trường thực chất là cạnh tranh về sắc thái văn hóa kinh doanh, về thương hiệu, về chất lượng dịch vụ. Vì vậy, văn hóa kinh doanh trước hết cần phải được thấm đẫm trong các hoạt động của doanh nghiệp vì doanh nghiệp là nơi trực tiếp làm ra sản phẩm, dịch vụ cho xã hội. Hơn bao giờ hết, vấn đề xây dựng và phát triển môi trường văn hóa kinh doanh trong các doanh nghiệp Việt Nam đang là một vấn đề hết sức cần thiết.

Kể từ khi ban hành Luật doanh nghiệp đầu năm 2000, các doanh nghiệp Việt Nam không ngừng gia tăng về số lượng và chất lượng. Đến thời điểm ngày 31/12/2018, số doanh nghiệp hoạt động cả nước là 714.755 doanh nghiệp, đặc biệt số doanh nghiệp thành lập mới tăng nhanh. Trong 3 năm 2016 - 2018, số doanh nghiệp thành lập mới, mỗi năm đều trên 100 nghìn doanh nghiệp¹.

Điều đầu tiên là ghi nhận sự quan tâm của chính quyền đối với việc đưa yếu tố văn hóa vào hoạt động sản xuất kinh doanh, ngày 26/9/2016 Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 1846/QĐ-TTg lấy ngày 10/11 hằng năm là “Ngày văn hóa doanh nghiệp Việt Nam”, khẳng định vai trò, vị trí và tầm quan trọng của văn hóa doanh nghiệp; nhằm tuyên truyền, phổ biến và nâng cao nhận thức về văn hóa doanh

1. Xem Bộ Kế hoạch và Đầu tư: *Sách trắng doanh nghiệp Việt Nam năm 2019*, Nxb. Thống kê, Hà Nội, 2019, tr.25, 45.

ng nghiệp, thúc đẩy việc xây dựng và phát triển văn hóa doanh nghiệp trong cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam và trong toàn xã hội. Tôn vinh các doanh nhân, doanh nghiệp có thành tích xuất sắc trong việc xây dựng và phát triển văn hóa doanh nghiệp; góp phần tạo môi trường kinh doanh với tinh thần thượng tôn pháp luật, đề cao đạo đức kinh doanh, trách nhiệm xã hội và cạnh tranh lành mạnh, đóng góp cho sự phát triển bền vững đất nước và hội nhập quốc tế.

Trong thời gian qua, do môi trường kinh doanh ngày càng được cải thiện, giao lưu văn hóa trong hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, không ít doanh nghiệp Việt Nam đã có những thay đổi nhất định từ nhận thức đến hành động trong xây dựng văn hóa doanh nghiệp. Các doanh nghiệp bước đầu gia nhập được môi trường kinh doanh quốc tế, chú trọng khẳng định văn hóa doanh nghiệp, thể hiện cả ở các yếu tố vô hình như: triết lý kinh doanh, chiến lược phát triển, sứ mệnh, tầm nhìn, các giá trị cốt lõi, lẫn các yếu tố hữu hình: logo, slogan, kiến trúc nội, ngoại thất, mẫu mã sản phẩm... Đã xuất hiện không ít doanh nghiệp tạo được bản sắc riêng, giành được thiện cảm của khách hàng, gắn lợi ích của doanh nghiệp với lợi ích cộng đồng, có ảnh hưởng tốt tới xã hội và đất nước như: Vinamilk, Vingroup, Petro, Mobifone, FPT, Viettel, May 10, Traphaco, Trung Nguyên, Vietsoftware... Năm 2016, Tạp chí Forbes châu Á công bố danh sách thường niên 50 công ty niêm yết tốt nhất châu Á - Thái Bình Dương (FAB 50), trong đó Công ty sữa Việt Nam (Vinamilk) lần đầu góp mặt vào danh sách này. Năm 2019, Tạp chí Forbes châu Á công bố danh sách 200 công ty có doanh thu trên 1 tỷ đôla tốt nhất châu Á. Thái Bình Dương, Vinamilk cũng là công ty duy nhất của Việt Nam được bình chọn vào danh sách này.

Quy mô doanh nghiệp mở rộng cùng với đó là môi trường làm việc của các doanh nghiệp đã được chăm lo. Năm 2016, theo khảo sát của Công ty chuyên lĩnh vực nhân sự Anphabe và Công ty nghiên cứu thị trường Nielsen, đã công bố kết quả “100 nơi làm việc tốt nhất Việt Nam”. Unilever lần thứ tư liên tiếp xếp vị trí thứ nhất. Xếp ở vị trí thứ hai đó là Vinamilk, tiếp đó là Nestlé Vietnam, Microsoft, IBM Vietnam, Vietcombank, Viettel, FPT... Ở hạng mục “Nơi làm việc tốt nhất theo ngành nghề” có Prudential Vietnam (Bảo hiểm), Mercedes-Benz Vietnam (Ôtô/Phụ tùng), Abbott (Dược/Công nghệ sinh học/Chăm sóc sức khỏe), Viettel (Công nghệ thông tin/Viễn thông). Ở hạng mục, “Thương hiệu nhà tuyển dụng hấp dẫn nhất”, Vinamilk tiếp tục được bình chọn với tiêu chí lương, thưởng, phúc lợi; Unilever nhận giải đôi ở phần cơ hội phát triển và lãnh đạo - quản lý. Ở tiêu chí “Văn hóa và môi trường”, Intel Vietnam là thương hiệu nhà tuyển dụng dẫn đầu; Nestlé được bình chọn là thương hiệu nhà tuyển dụng hấp dẫn nhất ở cả hai tiêu chí chất lượng công việc, cuộc sống, danh tiếng công ty. Doanh nghiệp tiêu biểu có nguồn nhân lực hạnh phúc (nhân viên thật sự gắn kết với công ty trong cả suy nghĩ, cảm nhận) có Novaland, KPMG Vietnam, VP Bank, AIA Vietnam và Nike Vietnam. Năm 2018, danh sách những nơi làm việc tốt nhất Việt Nam cũng theo khảo sát trên, bao gồm những tên tuổi hàng đầu như: Vinamilk, Vietcombank, Nestlé Vietnam, Samsung Vina Electronics, Viettel Group, Coca Cola...

Các doanh nghiệp lớn cũng đồng thời là những doanh nghiệp có “văn hóa riêng”, tạo được môi trường làm việc thân thiện, công bằng cho nhân viên. Yếu tố văn hóa trong kinh doanh đã được khẳng định hơn bao giờ hết. Điều này thể

hiện rõ trong doanh nghiệp FPT khi họ có đội ngũ nhân viên trẻ, năng động, khát khao khẳng định cái tôi rất lớn. Văn hóa của FPT là tinh thần đồng đội và sự dân chủ. Ở FPT, mọi quyết định của cá nhân đều được tôn trọng. Nếu có xung đột về tư tưởng thì luôn có văn hóa là chất keo kết dính và ổn định lại. Sự linh hoạt trong dung hòa ý kiến được ví như mô hình đàn kiến đi zíc zắc: có người đi rất nhanh sẽ có người phanh lại, có người đi hướng phải sẽ giằng co với người đi hướng trái..., và vấp quan điểm nhưng rồi tất cả sẽ đi chung một hướng. Những triết lý tương tự như “Tôn đồng - Chí gương sáng” được dùng hạt nhân để nhân rộng mô hình từ đơn vị này sang đơn vị khác trong hệ thống tập đoàn, qua đó đóng góp lớn vào văn hóa, tinh thần nhân viên và cơ cấu tổ chức. Một bộ gen FPT được lưu truyền qua từng đơn vị, từng thế hệ - đây là bí quyết giúp FPT phát triển lâu dài và ổn định. Nhân viên FPT đều thấm nhuần một điều rằng: “Dù FPT sau này có bị mua bán hay thuộc về tay tập đoàn nước ngoài đi nữa, thì người FPT vẫn mãi là người FPT”.

Bên cạnh quy mô, nhiều doanh nghiệp không ngừng cải tiến về chất lượng, mẫu mã sản phẩm, dành được sự tín nhiệm của người tiêu dùng. Việt Nam đã có bộ tiêu chí đánh giá hàng Việt Nam chất lượng cao và đã khẳng định chỗ đứng trên thị trường, đáp ứng được nhu cầu, thị hiếu và sở thích của người tiêu dùng ở hai khía cạnh: sản phẩm tiêu dùng và vật phẩm văn hóa. Các doanh nghiệp Việt Nam đã đưa các nhân tố văn hóa, bản sắc dân tộc vào hoạt động kinh doanh, gắn kết chặt chẽ, hài hòa giữa chất lượng và mẫu mã. Đó chính là biểu hiện nền kinh doanh có văn hóa và lối sống có văn hóa của các doanh nghiệp Việt Nam đang dần được hình thành. Đó cũng chính là lợi thế cạnh tranh của Việt Nam

trên thương trường khi chúng ta có một nền văn hóa giàu bản sắc, con người thông minh, linh hoạt.

Vai trò của kinh doanh nói chung và doanh nhân nói riêng đã được cải thiện đáng kể trong con mắt xã hội. Xã hội cũng dần thay đổi quan niệm về kinh doanh, nhiều người đồng tình đó là nghề có ích cho xã hội, trân trọng, coi trọng, tôn vinh người biết làm giàu, doanh nhân thành đạt. Việc nhiều người có bằng cấp cao, thậm chí từng làm cán bộ quản lý trong cơ quan nhà nước vẫn chọn nghề kinh doanh, chứng tỏ xã hội đã thừa nhận tầm quan trọng của nghề này. Đây là một chuyển biến đáng kể so với quan niệm truyền thống “nhất sĩ, nhì nông” của người Việt. Chúng ta đã có “Ngày hội doanh nhân” (13/10 hằng năm) để tôn vinh những doanh nghiệp, doanh nhân làm ăn chân chính, góp phần giải quyết công ăn việc làm, làm giàu cho đất nước. Nhiều doanh nhân dám nghĩ, dám làm, sáng tạo, dám đi ngược xu thế, đột phá trong việc tìm thị trường mới, biết biến đối thủ thành đối tác, tuân thủ pháp luật.

Trình độ chung của doanh nhân cũng được cải thiện đáng kể. Không chỉ những người có học hành mới bắt tay vào kinh doanh, mà ngay cả những người đang là doanh nhân cũng mong muốn được học hỏi, nâng cao trình độ của mình. Điều này chứng tỏ doanh nhân hiện nay đã ý thức được tầm quan trọng của kiến thức khi tiến hành kinh doanh, nhất là trong thời buổi mở cửa và hội nhập. Đội ngũ doanh nhân Việt Nam ngày càng được trẻ hóa, phần lớn đang ở độ tuổi sung sức, dám nghĩ, dám làm. Động cơ kinh doanh và nhận thức của doanh nhân đã được cải thiện đáng kể; doanh nhân Việt Nam có trách nhiệm và ý thức xã hội khá cao. Điều này khẳng định rằng, doanh nghiệp kinh doanh không chỉ vì mục

đích cá nhân, mà còn vì cộng đồng và ý thức tự tôn dân tộc. Nhiều doanh nghiệp thể hiện trách nhiệm với cộng đồng bằng việc chia sẻ, ủng hộ các hoạt động tình nghĩa. Vinamilk có các chương trình cho thế hệ tương lai dân tộc như: “Sữa học đường”, “Vươn cao Việt Nam” “Vinamilk - Ươm mầm tài năng trẻ Việt Nam”... Tập đoàn Viettel với chương trình “Phủ sóng biển cả” đã phủ sóng di động đến được những miền đảo cách xa bờ hàng trăm kilômét, là nhà tài trợ chính cho chương trình “Trái tim cho em”. Tập đoàn Vingroup có các hoạt động phụng dưỡng Mẹ Việt Nam anh hùng; chăm lo các gia đình chính sách, gia đình có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn; giúp đỡ học sinh nghèo hiếu học; hỗ trợ phát triển kinh tế cho các địa phương nghèo; ủng hộ, cứu trợ đồng bào bị thiên tai; xây dựng, phát triển các công trình y tế, văn hóa, giáo dục mang tính từ thiện và có ý nghĩa nhân văn cao. Sự đóng góp của doanh nghiệp với cộng đồng thể hiện tinh thần nhân văn của dân tộc và trách nhiệm của doanh nghiệp với sự phát triển chung. Không hiếm doanh nghiệp tích cực ủng hộ, tạo điều kiện để thúc đẩy cộng đồng doanh nghiệp vững mạnh bằng việc ủng hộ các hoạt động khởi nghiệp sáng tạo như truyền đạt kinh nghiệm, đầu tư vốn. Hoạt động liên kết của các doanh nghiệp cũng diễn ra nhằm hỗ trợ việc bao tiêu sản phẩm, ưu tiên sử dụng sản phẩm của các doanh nghiệp trong nước nhằm thúc đẩy thị trường và đôi bên cùng có lợi.

Tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế đã góp phần làm hoạt động kinh doanh ở Việt Nam phát triển mạnh mẽ. Nhiều loại hình kinh doanh mới ra đời như các xí nghiệp liên doanh với nước ngoài, các hình thức kinh doanh quốc tế. Lợi nhuận thu được từ kinh doanh cũng tăng lên, góp phần khẳng định và nâng cao vai trò của kinh doanh nói

chung và doanh nhân nói riêng trong xã hội Việt Nam. Cùng với đó, môi trường kinh doanh được mở rộng, sôi động, đã tạo điều kiện cho các doanh nhân Việt Nam có cơ hội phát huy hết khả năng của mình, nâng cao trình độ kinh doanh phù hợp với yêu cầu của thị trường. Các doanh nhân Việt Nam được tiếp xúc với các kỹ năng hoàn toàn mới như marketing, xây dựng thương hiệu, đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ... làm phong phú thêm kho tàng kiến thức về kinh doanh của người Việt Nam.

Quá trình cọ xát với thị trường quốc tế đã khơi dậy lòng tự hào dân tộc của người Việt Nam, giúp các doanh nhân Việt Nam xích lại gần nhau, khiến họ kinh doanh không chỉ vì lợi nhuận mà còn để tôn vinh Việt Nam trên thị trường quốc tế. Các công ty của Việt Nam có thương hiệu nổi tiếng ở nước ngoài như, Vinamilk, Trung Nguyên, Legamex,... đều khẳng định: mục đích bảo vệ thương hiệu của họ không phải chỉ để thu được lợi nhuận, mà còn để bảo vệ uy tín của dân tộc.

Bên cạnh những mặt đã làm được, còn nhiều hạn chế, đặc biệt các doanh nghiệp hầu như chưa quan tâm chú trọng đến nhân tố văn hóa trong kinh doanh. Một số doanh nghiệp không quan tâm đến triết lý kinh doanh, trách nhiệm xã hội, kinh doanh bất hợp pháp, làm hàng giả, trốn lậu thuế, ứng xử thiếu văn hóa, chưa tạo nên sự gắn bó trong nội bộ doanh nghiệp. Những áp lực về kinh tế, chạy theo lợi nhuận... dẫn đến hiện tượng hàng giả, hàng nhái, hàng kém chất lượng xảy ra thường xuyên, làm ảnh hưởng tới sức khỏe, lợi ích và niềm tin người tiêu dùng.

Đáng báo động là nhiều doanh nghiệp vì chạy theo lợi nhuận đã hủy hoại môi trường sống, tiêu biểu gần đây

nhất là Formosa (Hà Tĩnh) xả chất thải ra biển gây ảnh hưởng hàng loạt tới đời sống của đồng bào các tỉnh dọc duyên hải miền Trung từ Hà Tĩnh đổ vào và còn để lại hệ lụy lâu dài cho thế hệ mai sau. Trên dải đất hình chữ S, không thiếu hình ảnh các con sông chết, các làng ung thư từ quá trình đô thị hóa, công nghiệp hóa quá nhanh mà không quan tâm tới môi trường. Quá trình hoạt động kinh doanh không chỉ phá hủy môi trường mà còn gây ảnh hưởng xấu cho xã hội, gây tâm lý hoang mang và giảm niềm tin của các nhà đầu tư.

Vấn đề nan giải nhất của các doanh nghiệp Việt Nam hiện nay là trình độ quản trị còn yếu và chưa ngang tầm với vị trí công tác. Chính vì quản trị yếu đã dẫn tới làm thất thoát nhiều nghìn tỷ của Nhà nước, tiêu biểu là các doanh nghiệp PMU18, Vinashine, Vinaline, Tổng Công ty cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC)... Tuy vậy, có lẽ do hệ thống luật pháp của chúng ta chưa hoàn thiện nên thực tế con số doanh nghiệp làm ăn thua lỗ vẫn chưa có dấu hiệu dừng, các vi phạm ngày càng nghiêm trọng. Có những doanh nghiệp làm ăn nghiêm túc nhưng hiệu quả kinh doanh thấp. Thực tế, với các doanh nghiệp quy mô lớn, nơi tập hợp những con người khác nhau về trình độ chuyên môn, trình độ văn hóa, trình độ nhận thức, quan hệ xã hội, vùng miền địa lý, tư tưởng văn hóa,... tạo ra môi trường làm việc đa dạng và phức tạp, thậm chí có những mặt trái ngược nhau, vấn đề quản trị và văn hóa doanh nghiệp càng trở nên quan trọng. Bên cạnh đó, sự cạnh tranh ngày càng gay gắt của nền kinh tế thị trường và xu hướng quốc tế hóa buộc các doanh nghiệp phải liên tục tìm tòi đổi mới cho phù hợp với thực tế nếu muốn tồn tại và phát triển. Muốn thế, doanh

ng nghiệp phải trở thành nơi tập hợp, phát huy mọi nguồn lực con người, là nơi tạo ra lực điều tiết tác động tích cực đối với tất cả các yếu tố chủ quan khác nhau nhằm gia tăng giá trị của nguồn lực con người, góp phần thúc đẩy sự phát triển bền vững của doanh nghiệp. Điều này đòi hỏi doanh nghiệp phải xây dựng được và duy trì một nền nếp văn hóa đặc thù, phát huy được năng lực và thúc đẩy sự đóng góp của toàn thể nhân viên vào mục tiêu chung.

Hiện nay, chúng ta đang tụt hậu so với các nước trong khu vực và thế giới trong việc xây dựng văn hóa doanh nghiệp, văn hóa doanh nhân. Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 09/6/2014 của Hội nghị Trung ương 9 khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước, đã nhấn mạnh: “Xây dựng văn hóa doanh nghiệp, văn hóa doanh nhân với ý thức tôn trọng pháp luật, giữ chữ tín, cạnh tranh lành mạnh”¹. Ngày 16/5/2016, Chính phủ ra Nghị quyết số 35/NQ-CP về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020, cũng nêu rõ: “Doanh nghiệp phải nêu cao ý thức tuân thủ pháp luật, thực hiện liêm chính trong kinh doanh, xây dựng văn hóa doanh nghiệp, đạo đức doanh nhân và trách nhiệm xã hội”.

Môi trường văn hóa kinh doanh của Việt Nam đang gặp phải một số hạn chế sau:

Thứ nhất, sự xuống cấp của đạo đức kinh doanh.

Tác động tiêu cực lớn nhất của cơ chế thị trường đến môi trường văn hóa kinh doanh Việt Nam chính là sự chao đảo về các hệ thống giá trị trong mỗi con người Việt Nam nói riêng

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương khóa XI*, Sdd, tr.53.

và xã hội Việt Nam nói chung. Việt Nam vốn là một nước có nền văn hóa nông nghiệp, với hệ thống các giá trị thiên về tinh thần hơn là vật chất, như thích hòa hiếu, trọng tình, ham danh hơn ham lợi, trọng thể diện... Những yếu tố này, một mặt cản trở sự phát triển kinh tế của đất nước, mặt khác lại giúp cho tôn ti, trật tự trong xã hội được bảo đảm, các giá trị đạo đức ít bị xáo trộn.

Khi bước vào cơ chế thị trường, hoạt động kinh doanh được Nhà nước khuyến khích, một số thương nhân giàu lên nhanh chóng. Ngày càng có nhiều người trẻ tuổi thành công trên thương trường. Thực tế này đã làm đảo lộn những quan niệm truyền thống, tôn ti, trật tự cũng không còn được coi trọng như trước vì kinh nghiệm của lớp người đi trước bị cho là không còn phù hợp với hoàn cảnh mới. Sự đảo lộn này là tất yếu khi chúng ta từ mô hình kinh tế nông nghiệp, tự cung, tự cấp chuyển sang nền kinh tế thị trường. Tuy nhiên, điều đáng nói là, trong khi những giá trị tinh thần cũ bị chối bỏ, thì chưa có những giá trị tinh thần mới để lấp vào chỗ trống đó. Vì thế, trong xã hội, điều tốt và điều xấu nhiều khi lẫn lộn, con người Việt Nam bị chao đảo, thiếu chuẩn mực để hướng tới. Điều này cũng ảnh hưởng nhiều đến môi trường văn hóa kinh doanh Việt Nam. Xuất phát từ thực tế là nhiều doanh nghiệp thành công không phải bằng con đường làm ăn chân chính, đã làm một số doanh nhân mất lòng tin; mặt khác, môi trường kinh doanh của Việt Nam chưa ổn định, chưa ủng hộ những doanh nhân làm ăn nghiêm chỉnh. Điều này nảy sinh tư tưởng làm ăn gian dối, đánh quả, chộp giật... trong các doanh nhân, thậm chí còn có quan niệm rằng, ở Việt Nam chỉ có làm ăn lắt léo mới có thể trụ được trên thương trường. Cách nghĩ như vậy, về lâu dài sẽ ảnh hưởng

nguy hiểm đến nền tảng đạo đức xã hội và hình ảnh của đất nước Việt Nam trên trường quốc tế.

Các nhà nghiên cứu đều nhất trí rằng, văn hóa Việt Nam khá ôn hòa. Chúng ta không quá khắt khe về tôn giáo, không quá khắc kỷ khép mình vào tập thể, không quá lệ thuộc vào gia đình, dòng họ... Tính chất này giúp con người Việt Nam có tính khoan dung, mềm dẻo, hòa đồng, linh hoạt nhưng cũng làm chúng ta dễ chao đảo, không có nền tảng vững chắc về tinh thần. Phần lớn doanh nhân Việt Nam kinh doanh không bắt nguồn từ truyền thống gia đình, lại xuất thân từ những gia đình nghèo, không được đào tạo cơ bản, nên có nhiều hạn chế về kiến thức và trình độ. Thực tế này cộng với nền tảng tinh thần không ổn định đã làm nhiều doanh nhân có tham vọng không giới hạn trong việc làm giàu và tích lũy tư bản. Những vụ án kinh tế như Lã Thị Kim Oanh, Nguyễn Thị Bé Tư, vụ Công ty Đông Nam Associates, PMU18, Ngân hàng Ocean Bank..., đã cho thấy khi quyền lực, cơ hội được đặt vào tay những con người hạn chế về trình độ và tư cách đạo đức, thì có thể làm nảy sinh những tham vọng tội lỗi vô hạn. Đành rằng, trong kinh doanh, lợi nhuận là mục đích chính, nhưng việc mưu cầu lợi nhuận bằng mọi giá, đến mức bất chấp đạo lý, luật pháp như vậy quả là một tiếng chuông cảnh báo về tình trạng văn hóa kinh doanh của Việt Nam. Đặc biệt giai đoạn vừa qua, vấn đề vệ sinh, an toàn thực phẩm trở thành tâm điểm của đời sống xã hội, đến mức một đại biểu Quốc hội phải thốt lên “Con đường từ dạ dày đến nghĩa địa chưa bao giờ ngắn đến thế!”. Doanh nghiệp vì cái lợi trước mắt mà bỏ quên vấn đề đạo đức kinh doanh, vấn đề sức khỏe cộng đồng và giống nòi dân tộc.

Xuất thân từ nền kinh tế tiểu nông, người Việt Nam thường có tầm nhìn ngắn hạn, hay thay đổi và muốn đi đường tắt, thay vì kiên nhẫn chờ đợi kết quả lâu dài. Vì vậy, theo nhiều nhà nghiên cứu nước ngoài, bối cảnh và môi trường kinh tế Việt Nam thuộc loại “xã hội thiếu chữ tín”. Trong bối cảnh kinh tế thị trường, khi các mối quan hệ được mở rộng, điểm yếu này càng có nguy cơ bộc lộ rõ ràng, thể hiện ở tầm vĩ mô là việc các chính sách của Chính phủ thường hay thay đổi, và khi thay đổi lại không cần tính đến quyền lợi của những người có liên quan. Còn ở tầm vi mô, theo nhiều nhà kinh doanh nước ngoài, các nhà kinh doanh Việt Nam không coi trọng chữ tín, hay viện dẫn các lý do khách quan để khước từ việc thực hiện cam kết, gây nhiều phiền toái trong quan hệ với các đối tác nước ngoài. Chừng nào các nhà quản lý và doanh nhân Việt Nam còn chưa nhận ra tầm quan trọng của chữ tín trong mọi mối quan hệ, thì chúng ta còn khó lấy được niềm tin của đối tác. Thậm chí, về lâu dài, sẽ có ảnh hưởng xấu đến hình ảnh của Việt Nam trên thị trường thế giới.

Một số người Việt Nam không có bản lĩnh “văn hóa” vững vàng, sa vào trạng thái choáng ngợp trước những thành tựu kinh tế của phương Tây, trở nên sùng ngoại quá đáng, phủ nhận tất cả những giá trị cổ truyền của dân tộc. Những người này phần đông là giới thanh niên làm việc cho các công ty nước ngoài và những người kinh doanh bằng viện trợ của thân nhân từ nước ngoài gửi về. Việc đánh mất bản sắc văn hóa dân tộc mình đã làm họ rập theo khuôn mẫu phương Tây trong mọi hành vi. Thật ra, văn hóa không phải là “đồ ăn nhanh”, để có thể học theo trong một sớm một chiều, mà cần trải qua nhiều thế hệ. Văn hóa cũng giống

như tảng băng trôi, mà một người từ nền văn hóa khác chỉ có thể nhận biết được phần nổi (phần nhỏ nhất), chứ chưa thể ý thức được phần chìm dưới nước (phần quyết định), được tích tụ qua nhiều thế hệ và đã ăn sâu vào ý thức hệ của mỗi thành viên trong nền văn hóa đó. Chính vì vậy, việc bất chú ý thiếu chọn lọc của một nhóm doanh nhân Việt Nam chỉ làm nghèo đi đời sống tinh thần của họ và làm yếu đi bản sắc dân tộc trong văn hóa kinh doanh Việt Nam. Sự sùng ngoại quá đáng đó còn làm giảm sút uy tín của doanh nhân Việt Nam trong con mắt của những đối tác nước ngoài, vì họ đã từ bỏ bản chất thật của mình để trở thành đồ giả trong con mắt người ngoại quốc.

Một số khác, trong đó có cả các nhà quản lý, vẫn giữ tư tưởng bảo thủ, hoặc vì không có điều kiện, hay vì không muốn thay đổi, nên đã trở thành lạc hậu với bên ngoài. Thiếu những kiến thức và kỹ năng cần thiết trong thời kỳ đổi mới, họ dễ bị thua lỗ, bộc lộ nhiều sai sót trong kinh doanh với các đối tác nước ngoài. Những người này, đã góp phần làm văn hóa kinh doanh Việt Nam kém năng động, chậm hòa đồng trong tiến trình hội nhập, ảnh hưởng đến hình ảnh Việt Nam trên thương trường quốc tế.

Thứ hai, cung cách làm ăn nhỏ lẻ, thói quen tùy tiện.

Các doanh nghiệp Việt Nam vốn bị kém thế cạnh tranh trên thương trường quốc tế do cung cách làm ăn manh mún, chạy theo lợi nhuận trước mắt mà ít nghĩ đến cục diện chung. Việc liên kết để đáp ứng những đơn đặt hàng lớn chỉ thuận lợi trong những bước đầu, sau đó, các doanh nghiệp thường tìm cách xé lẻ, giành riêng hợp đồng cho mình để rồi dẫn đến tình trạng luôn nghi kỵ, đối phó lẫn nhau và sẵn sàng giành giật quyền lợi riêng cho công ty mình mà không nghĩ đến cục

diện chung. Nhiều doanh nghiệp không có khả năng tổ chức thực thi sản xuất và kinh doanh ở quy mô lớn cho cùng loại sản phẩm để đáp ứng nhu cầu thị trường. Cách làm “hông chỗ nào thì “vá” chỗ ấy, cháy chỗ nào thì giập chỗ đó”, cầu thả trong ký kết và thực hiện hợp đồng đang tồn tại và tỏ ra không phù hợp với môi trường kinh doanh văn minh, hiện đại. Là thành viên của WTO, chúng ta phải đổi mới tư duy trong làm ăn kinh tế. Không còn kiểu làm ăn nhỏ lẻ, manh mún, mạnh ai nấy làm mà phải làm một cách bài bản. Các doanh nhân cũng nhận ra rằng, sự “bài bản” còn thể hiện ở tính chuyên nghiệp, ở “tinh thần thượng tôn pháp luật”, ở tính kỷ luật. Đáng tiếc những chuẩn mực này của doanh nhân chúng ta hiện nay còn rất yếu. Gần đây, xã hội đang nóng lên ở việc phải giải cứu sản phẩm cho ngành nông nghiệp: “giải cứu lợn”, “giải cứu chuối”, “giải cứu dưa”... Câu chuyện được mùa rớt giá, được giá mất mùa bao năm nay như vòng quay luẩn quẩn “con kiến leo cành đa” không chỉ khiến cho người nông dân lao đao, mà thị trường mất ổn định. Nếu có một chiến lược kinh doanh tốt, có sự phối kết hợp tốt giữa các bộ, ngành, địa phương, thì với thị trường hơn 90 triệu dân, nông nghiệp chúng ta chỉ cần phục vụ trong nước cũng đã sống tốt, không cần phụ thuộc quá nhiều vào thị trường nước ngoài như bây giờ.

Thứ ba, tầm nhìn hạn hẹp, tư duy ngắn hạn.

Một hạn chế lớn khác đã bộc lộ rõ nét trong văn hóa kinh doanh của các doanh nghiệp khi hội nhập là sự hạn chế về tầm nhìn cũng như khát vọng của các doanh nghiệp, doanh nhân Việt Nam. Xuất thân từ nền kinh tế tiểu nông, người Việt Nam thường có tầm nhìn ngắn hạn, hay thay đổi và muốn đi đường tắt, thay vì kiên nhẫn chờ đợi kết quả lâu dài.

Muốn có và đạt được những mục tiêu dài hạn, đòi hỏi doanh nhân phải có tầm nhìn dài hạn mang tính chiến lược. Vì không có tầm nhìn dài hạn nên các doanh nhân Việt Nam thường không xây dựng mục tiêu dài hạn và có kế hoạch đầu tư thích hợp. Đa số các doanh nhân khi lập doanh nghiệp chỉ nghĩ đến việc xây dựng một công ty hàng đầu Việt Nam, ít khi nghĩ xa hơn tới việc xây dựng các thương hiệu toàn cầu, tham gia vào giải quyết các bài toán tiêu dùng cho toàn thế giới, vào chuỗi tiêu thụ toàn cầu. Có thể thấy được tầm nhìn của doanh nhân Việt Nam hiện đang ở đâu qua bảng xếp hạng 200 doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam của Chương trình Phát triển Liên hợp quốc (UNDP) công bố hằng năm cho thấy những doanh nghiệp được xem là lớn nhất của Việt Nam chỉ gần tương đương với các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên thế giới, và các doanh nghiệp hàng đầu này cũng “phải còn rất lâu nữa mới vươn tới được chuẩn quốc tế”. Năm 2016, theo bình chọn của Tạp chí *Forber* chỉ có 4 doanh nghiệp Việt Nam lọt Top 2000 doanh nghiệp trên thế giới là BIDV, VietinBank, Vietcombank và Vinamilk¹. Năm 2019, Top 2000 doanh nghiệp trên thế giới theo bình chọn của Tạp chí *Forber* là: Vietcombank, BIDV, VietinBank và Vingroup².

Cũng vì thiếu tầm nhìn nên doanh nghiệp không đầu tư vào những vấn đề cốt lõi, lâu dài và lao theo xu hướng “ăn xổi”, đầu tư cả vào những lĩnh vực không thuộc chuyên môn của mình. Tiêu biểu là Tập đoàn Dầu khí, Tập đoàn Điện lực đầu tư dàn trải, tràn lan các lĩnh vực dẫn tới thua lỗ vì không có chuyên môn quản lý. Trong khi các doanh nghiệp nước

1, 2. Xem <http://kinhdoanh.vnexpress.net/tin-tuc/doanh-nghiep/4-doanh-nghiep-viet-vao-top-2-000-cong-ty-lon-nhat-the-gioi-3590246.html>.

ngoài nỗ lực tìm kiếm cơ hội đầu tư và lợi ích kinh doanh dài hạn tại Việt Nam thì nhiều doanh nghiệp lớn của Việt Nam đang tìm kiếm lợi nhuận từ các khoản đầu tư mang tính đầu cơ - như kinh doanh bất động sản, kinh doanh chứng khoán - mà quên đi các lĩnh vực kinh doanh cốt lõi. Một thực tế là các doanh nghiệp Việt Nam thường mang tư duy ngắn, thiếu tầm nhìn chiến lược trong sản xuất. Sản phẩm làm ra chưa có chất lượng cao, chưa đủ sức cạnh tranh với quốc tế; ở đâu đó, hiện tượng kinh doanh theo kiểu chụp dật, lừa phỉnh khách hàng vẫn còn khá nhiều. Hiện tượng vi phạm pháp luật dưới các dạng khác nhau còn diễn ra, nhất là trốn, lậu thuế.

Thứ tư, thiếu tính liên kết, tính cộng đồng.

Doanh nghiệp nước ngoài có sức mạnh và tiềm lực rất lớn, lại hơn chúng ta cả trăm năm kinh nghiệm. Đó là lợi thế để họ “phủ bóng” toàn cầu. Còn ở Việt Nam, trong khi vốn liếng chưa nhiều, năng lực cạnh tranh chưa cao thì điều mà chúng ta rất cần là sự liên kết, đoàn kết. Một mình cà phê Trung Nguyên với hoài bão xây dựng thương hiệu cho nông sản Việt Nam mà không có sự tiếp sức của những doanh nghiệp cùng ngành nghề thì khó thành hiện thực. Nhưng thực tế, không ít doanh nghiệp lại không thể cởi mở, liên kết với nhau, thậm chí có khi còn chơi xấu, cạnh tranh không lành mạnh với nhau. Báo, đài hiện đang nói nhiều về các doanh nghiệp xuất khẩu gạo Việt Nam cùng đi chào hàng trên thị trường, mỗi doanh nghiệp chào một giá. Hệ quả là không những không nâng cao sức cạnh tranh mà còn yếu đi vì sự tranh mua, tranh bán, thậm chí hạ uy tín của nhau. Thực ra, vấn đề liên kết doanh nghiệp đã được đặt ra rất nhiều lần ở tất cả các hiệp hội, ngành nghề, tuy nhiên nhiều quan chức có thẩm quyền cũng không thể can thiệp được trước thói quen cố hữu của rất

nhiều doanh nghiệp là “mạnh ai nấy làm”. Xét về khía cạnh liên kết hợp tác của các doanh nhân trong quá trình hoạt động kinh doanh để cùng phát triển và theo nguyên tắc cùng có lợi, tính cộng đồng của doanh nhân Việt Nam còn quá rời rạc và ở mức thấp, thể hiện ở ngay trong phạm vi một ngành nghề, một địa phương và rộng hơn là trong phạm vi cả nước; các doanh nhân ít khi tìm được tiếng nói chung, lợi ích chung mang tính sống còn cho sự phát triển bền vững của nền kinh tế. Sự liên kết giữa các “nhà”, sự liên kết theo cụm, vùng nguyên liệu đang ở mức thấp. Chủ trương thành lập những tập đoàn kinh tế còn vấp phải những rào cản nội tại: thông tin của doanh nghiệp thường thiếu độ tin cậy, ảnh hưởng đến việc liên kết ngang; quy định của Nhà nước cho các hoạt động liên kết chưa đầy đủ...

Trong khi tiềm lực tài chính nhỏ, năng lực sản xuất thấp nhưng doanh nghiệp của ta vẫn một mình không chịu liên kết với nhau thì tại thị trường nội địa, các doanh nghiệp 100% đầu tư nước ngoài, các công ty liên doanh, các tập đoàn lớn trên thế giới vận dụng tối đa việc liên kết với nhau để chiếm lĩnh thị phần của doanh nghiệp Việt Nam. Nhiều doanh nghiệp nước ngoài khi vào thị trường Việt Nam đã kết hợp với các doanh nghiệp trong nước để tận dụng hình ảnh, thương hiệu của họ trong việc thâm nhập thị trường Việt Nam. Có thể kể đến như trường hợp hãng Pepsi kết hợp với Kinh Đô; các hàng điện tử như Samsung, LG, Toshiba kết hợp với siêu thị Nguyễn Kim. Tại sân nhà, rất nhiều sản phẩm của Việt Nam đang bị áp đảo và cạnh tranh gay gắt trước sức mạnh liên kết của các công ty, tập đoàn nước ngoài. Trong điều kiện hiện nay, hợp tác với nhau và với nhà đầu tư nước ngoài là một cách tốt để doanh nghiệp tồn tại và có khả

năng cạnh tranh. Thực tế doanh nghiệp Việt không thể “độc hành” đi ra biển lớn để thực hiện khao khát trở thành số 1 thuộc một ngành hay một lĩnh vực nào đó trong nền kinh tế toàn cầu. Các khó khăn, rào cản lớn nhất lâu nay vẫn thường được nhắc tới là tiềm lực tài chính, mô hình tổ chức, đội ngũ nhân sự, khả năng sáng tạo các sản phẩm và dịch vụ.

Thứ năm, môi trường kinh doanh thiếu tính công bằng, pháp luật chưa nghiêm.

Ở nước ta, đặc tính coi trọng quan hệ cá nhân, xu hướng cá nhân hóa các mối quan hệ kinh doanh, ỷ lại vào bảo hộ của Nhà nước vẫn tồn tại khá phổ biến. Nhiều doanh nghiệp tập trung thời gian và tiền bạc cho một hoặc một số nhân vật quan trọng của đối tác, cho các mối quan hệ cá nhân giữa người kinh doanh mà cụ thể hơn là người bán hoặc mua với người có thẩm quyền quyết định của bên đối tác mua hoặc bán. Một số lại câu kết với những người xấu trong bộ máy nhà nước. Nhiều doanh nghiệp thành công nhờ vào mối quan hệ rộng hơn là nhờ vào năng lực. Xu hướng dựa vào quan hệ rộng như là một chủ bài - mạnh hơn cả năng lực, và xu hướng nhờ vả, chạy chọt hiện đang tồn tại ở mức đáng kể. Lợi ích quá nhiều từ quan hệ cá nhân, lợi ích nhóm, tranh giành đất đai, dùng quan hệ để thắng thầu bất chính, thậm chí dùng cả quyền lực chính sách để bóp méo lực lượng thị trường như phân phối quota xuất nhập khẩu... chính là những hiện tượng phổ biến, gây bức xúc trong toàn xã hội. Những cái lợi mà việc thân quen đem lại là một cám dỗ lớn hơn rất nhiều so với lại cái cực nhọc phải đầu tư để đổi mới công nghệ, nâng cao năng lực cạnh tranh. Đa phần các nhà kinh doanh của chúng ta dường như hiển nhiên công nhận mối quan hệ này tốt hay xấu có tính chất quyết định tới sự thành, bại. Chúng ta cho rằng,

nếu “thân quen” được với sếp của đối tác thì về cơ bản là đã thành công, lúc này thì mọi trở ngại về chất lượng sản phẩm, chất lượng dịch vụ, thậm chí cả giá cả cũng chỉ là chuyện “nhỏ”. Căm dỗ về đặc quyền, đặc lợi, dựa dẫm đang là lực cản rất lớn. Thêm vào đó, thể chế và luật pháp của chúng ta chưa thực sự nghiêm, các vụ trọng án xử chưa thoả đáng dẫn đến người kinh doanh khinh nhờn pháp luật. Nhiều bộ luật còn chưa đồng bộ dẫn đến doanh nghiệp có thể “lách luật” để tìm kiếm lợi nhuận, trong đó có phần trách nhiệm của Nhà nước và cũng có phần của các doanh nghiệp. Cuộc đấu tranh quyết liệt chống tham nhũng và làm trong sạch bộ máy công quyền sẽ là một trong những yếu tố có tính quyết định trong việc xóa bỏ tình trạng “chạy cửa sau” và phục hồi luật chơi sạch sẽ trên thương trường. Đây chính là một khía cạnh của văn hóa kinh doanh ở cấp độ xã hội.

Thứ sáu, coi nhẹ chữ tín.

Buôn bán phải giữ chữ tín, đó chính là văn hóa trong kinh doanh được bắt nguồn từ khi hình thành thị trường. Trong tập quán “du di”, “chín bỏ làm mười” của nền kinh tế tiểu nông, chữ tín không quan trọng. Một nền kinh tế hàng hóa thực sự thì khác. Trong sản xuất, kinh doanh, các yếu tố về sản phẩm như số lượng, chất lượng, chủng loại, thời gian hoàn thành và chuyển giao là những chỉ số quan trọng. Chính chữ tín đã làm nên những thương hiệu lớn mạnh và bản thân thương hiệu cũng chính là một thứ hàng hóa. Giữ chữ tín là điều kiện của thành công, sự thất bại đối với doanh nghiệp, doanh nhân không giữ chữ tín là sự thất bại báo trước, thời gian chỉ có thể là sớm hay muộn mà thôi. Theo nhiều nhà kinh doanh nước ngoài, các nhà kinh doanh Việt Nam không coi trọng chữ tín, hay viện dẫn các lý do khách

quan để khước từ việc thực hiện cam kết, gây nhiều phiền toái trong quan hệ với các đối tác nước ngoài. Sản phẩm ban đầu làm ra tốt nhưng khi đã chiếm được lòng tin của khách hàng thì bắt đầu gian dối, cầu thả dẫn đến mất lòng tin đối với sản phẩm Việt và người Việt, kể cả người Việt cũng không tin người Việt. Nếu có chọn lựa thì người Việt sẽ làm ăn với các công ty ngoại quốc, nhất là của Âu - Mỹ, hơn là Việt Nam. Đây là hiểm họa cho các cơ sở kinh tế Việt Nam về lâu dài khi mà các hiệp định kinh tế mở cửa thị trường Việt Nam cho các cơ sở kinh tế Âu - Mỹ như ngân hàng, bảo hiểm, tín dụng, hàng không... ồ ạt vào kinh doanh ở Việt Nam. Chẳng nào các nhà quản lý và doanh nhân Việt Nam còn chưa nhận ra tầm quan trọng của chữ tín trong mọi mối quan hệ, thì chúng ta còn khó lấy được niềm tin của đối tác. Thậm chí, về lâu dài, sẽ có ảnh hưởng xấu đến hình ảnh của Việt Nam trên thị trường thế giới. Việc không giữ chữ tín cũng khiến doanh nghiệp Việt Nam đang mất nhiều cơ hội chen chân được vào những thị trường khó tính. Một bài học đau đớn về văn hóa kinh doanh vẫn còn đó từ sự kiện các doanh nghiệp chế biến điều, năm 2006. Khi giá nhân điều chế biến của thế giới lên quá cao, một số doanh nghiệp điều của Việt Nam đã đơn phương hủy hợp đồng khiến cho các đối tác nước ngoài bị thiệt hại rất nhiều. Việc một số doanh nghiệp không giữ chữ tín không chỉ ảnh hưởng đến riêng doanh nghiệp đó mà còn khiến nhiều doanh nghiệp Việt Nam bị “mang tiếng”. Ngoài những bất cập, trở ngại trên, trong văn hóa kinh doanh của người Việt Nam, nhiều thói quen, cung cách làm ăn cũ, lạc hậu, tùy tiện vẫn đang tồn tại, phong cách làm việc chuyên nghiệp và tính sáng tạo, sẵn sàng hợp tác chưa định hình rõ nét. Sự gian dối trong kinh

doanh vẫn còn tồn tại tình trạng trốn lậu, phi pháp, lách luật để làm ăn... Một số doanh nghiệp đã thêm các hóa chất hoặc chất kháng sinh bị cấm vào để sản phẩm thêm tươi mà thời gian gần đây đã bị phía Nhật Bản cấm nhập khẩu. Tất cả những điều này tạo nên những rào cản, những bất cập khá lớn trong quá trình hội nhập và thường gây nhiều phiền toái trong quan hệ với các đối tác nước ngoài.

Nền kinh tế thị trường và tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam mới chỉ bắt đầu, văn hóa kinh doanh Việt Nam đang đứng trước những thuận lợi cũng như thử thách to lớn trên bước đường phát triển sắp tới. Hơn lúc nào hết, chúng ta cần nhận thức rõ những mặt mạnh và yếu trong văn hóa kinh doanh Việt Nam, từ đó phát huy những mặt tích cực và hạn chế những yếu tố tiêu cực do tác động của cơ chế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế với văn hóa Việt Nam nói chung và văn hóa kinh doanh nói riêng để có thể tích cực, chủ động trong hội nhập, bảo đảm xây dựng một nền văn hóa kinh doanh Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc văn hóa dân tộc, làm nền tảng cho sự phát triển bền vững của nền kinh tế Việt Nam trong thế kỷ XXI.

Nguyên nhân của những hạn chế:

Thứ nhất, chưa nhận thức được vai trò của văn hóa trong kinh doanh.

Do các doanh nghiệp chưa có nhận thức được mối quan hệ giữa văn hóa và kinh doanh nên chưa có cái nhìn đúng đắn về sự cần thiết kinh doanh có đạo đức, coi đó là sự sống còn của doanh nghiệp. Nhiều doanh nghiệp theo đuổi lợi nhuận và coi đó là mục tiêu duy nhất. Các doanh nghiệp vẫn coi văn hóa và kinh doanh là hai phạm trù hoàn toàn tách biệt, văn hóa chỉ là cái đuôi của kinh tế mà không thấy được vai trò

của văn hóa giúp tạo thương hiệu, giữ vững ổn định và chiến lược lâu dài cho doanh nghiệp. Văn hóa cũng giúp cho doanh nghiệp tạo dựng được thương hiệu và giá trị. Các doanh nhân quá tính toán đến hiệu quả mà quên mất vai trò cốt tử của doanh nghiệp là con người. Hơn nữa, trong quan niệm của người Việt, vẫn còn tồn tại một số cái nhìn định kiến đối với những người làm kinh doanh khi gọi họ là “con buôn”, “dân buôn”. Định kiến coi việc làm giàu bằng kinh doanh là bất chính khiến nhiều người e dè trước quyết định kinh doanh.

Thứ hai, những vấn đề về rào cản chính sách.

Hiện nay, pháp luật về đầu tư kinh doanh cần phải được sửa đổi và điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tiễn của doanh nghiệp và để tránh mâu thuẫn, chồng chéo giữa các luật chuyên ngành như Luật thương mại, Luật đầu tư, Luật doanh nghiệp, Luật đất đai, Luật xây dựng, Luật bảo vệ môi trường, Luật khoa học công nghệ, các luật về thuế... gây ra những vướng mắc, rào cản, các điều kiện kinh doanh không cần thiết. Vấn đề thống nhất và liên thông giữa các luật liên quan đến đầu tư kinh doanh đang là đòi hỏi bức thiết cần được Chính phủ và các bộ, ngành tập trung giải quyết trong thời gian tới. *Việc cải cách thể chế tạo lập môi trường kinh doanh thông thoáng cho doanh nghiệp* cũng giúp ích nhiều cho doanh nghiệp phải chạy chọt, đi “cửa sau”, làm giảm tính cạnh tranh. Trong thời gian ngắn vừa qua đã chứng kiến những nỗ lực của Chính phủ và các bộ, ngành trong việc cải thiện môi trường kinh doanh, nhằm tạo điều kiện phát triển doanh nghiệp. Cùng với lộ trình thực thi Luật đầu tư và Luật doanh nghiệp năm 2014, Chính phủ đã ban hành nhiều nghị quyết về cải thiện môi trường kinh doanh, năng lực cạnh tranh quốc gia như Nghị quyết số 19/NQ-CP, ngày 12/3/2015;

Nghị quyết số 19/2018/NQ-CP, ngày 15/5/2018; Nghị quyết số 02/NQ-CP, ngày 01/01/2019; Nghị quyết số 35/NQ-CP, ngày 16/5/2016 của Chính phủ về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020;... đã tạo đà thúc đẩy mạnh mẽ cho tiến trình cải thiện môi trường kinh doanh cho doanh nghiệp Việt Nam. Dấu mốc ngày 01/7/2016 với việc ban hành 50 nghị định về điều kiện kinh doanh, khoảng 3.000 giấy phép con trong tổng số gần 7.000 điều kiện kinh doanh đang tồn tại đã chính thức bị xóa sổ. Tuy vẫn còn nhiều bàn cãi về tình trạng giấy phép con nâng lên thành giấy phép mẹ dưới hình thức nghị định và những bất cập chồng chéo, mâu thuẫn xung quanh các văn bản quy định ban hành về đầu tư kinh doanh của doanh nghiệp. Song những dấu ấn trong thời gian ngắn vừa qua có thể kỳ vọng về một triển vọng ngày càng tích cực hơn đối với môi trường kinh doanh cho doanh nghiệp Việt Nam.

Thực tế trong bối cảnh hội nhập hiện nay, không ít doanh nghiệp Việt Nam đã trưởng thành, trụ vững và phát triển mạnh mẽ, mà nguyên nhân sâu xa chính là do các doanh nghiệp này đã và đang coi trọng xây dựng văn hóa kinh doanh cho mình. Tuy nhiên, hiện còn không ít cấp lãnh đạo, doanh nghiệp và doanh nhân chưa nhận thức được vai trò, động lực của văn hóa kinh doanh trong hội nhập nên trong quá trình kinh doanh đã bộc lộ những bất cập, ảnh hưởng tiêu cực đến năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp, làm giảm hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp. Để xây dựng và phát triển văn hóa kinh doanh tốt trong doanh nghiệp cần: Có nhận thức đầy đủ và đúng đắn về văn hóa kinh doanh không chỉ bản thân doanh nghiệp mà là toàn xã hội; làm trong sạch thị trường văn hóa, chỉnh đốn và quy phạm trật

tự thị trường văn hóa theo pháp luật; đặt phát triển văn hóa vào vị trí chiến lược quan trọng trong chiến lược phát triển đất nước. Doanh nghiệp phải xây dựng cho mình một đội ngũ nhân sự hợp lý, đảm bảo về lượng và chất theo yêu cầu chuyên môn, nghĩa là nhân sự làm việc mang tính chuyên nghiệp. Xây dựng văn hóa kinh doanh vừa là mục tiêu, vừa là thách thức lớn đối với hầu hết các doanh nghiệp hiện nay.

2. Thực trạng xây dựng văn hóa doanh nghiệp, văn hóa doanh nhân ở nước ta

a) Nhận thức của Đảng và Nhà nước về xây dựng văn hóa doanh nghiệp, văn hóa doanh nhân

Doanh nghiệp, doanh nhân là những nhân tố quan trọng cấu thành nên sức mạnh của nền kinh tế quốc gia. Việc khai thác hợp lý nguồn vốn, tài nguyên thiên nhiên; nguồn nhân lực; tìm kiếm thị trường; tăng cường hợp tác đầu tư, cùng với việc không ngừng tạo dựng thương hiệu, xây dựng văn hóa doanh nghiệp, doanh nhân phù hợp với điều kiện, tình hình mới là những điều kiện cần thiết, căn bản để khẳng định sự lớn mạnh của các doanh nghiệp, tập đoàn kinh tế.

Ở nước ta, sau hơn 30 năm thực hiện công cuộc đổi mới (từ năm 1986), số lượng doanh nghiệp và đội ngũ doanh nhân không ngừng gia tăng, trưởng thành và phát triển, có nhiều đóng góp quan trọng vào sự phát triển kinh tế, ổn định tình hình chính trị; bảo đảm an sinh xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho Nhân dân.

Nếu như trước đổi mới, kinh tế quốc doanh (kinh tế nhà nước) và kinh tế tập thể giữ vai trò chủ đạo, vận hành theo cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp thì sau đổi mới, cùng với sự đổi mới về tư duy, nhận thức, nhất là trên lĩnh vực kinh tế,

nhiều thành phần kinh tế mới xuất hiện (bên cạnh kinh tế quốc doanh, kinh tế tập thể còn có kinh tế cá thể, kinh tế tư bản tư nhân, kinh tế gia đình), vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý, điều hành của Nhà nước. Từ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII, Đảng ta đã khẳng định: “Mọi người được *tự do kinh doanh theo pháp luật, được bảo hộ quyền sở hữu và thu nhập hợp pháp. Nên kinh tế có nhiều thành phần với nhiều dạng sở hữu và hình thức tổ chức kinh doanh*”¹, “Nên kinh tế vận động theo *cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước* bằng pháp luật, kế hoạch, chính sách và các công cụ khác”².

Như vậy, cùng với sự ra đời của nhiều thành phần kinh tế, hệ thống các công ty, xí nghiệp, doanh nghiệp quốc doanh, tập thể, tư nhân cũng từng bước định hình, phát triển và đi vào hoạt động nhằm khai thác tốt tiềm năng, thế mạnh của quốc gia; từng bước xóa bỏ những rào cản về cơ chế, chính sách, thực hiện tự do hóa thương mại, khuyến khích kinh tế tư nhân phát triển, nhằm thúc đẩy sự tăng trưởng của nền kinh tế, tránh rơi vào khủng hoảng, suy thoái.

Trước sự phát triển, lớn mạnh của các loại hình doanh nghiệp, Quốc hội khóa X đã ban hành Luật doanh nghiệp (số 13/1999/QH10, ngày 12/6/1999), Quốc hội khóa XI tiếp tục ban hành Luật doanh nghiệp năm 2005 (số 60/2005/QH11, ngày 29/11/2005), Quốc hội khóa XIV ban hành Luật doanh nghiệp năm 2014 (số 68/2014/QH14, ngày 26/11/2014), trong đó quy định: *Doanh nghiệp* là tổ chức có tên riêng, có tài sản, có trụ sở giao dịch, được đăng ký thành

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sdd*, t.51, tr.155.

lập theo quy định của pháp luật nhằm mục đích kinh doanh. *Doanh nghiệp nhà nước* là doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ. *Doanh nghiệp Việt Nam* là doanh nghiệp được thành lập hoặc đăng ký thành lập theo pháp luật Việt Nam và có trụ sở chính tại Việt Nam. Doanh nghiệp được tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm (Điều 4). Bên cạnh đó, Luật cũng quy định chi tiết trách nhiệm, nghĩa vụ của doanh nghiệp đối với cộng đồng, xã hội, như: Tuân thủ quy định của pháp luật về quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, bình đẳng giới, bảo vệ tài nguyên, môi trường, bảo vệ di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh. Thực hiện nghĩa vụ về đạo đức kinh doanh để bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của khách hàng và người tiêu dùng (Điều 8).

Sự ra đời của Luật doanh nghiệp đáp ứng được yêu cầu bức thiết của cuộc sống khi nhiều doanh nghiệp ra đời, tồn tại và phát triển, đòi hỏi phải có khung hành lang pháp lý với những quy định chặt chẽ nhằm bảo đảm quyền lợi, trách nhiệm của các bên liên quan trong sân chơi chung của quá trình hội nhập kinh tế quốc tế.

Cùng với sự hình thành, phát triển của các doanh nghiệp là sự hình thành và lớn mạnh của đội ngũ doanh nhân - những ông chủ của các doanh nghiệp, tập đoàn kinh tế, có uy tín và tầm ảnh hưởng lớn đối với doanh nghiệp, cộng đồng và sự phát triển của nền kinh tế. Sự ra đời, phát triển của doanh nhân gắn liền với sự đổi mới tư duy, nhận thức của Đảng về cơ cấu, thành phần, chủ thể của các thành phần kinh tế qua mỗi giai đoạn, thời kỳ.

Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng, cùng với việc thừa nhận sự cần thiết của thành phần “kinh tế tiểu

sản xuất hàng hóa”, Đảng ta cũng đồng thời đề cập những người lãnh đạo, quản lý và điều hành thành phần kinh tế này. Tuy nhiên, vào thời điểm đó, thuật ngữ “doanh nhân” chưa được nêu ra. Thay vào đó, tầng lớp này được gọi bằng các thuật ngữ: “tiểu thương”, “nhà tư sản nhỏ”, “những người kinh doanh tư nhân”¹. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII gọi lực lượng này là “tiểu chủ”, “nhà kinh doanh”². Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII dùng những thuật ngữ: “các nhà doanh nghiệp tư nhân”, “nhà quản trị sản xuất kinh doanh”³ và Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX còn dùng thêm những thuật ngữ như: “các nhà doanh nghiệp”, “nhà kinh doanh”⁴ để chỉ lực lượng này.

Phải đến *Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X* (khi công cuộc đổi mới đã thực hiện được 20 năm) với những thành tựu đạt được và cả những hạn chế, thiếu sót, lần đầu tiên, thuật ngữ “doanh nhân” đã chính thức được sử dụng và sử dụng thống nhất để chỉ những người trực tiếp lãnh đạo, quản lý, điều hành hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp thuộc cả thành phần kinh tế nhà nước và thành phần kinh tế tư nhân. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng chỉ rõ: “Nhà nước định hướng, tạo môi trường để phát triển có hiệu quả các doanh nghiệp theo cơ chế thị trường; bồi dưỡng, đào tạo và tôn vinh các doanh nhân có tài, có đức và thành đạt”⁵; “Đối với *doanh nhân*, tạo điều kiện phát huy tiềm năng và vai trò tích cực trong sản xuất kinh doanh”⁶.

1, 2, 3, 4. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới (Đại hội VI, VII, VIII, IX)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, tr.61-71, 236, 507-573, 670-732.

5, 6. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd*, t.65, tr.189, 215.

Thuật ngữ “doanh nhân” cũng tiếp tục được sử dụng và sử dụng với tần suất nhiều hơn trong *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*: “Tạo điều kiện xây dựng, phát triển *đội ngũ doanh nhân* lớn mạnh, có đạo đức và trách nhiệm xã hội cao; phát huy tiềm năng và vai trò tích cực của đội ngũ doanh nhân”¹.

Trước sự phát triển lớn mạnh của đội ngũ doanh nhân và sự cần thiết phải tăng cường đội ngũ doanh nhân trong phát triển kinh tế - xã hội cũng như ghi nhận công lao cống hiến của lực lượng này đối với xã hội, Chính phủ đã ban hành Quyết định số 900/QĐ-TTg (ngày 20/09/2004), lấy ngày 13/10 hằng năm là “Ngày Doanh nhân Việt Nam” (ngày Bác Hồ gửi thư cho giới công thương Việt Nam, ngày 13/10/1945). Và đến ngày 09/12/2011, lần đầu tiên Đảng đã ban hành Nghị quyết chuyên đề về đội ngũ doanh nhân, Nghị quyết số 09-NQ/TW về *xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ doanh nhân Việt Nam trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế*, trong đó khẳng định: “Đội ngũ doanh nhân là lực lượng có vai trò quan trọng trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Xây dựng đội ngũ doanh nhân lớn mạnh, có năng lực, trình độ và phẩm chất, uy tín cao, sẽ góp phần tích cực nâng cao chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh, phát triển nhanh, bền vững và bảo đảm độc lập, tự chủ của nền kinh tế”².

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, *Sđd*, tr.49.

2. <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thuong-mai/Nghi-quyet-09-NQ-TW-xay-dung-va-phat-huy-vai-tro-doi-ngu-doanh-nhan-134527.aspx>.

Đến *Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Đảng tiếp tục khẳng định và đánh giá những đóng góp to lớn của đội ngũ doanh nhân - một lực lượng quan trọng, xung kích trong đổi mới tư duy kinh tế, có những sáng tạo, cống hiến làm nên sự thành công của công cuộc công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước. Văn kiện Đại hội XII của Đảng nhấn mạnh: “Xây dựng, phát triển *đội ngũ doanh nhân* lớn mạnh cả về số lượng và chất lượng, có trình độ quản lý, kinh doanh giỏi, có đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội cao. Phát huy tiềm năng và vai trò tích cực, sáng tạo của đội ngũ doanh nhân. Có cơ chế, chính sách bảo đảm quyền lợi của đội ngũ doanh nhân. Tôn vinh những doanh nhân có nhiều đóng góp cho sự phát triển của đất nước”¹. Như vậy, với việc sử dụng thuật ngữ “đội ngũ doanh nhân”, Đảng ta đã chính thức thừa nhận lực lượng này là một trong bốn lực lượng xã hội cơ bản trong cơ cấu giai tầng xã hội của Việt Nam, bao gồm: giai cấp công nhân, giai cấp nông nhân, đội ngũ trí thức và đội ngũ doanh nhân.

Hiện nay, nếu tính bình quân mỗi doanh nghiệp, hợp tác xã có từ hai đến ba doanh nhân lãnh đạo và mỗi hộ kinh doanh, trang trại có một doanh nhân thì đội ngũ doanh nhân cả nước đã có gần 2,5 triệu người. Nếu tính cả 3 triệu chủ hộ kinh doanh hoạt động trong khu vực phi chính thức thì ở nước ta đã có hơn 5 triệu doanh nhân.

Tuy nhiên, bên cạnh những doanh nghiệp, doanh nhân làm ăn thành đạt, tuân thủ pháp luật và có nhiều đóng góp

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Sdd, tr.162.

cho xã hội thì cũng có hàng trăm doanh nghiệp, doanh nhân thuộc nhiều thành phần kinh tế do những tác động của nhân tố chủ quan, khách quan dẫn đến làm ăn thua lỗ, phá sản, nợ nần, gây thất thoát ngân sách nhà nước, để lại hậu quả nặng nề, làm xấu đi môi trường đầu tư, kinh doanh và hình ảnh quốc gia, dân tộc. Nhiều doanh nhân của các công ty, doanh nghiệp do chạy theo lợi nhuận, đồng tiền sẵn sàng chà đạp lên đạo lý, nhân cách; hủy hoại môi trường sống; sự cấu kết giữa các doanh nghiệp, tập đoàn công ty nhà nước trong việc lách luật, đấu thầu, làm giả giấy tờ, hồ sơ, tung tin thất thiệt... gây ra những hậu quả nghiêm trọng, làm suy yếu nền kinh tế đất nước. Trước thực trạng đó, Đảng, Nhà nước đã ban hành nhiều văn bản, nghị quyết, văn kiện đề cập đến vấn đề phải thiết lập, kiến tạo xây dựng văn hóa doanh nghiệp, văn hóa doanh nhân trong bối cảnh hội nhập quốc tế hiện nay. Có thể kể đến những văn bản nổi bật như: Nghị quyết số 35/NQ-CP, ngày 16/5/2016 của Chính phủ về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp Việt Nam đến năm 2020, trong đó quy định: Doanh nghiệp phải nêu cao tinh thần tự hào dân tộc, ý thức tuân thủ pháp luật, thực hiện liêm chính trong kinh doanh; xây dựng văn hóa doanh nghiệp, đạo đức doanh nhân và trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp; cạnh tranh lành mạnh, chia sẻ và liên kết hợp tác; đổi mới sáng tạo, nâng cao năng lực cạnh tranh; Quyết định số 1848/QĐ-TTg, ngày 29/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ, quyết định lấy ngày 10/11 hằng năm là “Ngày văn hóa doanh nghiệp Việt Nam”, nhằm khẳng định vai trò, vị trí và tầm quan trọng của văn hóa doanh nghiệp; tuyên truyền, phổ biến và nâng cao nhận thức về văn hóa doanh nghiệp, thúc đẩy

việc xây dựng và phát triển văn hóa doanh nghiệp trong cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam và trong toàn xã hội; tôn vinh các doanh nhân, doanh nghiệp có thành tích xuất sắc trong việc xây dựng và phát triển văn hóa doanh nghiệp và góp phần tạo môi trường kinh doanh với tinh thần thượng tôn pháp luật, đề cao đạo đức kinh doanh, trách nhiệm xã hội và cạnh tranh lành mạnh, đóng góp cho sự phát triển bền vững đất nước và hội nhập quốc tế. Ngày 07/11/2016, Thủ tướng Chính phủ đã phát động cuộc vận động “Xây dựng văn hóa doanh nghiệp Việt Nam”, với mục tiêu xây dựng và phát triển nền tảng văn hóa doanh nghiệp Việt Nam gắn với những giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc.

Ngày 05/11/2016, Nghị quyết số 06-NQ/TW Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về thực hiện có hiệu quả tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, giữ vững ổn định chính trị - xã hội trong bối cảnh nước ta tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới được ban hành, nhấn mạnh: Hội nhập kinh tế quốc tế là sự nghiệp của toàn dân; doanh nhân, doanh nghiệp, đội ngũ trí thức là lực lượng đi đầu... Phát triển hài hòa giữa kinh tế và văn hóa... Xây dựng văn hóa trong kinh tế; khai thác hiệu quả khía cạnh kinh tế của văn hóa, nâng cao giá trị văn hóa trong các sản phẩm mang đặc trưng, đặc sắc của mỗi địa phương¹.

Tiếp đó là Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII ban hành Nghị quyết số 11-NQ/TW, ngày 03/6/2017 về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường

1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa XII*, Sđd, tr.84-85.

định hướng xã hội chủ nghĩa, trong đó nhấn mạnh: “Tạo điều kiện thuận lợi thúc đẩy phát triển doanh nghiệp và đội ngũ doanh nhân Việt Nam thật sự trở thành lực lượng nòng cốt, đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế, bảo đảm tính độc lập, tự chủ của nền kinh tế”¹.

Như vậy, trong những năm qua, Đảng, Nhà nước đã ban hành nhiều văn bản, chỉ thị, nghị quyết về doanh nghiệp, trong đó có doanh nhân trong việc phát triển kinh tế, ổn định thị trường và không ngừng nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật, tôn trọng đạo lý, gắn kết tăng trưởng kinh tế với không ngừng phát triển văn hóa; xây dựng văn hóa trong doanh nghiệp, tạo dựng hình ảnh những doanh nhân thành đạt, có tâm, có tài, có nhân cách, tạo nguồn lực căn bản để phát triển bền vững đất nước.

b) Thành tựu và hạn chế, nguyên nhân và bài học kinh nghiệm

Những thành tựu đạt được:

Từ khi thực hiện đổi mới đến nay, việc hình thành hệ thống các doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, cũng như việc xây dựng văn hóa doanh nghiệp, văn hóa doanh nhân đã đạt được những kết quả đáng khích lệ.

Dấu ấn của văn hóa doanh nghiệp, văn hóa doanh nhân thể hiện qua việc tạo dựng thương hiệu, phong cách độc đáo,

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2017, tr.35.

làm phong phú thị trường, hàng hóa, sản phẩm. Trong chiến lược kinh doanh, các doanh nghiệp không ngừng đầu tư trí tuệ, tìm kiếm cách thức, con đường để đưa sản phẩm đến với mọi vùng miền. Dễ nhận biết nhất là nghệ thuật marketing, quảng bá thương hiệu qua logo, hình ảnh biểu tượng công ty, qua hệ thống các khẩu hiệu (slogan) nhằm tạo ấn tượng cho người tiêu dùng. Nhắc đến các doanh nghiệp lớn, người tiêu dùng thường ấn tượng đầu tiên với những slogan độc, lạ như: Honda - *Sức mạnh của giấc mơ, Tôi yêu Việt Nam*; Cà phê Trung Nguyên - *Khơi nguồn sáng tạo*; Biti's - *Nâng niu bàn chân Việt*; Citygroup - *Thành phố không ngủ*; Bia Sài Gòn - *Dù bạn không cao nhưng người khác cũng phải nhìn*; FPT - *Cùng đi tới thành công*; Viettel - *Hãy nói theo cách của bạn*; Sơn Nippon - *Sơn đâu cũng đẹp*; Lavie - *Một phần tất yếu của cuộc sống*,...

Mặc dù những giá trị văn hóa không dễ biểu lộ, hiện hình cụ thể mà thấm sâu vào hành vi sáng tạo, tổ chức, điều hành, quản lý doanh nghiệp của các doanh nhân - những yếu tố vô hình nhưng có sức mạnh to lớn trong việc tạo ra của cải vật chất, làm nên thương hiệu và sự phát triển thịnh vượng của các doanh nghiệp.

Về những giá trị văn hóa vật chất, có thể nhận thấy trong những năm gần đây do những tác động tích cực của quá trình hội nhập, giao lưu toàn cầu, việc ký kết và thực thi các hiệp định mở cửa thương mại quan trọng, trong đó tiêu biểu là Hiệp định thương mại song phương Việt Nam - Hoa Kỳ (năm 2000), gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO - năm 2007), tham gia đàm phán và ký kết các hiệp định thương mại tự do (FTAs) (Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - Liên minh châu Âu (EU) (EVFTA), Hiệp định thương

mại tự do Việt Nam - Hàn Quốc, thành viên của Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC), Hiệp định đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP)...). Bên cạnh đó, Đảng, Nhà nước có nhiều chính sách thông thoáng về cơ chế, chính sách nhằm thu hút đầu tư nước ngoài, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp phát triển đầu tư; cùng những lợi thế về nguồn nhân công lao động dồi dào, cần cù, chịu khó; thị trường tiêu thụ tại chỗ phong phú... đã thu hút nhiều nhà đầu tư, doanh nghiệp lựa chọn Việt Nam là điểm đến hấp dẫn. Còn với các doanh nghiệp vừa và nhỏ trong nước, cũng đã có những bước phát triển nhảy vọt về số lượng, loại hình kinh doanh phù hợp với đặc thù kinh tế vùng miền, khai thác những tiềm năng, thế mạnh của từng địa phương, có những đóng góp lớn vào gia tăng tỷ trọng cũng như tổng thu nhập GPD của cả nước.

Theo *Báo cáo thường niên doanh nghiệp Việt Nam năm 2016* của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, cho thấy: Về tình hình phát triển doanh nghiệp năm 2016. “Trong năm 2016, số doanh nghiệp đăng ký thành lập mới đạt mức kỷ lục với 110,1 nghìn doanh nghiệp với tổng vốn đăng ký là 891,1 nghìn tỷ đồng, tăng 16,2% về số doanh nghiệp và tăng 48,1% về số vốn đăng ký so với năm 2015. Số vốn đăng ký bình quân một doanh nghiệp năm 2016 đạt 8,1 tỷ đồng, tăng 28,6% so với năm 2015. Số lao động ước tính được tạo việc làm trong các doanh nghiệp thành lập mới trong năm 2016 là 1.268 nghìn người, bằng 86,1% so với năm 2015. Trong năm 2016, cả nước có 26.689 doanh nghiệp quay trở lại hoạt động, tăng 24,1% so với cùng kỳ năm trước.

Về tình hình phát triển doanh nghiệp giai đoạn 2007-2016, đã có trên 802 nghìn doanh nghiệp đăng ký thành lập,

nâng tổng số doanh nghiệp đã đăng ký thành lập lên 1.051.151 doanh nghiệp. Đáng chú ý là lần đầu tiên số lượng doanh nghiệp đăng ký trong năm 2016 đã đạt con số trên 100 nghìn doanh nghiệp. Trong tổng số hơn 1 triệu doanh nghiệp đã được thành lập kể từ khi có Luật doanh nghiệp đến nay, số doanh nghiệp đã giải thể là khoảng 130 nghìn doanh nghiệp (chiếm 12,3%). Đáng chú ý là số lượng doanh nghiệp thành lập mới bắt đầu đà tăng mới trong hai năm 2015 - 2016, phá vỡ xu hướng tăng đều trong giai đoạn 2011 - 2014: bình quân mỗi năm khoảng 74 nghìn doanh nghiệp thành lập. Một điểm đáng khích lệ nữa là số lượng doanh nghiệp ngừng hoạt động hoặc giải thể trong năm 2016 là 73.145 doanh nghiệp đã giảm đáng kể so với năm 2015 (giảm 9,5% so với năm 2015), trong đó có 12.478 doanh nghiệp hoàn thành thủ tục giải thể và 60.667 doanh nghiệp gặp khó khăn phải ngừng hoạt động.

Về xu hướng chuyển dịch của doanh nghiệp: Theo loại hình doanh nghiệp (hình thức pháp lý khi đăng ký kinh doanh), số lượng các doanh nghiệp hoạt động theo hình thức các công ty trách nhiệm hữu hạn và các công ty cổ phần ngày càng chiếm tỷ lệ cao. Giai đoạn 2007 - 2015 chứng kiến sự phát triển ấn tượng về số lượng doanh nghiệp trong các ngành dịch vụ, nhất là ngành giáo dục - đào tạo, hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ và nghệ thuật, vui chơi và giải trí. Ba ngành này có tốc độ tăng trưởng hằng năm đều trên 20%/năm và số lượng doanh nghiệp tăng hơn 5 lần trong giai đoạn 2007 - 2015. Với vị trí tự nhiên và điều kiện xã hội thuận lợi, doanh nghiệp Việt Nam thường tập trung chủ yếu ở hai vùng là Đông Nam Bộ và đồng bằng sông Hồng. Khu vực Đông Nam Bộ, nơi có Thành phố Hồ Chí Minh,

trung tâm kinh tế của Việt Nam, luôn chiếm tỷ trọng cao nhất về doanh nghiệp và tỷ trọng này có xu hướng tăng lên, từ 37,9% năm 2007 lên 41,3% năm 2015, trong đó tỷ trọng doanh nghiệp tại Thành phố Hồ Chí Minh đã tăng từ 30,1% lên 33,7%. Tuy nhiên xét tốc độ tăng về vốn phải kể đến mức tăng đột phá của khu vực Tây Nguyên đạt mức cao nhất trong cả nước là 66,2%. Đây là điểm sáng khi mà trong nhiều năm trước khu vực này luôn đi sau về tốc độ tăng trưởng cả về số lượng doanh nghiệp lẫn nguồn vốn.

Về năng lực kinh doanh của doanh nghiệp: Hiệu quả sử dụng lao động trong giai đoạn 2007 - 2015 đã không những không được cải thiện mà còn giảm đi, từ 17,3 lần năm 2007 xuống còn 14,2 lần năm 2015. Các chỉ số về khả năng thanh toán của doanh nghiệp vẫn ít được cải thiện so với năm 2014, chỉ có chỉ số thanh toán nhanh của doanh nghiệp được cải thiện rõ rệt. Hiệu quả sử dụng nguồn vốn của doanh nghiệp cũng ngày càng giảm. Tỷ lệ doanh nghiệp kinh doanh thua lỗ trong nền kinh tế giai đoạn 2007 - 2010 đã giảm so với giai đoạn 2000 - 2006, xuống còn khoảng dưới 30% trong các năm 2007 - 2010, tuy nhiên đã tăng cao trở lại trong giai đoạn 2011 - 2015 với mức trung bình khoảng 40,9%. Hiệu suất sinh lợi trên tài sản của các doanh nghiệp trong nền kinh tế giảm từ 6,6% năm 2012 xuống còn 3,2% năm 2015”¹.

Năm 2018, số doanh nghiệp hoạt động là 714.755 doanh nghiệp, tăng 9,2% so với năm 2017. Tổng số doanh nghiệp hoạt động có kết quả sản xuất kinh doanh năm 2017 là

1. Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam: *Báo cáo thường niên doanh nghiệp Việt Nam năm 2016*, Nxb. Thông tin và Truyền thông, Hà Nội, 2016, tr.19-22.

560.417 doanh nghiệp, tăng 11% so với năm 2016. Tổng nguồn vốn sử dụng cho sản xuất kinh doanh của toàn bộ doanh nghiệp đang hoạt động tại thời điểm ngày 31/12/2017 đạt 33 triệu đồng, tăng 17,5% so với cùng thời điểm năm 2016¹.

Sự phát triển, lớn mạnh của các doanh nghiệp đã góp phần quan trọng vào sự lớn mạnh, phát triển của nền kinh tế. Theo khảo sát của Công ty cổ phần Báo cáo Đánh giá Việt Nam (Vietnam Report) đã công bố Bảng xếp hạng VNR500 - Top 500 doanh nghiệp lớn Việt Nam năm 2018 (nhằm tôn vinh những doanh nghiệp đã đạt được những thành tựu xuất sắc trong hoạt động sản xuất kinh doanh), bao gồm Công ty trách nhiệm hữu hạn Samsung Electronics Việt Nam, Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội Viettel, Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam, Tập đoàn Vingroup - Công ty cổ phần, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Công ty Honda Việt Nam. Đây là những tập đoàn, công ty lớn với sự đóng góp đáng kể vào nền kinh tế nói chung.

Bên cạnh việc công bố Bảng xếp hạng 500 doanh nghiệp lớn Việt Nam, Vietnam Report cũng công bố Bảng xếp hạng 500 doanh nghiệp tư nhân lớn Việt Nam năm 2018, bao gồm: Tập đoàn Vingroup - Công ty cổ phần đầu tư thế giới di động, Công ty cổ phần Sữa Việt Nam, Công ty cổ phần Vàng bạc đá quý Doji, Công ty cổ phần FPT, Công ty cổ phần ô tô Trường Hải, Công ty cổ phần Tập đoàn Hòa Phát, Công ty cổ phần Hàng không Vietjet, Ngân hàng thương mại

1. Xem Bộ Kế hoạch và Đầu tư: *Sách trắng doanh nghiệp Việt Nam năm 2018*, *Sdd*, tr.25-31.

cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng (VP Bank), Công ty cổ phần Tập đoàn Masan (MSN).

Còn theo công bố của Tạp chí Forbes, năm 2017, trong *Danh sách Global 2000* (các công ty đại chúng lớn và quyền lực nhất thế giới, với các tiêu chí đánh giá là doanh thu, lợi nhuận, tài sản và giá trị thị trường), Việt Nam có 4 doanh nghiệp lọt vào top 2.000 công ty lớn nhất thế giới, gồm: Ngân hàng Công Thương Việt Nam (VietinBank), Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV), Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) và Công ty Sữa Việt Nam (Vinamilk). (VietinBank xếp thứ 1.633 với doanh thu 2,7 tỉ USD và giá trị thị trường 3 tỉ USD. Theo sau là Vietcombank (1.656), doanh thu 2,1 tỉ USD và thị giá 5,8 tỉ USD. BIDV đứng thứ 1.682 với doanh thu 3,3 tỉ USD và thị giá 2,6 tỉ USD, Vinamilk xếp hạng 1.888 với doanh thu và thị giá lần lượt là 2,1 tỉ USD và 9,1 tỉ USD). Năm 2019, bảng xếp hạng Global 2000 của Tạp chí Forbes có 4 đại diện của Việt Nam là: Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank), Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV), Ngân hàng Công thương Việt Nam (VietinBank) và Tập đoàn Vingroup.

Đánh giá về môi trường làm việc với sự hài lòng của người lao động qua các chỉ số: chế độ lương thưởng hấp dẫn, cảm nhận hạnh phúc của người lao động, phúc lợi xã hội, văn hóa và môi trường, không khí doanh nghiệp..., Mạng nghề nghiệp Anphabe và Công ty Nghiên cứu thị trường Nielsen đã công bố Danh sách những nơi làm việc tốt nhất Việt Nam năm 2016, trong đó nổi bật là các doanh nghiệp như: Unilever, Vinamilk, Nestlé Vietnam, Microsoft, IBM Vietnam, Vietcombank, Viettel, Pesico Food, Abbott, Heineken,

Suntory Pepsico, FPT, Mobifone, Bosch, Mercedes - Benz, BMW Vietnam, Samsung, Techcombank, Honda,... Năm 2018, cũng theo đánh giá này, Danh sách những nơi làm việc tốt nổi bật là những doanh nghiệp: Vinamilk, Vietcombank, Nestlé Vietnam, Samsung Vina Electronics, Cargill Vietnam, Vingroup, Techcombank...

Văn hóa doanh nghiệp không chỉ thể hiện ở những yếu tố hình thức, ở khối lượng sản phẩm và tỷ trọng GPD trong cơ cấu nền kinh tế quốc gia mà văn hóa doanh nghiệp còn thể hiện rõ ở cam kết thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp - một yếu tố cơ bản, then chốt làm nên sự phát triển bền vững, thịnh vượng của doanh nghiệp.

Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp (Corporate Social Responsibility - CSR) là cam kết của doanh nghiệp đóng góp cho việc phát triển kinh tế bền vững, thông qua việc tuân thủ chuẩn mực về bảo vệ môi trường, bình đẳng giới, an toàn lao động, quyền lợi lao động, trả lương công bằng, đào tạo và phát triển nhân viên, phát triển cộng đồng, bảo đảm chất lượng sản phẩm... theo cách có lợi cho cả doanh nghiệp cũng như phát triển chung của xã hội. Tại *Diễn đàn phong cách doanh nhân 2016* với chủ đề “Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp - Chiến lược và hành động” diễn ra tại Hà Nội (ngày 10/6/2016), các diễn giả, doanh nghiệp cho rằng: Trách nhiệm đối với xã hội là một công việc cần thiết phải có đối với bất kỳ doanh nhân, doanh nghiệp nào hướng tới mục tiêu hội nhập và phát triển bền vững. Đối với các doanh nghiệp, tập đoàn nước ngoài công việc này đã trở nên rất quen thuộc và được hoạch định rất rõ ràng, cụ thể. Trách nhiệm xã hội với họ bao gồm cả những vấn đề liên quan đến đạo đức kinh doanh, sáng tạo và những giá trị cho cộng đồng. Tuy nhiên, công

việc này đối với các doanh nghiệp Việt Nam mới chỉ bắt đầu, song sẽ là vấn đề mang tính lâu dài trong bối cảnh hội nhập hiện nay.

Việc thực hiện trách nhiệm xã hội với những cam kết về: trách nhiệm với thị trường và người tiêu dùng; trách nhiệm về bảo vệ môi trường; trách nhiệm với người lao động; trách nhiệm chung với cộng đồng, nhiều doanh nghiệp Việt Nam đã đi tiên phong trong phong trào này, tạo được những ấn tượng tốt đối với công chúng.

Tại Hội nghị trực tuyến toàn quốc về môi trường của Chính phủ, ngày 24/8/2016, Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Trần Hồng Hà đã dẫn ra những con số báo động: Môi trường nước ta đang chịu nhiều áp lực lớn từ phát triển kinh tế - xã hội trong nước, theo dòng thương mại quốc tế và tác động xuyên biên giới. Hằng năm có hơn 2.000 dự án thuộc đối tượng phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường. “Trên cả nước hiện có 283 khu công nghiệp với hơn 550.000m³ nước thải/ngày đêm; 615 cụm công nghiệp, trong đó chỉ khoảng hơn 5% có hệ thống xử lý nước thải tập trung; hơn 500.000 cơ sở sản xuất, trong đó có nhiều loại hình sản xuất ô nhiễm môi trường, công nghệ sản xuất lạc hậu. Cả nước cũng có trên 5.000 doanh nghiệp khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng; hơn 4.500 làng nghề; hơn 13.500 cơ sở y tế hằng ngày phát sinh hơn 47 chất tấn thải nguy hại, hơn 125.000m³ nước thải y tế; có 787 đô thị với 3 triệu mét khối nước thải/ngày đêm nhưng hầu hết chưa được xử lý; lưu hành trên 43 triệu xe máy và 2 triệu ô tô. Hằng năm, trên cả nước sử dụng hơn 100.000 tấn hóa chất bảo vệ thực vật; phát sinh hơn 23 triệu tấn rác thải sinh hoạt, hơn 7 triệu tấn chất thải rắn công nghiệp, hơn 630.000 tấn chất thải nguy hại; hiện có 458 bãi

chôn lấp rác thải, trong đó có 337 bãi chôn lấp không hợp vệ sinh... Điều này đang đe dọa trực tiếp đến vấn đề an ninh môi trường ở nước ta hiện nay”¹.

Và trong thời gian gần đây, hàng loạt các ông chủ, các “đại gia” của một số doanh nghiệp lần lượt sa lưới pháp luật, như vụ án Lâm Ngọc Khuân và đồng phạm; vụ Phạm Văn Cử và đồng phạm; vụ Trần Quốc Đông; vụ Dương Thanh Cường; vụ Vũ Quốc Hảo; vụ Phạm Thị Bích Lương; vụ Nguyễn Thế Dũng; và gần đây là các vụ Trần Đức Kiên (Bầu Kiên), Phạm Công Danh, Hà Văn Thắm, Trầm Bê,... Điểm chung trong các vụ án là thiếu trách nhiệm, lợi dụng chức vụ, cấu kết lợi ích nhóm để trục lợi, tham ô, làm thất thoát tài sản của Nhà nước. Điều đó gióng lên hồi chuông báo động về sự tha hóa, biến chất của những người đứng đầu các công ty, doanh nghiệp do đặt lợi ích cá nhân, đồng tiền lên trên hết, gây ra hậu quả nặng nề, làm suy giảm niềm tin trong nhân dân.

Chính những hạn chế, lỗ hổng trong tuyển chọn, bổ nhiệm, quản lý cán bộ; những yếu kém trong khâu kiểm tra, giám sát, vận hành của các công ty, doanh nghiệp và sự thiếu bản lĩnh của các cá nhân, nên việc xây dựng văn hóa doanh nhân, văn hóa doanh nghiệp là những yêu cầu cấp thiết đang đặt ra hiện nay nhằm khắc phục những bất ổn trong tư duy làm ăn kinh tế thuần túy mà quên đi trách nhiệm xã hội, ứng xử thiếu văn hóa với môi trường, môi sinh và đồng loại, gây ra những tổn hại lớn về vật chất và tinh thần cho xã hội.

1. <http://mtnt.hoinongdan.org.vn//sitepages/news/1109/53457/80-nuoc-thai-xa-thang-ra-moi-truong>.

3. Thực trạng văn hóa trong tiêu dùng ở Việt Nam

Trong bối cảnh toàn cầu hóa đang diễn ra với tốc độ cao, Việt Nam cùng các quốc gia đang mở cửa để hội nhập vào nền kinh tế toàn cầu. Sau khi gia nhập WTO và ký kết hàng loạt các hiệp định tự do thương mại với các quốc gia trong khu vực và trên thế giới, thị trường Việt Nam đã xuất hiện ngày càng nhiều các thương hiệu quốc tế, các sản phẩm sản xuất trong nước phải đối mặt với sự cạnh tranh gay gắt của các sản phẩm nhập khẩu, nhiều hàng hóa được nhập khẩu hoặc đầu tư của nước ngoài cùng tham gia vào thị trường do sự can thiệp của các hàng rào thuế quan ngày càng giảm dần. Các doanh nghiệp Việt đã, đang và sẽ phải cạnh tranh khốc liệt với các doanh nghiệp ngoại ngay tại sân nhà, người tiêu dùng Việt Nam có thể mua và tiêu dùng vô số thương hiệu đến từ mọi quốc gia. Với chất lượng cao, mẫu mã đa dạng, giá cả ngày càng hợp lý, các thương hiệu ngoại đã thu hút sự quan tâm đông đảo của người tiêu dùng Việt Nam. Nghiên cứu văn hóa tiêu dùng hay nói cách khác là nghiên cứu thái độ, thói quen, hành vi mua sắm, v.v. của người dân Việt Nam trở thành vấn đề cấp thiết không những đối với các doanh nghiệp Việt Nam mà còn đối với Chính phủ.

Những năm qua, đứng trước nguy cơ người tiêu dùng trong nước chọn hàng ngoại như một điều tất yếu, các doanh nghiệp Việt Nam đã không ngừng nỗ lực trong nâng cao chất lượng sản phẩm, bảo đảm giá cả hợp lý cũng như tăng cường các phương thức quảng bá, dịch vụ chăm sóc khách hàng và thuyết phục người tiêu dùng mua hàng nội, v.v. để có thể cạnh tranh với các sản phẩm ngoại đã có thời gian dài tồn tại trên thị trường Việt Nam. Thực tế cho thấy, tỷ trọng hàng

nội ngày càng tăng trên thị trường nội địa, đặc biệt là sau cuộc vận động “Người Việt Nam dùng hàng Việt Nam” của Chính phủ và được nhiều đoàn thể, tổ chức, doanh nghiệp,... hưởng ứng tham gia. Tuy nhiên, nhiều thương hiệu ngoại vẫn còn chiếm tỷ trọng cao ở một số ngành kinh doanh quan trọng, các doanh nghiệp Việt đã thua tại sân nhà, cho thấy xuất hiện một đặc trưng không thể chối bỏ trong cách tiêu dùng của một bộ phận người Việt còn tâm lý chuộng hàng ngoại. Vậy nét đặc trưng trong tâm lý văn hóa tiêu dùng của người Việt như thế nào? Thái độ, thói quen mua sắm của họ ra sao? Vấn đề đặt ra trong bối cảnh cụ thể của Việt Nam trong giai đoạn hiện nay, các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi tiêu dùng có những đặc điểm gì? Yếu tố nào ảnh hưởng mạnh nhất đến hành vi tiêu dùng của dân Việt? Các chiến lược marketing của các doanh nghiệp Việt đã thực sự phù hợp với văn hóa hành vi tiêu dùng của người dân Việt Nam chưa?, v.v..

Những thông tin về văn hóa tiêu dùng không những đóng góp cho thành công của các doanh nghiệp trong việc xây dựng các chiến lược, chương trình marketing phù hợp với người tiêu dùng nhằm ngày càng chiếm lĩnh thị trường kinh doanh, mà còn đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng các chính sách, nghiên cứu văn hóa tiêu dùng, từ đó góp phần hình thành nên giá trị văn hóa trong tiêu dùng ở Việt Nam.

Những xu hướng văn hóa tiêu dùng của người Việt Nam trong thời đại toàn cầu hóa: Xu hướng văn hóa tiêu dùng chịu ảnh hưởng bởi quá trình toàn cầu hóa và tác động của kinh tế thị trường, là tác nhân chính hình thành nên giá trị văn hóa tiêu dùng hiện nay. Quá trình toàn cầu hóa ảnh hưởng đến việc hình thành và xây dựng lối sống của người Việt Nam. Các nhà nghiên cứu cho rằng, sự biến đổi và hình

thành giá trị văn hóa tiêu dùng chịu tác động bởi toàn cầu hóa sẽ chịu tác động bởi các nhân tố bao gồm: (1) Tính tương đồng trong hành vi tiêu dùng trên phạm vi toàn cầu; (2) Xu hướng tiêu dùng xanh; (3) Xu hướng tiêu dùng sản phẩm an toàn cho sức khỏe; (4) Xu hướng mua sắm sản phẩm mới; và (5) Xu hướng mua sắm trực tuyến.

Thứ nhất, tính tương đồng trong hành vi tiêu dùng trên phạm vi toàn cầu.

Quá trình mở cửa hội nhập kinh tế quốc tế như gia nhập WTO, CPTPP và các hiệp định thương mại tự do khác đã làm cho tiêu chuẩn sống của người Việt Nam ngày càng tăng, ngày càng tương đồng với tiêu chuẩn sống của các quốc gia khác. Một bộ phận không nhỏ dân cư trong nước chịu ảnh hưởng và có hành vi tiêu dùng gần như giống người tiêu dùng ở các nước phát triển như Âu - Mỹ, Hàn Quốc hay Nhật Bản, v.v.. Nhiều doanh nghiệp đa quốc gia đã nhận thấy vấn đề này và họ xây dựng chiến lược kinh doanh cho thương hiệu chung, phát triển sản phẩm phù hợp với tiêu chuẩn chung tương đồng của thế giới và truyền thông xây dựng thương hiệu đồng nhất trên toàn cầu, chẳng hạn, người dân Việt Nam đang uống bia Heineken, uống nước ngọt Coca Cola, Pepsi, ăn trong cửa hàng KFC, xem tivi Sony, hay sử dụng điện thoại di động Iphone, Samsung, v.v..

Thứ hai, xu hướng tiêu dùng xanh.

Khi môi trường trở thành mối quan tâm lớn của nhiều quốc gia trên thế giới thì tiêu dùng xanh hiện đang được xem là xu hướng tiêu dùng của thế kỷ XXI. Từ cuối những năm 1980, người tiêu dùng đã bắt đầu quan tâm tới vấn đề này, họ coi trọng hơn đến hành vi thân thiện với môi trường.

Chính nhận thức về vấn đề môi trường của người tiêu dùng dẫn đến sự thay đổi đáng kể trong quyết định tiêu dùng và thực tiễn tại Việt Nam cho thấy, ngày nay xu thế này đã và đang ảnh hưởng đáng kể đến văn hóa tiêu dùng, người dân nhận thức được tiêu dùng xanh càng ngày càng đóng một vai trò quan trọng đối với môi trường và xã hội. Trong bối cảnh môi trường bị ô nhiễm là một vấn đề đáng báo động tại Việt Nam, nhiều doanh nghiệp đã nhận thấy sự thay đổi trong nhu cầu của khách hàng và sự tăng trưởng đáng kể của các sản phẩm thân thiện môi trường, biết được đây là cơ hội để tạo ra một lợi thế cạnh tranh so với đối thủ. Theo một báo cáo về phát triển bền vững của Công ty Nghiên cứu thị trường Nielsen, người tiêu dùng Việt có tinh thần hướng đến xã hội và sự phát triển bền vững cao nhất trong khu vực Đông Nam Á, cụ thể là có đến 86% người tiêu dùng Việt sẵn sàng chi trả cao hơn để mua sản phẩm/dịch vụ từ các công ty có ảnh hưởng tích cực đến xã hội và môi trường, cao hơn tỷ lệ 76% tại khu vực Đông Nam Á, do một số tác động tiêu cực từ thời tiết bất lợi và sự ô nhiễm, người tiêu dùng quan tâm đến các vấn đề môi trường và xã hội hơn. Người tiêu dùng muốn trở thành công dân có trách nhiệm và họ mong muốn điều tương tự ở các doanh nghiệp. Khi nói đến mục đích mua hàng thì sự cam kết có trách nhiệm với môi trường có ảnh hưởng trực tiếp đến quyết định mua hàng (62% người tiêu dùng Việt Nam). Bên cạnh đó, các cam kết trách nhiệm với các giá trị xã hội khác chiếm 61% và cộng đồng nơi người tiêu dùng đang sống chiếm 62% cũng là các yếu tố quan trọng. Báo cáo chỉ ra rằng, các cam kết với trách nhiệm xã hội, môi trường đang có phần vượt trội hơn so với

các yếu tố truyền thống khác đối với đại đa số người tiêu dùng, do đó, các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh mặt hàng tiêu dùng cần phải có những chính sách thích hợp, nếu không muốn bị tụt hậu so với thị trường¹. Từ thực tế đó, các doanh nghiệp bắt đầu nghĩ đến các hoạt động sản xuất và kinh doanh sản phẩm xanh. Tuy nhiên, quá trình chuyển từ nhận thức đến hành động tiêu dùng xanh của người tiêu dùng phụ thuộc vào nhiều yếu tố, cả khách quan và chủ quan. Bởi vì, người tiêu dùng rất quan tâm đến tiêu dùng xanh nhưng vẫn còn một khoảng cách khá xa giữa ý định mua sản phẩm xanh và hành vi mua sản phẩm này trên thực tế của người tiêu dùng Việt Nam. Nhiều người tiêu dùng Việt Nam dù ý thức được công dụng của sản phẩm xanh và tỏ ra quan tâm tới môi trường nhưng vì lý do nào đó họ vẫn chưa có hoặc hạn chế trong hành vi mua nó trên thực tế.

Thứ ba, quan tâm đến hàng hóa an toàn cho sức khỏe.

Thời gian gần đây, người tiêu dùng Việt Nam quan tâm nhiều hơn đến việc bảo vệ sức khỏe nên đã chú trọng đến thực phẩm an toàn, lối sống lành mạnh. Khảo sát của Nielsen năm 2017 cũng cho thấy, 79% người Việt được khảo sát chủ động tìm kiếm các sản phẩm chất lượng cao, 74% người tìm các sản phẩm tốt cho sức khỏe và lợi ích cho cơ thể, 77% người tìm đến những sản phẩm có nguồn gốc tự nhiên, tươi sống, 76% người tìm các sản phẩm với tiêu chuẩn an toàn cao². Người tiêu dùng Việt Nam đang có sự quan tâm và tiêu thụ mạnh mẽ những sản phẩm thân thiện với môi

1, 2. Xem *Những cam kết về phát triển bền vững sẽ ảnh hưởng đến quyết định mua hàng của người tiêu dùng Việt*, <http://nielsen.com>.

trường và có đòi hỏi cao hơn về chất lượng cũng như nguồn gốc, xuất xứ của sản phẩm. Sau một loạt sự cố về ô nhiễm môi trường biển năm 2016 và những vụ liên quan đến thực phẩm bẩn bị phanh khai, khiến người tiêu dùng phải “rùng mình” như: thịt hôi thối được phù phép đưa ra thị trường bán, nội tạng thối hủ biến thành những món ăn khoái khẩu của dân nhậu, dùng dầu nhớt tưới rau muống tại Sài Gòn hay mỡ bẩn, dấm gạo làm từ axit, v.v., khiến người tiêu dùng quan tâm hơn đến nguồn gốc các loại thực phẩm và vấn đề an toàn vệ sinh trong thực phẩm. Khi mức thu nhập ngày càng tăng thì con người lại ngày càng phải đối mặt với các vấn đề về sức khỏe như: tiểu đường, béo phì, bệnh gút, bệnh do môi trường sống ô nhiễm, bệnh do thức ăn bẩn, tẩm hóa chất độc hại, v.v.. Vì vậy, ngày nay, người tiêu dùng đặc biệt rất quan tâm đến vấn đề sức khỏe. Họ thường có xu hướng chọn những sản phẩm/dịch vụ an toàn và bảo đảm các tiêu chuẩn một cách khắt khe.

Thứ tư, xu hướng dễ chấp nhận sản phẩm mới.

Ngày nay, do sự phát triển cao trên nhiều lĩnh vực, thế giới trở nên phẳng hơn. Những thông tin về sản phẩm mới lan truyền rất nhanh, làm cho sự chấp nhận sản phẩm mới của người tiêu dùng diễn ra nhanh hơn, đồng thời làm cho chu kỳ sống của sản phẩm trên thị trường ngắn lại, các sản phẩm cũ nhanh chóng bị thay thế bằng các sản phẩm mới tiên tiến hơn. Thực tiễn qua khảo sát *Cải tiến sản phẩm mới toàn cầu* của Nielsen (năm 2014) đã thăm dò 30.000 người trả lời trực tuyến tại 60 quốc gia để hiểu thái độ và tình cảm của người tiêu dùng chi phối ý định mua sản phẩm cho thấy, người tiêu dùng ở khu vực Đông Nam Á khá nhiệt tình trong

việc đón nhận các sản phẩm mới so với các quốc gia khác trên toàn cầu, họ dễ dàng hơn để mua dùng thử sản phẩm mới, trong đó, Việt Nam là quốc gia có số điểm cao nhất cho việc sử dụng sản phẩm mới trong khu vực với 88% người tiêu dùng Việt Nam nói rằng, họ có mua một sản phẩm mới trong chuyến mua hàng tạp hóa - cao hơn 19 điểm phần trăm so với điểm trung bình của khu vực châu Á - Thái Bình Dương là 69%. Hơn nữa, 34% người tiêu dùng Việt dành sự ưu ái cho các nhà sản xuất nào cung cấp sản phẩm mới để họ có nhiều lựa chọn và 32% thích mua các sản phẩm mới từ các thương hiệu mà họ đã quen thuộc. Bên cạnh đó, báo cáo của Nielsen cũng cho biết, nguồn thông tin về sản phẩm mới, quảng cáo truyền hình đóng một vai trò quan trọng - gần 1/5 người tiêu dùng ở Việt Nam cho biết, tivi là nguồn thông tin phổ biến nhất mà họ biết về thông tin sản phẩm mới và 55% người tiêu dùng cho rằng, quảng cáo truyền hình nằm trong top 5 các nguồn thông tin về sản phẩm mới. Gợi ý hay khuyến cáo từ gia đình và bạn bè cùng với việc tìm kiếm thông tin trên mạng internet cũng là hai nguồn thông tin quan trọng cho việc quảng bá sản phẩm mới, với 60% người tiêu dùng cho rằng, gợi ý từ gia đình và bạn bè nằm trong top 5 các nguồn thông tin về sản phẩm mới và 43% cho rằng, tìm kiếm thông tin trên internet nằm trong top 5 các nguồn thông tin về sản phẩm mới¹. Điều đó cho thấy, một xu hướng tiêu dùng mới và đang diễn ra rất mạnh mẽ trong tiêu dùng của dân chúng khu vực Đông Nam Á nói chung và

1. Xem *88% người tiêu dùng Việt thích sử dụng sản phẩm mới*, <http://nielsen.com>.

Việt Nam nói riêng là có một sự khao khát mạnh mẽ cho sự đổi mới và họ đang ngày càng đòi hỏi và mong chờ sự lựa chọn tốt hơn.

Tuy nhiên, điểm khác biệt nếu so sánh các yếu tố này với người tiêu dùng toàn cầu thì khả năng chi trả được xếp hạng đầu tiên của việc dùng thử sản phẩm mới, tiếp theo là phù hợp với nhu cầu cá nhân và tiếp đến là yếu tố tiện ích¹.

Thứ năm, xu hướng mua sắm trực tuyến.

Thị trường thương mại điện tử tại Việt Nam trong những năm gần đây đang phát triển đều đặn và có những bước tiến xa. Có thể nói, đây là mảnh đất màu mỡ, giàu tiềm năng để các doanh nghiệp khai thác cũng như mang đến nhiều lợi ích cho người tiêu dùng. Sự phát triển của xã hội công nghiệp, cuộc sống của con người ngày càng bận rộn hơn thì mua sắm trực tuyến là giải pháp tiết kiệm tối đa thời gian. Người tiêu dùng thay vì phải mệt mỏi chờ đợi và chen chúc trong các khu chợ, siêu thị thì chỉ cần một vài cú nhấp chuột là có thể chọn được món đồ họ thích. Mua sắm trực tuyến ngày nay được thực hiện rất đơn giản và dễ dàng, bởi người dùng có thể chủ động mua trong bất kỳ thời điểm nào, bên cạnh đó, hình thức vận chuyển hàng hóa tiện lợi cũng là một lợi thế của mua sắm trực tuyến: dịch vụ giao hàng tận nơi tiện lợi, an toàn giúp tiết kiệm thời gian quý giá của khách hàng, người dùng còn có thể dễ dàng so sánh giá trên các trang web khác nhau, bảo đảm món hàng mình sở hữu đáng “đồng tiền bát gạo”. Đặc biệt, với sự phát triển mạnh mẽ của các phương

1. Xem *88% người tiêu dùng Việt thích sử dụng sản phẩm mới*, <http://nielsen.com>.

thức thanh toán đa dạng cũng được nhiều cửa hàng trực tuyến áp dụng để tiện ích hóa các dịch vụ mua sắm: người tiêu dùng có thể thanh toán qua thẻ ngân hàng hoặc trả tiền mặt trực tiếp khi nhận hàng, do đó, họ hoàn toàn yên tâm chọn món hàng mình ưng ý, kiểm tra tận tay và trả tiền khi đã đồng ý.

Kết quả trong báo cáo nghiên cứu xu hướng tiêu dùng khu vực châu Á - Thái Bình Dương (APAC) của Công ty Nghiên cứu thị trường CBRE Việt Nam được thực hiện thông qua khảo sát và phỏng vấn 11.000 người tiêu dùng trên 11 thành phố lớn thuộc khu vực châu Á - Thái Bình Dương vào tháng 8/2014. Riêng tại Việt Nam, kết quả đánh giá dựa trên kết quả khảo sát 1.000 người tiêu dùng trong độ tuổi 18 đến 64, chia đều giữa hai trung tâm kinh tế lớn là Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh cho thấy, 25% số người tiêu dùng được khảo sát dự định sẽ mua sắm ít hơn tại cửa hàng thực tế, trong khi 45 - 50% số người được hỏi cho rằng, họ sẽ mua sắm trực tuyến thông qua máy tính để bàn/máy tính xách tay hay điện thoại thông minh/máy tính bảng thường xuyên hơn. Do đó, các nhà quản lý doanh nghiệp cần phải lưu ý tới những cạnh tranh đến từ loại hình thương mại trực tuyến. Theo CBRE, 69% người tiêu dùng trong độ tuổi từ 55 đến 64 cho rằng, họ sẽ mua sắm các mặt hàng phi thực phẩm thường xuyên hơn bằng điện thoại thông minh/máy tính bảng. Riêng tại Việt Nam, 50% số người được hỏi cho biết, họ dự định sẽ mua sắm thông qua điện thoại di động hoặc máy tính bảng¹.

1. Xem *Xu hướng mua sắm trực tuyến ngày càng thông dụng*, <http://cbre.vietnam.com>.

Nhìn chung, hành vi mua sắm trực tuyến có năm ưu điểm mang lại cho người tiêu dùng là: tiết kiệm thời gian, tiết kiệm tiền bạc, tiết kiệm công sức, so sánh giá dễ dàng, thanh toán tiện lợi. Vì vậy, các doanh nghiệp cần nắm bắt những vấn đề này biết cách sử dụng công cụ kinh doanh trực tuyến đáp ứng nhu cầu và xu hướng tiêu dùng mới sẽ tạo được lợi thế cạnh tranh đáng kể so với đối thủ.

Có thể nói, giá trị văn hóa tiêu dùng của người Việt Nam chịu ảnh hưởng bởi các mức độ biểu hiện, tính kế thừa văn hóa, tác động môi trường xã hội đến hành vi tiêu dùng, các yếu tố khách quan và chủ quan. Xu hướng văn hóa tiêu dùng của người Việt Nam dưới tác động của xu hướng văn hóa hành vi tiêu dùng thế giới trong bối cảnh hội nhập chắc chắn ảnh hưởng và làm thay đổi diện mạo giá trị văn hóa tiêu dùng của người Việt Nam hiện nay.

Trong thực tế, Việt Nam đang tồn tại thị trường văn hóa và văn hóa tiêu dùng chuẩn tắc, nhưng sự hình thành các giá trị văn hóa trong tiêu dùng chưa hình thành một cách rõ ràng, chưa mang tính hệ thống. Có thể nói, khái niệm giá trị văn hóa tiêu dùng ở Việt Nam hiện nay còn chưa được xác lập quy chuẩn nên ở góc độ khoa học, quản lý và phát triển văn hóa. Đa phần các vấn đề liên quan đến văn hóa tiêu dùng chưa được nghiên cứu và ứng dụng rộng rãi. Theo đó, chúng ta cần chú trọng quá trình kế thừa và phát triển các giá trị văn hóa bản sắc dân tộc và xu hướng tác động toàn cầu hóa đang diễn ra ngày càng mạnh mẽ hiện nay, đặc biệt là thời đại cách mạng công nghiệp 4.0 đang hiện hữu và tác động mạnh mẽ đến mọi cá nhân, mọi cộng đồng và mọi dân tộc.

4. Thực trạng sáng tạo, sử dụng thành tựu khoa học kỹ thuật, công nghệ cao trong phát triển kinh tế ở Việt Nam

Trong thời gian qua, cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 bắt đầu có những ảnh hưởng mạnh mẽ đến nền kinh tế nước ta. Các đột phá công nghệ liên quan đến trí tuệ nhân tạo, viễn thông và truyền thông đang làm thay đổi sâu sắc đến các ngành nghề truyền thống như dệt may, da giày, vận tải và thậm chí cả những ngành nghề được coi là hiện đại như hoạt động khách sạn, ngân hàng, du lịch, kế toán,... Bối cảnh mới càng nâng cao hơn nữa vai trò của sáng tạo, khoa học, kỹ thuật, công nghệ trong thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế. Thực trạng này đang đặt ra yêu cầu bức thiết cho Chính phủ cần phải thực hiện các cơ chế, chính sách nhằm phát huy tính sáng tạo, đẩy mạnh ứng dụng thành tựu khoa học kỹ thuật, công nghệ cao trong phát triển kinh tế.

a) Nhận diện về sáng tạo, sử dụng thành tựu khoa học kỹ thuật, công nghệ cao trong phát triển kinh tế ở Việt Nam

Để có thể hiểu rõ vị trí và bức tranh về sáng tạo và ứng dụng các thành tựu khoa học kỹ thuật, công nghệ cao trong nền kinh tế Việt Nam, phần này sẽ thể hiện diễn biến về tăng trưởng và cấu trúc của nền kinh tế (công nghiệp và xây dựng; nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản; dịch vụ). Cùng với đó là đóng góp của các yếu tố vốn, lao động và công nghệ cho tăng trưởng. Từ đó xem xét vai trò của sáng tạo và ứng dụng công nghệ, các thành tựu khoa học kỹ thuật trong tăng trưởng năng suất các nhân tố tổng hợp hay nhân tố công nghệ.

Tăng trưởng kinh tế năm 2018 đạt 7,08%, là mức tăng cao nhất kể từ năm 2008 trở về đây, vượt mục tiêu 6,7% đặt ra¹ (năm 2007 đạt 7,13%).

Nhiều nghiên cứu đã chỉ ra, tăng trưởng cao trước đây của Việt Nam chủ yếu là do gia tăng vốn, mở rộng tín dụng, khai thác tài nguyên thiên nhiên và tận dụng lao động giá rẻ. Mô hình tăng trưởng theo chiều rộng đã đem lại tăng trưởng cao cho nền kinh tế nước ta trong một thời gian dài, nhưng mô hình tăng trưởng dựa vào lợi thế cạnh tranh tĩnh (vốn, lao động giá rẻ, tài nguyên thiên nhiên, vị trí địa lý) không thể duy trì tốc độ tăng trưởng cao bền vững bởi vì mở rộng các nhân tố để thúc đẩy tăng trưởng bao hàm những rủi ro tiềm ẩn. Chẳng hạn, mở rộng tín dụng và chi ngân sách sẽ kéo theo rủi ro lạm phát, bong bóng chứng khoán và bất động sản, và tính thiếu bền vững của nợ công.

Trong mức tăng trưởng của toàn nền kinh tế năm 2018, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,76%, đóng góp 8,7% vào mức tăng trưởng chung; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,85%, đóng góp 48,6%; khu vực dịch vụ tăng 7,03%, đóng góp 42,7%.

Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,76%, đạt mức tăng trưởng cao nhất trong 7 năm qua, khẳng định chuyển đổi cơ cấu ngành đã phát huy hiệu quả, đặc biệt trong lĩnh vực nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản. Cơ cấu cây trồng được chuyển dịch theo hướng tích cực, giống lúa mới chất lượng cao đang dần thay thế giống lúa truyền thống, phát triển mô hình theo tiêu chuẩn VietGap cho giá trị kinh tế cao.

1. Xem Bộ Kế hoạch và Đầu tư: *Sách trắng doanh nghiệp Việt Nam*, *Sđd*, tr.15.

Khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,85%, trong đó ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tiếp tục là điểm sáng đóng góp chính cho tăng trưởng kinh tế với mức tăng cao 12,98%, tuy thấp hơn mức tăng của năm 2017 nhưng cao hơn nhiều so với mức tăng các năm 2012 - 2016, đóng góp 2,55 điểm phần trăm vào mức tăng trưởng chung. Kết quả tăng trưởng cho thấy nền kinh tế đã thoát khỏi sự phụ thuộc vào khai thác khoáng sản và tài nguyên khi năm 2018 là năm thứ ba liên tiếp công nghiệp khai khoáng tăng trưởng âm (giảm 3,11%), làm giảm 0,23 điểm phần trăm mức tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế.

Khu vực dịch vụ năm 2018 tăng 7,03%, cao hơn mức tăng các năm thuộc giai đoạn 2012 - 2016, trong đó các ngành dịch vụ thị trường có tỷ trọng đóng góp lớn vào tăng trưởng GDP như bán buôn, bán lẻ; hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm; dịch vụ lưu trú và ăn uống; vận tải, kho bãi... đều đạt mức tăng trưởng khá. Hoạt động thương mại và dịch vụ năm 2018 có mức tăng trưởng khá, sức mua tiêu dùng tăng cao, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đạt 4.395,7 nghìn tỷ đồng, tăng 11,7% so với năm 2017.

Chất lượng tăng trưởng và hiệu quả kinh tế được cải thiện rõ nét:

- Tăng trưởng kinh tế dần chuyển dịch theo chiều sâu, tỷ lệ đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) trong tăng trưởng GDP năm 2018 đạt 43,5%, bình quân giai đoạn 2016 - 2018 đạt 43,3%, cao hơn nhiều so với mức bình quân 33,6% của giai đoạn 2011 - 2015. Tỷ lệ vốn đầu tư toàn xã hội thực hiện/GDP năm 2018 đạt 33,5%, đảm bảo mục tiêu Quốc hội đề ra từ 33 - 34%.

- Năng suất lao động của Việt Nam thời gian qua có sự cải thiện đáng kể theo hướng tăng đều qua các năm, là quốc

gia có tốc độ tăng năng suất lao động cao trong khu vực ASEAN. Tính theo giá so sánh, năng suất lao động năm 2018 tăng 5,93% so với năm 2017, bình quân giai đoạn 2016 - 2018 tăng 5,75%/năm, cao hơn mức tăng 4,35%/năm của giai đoạn 2011 - 2015.

- Hiệu quả sử dụng vốn đầu tư thể hiện qua hệ số ICOR đang dần được cải thiện, từ mức 6,42 năm 2016 giảm xuống còn 6,11 năm 2017 và ước tính năm 2018 là 5,97, bình quân giai đoạn 2016 - 2018 hệ số ICOR ở mức 6,17, thấp hơn mức 6,25 của giai đoạn 2011 - 2015.

- Độ mở của nền kinh tế ngày càng cao, năm 2018 tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ so với GDP đạt 208,6%, điều này chứng tỏ Việt Nam khai thác được thế mạnh của kinh tế trong nước đồng thời tranh thủ được thị trường thế giới.

- Cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch tích cực theo xu hướng giảm tỷ trọng nông, lâm nghiệp và thủy sản; tăng tỷ trọng ngành công nghiệp, xây dựng và ngành dịch vụ.

Kim ngạch hàng hóa xuất khẩu năm 2018 ước tính đạt 243,5 tỷ USD, tăng 13,2% so với năm 2017, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 69,8 tỷ USD, tăng 16,9% so với năm 2017, chiếm 28,7% tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 173,7 tỷ USD, tăng 11,8%, chiếm 71,3% (giảm 1 điểm phần trăm so với năm 2017).

Năm 2018, khu vực kinh tế trong nước chuyển biến tích cực khi đạt tốc độ tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu cao hơn khu vực có vốn đầu tư nước ngoài với tỷ trọng trong tổng kim ngạch xuất khẩu tăng lên so với năm 2017. Trong năm 2018 có 29 mặt hàng đạt kim ngạch xuất khẩu trên 1 tỷ USD, chiếm tới 91,7% tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước,

trong đó có 5 mặt hàng đạt trên 10 tỷ USD, chiếm 58,2%. Kim ngạch hàng hoá nhập khẩu năm 2018 ước tính đạt 236,7 tỷ USD, tăng 11,1% so với năm trước, trong đó có 36 mặt hàng ước tính kim ngạch nhập khẩu đạt trên 1 tỷ USD, chiếm 90,4% tổng kim ngạch, trong đó có 4 mặt hàng trên 10 tỷ USD, chiếm 44,2%. Sơ bộ cả năm 2018, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa thiết lập mức kỷ lục mới với 480,2 tỷ USD. Cán cân thương mại hàng hóa xuất siêu 6,8 tỷ USD, là năm có giá trị xuất siêu lớn nhất từ trước đến nay, cao hơn nhiều mức xuất siêu 2,1 tỷ USD của năm 2017, vượt xa mục tiêu Quốc hội đề ra là tỷ lệ nhập siêu dưới 3%¹.

Từ phân tích trên cho thấy, tốc độ tăng trưởng GDP những năm gần đây ở mức khá và nền kinh tế đang có xu hướng phục hồi. Tuy nhiên, nền kinh tế nước ta cần có những bước đột phá trong ứng dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ để thúc đẩy tăng năng suất và tăng trưởng kinh tế.

Tuy nhiên năng lực sáng tạo, ứng dụng khoa học và công nghệ trong phát triển kinh tế của Việt Nam đã được cải thiện. Trong 5 năm gần đây, thứ hạng các trụ cột Đổi mới sáng tạo (GII) của Việt Nam có xu hướng cải thiện liên tục. Năm 2018, chỉ số Đổi mới sáng tạo của nước ta được Tổ chức sở hữu trí tuệ thế giới (WIPO) xếp vị trí thứ 45/126 nền kinh tế, tăng 2 bậc so với năm 2017. Xếp hạng chung về các trụ cột Đổi mới sáng tạo của nước ta năm 2018 so với năm 2014 tăng 26 bậc với 6/7 chỉ số thành phần tăng hạng. Trong đó, thể chế tăng 43 bậc (từ vị trí 121/143 lên vị trí 78/126); Nguồn nhân lực và nghiên cứu tăng 23 bậc (từ vị trí 89 lên vị trí 66); Cơ sở hạ tầng cải thiện 21 bậc (vị trí 99 lên vị trí 78); Trình độ

1. Xem Bộ Kế hoạch và Đầu tư: *Sách trắng doanh nghiệp Việt Nam*, *Sđd*, tr.15-20.

phát triển của thị trường tăng 59 bậc (từ vị trí 92 lên vị trí 33); Sản phẩm kiến thức và công nghệ tăng 14 bậc (từ vị trí 49 lên vị trí 35); Sản phẩm sáng tạo cải thiện 12 bậc (từ vị trí 58 lên vị trí 46).

Năm 2019, theo báo cáo vừa được tổ chức WIPO, chỉ số GII năm 2019 của Việt Nam tiếp tục cải thiện vị trí, tăng 3 bậc, lên vị trí 42 trên 129 quốc gia/nền kinh tế được xếp hạng so với năm 2018. Thứ hạng này đã cải thiện 17 bậc so với xếp hạng năm 2016 và đưa Việt Nam vươn lên xếp thứ nhất trong nhóm 26 quốc gia thu nhập trung bình thấp. Quan trọng hơn, Việt Nam có sự tiến bộ ở cả nhóm chỉ số đầu vào (tăng 2 bậc so với năm 2018) và đầu ra (tăng 4 bậc so với năm 2018), cũng như có điểm số cao trong cả 7 trụ cột, đều cao hơn mức trung bình¹.

Ngày 15/5/2019, Hội nghị “Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo - Một trụ cột cho phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam” được tổ chức. Hội nghị nhằm làm rõ vai trò của khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo như là một trụ cột quan trọng trong phát triển kinh tế, xã hội, đồng thời khuyến nghị những giải pháp, chính sách cụ thể cho Việt Nam. Báo cáo về thành tựu khoa học công nghệ những năm gần đây, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Chu Ngọc Anh cho biết khoa học công nghệ đã có những đóng góp mạnh mẽ cho sự phát triển của các ngành chủ chốt ở Việt Nam. Hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia được hình thành và chuyển dịch theo hướng đưa doanh nghiệp trở thành trung tâm để đưa các kết quả nghiên cứu thành sản phẩm, hàng hóa phục vụ trực tiếp

1. Xem <http://baochinhphu.vn/Khoa-hoc-Cong-nghe/Nhieu-chi-so-doi-moi-sang-tao-cua-Viet-Nam-tang-vuot-bac/371519.vgp>.

cho nhu cầu trong nước và xuất khẩu; phong trào khởi nghiệp sáng tạo đã lan tỏa mạnh mẽ trong xã hội; tiềm lực khoa học và công nghệ quốc gia được củng cố; thị trường khoa học và công nghệ bước đầu gắn kết hoạt động khoa học và công nghệ với sản xuất, kinh doanh. Hệ thống các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, bảo vệ và thực thi quyền sở hữu trí tuệ dần đáp ứng yêu cầu phát triển và hội nhập quốc tế. Minh chứng rõ nét cho điều này thể hiện ở thành tựu phát triển của các ngành, lĩnh vực nổi bật như: Nông nghiệp, công nghiệp, tài chính ngân hàng, xây dựng, giao thông, y tế, an ninh quốc phòng... trong thời gian qua đều có sự đóng góp của khoa học và công nghệ¹.

Tuy nhiên, để khoa học thực sự trở thành động lực và nền tảng cho phát triển kinh tế - xã hội, cần phải khắc phục những khó khăn, vướng mắc, tạo sự đồng bộ về thể chế giữa pháp luật về khoa học và công nghệ với pháp luật liên quan; cần có các giải pháp mạnh mẽ hơn để thu hút đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ đầu ngành, nhà khoa học tài năng và nhà khoa học nước ngoài cùng hợp tác, hỗ trợ giải bài toán cụ thể của Việt Nam. “Cần có những giải pháp để tăng cường đầu tư cho khoa học và công nghệ không chỉ từ nhà nước mà còn từ xã hội, đặc biệt là từ doanh nghiệp; nâng cao nhu cầu công nghệ tự thân của doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp vừa và nhỏ; tăng cường liên kết viện, trường và doanh nghiệp, đưa doanh nghiệp thực sự trở thành trung tâm của hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia, nơi biến các kết quả nghiên cứu từ viện, trường thành sản phẩm, hàng hóa”².

1, 2. Xem <https://baotainguyenmoitruong.vn/bo-truong-chu-ngoc-anh-khoa-hoc-cong-nghe-doi-moi-sang-tao-la-tru-cot-phat-trien-kinh-te-223983.html>

b) Chính sách thúc đẩy khoa học công nghệ¹ của Việt Nam

Giai đoạn quan trọng nhất trong phát triển khoa học công nghệ có lẽ bắt đầu từ năm 2000, đây là khoảng thời gian hình thành hành lang pháp lý quan trọng cho thị trường khoa học và công nghệ phát triển.

Luật khoa học và công nghệ ban hành ngày 09/6/2000, là đạo luật đầu tiên tạo lập khung pháp lý cho các hoạt động khoa học và công nghệ nói chung cũng như thị trường khoa học công nghệ nói riêng.

Năm 2002, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 188/2002/QĐ-TTg về việc phê duyệt Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Kết luận của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về khoa học và công nghệ.

Chương trình hành động của Chính phủ đã đưa ra nhiều mục tiêu để phát triển khoa học và công nghệ, trong đó việc phát triển thị trường khoa học công nghệ cũng là một trong những mục tiêu quan trọng.

Năm 2003, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 272/QĐ-TTg về phê duyệt *Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ Việt Nam đến năm 2010*, trong đó quy định việc xây dựng và phát triển thị trường khoa học và công nghệ gồm 4 nội dung: ban hành Nghị định sửa đổi về chuyển giao công nghệ, Nghị định sửa đổi quy định chi tiết về sở hữu công nghiệp; xây dựng và triển khai thực hiện chương trình hỗ trợ doanh nghiệp hiện đại hóa, đổi mới công nghệ, nâng

1. Phần mô tả về chính sách thúc đẩy phát triển khoa học công nghệ - những năm gần đây - dựa vào công trình nghiên cứu của Nguyễn Chiến Thắng (2012).

cao năng lực cạnh tranh và hội nhập kinh tế ở các tỉnh, thành phố trên cơ sở liên kết cơ quan quản lý khoa học và công nghệ, tổ chức khoa học và công nghệ và doanh nghiệp; phát triển chợ thiết bị và công nghệ ở địa phương và ở quy mô cả nước. Hình thành các tổ chức quản lý thị trường công nghệ; thành lập Quỹ đầu tư mạo hiểm hỗ trợ tổ chức, cá nhân ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp¹.

Để cụ thể hóa Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Kết luận của Hội nghị Trung ương 6 khóa IX về khoa học và công nghệ, Bộ Khoa học và Công nghệ đã hoàn thành Dự thảo Đề án phát triển thị trường công nghệ với các giải pháp đồng bộ, toàn diện tác động đến các yếu tố cấu thành thị trường công nghệ. Mục tiêu mà Đề án Phát triển thị trường công nghệ đề ra bao gồm: xây dựng và hoàn thiện các thể chế cơ bản của thị trường công nghệ, môi trường cạnh tranh lành mạnh; thúc đẩy và hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư đổi mới công nghệ, góp phần phát triển kinh tế nhanh và bền vững; tăng nhanh số lượng và chất lượng các giao dịch mua bán công nghệ; phấn đấu mức tăng trưởng giá trị giao dịch mua bán công nghệ đạt bình quân 10% mỗi năm trong giai đoạn 2006 - 2010².

Việc chuyển giao công nghệ của các chủ thể trên thị trường khoa học công nghệ đã được khuyến khích với sự ra đời của Luật chuyển giao công nghệ năm 2006. Luật quy định về hoạt động chuyển giao công nghệ tại Việt Nam, từ Việt Nam ra nước ngoài, từ nước ngoài vào Việt Nam, quyền

1. Thuvienphapluat.vn.

2. Xem Bộ Khoa học và Công nghệ: *Khoa học và công nghệ Việt Nam 2004*, Hà Nội, 2005, tr.20-22.

và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động chuyển giao công nghệ, thẩm quyền của cơ quan quản lý nhà nước, các biện pháp khuyến khích thúc đẩy hoạt động chuyển giao công nghệ.

Ngày 11/4/2012 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 418/QĐ-TTg về Phê duyệt *Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ giai đoạn 2011 - 2020*, đưa ra năm quan điểm phát triển khoa học và công nghệ: 1- Phát triển khoa học và công nghệ cùng với giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu, là động lực then chốt để phát triển đất nước nhanh và bền vững. Khoa học và công nghệ phải đóng vai trò chủ đạo để tạo được bước phát triển đột phá về lực lượng sản xuất, đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế, đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. 2- Tập trung thực hiện đồng bộ ba nhiệm vụ chủ yếu: tiếp tục đổi mới cơ bản, toàn diện và đồng bộ tổ chức, cơ chế quản lý, cơ chế hoạt động khoa học và công nghệ; tăng cường tiềm lực khoa học và công nghệ quốc gia; đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng, gắn nhiệm vụ phát triển khoa học và công nghệ với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội ở các cấp, các ngành. 3- Nhà nước tăng mức đầu tư và ưu tiên đầu tư cho các nhiệm vụ khoa học và công nghệ quốc gia, các sản phẩm quốc gia. Đẩy mạnh xã hội hóa, huy động mọi nguồn lực, đặc biệt là của các doanh nghiệp cho đầu tư phát triển khoa học và công nghệ. 4- Phát triển thị trường khoa học và công nghệ gắn với thực thi pháp luật về sở hữu trí tuệ nhằm thúc đẩy thương mại hóa kết quả nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ, khuyến khích sáng tạo khoa học và công nghệ. 5- Hội nhập quốc tế về khoa học và công nghệ là mục tiêu

đồng thời là giải pháp quan trọng để góp phần đưa khoa học và công nghệ Việt Nam sớm đạt trình độ quốc tế. Hội nhập quốc tế về khoa học và công nghệ phải được thực hiện tích cực, chủ động, sáng tạo, bảo đảm độc lập, chủ quyền, an ninh quốc gia, bình đẳng và cùng có lợi.

Chiến lược cũng đã đề ra mục tiêu chung, đó là: phát triển đồng bộ khoa học xã hội và nhân văn, khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật và công nghệ; đưa khoa học và công nghệ thực sự trở thành động lực then chốt, đáp ứng các yêu cầu cơ bản của một nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Đến năm 2020, khoa học và công nghệ Việt Nam có một số lĩnh vực đạt trình độ tiên tiến, hiện đại của khu vực ASEAN và thế giới.

Từ mục tiêu chung, các mục tiêu cụ thể theo lộ trình và có thể lượng hóa để theo dõi như sau:

- Đến năm 2020, khoa học và công nghệ góp phần đáng kể vào tăng trưởng kinh tế và cấu trúc lại nền kinh tế, giá trị sản phẩm công nghệ cao và sản phẩm ứng dụng công nghệ cao đạt 45% GDP. Tốc độ đổi mới công nghệ, thiết bị đạt 10 - 15%/năm giai đoạn 2011 - 2015 và trên 20%/năm giai đoạn 2016 - 2020. Giá trị giao dịch của thị trường khoa học và công nghệ tăng trung bình 15 - 17%/năm.

- Số lượng công bố quốc tế từ các đề tài nghiên cứu sử dụng ngân sách nhà nước tăng trung bình 15 - 20%/năm. Số lượng sáng chế đăng ký bảo hộ giai đoạn 2011 - 2015 tăng gấp 1,5 lần so với giai đoạn 2006 - 2010, giai đoạn 2016 - 2020 tăng 2 lần so với giai đoạn 2011 - 2015, trong đó đặc biệt tăng nhanh số lượng sáng chế được tạo ra từ các chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm cấp Nhà nước.

- Phấn đấu tăng tổng đầu tư xã hội cho khoa học và công nghệ đạt 1,5% GDP vào năm 2015 và trên 2% GDP vào

năm 2020. Bảo đảm mức đầu tư từ ngân sách nhà nước cho khoa học và công nghệ không dưới 2% tổng chi ngân sách nhà nước hằng năm.

- Đến năm 2015, số cán bộ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ đạt 9 - 10 người trên một vạn dân; đào tạo và sát hạch theo chuẩn quốc tế 5.000 kỹ sư đủ năng lực tham gia quản lý, điều hành dây chuyền sản xuất công nghệ cao trong các ngành, lĩnh vực ưu tiên phát triển của đất nước.

- Đến năm 2020, số cán bộ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ đạt 11 - 12 người trên một vạn dân; đào tạo và sát hạch theo chuẩn quốc tế 10.000 kỹ sư đủ năng lực tham gia quản lý, điều hành dây chuyền sản xuất công nghệ cao trong các ngành, lĩnh vực ưu tiên phát triển của đất nước.

- Đến năm 2015, hình thành 30 tổ chức nghiên cứu cơ bản và ứng dụng đạt trình độ khu vực và thế giới, đủ năng lực giải quyết những vấn đề trọng yếu quốc gia đặt ra đối với khoa học và công nghệ; 3.000 doanh nghiệp khoa học và công nghệ; 30 cơ sở ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao.

- Đến năm 2020, hình thành 60 tổ chức nghiên cứu cơ bản và ứng dụng đạt trình độ khu vực và thế giới, đủ năng lực giải quyết những vấn đề trọng yếu quốc gia đặt ra đối với khoa học và công nghệ; 5.000 doanh nghiệp khoa học và công nghệ; 60 cơ sở ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao.

Ngày 01/11/2012, Hội nghị Trung ương 6 khóa XI đã thông qua Nghị quyết số 20-NQ/TW về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội

chủ nghĩa và hội nhập quốc tế. Nghị quyết đề ra mục tiêu: Phát triển mạnh mẽ khoa học và công nghệ, làm cho khoa học và công nghệ thực sự là động lực quan trọng nhất để phát triển lực lượng sản xuất hiện đại, kinh tế tri thức, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế; bảo vệ môi trường, bảo đảm quốc phòng, an ninh, đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020 và là nước công nghiệp hiện đại theo định hướng xã hội chủ nghĩa vào giữa thế kỷ XXI.

Ngày 29/3/2013, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 46/NQ-CP ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW, ngày 01/11/2012 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XI về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế. Chương trình đề ra các nhiệm vụ cụ thể như:

1- Tổ chức tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức của các cấp ủy đảng, chính quyền, ban, ngành, đoàn thể và cộng đồng về quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

2- Tiếp tục hoàn thiện thể chế để đổi mới mạnh mẽ, đồng bộ cơ chế quản lý, tổ chức, hoạt động khoa học và công nghệ. Sửa đổi các luật liên quan đến khoa học và công nghệ như: Luật khoa học và công nghệ; Luật ngân sách nhà nước sửa đổi; Luật chuyển giao công nghệ; Luật năng lượng nguyên tử; Luật thuế thu nhập doanh nghiệp; Luật sở hữu trí tuệ; và các cơ chế, chính sách khác.

3- Triển khai các định hướng, nhiệm vụ khoa học và công nghệ chủ yếu: Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ giai đoạn 2011 - 2020; Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011 - 2015; Chương trình Hỗ trợ ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn và miền núi và các chương trình khác.

4- Phát huy và tăng cường tiềm lực khoa học và công nghệ quốc gia.

5- Phát triển thị trường khoa học và công nghệ.

6- Triển khai hiệu quả việc hợp tác và hội nhập quốc tế về khoa học và công nghệ.

Ngày 18/6/2013, Luật khoa học và công nghệ được ban hành, đã thể chế hóa cơ chế phát triển khoa học và công nghệ và khuyến khích các tổ chức, các nhân và doanh nghiệp lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ. Tại Điều 6 Luật khoa học và công nghệ năm 2013 có nêu những chính sách nhằm bảo đảm phát triển khoa học và công nghệ. Luật khoa học và công nghệ là khung khổ pháp lý quan trọng để từ đó ban hành các chính sách nhằm thúc đẩy sáng tạo, ứng dụng khoa học và công nghệ trong phát triển kinh tế.

Bên cạnh đó, Chính phủ ban hành nhiều chính sách khác thúc đẩy phát triển khoa học và công nghệ như việc hình thành Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ quốc gia (năm 2008) (tài trợ cho các nghiên cứu cơ bản và nghiên cứu ứng dụng), Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia (năm 2011) (tài trợ cho các doanh nghiệp đầu tư đổi mới công nghệ) và hỗ trợ kinh phí cho doanh nghiệp nghiên cứu khoa học và công nghệ.

Nhìn chung, cơ chế, chính sách cho thúc đẩy sáng tạo, ứng dụng thành tựu khoa học kỹ thuật, công nghệ cao trong phát triển kinh tế đã được ban hành tương đối đầy đủ nhưng trên thực tế cơ chế chính sách chưa phát huy được hiệu quả. Kết quả là tính sẵn sàng về mặt công nghệ, năng suất của nền kinh tế, và năng lực cạnh tranh của nền kinh tế còn thấp so với nhiều nước trong khu vực.

c) Thực trạng sáng tạo, sử dụng thành tựu khoa học kỹ thuật, công nghệ cao trong phát triển kinh tế ở Việt Nam hiện nay

- Vi phạm quyền sở hữu trí tuệ:

Bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ sẽ thúc đẩy sáng tạo của người dân và doanh nghiệp. Các cá nhân và doanh nghiệp muốn đổi mới, sáng tạo để tạo ra các sản phẩm mới hoặc có tính năng mới, tuy nhiên hoạt động nghiên cứu và triển khai (R&D) là rất tốn kém và để ra một sản phẩm mới có thể phải gặp rất nhiều thất bại. Khi đã tạo ra sản phẩm mới, các cá nhân và doanh nghiệp muốn được độc quyền sản xuất sản phẩm trong một khoảng thời gian nhất định nhằm thu hồi lại chi phí và có lợi nhuận. Nhưng nếu sau khi sáng tạo ra sản phẩm mới, sản phẩm nhanh chóng bị bắt chước và làm giả mà cá nhân và doanh nghiệp sáng tạo không được bảo vệ (bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ) thì cá nhân và doanh nghiệp sẽ không có động lực để sáng tạo. Một hệ thống luật pháp và thực thi không bảo vệ được cá nhân/tổ chức sáng tạo ra các sản phẩm trí tuệ thì đồng nghĩa với việc nền kinh tế thiếu những cơ chế khuyến khích sáng tạo và việc ứng dụng các sáng tạo trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và phát triển kinh tế.

Tại buổi tổng kết chương trình phối hợp hành động phòng và chống xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ giai đoạn 2 (2012 - 2015) cho thấy: “các cơ quan chức năng tại Việt Nam đã tiếp nhận 26.000 vụ việc có dấu hiệu xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ và xử lý vi phạm tới 25.500 vụ việc với số tiền xử lý vi phạm tới gần 97 tỷ đồng”. Vi phạm quyền sở hữu trí tuệ xảy ra ở nhiều lĩnh vực như các tác phẩm văn hóa nghệ thuật, phần mềm máy tính, các sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý, tên thương mại.

- Các lực lượng chức năng của các bộ, ngành đã chủ trì phối hợp kiểm tra và tiếp nhận 25.966 vụ việc có dấu hiệu xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, sản xuất buôn bán hàng giả. Các lực lượng chức năng đã xử lý vi phạm hành chính 25.543 vụ việc. Trong đó, cảnh cáo 68 vụ, phạt tiền 23.197 vụ việc với số tiền xử phạt vi phạm hành chính lên tới gần 97 tỷ đồng. Đáng kể, các cơ quan chức năng đã khởi tố 381 vụ với 553 bị can, xét xử 55 vụ án, trong đó có 12 vụ hình sự.

Tính riêng trong lĩnh vực phần mềm máy tính, theo báo cáo từ Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, từ 2006 đến năm 2015, qua kiểm tra đột xuất 541 doanh nghiệp và tổng số 27.602 máy tính, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã phát hiện hành vi sao chép tác phẩm phần mềm máy tính mà không được phép của chủ sở hữu và lập biên bản vi phạm hành chính và ban hành 499 quyết định xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 8,613 tỷ đồng.

Các cơ quan chức năng cũng áp dụng hình thức xử phạt bổ sung và biện pháp khắc phục hậu quả, tịch thu buộc tiêu hủy, loại bỏ yếu tố vi phạm đối với 980 tấn thực phẩm chức năng các loại, 80.900 tấn phân bón, 45.678 hộp mỹ phẩm,

27.000 sản phẩm thuốc tân dược, 160.599 đĩa CD-VCD không tem nhãn bán tràn lan trên thị trường¹.

Năm 2018, lực lượng quản lý thị trường đã phát hiện xử lý gần 92.000 vụ vi phạm về sở hữu trí tuệ, thu nộp ngân sách trên 490 tỷ đồng, cho thấy tình trạng này ngày càng phức tạp và tinh vi².

- *Tỷ lệ đầu tư cho khoa học và công nghệ còn thấp:*

Tỷ lệ đầu tư cho khoa học và công nghệ của nước ta thấp hơn so với trung bình thế giới và thấp hơn rất nhiều so với các nước trong khu vực. Năm 2006, chi cho khoa học và công nghệ chiếm 1,85% trong tổng chi cho ngân sách; những năm gần đây đã tăng lên 2% (năm 2016), vào khoảng 0,5% GDP. Chi cho lĩnh vực khoa học và công nghệ tăng lên theo mục tiêu là 2% trong tổng chi ngân sách là nỗ lực rất lớn của Chính phủ, tuy nhiên so với nhiều nước thì mức chi này rất khiêm tốn. Chẳng hạn, chi cho khoa học và công nghệ của Hàn Quốc là 4% GDP.

GDP của nước ta còn thấp nên chi ngân sách cho khoa học và công nghệ chỉ chiếm 0,5% GDP (cộng cả đầu tư ngoài ngân sách thì cũng chỉ chiếm khoảng 0,6% GDP) - ở mức thấp hơn rất nhiều so với các nước khác như Trung Quốc hay Hàn Quốc.

Năm 2011, đầu tư cho khoa học và công nghệ của các nước trong khối EU là 1,95% GDP, Nhật Bản là 3,15% GDP, Trung Quốc là 1,31% GDP, Hoa Kỳ là 2,59% GDP, Hàn Quốc gần 5% GDP. Nếu tính đầu tư khoa học và công nghệ trên GDP mỗi

1. Xem <http://thanhtra.most.gov.vn>.

2. Xem: “Tích cực đổi mới, tăng cường phối hợp chống xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ”, tạp chí *Công thương điện tử*, ngày 11/3/2019.

đầu người thì Việt Nam thấp hơn nhiều nước rất nhiều, chẳng hạn, số liệu năm 2013 Việt Nam đạt khoảng 8 USD/người, còn Trung Quốc là 25 USD/người và Hàn Quốc là 1.500 USD/người¹.

Trong những năm gần đây, nguồn lực tài chính đầu tư cho phát triển khoa học và công nghệ đã được bố trí tăng dần. Năm 2019, tổng chi sự nghiệp cho khoa học và công nghệ đạt 12.825 tỷ đồng, tăng khoảng 22% so với năm 2016².

Đầu tư cho khoa học và công nghệ phần lớn là từ ngân sách nhà nước, trong khi đó huy động đầu tư cho khoa học và công nghệ từ các nguồn vốn ngoài ngân sách còn rất nhiều hạn chế. Đầu tư từ ngân sách chiếm khoảng 65 - 70% tổng đầu tư cho khoa học và công nghệ, trong khi vốn từ ngoài ngân sách chiếm 30 - 35%. Điều này ngược lại với xu hướng chung trên thế giới đó là đầu tư ngoài ngân sách cho khoa học và công nghệ chiếm phần lớn, còn đầu tư từ ngân sách chiếm tỷ trọng nhỏ hơn.

Thực trạng này cho thấy đầu tư vào khoa học và công nghệ chưa trở thành hoạt động đem lại lợi nhuận cho doanh nghiệp. Một phần là do nền kinh tế nước ta có khoảng cách công nghệ khá xa so với các nước tiên tiến trên thế giới. Thay vì đầu tư vào sáng tạo, vào R&D có nhiều rủi ro thì các doanh nghiệp Việt Nam nhập khẩu dây truyền sản xuất.

Đội ngũ kỹ sư và các nhà khoa học chất lượng cao Việt Nam còn thiếu nên môi trường cho hoạt động sáng tạo, R&D gặp rất nhiều hạn chế. Thay vào đó, các doanh nghiệp Việt Nam

1. Xem Vũ Tuấn Hùng: “Vai trò của đầu tư phát triển khoa học công nghệ đối với tăng trưởng kinh tế”, tạp chí *Tài chính điện tử*, ngày 16/7/2016.

2. Xem “Ngân sách ưu tiên bố trí kinh phí cho khoa học và công nghệ”, *Thời báo tài chính Việt Nam điện tử*, ngày 17/5/2019.

nhập khẩu công nghệ, nhất là công nghệ thấp, phù hợp với trình độ của các kỹ sư Việt Nam.

- Đầu tư dành cho khoa học và công nghệ mang tính dàn trải, thiếu tập trung:

Tỷ lệ đầu tư dành cho khoa học và công nghệ của nước ta ở mức thấp hơn so với nhiều nước trên khu vực và thế giới, vì thế mức đầu tư (giá trị tuyệt đối) dành cho khoa học và công nghệ cũng ở mức thấp. Mặc dù lượng đầu tư thấp nhưng đầu tư lại dàn trải, nhất là nguồn đầu tư vào lĩnh vực khoa học và công nghệ từ ngân sách nhà nước - khoản đầu tư chiếm tỷ trọng cao hơn rất nhiều so với đầu tư từ ngoài ngân sách.

Kinh phí cho hoạt động khoa học và công nghệ từ vốn ngân sách thường được phân bổ khá đồng đều cho các tỉnh, thành và bộ, ngành. Việc phân bổ vốn mang tính cào bằng, không phân bổ dựa trên căn cứ khoa học, tiêu chí cụ thể, rõ ràng. Vì thế, lượng đầu tư cho khoa học và công nghệ đã ít nhưng lại không tập trung làm cho đầu tư vào khoa học và công nghệ càng thiếu hiệu quả.

Kinh phí đầu tư phát triển từ ngân sách cho khoa học và công nghệ thường được chia đều 50 - 50% giữa trung ương và địa phương; trong khi các địa phương khác nhau về năng lực đổi mới, sáng tạo và về khả năng ứng dụng các thành tựu của khoa học kỹ thuật, công nghệ cao trong hoạt động sản xuất. Điều này làm giảm động lực đổi mới, sáng tạo và ứng dụng khoa học và công nghệ.

Kinh nghiệm phát triển của nhiều nước, chẳng hạn Hàn Quốc cho thấy đầu tư vào khoa học và công nghệ cần có sự tập trung. Những nơi nào có thành tích tốt về đổi mới, sáng tạo thì nơi đó sẽ được cấp thêm vốn vì đây được coi như phần thưởng cho những nơi làm tốt.

Ngoài việc đầu tư dàn trải, thiếu tập trung, quản lý vốn cho khoa học và công nghệ còn bị chồng chéo giữa Bộ Khoa học và Công nghệ với Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Kinh phí của Nhà nước đầu tư cho khoa học và công nghệ được phân bổ thành đầu tư phát triển do Bộ Kế hoạch và Đầu tư quản lý và đầu tư sự nghiệp do Bộ Khoa học và Công nghệ quản lý. Sự chồng chéo trong quản lý vốn đầu tư cho khoa học và công nghệ dẫn đến sự thiếu trách nhiệm trong quản lý, thiếu tính minh bạch trong việc sử dụng nguồn vốn dành cho khoa học và công nghệ, dễ dẫn đến tình trạng đầu tư cho khoa học và công nghệ được phân bổ cho các địa phương dễ đi vào các mục đích khác.

- *Lực lượng các nhà khoa học còn thiếu:*

Theo khảo sát của Chương trình Phát triển Liên hợp quốc năm 2007 do Cheshier và Penrose thực hiện, hầu hết các doanh nghiệp sau khi tuyển dụng được lao động đều phải đào tạo lại số lao động đã tuyển dụng ở các cấp bậc và trình độ khác nhau như học nghề, đại học và sau đại học. Hay theo kết quả khảo sát của Viện Khoa học Lao động và Xã hội (Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội) và Tập đoàn Manpower năm 2011, có đến hơn một nửa chủ sử dụng lao động cho rằng kỹ năng của lao động không đáp ứng được yêu cầu và khoảng 40% doanh nghiệp được khảo sát không thể tuyển đủ số lao động theo nhu cầu¹.

Giáo dục và đào tạo bậc cao đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy chuyển giao công nghệ trong quá trình mở cửa và hội nhập vào nền kinh tế thế giới, đồng thời góp phần thu

1. Xem Nguyễn Quốc Việt, Nguyễn Minh Thảo: “Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thông qua phát triển kỹ năng lao động và vai trò của giáo dục phổ thông”, tạp chí *Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội*, số 28-2012, tr.185-192.

hút FDI và nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế. Tuy nhiên, thành phần này trong năng lực cạnh tranh quốc gia của nước ta thấp hơn rất nhiều so với trung bình các nước ASEAN6.

Hiện nay, nền kinh tế nước ta đang trong thời kỳ cơ cấu dân số vàng (bắt đầu trong giai đoạn 1970 - 1975 và kết thúc tại giai đoạn 2020 - 2025), việc tận dụng lực lượng lao động giá rẻ để phát triển các ngành công nghiệp thâm dụng lao động như nước ta đang làm là tương đối dễ dàng. Để thoát khỏi bẫy thu nhập trung bình và tránh hiện tượng *chưa giàu đã già*, nhiều chuyên gia kinh tế đã khuyến cáo Việt Nam cần thúc đẩy đổi mới hệ thống giáo dục - đào tạo, chuẩn bị nguồn nhân lực chất lượng cao nhằm tận dụng công nghệ mới hiện đại chuyển giao từ nước ngoài thông qua quá trình mở cửa nền kinh tế để sau giai đoạn dân số vàng, nền kinh tế cũng đã chuẩn bị tốt cơ sở cho giai đoạn tăng trưởng tiếp theo.

Vì thiếu nguồn nhân lực chất lượng cao nên khả năng thực hiện các hoạt động đổi mới, sáng tạo, các hoạt động nghiên cứu và phát triển (R&D) còn hạn chế. Hơn nữa, do ít vốn cũng như trình độ tay nghề chưa cao, rất nhiều công nghệ lạc hậu được nhập khẩu từ nước láng giềng Trung Quốc (ví dụ như công nghệ trong nhiều nhà máy sản xuất xi măng, sắt, thép, phân bón, đạm).

5. Thực trạng phát triển các ngành công nghiệp văn hóa ở Việt Nam

a) Quá trình nhận thức về vai trò, vị trí của công nghiệp văn hóa

Từ những năm 1990, khi Việt Nam bước vào thời kỳ đổi mới như một hệ quả tất yếu của nền kinh tế thị trường, một

số lĩnh vực trong công nghiệp văn hóa ở Việt Nam đã bắt đầu hình thành và phát triển, điển hình là điện ảnh, âm nhạc, xuất bản... Tuy nhiên, tại thời điểm đó, đóng góp về mặt kinh tế của các hoạt động văn hóa còn thấp, khái niệm về công nghiệp văn hóa chưa được đề cập. Do đời sống vật chất còn hạn chế, nên Nhân dân ta chủ yếu hưởng thụ những chương trình văn hóa, văn nghệ miễn phí, thưởng thức âm nhạc, điện ảnh qua màn ảnh nhỏ (lúc đó chưa có chính sách thu tiền truyền hình) hiếm người mua vé đến rạp chiếu phim, nhà hát, triển lãm...

Năm 1998, Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII đã đánh dấu một thời kỳ mới cho sự nghiệp xây dựng và phát triển văn hóa Việt Nam. Tại thời điểm đó, Nghị quyết đã nhấn mạnh mối quan hệ qua lại đa dạng giữa kinh tế và văn hóa: trong văn hóa có kinh tế, trong kinh tế có văn hóa. Văn hóa được khẳng định là “nền tảng tinh thần của xã hội”, đồng thời “vừa là mục tiêu, vừa là động lực” của sự phát triển kinh tế. Nghị quyết nêu rõ: “Chăm lo văn hóa là chăm lo củng cố nền tảng tinh thần của xã hội. Thiếu nền tảng tinh thần tiến bộ và lành mạnh, không quan tâm giải quyết tốt mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội thì không thể có sự phát triển kinh tế - xã hội bền vững. Xây dựng và phát triển kinh tế phải nhằm mục tiêu văn hóa, vì xã hội công bằng, văn minh, con người phát triển toàn diện”¹. Như vậy, văn hóa có vai trò định hướng giá trị cho các hoạt động kinh tế - xã hội, vừa là động lực, vừa là mục tiêu của sự phát triển.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sdd, t.57, tr.303-304.*

Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII đã đề cập việc xây dựng và ban hành “chính sách kinh tế trong văn hóa” và “chính sách văn hóa trong kinh tế”. Đồng thời, Nghị quyết này cũng đề cập chính sách xã hội hóa hoạt động văn hóa nhằm thu hút các nguồn lực khác nhau trong xã hội tham gia vào phát triển sự nghiệp văn hóa. Đây là những nhận thức mới về mối quan hệ giữa văn hóa và kinh tế trong điều kiện Việt Nam chuyển sang thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

Năm 2003, Việt Nam cử đại biểu tham dự *Diễn đàn Văn hóa châu Á 2003* diễn ra tại Hồng Kông (Trung Quốc) với chủ đề chính liên quan đến công nghiệp văn hóa và sự hợp tác trong lĩnh vực này nhằm đối phó với sự cạnh tranh của các sản phẩm văn hóa Mỹ, Âu trên thị trường. Tại Diễn đàn, đại biểu Việt Nam đã hiểu thêm được ý nghĩa to lớn của công nghiệp văn hóa đối với những nền kinh tế lớn của châu Á như Hồng Kông, Nhật Bản và Hàn Quốc.

Năm 2009, *Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2020* được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, đã khẳng định: Công nghiệp văn hóa “*đang là xu thế lớn và quan trọng trong chính sách văn hóa của các nước trên thế giới*”¹. Từ đó, Chiến lược đề xuất giải pháp tạo điều kiện, môi trường thuận lợi về mặt cơ chế, chính sách và kinh doanh để phát triển ngành công nghiệp văn hóa, thể hiện chủ trương gắn kết phát triển văn hóa và phát triển kinh tế.

1. *Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2020*, ban hành kèm theo Quyết định số 581/QĐ-TTg, ngày 06/5/2009 của Thủ tướng Chính phủ.

Một loạt các luật, pháp lệnh và văn bản pháp quy đã được ban hành làm cơ sở cho các hoạt động kinh doanh sản phẩm và dịch vụ văn hóa như Luật báo chí (năm 2016), Luật xuất bản (năm 2012), Quyền tác giả trong Bộ luật dân sự (năm 2015), Quyền kinh doanh và dịch vụ văn hóa trong Luật đầu tư (năm 2014), Luật điện ảnh (năm 2012), Pháp lệnh thư viện (năm 2002), Luật quảng cáo (năm 2018), Luật sở hữu trí tuệ (năm 2005, sửa đổi, bổ sung năm 2009)... Đây là hành lang pháp lý cần thiết hỗ trợ cho sự phát triển công nghiệp văn hóa.

Nhà nước đã ra những chính sách tạo môi trường thuận lợi cho phát triển công nghiệp văn hóa, trong đó điển hình nhất là chủ trương xã hội hóa các hoạt động văn hóa. Triển khai thực hiện Nghị quyết số 05/2005/NQ-CP, ngày 18/4/2005 của Chính phủ về đẩy mạnh xã hội hóa các hoạt động giáo dục, y tế, văn hóa và thể dục thể thao; Nghị định số 69/2008/NĐ-CP, ngày 30/5/2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường, từ đó, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã xây dựng kế hoạch, lộ trình đẩy mạnh xã hội hóa văn hóa. Quá trình xã hội hóa đã khuyến khích mọi thành phần kinh tế cùng tất cả các tầng lớp nhân dân trong và ngoài nước tham gia vào các hoạt động văn hóa, trong đó có lĩnh vực công nghiệp văn hóa. Chủ trương xã hội hóa các hoạt động văn hóa đã khuyến khích sự phát triển của ngành công nghiệp văn hóa với sự đóng góp trí tuệ và vật chất của mọi nguồn lực xã hội, hứa hẹn tạo nên một thị trường văn hóa đa dạng và lớn mạnh. Cùng với chủ trương xã hội hóa các hoạt động

văn hóa, Nhà nước có chính sách thuế ưu đãi đối với các loại hình kinh doanh liên quan đến văn hóa.

Nghị quyết Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương khóa XI “Về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước” (năm 2014) đã đánh dấu một bước phát triển mới, sâu sắc và toàn diện hơn về phát triển công nghiệp văn hóa ở Việt Nam. Nghị quyết xác định: “Xây dựng thị trường văn hóa lành mạnh, đẩy mạnh phát triển công nghiệp văn hóa, tăng cường quảng bá văn hóa Việt Nam”¹ là một trong những mục tiêu phấn đấu của sự nghiệp phát triển văn hóa Việt Nam. Đồng thời, Nghị quyết này cũng nêu lên nhiệm vụ: “Phát triển công nghiệp văn hóa đi đôi với xây dựng, hoàn thiện thị trường văn hóa” là một trong sáu nhiệm vụ cơ bản để phát triển văn hóa Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước. Nghị quyết nhấn mạnh: “Phát triển công nghiệp văn hóa nhằm khai thác và phát huy các tiềm năng và giá trị đặc sắc của văn hóa Việt Nam; khuyến khích sản xuất sản phẩm văn hóa, góp phần quảng bá văn hóa Việt Nam ra thế giới”². “Có cơ chế khuyến khích đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật và công nghệ tiên tiến để nâng cao chất lượng sản phẩm văn hóa. Tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp văn hóa, văn nghệ thể thao, du lịch thu hút các nguồn lực xã hội để phát triển”³. Để triển khai thực hiện Nghị quyết này, Ban Kinh tế Trung ương Đảng đã xây dựng kế hoạch phát triển công nghiệp văn hóa ở Việt Nam giai đoạn 2016 - 2020;

1, 2, 3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương khóa XI*, Sđd, tr.48, 56, 56.

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xây dựng *Chiến lược phát triển công nghiệp văn hóa Việt Nam giai đoạn 2016 - 2020, tầm nhìn 2030*.

Như vậy, nhận thức về phát triển công nghiệp văn hóa ở Việt Nam là một quá trình lâu dài, liên tục và được bổ sung, hoàn thiện dần, gắn liền với điều kiện thực tiễn xây dựng và phát triển các ngành công nghiệp văn hóa đáp ứng nhu cầu của thị trường văn hóa trong nước và nước ngoài.

Việc quán triệt mục tiêu, quan điểm và nhiệm vụ phát triển công nghiệp văn hóa mà Nghị quyết Trung ương 9 khóa XI nêu ra sẽ tạo nên bước phát triển đột phá mới để công nghiệp văn hóa Việt Nam phát triển.

b) Thực trạng một số ngành công nghiệp văn hóa ở Việt Nam

Để có cái nhìn đầy đủ hơn về nền công nghiệp văn hóa ở Việt Nam qua hơn 30 năm đổi mới, chúng ta cần nhìn lại thực trạng một số ngành công nghiệp văn hóa chủ chốt:

** Điện ảnh:*

Trước khi bước vào giai đoạn đổi mới, mặc dù số lượng phim ít nhưng nền điện ảnh Việt Nam đã gặt hái được những thành tích quan trọng trong dòng phim cách mạng miền Bắc và dòng phim lãng mạn miền Nam. Sau đổi mới (cuối những năm 1980), kinh phí làm phim bị cắt giảm do Nhà nước thực hiện chủ trương xóa bỏ bao cấp dành cho điện ảnh, chuyển điện ảnh sang chế độ hạch toán kinh tế. Đến nửa đầu những năm 1990, có sự nổi lên của thể loại phim thương mại, còn gọi là phim “*mì ăn liền*” thu hút sự quan tâm rất lớn của khán giả thời đó, và hãng làm phim video nhanh chóng đạt mức doanh thu kỷ lục. Năm 1993,

chương trình *Chấn hưng điện ảnh cấp Nhà nước* được Chính phủ phê duyệt và triển khai. Do Nhà nước chủ trương tăng cường đầu tư kinh phí nên số lượng các bộ phim cũng tăng lên. Phim Việt Nam cũng tham gia tranh tài trong các liên hoan phim quốc tế và giành được những giải thưởng quan trọng cho những phim như *Đời cát* của đạo diễn Nguyễn Thanh Vân, *Tiếng vĩ cầm ở Mỹ Lai* của đạo diễn Trần Văn Thủy. Tuy nhiên, bức tranh toàn cảnh của nền điện ảnh Việt Nam lúc đó chưa thực sự khởi sắc bởi khán giả nhìn chung vẫn thờ ơ với điện ảnh nước nhà. Làn sóng phim nước ngoài tràn ngập các rạp chiếu phim của Việt Nam.

Đầu thập niên 2000, như một nỗ lực thu hút khán giả trở lại đối với phim Việt, đã xuất hiện trào lưu làm phim thương mại, đánh dấu bởi sự ra đời bộ phim *Gái nháy* của đạo diễn Lê Hoàng năm 2003. Những loại phim này thường có một dàn diễn viên là ca sĩ, người mẫu, hoa hậu... nổi tiếng và trước khi trình chiếu đều có sự quảng cáo rầm rộ. Tuy những bộ phim này vấp phải sự phê bình mạnh mẽ từ công luận về giá trị tư tưởng, thẩm mỹ, các nhà làm phim vẫn đạt được mục tiêu thu hút lượng lớn khán giả đến rạp, đặc biệt là giới trẻ, đạt doanh thu hàng tỉ đồng.

Hệ thống văn bản pháp quy về điện ảnh dần dần được hoàn thiện: Luật điện ảnh năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật điện ảnh năm 2009; Nghị định số 54/2010/NĐ-CP, ngày 21/5/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật điện ảnh và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật điện ảnh. Năm 2013, Chính phủ đã phê duyệt Chiến lược phát triển điện ảnh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; Quy hoạch phát triển điện ảnh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

Ngày 25/7/2019, Hiệp hội Xúc tiến và Phát triển điện ảnh Việt Nam được thành lập, là một tổ chức xã hội - nghề nghiệp hoạt động dưới sự quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ, nhằm tập hợp các tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân làm công tác sản xuất phim, các nhà đầu tư, xúc tiến phát triển điện ảnh... nhằm phát triển nội lực điện ảnh Việt Nam, mở rộng thị trường, đào tạo nhân lực điện ảnh chất lượng cao, mở rộng hợp tác quốc tế điện ảnh quảng bá du lịch Việt Nam thông qua điện ảnh.

Nhờ chủ trương xã hội hóa điện ảnh, đời sống điện ảnh Việt Nam gần đây trở nên đa dạng và phong phú với thị trường điện ảnh ngày càng sôi động và tăng trưởng hơn. Theo thống kê của Hiệp hội Điện ảnh Hoa Kỳ (MPAA) và Công ty Megastar, doanh thu điện ảnh tại Việt Nam năm 2000 là 2 triệu USD, năm 2010 là 26 triệu USD, năm 2011 là 35 triệu USD, năm 2012 là 47 triệu USD, năm 2013 là trên 57 triệu USD; năm 2015, con số này đã tăng lên 100 triệu USD; năm 2018 đạt gần 150 triệu USD.

Tờ *Hollywood Reporter* xếp Việt Nam là một trong 13 thị trường chiếu bóng tăng trưởng “nóng” nhất thế giới¹. Tuy nhiên, theo thực tế dễ dàng nhận thấy, tỷ lệ phim Việt so với phim nước ngoài còn rất thấp tại các rạp chiếu và phần đông khán giả vẫn lựa chọn xem phim nước ngoài.

Trong những năm 2010 - 2015, tốc độ tăng trưởng của thị trường điện ảnh Việt Nam đạt 35 - 40%/năm. Tổng doanh thu từ các phòng vé năm 2014 khoảng 83 triệu USD

1. Minh Chánh: *Rạp chiếu phim Việt Nam thu gần 900 tỉ trong một năm*, vietnamnet.vn, ngày 13/5/2013.

và đến năm 2015 đã là 105 triệu USD¹. Theo thống kê của CGV (cụm rạp chiếu phim mang tiêu chuẩn quốc tế tại Việt Nam), năm 2017 tổng doanh thu phòng vé tại Việt Nam là 3.250 tỷ đồng, tăng 16% so với năm 2016, trong đó phim Việt chiếm 25% trong tổng số của doanh thu này². Số lượng phòng chiếu phim trên cả nước năm 2018 là 901 phòng với 130.900 ghế, ước tính doanh thu chiếu phim thương mại là 3.500 tỷ đồng³.

Hiện nay, có khoảng 500 doanh nghiệp sản xuất phim⁴. Theo Cục Điện ảnh, năm 2014 Việt Nam đã sản xuất được 25 phim truyện chiếu rạp, năm 2015 đã sản xuất 40 phim, năm 2016 sản xuất 41 phim và năm 2017 sản xuất được 38 phim. Như vậy, từ năm 2015 đến năm 2017, mỗi năm có gần 40 bộ phim Việt được sản xuất, con số được các nhà sản xuất phim giữ suốt 3 năm qua là một nỗ lực vượt bậc của các nhà làm phim trong việc duy trì số lượng phim Việt.

Năm 2018, Cục Điện ảnh đã tổ chức thẩm định, phân loại và cho phép phát hành: 34 phim truyện Việt Nam chiếu rạp, 16 phim truyện video, 2 phim truyện hợp tác với nước ngoài, 5 phim tài liệu nhựa, 33 phim tài liệu kỹ thuật số và 32 phim ngắn. Theo báo cáo của Cục Điện ảnh, số lượng phim truyện do các doanh nghiệp sản xuất phim của Việt Nam thực hiện tính đến tháng 12/2018 là 34 phim (tương đương

1. Hoài Thu: “Điện ảnh Việt và cuộc chiến giành miếng bánh trăm triệu USD”, *VnExpress điện tử*, ngày 4/6/2016.

2. Ngọc Diệp: “Thị trường điện ảnh Việt 2017 đã đến “thời” của phim nội?”, *Tuổi trẻ online*, ngày 27/12/2017.

3, 4. Gia Linh: “Điện ảnh Việt 2018 - Một năm nhìn lại”, *Cổng Thông tin điện tử Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch*, ngày 08/02/2019.

với năm 2017)¹. Có thể nói, trong những năm qua số lượng phim Việt được sản xuất đã vượt chỉ tiêu của “Chiến lược phát triển điện ảnh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030” được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt năm 2013.

Với đội ngũ các nhà làm phim trẻ, các nhà đạo diễn Việt kiều đã bước đầu khẳng định vai trò và vị thế trong đời sống điện ảnh Việt Nam, đưa ra thị trường chiếu phim có doanh thu cao, có nhiều bộ phim khá về tay nghề, kỹ thuật, kỹ xảo.

Hiện nay, điện ảnh Việt Nam đang gặp một số vấn đề cần phải giải quyết:

Thứ nhất, các cơ sở điện ảnh của Nhà nước gặp rất nhiều khó khăn. Hoạt động của các cơ sở này chủ yếu trông vào tài trợ đặt hàng làm phim của ngân sách nhà nước. Trong vài năm gần đây, kinh phí sản xuất phim truyện tạm dừng vì chưa có sự thống nhất giữa các bộ nên các hãng phim hoạt động “cầm chừng”, đội ngũ phân tán đi “làm thuê” cho các hãng phim tư nhân hoặc truyền hình.

Thứ hai, đội ngũ sáng tác còn thiếu hụt, thiếu kịch bản điện ảnh có trình độ tư tưởng và thẩm mỹ cao.

Thứ ba, nhiều hãng phim tư nhân chạy theo thị hiếu tầm thường, sản xuất các phim giải trí dễ dãi để câu khách, kiếm tiền, thậm chí lạm dụng các yếu tố tình dục, bạo lực, phản thẩm mỹ.

Thứ tư, sự du nhập mạnh mẽ phim ngoại khiến cho phim Việt Nam khó bảo vệ được vị trí trụ cột trong việc đáp ứng nhu cầu điện ảnh của công chúng, từ đó dẫn đến khó trong việc bảo vệ nền điện ảnh dân tộc.

Thứ năm, việc phổ biến phim tại rạp chủ yếu do các doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp nước ngoài điều tiết và

1. “Điện ảnh phát triển vượt kế hoạch dự kiến: vừa mừng đã lo”, *Công an nhân dân online*, ngày 22/8/2019.

chi phối (Luật điện ảnh và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật điện ảnh cho phép các cơ sở điện ảnh có rạp được nhập khẩu phim nhựa; hai công ty chiếm thị phần rạp và phát hành - phổ biến phim lớn nhất là công ty nước ngoài, được cấp giấy phép kinh doanh ở Việt Nam 25 năm).

Thứ sáu, sự phân hóa xã hội trong việc tiếp nhận điện ảnh ngày càng gia tăng giữa thành thị và nông thôn, giữa nhóm giàu và nhóm nghèo.

** Nghệ thuật biểu diễn:*

Nghệ thuật biểu diễn là các loại hình nghệ thuật đưa chương trình, tiết mục, vở diễn đến với công chúng thông qua sự trình diễn của diễn viên chuyên nghiệp, để thể hiện hình tượng nghệ thuật phản ánh cuộc sống qua các tác phẩm sân khấu, ca, múa, nhạc... nhằm đáp ứng nhu cầu và thị hiếu thẩm mỹ nghệ thuật của công chúng.

Nghệ thuật biểu diễn bao gồm các loại hình: tuồng, chèo, cải lương, kịch nói, múa rối, kịch hát, kịch câm, dân ca kịch, nhạc kịch, các loại hình ca - múa - nhạc, ngâm thơ, tấu hài, v.v. và các loại hình nghệ thuật khác được thể hiện trên sân khấu.

Nghệ thuật biểu diễn ngày nay đóng vai trò quan trọng trong đời sống xã hội và là một bộ phận cốt lõi của công nghiệp văn hóa. Trong lĩnh vực này, cần phải chú ý cả ba khu vực:

- Khu vực sáng tạo tác phẩm (nghệ sĩ sáng tạo).
- Khu vực công nghiệp sản xuất gồm tác phẩm, đội ngũ nghệ sĩ diễn viên, dàn dựng - công nghệ kỹ thuật (ánh sáng...).
- Khu vực công nghiệp kinh doanh = Tổ chức biểu diễn + Marketing - Hạch toán chi phí - Phát triển thị trường.

Đầu năm 2019, cả nước có 115 đơn vị nghệ thuật biểu diễn công lập, trong đó có 12 đơn vị trực thuộc Bộ Văn hóa,

Thể thao và Du lịch, 103 tổ chức nghệ thuật thuộc các sở văn hóa, thể thao và du lịch. Phần lớn mỗi tỉnh có từ một đến hai đơn vị, riêng Thành phố Hồ Chí Minh có 8, Hà Nội có 6, Hải Phòng có 5 và Thanh Hóa có 4 đơn vị nghệ thuật công lập¹. Điều đáng lưu ý là hoạt động biểu diễn nghệ thuật diễn ra ở nhiều địa điểm khác nhau, từ nhà hát, cung văn hóa, nhà văn hóa, trung tâm giải trí, tới các khách sạn, nhà hàng, quán bar. Sự phân khúc thị trường nghệ thuật biểu diễn cũng đang được hình thành do nhu cầu của xã hội. Doanh thu từ lĩnh vực nghệ thuật biểu diễn đưa lại cũng đã được tăng lên, nhất là các đô thị.

Nghệ thuật biểu diễn trong bối cảnh phát triển kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế cũng đang đứng trước nhiều thách thức mới. Đặc biệt là vấn đề giữ gìn và phát huy bản sắc dân tộc, giữ gìn và bảo lưu các giá trị văn hóa nghệ thuật biểu diễn cổ truyền như chèo, tuồng, cải lương, v.v.; vấn đề gia tăng khoảng cách thụ hưởng loại hình nghệ thuật này giữa đô thị và nông thôn; vấn đề đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật để hiện đại hóa nghệ thuật biểu diễn.

** Truyền thông đại chúng:*

Truyền thông đại chúng là một bộ phận quan trọng của nền công nghiệp văn hóa. Hệ thống truyền thông đại chúng bao gồm: sách, báo in, điện ảnh, phát thanh, truyền hình, quảng cáo, internet... Ngày nay, truyền thông đại chúng đã trở thành một phần không thể thiếu trong cuộc sống hằng ngày của mỗi con người, là phương tiện để cộng đồng chia sẻ, trao đổi thông tin và đáp ứng đa dạng các

1. Hội Vũ: “Hành trình tự chủ của các đơn vị nghệ thuật công lập”, báo *Nhân Dân điện tử*, ngày 08/6/2019.

nhu cầu tinh thần của các cá nhân thuộc mọi tầng lớp, ngành nghề, lứa tuổi.

Nước ta có một lực lượng làm báo hùng hậu trên tất cả các lĩnh vực như báo in, báo nói, báo mạng, truyền hình. Đến tháng 6/2018 cả nước có 844 cơ quan báo, tạp chí in, với 184 báo in và 660 tạp chí in; có 24 cơ quan báo chí điện tử độc lập, 189 giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp... Cả nước hiện có 67 đài phát thanh, truyền hình Trung ương và địa phương, 5 đơn vị hoạt động truyền hình¹. Về đội ngũ cán bộ báo chí, cả nước hiện có 19.166 người làm báo chuyên nghiệp được cấp thẻ, 19.000 hội viên Hội Nhà báo Việt Nam².

Trước nhu cầu ngày càng cao của công chúng, thị trường truyền thông ngày càng mang tính cạnh tranh gay gắt. Các cơ quan truyền thông tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, gia tăng các kênh thông tin, đổi mới nội dung, tích cực cập nhật sự kiện nhằm đáp ứng tối đa nhu cầu dân chúng. Đài phát thanh của Việt Nam đã phủ sóng trên 98% địa bàn dân cư với 6 hệ chương trình (4 đối nội và 2 đối ngoại). Ngoài ra, còn có hàng chục đài phát thanh cấp tỉnh và cấp huyện. Các đài phát thanh không ngừng nâng cao chất lượng và thời lượng phục vụ đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu thông tin của Nhân dân. Hệ thống truyền hình cũng phát triển mạnh mẽ với cơ sở vật chất kỹ thuật hiện đại. Tất cả các tỉnh, thành phố đều có đài truyền hình địa phương.

1. “Hội nghị báo chí toàn quốc tổng kết công tác năm 2018, triển khai nhiệm vụ năm 2019”, *trang thông tin điện tử Ủy ban Kiểm tra Trung ương*, ngày 28/12/2018.

2. “Cả nước có hơn 19.000 người được cấp thẻ nhà báo”, *Báo điện tử Chính phủ*, ngày 09/7/2018.

Hệ thống truyền hình cáp và kỹ thuật số ngày càng áp dụng rộng rãi ở các thành phố lớn nhằm nâng cao chất lượng phát sóng và bổ sung thêm nhiều chương trình truyền hình quốc tế hấp dẫn. Sự lựa chọn của khán giả đối với các chương trình truyền hình vô cùng phong phú, đa dạng.

Trong thập niên vừa qua, sự phát triển nhanh chóng của mạng internet có xu hướng lấn lướt các phương tiện truyền thông khác, trở thành một phần thiết yếu trong cuộc sống của đại bộ phận người dân Việt Nam. Sự đa tính năng của mạng internet giúp người sử dụng dễ dàng liên lạc, trao đổi thông tin, tìm kiếm tư liệu, học tập và giải trí. Theo số liệu mới được công bố bởi Tổ chức Thống kê số liệu internet quốc tế (Internet World Star), tính đến hết tháng 6/2015, Việt Nam đã có 45,5 triệu người dùng internet, đạt mức thâm nhập dân số là 48%. Với con số này, Việt Nam đang xếp thứ 6 trong khu vực châu Á với số lượng người dùng, sau Trung Quốc (674 triệu), Ấn Độ (354 triệu), Nhật Bản (114,9 triệu), Indônêxia (73 triệu), Philíppin (47,1 triệu) và đứng thứ 17/20 quốc gia có lượng người dùng internet nhiều nhất thế giới. Năm 2018, lượng người sử dụng internet ở Việt Nam đạt 64 triệu người, tương đương 67% dân số. Ngoài ra, giá cước thuê bao internet ngày càng rẻ, cùng với sự phổ biến nhanh chóng của điện thoại di động, số người sử dụng internet của Việt Nam dự báo sẽ còn tăng mạnh trong thời gian tới. Đây là những con số đáng tự hào của ngành viễn thông trong điều kiện kinh tế chung của đất nước còn khó khăn.

Sự ra đời của mạng internet đã ảnh hưởng sâu sắc đến thói quen sinh hoạt văn hóa của phần lớn thanh niên trong xã hội. Một thế giới điện tử mở ra với hàng loạt các hoạt động hấp dẫn, các dịch vụ đa dạng, các hình thức giải trí cuốn hút

giới trẻ. Bên cạnh những mặt tích cực, còn không ít tiêu cực cần hạn chế như nhiều cư dân mạng đắm chìm trong những đam mê của thế giới ảo như game online, trò chuyện qua mạng, tham gia diễn đàn, viết blog, hay đơn giản là lướt web đọc đủ loại tin tức đến nỗi không ít người lãng quên đi hoặc thiếu quan tâm đến thế giới thực tại cùng những mối quan hệ thực tại. Hình thức sinh hoạt văn hóa mới mẻ đề cao tính giải trí và “cái tôi” trong kỷ nguyên kỹ thuật số thực sự đang thách thức các giá trị văn hóa cộng đồng truyền thống. Bên cạnh đó sự phát triển ồ ạt của các trang mạng internet đã vượt khỏi tầm kiểm soát của các nhà quản lý gây không ít lo ngại cho xã hội. Các bậc phụ huynh hoang mang bởi sự ảnh hưởng của các trang web đen, các vụ lừa đảo qua mạng và những phong trào, lối sống lệch lạc được cổ xúy bởi một bộ phận cư dân mạng. Các thế lực thù địch cũng coi mạng internet là một vũ khí hữu hiệu để tuyên truyền những luận điệu chống phá chế độ, gây mất đoàn kết, kích động bạo lực trong quần chúng... Khác với các sản phẩm văn hóa của lĩnh vực truyền hình, phát thanh và báo in, được kiểm soát khá tốt, mạng internet thực sự là một thách thức lớn với những nhà quản lý xã hội.

** Xuất bản:*

Hoạt động xuất bản là một lĩnh vực của ngành công nghiệp văn hóa và đời sống văn hóa, có vai trò phổ biến, giới thiệu tri thức về mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, góp phần nâng cao dân trí, giáo dục tư tưởng, đạo đức, quan điểm sống, đáp ứng nhu cầu học tập và giải trí của đủ mọi đối tượng, lứa tuổi trong xã hội.

Từ chỗ thiếu sách, lạc hậu về công nghệ, kỹ thuật in ấn, ngành xuất bản đã vươn lên đáp ứng đủ nhu cầu đọc của xã hội

với chất lượng, nội dung, hình thức ngày càng nâng cao. Tốc độ phát triển chung của lĩnh vực xuất bản gia tăng liên tục. Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của lĩnh vực xuất bản và phát hành tính đến tháng 12/2014 đạt khoảng 22,3 triệu USD, trong đó nhập khẩu là 18,8 triệu USD, xuất khẩu là 3,5 triệu USD¹. Ngành xuất bản tham gia tích cực vào sự nghiệp giáo dục, nâng cao dân trí, có đóng góp quan trọng trong nền kinh tế quốc dân, phục vụ đắc lực cho công cuộc đổi mới đất nước. Luật xuất bản năm 2012 đã tạo môi trường pháp lý thuận lợi cho hoạt động xuất bản. Các yếu tố đổi mới kỹ thuật, công nghệ, đổi mới quản lý sản xuất, phát hành quảng bá sản phẩm được coi trọng. Công tác quản lý thị trường xuất bản phẩm được tăng cường, tạo điều kiện để thị trường xuất bản phẩm phát triển năng động, đa dạng.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đáng ghi nhận, ngành xuất bản vẫn đối diện với nhiều tiêu cực và sai phạm chưa có dấu hiệu giảm xuống. Đó là nạn in lậu, in trái phép, vi phạm quyền tác giả, tình trạng xuất bản phẩm không thông qua nhà xuất bản, một số tác phẩm có nội dung thô tục, phản cảm, chạy theo thương mại vẫn “vượt rào” để xuất bản gây tác động xấu đối với xã hội, những truyện tranh thiếu nhi với nội dung không phù hợp, sách về sự kiện, nhân vật lịch sử sai sót cả về kiến thức và kỹ thuật... Mặc dù số lượng đầu sách nhiều nhưng không ít sách cùng thể loại có nội dung na ná nhau do hiện tượng xào xáo, vay mượn từ quyển này sang quyển khác vẫn diễn ra phổ biến. Số lượng sách dịch chiếm ưu thế trên thị trường do lực lượng sáng tác trong nước còn mỏng và chưa được khích lệ một cách xứng

1. Số liệu thống kê của Cục Xuất bản, In và Phát hành.

đáng để có nhiều đóng góp hơn cho thị trường sách. Trong mảng dịch sách những năm vừa qua cũng bộc lộ những yếu kém trong việc biên tập và quản lý sách của các nhà xuất bản khi mãi chạy theo thị trường, vội vã cho ra những tác phẩm dịch ẩu, dịch sai và dịch thiếu.

Trong cơ chế kinh tế thị trường và sự lên ngôi của kỹ thuật số, ngành xuất bản gặp rất nhiều khó khăn. Việc chuyển từ cơ chế bao cấp sang cơ chế tự hạch toán khiến ngành xuất bản phải đối mặt với sự cạnh tranh không lành mạnh bởi nạn in lậu tràn lan, khủng hoảng kinh tế toàn cầu khiến giá giấy, mực tăng vọt, sự phát triển mạnh của các thể loại giải trí mới như phim, điện tử, các mạng xã hội... khiến văn hóa đọc truyền thống ngày càng “yếu thế”.

6. Thực trạng rào cản từ góc độ văn hóa trong phát triển kinh tế ở Việt Nam

a) Nhận diện rào cản từ góc độ văn hóa và hệ lụy của nó trong phát triển kinh tế ở Việt Nam hiện nay

- Các tập tính xã hội:

Tâm lý tiểu nông là kiểu tâm lý xã hội nảy sinh dưới tác động trực tiếp của điều kiện nền tảng kinh tế nông nghiệp sản xuất nhỏ. Về bản chất và nguồn gốc, tâm lý tiểu nông phản ánh nhu cầu, mục đích sản xuất để tự duy trì sự tồn tại của các cộng đồng trong địa bàn hẹp, mang nặng tính tự cấp tự túc trong xã hội nông thôn Việt Nam truyền thống. Thói quen, tập quán sản xuất tiểu nông gắn với kỹ thuật canh tác đơn giản ít thay đổi, chủ yếu dựa vào kinh nghiệm, có tính phân tán, khép kín, biệt lập; quan hệ lao động vì thế cũng được hình thành một cách tự nhiên dựa trên các mối liên kết thân thuộc, việc giải quyết các vấn đề kinh tế chịu sự ràng

buộc, chi phối bởi các quan hệ họ hàng, làng xã... Trong thực tiễn phát triển kinh tế Việt Nam hiện nay, tâm lý tiểu nông được cho là nét tâm lý xã hội phổ biến với nhiều mức độ đậm nhạt, có thể là sự chi phối trực tiếp trong sản xuất, cũng có thể là nguyên nhân dẫn tới nhiều hệ lụy về tư duy kinh tế.

- *Tư duy cục bộ:*

Tâm lý tiểu nông tạo ra nhu cầu tự quản của cá thể hộ gia đình, dòng họ, làng xã Việt Nam. Đây là một đặc điểm thể hiện tính tự trị tương đối hoàn chỉnh, nó khiến cho làng xã Việt có khả năng bảo tồn giá trị, kết nối cộng đồng, tạo sự bao bọc, trách nhiệm giữa các thành viên. Tuy nhiên, mặt trái của tính tự trị này là tạo ra lối coi trọng các mối quan hệ, sự “ăn ở”, cư xử, lựa chọn theo lối “nhìn mặt”, “nể mặt”, “nhất thân, nhì quen”, thậm chí là những lựa chọn mặc nhiên kiểu “địa phương lớp hai còn hơn ngoại lai đại học”. Tính tự trị này tạo nên kiểu tư duy cục bộ địa phương với tầm ngắm lợi ích hữu hạn, manh mún, thiếu chiến lược.

Mặt khác, cũng vì phụ thuộc cộng đồng theo kiểu cục bộ địa phương mà nảy sinh tư duy bình quân chủ nghĩa, bế quan tỏa cảng, bảo thủ, trì trệ hoặc đổ kỵ, không muốn người khác hơn mình dẫn tới sự cạnh tranh, mất đoàn kết, thiếu tính liên kết với cộng đồng, địa phương ở xung quanh... Thực tế này được các nhà quản lý và nghiên cứu gọi là hệ thống “63 nền kinh tế tỉnh ta”, “tâm nhìn tỉnh ta” ở Việt Nam. Trong đó, các tỉnh độc lập với nhau về quyền lực điều hành và lợi ích. Sự biệt lập tạo xu hướng đua tranh không lành mạnh giữa các tỉnh với những “hội chứng” phong trào xây dựng khu công nghiệp, nhà máy xi măng, thủy điện, cảng biển, sân bay, khai thác khoáng sản, tạo lập các khu đô thị... Bên cạnh đó, tình trạng các tỉnh, thành gia tăng hoạt động

xúc tiến đầu tư một cách riêng rẽ, thiếu tính tổ chức, thống nhất về đường hướng, chính sách và thông tin. Cũng có địa phương thu hút FDI bằng cách “hạ giá” tối đa để cạnh tranh hoặc tìm cách gây khó khăn, không phối hợp với địa phương lân cận...

Hiện tượng “nhà ai nấy lo”, “mạnh ai nấy làm” này không chỉ gây lãng phí nguồn vốn đầu tư tại các tỉnh, thành, mà còn khiến cho trên phương diện phát triển kinh tế vùng trọng điểm, sự liên kết giữa các địa phương trong các vùng chỉ là những phép cộng các cá thể rời rạc, thiếu những “chất xúc tác” cần thiết, không phát huy được sự hợp tác để tập hợp sức mạnh, gây ra những tổn thất to lớn ở tầm quốc gia¹.

Tư duy “dàn hàng ngang” trong một liên kết dọc từ trung ương đến địa phương khiến cho bức tranh chung về phát triển vùng kinh tế trọng điểm trở nên không rõ ràng về tư duy, không có cơ chế riêng phù hợp cho từng vùng. Lối tư duy hàng ngang này cũng dẫn tới một thực tế mô hình tăng trưởng theo chiều rộng, thiếu tính bền vững của nền kinh tế nước ta. Từ năm 1995 đến năm 2014, tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân hằng năm của Việt Nam là 6,77%, GDP tính theo giá cố định của Việt Nam năm 2014 tăng gấp hơn 3,3 lần so với năm 1995, dù ở mức tương đối cao nhưng tăng trưởng GDP của Việt Nam bị đánh giá là không bền vững, bị tụt hạng trong khu vực và trên thế giới. Lối phát triển theo

1. Ý kiến đánh giá của Viện trưởng Viện Kinh tế Việt Nam Trần Đình Thiên cùng các nhà quản lý trong Hội thảo quốc tế *Liên kết vùng trong quá trình tái cơ cấu kinh tế và chuyển đổi mô hình tăng trưởng ở Việt Nam*, năm 2016 (Theo Lê Châu: “Việt Nam có 64 nền kinh tế”, <http://vneconomy.vn/thoi-su/viet-nam-co-64-nen-kinh-te-2016040404361121.htm>).

chiều rộng này dựa chủ yếu vào gia tăng số lượng vốn đầu tư, khai thác tài nguyên với thực tế hiệu quả sử dụng các nguồn lực (vốn, tài nguyên thiên nhiên, đất đai...) và năng suất lao động còn thấp; chi phí sản xuất, tiêu hao trên một đơn vị sản phẩm còn ở mức cao và có xu hướng tăng lên. Những hạn chế của mô hình tăng trưởng theo chiều rộng khiến chất lượng tăng trưởng thấp và điều này lại trở thành nguyên nhân sâu xa đối với những tồn tại, thách thức của nền kinh tế cũng như cản trở việc thực hiện các chính sách kích thích tăng trưởng kinh tế.

Đến năm 2018, tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam đạt 7,08%, cao nhất kể từ năm 2008 đến nay. Chất lượng tăng trưởng và hiệu quả kinh tế được cải thiện rõ nét. Tăng trưởng kinh tế chuyển dịch theo chiều sâu, tỷ lệ đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) trong tăng trưởng GDP đạt 43,5%, bình quân giai đoạn 2016 - 2018 đạt 43,3%, cao hơn nhiều so với mức bình quân 33,6% của giai đoạn 2011 - 2015...¹.

Vừa cạnh tranh vừa hợp tác để phát triển trong kinh tế là một thực tiễn tư duy trong hội nhập. Ví dụ như sáp nhập vào một công ty thành công hơn, lớn mạnh hơn để không bị phá sản là một cách để tồn tại, hợp tác và phát triển. Điều quan trọng là phương thức trao quyền của các công ty lớn để các công ty được quyền chủ động linh hoạt với tư cách của công ty thành viên, thích nghi và đổi mới theo phương thức hợp tác để cùng tạo ra lợi ích. Và thực chất việc mua bán để hợp thành những công ty khổng lồ trên thực tế vẫn là sự chia nhỏ, dựa vào nhau cùng phát triển theo quy mô phù hợp.

1. Xem Bộ Kế hoạch và Đầu tư: *Sách trắng doanh nghiệp Việt Nam năm 2018*, *Sđd*, tr.15-16.

Việc nhận thức chính mình, nắm bắt thời cơ cũng như chọn lối hợp tác, cách thức hành xử phù hợp để bảo toàn và phát triển dựa trên sự phát triển của đối tác là vấn đề nhận thức đòi hỏi sự thay đổi cơ bản so với lối tư duy cục bộ địa phương, nhóm lợi ích hay không muốn người khác hơn mình.

- *Tư duy cảm tính, mùa vụ, chạy theo phong trào:*

Tính tự trị cũng dẫn tới lối tư duy cảm tính, thiên về kiểu quan hệ gần gũi, bao bọc hoặc tâm lý người quen, bạn hàng truyền thống tạo nên sự gắn kết, ứng xử theo quy ước. Đây cũng có thể được gọi là tâm lý “gia đình chủ nghĩa”, “thương nhau củ ấu cũng tròn”, thuận theo kiểu “đóng cửa bảo nhau”, tạo bè phái, phe cánh. Đây cũng là nguyên nhân của sự an phận “bám làng”, hướng tới sự ổn định và ít nhu cầu thay đổi dẫn tới lối sống chỉ lo giữ mình, cả nể, không dám bày tỏ chính kiến. Do vậy, không khuyến khích được sự phát triển tính tích cực, năng động, sáng tạo của các cá nhân dẫn đến tình trạng thiếu trách nhiệm xã hội, thiếu ý thức công dân. Những hạn chế trên sẽ dẫn tới những bất cập trong tư duy, trong tiếp nhận những yêu cầu tôn trọng các bên trong hợp đồng kinh tế, các điều khoản, các quy định luật pháp trong nền kinh tế thị trường, trong hội nhập và giao lưu quốc tế, nhất là với các nước công nghiệp phát triển.

Tính tự trị đề cao tư duy kinh nghiệm, mùa vụ, chạy theo số đông và lợi ích trước mắt. Phải nói rằng, tư duy tiểu nông mà đặc điểm nổi bật của nó là tư duy kinh nghiệm đã phát huy được những mặt mạnh qua hàng ngàn năm canh tác trồng trọt và chăn nuôi dựa trên nền tảng mùa vụ thuận theo tự nhiên, mang lại những thành quả cho người nông dân Việt Nam. Tuy nhiên, trong sức ép của cơ chế thị trường, sự thiếu hiểu biết về tri thức an toàn sản phẩm, thiếu những

tính toán và chuẩn bị cần thiết cho đầu ra của sản xuất đã khiến cho tình trạng cân “giải cứu” trở thành hiện tượng phổ biến ở nước ta trong điệp khúc “được mùa rớt giá” những năm gần đây. Đó là việc trồng chuối ở Đồng Nai, khi năm 2015, giá chuối tăng cao, nên năm 2016, nông dân Đồng Nai đổ xô trồng làm diện tích chuối tăng vọt, tới 1.700ha; là chuyện người dân mở rộng diện tích trồng cam, trồng bưởi không chỉ ở các thủ phủ như Lục Ngạn (Bắc Giang), Vinh, Diễn (Hà Nội) mà cho tới Lạng Sơn, Quảng Ninh, Vĩnh Phúc, Yên Bái; là chuyện người dân nuôi lợn, trồng rau... và hệ lụy của nó là do cung lớn hơn cầu hoặc thị trường đầu ra quen thuộc (Trung Quốc) đóng cửa khiến người dân lao đao, thậm chí trắng tay. Tâm lý xã hội nói chung nhiều phen “dậy sóng” bởi các cuộc giải cứu sản phẩm nông nghiệp như dưa hấu, thanh long, vải, hành, tỏi, thịt lợn, củ cải... Chuyện thương lái Trung Quốc chơi xấu đẩy giá rồi ép giá hoặc bỏ hắt không mua là một điệp khúc đã diễn ra trong nhiều lần, nhiều năm; việc Trung Quốc có thể tạm đóng một số cửa khẩu với Việt Nam với các lý do kiểm dịch thực vật hoặc do xử lý kinh tế bằng công cụ thương mại nhằm gây khó dễ cho đối tác khi đã bị phụ thuộc vào thị trường của họ cũng không phải là số ít đối với nước ta. Vấn đề đặt ra ở đây là thói quen làm ẩu, tắc trách, dễ dãi trong sản xuất dù người bán nó biết sẽ gây rất nhiều nguy hại cho nền kinh tế, lối tư duy luôn hướng tới sản xuất hàng rẻ, hàng chất lượng thấp nhưng số đông người Việt không ý thức hoặc có ý thức nhưng không có quyết tâm vượt qua nên phải hứng chịu cay đắng. Sản xuất cái gì, sản xuất như thế nào, bán cho thị trường nào, bán khi nào, thị trường đến yêu cầu và có quy định thế nào đối với sản phẩm... là những điều người nông dân đi lên từ sản xuất nhỏ không

quen trong nếp nghĩ, cũng không thể trả lời và nguy cơ “vỡ trận” là điều không thể tránh khỏi trên thương trường.

Trong quản lý kinh tế, tư duy mùa vụ - nhiệm kỳ cũng dẫn tới tầm nhìn hạn hẹp. Lối suy nghĩ và cách thức hành xử phổ biến là theo kiểu vun vén tư lợi và nhóm lợi ích, vì vậy mà nhiều khi có thể coi nhẹ, thậm chí không tính đến lợi ích chung hay lợi ích dài hạn của tập thể, địa phương, quốc gia. Xét trên góc độ đạo đức, đây là sự lệch lạc và suy thoái nhận thức về trách nhiệm xã hội. Hậu quả dẫn đến là làm tổn thất nguồn lực do quyết sách không chuẩn xác, đầu tư dàn trải, giảm hiệu lực và hiệu quả kinh tế, thậm chí là gây mất mát, thua lỗ. Trên thực tế, chính lối tư duy nhiệm kỳ đã đẻ ra kiểu quy hoạch, chiến lược “thần tốc”, dự án “vẽ” để đánh bóng tên tuổi, rút tiền ngân sách theo cơ chế xin - cho ngấm để hưởng lợi các bên, làm ứ đọng các nguồn lực đất đai, nhất là đất sản xuất nông nghiệp, tăng rủi ro mất việc làm và thu nhập của người dân... Đến năm 2020, cả nước sẽ có 19.285 quy hoạch được lập, trong đó loại quy hoạch của xây dựng và đô thị chiếm 63%, quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội chiếm 22%, quy hoạch sử dụng đất chiếm 15%. Mô hình phân cấp đầu tư của nước ta từ năm 2006 đến nay, như các nhà nghiên cứu đã chỉ ra là có tính “phân cấp trắng”, tách rời việc cân đối giữa nhu cầu và khả năng cung ứng nên các ngành và địa phương cứ lập dự án đầu tư và đi xin nguồn vốn từ ngân sách trung ương. Với số tiền đầu tư lên tới hàng triệu tỷ đồng, nếu triển khai tốt sẽ thúc đẩy quá trình cơ cấu lại nền kinh tế, nâng cấp hệ thống hạ tầng mang lại nhiều đổi thay về kinh tế, văn hóa, xã hội. Nhưng nếu chạy theo “lợi ích nhóm” với sự lý giải núp danh vì cộng đồng, thiếu cơ sở khoa học, không gắn với việc phát huy nguồn lực địa phương và

kết nối vùng sẽ là tổn thất lớn vốn đầu tư công. Khi mà 63 tỉnh, thành với tư duy cục bộ, vụ lợi cá nhân, đề cao lợi thế, khác biệt, tạo cát cứ thì những bất ổn và lãng phí trong kinh tế sẽ là những con số rất lớn.

Có thể nói, những biểu hiện của tư duy nhiệm kỳ cũng như bệnh thành tích là vô cùng phức tạp và phủ rộng trên các lĩnh vực, địa phương, quy mô và các cấp độ quản lý nhà nước trong hoạt động kinh tế. Hậu quả của lối tư duy này là hết sức nặng nề, không chỉ làm tổn thất các nguồn lực quý giá, mà còn làm bức tranh kinh tế bị méo mó, giảm năng lực, hiệu lực và hiệu quả, làm mất uy tín của bộ máy chính trị, làm giảm sức cạnh tranh và hiệu quả các thể chế quốc gia; thậm chí đe dọa sự ổn định kinh tế vĩ mô chung và an toàn của chế độ xã hội.

- *Tính tùy tiện, tư lợi:*

Mặt trái của tính linh hoạt (dễ thích nghi) trong tâm lý tiểu nông chính là tính tùy tiện và tư lợi với vô số những biểu hiện khác nhau. Một biểu hiện có thể thấy trong đời sống phổ biến từ nông thôn cho tới thành thị đó là tình trạng chợ cóc, chợ tạm ở bất kỳ đâu, người bán hàng tùy tiện chiếm vỉa hè, còn khách hàng thì chiếm lòng đường, gây nguy cơ tai nạn giao thông bất kỳ; hoặc tình trạng các hộ kinh doanh lấn chiếm vỉa hè, gây cản trở giao thông, trật tự công cộng.

Với doanh nghiệp nhà nước có thể thấy tình trạng quản lý vừa buông lỏng, vừa cứng nhắc khiến cho giới hạn trách nhiệm của các doanh nghiệp không rõ ràng, tài sản bị sử dụng biến tướng, bị xà xỏ, thất thoát. Cơ chế khoán với thực tế khoán trắng vốn cho một nhóm cán bộ quản lý thực hiện việc buôn bán riêng đã làm nhiều tổ chức doanh nghiệp trở thành “vỏ quốc doanh ruột tư nhân” và tình trạng tính toán

theo hai sổ sách vẫn còn khá phổ biến. Điều này khiến cho trên danh nghĩa Nhà nước vẫn là chủ sở hữu lớn nhưng lại không phải là chủ thực sự; chưa có sự phân biệt rành mạch giữa sở hữu và kinh doanh. Ngay cả mô hình tổng công ty, mô hình tập đoàn kinh doanh nhà nước cũng bộc lộ những dấu hiệu bất lợi: quản lý và phối hợp rời rạc; đội ngũ quản lý chưa đáp ứng đủ năng lực, chưa theo kịp sự thay đổi của môi trường kinh doanh và chưa đáp ứng được yêu cầu của tổng công ty lớn. Hiện trạng lơ lửng quản lý sản xuất dẫn đến việc sản xuất tràn lan, hàng giả hàng thật lẫn lộn, tràn ngập trên thị trường. Hiệu quả quản lý sản xuất trong các doanh nghiệp nhà nước còn nhiều hạn chế, sản phẩm các doanh nghiệp nhà nước sản xuất ra cạnh tranh yếu trên thị trường, mẫu mã chưa đa dạng, hấp dẫn.

Các doanh nghiệp tư nhân tỏ ra năng động nắm bắt thị trường nhanh nhạy hơn nhưng lại cạnh tranh không lành mạnh, gây thiệt hại đến lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp khác cũng như người tiêu dùng là khá phổ biến... Một thực tế phi lý tồn tại hiển nhiên là nhiều sản phẩm không phải tốt nhất, nhưng người tiêu dùng vẫn buộc phải dùng do những công ty sản xuất các loại hàng hóa này thâm tóm độc quyền hoặc có được sự “liên kết ngầm” nào đó đủ sức chi phối. Hiện kinh tế tư nhân ở Việt Nam chủ yếu vẫn là kinh tế hộ gia đình, cá thể, chưa đáp ứng được vai trò là một động lực quan trọng của nền kinh tế. Nhiều doanh nghiệp tư nhân trong sự o ép của thị trường phải đối mặt với những thử thách sống còn: do kỹ năng lãnh đạo yếu và thiếu, dẫn tới vận hành lúng củng, không rõ về mô hình quản trị và văn hóa, không dự báo nguồn tài chính tương ứng dẫn tới thiếu vốn trong quá trình vận hành, hoặc chọn sai nhà đầu tư, dẫn tới mất đoàn kết nội

bộ, kiện tụng nhau; hoặc bỏ sót, không nghiên cứu sản phẩm thị trường nên đi sai chiến lược; hoặc không có được hệ thống nhân sự phù hợp, hợp tác lâu dài... Hậu quả là nhiều doanh nghiệp bị đẩy vào tình trạng kinh doanh thua lỗ hoặc lợi nhuận thấp dẫn tới tạm ngưng hoạt động, hoặc phá sản và hàng trăm doanh nghiệp ở dạng treo, không thể giải thể do không đủ khả năng để hoàn thành thủ tục thanh toán hết các khoản nợ, lương lao động, bảo hiểm xã hội, nợ thuế... Với hơn 500.000 doanh nghiệp tư nhân Việt Nam đang hoạt động, tính ước chung trong các năm 2013 - 2015 thì cứ có khoảng gần 80.000 doanh nghiệp được thành lập mới mỗi năm thì cũng có trên dưới 70.000 doanh nghiệp giải thể và ngừng hoạt động. Năm 2017, theo số liệu của Tổng cục Thống kê, riêng trong quý I/2017, cả nước có 26.478 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới, song cũng có tới 23.904 doanh nghiệp đã giải thể hoặc ngừng hoạt động, tương đương 10 doanh nghiệp khai sinh thì 9 doanh nghiệp khai tử. Tính trong 6 tháng đầu năm 2017, vốn đầu tư toàn xã hội ước tính đạt 674,8 nghìn tỷ đồng, tăng 10,5% so với cùng kỳ năm trước và bằng 32,8% GDP, trong đó khu vực ngoài Nhà nước đạt 260,9 nghìn tỷ đồng, chiếm 38,7% và tăng 14,9%; cả nước có 61.276 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới, tăng 12,4% về số doanh nghiệp so với cùng kỳ năm 2016; số doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể trong 6 tháng đầu năm 2017 là 5.443 doanh nghiệp, giảm 1,2% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2016 tăng 17%) nhưng số doanh nghiệp tạm ngưng hoạt động trong 6 tháng đầu năm 2017 lại tăng 21,8% so với cùng kỳ năm trước với 37.907 doanh nghiệp. Tháng 12/2018, Việt Nam có 714.755 doanh nghiệp đang hoạt động, tăng 9,2% so với cùng thời điểm năm 2017. Số doanh nghiệp

thành lập mới năm 2018 đạt mức kỷ lục cao nhất từ trước đến thời điểm này 131.275 doanh nghiệp, tăng 3,5% so với năm 2017. Số doanh nghiệp hoàn thành thủ tục giải thể năm 2018 là 16.314 doanh nghiệp, tăng 34,7% so với năm 2017¹.

Thực tế trên cho thấy, việc tồn tại và phát triển của các doanh nghiệp nói chung là hết sức khó khăn, với các doanh nghiệp và hộ cá thể tư nhân lại càng khó khăn hơn. Cơ chế thị trường trong xu thế đề cao tham vọng quyền lực kinh tế, lợi ích, lợi nhuận, chuyển đạo đức kinh doanh trở thành một thứ xa xỉ hoặc bị bỏ qua khiến tình trạng vi phạm đạo đức kinh doanh đã trở thành một vấn đề “nhức nhối”, “nóng” trên nghị trường Quốc hội và bao trùm lên toàn bộ đời sống xã hội. Có thể nói, chưa bao giờ trường tử ngữ có sắc thái tiêu cực kiểu như “hàng giả”, “hàng nhái”, “hàng kém chất lượng”, “kinh doanh trái phép”, “trốn thuế”, “gian lận”, “hàng cấm” “giả mạo”, “thực phẩm bẩn”... lại có tần suất trong mô tả đời sống kinh doanh trên phương tiện thông tin đại chúng nhiều đến thế. Chỉ tính riêng lĩnh vực thực phẩm, những hóa chất như lưu huỳnh, NaOH, cồn 90 độ, methanol, bột dinh dưỡng, phẩm màu, chất tạo nạc, các hóa chất không rõ nguồn gốc khác được bán mua một cách dễ dàng, được phát hiện sử dụng trong chăn nuôi hoặc trộn trực tiếp vào thuốc đông y, vào hàng loạt thực phẩm kém chất lượng để biến chúng trở thành đặc sản trên bàn tiệc hoặc những bữa ăn tập thể và gia đình... Hiện tượng bơm chất độc vào tôm, bơm nước vào lợn, nhồi thức ăn vào gà, vịt, chó trước khi mổ để tăng khối lượng... dẫn đến thực tế không chỉ là thực phẩm bẩn mà là

1. Xem Bộ Kế hoạch và Đầu tư: *Sách trắng doanh nghiệp Việt Nam năm 2018*, Sdd, tr.25, 45, 49.

siêu bản. Đời sống kinh doanh của người dân luôn hàm chứa sự gian lận tinh vi, làm giả, làm nhái đương nhiên đến mức phổ biến; không chỉ là các thủ đoạn không chính đáng mà còn là bất hợp pháp khiến cho tính minh bạch thông tin, sự tuân thủ pháp luật và tính nghiêm minh trong kinh doanh bị xói mòn nghiêm trọng.

Hậu quả của những hành vi vô đạo đức trên là hàng loạt vụ ngộ độc cá nhân, tập thể (hàng trăm công nhân, học sinh, người dự đám cưới...), thậm chí tử vong vì rượu nhiễm methanol, nước giải khát nhiễm chì (nước C2 nhiễm chì vượt mức cho phép tới 9 lần)... Cùng với những con số ám ảnh về tai nạn giao thông, nguy cơ “chết từ từ” vì độc tố “vô tình” được đưa vào cơ thể người Việt ám ảnh tới từng bữa ăn, giấc ngủ, hiển thị thành những căn bệnh nan y như ung thư, tim mạch, hệ hô hấp và tình trạng giảm thiểu khả năng chuyển hóa, miễn dịch của cơ thể con người. Mặt khác, hàng ngàn vụ vi phạm, chiếm hơn 90% vụ việc qua thanh, kiểm tra bị phát hiện vi phạm liên quan đến buôn lậu, làm hàng giả, kinh doanh trái phép, giả mạo giấy tờ, hợp thức hóa chứng từ, gian lận thuế, trốn thuế, nguy cơ bị lạm dụng vốn, bị móc túi, cao hơn nữa là bị lôi kéo vào các chiêu trò kinh doanh đa cấp lừa đảo rình rập từ đô thị cho tới tận các làng quê xa xôi, đẩy nhiều hộ nông dân nghèo vào sự bế tắc... Liên tục trong nhiều năm trở lại đây, công luận cũng đã có nhiều phản ứng về các hiện tượng kinh doanh chạy theo lợi nhuận mà bỏ qua lợi ích của cộng đồng khiến người Việt tự triệt tiêu nhau, nhưng dường như chưa có được những “cú hích” đủ sức tạo ra những thay đổi cần thiết cho xã hội.

Chúng ta đã và đang xây dựng một nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, coi đó là mô hình phát

triển kinh tế phù hợp với thực tiễn Việt Nam trong xu thế phát triển của thế giới, nhưng rõ ràng, sau hơn 30 năm đổi mới, hành lang pháp lý cho hoạt động kinh doanh vẫn chưa đầy đủ, thể chế hoạt động kinh doanh chưa rõ ràng nên những kiểu kinh doanh cơ hội, chộp giật, mang lại lợi nhuận bằng mọi giá cho các doanh nghiệp và hộ kinh doanh cá thể vẫn hoành hành và chỉ dừng lại khi bị phát hiện, xử lý. Mà việc phát hiện, xử lý lại rất chậm và quá ít so với thực tế âm thầm đang diễn ra do cố ý hay vô tình, khiến ý thức tuân thủ đạo đức kinh doanh vẫn chưa chi phối được hành vi kinh doanh. Hàng chục nghìn doanh nghiệp Việt Nam giải thể, phá sản, ngưng hoạt động, bên cạnh lý do nợ xấu, sự đóng băng của thị trường, do khủng hoảng kinh tế - tài chính... thì vi phạm đạo đức kinh doanh, cạnh tranh không lành mạnh cũng là nguyên nhân không nhỏ khiến cho doanh nghiệp không thể phát triển bền vững.

Sự cạnh tranh không lành mạnh thời gian qua xuất hiện không chỉ các doanh nghiệp vi phạm mà nhiều cơ quan nhà nước cũng vi phạm nguyên tắc cạnh tranh. Điển hình như việc Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội đề nghị các trường học chỉ nên tham gia bảo hiểm với 5 doanh nghiệp bảo hiểm; Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An và một số huyện của tỉnh Hà Tĩnh ban hành văn bản yêu cầu các cơ quan, đơn vị, người dân địa phương ưu tiên sử dụng một số loại bia; Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam yêu cầu các cơ quan nhà nước tại địa phương chỉ được sử dụng xi măng của một đơn vị doanh nghiệp... Bên cạnh đó, các chuyên gia cũng chỉ ra rằng, khi thị trường vẫn được điều tiết bằng mệnh lệnh hành chính thì sẽ không có một môi trường kinh doanh bình đẳng cho các doanh nghiệp. Và cứ như vậy sẽ không có một nền kinh tế thị trường theo đúng nghĩa.

Thực tế thao túng quản lý kinh tế khác là dùng “quan hệ”, tiền bạc để mua “đất vàng”, chạy các dự án rồi để hoang hóa hay chuyển đổi mục đích sử dụng sang các dạng thứ cấp của một số doanh nghiệp, địa phương đưa đến sự lãng phí to lớn đối với nền kinh tế, gây cản trở nặng nề trong mưu sinh cũng như an sinh đời sống người dân. Đây thực chất là sự “chiếm hữu” tạo ra sự mất cân đối về quỹ đất, khiến nơi thừa nơi thiếu, nơi cưỡng chế quy hoạch, nơi đất để không nhiều năm trời, gây bức xúc trong xã hội. Đó cũng là nguồn gốc của tham nhũng do trong chỉ đạo, điều hành của các cấp vẫn còn tồn tại cơ chế “xin - cho” ngầm và cục bộ địa phương khi mà công tác chỉ đạo thực hiện các giải pháp phòng ngừa tham nhũng còn hình thức, triển khai thiếu đồng bộ, kiểm tra, đánh giá không thường xuyên.

- Sự lãng phí xã hội:

Lãng phí là một khuyết tật xã hội dần tới nhiều hệ lụy, rào cản lớn trong quá trình hội nhập kinh tế của Việt Nam.

Lãng phí lớn trong đầu tư công là do nhiều công trình sử dụng vốn ngân sách gây lãng phí do quy hoạch thiếu tính chiến lược; quy hoạch phát triển ngành, vùng, địa phương thiếu sự phối hợp với nhau, quy hoạch chồng lấn quy hoạch, quy hoạch vừa thừa vừa thiếu lại sớm phải điều chỉnh bổ sung, nhiều công trình được phê duyệt đầu tư vẫn phải chờ quy hoạch. Tình trạng sử dụng ngân sách sai mục đích, vượt định mức, tiêu chuẩn, dự toán vẫn tồn tại khá phổ biến và chậm được khắc phục. Những dự án thua lỗ, đình đốn của Bộ Công thương như Nhà máy Xơ sợi polyester Đình Vũ, 3 nhà máy nhiên liệu sinh học Quảng Ngãi, Phú Thọ và Bình Phước; Công ty trách nhiệm hữu hạn Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất; Dự án mở rộng sản xuất giai đoạn II Nhà máy

Gang thép Thái Nguyên; Dự án Khai thác, tuyển quặng sắt mỏ Quỳ Xa và Dự án Gang thép Lào Cai; Dự án Nhà máy Bột giấy Phương Nam cùng 4 dự án sản xuất phân bón thuộc trách nhiệm của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam..., đã trở thành gánh nặng của nền kinh tế với tổng mức đầu tư đều tăng so với mức được phê duyệt và tiến độ kéo dài.

Các công trình ít hiệu quả, gây lãng phí, thất thoát tiền Nhà nước đến hàng nghìn tỷ đồng khác được nhắc tới như Làng văn hóa Các dân tộc Việt Nam, Nhà thi đấu Hà Nam, Nhà máy Cán thép tấm nóng Cái Lân (Quảng Ninh)... Câu chuyện phí làm đường cao tốc tại Việt Nam đắt hơn cả Mỹ từng được cho là làm “nóng” diễn đàn Quốc hội một cách đặc biệt; nhiều “con số giật mình” khi một đại biểu Quốc hội đã so sánh số tiền thất thoát trong vụ án Phạm Công Danh và vụ án Trịnh Xuân Thanh với 300 năm thuế đất nông nghiệp hay việc Bộ Kế hoạch và Đầu tư công bố 72 dự án với tổng số vốn đầu tư 42.000 tỷ đồng có dấu hiệu không hiệu quả trong phiên giải trình về tình hình triển khai thực hiện Luật đầu tư công và kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020...

Sự tiêu dùng xa xỉ cũng là một biểu hiện lãng phí kinh tế. Không chỉ là chuyện người mẫu, diễn viên thi nhau dùng hàng hiệu, đại gia vùng tiền thể hiện đẳng cấp đám cưới khủng, cán bộ lãnh đạo còn hiện tượng ghi chức danh trên thiệp mời, mời cỗ cưới con với số lượng hàng nghìn khách ở khách sạn, khu du lịch sang trọng; cán bộ có quyền chức đua nhau xây nhà to, sắm xe riêng, thậm chí là biệt phủ... Nói chung, xài sang, chuộng đồ ngoại là một tâm lý mang tính xã hội của người Việt. Chỉ riêng chi tiêu cho Tết Nguyên đán cũng được phản ánh là cuộc “đua tết” của người Việt với việc sắm hàng độc, lạ, đắt đỏ, thể hiện đẳng cấp, thương hiệu với

các loại giá cả trên trời như: 1,8 tỷ đồng/kg trứng cá tầm; 400 đến 650 triệu đồng/kg nhụy hoa nghệ tây làm trà hoặc làm gia vị tẩm ướp các món ăn...; các cây cảnh như cặp sanh rễ kim giá tới 4 tỷ đồng, cây me dáng “thác đổ mây bay” giá 3,5 tỷ đồng, cây mai cổ thụ giá hơn nửa tỷ đồng... Số tiền nhập khẩu hoa, cây cảnh của Việt Nam phục vụ Tết Nguyên đán 2018 lên tới 18 triệu USD, tăng mạnh so với dịp Tết 2017. Các gia đình Việt dù có thu nhập trung bình hay thấp cũng vẫn mạnh tay chi mua sắm Tết, chấp nhận giá đắt đỏ với tâm lý “mâm cao cỗ đầy” cho bằng anh bằng em. Thậm chí có không ít gia đình mua sắm Tết theo kiểu thích thì mua, vui bạn vui bè thì mua, cho nên hàng hóa mua về chất đống, hỏng bỏ đi, rất tốn kém mà giá trị sử dụng lại thấp.

Có thể nói, dưới góc độ kinh tế - xã hội, lãng phí là một loại hành vi nguy hiểm, gây thiệt hại vật chất của xã hội, diễn ra từ các hoạt động công quyền (xây dựng, điều hành, thực thi chính sách) cho tới sản xuất, tiêu dùng. Đối với Việt Nam trong điều kiện là một quốc gia đang phát triển, trình độ công nghiệp hóa, khoa học và công nghệ trong sản xuất, dịch vụ và quản lý còn hạn chế; nguồn tài nguyên thiên nhiên ngày càng cạn kiệt và hầu như không có khả năng tái tạo càng cho thấy sự nguy hiểm, nguy hại của lãng phí. Sự nguy hiểm của lãng phí còn là bởi tính chất dễ lây lan và thường không gặp trở ngại gì về nhận thức, dẫn đến tổng lãng phí xã hội là rất lớn.

- *Vấn đề trình độ dân trí và chất lượng nguồn nhân lực:*

Văn hóa xét cho cùng chính là biểu hiện trình độ dân trí. Trình độ dân trí - chất lượng nguồn nhân lực của Việt Nam trước yêu cầu của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 cũng là một thách thức văn hóa trong kinh tế.

Theo kết quả điều tra mức sống hộ gia đình Việt Nam năm 2012, tỷ lệ dân số Việt Nam từ 15 tuổi trở lên có trình độ từ “chưa bao giờ đến trường” đến “tốt nghiệp trung học cơ sở” là gần 70%, tỷ lệ có trình độ đào tạo từ “sơ cấp nghề” đến “trên đại học” là 16,2%, còn lại hơn 14% có trình độ “tốt nghiệp trung học phổ thông”¹. Với tỷ lệ này, các nhà nghiên cứu đã tính toán và đưa ra các con số: “số người có trình độ đại học, cao đẳng và trên đại học chiếm một tỷ trọng là 7,4%, số người có trình độ kỹ thuật nghề được đào tạo là 8,8% và số còn lại 83,2% chưa được đào tạo nghề. Tức là, tỷ trọng trình độ nhân lực của Việt Nam năm 2012 là: 7,4% “thầy”, 8,8% thợ được đào tạo nghề và 83,2% thợ chưa được đào tạo nghề”. Như vậy, cấu trúc trình độ chuyên môn kỹ thuật của Việt Nam với tỷ lệ 1 “thầy” có 1,2 kỹ thuật viên và 11,2 thợ là đặc trưng cho lực lượng lao động còn rất thấp kém của một nền kinh tế đang chuyển sang cơ chế thị trường vừa thiếu thầy, vừa thiếu cả thợ.

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê năm 2015, số người có trình độ chuyên môn kỹ thuật (có chứng chỉ) của Việt Nam chỉ có 10,56 triệu người, chiếm tỷ lệ thấp trong tổng lực lượng lao động (đạt 20,78%). Đến quý I/2019, số lao động có trình độ chuyên môn kỹ thuật là 12,1 triệu người chiếm 22,2% số lao động có việc làm².

Theo bản tin cập nhật thị trường lao động Việt Nam số 13, quý I/2017, tỷ lệ việc làm trong ngành nông, lâm, thủy sản

1. Tổng cục Thống kê: *Kết quả điều tra mức sống hộ gia đình Việt Nam năm 2012*, Hà Nội, 2014, tr.69.

2. Tổng cục Thống kê: *Thông cáo báo chí về tình hình lao động việc làm quý I năm 2019*, trang Thông tin điện tử Tổng cục Thống kê, ngày 29/3/2019.

trên tổng việc làm của nước ta là 40,5%; số người thất nghiệp trong độ tuổi lao động là 1.101,7 nghìn người. Quý I/2017 có 850,3 nghìn người trong độ tuổi lao động thiếu việc làm (có thời gian làm việc dưới 35 giờ, có mong muốn và sẵn sàng làm thêm), tăng 100,7 nghìn người so với quý IV/2016 và tăng 29 nghìn người so với quý I/2016. Tỷ lệ thiếu việc làm của lao động trong độ tuổi lao động là 1,82%, tăng nhẹ so với quý IV/2016. Trong tổng số người thiếu việc làm, có 85% lao động nông thôn, 77% làm việc trong ngành nông, lâm, thủy sản¹.

Quý I/2019, số lao động trong độ tuổi có việc làm khoảng 54,3 triệu người, trong đó tỷ lệ lao động trong khu vực nông, lâm, thủy sản chiếm 35,4%, trong khu vực công nghiệp và xây dựng là 28,6%, trong khu vực dịch vụ chiếm 36%. Số người thất nghiệp trong độ tuổi lao động quý I/2019 là 1,1 triệu người, chiếm 2,17%; tỷ lệ thiếu việc làm của lao động là 1,21%².

Theo *Báo cáo năng suất lao động Việt Nam năm 2015*, năng suất lao động của Việt Nam chỉ bằng 4,4% của Xingapo; 17,4% của Malaixia; 35,2% của Thái Lan; 48,5% của Phillippin và 48,8% của Indônêxia, nghĩa là một người Xingapo có năng suất làm việc bằng gần 23 người Việt Nam, một người Philíppin cũng làm việc năng suất hơn 2 người Việt Nam.

Tuy nhiên, trong những năm gần đây, năng suất lao động của Việt Nam được cải thiện đáng kể theo hướng tăng đều qua các năm, là quốc gia có tốc độ tăng năng suất lao động cao trong khu vực ASEAN. Năm 2018, năng suất lao động Việt Nam

1. Xem <http://www.molisa.gov.vn/Images/FileAnPham/fileanpham2017691623270.pdf>

2. Tổng cục Thống kê: *Thông cáo báo chí về tình hình lao động việc làm quý I năm 2019*, Tlđđ.

tăng 5,93% so với năm 2017, bình quân giai đoạn 2016 - 2018 đạt 5,75%, cao hơn mức 4,35% giai đoạn 2011 - 2015¹.

Như vậy, ngay trong điều kiện hiện tại, sự thiếu hụt lao động có trình độ cao ở Việt Nam đã là một tình trạng báo động. Chúng ta có trong tay lực lượng lao động dồi dào nhưng lại chỉ có 20,6% tổng số lao động có chứng chỉ đào tạo, mà từ lý thuyết, bằng cấp chứng chỉ cho tới thực tế khả năng lao động của nhân lực Việt Nam là cả một quãng cách rất xa. Điều này khiến cho chính các doanh nghiệp Việt Nam khó tuyển được lao động có trình độ chuyên môn kỹ thuật bậc cao trong bối cảnh yêu cầu ứng dụng công nghệ cao, tiên tiến đã trở thành vấn đề tất yếu, thậm chí là sống còn trong hội nhập và cạnh tranh khốc liệt như hiện nay.

Theo các nhà nghiên cứu, bản chất cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 là sự hội tụ của nền kinh tế vật lý, kinh tế số, sinh học, dựa trên nền tảng trí tuệ thông minh nhân tạo với 3 lĩnh vực chính là kỹ thuật số bao gồm dữ liệu lớn (Big Data), vạn vật kết nối internet (IoT), trí tuệ nhân tạo (AI); là công nghệ sinh học bao gồm ứng dụng trong nông nghiệp, thủy sản, y dược, chế biến thực phẩm, bảo vệ môi trường, năng lượng tái tạo, hóa học và vật liệu; là lĩnh vực vật lý bao gồm robot thế hệ mới, xe tự lái, các vật liệu mới (graphene, skyrmions...), công nghệ nano...

Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 dù mới bắt đầu nhưng nó đang và sẽ phá vỡ cấu trúc của hầu hết các ngành công nghiệp ở mọi quốc gia, báo trước sự chuyển đổi của toàn bộ hệ thống sản xuất, quản lý và quản trị, tạo chuyển đổi mạnh mẽ từ mô hình dựa vào tài nguyên và lao động chi phí thấp

1. Xem Bộ Kế hoạch và Đầu tư: *Sách trắng doanh nghiệp Việt Nam năm 2018*, Sđd, tr.16.

sang kinh tế tri thức, làm biến đổi mọi mặt đời sống kinh tế - xã hội toàn cầu.

Do áp dụng các thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, công nghiệp sáng tạo sẽ tăng trưởng mạnh, chiếm tỷ trọng ngày càng cao trong cơ cấu kinh tế, do vậy các ngành sản xuất và dịch vụ truyền thống và lao động trình độ thấp sẽ mất dần cơ hội. Cùng với nguồn năng lượng mới, cách khai thác mới còn có cách sử dụng nguồn lực hiệu quả hơn (được gọi là công nghệ nhúng, công nghệ phái sinh); các trang thiết bị trong các dây chuyền sản xuất cơ bản chỉ cần nâng cấp phần mềm để bổ sung các tính năng mới cho hệ thống thông minh nên đòi hỏi người lao động phải thích ứng nhanh với sự thay đổi của sản xuất. Vì vậy, về đại cục, cung - cầu lao động trên thế giới sẽ thay đổi căn bản, trình độ tự động hóa cao và có tính sáng tạo sẽ tạo sự cạnh tranh khốc liệt giữa trí tuệ nhân tạo, robot với con người khiến cho cơ hội việc làm của con người có thể chỉ còn 1/10.

Một thực tế cho thấy, những thị trường lao động chất lượng cao như Mỹ và Anh cũng đã được dự báo sẽ có khoảng 95 triệu lao động truyền thống bị mất việc trong vòng 10 - 20 năm tới (tương đương 50% lực lượng lao động tại hai nước này và ở các quốc gia khác). Gần đây McDonald công bố sẽ xây thêm 25.000 nhà hàng mới nhưng lại có thể cắt giảm hàng trăm ngàn người lao động do sử dụng robot thay thế; Foxconn Technology Group - công ty cung cấp linh kiện cho hãng Apple và Samsung, cũng tuyên bố sẽ cắt giảm 60.000 nhân công và thay thế bằng robot. Tính riêng khu vực ASEAN, hiện nay, lao động có tay nghề và kỹ năng cao tập trung chủ yếu ở thị trường Xingapo, Malaixia và Thái Lan, các quốc gia còn lại, trong đó có Việt Nam đều bị xếp vào lao động trình độ kỹ năng thấp hoặc không có kỹ năng trong tình trạng rất đáng lo ngại

về sự thiếu hụt lực lượng lao động có tay nghề và kỹ năng. Theo *Báo cáo năng lực cạnh tranh toàn cầu 2015 - 2016*, Việt Nam được xếp hạng chung là 56, nhưng các chỉ số cấu phần liên quan đến đổi mới sáng tạo lại thấp hơn nhiều, đặc biệt là năng lực hấp thụ công nghệ chỉ xếp hạng 121; giáo dục và đào tạo ở cấp sau phổ thông xếp thứ 95... Trong những năm gần đây, thứ hạng các trụ cột Đổi mới sáng tạo của Việt Nam có xu hướng cải thiện liên tục, năm 2018, được xếp vị trí thứ 45/126 nền kinh tế¹.

Như vậy, hiện nay, không chỉ ở Việt Nam mà nhiều nước đang phát triển trong khu vực và thế giới đều đang phải đối mặt với những thách thức lớn về sự thiếu hụt lao động có trình độ cao và kỹ năng chuyên nghiệp để đáp ứng được nhu cầu về nguồn nhân lực trong cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.

Trên thực tế, mô hình “kinh tế chia sẻ” (mô hình thị trường kết hợp sở hữu và chia sẻ quyền sử dụng hàng hóa và dịch vụ nhằm gia tăng lợi ích cho các bên tham gia) điển hình cho cách mạng công nghiệp 4.0 đã và đang diễn ra. Nó đòi hỏi cách tiếp cận độc đáo, khác biệt và gắn chặt với năng lực trí tuệ. Thách thức đặt ra là nếu muốn ứng dụng được công nghệ 4.0, đòi hỏi người lao động phải có trí tuệ thì mới tham gia vào quá trình sản xuất. Một số chuyên gia kinh tế cho rằng, Việt Nam cần xây dựng chiến lược số chuyển đổi phù hợp để có chính sách quản trị thông minh, thể chế hiện đại, hạ tầng kết nối số và an ninh mạng, nguồn nhân lực số để tiến tới xây dựng công nghiệp công nghệ số, nông nghiệp thông minh, du lịch thông minh, đô thị thông minh, hệ sinh thái đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp... Chính phủ cũng đã

1. Xem Bộ Kế hoạch và Đầu tư: *Sách trắng doanh nghiệp Việt Nam năm 2018*, *Sđd*, tr.19-20.

khẳng định chủ trương Việt Nam cần chủ động nắm bắt cơ hội, trước hết là có bước đột phá về công nghệ thông tin với những bước đi cụ thể, tránh tình trạng chỗ nào cũng nói cách mạng công nghiệp 4.0 nhưng hỏi làm gì thì không ai hiểu.

Ở Việt Nam, các vấn đề của kinh tế chia sẻ trong quản lý tài chính, quản lý sản xuất, những thành tựu về y học trong cấy ghép tạng, các mô hình quản lý đô thị thông minh, các mô hình nông nghiệp sạch... đã hiện hữu trong đời sống xã hội nước ta. Nhưng vấn đề đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của kỷ nguyên số để tiến tới xây dựng công nghiệp công nghệ số nhằm tạo nền tảng thực thi nông nghiệp thông minh, du lịch thông minh, đô thị thông minh, hệ sinh thái đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp... thì còn là những ẩn số, phụ thuộc phần lớn vào sự năng động từ phía các cơ sở đào tạo, kể cả trong đào tạo lại. Điều này đòi hỏi ngành giáo dục phải có những bước cải cách mạnh mẽ hơn, có sự đầu tư thích hợp để hiện thực hóa việc kéo gần, tiến tới xóa bỏ khoảng cách cung - cầu lao động chất lượng cao, tránh việc các doanh nghiệp sau khi tuyển dụng buộc phải tiếp tục đào tạo nghề tại chỗ từ 6 tháng đến một năm thì mới đưa người lao động vào dây chuyền của họ.

Những năm gần đây, trung bình hằng năm có khoảng 1,5 - 1,6 triệu thanh niên bước vào tuổi lao động. Số lượng người lao động qua đào tạo không ngừng tăng lên, nhưng chủ yếu là lao động được đào tạo ngắn hạn. Việt Nam hiện còn rất thiếu lao động có trình độ tay nghề giỏi, công nhân kỹ thuật bậc cao, xét cơ cấu hợp lý theo cấp đào tạo: cử nhân/trung cấp/công nhân, chuẩn mực của thế giới là 1/4/10 thì Việt Nam mới chỉ đạt là 1/0,98/3,02. Tỷ lệ lao động phổ thông không có chuyên môn kỹ thuật trong toàn xã hội chiếm khoảng 80% với các biểu hiện thiếu các kỹ năng làm việc

nhóm, kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề; yếu kém về tin học, ngoại ngữ; thiếu hiểu biết về pháp luật; đạo đức nghề nghiệp chưa cao; thiếu tinh thần và ý thức trách nhiệm trong công việc, tự do, tùy tiện, chậm thích nghi với môi trường làm việc mới.

Bản thân đội ngũ lao động có trình độ chuyên môn, kỹ thuật, thậm chí nhóm có trình độ chuyên môn cao của Việt Nam vốn ít ỏi, trên thực tế chỉ khá về lý thuyết, kém về năng lực thực hành và khả năng thích nghi trong môi trường cạnh tranh công nghiệp. Trong môi trường làm việc có yếu tố nước ngoài, vấn đề ngoại ngữ và những hiểu biết về văn hóa thế giới nói chung và về đối tác nói riêng luôn là điểm yếu của lao động Việt Nam. Đây là một rào cản lớn nhất về nguồn nhân lực để phát triển các ngành kinh tế của Việt Nam, nhất là để tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu cũng như nâng cấp vị thế của Việt Nam trong chuỗi giá trị đó.

Thực tế trên đặt ra nhiều thách thức trong đào tạo nguồn nhân lực của Việt Nam hiện nay. Trên phương diện tư duy, đó là thách thức về sức ỳ trong nhận thức về thách thức và cơ hội trong thực tiễn phát triển của bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, là sự thiếu hụt về cách nghĩ, cách tiếp cận trong ứng xử với giáo dục của nhiều cấp, nhiều ngành, của chính đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục khiến cho giáo dục không theo kịp sự phát triển quá nhanh của kinh tế - xã hội và khoa học công nghệ trên thế giới, nhất là tương lai không xa của thời đại cách mạng công nghiệp 4.0. Trên phương diện cơ chế, chính sách, đó là thách thức chậm trễ của việc ban hành cơ chế, chính sách nhằm nâng cao chất lượng giáo dục, cơ chế phối hợp, liên kết giữa cơ sở đào tạo với cơ sở sản xuất, nhất là các cơ sở giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp. Trên phương diện đào tạo có nhiều thách thức:

- Thách thức về cơ cấu hệ thống giáo dục - đào tạo, sự bất cập về khung trình độ quốc gia, tiêu chuẩn kỹ năng nghề nghiệp, tiêu chuẩn kỹ năng mềm phù hợp với bối cảnh đất nước và xu thế các nước trong khu vực và trên thế giới.

- Thách thức trong triển khai thay đổi phương pháp đào tạo ứng dụng công nghệ thông tin trong thiết kế và thực hiện đào tạo, trong kiểm tra, đánh giá năng lực làm việc và tính sáng tạo của người học.

- Thách thức về hiện đại hóa hạ tầng công nghệ thông tin trong quản lý và điều hành lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp như thư viện điện tử, phòng học đa phương tiện, phòng chuyên môn hóa; hệ thống thiết bị mô phỏng, thực tế ảo; hệ thống giáo dục trực tuyến...

- Thách thức về sự thiếu hụt của ngành tự động hóa cũng như sự đầu tư cho nghiên cứu sâu về các lĩnh vực kỹ thuật số, công nghệ thông tin, năng lượng và vật liệu mới, công nghệ sinh học...

- Lớn hơn cả là thách thức nỗ lực tự vượt qua chính mình, vượt lên tư duy, tập quán, thói quen, là khả năng tự trang bị kiến thức, tự tìm kiếm và thực hành nghiêm túc trong cuộc sống một cách phù hợp với điều kiện của cá nhân, cộng đồng và của chính các cơ sở giáo dục, đào tạo.

b) Xử lý các rào cản từ góc độ văn hóa trong phát triển kinh tế ở Việt Nam hiện nay

- *Bối cảnh kinh tế nước ta hiện nay và những vấn đề đặt ra:*

Về thực tiễn phát triển kinh tế, sau hơn 30 năm chuyển đổi cơ chế theo con đường đổi mới, nền kinh tế Việt Nam vẫn tăng trưởng chủ yếu theo chiều rộng, dựa vào liên tục gia tăng các nguồn lực đầu vào, đặc biệt là thâm dụng vốn đầu

tư và hiệu quả sử dụng nguồn lực thấp, chậm được cải tiến dẫn đến chất lượng tăng trưởng thấp, năng suất lao động tụt hậu so với các nước trong khu vực. Theo đánh giá quốc tế về các giai đoạn phát triển và động lực của năng lực cạnh tranh, Việt Nam mới chỉ được xếp vào đầu của giai đoạn chuyển giao từ phát triển cơ bản sang phát triển lấy hiệu quả làm động lực, trong khi chỉ tính riêng ở châu Á, các nước như Thái Lan, Trung Quốc... đã tiến rất sâu vào giai đoạn phát triển lấy hiệu quả làm động lực, hoặc các nước như Hàn Quốc, Xingapo... đã vào giai đoạn phát triển lấy đổi mới làm động lực. So với 12 trụ cột của năng lực cạnh tranh (CGI), thực tiễn cũng cho thấy ở tất cả các trụ cột của năng lực cạnh tranh của Việt Nam đều có vấn đề, từ các yêu cầu cơ bản (thể chế, hạ tầng, môi trường kinh doanh kinh tế vĩ mô, y tế và giáo dục tiểu học) cho tới các trụ cột về nâng cao hiệu quả (giáo dục đại học và đào tạo; hiệu quả của thị trường hàng hóa; hiệu quả của thị trường lao động; phát huy thị trường tài chính; công nghệ tiên tiến; quy mô thị trường) và đặc biệt là các trụ cột về nhân tố đổi mới và phát triển¹.

Hiện nay, nền kinh tế Việt Nam đang có nhiều thời cơ và điều kiện thuận lợi để phát triển nhanh và bền vững. Chính phủ kiến tạo là một chuyển đổi quan trọng theo hướng dẫn dắt, hỗ trợ phát triển, sẽ tạo ra một sự thay đổi về chất nếu được triển khai một cách quyết liệt, hiệu quả cùng những quyết sách phù hợp với thực tiễn toàn quốc cũng như từng địa phương, vùng, miền. Tuy nhiên, kinh tế Việt Nam cũng đang đứng trước nhiều khó khăn, bất cập khi sức ép lạm

1. Xem *Báo cáo Năng lực cạnh tranh toàn cầu (Global Competitiveness Report) 2015 - 2016* của WEF.

phát và tiềm ẩn bất ổn kinh tế vĩ mô vẫn còn lớn. Nợ xấu tuy được kiểm soát nhưng vẫn còn cao. Cân đối ngân sách nhà nước còn nhiều khó khăn, việc tiến độ thu ngân sách chậm và đạt thấp. Chủ trương, cơ chế, chính sách hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho sản xuất, kinh doanh tuy được ban hành nhưng hiệu quả mang lại chưa tương xứng. Sản xuất, kinh doanh còn nhiều khó khăn, khả năng cạnh tranh của các sản phẩm làm ra còn thấp. Các khu vực nông, lâm nghiệp, thủy sản và công nghiệp - xây dựng tăng trưởng thấp trong điều kiện thiên tai khắc nghiệt, hạn hán, xâm nhập mặn, dịch bệnh diễn biến phức tạp.

Gần đây nhất, trong *Báo cáo về xếp hạng môi trường kinh doanh* (Doing Business 2018) của Ngân hàng Thế giới (WB), Việt Nam xếp vị trí 68 trong tổng số 190 nền kinh tế được đánh giá, tăng 14 bậc so với năm trước. Tuy nhiên, các chuyên gia vẫn cho rằng cải cách của Việt Nam vẫn có độ trễ, đặc biệt là lĩnh vực nộp thuế hay tiếp cận điện năng, dù đã có những cải thiện đáng kể nhưng về thời gian nộp thuế vẫn còn khoảng cách xa so với các nước khác trong khu vực ASEAN; việc giám sát thực hiện các quy định trong thực tế là một vấn đề cần cải thiện nhiều hơn khi xét trong khu vực ASEAN, Việt Nam mới vào top 5, chưa lọt được vào top 4, top 3¹.

Hiện nay, Việt Nam đã tham gia Hiệp định đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), tham gia Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC) và Hiệp định thương mại

1. Xem Đậu Tuấn Anh: “Xếp hạng môi trường kinh doanh tăng mạnh: “Việt Nam vẫn chưa thể hài lòng””, <http://vneconomy.vn/xep-hang-moi-truong-kinh-doanh-tang-manh-viet-nam-van-chua-the-hai-long-20171102105919295.htm>.

tự do giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu (EVFTA)... CPTPP là bước ngoặt quan trọng trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế để Việt Nam trở thành bạn hàng của những quốc gia phát triển mạnh về kinh tế như Ớtxtrâylia, Canada, Nhật Bản... AEC liên kết Việt Nam trong một cộng đồng có số dân khoảng 600 triệu người, đứng thứ ba về dân số và là nền kinh tế đứng thứ bảy thế giới (quy mô GDP khoảng 3 nghìn tỉ USD); còn EVFTA sẽ mở cánh cửa hợp tác đưa Việt Nam tới sự hợp tác được coi là toàn diện với các nước thuộc EU. Một luồng vốn lớn sẽ đổ vào Việt Nam do lợi thế về ưu đãi giữa các nước thành viên. Việt Nam cũng sẽ có điều kiện thuận lợi để xuất khẩu hàng hóa hay phát triển tổ chức ra toàn cầu. Như vậy, sự phát triển rất sôi động sẽ diễn ra không chỉ ở khu vực doanh nghiệp FDI mà cả từ các doanh nghiệp trong nước trên cả ba lĩnh vực công nghiệp, nông nghiệp và dịch vụ...

- Môi trường kinh tế là vấn đề cần được cải thiện nhất hiện nay ở Việt Nam. Việc tôn trọng quyền sở hữu, sự cạnh tranh bình đẳng và minh bạch là điều kiện rất quan trọng để Việt Nam tạo cho được môi trường phát triển kinh tế lành mạnh. Chỉ khi môi trường phát triển kinh tế được cải thiện, các nguồn lực nói chung và những cơ hội nêu trên mới có thể được phân bố và tận dụng hiệu quả, trở thành động lực quan trọng góp phần vào thành công của quá trình chuyển đổi mô hình tăng trưởng và cơ cấu lại nền kinh tế nước ta. Trong điều kiện cụ thể hiện nay, xử lý khắc phục cho được những rào cản từ góc độ văn hóa trong phát triển kinh tế nêu trên là một việc làm cần thiết để thay đổi môi trường kinh doanh và phát triển kinh tế nói chung ở Việt Nam.

- Việt Nam hiện nay là điển hình cho một xã hội đang chuyển đổi: nếp sống văn hóa nông nghiệp truyền thống dựa

trên tình nghĩa gần như đã bị phá vỡ, trong khi nếp sống của văn hóa đô thị và công nghiệp dựa trên pháp luật lại chưa hình thành một cách rõ nét. Hiện chúng ta vẫn còn nhiều rào cản về thể chế đối với sự phát triển kinh tế - xã hội, xuất phát từ hệ thống luật, bộ máy hành chính và các chế tài. Tuy nhiên, rào cản lớn nhất vẫn là vấn đề nhận thức và hành động nhằm thay đổi thói quen, nếp nghĩ và cách tiếp nhận tri thức của con người trong phát triển kinh tế. Cần thấy rõ tính chất “gia công” của kinh tế Việt Nam không chỉ trong công nghiệp với việc lắp ghép mà còn cả nông nghiệp với việc nhập khẩu cả phân bón, thuốc trừ sâu, giống cây trồng, vật nuôi và phụ thuộc sâu sắc vào các thị trường tiềm năng. Hầu hết nông sản của Việt Nam đều được bán dưới dạng thương phẩm thô, với giá thường thấp hơn so với các đối thủ cạnh tranh do thua kém về chất lượng và các nguyên nhân khác. Tăng trưởng nông nghiệp ở Việt Nam chủ yếu vẫn dựa trên quảng canh hoặc đẩy mạnh thâm dụng đất và các tài nguyên khác nên chịu nhiều rủi ro, quy mô nhỏ, manh mún, phân tán, khó tiệm cận tối tư duy và quy mô sản xuất hàng hóa. Điều này khiến cho kinh tế Việt Nam luôn nằm ở đoạn cuối chuỗi giá trị của nền kinh tế toàn cầu với nhiều rủi ro và chịu sự phụ thuộc lớn ở những khâu phía trên trong chuỗi giá trị này.

- Những rào cản từ góc độ văn hóa trong phát triển kinh tế nêu trên là những vấn đề tập tính xã hội cơ bản và sự hạn chế về trình độ dân trí gây khó khăn, cản trở rất lớn cho phát triển kinh tế. Việc chỉ ra từng yếu tố tập tính đơn lẻ cùng một số biểu hiện và hệ lụy của nó nêu trên chỉ là một phần nhận diện nhỏ trong bức tranh hiện thực đời sống kinh tế rộng lớn. Những yếu tố này có sự liên quan, có khi là nguyên nhân, là kết quả của nhau, được tạo ra từ ảnh hưởng của môi

trường kinh tế nông nghiệp truyền thống lâu đời nên có tính bảo thủ, khó từ bỏ. Vấn đề thực tiễn lớn hơn cần thấy là sự đan xen và tác động nhiều chiều, tạo nên tính phức tạp từ tổ hợp các vấn đề rào cản từ góc độ văn hóa cũng như những biểu hiện cụ thể, phát sinh hết sức đa dạng trong thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội. Mấu chốt gốc rễ của hệ vấn đề tập tính văn hóa tạo rào cản này chính là vấn đề lợi ích, gắn với tâm lý sản xuất nhỏ nên mang tính tư lợi cá thể. Điều này dẫn tới những cát cứ trong tư duy và hành động của các chủ thể trong tham gia quá trình kinh tế, làm thiếu đi sự kết dính cần thiết để tập hợp được sức mạnh cộng đồng.

- *Những việc làm cần thiết:*

+ Tạo lập quyết tâm chính trị về xóa bỏ rào cản từ góc độ văn hóa trong kinh tế. Điều đầu tiên và có tính quyết định sự thành bại trong xử lý các rào cản từ góc độ văn hóa trong kinh tế là phải tạo lập cho được quyết tâm chính trị của cả cộng đồng. Điều này trước hết phải bắt đầu từ bộ máy chính trị, quan trọng là sự làm gương và quyết tâm thực hiện trách nhiệm của người đứng đầu các cấp, các cơ quan, đoàn thể để thuyết phục và tập hợp Nhân dân, tạo sự chuyển biến trên phạm vi toàn xã hội.

+ Xác định rõ và chuyển hóa thành hành động cụ thể việc xây dựng tổ chức đảng trong sạch, vững mạnh là nền tảng đầu tiên và quan trọng nhất cho việc hoàn thiện thể chế và xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, qua đó thúc đẩy xây dựng môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi, hỗ trợ doanh nghiệp. Thực hiện nghiêm túc Nghị quyết số 05-NQ/TW ngày 01/11/2016 của Ban Chấp hành Trung ương về đổi mới mô hình tăng trưởng, chỉ ra điều kiện chủ yếu để đổi mới mạnh mẽ và căn bản mô hình tăng trưởng kinh tế

của Việt Nam đến năm 2020 để tạo sự chuyển biến trong toàn hệ thống chính trị và toàn dân, nhất là đội ngũ trí thức, các doanh nhân, doanh nghiệp trong chủ động, sáng tạo, tích cực tham gia và có nhiều đóng góp to lớn trong việc thực hiện đổi mới mô hình tăng trưởng.

+ Nhận thức đúng đắn về phát triển kinh tế, xây dựng và thực thi cơ chế xóa bỏ những rào cản từ góc độ văn hóa trong kinh tế. Đổi mới phương thức, nâng cao năng lực, hiệu lực và hiệu quả quản lý nhà nước về kinh tế theo tinh thần Nghị quyết số 05-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương về đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế. Tăng cường khả năng điều tiết, giám sát, kiểm tra và thanh tra theo mức độ rủi ro và kiểm soát việc tuân thủ pháp luật của đối tượng quản lý trong phát triển kinh tế; xử lý nghiêm những hành vi vi phạm pháp luật; xây dựng bộ máy nhà nước tinh gọn, liêm chính, thông suốt, hiệu lực, hiệu quả; và tăng cường kỷ luật, kỷ cương của các cơ quan nhà nước và người đứng đầu. Quán triệt thống nhất trong nhận thức và có biện pháp kiểm soát thực thi trên toàn quốc với ba mục tiêu cốt lõi trong phát triển kinh tế là nâng cao năng suất lao động, nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực của nền kinh tế và nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế, của sản phẩm, của doanh nghiệp Việt Nam trong môi trường cạnh tranh trong nước và quốc tế.

+ Vận hành đồng bộ và đầy đủ theo các nguyên tắc, quy luật của kinh tế thị trường, giải quyết hài hòa mối quan hệ nhà nước và thị trường. Áp đặt kỷ luật thị trường đối với doanh nghiệp nhà nước để nâng cao năng lực quản trị của doanh nghiệp nhà nước và tiếp tục đẩy mạnh hiệu quả quá trình cổ phần hóa và thoái vốn của các tập đoàn, tổng công ty nhà nước theo nguyên tắc thị trường.

+ Khắc phục triệt để sự chây ì trong đổi mới tư duy kinh tế để hội nhập và phát triển kinh tế, xóa bỏ tình trạng riêng rẽ, thiếu đồng bộ trong việc triển khai chính sách giữa các cơ quan hoặc giữa các địa phương để đáp ứng gắn kết trong phát triển kinh tế, khắc phục tình trạng “trên nóng dưới lạnh” trong chỉ đạo, điều hành kinh tế.

+ Đảm bảo tính công bằng, minh bạch trong hoạt động kinh tế. Có sự hòa mạng thông tin và thực thi cơ chế phản biện, giám sát dân chủ vì lợi ích chung của quốc gia nhằm có các quyết định phù hợp, đúng đắn nhất trong phát triển kinh tế. Minh bạch hóa các nguồn thu - chi bằng các quy định sử dụng tiền mặt và thanh toán điện tử, công nghệ, ngăn ngừa các gian lận tài chính.

+ Xử lý nghiêm minh các sai phạm kinh tế. Phân biệt rõ về địa giới hành chính và không gian kinh tế, lợi thế và điều kiện hội đủ, cách tính tốc độ tăng trưởng GRDP của từng tỉnh nhằm điều chỉnh tư duy cát cứ, giải quyết triệt để hiện tượng tỉnh nào cũng chạy đua để trở thành một thực thể kinh tế hoàn chỉnh dù không đủ điều kiện hay việc các lãnh đạo tỉnh bằng mọi giá để có thành tích nổi trội trong nhiệm kỳ.

+ Thay đổi cơ chế đánh giá và xét duyệt các dự án kinh tế. Làm rõ trách nhiệm, sự phân cấp quyền và trách nhiệm trong việc cấp phép đầu tư, phân bổ vốn đầu tư từ trung ương đến địa phương. Có cơ chế khắc phục mối quan hệ chông chéo giữa ngân hàng, doanh nghiệp nhà nước và các cơ quan chủ quản, làm rõ việc thực hiện quyền lợi, nghĩa vụ về ngân sách của các tỉnh, thành phố nhằm xóa bỏ cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp và tư duy nhiệm kỳ, chạy theo thành tích, làm dỏ báo cáo hay, tránh hậu họa của các đại án kinh tế từ các địa phương cũng như các tập đoàn kinh tế.

+ Thúc đẩy nhận thức về thực thi đạo đức kinh doanh ở Việt Nam như một đòi hỏi văn hóa của cộng đồng xã hội cũng như sự cần thiết của môi trường minh bạch và cạnh tranh lành mạnh nhằm làm cho nền kinh tế Việt Nam trở thành một mắt xích trong chuỗi cung ứng toàn cầu. Thay đổi phương thức sản xuất, đưa ứng dụng công nghệ vào triển khai mạnh mẽ, hướng tới việc cung ứng ra thị trường những sản phẩm chất lượng “Made in Vietnam” bảo đảm chất lượng ngang giá và giàu tính nhân văn. Các doanh nghiệp nhà nước, tư nhân, các hộ kinh doanh Việt Nam cần cấu trúc lại, khởi nghiệp theo một thiên hướng mới, tạo ra một phong trào xã hội chống lại thói làm ăn chộp giật để có thể làm chủ sân chơi kinh tế một cách đúng nghĩa với một bước thay đổi về chất, thực sự trở thành động lực lớn cho nền kinh tế nước nhà. Doanh nhân Việt Nam với vai trò là tầng lớp tiên tiến trong xã hội, là người tiếp xúc, vật lộn với những cái mới nhất, nóng bỏng nhất, cập nhật nhất cần chung sức để tạo nên sự đột phá mới của đất nước cũng như quyết định gốc rễ của cái gọi là văn hóa kinh doanh, đổi mới tư duy kinh tế, xóa bỏ tập tính xã hội trở thành rào cản trong kinh tế của người Việt ngày nay.

+ Cải thiện mạnh nguồn nhân lực thông qua đào tạo và sử dụng người hiệu quả. Thu hút nguồn nhân lực có trình độ hiện có bằng những chính sách sử dụng phù hợp kết hợp với bồi dưỡng, bù đắp mảng thiếu hụt, nâng cấp chất lượng nhằm tránh làm thất thoát chất xám; tạo cơ hội cống hiến bình đẳng, động viên và tôn vinh thực chất sự sáng tạo và cống hiến để thu hút nhân lực từ các địa phương cũng như đội ngũ trí thức Việt kiều, tạo sự đồng thuận, cách nhìn mới, cảm nhận mới về ý nghĩa và cơ hội lao động ở Việt Nam.

Phân công, bố trí lao động hợp lý, đúng người, đúng việc, bảo đảm có sự dẫn dắt, kèm cặp và hỗ trợ lẫn nhau giữa các thế hệ người lao động để người có trình độ cao hơn có trách nhiệm đào tạo với đội ngũ đi sau, tạo môi trường đào tạo trong thực tiễn lao động sản xuất cũng như sự gắn kết giữa các thành viên, các thế hệ người lao động.

- Xây dựng môi trường làm việc bài bản gắn với các quy trình, quy định cụ thể và thống nhất; bảo đảm sự thân thiện, hợp tác và tin tưởng lẫn nhau nhưng cũng tạo sự cạnh tranh lành mạnh, thử thách trong công việc để người lao động có cơ hội sáng tạo và được ghi nhận một cách công khai, minh bạch, được hưởng mức lương và những phần thưởng, các điều kiện khác cũng như được thăng tiến một cách công bằng xứng đáng với kết quả mà họ đạt được.

Những yếu tố đặc tính xã hội như tâm lý, tư duy nhận thức, xu hướng hành xử mang tính hiện tượng của cộng đồng, quốc gia tạo sức ỳ, làm chậm hoặc cản trở quá trình phát triển kinh tế là một thực tiễn tổ hợp những mặt trái của nhiều vấn đề gây cản trở trong phát triển kinh tế. Trong một điều kiện địa - sinh thái và phát triển xã hội nhất định, những đặc điểm tâm lý của dân tộc trở thành rào cản trong quá trình hội nhập, đặt ra nhiều vấn đề cần phải được giải quyết. Sự đan xen và tác động nhiều chiều, tạo nên tính phức tạp từ tổ hợp các vấn đề rào cản từ góc độ văn hóa cũng như những biểu hiện cụ thể, phát sinh hết sức đa dạng trong thực tiễn đòi hỏi phải giải quyết.

Chương III

NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA VỀ VĂN HÓA TRONG CHÍNH TRỊ VÀ VĂN HÓA TRONG KINH TẾ Ở VIỆT NAM

I- NHẬN THỨC VỀ VĂN HÓA TRONG CHÍNH TRỊ VÀ VĂN HÓA TRONG KINH TẾ HIỆN NAY

1. Nhận thức văn hóa trong chính trị còn bất cập

Đảng và Nhà nước ta đã nhận thức rõ về hệ giá trị cốt lõi của chính trị Việt Nam là nền chính trị của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân với mục tiêu cao nhất là độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội vì sự nghiệp dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, dưới sự lãnh đạo của Đảng, “đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam; đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của dân tộc. Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động, lấy tập trung dân chủ làm nguyên tắc tổ chức cơ bản”¹.

Những bài học kinh nghiệm lớn trong quá trình hoạt động thực tiễn mà Đảng ta đã tổng kết trong *Cương lĩnh*

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, *Sđd*, tr.88.

xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) vẫn còn nguyên giá trị lớn lao đối với công cuộc đổi mới đất nước hiện nay. Năm bài học đó gồm:

Một là, nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội - ngọn cờ vinh quang mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trao lại cho thế hệ hôm nay và các thế hệ mai sau. Độc lập dân tộc là điều kiện tiên quyết để thực hiện chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa xã hội là cơ sở đảm bảo vững chắc cho độc lập dân tộc. Xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa là hai nhiệm vụ chiến lược có quan hệ chặt chẽ với nhau.

Hai là, sự nghiệp cách mạng là của toàn dân, do Nhân dân và vì Nhân dân. Chính Nhân dân là người làm nên những thắng lợi lịch sử. Toàn bộ hoạt động của Đảng phải xuất phát từ lợi ích và nguyện vọng chính đáng của Nhân dân. Sức mạnh của Đảng là ở sự gắn bó mật thiết với Nhân dân. Quan liêu, tham nhũng, xa rời Nhân dân sẽ dẫn đến những tổn thất khôn lường đối với vận mệnh của đất nước, của chế độ xã hội chủ nghĩa và của Đảng.

Ba là, không ngừng củng cố, tăng cường đoàn kết: đoàn kết toàn Đảng, đoàn kết toàn dân, đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế, đó là truyền thống quý báu và là nguồn sức mạnh to lớn của cách mạng nước ta. Hồ Chí Minh đã tổng kết: Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết/Thành công, thành công, đại thành công.

Bốn là, kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại, sức mạnh trong nước với sức mạnh quốc tế. Trong bất cứ hoàn cảnh nào cũng cần kiên định ý chí độc lập, tự chủ và nêu cao tinh thần hợp tác quốc tế, phát huy cao độ

nội lực, đồng thời tranh thủ ngoại lực, kết hợp yếu tố truyền thống với yếu tố hiện đại.

Năm là, sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Đảng không có lợi ích nào khác ngoài việc phụng sự Tổ quốc, phục vụ Nhân dân. Đảng phải nắm vững, vận dụng sáng tạo, góp phần phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, không ngừng làm giàu trí tuệ, nâng cao bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức và năng lực tổ chức để đủ sức giải quyết những vấn đề do thực tiễn cách mạng đặt ra. Mọi đường lối, chủ trương của Đảng phải xuất phát từ thực tế, tôn trọng quy luật khách quan. Phải phòng và chống những nguy cơ lớn: sai lầm về đường lối, bệnh quan liêu và sự thoái hóa, biến chất của cán bộ, đảng viên¹.

Những bài học kinh nghiệm này có giá trị lý luận và thực tiễn sâu sắc, góp phần định hướng cho công tác lãnh đạo chính trị của Đảng trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Đây là những trải nghiệm từ thực tiễn để rút ra những bài học kinh nghiệm có tính quy luật về sự nghiệp cách mạng của dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Trình độ phát triển tư duy lý luận của Đảng đã thể hiện một cách toàn diện và sâu sắc trong Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (năm 1991 và bổ sung, phát triển năm 2011). Đảng ta đã xác định rõ mô hình chế độ chính trị “*Xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng là một xã hội: Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh; do nhân dân làm chủ, có nền kinh tế*

1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Sđd*, tr.65-66.

phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp; có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện; các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển; có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo; có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới”¹.

Tám đặc trưng của chủ nghĩa xã hội mà Đảng nêu ra trong *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011)* chính là nội dung định hướng xã hội chủ nghĩa mà chúng ta xây dựng.

Để định hình quá trình xây dựng đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, Đảng ta đã xác định mục tiêu tổng quát khi kết thúc thời kỳ quá độ ở nước ta là xây dựng về cơ bản nên tảng kinh tế của chủ nghĩa xã hội với kiến trúc thượng tầng về chính trị, tư tưởng, văn hóa phù hợp, tạo cơ sở để nước ta trở thành một nước xã hội chủ nghĩa ngày càng phồn vinh, hạnh phúc. Đồng thời, Đảng ta cũng xác định mục tiêu gần hơn là “*Từ nay đến giữa thế kỷ XXI*, toàn Đảng, toàn dân ta phải ra sức phấn đấu xây dựng nước ta trở thành một nước công nghiệp hiện đại, theo định hướng xã hội chủ nghĩa”². Để thực hiện mục tiêu trên, Đảng ta đã xác định tám phương hướng cơ bản gồm:

- Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên, môi trường.

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Sđd, tr.70, 71.

- Phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.
- Xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; xây dựng con người, nâng cao đời sống nhân dân, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội.
- Đảm bảo vững chắc quốc phòng và an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội.
- Thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế.
- Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, thực hiện đại đoàn kết toàn dân tộc, tăng cường và mở rộng mặt trận dân tộc thống nhất.
- Xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân.
- Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh¹.

Đây là tám phương hướng cơ bản có mối quan hệ, tác động biện chứng với nhau tạo nên sự phát triển ổn định, bền vững của chế độ chính trị xã hội chủ nghĩa. Đồng thời, Đảng ta cũng nhấn mạnh trong quá trình thực hiện các phương hướng cơ bản này, phải đặc biệt chú trọng nắm vững và giải quyết tám mối quan hệ lớn: quan hệ giữa đổi mới, ổn định và phát triển; giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị; giữa kinh tế thị trường và định hướng xã hội chủ nghĩa; giữa phát triển lực lượng sản xuất và xây dựng, hoàn thiện từng bước quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa; giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; giữa xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ

1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Sđd*, tr.72.

nghĩa; giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế; giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ. Không phiến diện, cực đoan, duy ý chí¹.

Như vậy, tầm nhìn của Đảng đã bao quát được các nội dung lớn để xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa ở Việt Nam. Trong các vấn đề đó, lĩnh vực văn hóa đã được Đảng ta quan tâm, nhấn mạnh xuyên suốt từ mục tiêu, phương hướng và trong các mối quan hệ lớn. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai thực hiện Cương lĩnh, các văn kiện đại hội, các nghị quyết của Đảng về văn hóa, Đảng ta đã chỉ rõ: “so với những thành tựu trên lĩnh vực chính trị, kinh tế, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, thành tựu trong lĩnh vực văn hóa chưa tương xứng; chưa đủ để tác động có hiệu quả xây dựng con người và môi trường văn hóa lành mạnh”². Mục tiêu “làm cho văn hóa thấm sâu vào toàn bộ đời sống và hoạt động xã hội, vào từng người, từng gia đình, từng tập thể và cộng đồng, từng địa bàn dân cư, vào mọi lĩnh vực sinh hoạt và quan hệ con người, tạo ra trên đất nước ta đời sống tinh thần cao đẹp, trình độ dân trí cao, khoa học phát triển, phục vụ đắc lực sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh, tiến bước vững chắc lên chủ nghĩa xã hội”³ mà Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII (1998) nêu ra chưa đạt yêu cầu.

1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Sdd*, tr.72-73.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương khóa XI, Sdd*, tr.44.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sdd*, t.57, tr.303.

Trong khi xác định nhiệm vụ xây dựng văn hóa trong chính trị, Đảng ta đã nhấn mạnh đến “chăm lo xây dựng văn hóa trong Đảng, trong các cơ quan nhà nước và các đoàn thể; coi đây là nhân tố quan trọng để xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh”¹. Đồng thời, Đảng ta xác định “trọng tâm là xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức có phẩm chất đạo đức, tận tụy, hết lòng phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân, gắn bó máu thịt với nhân dân; có ý thức thượng tôn pháp luật, dân chủ đi đôi với kỷ luật, kỷ cương, tự do cá nhân gắn với trách nhiệm xã hội và nghĩa vụ công dân. Ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong một bộ phận cán bộ, công chức, đảng viên”².

Nhận thức về văn hóa trong chính trị của Đảng đã tập trung vào ba lĩnh vực chính là xây dựng môi trường văn hóa trong Đảng, trong cơ quan nhà nước và các đoàn thể chính trị - xã hội; xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức trong hệ thống công quyền; ngăn chặn và đẩy lùi tình trạng suy thoái về tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống trong một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức, đảng viên. Điều này hoàn toàn đúng và phù hợp với yêu cầu thực tiễn đang đặt ra hiện nay. Tuy nhiên, nhận thức về xây dựng văn hóa trong chính trị như vậy chưa đầy đủ và toàn diện; chưa chú ý tới xây dựng giá trị văn hóa trong chính trị, phát huy vai trò của các lĩnh vực hoạt động văn hóa trong chính trị như văn học, nghệ thuật, giáo dục đào tạo, khoa học

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương khóa XI*, Sdd, tr.53.

công nghệ, truyền thông đại chúng. Đây là vấn đề cần được tiếp tục nghiên cứu và làm sâu sắc hơn trong các quan điểm của Đảng.

2. Nhận thức về văn hóa trong kinh tế chưa đầy đủ và toàn diện

Nghị quyết Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương khóa XI của Đảng khi xác định nhiệm vụ xây dựng văn hóa trong kinh tế nêu rõ: “Thường xuyên quan tâm xây dựng văn hóa trong kinh tế. Con người thực sự là trung tâm trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội. Tạo lập môi trường văn hóa pháp lý, thị trường sản phẩm văn hóa minh bạch, tiến bộ, hiện đại để các doanh nghiệp tham gia xây dựng, phát triển văn hóa. Xây dựng văn hóa doanh nghiệp, văn hóa doanh nhân với ý thức tôn trọng luật pháp, giữ chữ tín, cạnh tranh lành mạnh, vì sự phát triển bền vững và bảo vệ Tổ quốc”¹.

Phát huy ý thức và tinh thần dân tộc, động viên toàn dân, trước hết là các doanh nghiệp, doanh nhân, xây dựng và phát triển các thương hiệu Việt Nam có uy tín trên thị trường trong nước và quốc tế.

Như vậy, trong quan niệm của Đảng ta về văn hóa trong kinh tế, Đảng ta đã nhấn mạnh tới nhân tố con người, chủ thể của quá trình sản xuất xã hội, là trung tâm trong quá trình phát triển kinh tế, chú ý tới mục đích nhân văn của phát triển kinh tế là vì con người. Đồng thời, Đảng ta đã

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương khóa XI*, Sđd, tr.53.

nhấn mạnh đến xây dựng môi trường văn hóa trong kinh tế, xây dựng văn hóa doanh nhân, văn hóa doanh nghiệp với tư cách là một bộ phận quan trọng của nền kinh tế, phát huy tinh thần dân tộc trong phát triển các thương hiệu Việt Nam có uy tín trên thị trường trong nước và quốc tế. Khuyến khích người Việt Nam dùng hàng Việt Nam. Đây là những nhận thức hết sức cơ bản và đúng đắn của Đảng về văn hóa trong kinh tế. Đồng thời, Đảng ta cũng đã xác định nhiệm vụ quan trọng là phát triển công nghiệp văn hóa, đi đôi với xây dựng và hoàn thiện thị trường văn hóa. Phát triển công nghiệp văn hóa nhằm khai thác và phát huy những tiềm năng và giá trị đặc sắc của văn hóa Việt Nam; khuyến khích xuất khẩu sản phẩm văn hóa, góp phần quảng bá sản phẩm văn hóa Việt Nam ra thế giới.

Đảng ta cũng đã yêu cầu có cơ chế khuyến khích đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật và công nghệ tiên tiến để nâng cao chất lượng sản phẩm văn hóa. Tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp văn hóa, văn nghệ, thể thao, du lịch, thu hút các nguồn lực xã hội để phát triển, đẩy mạnh đổi mới, hoàn thiện thể chế, tạo môi trường pháp lý thuận lợi để xây dựng và phát triển thị trường văn hóa và công nghiệp văn hóa. Nâng cao ý thức thực thi các quy định về quyền tác giả và các quyền liên quan. Nhà nước đã ban hành các luật và các chính sách cụ thể để phát triển công nghiệp văn hóa, ban hành chiến lược phát triển các ngành công nghiệp văn hóa ở Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

Như vậy, nhận thức về văn hóa trong kinh tế của Đảng ta đã một bước phát triển mới, bắt kịp với yêu cầu của quá trình xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc

trong bối cảnh phát triển kinh tế thị trường, hội nhập quốc tế hiện nay.

Tuy nhiên, nhận thức của Đảng về xây dựng văn hóa trong kinh tế cũng còn một số những hạn chế nhất định. Đó là chưa nhấn mạnh tới giá trị văn hóa cốt lõi của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa để định hướng và điều chỉnh quá trình phát triển kinh tế, chưa chú ý đúng mức tới vai trò điều tiết của văn hóa đối với phát triển kinh tế - xã hội. Trong khi nhấn mạnh vai trò của văn hóa đối với sự phát triển bền vững đất nước nhưng Nhà nước lại chưa thể chế hóa các chế tài đánh giá tác động của kinh tế đối với sự phát triển văn hóa và con người Việt Nam. Việc xác định các tiêu chí về xây dựng văn hóa trong kinh tế, văn hóa trong doanh nghiệp, văn hóa doanh nhân còn chậm. Vấn đề phát huy các lĩnh vực hoạt động văn hóa để phát triển kinh tế - xã hội còn thiên về thực dụng, ngắn hạn, phát triển không bền vững và xuất hiện nhiều yếu tố phản văn hóa, phản thẩm mỹ, chưa gắn chặt với xây dựng con người và môi trường văn hóa lành mạnh. Bản chất sâu xa của xây dựng văn hóa trong kinh tế là nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế, nâng cao năng suất lao động chưa được đề cập rõ. Vấn đề xây dựng văn hóa doanh nghiệp, văn hóa doanh nhân mới dừng lại ở góc độ khuyến khích, động viên tinh thần tự giác của các doanh nghiệp, doanh nhân chứ chưa trở thành một công cụ hỗ trợ cho quản lý nhà nước về kinh tế thông qua các hiệp hội... Vì vậy, tiếp tục bổ sung nhận thức về xây dựng văn hóa trong kinh tế trong bối cảnh đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế trong kỷ nguyên cách mạng công nghiệp 4.0 là yêu cầu cấp thiết hiện nay.

II- VỀ GIÁ TRỊ VÀ CHUẨN MỰC VĂN HÓA TRONG CHÍNH TRỊ VÀ VĂN HÓA TRONG KINH TẾ

1. Về giá trị và chuẩn mực văn hóa trong chính trị

Vấn đề xây dựng giá trị và chuẩn mực văn hóa trong chính trị có vai trò quyết định tới việc định hướng và thu hút các nguồn lực khác nhau trong xã hội để thực hiện các mục tiêu chính trị của đất nước. Nếu văn hóa chính trị là sự chia sẻ của cộng đồng quốc gia, dân tộc về các giá trị và chuẩn mực chính trị được xác lập và thừa nhận trong xã hội thì hạt nhân trung tâm của văn hóa chính trị là lý tưởng chính trị, khát vọng chính trị được quy định trong Cương lĩnh của Đảng và Hiến pháp của Nhà nước. Trong *Cương lĩnh xây dựng đất nước thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011)*, Đảng ta đã xác định: “Đi lên chủ nghĩa xã hội là khát vọng của nhân dân ta, là sự lựa chọn đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh, phù hợp với xu thế phát triển của lịch sử”¹. Như vậy, đi lên chủ nghĩa xã hội là định hướng giá trị bao trùm và xuyên suốt thời kỳ quá độ dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Đồng thời, giá trị đặc trưng cơ bản của chế độ xã hội xã hội chủ nghĩa mà Nhân dân ta xây dựng là một xã hội: Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Đây là những giá trị định hướng cốt lõi để tập hợp lực lượng, đánh giá và điều chỉnh các hoạt động của hệ thống chính trị.

Những thành tựu của hơn 30 năm đổi mới đã góp phần khẳng định giá trị cốt lõi nêu trên là đúng đắn, hợp lòng dân

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Sđd, tr.70.

của Đảng và Nhà nước ta. Đồng thời, để tiếp tục thực hiện những giá trị này, chúng ta cũng cần vượt qua những khó khăn, thách thức. Các thế lực thù địch trong nước và quốc tế luôn tìm cách tiến công nhằm xóa bỏ chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Chủ nghĩa cơ hội, thực dụng xuất hiện. Về mặt chủ quan, công tác giáo dục lý luận chính trị mang tính phổ quát tới toàn dân chưa được quan tâm đầu tư đúng mức. Việc nâng cao ý thức cho toàn dân về việc đề cao lợi ích quốc gia, lợi ích xã hội còn nhiều bất cập, nhất là trong lĩnh vực kinh tế. Vấn đề nâng cao ý thức pháp luật và đề cao vai trò của khoa học trong đời sống xã hội còn hạn chế. Đây là những vấn đề bức thiết đặt ra trong công tác giáo dục định hướng giá trị văn hóa trong đời sống chính trị - xã hội ở nước ta hiện nay.

2. Về giá trị và chuẩn mực văn hóa trong kinh tế

Một trong những vấn đề cơ bản để xây dựng văn hóa trong kinh tế là phải xác định rõ các giá trị và chuẩn mực văn hóa trong kinh tế nói chung và trong các doanh nghiệp nói riêng. Kết quả khảo sát câu hỏi: “Trong thời kỳ phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế ở Việt Nam hiện nay, những giá trị nào có ý nghĩa đối với sự phát triển kinh tế của đất nước?”, có 10 giá trị nhận được tỷ lệ số người lựa chọn cao nhất, chiếm 38,9 - 64,4%, trong đó có 2 giá trị nhận được trên 60% số người trả lời lựa chọn là: Đoàn kết (64,4%), Xây dựng lòng tin (61,3%). Các giá trị nhận được trên 50% số người được trả lời lựa chọn gồm: Sáng tạo (58,8%), Tinh thần dân tộc (58,2%), Hội nhập (57%), Thực thi pháp luật (53,1%), Trung thực (51,1%), Tuân thủ quy luật thị trường (50,1%), Cạnh tranh quốc tế (47,6%), Hợp tác (38,9%). Kết quả điều tra này cho thấy vấn đề đoàn kết

và xây dựng lòng tin là những giá trị cốt lõi để nền kinh tế Việt Nam đứng vững và phát triển trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế, khi mà tất cả các quốc gia đều hướng tới nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia trong bối cảnh toàn cầu hóa. Những giá trị cần thiết để cho kinh tế Việt Nam phát triển được xã hội quan tâm hướng tới trong quá trình hội nhập quốc tế là: đề cao giá trị sáng tạo, tinh thần dân tộc, hội nhập, tuân thủ quy luật thị trường, thực thi pháp luật, trung thực, cạnh tranh quốc tế, hợp tác, chiếm lĩnh công nghệ cao. Điều này phản ánh một quá trình chuyển đổi định hướng giá trị văn hóa trong kinh tế phù hợp với xu thế phát triển chung của quốc tế, góp phần tạo nên sự năng động, nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế trong hội nhập. Đây là những giá trị tích cực cần được cổ vũ, phát huy để kinh tế Việt Nam phát triển nhanh, vững chắc.

Tuy vậy, vấn đề trách nhiệm xã hội trong phát triển kinh tế thị trường chưa được quan tâm. Phải chăng đây là sự lệch chuẩn của quá trình phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa cần phải được Đảng và Nhà nước quan tâm điều chỉnh trong đường lối, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội và nêu cao trách nhiệm xã hội của các chủ thể kinh tế và nhân dân tham gia vào quá trình này.

III- VỀ TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI VÀ ĐẠO ĐỨC TRONG CHÍNH TRỊ VÀ KINH TẾ

1. Trách nhiệm xã hội và đạo đức trong chính trị

Thứ nhất, trách nhiệm chính trị, trình độ văn hóa công dân của một bộ phận dân cư còn hạn chế, người dân chưa

nhận thức rõ được trách nhiệm chính trị và quyền công dân của mình trong việc bầu cử để xây dựng một chính quyền thực sự của dân, do dân và vì dân mà còn mang nặng tâm lý dựa dẫm, trông chờ vào quyết định từ bên trên. Mặt khác, về phía Nhà nước cũng cần tìm cách khắc phục những hạn chế trong bầu cử các cơ quan quản lý các cấp, thực hiện công khai, dân chủ, minh bạch để người dân thực sự tin tưởng vào sự đóng góp từ lá phiếu của mình trong việc xây dựng bộ máy nhà nước ở các cấp.

Thứ hai, đối với vấn đề cạnh tranh chính trị trong bầu cử là vấn đề liên quan đến thực hành dân chủ trong chính trị. Vấn đề đặt ra là để nâng cao trách nhiệm xã hội của công dân đối với xây dựng bộ máy nhà nước ở các cấp và để nhân dân có thể thấy rõ được năng lực và phẩm chất của các đại biểu của Nhân dân, Đảng và Nhà nước cần tiếp tục đổi mới phương pháp và cách thức tiến hành bầu cử ở các cơ quan quản lý các cấp để thực sự phát huy quyền dân chủ của người dân, nhất là quyền dân chủ trực tiếp, khuyến khích tính tích cực chính trị của công dân trong xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Thứ ba, về vấn đề trách nhiệm xã hội và đạo đức nghề nghiệp trong các cơ quan hành chính nhà nước và các đoàn thể chính trị - xã hội. Bốn giá trị cơ bản nhất, mong đợi nhất của xã hội đối với các cơ quan nhà nước và các đoàn thể chính trị - xã hội là tính kỷ luật, tính trách nhiệm, tính minh bạch, tính liêm chính. Bốn giá trị này vừa mang tính khái quát, bao chứa được các giá trị khác, vừa phản ánh được trách nhiệm chính trị và đạo đức công quyền, thể hiện chất lượng của văn hóa trong chính trị mà Đảng và Nhà nước cần tập trung xây dựng.

Thứ tư, sự quan tâm của xã hội đối với đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước. Trách nhiệm xã hội và đạo đức trong chính trị là những yêu cầu cơ bản để nâng cao chất lượng văn hóa trong chính trị. Trách nhiệm xã hội và đạo đức trong chính trị được thể hiện ở nhiều phương diện khác nhau, trong đó nổi lên trước hết là sự quan tâm của xã hội đối với các văn kiện về các lĩnh vực chính trị, kinh tế, xã hội. Theo khảo sát, khi được hỏi về sự quan tâm của xã hội đối với các nội dung được đề cập trong các văn kiện của Đảng gần đây, nội dung được nhiều người quan tâm nhất là đường lối kinh tế của Đảng (63,1% số người trả lời lựa chọn); thứ hai là chính trị (55,5%); thứ ba là giáo dục (33,4%). Giải thích về mục đích của sự quan tâm của số người được hỏi đối với các văn kiện của Đảng và chính sách của Nhà nước (được lựa chọn tối đa 3 phương án), kết quả điều tra cho thấy, tỷ lệ lựa chọn để nâng cao nhận thức lý luận chính trị chiếm tỷ lệ cao nhất (69%); hai mục đích tiếp theo được lựa chọn của trên một nửa số người được hỏi là: để thực hiện trách nhiệm của cán bộ, đảng viên và công chức nhà nước (50,8%) và nâng cao hiểu biết về đường lối, chính sách (50,6%). Như vậy, các kết quả điều tra cho thấy, ý thức trách nhiệm của người dân đối với những vấn đề chính trị của đất nước, cụ thể là quan tâm tới đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước chiếm tỷ lệ cao. Đây là điều kiện thuận lợi để nâng cao tri thức văn hóa trong chính trị, giúp cho quá trình triển khai đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước có kết quả. Mặt khác, chúng ta cũng nhận thấy nhiều lĩnh vực quan trọng của đời sống xã hội chưa được chú ý đúng mức và đồng bộ. Đây là nguyên nhân dẫn đến sự thiên lệch trong hành động thực tiễn hiện nay, nhất là chưa chú ý tới các vấn đề văn hóa, môi trường và xã hội.

Như vậy, nhìn từ phía người dân và xã hội, chúng ta thấy trách nhiệm chính trị, sự quan tâm đến đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, niềm tin của nhân vào sự lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước là xu hướng chủ đạo trong đời sống xã hội. Điều này khẳng định tính khoa học và cách mạng trong đường lối đúng đắn của Đảng và chính sách của Nhà nước trong thời kỳ đổi mới hiện nay. Niềm tin của Nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước chính là sức mạnh tinh thần, đóng vai trò như một động lực, một nguồn nội sinh quan trọng để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Kết quả khảo sát về vấn đề thiết yếu để củng cố niềm tin của xã hội và chế độ chính trị hiện nay cho thấy, có ba vấn đề đặt ra cần giải quyết là: Chống suy thoái tư tưởng, đạo đức, lối sống (60,1% số người trả lời lựa chọn); phát triển kinh tế - xã hội bền vững (56,5%) và xây dựng đường lối chính trị đúng đắn (52,1%). Điều này hoàn toàn phù hợp với sáu nhiệm vụ trọng tâm trong nhiệm kỳ Đại hội XII mà Đảng ta đã tập trung chỉ đạo thực hiện, trong đó nhiệm vụ đầu tiên là “Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ. Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là đội ngũ cán bộ cấp chiến lược, đủ năng lực, phẩm chất và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ”¹.

2. Trách nhiệm xã hội và đạo đức trong kinh tế

Vấn đề trách nhiệm xã hội và đạo đức nghề nghiệp trong hoạt động kinh tế phản ánh chất lượng của nền kinh tế và

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Sdd, tr.217.

tác động trực tiếp đến năng lực cạnh tranh, năng suất lao động và uy tín của nền kinh tế đối với người tiêu dùng trong nước và quốc tế. Điều này thường được phản ánh qua đánh giá của xã hội về lương tâm của người sản xuất và kinh doanh dịch vụ.

Thứ nhất, vấn đề lương tâm và trách nhiệm thực hành luật pháp trong kinh tế.

Khi nghiên cứu ý kiến của người được hỏi qua khảo sát về trạng thái lương tâm của người sản xuất hàng hóa ở Việt Nam hiện nay cho thấy, phản ứng tiêu cực chiếm tỷ lệ cao. Có tới 72,5% số người trả lời có nhận xét tiêu cực, cho rằng lương tâm của người sản xuất ít được coi trọng (48,9%); không được coi trọng (4,5%); sa sút (12,7%); sa sút trầm trọng (9,3%). Chỉ có 6,1% cho rằng rất được coi trọng và 18,5% cho rằng được coi trọng. Điều này phản ánh nhu cầu rất lớn của xã hội đối với việc nâng cao trách nhiệm và đạo đức xã hội trong sản xuất, kinh doanh và dịch vụ trong phát triển kinh tế hiện nay.

Khi tìm hiểu nguyên nhân vì sao lương tâm của người sản xuất hàng hóa ở Việt Nam ít hoặc không được coi trọng, kết quả điều tra cho thấy, có ba lý do được người trả lời lựa chọn cao nhất là: để kiếm tiền nhanh hơn (81,9%); vì sự buông lỏng của luật pháp (57,4%); vì không ai kiểm soát được lương tâm (35,8%). Đây là hiện tượng đáng báo động về trách nhiệm xã hội, đạo đức nghề nghiệp và thiếu ý thức tự giác trong chấp hành luật pháp trong kinh tế ở Việt Nam hiện nay. Trong nông thôn vẫn còn tình trạng “rau hai luống, lợn hai chuồng” phân biệt một là sản xuất cho mình, hai là sản xuất để bán ra thị trường để kiếm lợi nhuận. Tình trạng làm

giả, làm nhái các mặt hàng như thuốc lá, rượu ngoại giả, bơm thuốc vào tôm, buôn bán thực phẩm bẩn... đang tiếp tục đầu độc người tiêu dùng. Trong lĩnh vực công nghiệp là tình trạng nhập khẩu công nghệ thấp và bẩn, xả thải chất độc ra môi trường, bất chấp luật pháp và đạo đức xã hội. Như vậy, vấn đề đạo đức xã hội trong kinh tế và vấn đề thực hiện nghiêm pháp luật trong kinh tế là yêu cầu cấp thiết đặt ra hiện nay.

Dư luận xã hội hiện nay rất quan tâm đến xây dựng và thực hành các giá trị đạo đức trong kinh tế. Hầu hết số người trả lời khảo sát đều cho rằng, các giá trị đạo đức trong sản xuất, kinh doanh và dịch vụ là rất cần thiết và cần thiết. Trong đó, các giá trị đạo đức được đánh giá ở mức cần thiết cao nhất gồm:

- Đề cao sự trung thực với người tiêu dùng (83,2%).
- Đề cao trách nhiệm với người tiêu dùng (80,5%).
- Đề cao nghĩa vụ với người tiêu dùng (72,1%).
- Đề cao sự minh bạch với người tiêu dùng (69,8%).

Như vậy, ở đây có sự mâu thuẫn rất lớn giữa mong muốn về các giá trị đạo đức cần có của xã hội về sự trung thực, trách nhiệm, nghĩa vụ và sự minh bạch trong sản xuất, kinh doanh và dịch vụ, và kết quả thực thi các giá trị này trong hoạt động thực tiễn. Để giải quyết mâu thuẫn này đòi hỏi phải có sự tham gia quyết liệt của Nhà nước, doanh nghiệp và người dân, vì sự phát triển bền vững của nền kinh tế.

Thứ hai, về vấn đề nền tảng tinh thần cho sự liên kết trong kinh tế.

Trong nền kinh tế thị trường, sự liên kết để sản xuất, kinh doanh và dịch vụ là nhu cầu bắt buộc để tồn tại và phát triển sản xuất. Trong dân gian đã nhấn mạnh sự liên kết này

qua câu thành ngữ: “Buôn có bạn, bán có phường”. Các làng nghề truyền thống ở nông thôn, các phố nghề ở đô thị là biểu hiện của truyền thống sản xuất, kinh doanh này trong xã hội truyền thống.

Trong công trình nghiên cứu của hai tác giả Harrison và Huntington (2006) về vấn đề văn hóa: *Giá trị hình thành nên sự tiến bộ của loài người* (Culture Matters: How Values Shape Human Progress) đã đưa ra nhận xét của Dwight Perkins khi ông đánh giá sự tác động của văn hóa vào sự biến đổi thương mại: Trong khi phương Tây dựa vào các luật pháp, còn các nước châu Á lại có khuynh hướng dựa vào các mối quan hệ cá nhân, gia đình. Kết quả điều tra nghiên cứu cũng đưa ra kết quả khảo sát thống nhất với nhận định trên. Khi trả lời câu hỏi: “Trong hoạt động kinh tế, lòng tin của anh/chị đối với các nhân tố nào cao nhất?”, có tới 92% số người trả lời lựa chọn rất tin tưởng với những người trong gia đình; thứ hai là tin vào bạn bè (47,8%); thứ ba là tin vào chính sách kinh tế của nhà nước (40%). Điều này phản ánh sự chuyển đổi từ xã hội truyền thống sang xã hội hiện đại, người dân Việt Nam vẫn coi trọng niềm tin vào gia đình, lấy gia đình làm “bản vị” để phát triển kinh tế, thứ hai là bạn bè gần gũi. Điều này phản ánh sự gắn kết trong văn hóa truyền thống để được chuyển vào thời kỳ hiện đại hóa, tăng cường phát triển các loại hình doanh nghiệp gia đình theo mô hình Nhật Bản, tạo nên lòng trung thành và cố kết chặt chẽ giữa các thành viên trong doanh nghiệp để phát triển kinh tế bền vững.

Điều này cũng thống nhất với kết quả khảo sát về mức độ ảnh hưởng của giá trị truyền thống đến phát triển kinh tế ở

Việt Nam hiện nay. Trong năm giá trị văn hóa truyền thống có thể ảnh hưởng đến phát triển kinh tế ở Việt Nam hiện nay thì có bốn giá trị nhận được tỷ lệ cao người trả lời đánh giá là có ảnh hưởng rất tích cực và tích cực gồm: truyền thống coi trọng gia đình; đề cao tính cộng đồng; trọng ổn định và trọng tình cảm.

Như vậy, “bản sắc văn hóa” Việt Nam vẫn in đậm dấu ấn trong phát triển nền kinh tế thị trường, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Vấn đề đặt ra ở đây là làm thế nào để vừa kế thừa được các giá trị tích cực, tốt đẹp của văn hóa dân tộc, vừa tiếp thu được tinh hoa văn hóa của thời đại để phát triển kinh tế. Việc kết hợp hài hòa giữa các giá trị truyền thống và giá trị hiện đại, giá trị dân tộc và giá trị quốc tế, kế thừa các giá trị gia đình, tính cộng đồng, trọng ổn định và tình cảm kết hợp với phát triển tư duy duy lý, khoa học, đề cao pháp luật và hợp tác quốc tế sẽ tạo nên động lực tinh thần quan trọng cho kinh tế Việt Nam phát triển mạnh mẽ và bền vững.

Theo nghiên cứu của nhà khoa học chính trị Edward Banfield trong cuốn sách *Khối nguyên tắc đạo đức của một xã hội lạc hậu* (năm 1958) (*The moral basis of a backward society*), kinh tế ở miền Nam Italia phát triển chậm là do con người thiếu niềm tin vào bất cứ ai bên ngoài gia đình của họ. Sau đó, Robert Putnam đã cung cấp bằng chứng cho thấy những khu vực ở Italia có nhiều thành phố với nền tự chủ từ hàng trăm năm đạt kết quả phát triển kinh tế tốt hơn nhiều so với miền Nam Italia, nơi chưa bao giờ được hưởng lợi từ các tổ chức dân sự tương tự. Khi những tổ chức này hoạt động hiệu quả, mọi người sẵn sàng đầu tư vốn. Sự nhân rộng

niềm tin là rất quan trọng, qua thời gian, con người dần đặt niềm tin bên ngoài phạm vi gia đình. Sự chuyển đổi này là một cơ hội và là động lực quan trọng cho sự phát triển kinh tế. Đây là một vấn đề đặt ra rất cấp thiết để phát huy vai trò của các giá trị văn hóa trong phát triển kinh tế ở Việt Nam hiện nay.

Thứ ba, vấn đề tinh thần dân tộc trong phát triển kinh tế.

Tinh thần dân tộc là một động lực quan trọng để liên kết các chủ thể kinh tế nâng cao sức sáng tạo và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Khảo sát về nhận thức của xã hội về nội dung của tinh thần dân tộc trong kinh tế, kết quả điều tra cho thấy như sau: Đẩy mạnh thương hiệu Việt chiếm vị trí số người trả lời lựa chọn cao nhất (70,8% rất đồng ý; 27,6% đồng ý); vươn lên chấp nhận cạnh tranh bình đẳng với nước ngoài theo luật pháp quốc tế (57,7% rất đồng ý; 38,9% đồng ý); chống cát cứ, lợi ích nhóm (văn hóa phường, hội) (54,7% rất đồng ý; 38,9% đồng ý); phát triển cộng đồng doanh nghiệp Việt vững mạnh (55,7%).

Như vậy, tinh thần dân tộc trong phát triển kinh tế phải được thể hiện bằng hành động và việc làm cụ thể, thiết thực, trong đó phát triển thương hiệu Việt Nam trên thị trường quốc tế, chấp nhận cạnh tranh bình đẳng trên thương trường, chống khép kín, cát cứ, lợi ích nhóm là ưu tiên hàng đầu. Việc Chính phủ và các doanh nghiệp Việt Nam đang tập trung xây dựng thương hiệu mạnh cho hàng hóa Việt Nam là yêu cầu vừa cơ bản, vừa cấp thiết để khẳng định tinh thần dân tộc trong phát triển kinh tế - xã hội. Tuy nhiên, áp lực này đòi hỏi Việt Nam phải tập trung thực hiện các mục tiêu đề ra một cách quyết liệt và có hiệu quả cao hơn nữa.

IV- VỀ XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG VĂN HÓA TRONG CHÍNH TRỊ VÀ MÔI TRƯỜNG VĂN HÓA TRONG KINH TẾ Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

1. Xây dựng môi trường văn hóa trong chính trị

Thứ nhất, xây dựng môi trường văn hóa trong chính trị trước hết được biểu hiện ở môi trường văn hóa trong tổ chức đảng và cơ quan nhà nước. Vai trò lãnh đạo của Đảng được thể hiện không chỉ ở việc ban hành các đường lối, chính sách mang tính vĩ mô mà phải được thể hiện cụ thể ở uy tín và niềm tin của xã hội với tổ chức cơ sở đảng ở các cấp. Trong những năm đổi mới vừa qua, đặc biệt là từ khi Đảng ta ban hành Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII) “Về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”, công tác xây dựng môi trường văn hóa ở trong Đảng đã có sự chuyển biến tích cực. Nghị quyết này đã xác định: “Để đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng về văn hóa, phải xây dựng văn hóa từ trong Đảng, trong bộ máy nhà nước như Bác Hồ đã dạy: “*Đảng ta là đạo đức, là văn minh*”. Phải đặt mạnh việc giáo dục tư tưởng, đạo đức Hồ Chí Minh trong toàn Đảng, toàn dân, toàn quân. Văn hóa đạo đức và lối sống lành mạnh phải được thể hiện trước hết trong mọi tổ chức đảng, nhà nước, đoàn thể, trong cán bộ, viên chức nhà nước, trong từng đảng viên, hội viên, ở các bậc cha mẹ, các thầy cô giáo... Gương mẫu là một nội dung, một phương thức trọng yếu trong công việc lãnh đạo của Đảng”¹.

Tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII), vấn đề xây dựng môi trường văn hóa trong Đảng,

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sdd, t.57, tr.323.

trong cơ quan nhà nước và các đoàn thể chính trị - xã hội đã được Đảng ta đánh giá là có sự chuyển biến nhất định. Tuy nhiên, so với yêu cầu đặt ra thì vấn đề xây dựng văn hóa trong chính trị nói chung, xây dựng văn hóa trong Đảng còn nhiều yếu kém, bất cập. Hội nghị Trung ương 9 khóa XI đã chỉ rõ: “Tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong Đảng và trong xã hội có chiều hướng gia tăng”¹. Những tiêu cực trong Đảng, nhất là trong công tác sử dụng và đề bạt cán bộ theo xu hướng “chọn người nhà” chứ không phải “chọn người tài” xuất hiện nhiều. Chưa bao giờ mà trong các nghị quyết của Đảng lại phê phán về các hình thức “chạy” của cán bộ, đảng viên nhiều như hiện nay, bao gồm: chạy chức, chạy quyền, chạy bằng cấp, chạy dự án, chạy thành tích, chạy tuổi, chạy điểm, v.v.. Việc xây dựng văn hóa trong các cơ quan lập pháp, hành pháp và tư pháp còn nhiều bất cập. Tình trạng suy thoái về tư tưởng, đạo đức, lối sống dẫn đến quan liêu, tham nhũng, thậm chí dẫn đến phạm tội ở một số cán bộ, đảng viên có chức, có quyền ở các cơ quan công an, giáo dục, y tế, xây dựng, ngân hàng, thông tin - truyền thông... gây bất bình trong xã hội.

Điều đáng lưu ý là sau khi triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII) về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ, dư luận xã hội đã có sự đánh giá tích cực về xây dựng môi trường văn hóa trong Đảng.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương khóa XI*, Sdd, tr.44.

Kết quả trên cho thấy, niềm tin của xã hội vào xây dựng môi trường văn hóa trong Đảng nói riêng, trong hệ thống chính trị đã được nâng lên. Trong khi khảo sát ý kiến của người dân nói chung về nhân tố nào đóng vai trò quyết định đối với việc xây dựng văn hóa trong chính trị, có tới 56,7% ý kiến lựa chọn tổ chức đảng là nhân tố quyết định. Điều này khẳng định một vấn đề có tính quy luật là mọi thành công hay chưa thành công của việc xây dựng môi trường văn hóa trong chính trị đều do sự lãnh đạo của Đảng quyết định. Do đó, công tác xây dựng đảng nói chung, xây dựng môi trường văn hóa trong tổ chức đảng cần phải được ưu tiên hơn để củng cố niềm tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng và là tấm gương để xã hội noi theo.

2. Xây dựng môi trường văn hóa trong kinh tế

Vấn đề xây dựng môi trường văn hóa trong kinh tế được thể hiện ở hai phương diện cơ bản là luật pháp và đạo đức trong kinh tế. Vấn đề xây dựng và hoàn thiện hệ thống hiến pháp để tạo nên quá trình dân chủ hóa trong kinh tế, thu hút các nguồn lực vào phát triển kinh tế, đảm bảo cho nền kinh tế phát triển nhanh và bền vững.

Trong thời kỳ đổi mới, Quốc hội đã tiến hành xây dựng và ban hành hệ thống luật pháp tạo nên môi trường tự do, bình đẳng cho các chủ thể và các thành phần kinh tế cạnh tranh bình đẳng trên cơ sở tôn trọng luật pháp. Hệ thống luật pháp này đã và đang phát huy tác dụng để quản lý nền kinh tế Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng.

Đồng thời, vấn đề xây dựng và thực hành đạo đức trong kinh tế đã được Đảng, Nhà nước và các doanh nghiệp, người dân quan tâm. Để các giá trị văn hóa thấm sâu vào các hoạt

động kinh tế, các cuộc vận động xây dựng môi trường văn hóa trong doanh nghiệp, xây dựng văn hóa doanh nhân đã được các tổ chức chính trị - xã hội quan tâm như Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam và các hiệp hội doanh nghiệp. Nhiều doanh nghiệp đã tạo dựng được bản sắc riêng trong xây dựng văn hóa doanh nghiệp. Các khía cạnh đạo đức kinh doanh đã được xã hội quan tâm nhiều hơn.

Xây dựng văn hóa doanh nghiệp, văn hóa doanh nhân, văn minh thương mại chính là xây dựng công cụ điều tiết sự phát triển kinh tế bằng văn hóa và vì văn hóa. Nó dựa trên sự cam kết tự nguyện của các thành viên trong doanh nghiệp nhằm hướng tới cái đúng, cái tốt và cái đẹp, nâng cao tính phục vụ, tính nhân văn của nền kinh tế. Đây chính là “quyền lực mềm” hay “sức mạnh mềm” của văn hóa trong kinh tế, một công cụ quan trọng hỗ trợ, bổ sung cho “quyền lực cứng” là luật pháp trong quản lý kinh tế.

Khi nghiên cứu về thái độ của doanh nghiệp Việt Nam hiện nay đối với khách hàng, kết quả điều tra cho thấy, có ba phương án nhận được tỷ lệ lựa chọn cao nhất. Đó là: khách hàng là nguồn lực để phát triển doanh nghiệp (58%); khách hàng là đối tượng phục vụ (54,5%) và khách hàng là người nuôi doanh nghiệp (45,7%).

Kết quả này cho thấy đã có sự nhận thức mới về khách hàng. Khách hàng không chỉ là đối tượng phục vụ tách rời với chủ thể doanh nghiệp mà đã được nhìn nhận như là một nguồn lực quan trọng để phát triển doanh nghiệp. Do đó, các doanh nghiệp phải thực sự quan tâm đến phát triển nguồn lực này để có thể tồn tại và phát triển bền vững.

Kết quả khảo sát việc để phát triển văn hóa doanh nghiệp ở Việt Nam hiện nay, cần phải tập trung vào những

giá trị nào đã cho kết quả từ những người trả lời là đề cao năm giá trị cơ bản: tính sáng tạo (70,1%); tính cạnh tranh (51,8%); tính công khai, minh bạch (50,4%); tính trung thực (49,6%); tính trách nhiệm (49,3%). Đây cũng chính là các giá trị cốt lõi để xây dựng và phát triển văn hóa doanh nghiệp và xây dựng môi trường văn hóa trong kinh tế hiện nay ở nước ta.

Vấn đề đặt ra là cần cụ thể hóa các giá trị này như thế nào để phù hợp với từng loại hình doanh nghiệp, phát huy sự đa dạng văn hóa trong quá trình xây dựng văn hóa doanh nghiệp nói riêng và xây dựng môi trường văn hóa trong kinh tế nói chung, nhằm phát huy ưu thế của các ngành, các lĩnh vực, các vùng khác nhau trong phát triển kinh tế.

V- VỀ PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA VĂN HÓA ĐỂ XÂY DỰNG CHẾ ĐỘ CHÍNH TRỊ VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

1. Vai trò của văn hóa đối với việc bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng

Hệ tư tưởng chính trị là hạt nhân cốt lõi của mỗi nền văn hóa. Trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, C.Mác và Ph. Ăngghen đã rút ra một kết luận có ý nghĩa kinh điển là: tư tưởng của giai cấp thống trị là tư tưởng thống trị thời đại. Bất cứ một giai cấp, một đảng phái chính trị nào lên nắm quyền lãnh đạo đất nước cũng đều xác lập hệ tư tưởng của mình và quảng bá, khẳng định hệ tư tưởng đó thông qua các hoạt động văn hóa như truyền thông đại chúng, văn học, nghệ thuật..., đồng thời sử dụng văn hóa như một kênh quan trọng để bảo vệ nền tảng tư tưởng của giai cấp, của

đảng phái chính trị của mình. Đây là một vấn đề có tính quy luật khách quan. Vì vậy, trong sự nghiệp xây dựng và phát triển nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc ở nước ta hiện nay, việc khẳng định lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội là nội dung cốt lõi của nền văn hóa Việt Nam theo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là một vấn đề cơ bản và cốt lõi để đảm bảo định hướng chính trị của nền văn hóa, đề cao trách nhiệm vẻ vang của văn hóa trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong bối cảnh phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế hiện nay. Tuy nhiên, đứng trước tác động của tình hình quốc tế và cả những khó khăn, thách thức của quá trình toàn cầu hóa mang đến, trong đời sống tư tưởng, văn hóa hiện nay cũng đã xuất hiện những ý kiến trái chiều, thậm chí phủ định vai trò của hệ tư tưởng hay ý thức hệ trong lĩnh vực văn hóa. Những ý kiến này cho rằng, trong thời kỳ toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế hiện nay, văn hóa không cần sự dẫn dắt của một hệ tư tưởng nào cả. Họ tán dương cho cái gọi là “giải thể hệ tư tưởng” trong lĩnh vực văn hóa, phủ định “bản sắc” văn hóa riêng của các dân tộc, kêu gọi văn hóa phải hòa nhập vào dòng chảy của văn hóa thế giới, phi bản sắc, phi dân tộc, phi đảng phái. Những luận điểm này nêu ra lặp lại luận điểm của giới nghiên cứu tư sản trước đây, nhân danh phủ định hệ tư tưởng, phủ định bản sắc, kêu gọi “tự do tuyệt đối” cho người nghệ sĩ để thủ tiêu đấu tranh giai cấp, phủ định những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin về sứ mệnh của nền văn hóa, văn nghệ cách mạng. Vì vậy, vấn đề đấu tranh để bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, bảo vệ quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trên lĩnh vực văn

hóa cần được đặt vào vị trí hàng đầu để phát huy vai trò của văn hóa trong xây dựng và phát triển bền vững chế độ chính trị - xã hội ở Việt Nam hiện nay.

2. Phát huy vai trò của văn hóa trong kinh tế

Vai trò của văn hóa trong phát triển kinh tế đã được Đảng ta khẳng định: Văn hóa là một mục tiêu, là động lực để phát triển kinh tế - xã hội. Ở đây, vấn đề đặt ra là cần làm rõ vai trò này thể hiện cụ thể như thế nào và làm thế nào để phát huy được vai trò của văn hóa đối với sự phát triển kinh tế bền vững hiện nay ở nước ta.

Thứ nhất, nói đến vai trò của văn hóa trong kinh tế, trước hết thể hiện ở trình độ, kỹ năng lao động và trách nhiệm xã hội, đạo đức nghề nghiệp trong quá trình phát triển kinh tế.

Trình độ sản xuất của người lao động trong cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đòi hỏi phải có quá trình đào tạo cơ bản, nắm vững khoa học công nghệ hiện đại và sử dụng những thành tựu đó vào trong quá trình sản xuất, lưu thông và dịch vụ hàng hóa trong hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế. Có thể nhận thức rõ rằng, hội nhập kinh tế quốc tế trước hết là hội nhập về nguồn nhân lực chất lượng cao phải đi trước mở đường. Vì vậy, muốn phát huy được vai trò của văn hóa để phát triển kinh tế bền vững thì phải tập trung đổi mới căn bản và toàn diện sự nghiệp giáo dục và đào tạo, đặc biệt là đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao có khả năng thích nghi và làm việc trong môi trường kinh tế toàn cầu và đa dạng văn hóa. Vấn đề đào tạo ở đây không chỉ tập trung vào nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ thuật và công nghệ, ngoại ngữ mà đòi hỏi phải biết làm việc trong môi trường đa văn hóa, am hiểu và thích ứng với

các đối tác thuộc các nền văn hóa ở các châu lục khác nhau. Kỹ năng giao tiếp và văn hóa ứng xử trong môi trường đa văn hóa là một trong những yêu cầu cấp thiết để đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao hiện nay. Đồng thời, phải đề cao giáo dục pháp luật và đạo đức nghề nghiệp cho đội ngũ lao động ở tất cả các thành phần kinh tế khác. Các trường đào tạo nguồn nhân lực ở các bậc học, các ngành nghề khác nhau phải được trang bị kiến thức cơ bản về luật pháp và đạo đức trong sản xuất, kinh doanh và dịch vụ, đề cao lương tâm và trách nhiệm xã hội của người sản xuất đối với người tiêu dùng, củng cố niềm tin của xã hội vào chất lượng của sản phẩm hàng hóa và dịch vụ.

Thứ hai, đơn vị có sự gắn kết chặt chẽ giữa văn hóa và kinh tế chính là các doanh nghiệp. Để phát huy vai trò của văn hóa trong kinh tế, cần tập trung xây dựng văn hóa doanh nghiệp, văn hóa doanh nhân vững mạnh. Cần chú ý rằng, xây dựng văn hóa doanh nghiệp và tạo phong trào xây dựng văn hóa doanh nghiệp vững mạnh chính là phát huy “sức mạnh mềm” của văn hóa vào trong quản lý nền kinh tế, thực hiện đa dạng hóa các hình thức quản lý để nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế, thúc đẩy các doanh nghiệp phát triển lành mạnh, bền vững, dựa trên các giá trị và chuẩn mực văn hóa rõ ràng, tường minh. Xây dựng và phát triển văn hóa doanh nghiệp trước hết là do nội lực của bản thân mỗi doanh nghiệp muốn tồn tại và phát triển bền vững. Đồng thời, các tác nhân bên ngoài như các hiệp hội doanh nghiệp, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, các trung tâm văn hóa doanh nghiệp, văn hóa doanh nhân, các hoạt động của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam sẽ đóng vai trò quan trọng để làm xúc tác, giúp đỡ nâng cao

chất lượng của các phong trào thi đua xây dựng văn hóa doanh nghiệp, văn hóa doanh nhân, tạo lập môi trường văn hóa lành mạnh để kinh tế phát triển ổn định và bền vững. Việc xây dựng văn hóa doanh nghiệp phải bắt đầu từ người đứng đầu doanh nghiệp. Các tổ chức đảng trong các doanh nghiệp nhà nước phải thực sự đi đầu trong xây dựng văn hóa doanh nghiệp, tạo động lực để phát triển doanh nghiệp nhà nước bền vững, đồng thời giúp đỡ các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác nhau xây dựng và phát triển văn hóa doanh nghiệp.

Thứ ba, để phát huy vai trò của văn hóa đối với phát triển kinh tế bền vững, cần phải đẩy mạnh phát triển các ngành công nghiệp văn hóa như điện ảnh, thời trang, quảng cáo, sản xuất và dịch vụ băng đĩa, băng hình, phát triển nghệ thuật biểu diễn, âm nhạc, phát thanh và truyền hình, trò chơi điện tử, các trung tâm dịch vụ vui chơi giải trí, du lịch văn hóa, các làng nghề truyền thống, các sản phẩm văn hóa ẩm thực giàu bản sắc địa phương... Cần chú ý rằng, phát triển công nghiệp văn hóa cần phải được định hình với các thương hiệu sản phẩm cụ thể, vừa có sức hấp dẫn đối với công chúng trong nước, vừa có khả năng xuất khẩu ra nước ngoài, góp phần quảng bá hình ảnh văn hóa và con người Việt Nam đối với bạn bè quốc tế. Lợi ích thu được từ các sản phẩm văn hóa do ngành công nghiệp văn hóa đưa lại mang tính lâu dài và vừa mang tính trực tiếp, vừa mang tính gián tiếp, vừa có tính ngắn hạn, vừa có tính dài hạn. Do đó, ở đây cần có chiến lược phát triển hợp lý và thực tiễn, tránh chủ quan, nóng vội. Trong đó, cần đặc biệt quan tâm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho ngành công nghiệp văn hóa, khắc phục tình trạng đào tạo không gắn với sử dụng,

đào tạo nhiều nhưng không đáp ứng được yêu cầu phát triển của lĩnh vực này hiện nay.

VI- VỀ MỐI QUAN HỆ GIỮA VĂN HÓA TRONG CHÍNH TRỊ VÀ VĂN HÓA TRONG KINH TẾ

Mối quan hệ giữa văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế là mối quan hệ gắn bó biện chứng, hữu cơ, tác động và chuyển hóa lẫn nhau. Văn hóa trong chính trị diễn biến theo chiều hướng tích cực thì cũng sẽ thúc đẩy văn hóa trong kinh tế theo chiều hướng tích cực. Ngược lại, nền văn hóa trong kinh tế diễn ra theo chiều hướng tiêu cực tất yếu sẽ kéo theo chiều hướng tiêu cực về văn hóa trong chính trị. Tuy nhiên, trong đời sống thực tiễn, sự mâu thuẫn và khác biệt giữa văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế là khó tránh khỏi.

Trong quản lý nhà nước về kinh tế, việc loại bỏ và cắt giảm các thủ tục hành chính vẫn là vấn đề cấp bách, cần giải quyết. Đến tháng 12/2018, các bộ đã trình và ban hành 21 văn bản quy phạm pháp luật, cắt giảm, đơn giản hóa 6.776 trong tổng số 9.926 dòng hàng kiểm tra chuyên ngành, vượt 36,5% chỉ tiêu giao. Có 7 bộ đã đạt chỉ tiêu được Chính phủ giao về cắt giảm 50% điều kiện kinh doanh gồm: Bộ Công Thương, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Xây dựng, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Có 3 bộ được đánh giá là thiếu quyết liệt gồm: Bộ Thông tin và Truyền thông mới cắt giảm 26 trong 385 điều kiện kinh doanh, Bộ Giao thông vận tải mới cắt giảm được 109 trong tổng số 570 điều kiện kinh doanh,

Bộ Tư pháp mới cắt giảm được 7 trong tổng số 94 điều kiện kinh doanh. Các bộ còn lại được đánh giá là làm quyết liệt nhưng do nhiều yếu tố nên chưa đạt mục tiêu¹.

Một điểm đáng lưu ý là mặc dù một số bộ, ngành đã hời hợt cắt giảm điều kiện kinh doanh khá mạnh mẽ nhưng thực tế lại không phải như vậy, như Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong hai năm 2018 - 2019, số lượng điều kiện kinh doanh được cắt giảm chỉ đạt xấp xỉ 10%. Theo TS. Nguyễn Đình Cung, Viện trưởng Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương (CIEM): “Thực tế nhiều điều kiện kinh doanh được cắt bỏ đơn giản hóa, nhưng không tạo được sự tác động tích cực đến doanh nghiệp. Thủ tục hành chính dù được cắt giảm, nhưng người thực thi không minh bạch thì doanh nghiệp vẫn không được hưởng lợi. Doanh nghiệp kỳ vọng vào công cuộc cắt giảm thủ tục hành chính rất thực chất, các điều kiện kinh doanh không còn “núp bóng” trong các thông tư, nghị định. Thừa nhận điều này, Bộ trưởng - Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ Mai Tiến Dũng - Tổ trưởng Tổ công tác của Thủ tướng Chính phủ cho rằng: Vì sao cùng nhận sự chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ nhưng có nơi làm tốt, có nơi làm chưa đạt. Thậm chí nhiều nơi còn có hiện tượng làm chưa thực chất, cắt giảm cơ học, giảm điều kiện này nhưng lại đưa ra quy định trong thông tư khác. Hoặc tuy đã chuyển từ tiền kiểm sang hậu kiểm, nhưng tỷ lệ kiểm tra còn nhiều. Điều đó cho thấy trách nhiệm của người đứng đầu là lãnh đạo các bộ cũng như cấp cục, vụ có quan tâm và quyết tâm trong cải cách hay không. Tinh thần của Thủ tướng Chính phủ là phải

1. Xem Lâm Phong: “Các bộ, ngành cắt giảm thủ tục hành chính”, *Thời báo kinh tế Việt Nam*, số 26 - 36, ngày 30/01 - 11/02/2019, tr.56.

quyết liệt, yêu cầu công tác cải cách, đơn giản hóa thủ tục hành chính phải đi vào thực chất, nhưng trên thực tế, người dân, doanh nghiệp vẫn nghi ngại là có căn cứ”¹. Như vậy, vấn đề văn hóa trong chính trị nếu không được quan tâm xây dựng tốt, đặc biệt là vấn đề tạo lập thể chế minh bạch, dân chủ và xây dựng đạo đức công chức, đạo đức công vụ lành mạnh thì mọi cải cách thủ tục hành chính vẫn khó có thể đem lại hiệu quả tích cực.

Trong giai đoạn phát triển mới hiện nay, hai trụ cột luôn tương tác và quan hệ chặt chẽ với nhau khi Việt Nam tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới, chất lượng cao như EVFTA hay CPTPP, đó là quan hệ giữa cải cách thể chế trong nước và đẩy mạnh đi sâu hội nhập. Các hiệp định thương mại chất lượng cao có rất nhiều yêu cầu và tiêu chuẩn mới, đòi hỏi phải thay đổi thể chế, chính sách. Như vậy, nâng cao văn hóa trong chính trị trước hết là phải bám sát vào yêu cầu của đổi mới kinh tế trong hội nhập để điều chỉnh thể chế kinh tế cho phù hợp, tạo động lực mới cho kinh tế phát triển nhanh và bền vững. Đồng thời, quá trình hội nhập về kinh tế cũng phải bám sát vào định hướng chính trị của đất nước, giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế, đảm bảo tính độc lập, tự chủ, sáng tạo trong hội nhập. Đây là những vấn đề cần thiết đặt ra trong việc giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế hiện nay ở nước ta.

1. Xem Lâm Phong: “Các bộ, ngành cắt giảm thủ tục hành chính”, *Tlđđ*, tr.56.

Chương IV

MỤC TIÊU, QUAN ĐIỂM, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP XÂY DỰNG VĂN HÓA TRONG CHÍNH TRỊ VÀ VĂN HÓA TRONG KINH TẾ Ở VIỆT NAM TỪ NAY ĐẾN NĂM 2030 VÀ TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045

I- THỜI CƠ VÀ THÁCH THỨC ĐỐI VỚI VIỆC XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN VĂN HÓA TRONG CHÍNH TRỊ VÀ VĂN HÓA TRONG KINH TẾ Ở VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2020 - 2030

Căn cứ vào những thành tựu đạt được trong lĩnh vực xây dựng và phát triển văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế ở Việt Nam hơn 30 năm đổi mới, trên cơ sở xác định những nhân tố quốc tế và trong nước tác động đến văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế ở Việt Nam trong thời gian tới, có thể dự báo về thời cơ và thách thức đối với văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế ở Việt Nam giai đoạn 2020 - 2030 như sau:

1. Về thời cơ

Thứ nhất, đường lối đổi mới của Đảng được thể hiện trong Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội năm 1991, được bổ sung và phát triển năm 2011

cùng với việc Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII sẽ được tiến hành vào quý I/2021 là những sự kiện chính trị trọng đại xác định cơ sở lý luận và thực tiễn để Việt Nam tiếp tục đẩy mạnh xây dựng văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế. Vào dịp Đại hội XIII của Đảng, chúng ta sẽ tiến hành tổng kết 35 năm thực hiện công cuộc đổi mới, 30 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên xã hội chủ nghĩa (Cương lĩnh năm 1991), 10 năm thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 - 2020, phấn đấu hướng tới kỷ niệm 100 năm Ngày thành lập Đảng vào năm 2030 và kỷ niệm 100 năm Ngày thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, nay là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam vào năm 2045. Thông qua các hoạt động tổng kết quan trọng này, Đảng ta tiếp tục đề ra đường lối phát triển của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn 2021 - 2025 và những năm tiếp theo. Hệ thống các quan điểm, chủ trương của Đảng được đề ra tại Đại hội XIII sẽ có vai trò định hướng quan trọng để chúng ta tiếp tục bổ sung, phát triển các quan điểm lý luận về xây dựng văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế. Trên cơ sở đó rút ra những bài học kinh nghiệm cần thiết để tổ chức và triển khai thực hiện các mục tiêu, yêu cầu của xây dựng văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế ở thời kỳ mới, thời kỳ nâng cao chất lượng công tác xây dựng Đảng, củng cố hệ thống chính trị vững mạnh, nâng cao chất lượng sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

Thứ hai, giai đoạn 2021 - 2025 và những năm tiếp theo là giai đoạn mà Đảng ta tiếp tục đẩy mạnh công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Các nghị quyết về xây dựng, chỉnh đốn Đảng, đặc biệt là Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 (khóa XII)

“Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng, ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ”; Nghị quyết số 18-NQ/TW, ngày 25/10/2017 “Về một số vấn đề tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”; Nghị quyết số 26-NQ/TW, ngày 19/5/2018 của Hội nghị Trung ương 7 “Về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ”... được triển khai sâu rộng và có hiệu quả trong thực tiễn sẽ góp phần đặc biệt quan trọng để nâng cao chất lượng và hiệu quả xây dựng văn hóa trong chính trị, trọng tâm là nâng cao ý thức trách nhiệm, đạo đức, phẩm chất, năng lực của đội ngũ cán bộ, đảng viên trong hệ thống chính trị, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của sự nghiệp đổi mới đất nước.

Thứ ba, giai đoạn 2021 - 2025 và những năm tiếp sau là giai đoạn Việt Nam tập trung nâng cao chất lượng phát triển kinh tế. Các nghị quyết của Đảng về phát triển kinh tế, đặc biệt là việc triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa XII “Về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa” và triển khai phương hướng phát triển kinh tế của Đại hội XIII, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030 sẽ tạo nên những đột phá mới trong xây dựng và phát triển văn hóa trong kinh tế. Ba khâu đột phá để tháo gỡ ba nút thắt là thể chế, nguồn nhân lực và kết cấu hạ tầng kinh tế - kỹ thuật được giải quyết sẽ tạo động lực mới cho kinh tế Việt Nam phát triển nhanh và bền vững trong giai đoạn tới. Quá trình Việt Nam tham gia hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế thế giới, nhất là khi Việt Nam

thực hiện các hiệp định thương mại tự do (FTAs), Hiệp định đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTTP) và tiếp tục đàm phán hiệp định với EU... vừa tạo nên cơ hội, vừa tạo nên sức ép để phát triển văn hóa trong kinh tế, tiếp cận các giá trị văn hóa và chuẩn mực văn hóa toàn cầu để xây dựng văn hóa trong kinh tế ở Việt Nam. Với phong trào quốc gia khởi nghiệp, hàng loạt các doanh nghiệp Việt Nam sẽ có nhiều cơ hội để học tập kinh nghiệm trong nước và quốc tế để chạy đua trong việc xây dựng văn hóa doanh nghiệp, văn hóa doanh nhân, phát triển các ngành công nghiệp và dịch vụ văn hóa, cạnh tranh đổi mới, sáng tạo, ứng dụng thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 vào sản xuất, kinh doanh, phát triển kinh tế số, góp phần khẳng định thương hiệu và vị thế của kinh tế Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa.

2. Về thách thức

Thứ nhất, tác động tiêu cực từ tình hình chính trị an ninh thế giới.

Trong giai đoạn 2021 - 2025 và những năm tiếp theo, tình hình chính trị thế giới vẫn tiếp tục diễn biến phức tạp. Các nước lớn đều điều chỉnh chiến lược theo hướng đề cao chủ nghĩa dân tộc, tăng cường bảo hộ mậu dịch, áp đặt cường quyền cả về chính trị và kinh tế. Tình trạng xâm phạm chủ quyền quốc gia, tranh chấp lãnh thổ và tài nguyên, xung đột sắc tộc, tôn giáo, tiến hành can thiệp, lật đổ, khủng bố, chiến tranh cục bộ, chiến tranh mạng... tiếp tục diễn ra gay gắt ở nhiều khu vực gây tác động tiêu cực đến đời sống chính trị và an ninh của đất nước. Đặc biệt, các thế lực thù địch ở trong nước và nước ngoài tập trung chống phá sự nghiệp đổi mới,

tiến hành âm mưu “diễn biến hòa bình”, lợi dụng chiêu bài “tự do”, “dân chủ”, “nhân quyền” để kích động nhân dân, xuyên tạc, bôi nhọ, phủ định vai trò lãnh đạo của Đảng và Nhà nước, lợi dụng những yếu kém trong nội bộ của Đảng và Nhà nước để kích động, lôi kéo những phần tử bất mãn, cơ hội chính trị tìm cách chống phá đất nước.

Vấn đề này đặc biệt “nóng lên” ở các thời điểm trước, trong và sau Đại hội XIII của Đảng. Mũi nhọn tấn công của kẻ thù tập trung chủ yếu là phủ định nền tảng tư tưởng lý luận của Đảng, phủ định giá trị khách quan của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, phủ định vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, đấu tranh đòi đa nguyên, đa đảng, kích động, chia rẽ Đảng với Nhân dân, Đảng với dân tộc, tìm cách để thay đổi chế độ chính trị ở Việt Nam. Đây là những vấn đề phải chủ động tiến công để đập tan âm mưu của các thế lực thù địch, bảo vệ các giá trị lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, bảo vệ nền tảng tư tưởng lý luận của Đảng, khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng trong sự nghiệp đổi mới đất nước.

Thứ hai, thách thức từ sự yếu kém chậm được khắc phục trong cuộc đấu tranh phòng, chống suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong cán bộ, đảng viên và trong xã hội.

Tình trạng suy thoái về tư tưởng, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên, đặc biệt là tình trạng tham nhũng, tình trạng “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ chính là loại “giặc nội xâm” đe dọa trực tiếp sự tồn vong của chế độ chính trị - xã hội, đe dọa sự phát triển của dân tộc. Đây là một thách thức rất lớn đối với xây dựng văn hóa trong chính trị và xây dựng văn hóa trong kinh tế ở

nước ta hiện nay. Đại hội XII của Đảng đã lựa chọn nhiệm vụ trọng tâm đầu tiên trong sáu nhiệm vụ cần tập trung chỉ đạo thực hiện trong nhiệm kỳ Đại hội XII là: “Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ. Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là đội ngũ cán bộ cấp chiến lược, đủ năng lực, phẩm chất và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ”¹. Nhiệm vụ này không chỉ giới hạn thực hiện trong nhiệm kỳ Đại hội XII mà cần tiếp tục thực hiện trong các nhiệm kỳ sau để đảm bảo cho Đảng ta thực sự trong sạch, vững mạnh, xứng đáng đảm nhiệm sứ mệnh lãnh đạo cách mạng Việt Nam trường tồn cùng dân tộc.

Thứ ba, thách thức từ sự suy thoái của nền kinh tế thế giới trong thời gian tới.

Nền kinh tế thế giới suy thoái kéo dài và phục hồi chậm đã và sẽ tiếp tục tác động đến sự phát triển kinh tế của Việt Nam trong thời gian tới. Nền kinh tế thế giới đang bị bao phủ bởi những “bóng đen” là sự bảo vệ mậu dịch ở các cường quốc kinh tế gia tăng; các chính sách thắt lưng buộc bụng của nhiều quốc gia làm giảm khả năng chi tiêu, vấn đề nợ công của nhiều chính phủ đã vượt quá giới hạn cho phép và cuộc chiến tranh thương mại Mỹ - Trung đã gây tác động tiêu cực đối với tăng trưởng kinh tế toàn cầu, thậm chí có thể dẫn tới “cơn bão” về kinh tế. Sự suy thoái và những diễn biến phức tạp của nền kinh tế thế giới sẽ tác động không nhỏ đến sự tăng trưởng kinh tế của Việt Nam. Những tác động tiêu cực

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Sdd, tr.217.

từ nền kinh tế thế giới sẽ tạo ra những thách thức mới cho sự phát triển của nền kinh tế, trong đó có vấn đề xây dựng văn hóa trong kinh tế.

Vì vậy, để đảm bảo tính bền vững và an toàn trong xây dựng văn hóa trong kinh tế, các nhà hoạch định chính sách cần phải dự báo sát xu thế vận động của kinh tế thế giới, đưa ra những giải pháp sát hợp và linh hoạt, đảm bảo cho quá trình xây dựng văn hóa trong kinh tế phát triển bền vững, tránh được những rủi ro từ bên ngoài tác động vào.

II- MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Nâng cao nhận thức của toàn Đảng, toàn dân về xây dựng văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế, phấn đấu làm cho các giá trị văn hóa thấm sâu và lan tỏa vào trong đời sống chính trị và kinh tế, xây dựng môi trường văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế lành mạnh, thể hiện sâu sắc tinh thần dân tộc, dân chủ, nhân văn và khoa học, làm cho văn hóa thực sự là nền tảng tinh thần, vừa là mục tiêu, vừa là động lực, vừa là nguồn lực nội sinh quan trọng để phát triển chính trị và kinh tế bền vững, thực hiện mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Về xây dựng văn hóa trong chính trị

- Nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các cơ quan Đảng, Nhà nước, các đoàn thể chính trị - xã hội và nhân dân trong việc xây dựng văn hóa trong chính trị. Chăm lo xây

dựng môi trường văn hóa trong Đảng, trong cơ quan nhà nước và các đoàn thể. Coi đây là nhân tố quan trọng để xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh.

- Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, nhất là đội ngũ cán bộ cấp chiến lược, đội ngũ cán bộ chủ chốt ở các ngành, các cấp, từ trung ương tới cơ sở có phẩm chất đạo đức, tận trung với nước, tận hiếu với dân, hết lòng phụng sự Tổ quốc, phụng sự Nhân dân, gắn bó mật thiết với nhân dân, có ý thức thượng tôn pháp luật, dân chủ đi đôi với kỷ cương, tôn trọng tự do cá nhân gắn với trách nhiệm xã hội và nghĩa vụ công dân. Nâng cao trách nhiệm nêu gương tốt của cán bộ, đảng viên trước nhân dân.

- Phát huy vai trò của các loại hình văn hóa trong việc tuyên truyền, bảo vệ nền tảng tư tưởng lý luận và đường lối, quan điểm xây dựng đất nước của Đảng và Nhà nước. Cổ vũ, động viên Nhân dân tích cực tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

- Đấu tranh, ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ. Loại trừ những phần tử thoái hóa, biến chất ra khỏi tổ chức đảng và cơ quan nhà nước. Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh từ trung ương tới cơ sở.

b) Về xây dựng văn hóa trong kinh tế

- Thường xuyên nâng cao nhận thức của các tổ chức đảng, cơ quan nhà nước, các đoàn thể chính trị - xã hội, doanh nghiệp và xã hội về vai trò của việc xây dựng văn hóa trong kinh tế. Xác định rõ con người là trung tâm trong quá trình phát triển kinh tế. Sự phát triển kinh tế - xã hội phải hướng tới phục vụ con người, không ngừng nâng cao chất lượng cuộc

sống của con người. Không chạy theo lợi nhuận bằng mọi giá, hy sinh giá trị của con người vì mục tiêu kinh tế.

- Tạo lập môi trường văn hóa pháp lý, đạo lý và thẩm mỹ lành mạnh để phát triển nền kinh tế văn minh, hiện đại và nhân văn. Xây dựng văn hóa doanh nghiệp, văn hóa kinh doanh, văn hóa doanh nhân với ý thức tôn trọng luật pháp, giữ gìn chữ tín, trung thực, cạnh tranh lành mạnh, vì sự phát triển bền vững và bảo vệ lợi ích quốc gia tối thượng.

- Phát huy truyền thống đoàn kết và tinh thần yêu nước, tinh thần khởi nghiệp, trí tuệ Việt, động viên toàn dân, trước hết là các doanh nghiệp, doanh nhân, xây dựng và phát triển các thương hiệu Việt Nam có uy tín trên thị trường trong nước và quốc tế.

- Khuyến khích và thu hút các nguồn lực từ các thành phần kinh tế khác nhau tham gia xây dựng và phát triển các ngành công nghiệp văn hóa như điện ảnh, âm nhạc, nghệ thuật biểu diễn, quảng cáo, thời trang, các sản phẩm thủ công truyền thống, phát triển du lịch, dịch vụ văn hóa, giải trí, khai thác các giá trị văn hóa, lịch sử để phát triển kinh tế - xã hội.

c) Về phát triển đồng bộ và hài hòa giữa văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế

- Xây dựng văn hóa trong chính trị đồng bộ với xây dựng văn hóa trong kinh tế, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong chính trị và trong kinh tế, đề cao các giá trị dân tộc, dân chủ, nhân văn và khoa học trong hoạt động chính trị và kinh tế.

- Đẩy mạnh cuộc đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng, thực hiện cải cách hành chính nhà nước theo hướng liêm chính, minh bạch, hiệu lực, hiệu quả tạo lập môi trường

kinh doanh dân chủ, công khai, minh bạch, bình đẳng trong việc tiếp cận các cơ hội và các nguồn lực để phát triển kinh tế - xã hội.

- Tiếp tục có chính sách hỗ trợ, giúp đỡ các vùng đồng bào dân tộc thiểu số, đồng bào khu vực biên giới, hải đảo, khu vực thường xuyên chịu ảnh hưởng tiêu cực do thiên tai, biến đổi khí hậu, xóa đói, giảm nghèo, khắc phục những rủi ro do thảm họa thiên nhiên, giúp đỡ những đối tượng yếu thế, dễ bị tổn thương trong xã hội. Giảm bớt khoảng cách về thụ hưởng các giá trị văn hóa giữa các vùng, các miền, các nhóm xã hội.

- Đẩy mạnh cuộc đấu tranh phòng, chống sự suy thoái về tư tưởng, đạo đức, lối sống biểu hiện ở trong chính trị và trong kinh tế. Đấu tranh chống sự xuống cấp về đạo đức xã hội trong các cơ quan công quyền, trong các cơ sở kinh tế và doanh nghiệp.

III- QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG VĂN HÓA TRONG CHÍNH TRỊ VÀ VĂN HÓA TRONG KINH TẾ Ở VIỆT NAM TRONG THỜI GIAN TỚI

1. Quan điểm thứ nhất

Xây dựng văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế ở Việt Nam nhằm phát triển các giá trị văn hóa theo tinh thần dân tộc, dân chủ, nhân văn và khoa học, thấm sâu và lan tỏa vào trong chính trị và kinh tế, bảo đảm cho chính trị và kinh tế phát triển bền vững, phấn đấu vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng và văn minh.

Quan điểm này xác định phương hướng xây dựng văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế ở Việt Nam hiện nay. Xây dựng văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh

tế là phát triển các giá trị chân - thiện - mỹ trong chính trị và trong kinh tế. Làm cho các hoạt động chính trị và kinh tế thấm nhuần sâu sắc tinh thần dân tộc, dân chủ, nhân văn và khoa học, đáp ứng nhu cầu phát triển bền vững vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Xây dựng văn hóa trong chính trị là phải làm cho các giá trị văn hóa thấm thấu và tỏa sáng trong đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, trong khoa học lãnh đạo, tổ chức, cán bộ, kiểm tra, giám sát, công tác dân vận của Đảng. Đảng phải thực sự kết tinh được trí tuệ, phẩm chất đạo đức, bản lĩnh và quyết tâm chính trị của giai cấp, của nhân dân, của dân tộc, có tầm nhìn xa, có khả năng dẫn dắt, khai sáng con đường đi tới tự do, ấm no, hạnh phúc của toàn dân tộc. Xây dựng văn hóa trong chính trị không chỉ hướng tới nâng cao năng lực và phẩm chất cầm quyền của Đảng mà còn thể hiện trong đạo đức, tác phong của cán bộ, đảng viên và sự tham gia của người dân với ý thức trách nhiệm cao trong đời sống chính trị của đất nước, tạo nên sự thống nhất ý chí và tình cảm chung của dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Xây dựng văn hóa trong chính trị cũng gắn liền với việc phát huy vai trò tiên phong của các loại hình văn hóa trong việc tuyên truyền, cổ vũ, động viên tinh thần của toàn dân tộc trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, tiếp tục phát huy truyền thống của nền văn hóa dân tộc cách mạng, khẳng định các giá trị mới, các nhân tố mới, các điển hình tích cực trong công cuộc đổi mới, xây dựng và phát triển đất nước hiện nay.

Xây dựng văn hóa trong kinh tế là hướng tới tạo lập môi trường văn hóa lành mạnh dựa trên trình độ khoa học kỹ thuật hiện đại, phát huy năng lực đổi mới sáng tạo, nâng cao

chất lượng nguồn nhân lực có trí tuệ và kỹ năng lao động, có khả năng làm việc trong môi trường đa văn hóa và hội nhập quốc tế. Xây dựng văn hóa trong kinh tế cần hướng tới xây dựng và hoàn thiện các chuẩn mực pháp lý và đạo lý xã hội minh bạch, dân chủ, công khai, nâng cao đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp của người lao động, tạo môi trường kinh tế lành mạnh cho các chủ thể kinh tế phát triển, cạnh tranh bình đẳng, hợp tác, giúp đỡ nhau cùng phát triển, vì lợi ích của doanh nghiệp, của xã hội, của đất nước.

Xây dựng văn hóa trong kinh tế chính là xây dựng các giá trị khoa học và nhân văn trong toàn bộ hoạt động kinh tế. Mọi chương trình, dự án phát triển kinh tế phải hướng tới nâng cao chất lượng cuộc sống của con người, của xã hội không chạy theo lợi ích kinh tế bằng mọi giá để hy sinh giá trị và nhân cách của con người, của môi trường xã hội và môi trường tự nhiên.

Đồng thời xây dựng văn hóa trong kinh tế là hướng tới khai thác hợp lý các nguồn lực văn hóa, khai thác nguồn “vốn văn hóa” hay “tư bản văn hóa” để phát triển kinh tế - xã hội. Trong đó, đặt trọng tâm vào phát triển các ngành công nghiệp văn hóa, hoàn thiện và phát triển thị trường văn hóa, nâng cao trình độ thẩm mỹ và thị hiếu nghệ thuật của xã hội, thực hiện nghiêm túc Luật sở hữu trí tuệ, đẩy mạnh quảng bá và xuất khẩu các sản phẩm văn hóa, văn nghệ Việt Nam ra thế giới, nâng cao tầm vóc và vị thế của văn hóa và con người Việt Nam trong giao lưu và hợp tác quốc tế.

2. Quan điểm thứ hai

Xây dựng và phát triển văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế là tạo điều kiện để đảm bảo sự phát triển

ổn định và bền vững của chế độ chính trị - xã hội, là cơ sở để phát triển nhanh và bền vững của kinh tế, góp phần tích cực, chủ động vào cuộc đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng, chống sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ hiện nay.

Quan điểm này xác định vai trò của việc xây dựng văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế hiện nay. Về xây dựng văn hóa trong chính trị, Nghị quyết Trung ương 9 khóa XI “Về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước” đã khẳng định: “Chú trọng chăm lo xây dựng văn hóa trong Đảng, trong các cơ quan nhà nước và các đoàn thể; coi đây là nhân tố quan trọng để xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh”¹. Xây dựng văn hóa trong chính trị sẽ góp phần xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực cầm quyền lãnh đạo cách mạng của Đảng, xây dựng Đảng thực sự là đạo đức, là văn minh, là tấm gương để dẫn dắt sự nghiệp đổi mới, đi tới thắng lợi vẻ vang. Đồng thời, xây dựng văn hóa trong chính trị là cơ sở để nâng cao chất lượng hoạt động của bộ máy nhà nước, xây dựng văn hóa trong Quốc hội, trong Chính phủ, trong các cơ quan hành chính nhà nước, xây dựng bộ máy hành chính hợp lý, khoa học, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả, củng cố niềm tin của nhân dân vào bộ máy của Chính phủ, liên chính, trong sạch vì dân, hoạt động năng động, hiệu quả; xây dựng đội ngũ kiến tạo, cán bộ liên

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương khóa XI*, Sdd, tr.53.

khuyết, chuyên nghiệp, đề cao đạo đức và trách nhiệm công chức, công vụ...

Xây dựng văn hóa trong kinh tế có vai trò quan trọng trong việc tạo lập môi trường văn hóa tinh thần lành mạnh, làm nền tảng cho quá trình phát triển kinh tế hướng tới đổi mới, sáng tạo, tôn trọng các giá trị văn hóa và đạo đức xã hội, đạo đức nghề nghiệp, tôn trọng kỷ cương, luật pháp trong sản xuất, kinh doanh và dịch vụ, chống lại các tiêu cực do các phản văn hóa trong kinh tế.

Nhìn tổng thể, Đảng ta đã khẳng định vai trò của văn hóa đối với sự phát triển đất nước nói chung hiện nay: “Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, là mục tiêu, động lực phát triển bền vững đất nước. Văn hóa phải được đặt ngang hàng với kinh tế, chính trị, xã hội”¹. Lĩnh vực chính trị và kinh tế là hai lĩnh vực nòng cốt, gắn bó với nhau làm cơ sở cho quá trình phát triển đất nước. Như vậy, văn hóa cũng sẽ là nền tảng tinh thần, vừa là mục tiêu, động lực cho phát triển bền vững của chính trị và kinh tế. Chính trị và kinh tế không thể phát triển bền vững nếu không được dựa trên nền tảng của cái đúng, cái tốt và cái đẹp, nếu không thấm nhuần được tinh thần dân tộc, dân chủ, nhân văn và khoa học.

Vì vậy, xây dựng văn hóa trong chính trị và trong kinh tế là đòi hỏi khách quan để bảo đảm sự phát triển bền vững của đất nước, thực hiện được sự phát triển đồng bộ và hài hòa giữa chính trị, kinh tế, xã hội, môi trường trên nền tảng của văn hóa, của các giá trị văn hóa mà dân tộc và nhân loại hướng tới. Quá trình xây dựng văn hóa trong chính trị và

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương khóa XI, Sdd*, tr.48.

văn hóa trong kinh tế được thực hiện nghiêm túc và rộng khắp thì vấn đề chống suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, phòng, chống “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ tất yếu sẽ được giải quyết. Điều này góp phần củng cố niềm tin của Nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước, củng cố niềm tin vào công cuộc đổi mới đất nước.

3. Quan điểm thứ ba

Xây dựng văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế phải chú trọng kế thừa và phát huy tinh hoa văn hóa của dân tộc với các giá trị tiến bộ của thời đại, chú trọng yếu tố văn hóa và con người trong xây dựng văn hóa trong chính trị và trong kinh tế. Đồng thời, xây dựng văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế phải góp phần xây dựng con người phát triển về nhân cách, có lối sống tốt đẹp.

Quan điểm này xác định đặc điểm và yêu cầu của việc xây dựng văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế. Xây dựng văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế đòi hỏi phải kết hợp được sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại để tạo nên vị thế mới của chính trị và kinh tế Việt Nam trong toàn cầu hóa. Vì vậy, trong quá trình xây dựng văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế, chúng ta cần phải nghiên cứu, học hỏi, tiếp thu các giá trị văn hóa tích cực và tiến bộ của dân tộc qua hàng ngàn năm lịch sử dựng nước và giữ nước; đồng thời phải tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, các giá trị tích cực và tiến bộ của thế giới đương đại để phát triển đất nước. Việc mở rộng giao lưu, đối thoại giữa các đảng chính trị cầm quyền, diễn đàn trao đổi giữa các nghị viện và Quốc hội Việt Nam, việc học tập và trao đổi kinh nghiệm về

xây dựng Nhà nước pháp quyền, về tổ chức bộ máy hành chính, quản lý kinh tế, hoàn thiện cơ chế thị trường... là giúp cho Việt Nam có nhiều cơ hội học tập để xây dựng văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế, tiếp cận với xu thế tiến bộ chung của thời đại.

Đồng thời, xây dựng văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế phải đặt con người vào vị trí trung tâm của quá trình phát triển, chú ý tới nhân tố con người và nhân tố văn hóa trong chính trị và trong kinh tế. Kinh nghiệm thực tế đã chỉ ra rằng, thể chế chính trị và thể chế kinh tế có đầy đủ đến đâu nhưng con người không được giáo dục, đào tạo và bồi dưỡng tốt thì vẫn không đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ đặt ra, thậm chí còn làm tha hóa cả bộ máy và thể chế. Mặt khác, trong quá trình xây dựng văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế, cần phải đặt nhiệm vụ xây dựng con người có nhân cách, có lối sống tốt đẹp làm mục tiêu hàng đầu. Quyền lực chính trị và kinh tế có mặt mạnh là tạo động lực cho con người thăng tiến. Mặt khác, nó cũng là cạm bẫy đẩy con người vào sự tha hóa. Vì vậy, xây dựng văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế, chúng ta cần đặc biệt chú trọng tới mục tiêu xây dựng con người, hoàn thiện nhân cách, phẩm giá của con người làm chính trị và làm kinh tế. Chất lượng con người sẽ quy định chất lượng của cả chính trị và kinh tế. Đồng thời, con người cũng là sản phẩm của một chế độ chính trị và chế độ kinh tế. Đứng trước những thách thức của quá trình đổi mới, mở cửa, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế hiện nay, vấn đề trọng tâm là xây dựng nhân cách con người trong hoạt động chính trị và hoạt động kinh tế này có ý nghĩa cấp bách, cần thiết.

4. Quan điểm thứ tư

Xây dựng văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế là sự nghiệp của toàn dân, do Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý và sự tham gia của các đoàn thể chính trị - xã hội, trong đó đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, đội ngũ doanh nhân và những người lao động đóng vai trò quan trọng.

Quan điểm này xác định vai trò của các chủ thể xây dựng văn hóa trong chính trị và trong kinh tế.

Trước hết, cần khẳng định rằng, nhân dân là chủ thể xây dựng chế độ chính trị và phát triển kinh tế của đất nước. Đảng và Nhà nước phải đẩy mạnh thực hành dân chủ, phát huy quyền làm chủ thực sự của Nhân dân trong xây dựng chế độ chính trị vững mạnh và phát triển nền kinh tế thị trường bền vững. Cần phải tạo cơ hội và điều kiện thuận lợi cho nhân dân ở mọi giai cấp, mọi tầng lớp xã hội khác nhau có khả năng tiếp cận cơ hội tham gia vào đời sống chính trị và kinh tế của đất nước, chú trọng đến phát triển bao trùm để không ai bị bỏ lại phía sau. Tổng kết 30 năm đổi mới xây dựng đất nước, Đại hội XII của Đảng đã rút ra một bài học kinh nghiệm quan trọng là: “đổi mới phải luôn luôn quán triệt quan điểm “dân là gốc”, vì lợi ích của nhân dân, dựa vào nhân dân, phát huy vai trò làm chủ, tinh thần trách nhiệm, sức sáng tạo và mọi nguồn lực của nhân dân; phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc”¹. Các chủ trương, chính sách xây dựng văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế phải huy động được sức mạnh của nhân dân tham gia và

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Sdd, tr.69.

hướng tới phục vụ nhân dân. Đồng thời, phải đảm bảo được sự lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước, sự tham gia của các đoàn thể chính trị - xã hội. Sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố có ý nghĩa quyết định đảm bảo cho việc xây dựng văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế phát triển đúng hướng, đảm bảo định hướng xã hội chủ nghĩa cho xây dựng hệ thống chính trị và phát triển nền kinh tế thị trường trong bối cảnh hội nhập quốc tế. Đảng lãnh đạo ở đây bao gồm lãnh đạo về tư tưởng, tổ chức, lãnh đạo thông qua công tác kiểm tra của Đảng, đi đầu trong xây dựng môi trường văn hóa trong Đảng, trong cơ quan nhà nước. Mặt khác, cần chú ý đề cao vai trò quản lý của Nhà nước trong xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, xây dựng Chính phủ liêm chính, vì dân, hiệu lực, hiệu quả. Xây dựng văn hóa trong chính trị cũng đòi hỏi đẩy mạnh xây dựng văn hóa công sở, văn hóa công chức, văn hóa công vụ, nâng cao hiệu quả hoạt động của bộ máy nhà nước. Đồng thời, phát huy vai trò của các đoàn thể chính trị - xã hội tập hợp xung quanh Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, phát huy vai trò phản biện xã hội và tham gia vào vận động, cổ vũ các hoạt động xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh trong xã hội, trong đó đặc biệt quan tâm đến xây dựng môi trường văn hóa trong Đảng và các cơ quan nhà nước, trong các tổ chức và đơn vị kinh tế.

Trong quá trình xây dựng văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế, bên cạnh các chủ thể nêu trên, cần đặc biệt quan tâm đến đội ngũ cán bộ, đảng viên, trước hết là đội ngũ lãnh đạo chủ chốt các cấp, đội ngũ cán bộ, công chức trong các cơ quan công quyền thực hiện các nhiệm vụ lãnh đạo và quản lý đất nước ở các ngành, các cấp từ trung ương

đến địa phương. Hồ Chí Minh đã căn dặn: “Cán bộ là cái gốc của mọi công việc”¹. Đội ngũ cán bộ này vừa trực tiếp hoặc gián tiếp tham gia vào xây dựng văn hóa trong chính trị, vừa thực hành nêu gương để cộng đồng noi theo. Về xây dựng văn hóa trong kinh tế, bên cạnh việc tạo ra môi trường văn hóa tinh thần lành mạnh để các chủ thể tự do sản xuất, kinh doanh thì vấn đề xây dựng văn hóa doanh nghiệp, văn hóa kinh doanh phụ thuộc rất lớn vào đội ngũ doanh nhân và những người lao động. Đây là nguồn nhân lực có ý nghĩa quyết định tới việc xây dựng văn hóa trong kinh tế. Đạo đức nghề nghiệp, trí tuệ sáng tạo, tinh thần dân tộc, ý thức pháp luật, tinh thần đổi mới... đều thể hiện tập trung ở lực lượng xung kích này của nền kinh tế. Vì vậy, xây dựng văn hóa trong kinh tế, chúng ta cần phát huy vai trò của đội ngũ doanh nhân, tinh thần khởi nghiệp của đội ngũ doanh nghiệp trẻ và những người lao động, nâng cao trình độ tri thức, kỹ năng lao động, đạo đức nghề nghiệp, khát vọng cống hiến của họ để phát triển kinh tế - xã hội.

5. Quan điểm thứ năm

Xây dựng văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế là một quá trình lâu dài, gian khổ, đòi hỏi phải kiên trì, có quyết tâm cao của cả hệ thống chính trị, chú trọng tới đặc điểm của từng cấp, từng ngành, từng địa phương, từng doanh nghiệp, kết hợp hài hòa giữa “xây” và “chống”, trong đó xây dựng là trọng tâm.

Quan điểm này nhấn mạnh tính đặc thù của việc xây dựng văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế. Quá

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.5, tr.309.

trình làm cho các giá trị văn hóa thẩm thấu và lan tỏa vào trong đời sống chính trị và đời sống kinh tế của đất nước là một quá trình lâu dài, đầy khó khăn và thách thức. Nó đòi hỏi quyết tâm cao của các tổ chức của Đảng, Nhà nước, đoàn thể chính trị - xã hội, các doanh nghiệp và toàn thể nhân dân cùng thực hiện một cách nghiêm túc, bền bỉ, biến các giá trị văn hóa trở thành các chuẩn mực, các hành vi, trở thành nếp sống, thói quen trong hoạt động chính trị và kinh tế. Điều này không chỉ là vấn đề tác động đến hệ tư tưởng, đến lý trí của xã hội mà còn liên quan đến đời sống tâm lý, tình cảm và thói quen của cộng đồng. Cần chú ý rằng, việc chuyển mô hình văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế của thời kỳ kế hoạch hóa tập trung cao độ sang xây dựng văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là một sự chuyển đổi về chất. Nó đòi hỏi phải chia tay với quan niệm cũ, thói quen cũ để xây dựng các quan niệm mới, tác phong mới cho phù hợp với thời kỳ hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng. Để xây dựng các giá trị mới, các chuẩn mực mới về văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế, tổ chức thực hiện để nó trở thành lối sống, tác phong trong hoạt động thường xuyên là một quá trình phấn đấu công phu, nghiêm túc. Vì vậy, ở đây cần chú ý kiên trì, thận trọng nhưng phải quyết tâm, tiến hành kiên quyết, nhất là trong cuộc đấu tranh khắc phục sự suy thoái về tư tưởng, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ.

Để xây dựng văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế, các cấp, các ngành, các địa phương, các doanh nghiệp... cần phải chú ý khai thác lợi thế của cơ sở, phát huy

năng lực sáng tạo của từng đơn vị để tổ chức thực hiện có hiệu quả. Ở đây cần tránh học tập các mô hình có sẵn một cách giáo điều, máy móc. Thực hiện dân chủ hóa trong xây dựng văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế là điều kiện cơ bản để đảm bảo quá trình xây dựng có hiệu quả.

Trong quá trình xây dựng, cần phải kết hợp giữa “xây” và “chống”, lấy xây dựng làm trọng tâm, “lấy cái đẹp dẹp cái xấu”, chú trọng phương pháp nêu gương, biểu dương những điển hình tiên tiến, đấu tranh, phê phán kịp thời những cái tiêu cực, khắc phục những cái yếu kém trong tổ chức xây dựng.

6. Quan điểm thứ sáu

Kết hợp đồng bộ, hài hòa giữa văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế trong từng giai đoạn và trong suốt quá trình đổi mới.

Xây dựng văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế phải được tiến hành đồng bộ và hài hòa, tương thích, hỗ trợ, thúc đẩy lẫn nhau cùng phát triển. Kinh tế chỉ có thể tăng trưởng bền vững nếu thể chế chính trị và thể chế kinh tế tương thích và tạo điều kiện cho nhau cùng phát triển. Ngược lại, kinh tế không thể phát triển nếu bị thể chế kiềm hãm. Xây dựng văn hóa trong chính trị không chỉ liên quan vấn đề làm trong sạch bộ máy lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước mà còn liên quan trực tiếp đến nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước trên lĩnh vực kinh tế. Quá trình đổi mới tư duy kinh tế của Đảng, nâng cao năng lực quản lý của Nhà nước trong thời kỳ phát triển kinh tế thị trường, hội nhập quốc

tế đòi hỏi phải có những quan điểm và giải pháp đột phá về thể chế, tạo điều kiện để phát huy quyền của người dân trong xã hội, trong đó có quyền về kinh tế. Cần thay đổi triết lý người dân chỉ được phép làm những gì mà Nhà nước quy định sang triết lý người dân được quyền làm tất cả những gì mà Nhà nước không cấm. Việc xóa bỏ các rào cản về những quy định trái với Hiến pháp và pháp luật, loại bỏ các thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh không cần thiết là yêu cầu cấp thiết để tạo lập môi trường văn hóa trong kinh tế phát triển lành mạnh, tạo động lực cho các chủ thể sản xuất kinh doanh phát triển bình đẳng trước pháp luật, khắc phục tình trạng sách nhiễu, hành hạ và cản trở sự phát triển của doanh nghiệp. Đồng thời, việc xây dựng văn hóa trong chính trị cũng cần phải nâng cao tính dự báo, xác định các khuôn mẫu pháp lý hợp lý, khoa học, vừa mang tính định hướng khuyến khích, vừa có khả năng kiểm tra, kiểm soát được quá trình phát triển kinh tế, khắc phục tính tự phát của kinh tế và những mặt tiêu cực của kinh tế thị trường tạo ra, nhất là xử lý nghiêm túc các “hoạt động kinh tế ngầm”, hoạt động kinh tế bất chính, tham nhũng, lợi ích nhóm...

Để đảm bảo sự phát triển đồng bộ và hài hòa giữa chính trị và kinh tế, phải lấy các giá trị chân - thiện - mỹ làm gốc, làm mẫu số chung để điều chỉnh các hoạt động chính trị và kinh tế. Các hoạt động chính trị và kinh tế phải thấm nhuần sâu sắc tinh thần dân tộc, dân chủ, nhân văn và khoa học; chú trọng bài học kinh nghiệm mà Đảng ta đã rút ra từ thực tiễn 30 năm đổi mới: “đổi mới phải toàn diện, đồng bộ, có bước đi phù hợp; tôn trọng quy luật khách quan, xuất phát từ

thực tiễn, bám sát thực tiễn, coi trọng tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận, tập trung giải quyết kịp thời, hiệu quả những vấn đề do thực tiễn đặt ra”¹.

Khái quát lại, đây là sáu quan điểm cơ bản có vai trò quan trọng trong việc chỉ đạo, tổ chức và xây dựng văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế. Các quan điểm này cần được cụ thể hóa thông qua các nhiệm vụ cụ thể để triển khai xây dựng văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế một cách có hiệu quả, tránh phiến diện, một chiều.

IV- CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM ĐỂ XÂY DỰNG VĂN HÓA TRONG CHÍNH TRỊ VÀ VĂN HÓA TRONG KINH TẾ Ở NƯỚC TA HIỆN NAY

Để thực hiện các mục tiêu và quan điểm xây dựng văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế ở nước ta hiện nay, cần thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm sau đây:

1. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên, đội ngũ doanh nhân và những người lao động đáp ứng yêu cầu xây dựng văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế

Nhiệm vụ đầu tiên để đẩy mạnh xây dựng văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế là nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tham gia vào hoạt động chính trị và kinh tế. Nguồn nhân lực để xây dựng văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế trước hết phải kể đến là đội ngũ cán bộ

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Sdd, tr.69.

lãnh đạo chủ chốt các cấp, nhất là đội ngũ cán bộ cấp chiến lược. Nghị quyết số 26-NQ/TW, ngày 19/5/2018 của Hội nghị Trung ương 7 khóa XII “Về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ” đã xác định: “Cán bộ là nhân tố quyết định thành bại của cách mạng; công tác cán bộ là khâu “then chốt” của công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị. Xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ cấp chiến lược là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu, là công việc hệ trọng của Đảng, phải được tiến hành thường xuyên, thận trọng, khoa học, chặt chẽ và hiệu quả. Đầu tư xây dựng đội ngũ cán bộ là đầu tư cho phát triển lâu dài, bền vững”¹. Nghị quyết số 26-NQ/TW cũng nêu rõ những mục tiêu cụ thể của từng giai đoạn đến năm 2020, năm 2025, và năm 2030, trong đó xác định đối với cán bộ cấp chiến lược: thực sự tiêu biểu về chính trị, tư tưởng, phẩm chất và uy tín, trên 15% dưới 45 tuổi, từ 40 - 50% đủ khả năng làm việc trong môi trường quốc tế (đối với quân đội, công an có quy định riêng của Bộ Chính trị). Đối với cán bộ quản lý doanh nghiệp nhà nước, Nghị quyết này cũng nêu rõ: “Nâng cao tính Đảng và ý thức tuân thủ pháp luật; sản xuất kinh doanh hiệu quả: từ 70 - 80% có khả năng làm việc trong môi trường quốc tế”².

Để tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ cấp chiến lược, cần tập trung thực hiện nghiêm túc các nhiệm vụ và giải pháp mà Nghị quyết Trung ương 7 khóa XII nêu ra, đặc biệt là việc nâng cao nhận thức, tăng cường giáo dục chính trị, tư

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa XII, Sdd*, tr.54, 60.

tưởng, đạo đức, lối sống cho cán bộ, đảng viên. Tập trung xây dựng Đảng về đạo đức, truyền thống lịch sử, văn hóa dân tộc; kết hợp chặt chẽ, hiệu quả giữa đào tạo với rèn luyện trong thực tiễn, đẩy mạnh học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Nâng cao chất lượng giáo dục lý luận chính trị và cập nhật kiến thức mới cho cán bộ, nhất là cán bộ trẻ được đào tạo ở nước ngoài.

Bên cạnh việc đẩy mạnh thực hiện quy định trách nhiệm nêu gương của đội ngũ cán bộ chủ chốt, trước hết là Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương, cần đẩy mạnh nâng cao chất lượng của việc kết nạp đảng viên trẻ, rà soát loại bỏ những đảng viên yếu kém về phẩm chất và năng lực ra khỏi tổ chức đảng, xây dựng tổ chức đảng thực sự vững mạnh, trong sạch, mỗi đảng viên phải là tấm gương sáng cho cộng đồng xã hội noi theo. Về vấn đề này, Ban Bí thư đã ban hành Chỉ thị số 28-CT/TW về nâng cao chất lượng kết nạp đảng viên và rà soát, sàng lọc, đưa những đảng viên không còn đủ tư cách ra khỏi Đảng.

Như vậy, yêu cầu vừa cơ bản, vừa cấp bách để xây dựng văn hóa trong chính trị trước hết ở đây là xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên thực sự trong sạch, vững mạnh, xây dựng tổ chức đảng các cấp vững mạnh cả về tư tưởng, tổ chức, đạo đức và tác phong, nêu cao trách nhiệm trước Đảng, trước nhân dân và đất nước. “Trong đó, trọng tâm là xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức có phẩm chất đạo đức, tận tụy, hết lòng phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân, gắn bó máu thịt với nhân dân; có ý thức thượng tôn pháp luật, dân chủ đi đôi với kỷ luật, kỷ cương; tự do cá nhân gắn với trách nhiệm xã hội và nghĩa vụ công dân. Ngăn chặn, đẩy

lùi tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong một bộ phận cán bộ, công chức, đảng viên”¹.

Nhiệm vụ đầu tiên để xây dựng văn hóa trong kinh tế cũng chính là xây dựng con người có đủ năng lực phẩm chất, kỹ năng lao động và đạo đức nghề nghiệp, ý chí và bản lĩnh trong xây dựng và phát triển kinh tế trong thời kỳ cách mạng công nghiệp 4.0 và hội nhập quốc tế. Một trong những rào cản trong quá trình phát triển nhanh và bền vững của nền kinh tế Việt Nam hiện nay là chất lượng nguồn nhân lực. Đảng và Nhà nước ta đã xác định phải đổi mới căn bản và toàn diện nền giáo dục. Đại hội XII của Đảng đã xác định: “Giáo dục là quốc sách hàng đầu. Phát triển giáo dục và đào tạo nhằm nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài. Chuyển mạnh quá trình giáo dục chủ yếu từ trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học; học đi đôi với hành, lý luận gắn với thực tiễn. Phát triển giáo dục và đào tạo phải gắn liền với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, với tiến bộ khoa học - công nghệ, yêu cầu phát triển nguồn nhân lực và thị trường lao động”².

Trong quá trình xây dựng nguồn nhân lực phục vụ phát triển kinh tế, cần phải đặc biệt quan tâm đến xây dựng phẩm chất đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội của người lao động. Các giá trị văn hóa cơ bản của người lao động phải được giáo dục một cách toàn diện và sâu sắc trong quá trình

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương khóa XI*, Sđd, tr.53.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Sđd, tr.114-115.

đào tạo nghề nghiệp. Các cơ quan quản lý giáo dục, đào tạo và bồi dưỡng nghề nghiệp cần nâng cao chất lượng giáo dục đạo đức nghề nghiệp trong chương trình đào tạo. Khắc phục tình trạng chỉ dạy chữ, không quan tâm đến “dạy người” trong nhà trường. Đạo đức nghề nghiệp phải được coi là tiêu chuẩn hàng đầu để xét công nhận trình độ nghề nghiệp của người lao động. Nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo nguồn nhân lực là cơ sở để hình thành đội ngũ doanh nhân và những người lao động có kiến thức, năng lực và phẩm chất để phát triển kinh tế - xã hội. Đội ngũ doanh nhân, doanh nghiệp ở các thành phần kinh tế khác nhau là lực lượng đóng vai trò quan trọng thúc đẩy sự phát triển của nền kinh tế. Chất lượng đội ngũ doanh nhân và người lao động sẽ quyết định chất lượng phát triển nền kinh tế đất nước. Vì vậy, để xây dựng văn hóa trong kinh tế, vấn đề xây dựng và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực là nhiệm vụ cần được ưu tiên hàng đầu.

2. Xây dựng môi trường văn hóa trong chính trị và môi trường văn hóa trong kinh tế

Con người vừa là chủ thể xây dựng môi trường văn hóa trong chính trị và môi trường văn hóa trong kinh tế, đồng thời con người cũng là sản phẩm của chính môi trường này. Việc xây dựng môi trường văn hóa trong chính trị cần phải được tiến hành từ xây dựng môi trường văn hóa trong mỗi tổ chức cơ sở đảng, từ chi bộ, đảng bộ cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, trường học, bệnh viện, các cơ sở xã, phường, thị trấn tới các đảng bộ có quy mô rộng hơn là môi trường văn hóa trong toàn Đảng. Theo khảo sát, từ khi toàn Đảng triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII) tới nay,

đa số ý kiến được hỏi cho rằng vấn đề xây dựng môi trường văn hóa trong Đảng đã có sự chuyển biến tích cực, tuy nhiên có tới 43,5% cho là có chuyển biến nhưng ít. Điều này đòi hỏi phải đổi mới công tác xây dựng môi trường văn hóa trong Đảng để văn hóa thực sự là nền tảng tinh thần trong sinh hoạt của tổ chức đảng các cấp. Việc xây dựng môi trường văn hóa trong Đảng phải thực sự thấm nhuần tinh thần dân tộc, dân chủ, khoa học và nhân văn, bám sát vào thực hiện các nguyên tắc tập trung dân chủ, nguyên tắc tự phê bình và phê bình, đoàn kết trên cơ sở Cương lĩnh chính trị và Điều lệ Đảng, gắn bó mật thiết với Nhân dân, chịu trách nhiệm trước Nhân dân và chịu sự giám sát của Nhân dân, các tổ chức đảng và đảng viên hoạt động trong khuôn khổ của Hiến pháp và pháp luật. Điều quan trọng nhất để xây dựng môi trường văn hóa trong Đảng là tính tiên phong, gương mẫu của đảng viên. Một vấn đề cấp thiết để xây dựng môi trường văn hóa trong Đảng hiện nay là phải xây dựng tiêu chí về xây dựng văn hóa trong Đảng. Các tiêu chí cần hướng tới là đoàn kết, dân chủ, khoa học, nhân văn và gương mẫu. Đoàn kết là sức mạnh của Đảng, là sự sống còn của Đảng. Giữ gìn sự đoàn kết trong Đảng như “giữ gìn con người của mất mình”¹. Tinh thần đoàn kết phải dựa trên cơ sở Cương lĩnh, Điều lệ và đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, hoàn toàn xa lạ với đoàn kết vì lợi ích nhóm, cục bộ. Đồng thời, đoàn kết phải dựa trên thực hành dân chủ trong Đảng, chống tình trạng chuyên quyền, độc đoán. Đoàn kết, dân chủ phải dựa trên cơ sở khoa học, nhân văn, gương mẫu, đề cao trách nhiệm chính trị trước Đảng,

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr.622.

trước nhân dân và dân tộc. Trong các văn kiện trước đây, Đảng ta đề cập nhiệm vụ xây dựng môi trường văn hóa trong Đảng một cách chung chung theo nguyên tắc định hướng chứ chưa định hình và chỉ rõ nội dung cần thực hiện. Vì vậy, cần phải định hình rõ về nội dung xây dựng môi trường văn hóa trong Đảng một cách cụ thể, thống nhất trong toàn Đảng làm cơ sở cho việc triển khai thực hiện. Nội dung xây dựng môi trường văn hóa trong Đảng cần tập trung vào xây dựng các giá trị, các chuẩn mực văn hóa của cán bộ, đảng viên; xây dựng các quan hệ văn hóa lành mạnh, dân chủ, trung thực, nhân ái vì lợi ích của Đảng, của nhân dân; xây dựng các thể chế, các thiết chế văn hóa phục vụ cho sinh hoạt của tổ chức đảng cơ sở; góp phần giáo dục, bồi dưỡng về lý tưởng chính trị và nâng cao năng lực tự rèn luyện, tự phấn đấu của mỗi cán bộ, đảng viên, thường xuyên chăm lo xây dựng về tư tưởng, đạo đức, lối sống lành mạnh, đoàn kết phấn đấu vì mục tiêu, lý tưởng của Đảng.

Đối với việc xây dựng môi trường văn hóa ở các cơ quan nhà nước, cần đẩy mạnh việc xây dựng văn hóa công sở, văn hóa công vụ, nêu cao tinh thần trách nhiệm, đạo đức nghề nghiệp, văn hóa ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức đối với công việc, đối với nhân dân. Chính phủ cần tổng kết việc thực hiện Quy chế văn hóa công sở tại các cơ quan hành chính nhà nước được ban hành từ ngày 02/8/2007, đánh giá rút kinh nghiệm và bổ sung những nội dung mới cho phù hợp với yêu cầu phát triển của đất nước trong thời kỳ mới, nhất là trong giai đoạn đổi mới bộ máy, tổ chức, sắp xếp lại các cơ quan, đơn vị theo hướng tinh gọn, năng động, hiệu quả.

Thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh là hai trung tâm đi đầu cả nước về xây dựng văn hóa công sở với

kết quả cụ thể, việc đẩy mạnh xây dựng văn hóa công sở, thực hiện nghiêm túc quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong các cơ quan thuộc thành phố Hà Nội được ban hành ngày 25/01/2017 đã giúp thành phố Hà Nội có tiến bộ đáng kể trong cải cách hành chính. Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX) năm 2017 của thành phố Hà Nội đã vươn lên vị trí thứ 2 với kết quả đạt được là 85,46 điểm. Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) tăng 1 bậc, xếp thứ 13/63 tỉnh, thành phố. Thành phố Hà Nội đã đặt vấn đề cải cách hành chính gắn với ứng dụng công nghệ thông tin trong dịch vụ công, kỹ thuật, hạ tầng, hướng đến phục vụ người dân và doanh nghiệp. Nhiều lĩnh vực quản lý đô thị, ứng dụng khoa học - công nghệ vào sản xuất và đời sống, gia tăng hàm lượng trí tuệ, hàm lượng văn hóa trong tổ chức và quản lý đô thị, hướng tới xây dựng đô thị thông minh, thành phố thông minh đã từng bước khẳng định vị thế của Thủ đô Hà Nội ngàn năm văn hiến, “Thành phố vì hòa bình” trong cộng đồng quốc tế.

Thành phố Hồ Chí Minh với vị trí đặc biệt về địa lý, kinh tế - xã hội đã và đang giữ vai trò đầu tàu thúc đẩy phát triển kinh tế của vùng trọng điểm phía Nam và của cả nước. Với dân số hơn 10 triệu người, thành phố hàng năm đóng góp đến 30% GDP, 28% tổng thu ngân sách cả nước. Để xây dựng thành phố thành một đô thị thông minh, đô thị sáng tạo, Thành phố Hồ Chí Minh đã xây dựng bảy chương trình đột phá bao gồm:

- Chương trình nâng cao chất lượng tăng trưởng.
- Chương trình nâng cao chất lượng cạnh tranh của kinh tế thành phố trong thời kỳ hội nhập.
- Chương trình nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.
- Chương trình cải cách hành chính.

- Chương trình giảm ùn tắc giao thông, giảm tai nạn giao thông.

- Chương trình giảm ngập nước, ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng, giảm ô nhiễm môi trường.

- Chương trình chỉnh trang và phát triển đô thị.

Đây là bảy chương trình có ý nghĩa đột phá để Thành phố Hồ Chí Minh phát triển nhanh và bền vững, trong đó có chương trình cải cách hành chính mà cốt lõi là xây dựng văn hóa công sở. Việc áp dụng công nghệ thông tin vào trong giải quyết các thủ tục hành chính đã góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của bộ máy nhà nước. Việc giải quyết các thủ tục hành chính qua mạng internet vừa nhanh, vừa giảm chi phí đi lại, giúp cán bộ, công chức làm việc hiệu quả, khoa học, tránh phiền hà cho người dân. Việc đề cao sự hài lòng của người dân trong đánh giá kết quả của cán bộ, công chức đã góp phần nâng cao ý thức trách nhiệm và đạo đức công vụ của công chức.

Như vậy, với kinh nghiệm của Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh, vấn đề xây dựng môi trường văn hóa trong các cơ quan nhà nước cần phải được đẩy mạnh hơn nữa với các tiêu chí mới, nhấn mạnh vào việc sử dụng các thành tựu khoa học công nghệ, đặc biệt là công nghệ thông tin để nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của đội ngũ cán bộ, công chức, khắc phục tình trạng sách nhiễu, trì trệ, gây khó khăn cho người dân và doanh nghiệp.

Đảng và Nhà nước cần phát huy vai trò tích cực, chủ động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong việc tổ chức và thực hiện cuộc vận động “Toàn dân xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư”, phát huy vai trò Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam trong việc xây dựng môi trường văn hóa trong công

nhân và người lao động trong các trung tâm đô thị, các khu công nghiệp; vai trò của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh trong việc xây dựng môi trường văn hóa cho thanh niên, sinh viên trong trường học...

Về nhiệm vụ xây dựng môi trường văn hóa trong kinh tế, cần tập trung vào các lĩnh vực trọng điểm sau:

Thứ nhất, hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, tạo hành lang pháp lý và đạo lý dân chủ, bình đẳng cho các chủ thể kinh tế tự do sản xuất, kinh doanh, dịch vụ ở tất cả các lĩnh vực mà Nhà nước không cấm. Loại bỏ tất cả các rào cản về thủ tục hành chính gây phiền hà, những nhiễu loạn hoạt động của doanh nghiệp. Trong khi xây dựng các chương trình, các dự án phát triển kinh tế, cần phải quán triệt quan điểm của Đảng là tăng trưởng kinh tế phải đảm bảo phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ môi trường sinh thái trong mỗi bước đi và trong từng giai đoạn của quá trình phát triển. Phải chú ý cả hiệu quả kinh tế, cũng như hiệu quả văn hóa và xã hội trong quá trình phát triển, phải đặt con người vào vị trí trung tâm của chiến lược phát triển, không chạy theo lợi ích kinh tế bằng mọi giá, không hy sinh văn hóa và môi trường vì lợi ích kinh tế.

Thứ hai, cần tập trung vào xây dựng văn hóa doanh nghiệp, văn hóa doanh nhân. Để tạo ra môi trường văn hóa lành mạnh trong phát triển kinh tế, vấn đề xây dựng văn hóa doanh nghiệp, văn hóa doanh nhân, xây dựng văn hóa kinh doanh... có vai trò hết sức quan trọng để đảm bảo tăng trưởng nhanh và bền vững của nền kinh tế. Văn hóa doanh nghiệp là tập hợp các giá trị, các giá trị và niềm tin căn bản được tích lũy trong quá trình doanh nghiệp tương tác với môi

trường bên ngoài và hòa nhập với môi trường bên trong, được cộng đồng doanh nghiệp chia sẻ và thực hành để tạo nên sự phát triển bền vững của doanh nghiệp. Phong trào xây dựng văn hóa doanh nghiệp thu hút được đại đa số doanh nghiệp tham gia sẽ tạo nên sự phát triển ổn định và vững chắc của nền kinh tế. Việc xây dựng văn hóa doanh nghiệp tạo tiền đề để phát triển thương hiệu Việt Nam trên thị trường, nâng cao uy tín của sản phẩm hàng hóa Việt Nam trong cạnh tranh và hội nhập quốc tế.

Thứ ba, cần tập trung vào xây dựng đội ngũ doanh nhân, nhất là khuyến khích các phong trào khởi nghiệp, đổi mới, sáng tạo, tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế, nhất là kinh tế tư nhân phát triển. Theo ông Vũ Viết Ngoạn, Tổng trưởng Tổ tư vấn kinh tế của Thủ tướng Chính phủ: “Tăng trưởng đầu tư của khu vực kinh tế ngoài nhà nước giai đoạn 2011 - 2015 chỉ đạt bình quân 6,3%/năm. Từ năm 2015, tăng trưởng đầu tư ở khu vực này đã tăng liên tục. Năm 2018, ước tính đạt 18%, cao hơn nhiều so với khu vực kinh tế nhà nước và khu vực FDI, nâng tỷ trọng vốn của khu vực này lên khoảng 43% tổng vốn đầu tư xã hội, vượt khá xa tỷ trọng khu vực kinh tế nhà nước, hiện chỉ khoảng 33%. Duy trì được nhịp độ tăng trưởng này, trong vòng 5 năm tới, tỷ trọng khu vực kinh tế tư nhân sẽ chiếm trên 50% tổng số vốn đầu tư xã hội. Xu hướng phát triển, vị trí và vai trò động lực của khu vực kinh tế tư nhân vì thế đã được khẳng định trong nền kinh tế”¹.

1. Thanh Hải: “Niềm tin của thị trường là động lực phát triển kinh tế”, *Thời báo kinh tế Việt Nam*, số 26 - 36, ngày 30/1 - 11/2/2019, tr.35.

Thứ tư, cần đề cao các giá trị và chuẩn mực văn hóa Việt Nam, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, khai thác các lợi thế về truyền thống lịch sử, văn hóa, sản phẩm văn hóa địa phương để phát triển kinh tế - xã hội. Sự đa dạng văn hóa cần phải được kết tinh trong các sản phẩm hàng hóa mang tính độc đáo, đặc sắc, tạo nên sự khác biệt, là lợi thế cạnh tranh trong phát triển kinh tế. Điều này được thể hiện ở phong trào mỗi làng xã có một sản phẩm độc đáo trên thị trường, phát triển các ngành thủ công, mỹ nghệ, khai thác các di sản văn hóa vật thể, phi vật thể của mỗi dân tộc, mỗi địa phương để phát triển du lịch, trước hết là di sản văn hóa được UNESCO vinh danh là di sản văn hóa của nhân loại, các di sản văn hóa cấp quốc gia, cấp tỉnh, thành phố. Việc xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh tại các lễ hội truyền thống, các khu vui chơi giải trí, các khu du lịch cần phải được quan tâm quản lý thường xuyên của các cấp, các ngành, khắc phục các tiêu cực xã hội và tệ nạn xã hội, đặc biệt là tình trạng mê tín dị đoan, phát triển mạnh mẽ các dịch vụ tâm linh xuất hiện gần đây.

3. Nâng cao vai trò của văn học, nghệ thuật, thông tin đại chúng trong xây dựng văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế

a) Đối với văn học, nghệ thuật

Văn học, nghệ thuật là lĩnh vực rất quan trọng, đặc biệt tinh tế của văn hóa, là nhu cầu thiết yếu, thể hiện khát vọng chân - thiện - mỹ của con người; là một trong những động lực to lớn trực tiếp góp phần xây dựng nền tảng tinh thần của xã hội và phát triển toàn diện con người. Vai trò của văn học,

nghệ thuật trong xây dựng văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế được thể hiện ở các phương diện sau:

- Văn học, nghệ thuật tham gia tích cực vào việc khẳng định nền tảng tư tưởng lý luận của Đảng, khẳng định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của đất nước, khẳng định lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội dựa trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.

- Văn học, nghệ thuật tham gia vào cổ vũ, động viên nhân dân tham gia tích cực vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong thời kỳ phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế. Phát hiện và biểu dương những nhân tố mới, những mô hình thành công trong phát triển kinh tế - xã hội, truyền cảm hứng sáng tạo cho Nhân dân, góp phần củng cố niềm tin của Nhân dân vào sự nghiệp đổi mới dưới sự lãnh đạo của Đảng. Đây là xu hướng chủ đạo của nền văn học, nghệ thuật cách mạng, cần được khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi để phát triển.

- Văn học, nghệ thuật tham gia vào bồi dưỡng tư tưởng, đạo đức, lối sống lành mạnh trong xã hội, đáp ứng nhu cầu tinh thần của nhân dân, góp phần xây dựng và phát triển nhân cách con người Việt Nam, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa của dân tộc, tiếp thu các giá trị tích cực của thế giới, đấu tranh, ngăn chặn và làm thất bại mọi âm mưu phá hoại của các thế lực thù địch trên lĩnh vực tư tưởng, văn hóa. Đấu tranh chống sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ.

Để nâng cao vai trò của văn học, nghệ thuật trong xây dựng văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế, cần thực hiện một số nội dung sau:

Thứ nhất, tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa X về “Tiếp tục xây dựng và phát triển văn học, nghệ thuật trong thời kỳ mới” và Nghị quyết Trung ương 9 khóa XI về “Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước” (2014). Quán triệt quan điểm của Đảng: “Phát triển sự nghiệp văn học, nghệ thuật, tạo mọi điều kiện cho sự tìm tòi, sáng tạo của đội ngũ văn nghệ sĩ, để có nhiều tác phẩm có giá trị tư tưởng và nghệ thuật, thấm nhuần tinh thần nhân văn, dân tộc, dân chủ, tiến bộ, phản ánh chân thật, sinh động, sâu sắc đời sống, lịch sử dân tộc và công cuộc đổi mới đất nước. Đẩy mạnh sáng tác, quảng bá tác phẩm, công trình về đề tài cách mạng, kháng chiến, lịch sử dân tộc, công cuộc đổi mới đất nước. Từng bước xây dựng hệ thống lý luận văn học, nghệ thuật Việt Nam”¹.

Thứ hai, đẩy mạnh công tác bồi dưỡng lý luận chính trị đối với đội ngũ văn nghệ sĩ, nâng cao trách nhiệm chính trị của đội ngũ này trong xây dựng và phát triển sự nghiệp văn học, nghệ thuật.

Trong thời kỳ phát triển kinh tế thị trường, các hoạt động văn học, nghệ thuật đã bị chi phối bởi quy luật của kinh tế thị trường, sản phẩm văn học, nghệ thuật được trao đổi trên thị trường để gia tăng thu nhập cho người sáng tạo, sản xuất và truyền bá, cung ứng các sản phẩm này. Xu hướng chạy theo lợi ích kinh tế gia tăng, làm ảnh hưởng tới chức năng bồi dưỡng tư tưởng, tình cảm, giáo dục lý tưởng chính trị - xã hội

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương khóa XI*, Sdd, tr.55.

cho xã hội. Những yếu kém trên lĩnh vực văn học, nghệ thuật đã được Nghị quyết số 23-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa X “Về tiếp tục xây dựng và phát triển văn học, nghệ thuật trong thời kỳ mới” chỉ rõ: “Trong sáng tác, biểu diễn, truyền bá các tác phẩm văn học nghệ thuật còn không ít tác phẩm và hoạt động chưa thể hiện được tính chất tiên tiến và bản sắc dân tộc. Số lượng tác phẩm ngày càng nhiều song còn ít tác phẩm có giá trị cao về tư tưởng và nghệ thuật. Trong một số tác phẩm, lý tưởng xã hội - thẩm mỹ không rõ nét, ý nghĩa xã hội còn hạn hẹp. Một số văn nghệ sĩ còn hạn chế trong tiếp cận và nhận thức những vấn đề mới của cuộc sống, chưa cảm nhận được đầy đủ ý nghĩa, chiều sâu và tính phức tạp của quá trình chuyển biến mang tính lịch sử trong thời kỳ mới của đất nước. Có biểu hiện xa lánh những vấn đề lớn lao của đất nước, chạy theo các đề tài nhỏ nhặt, tầm thường, chiều theo thị hiếu thấp kém của một bộ phận công chúng, hạ thấp chức năng giáo dục, nhấn mạnh một chiều chức năng giải trí. Trong một số trường hợp, có biểu hiện cực đoan, chỉ tập trung tô đậm mặt đen tối, tiêu cực của cuộc sống hiện tại, thậm chí xuyên tạc, bóp méo lịch sử hoặc bị các thế lực thù địch lôi kéo, đã sáng tác và truyền bá các tác phẩm độc hại, đi ngược lại với lợi ích của nhân dân và đất nước... Tình trạng nghiệp dư hóa hoạt động văn học, nghệ thuật chuyên nghiệp có chiều hướng tăng lên”¹. Rất tiếc là sau hơn 10 năm thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa X, những hạn chế và yếu kém trên vẫn tồn tại, có những mặt

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sdd*, t.67, tr.648.

còn diễn biến phức tạp hơn, nhất là tình trạng “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong một số văn nghệ sĩ, kể cả văn nghệ sĩ trước đây đã từng gắn bó với sự nghiệp văn học, nghệ thuật cách mạng. Như vậy, việc tăng cường công tác giáo dục, bồi dưỡng lý luận chính trị đối với đội ngũ văn nghệ sĩ là một nhiệm vụ rất cơ bản để phát huy vai trò của văn học, nghệ thuật trong việc sáng tạo, phản ánh chân thật quá trình đổi mới của đất nước, tham gia cổ vũ tích cực cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc dưới sự lãnh đạo của Đảng. Công tác giáo dục, bồi dưỡng lý luận chính trị cần được tiến hành nghiêm túc, có hiệu quả ngay trong các trường đào tạo về văn hóa, nghệ thuật và phải được tiến hành thường xuyên trong liên hiệp các hội văn học nghệ thuật, đặc biệt là đối với đội ngũ văn nghệ sĩ trẻ. Đồng thời, phải đổi mới nội dung và phương pháp giáo dục lý luận chính trị, đa dạng hóa các hình thức giáo dục để phù hợp với từng đối tượng cụ thể.

Thứ ba, nhà nước cần đầu tư và khuyến khích xã hội hóa trong việc đặt hàng cho các chương trình sáng tạo hướng tới phục vụ các sự kiện chính trị và kinh tế trọng đại của đất nước. Các đề tài về lịch sử, cách mạng và sự nghiệp đổi mới có tầm cỡ, phản ánh sức sống và bản lĩnh của con người và văn hóa Việt Nam.

Cần phải khẳng định vai trò của văn học, nghệ thuật trong xây dựng văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế chính là truyền cảm hứng và niềm tin cho công chúng về tinh thần yêu nước, tự cường dân tộc thông qua các tác phẩm nghệ thuật có tầm vóc phản ánh về truyền thống lịch sử và truyền thống cách mạng vĩ đại của dân tộc trong sự nghiệp đổi mới hiện nay. Đây là dòng chủ đạo của nền văn

học, nghệ thuật tham gia tích cực vào xây dựng niềm tin, xây dựng tư tưởng, tình cảm, khơi dậy khát vọng lớn lao của dân tộc trong sự nghiệp đổi mới vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Văn học, nghệ thuật không phải là sự minh họa đơn giản, một chiều cho những quyết định chính trị và kinh tế, nhưng không thể không phản ánh âm hưởng chính trị và kinh tế chung của dân tộc trong các giai đoạn lịch sử nhất định. Nền văn học, nghệ thuật tiến bộ và nhân văn bao giờ cũng là người bạn đồng hành với các cuộc cách mạng xã hội. Như vậy, cùng với sự tôn trọng các xu hướng phát triển khác nhau, Nhà nước cần đầu tư và khuyến khích xã hội hóa, đầu tư phát triển dòng chủ đạo của văn học, nghệ thuật phục vụ các nhiệm vụ chính trị và kinh tế trọng đại của đất nước, khuyến khích nhiều tác phẩm có giá trị tư tưởng và thẩm mỹ cao để bồi dưỡng đời sống tinh thần, tình cảm, xây dựng nhân cách, bản lĩnh con người Việt Nam trong đổi mới và hội nhập. Các hoạt động văn học, nghệ thuật cần phải quảng bá, giới thiệu các tiềm năng về phát triển kinh tế, thu hút đầu tư, quảng bá các sản phẩm văn hóa đặc sắc của Việt Nam ra nước ngoài, quảng bá du lịch Việt Nam ra thế giới... Sự gắn kết giữa văn học, nghệ thuật với các hoạt động kinh tế vừa góp phần làm gia tăng giá trị của sản phẩm nghệ thuật, vừa góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế của đất nước.

b) Đối với thông tin đại chúng

Thông tin đại chúng có vai trò rất quan trọng đối với việc xây dựng văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế. Nó góp phần định hướng, đánh giá và điều chỉnh các hoạt

động chính trị và kinh tế nhằm phục vụ cho sự nghiệp phát triển của đất nước dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Văn kiện Đại hội XII đã xác định: “Các cơ quan truyền thông phải thực hiện đúng tôn chỉ, mục đích, đối tượng phục vụ, nâng cao tính tư tưởng, nhân văn và khoa học, đề cao trách nhiệm xã hội, nghĩa vụ công dân, góp phần xây dựng văn hóa và con người Việt Nam”¹. Như vậy, để phát huy vai trò của các phương tiện thông tin đại chúng trong xây dựng văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế, điều đầu tiên đặt ra là các cơ quan truyền thông phải thực hiện đúng tôn chỉ, mục đích và đối tượng phục vụ, nâng cao tính tư tưởng, nhân văn và khoa học của các cơ quan truyền thông này.

Điều kiện thuận lợi để phát huy vai trò của các phương tiện truyền thông đại chúng như báo chí, các cơ quan xuất bản, các đài phát thanh và truyền hình... trong việc xây dựng văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế ở nước ta hiện nay là các cơ quan này đều chịu sự lãnh đạo của tổ chức đảng và quản lý của Nhà nước thông qua đơn vị chủ quản và không có báo chí tư nhân. Vì vậy, sự định hướng tư tưởng để xây dựng văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế là thống nhất, xuyên suốt, tạo nên sự thuận chiều trong công tác tuyên truyền, quảng bá các vấn đề, các sự kiện về chính trị hay kinh tế. Tuy nhiên, do cạnh tranh thông tin, chạy theo quảng cáo hay bị mua chuộc, lợi dụng, một số cơ quan báo chí đã không hoạt động theo đúng tôn chỉ, mục đích, đối tượng phục vụ mà phản ánh sai lệch sự thật, gây thiệt hại về uy tín chính trị và thiệt hại về kinh tế cho các tổ

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Sdd, tr.129.

chức, cá nhân. Vì vậy, để phát huy vai trò của các phương tiện truyền thông, đẩy mạnh xây dựng văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế, cần phải chú ý giải quyết một số nhiệm vụ sau:

Thứ nhất, thường xuyên nâng cao nhận thức cho đội ngũ lãnh đạo, quản lý và phóng viên các cơ quan báo chí về vấn đề xây dựng văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế. Chú trọng bồi dưỡng kiến thức về lý luận chính trị, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước nói chung, về xây dựng và phát triển hệ thống chính trị, phát triển kinh tế - xã hội nói riêng, để họ nắm vững, chia sẻ và truyền đạt đúng đắn đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước trên các phương tiện truyền thông đại chúng, đấu tranh chống lại các quan điểm sai trái, thù địch.

Thứ hai, tạo điều kiện và cơ hội thuận lợi để đội ngũ phóng viên của các cơ quan truyền thông đại chúng tiếp cận với thực tiễn đổi mới sôi động của đất nước, phản ánh được quá trình đổi mới, sáng tạo, hiệu quả của đất nước qua các sự kiện và tấm gương tiêu biểu. Giới thiệu và nhân rộng các điển hình tiên tiến trong chính trị và kinh tế, phê phán những hiện tượng tiêu cực xã hội, tham gia tích cực vào cuộc đấu tranh chống tham nhũng, quan liêu, tham gia tích cực vào công tác xây dựng Đảng, củng cố hệ thống chính trị và phát triển kinh tế - xã hội.

Thứ ba, tích cực và chủ động phát triển các loại hình truyền thông mới như báo chí điện tử, mạng internet. Quản lý tốt mạng xã hội, đặc biệt là chủ động đấu tranh, phê phán các quan điểm, các thông tin sai lạc, phản động trên mạng xã hội, bảo vệ nền tảng tư tưởng lý luận, đường lối, chủ trương phát triển kinh tế - xã hội của Đảng và Nhà nước, phá tan

âm mưu “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch trong nước và quốc tế.

Thứ tư, chấn chỉnh kịp thời các hoạt động quảng cáo trên báo chí và truyền thông đại chúng, nhằm đảm bảo tính trung thực, khách quan, bảo vệ người tiêu dùng, khắc phục xu hướng lạm dụng quảng cáo, coi nhẹ chức năng tư tưởng của báo chí.

c) Đẩy mạnh phát triển công nghiệp văn hóa, hoàn thiện thị trường văn hóa, tăng cường quảng bá và xuất khẩu các sản phẩm văn hóa Việt Nam ra thế giới

- Đối với phát triển công nghiệp văn hóa:

Công nghiệp văn hóa bao gồm các lĩnh vực khác nhau như: quảng cáo; kiến trúc; phần mềm và các trò chơi giải trí; thủ công mỹ nghệ; thiết kế; điện ảnh; xuất bản; thời trang; nghệ thuật biểu diễn; mỹ thuật; nhiếp ảnh và triển lãm; truyền hình và phát thanh; du lịch văn hóa... Cùng với sự tiến bộ của khoa học công nghệ, các ngành công nghiệp văn hóa hay công nghiệp sáng tạo sẽ tham gia tích cực vào thị trường, cung cấp nhiều sản phẩm văn hóa đáp ứng nhu cầu văn hóa tinh thần của xã hội, đồng thời đem lại lợi ích kinh tế cho các chủ thể sáng tạo, sản xuất, kinh doanh. Phát triển công nghiệp không chỉ có ý nghĩa về văn hóa, về kinh tế mà còn có ý nghĩa chính trị sâu sắc. Các loại hình công nghiệp văn hóa sẽ tham gia tích cực vào tuyên truyền chính trị, củng cố các quan hệ chính trị, động viên nhân dân thực hiện tốt đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước thông qua việc tiếp nhận các sản phẩm văn hóa và hoạt động văn hóa do công nghiệp văn hóa đưa lại. Nghị quyết Trung ương 9 (khóa XI) đã xác định: “Xây dựng thị trường văn hóa lành mạnh, đẩy mạnh

phát triển công nghiệp văn hóa, tăng cường quảng bá văn hóa Việt Nam”¹ ra nước ngoài là một trong những mục tiêu quan trọng để phát triển văn hóa và con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước. Định hướng phát triển công nghiệp văn hóa là nhằm khai thác và phát huy những tiềm năng, những giá trị đặc sắc của văn hóa Việt Nam; đẩy mạnh sáng tạo những sản phẩm văn hóa có chất lượng cao về tư tưởng và thẩm mỹ được dựa trên phát triển năng lực sáng tạo và sử dụng thành tựu khoa học, công nghệ hiện đại, đẩy mạnh xuất khẩu sản phẩm văn hóa, gia tăng hiệu quả kinh tế và hiệu quả văn hóa - xã hội của ngành công nghiệp văn hóa, tăng cường quảng bá các thành tựu văn hóa và con người Việt Nam ở nước ngoài.

Trong *Chiến lược phát triển các ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030* được Chính phủ ban hành năm 2016 đã xác định mục tiêu doanh thu của các ngành công nghiệp văn hóa đóng góp khoảng 3% GDP vào năm 2020. Đến năm 2030, phần đầu doanh thu của các ngành công nghiệp văn hóa đóng góp 7% GDP. Để thực hiện các mục tiêu này, Chính phủ cũng đã đưa ra hai nhóm nhiệm vụ và giải pháp để phát triển các ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam, bao gồm:

Một là, khuyến khích các doanh nghiệp trong nước và ngoài nước tăng cường đầu tư vào các hoạt động sáng tạo văn hóa, sản xuất các sản phẩm và dịch vụ văn hóa.

Hai là, phát triển mạng lưới các doanh nghiệp, hình thành một số tập đoàn lớn về công nghiệp văn hóa ở các lĩnh

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương khóa XI*, Sđd, tr.48.

vực truyền thông, điện ảnh, phát thanh và truyền hình, phần mềm và các trò chơi trực tuyến.

Về phát triển thị trường, Chính phủ cũng đã chủ trương huy động các nguồn lực trong xã hội để hình thành phát triển 3 trung tâm công nghiệp văn hóa tại Hà Nội, Đà Nẵng và Thành phố Hồ Chí Minh và một số trung tâm gắn với các di sản văn hóa, thiên nhiên thế giới.

Tuy nhiên, từ thực tế phát triển công nghiệp văn hóa Việt Nam trong thời gian vừa qua, đề xuất một số giải pháp tiếp tục đẩy mạnh phát triển các ngành công nghiệp văn hóa ở Việt Nam như sau:

Thứ nhất, cần đẩy mạnh đổi mới thể chế, xây dựng và hoàn thiện luật pháp và chính sách để phát triển các ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế. Trước hết, cần rà soát và loại bỏ các rào cản, các thủ tục hành chính liên quan đến phát triển công nghiệp văn hóa, tạo môi trường pháp lý bình đẳng, tự do cho các chủ thể khác nhau tham gia sáng tạo, sản xuất, kinh doanh trên lĩnh vực công nghiệp văn hóa. Có chính sách ưu đãi đối với những lĩnh vực liên quan đến bảo tồn, phát huy các ngành nghề thủ công mỹ nghệ độc đáo của các địa phương và các dân tộc thiểu số.

Thứ hai, đẩy mạnh công tác đào tạo nguồn nhân lực, kể cả nguồn nhân lực trong lãnh đạo, quản lý và chuyên môn để phát triển các ngành công nghiệp văn hóa, đặc biệt là nâng cao kiến thức về kỹ thuật, công nghệ, pháp luật, kinh tế, năng lực sáng tạo, thẩm mỹ, nghệ thuật, đạo đức nghề nghiệp, nâng đỡ tài năng và khuyến khích phong trào khởi nghiệp trong lĩnh vực này.

Thứ ba, tăng cường giao lưu, hợp tác quốc tế trong phát triển các ngành công nghiệp văn hóa nhằm tranh thủ kinh nghiệm và trang thiết bị kỹ thuật hiện đại của thế giới, đẩy mạnh quảng bá sản phẩm văn hóa Việt Nam ra thế giới, đặc biệt phát triển các lĩnh vực mũi nhọn mà Việt Nam có lợi thế là du lịch di sản văn hóa, nghệ thuật, biểu diễn, điện ảnh, phần mềm về các trò chơi giải trí...

Trước mắt, cần tiến hành tổng kết việc thực hiện Chiến lược phát triển công nghiệp văn hóa đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 được ban hành năm 2016 để xác định chiến lược 10 năm tới (2021 - 2030) gắn với Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030 đang được chuẩn bị để trình Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII sắp tới.

- *Đối với việc xây dựng và hoàn thiện thị trường văn hóa*, tăng cường quảng bá và xuất khẩu các sản phẩm văn hóa Việt Nam ra nước ngoài cần tập trung vào giải quyết một số vấn đề sau:

Thứ nhất, cần nhận thức rõ tính chất đặc thù của thị trường sản phẩm văn hóa. Thị trường sản phẩm văn hóa có điểm tương đồng với các thị trường sản phẩm hàng hóa khác ở chỗ nó đều tuân theo quy luật cung - cầu, quy luật giá trị và quy luật cạnh tranh trong nền kinh tế thị trường. Các chủ thể sáng tạo, sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đều phải lấy thị trường, lấy công chúng tiêu dùng làm đối tượng phục vụ để tìm kiếm lợi ích về kinh tế. Tuy nhiên, sự khác biệt căn bản giữa thị trường hàng hóa vật chất với thị trường văn hóa tinh thần là ở chỗ thị trường văn hóa hướng tới đáp ứng nhu cầu tinh thần theo hướng đề cao giá trị chân - thiện - mỹ của con người, góp phần bồi dưỡng tư tưởng, tình cảm, đạo đức, lối

sống cho con người. Chức năng của thị trường sản phẩm văn hóa vừa bao gồm chức năng kinh tế, vừa bao gồm chức năng văn hóa, thỏa mãn và nâng cao đời sống tình cảm, tư tưởng của con người. Vì vậy, phát triển thị trường văn hóa chính là phát triển môi trường cung ứng sản phẩm bồi đắp tư tưởng, tình cảm, tri thức lành mạnh trong xã hội, góp phần tạo lập môi trường văn hóa tinh thần lành mạnh, nâng cao đời sống tinh thần của con người.

Thứ hai, thị trường văn hóa là loại thị trường hết sức phong phú, đa dạng và phức tạp, bao gồm nhiều loại khác nhau như thị trường tranh, thị trường điện ảnh, thị trường biểu diễn nghệ thuật, thị trường quảng cáo, thị trường du lịch, thị trường sách, báo, tạp chí, thị trường truyền thông... Vấn đề cốt lõi của việc tạo lập thị trường văn hóa lành mạnh là vấn đề sở hữu trí tuệ và quản lý sở hữu trí tuệ. Vì vậy, việc nâng cao ý thức thực thi các quy định luật pháp, quyền tác giả và các quyền liên quan, củng cố và tăng cường hiệu quả của các cơ quan quản lý và cơ quan thực thi quyền tác giả từ trung ương đến cơ sở là vấn đề vừa cơ bản, vừa cấp bách để tạo lập thị trường văn hóa ở Việt Nam phát triển bền vững trong hội nhập quốc tế.

d) Đẩy mạnh sự gắn kết chặt chẽ giữa xây dựng văn hóa trong chính trị với xây dựng văn hóa trong kinh tế

Đẩy mạnh sự gắn kết chặt chẽ giữa xây dựng văn hóa trong chính trị với xây dựng văn hóa trong kinh tế là điều kiện cơ bản và quan trọng bậc nhất để đảm bảo sự phát triển bền vững đất nước. Thực tiễn đã cho thấy, sự suy thoái trong chính trị sẽ dẫn đến suy thoái trong kinh tế và ngược

lại, sự suy thoái kinh tế sẽ kéo theo sự suy thoái trong chính trị. Sự cấu kết hoặc “liên minh ma quỷ” giữa các nhóm lợi ích của một số cơ quan công quyền với các doanh nghiệp sẽ tàn phá cả nền kinh tế và đe dọa đến sự tồn vong của chế độ chính trị.

Bài học kinh nghiệm của 30 năm đổi mới mà Đại hội XII rút ra là: “phải đặt lợi ích quốc gia - dân tộc lên trên hết”¹ cần được xác định là giá trị cốt lõi của xây dựng văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế. Trong những năm 2017 - 2018, với việc đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII và các nghị quyết về tổ chức, sắp xếp lại bộ máy trong hệ thống chính trị, đẩy mạnh phong trào học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, xây dựng văn hóa công sở, đẩy mạnh cải cách hành chính, chấn chỉnh lại việc xây dựng đạo đức công chức, công vụ, thực hiện xây dựng Chính phủ “liêm chính, kiến tạo, vì dân, hiệu lực, hiệu quả”, tiến hành xem xét và xét xử hàng loạt các vụ án trọng điểm, không có vùng cấm, không có ngoại lệ, thực hiện từ trên xuống, từ trong Đảng ra ngoài xã hội... đã củng cố được niềm tin của Nhân dân và tạo niềm tin cho nền kinh tế tăng trưởng ổn định. Một kết luận được rút ra rõ ràng là cuộc chiến đấu chống tham nhũng diễn ra quyết liệt nhưng không làm giảm nhịp độ tăng trưởng kinh tế mà ngược lại, đã góp phần tạo nên môi trường văn hóa - xã hội thuận lợi cho việc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Như vậy, kinh tế chỉ tăng trưởng bền vững khi văn hóa trong chính trị được đẩy mạnh.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Sdd, tr.69.

Ngược lại, văn hóa trong kinh tế được xây dựng vững mạnh sẽ làm cơ sở cho đổi mới chính trị. Vấn đề công khai, minh bạch, dân chủ trong các hoạt động kinh tế, góp phần vào làm trong sạch bộ máy và cán bộ quản lý kinh tế, bảo đảm cho bộ máy công quyền hoạt động liêm chính, kiến tạo vì sự phát triển bền vững của đất nước.

Để đẩy mạnh gắn kết chặt chẽ giữa xây dựng văn hóa trong chính trị và xây dựng văn hóa trong kinh tế ở Việt Nam hiện nay, cần triển khai thực hiện một số nhiệm vụ cụ thể sau:

Thứ nhất, ở cấp vĩ mô, cần tiếp tục đẩy mạnh đổi mới chính trị và đổi mới kinh tế dựa trên nền tảng lấy lợi ích quốc gia, dân tộc làm cốt lõi, quán triệt sâu sắc và toàn diện quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về mối quan hệ giữa văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế. Đổi mới kinh tế vững chắc làm cơ sở để đổi mới chính trị. Đổi mới chính trị phải tiến hành đồng bộ và toàn diện với đổi mới kinh tế và phù hợp với từng bước đi, từng giai đoạn của phát triển. Tập trung xây dựng Đảng, nâng cao năng lực và sức chiến đấu của Đảng trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, trong đó đặc biệt nâng cao năng lực lãnh đạo kinh tế của Đảng ở các cấp, trước hết là ở cấp Trung ương. Đồng thời, phát huy vai trò của Quốc hội trong việc định hướng, đề xuất và giám sát các chương trình kinh tế trọng điểm của quốc gia. Nâng cao vai trò, trách nhiệm và tính công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình của Chính phủ trong việc quản lý kinh tế, đảm bảo ổn định kinh tế vĩ mô, tạo lập môi trường pháp lý và đạo lý xã hội lành mạnh để đảm bảo cho các chủ thể tự do cạnh tranh bình

đảng để phát triển kinh tế - xã hội. Nâng cao vai trò phản biện và giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các phương tiện truyền thông đại chúng, thường xuyên tổng kết thực tiễn, phát triển lý luận để củng cố và hoàn thiện thể chế gắn kết giữa xây dựng văn hóa trong chính trị và xây dựng văn hóa trong kinh tế.

Thứ hai, ở cấp vi mô, việc đảm bảo gắn kết giữa xây dựng văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế phải được xây dựng trên nguyên tắc tôn trọng quy luật vận động khách quan của sự phát triển kinh tế, sự gắn kết phải căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ cụ thể của cơ quan, đơn vị, địa phương để tạo ra sự đồng thuận giữa xây dựng văn hóa trong chính trị và xây dựng văn hóa trong kinh tế. Cần tập trung xây dựng tổ chức đảng trong các doanh nghiệp vững mạnh, đảm bảo sự đoàn kết, giữ gìn kỷ cương, kỷ luật, nguyên tắc tập trung dân chủ và thực hiện tự phê bình, phê bình nghiêm túc, thực chất, đảm bảo sự lãnh đạo của tổ chức đảng với sự phát triển của doanh nghiệp. Căn cứ vào đặc thù của từng loại hình doanh nghiệp, doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp FDI, doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp hỗn hợp... để xây dựng mô hình tổ chức đảng cơ sở cho phù hợp với tình hình thực tiễn. Đấu tranh, sàng lọc, loại bỏ những người không đủ phẩm chất và năng lực ra khỏi tổ chức cơ sở đảng. Phát huy vai trò của công đoàn trong việc bảo vệ lợi ích hợp pháp của người lao động, đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, duy trì môi trường xã hội lành mạnh cho đầu tư quốc tế. Đấu tranh chống sự lợi dụng của các thế lực thù địch kích động, lôi kéo công nhân và người lao động tham gia vào gây rối trật tự xã

hội ở các khu công nghiệp, làm tổn hại đến sự phát triển bền vững của đất nước.

V- CÁC GIẢI PHÁP CƠ BẢN ĐỂ ĐẨY MẠNH XÂY DỰNG VĂN HÓA TRONG CHÍNH TRỊ VÀ VĂN HÓA TRONG KINH TẾ Ở VIỆT NAM THỜI GIAN TỚI

1. Các giải pháp chung

a) Nâng cao nhận thức về vai trò của việc xây dựng văn hóa trong chính trị và xây dựng văn hóa trong kinh tế trong xã hội hiện nay

Vấn đề xây dựng văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế là vấn đề mới được đề cập trong Văn kiện Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương khóa XI (2014) và được tiếp tục khẳng định trong Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII (2016) của Đảng. Việc nhận thức về việc xây dựng văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế vẫn còn dừng lại ở cấp độ chung chung, trừu tượng, chưa được lý giải sâu sắc và toàn diện ở cả cấp độ lý luận cũng như tổ chức thực hiện. Vì đó là, việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ này còn khó khăn, chưa làm rõ được vai trò, địa chỉ trách nhiệm của việc xây dựng văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế, từ đó khó có cơ chế kiểm tra, đánh giá thực hiện nhiệm vụ này. Vì vậy, giải pháp đầu tiên ở đây là phải nâng cao nhận thức lý luận về xây dựng văn hóa trong chính trị và xây dựng văn hóa trong kinh tế, các nội dung cơ bản để xây dựng văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế, từ đó xác định vai trò và chủ thể trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ quan trọng này trong thực tiễn.

Xây dựng văn hóa trong chính trị và xây dựng văn hóa trong kinh tế là một chủ trương đúng đắn và khoa học mà Đảng ta nêu ra, có vai trò đặc biệt quan trọng đối với việc phát triển bền vững đất nước. Xây dựng văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế có nghĩa là làm cho các giá trị văn hóa thấm sâu và lan tỏa vào trong các hoạt động chính trị và kinh tế, tạo nên chất lượng mới của chính trị và kinh tế, đáp ứng yêu cầu xây dựng và phát triển chính trị và kinh tế trên nền tảng các giá trị văn hóa của dân tộc và tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, đấu tranh loại bỏ các yếu tố phản văn hóa trong lĩnh vực chính trị và kinh tế, những bộ phận cốt lõi để phát triển bền vững đất nước trong quá trình đổi mới và hội nhập quốc tế.

Mặt khác, xây dựng văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế không phải là một tuyên bố mang tính chính trị mà thực chất đây còn là một công cụ quản lý dựa trên tinh thần tự giác và quy ước của xã hội, trước hết là trong tổ chức đảng, cơ quan nhà nước và các đoàn thể chính trị - xã hội, các cơ sở kinh tế để nâng tầm văn hóa của dân tộc trong xây dựng và phát triển đất nước. Đồng thời, đây cũng là một nhiệm vụ quan trọng để xây dựng và phát triển nền văn hóa và con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước.

Việc nâng cao nhận thức về xây dựng văn hóa trong chính trị và trong kinh tế phải được tiến hành đồng bộ và toàn diện, từ trung ương đến cơ sở, trước hết trong các cấp ủy đảng, các cơ quan nhà nước, các đoàn thể chính trị - xã hội và trong các tổ chức, đơn vị kinh tế.

b) Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với việc xây dựng văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế

Phương thức lãnh đạo của Đảng đối với việc xây dựng văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế không chỉ dừng lại ở việc đề ra chủ trương, phương hướng mà còn là năng lực biến chủ trương đó thành hiện thực thông qua hoạt động thực tiễn của Đảng. Xây dựng văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế không phải là công việc riêng liên quan đến ngành văn hóa, đến Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch mà là công việc của toàn Đảng, của hệ thống chính trị. Đại hội XII của Đảng đã xác định: “Chú trọng chăm lo xây dựng văn hóa trong Đảng, trong các cơ quan nhà nước và các đoàn thể; coi đây là nhân tố quan trọng để xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh”¹. Bước đột phá mạnh mẽ trong việc xây dựng văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế là Đảng ta đã ban hành nhiều nghị quyết quan trọng trong nhiệm kỳ Đại hội XII như: Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 “Về tăng cường chỉnh đốn Đảng, ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ”; Nghị quyết Trung ương 5 “Về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa”; Nghị quyết Trung ương 6 “Về một số vấn đề tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức lại bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”,...

Việc triển khai thực hiện nghiêm túc và đồng bộ các nghị quyết trên sẽ góp phần nâng cao trình độ khoa học tổ chức bộ

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Sdd, tr.128.

máy của hệ thống chính trị, đảm bảo hoàn thiện và tổ chức thực hiện mô hình tổ chức tổng thể của hệ thống chính trị phù hợp với yêu cầu xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và chủ động, tích cực hội nhập quốc tế. Đồng thời các nghị quyết này góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh chống suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ, nâng cao chất lượng xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ cấp chiến lược, nêu cao trách nhiệm nêu gương của cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, trước hết là Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Phương thức lãnh đạo của Đảng đối với việc xây dựng văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế không chỉ được thể hiện trong các nghị quyết của Đảng mà còn được thể hiện thông qua quá trình triển khai thực hiện nghị quyết của các tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên cùng sự nêu gương của tổ chức và cá nhân cán bộ, đảng viên. Đảng ta đã xác định rằng gương mẫu là một nội dung, một phương thức trọng yếu trong công việc lãnh đạo của Đảng. Vì vậy, để tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với xây dựng văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế, cần thực hiện tốt các giải pháp cụ thể sau:

Thứ nhất, cần tạo sự thống nhất cao trong toàn Đảng và hệ thống chính trị về vai trò, nhiệm vụ của việc xây dựng văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế ở nước ta hiện nay để tạo nên sự chuyển biến rõ rệt trong nhận thức và hành động của các tổ chức đảng, cơ quan nhà nước và các đoàn thể chính trị - xã hội. Khắc phục xu hướng thờ ơ, vô

trách nhiệm, nói nhiều, làm ít; nói nhưng không làm hoặc nói một đằng, làm một nẻo, giảm hiệu lực, hiệu quả trong việc thực hiện các nghị quyết của Đảng.

Thứ hai, cần nâng cao vai trò của Ban Bí thư Trung ương Đảng và các ban đảng trong việc hướng dẫn triển khai chủ trương xây dựng văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế của Đảng thành các quy định cụ thể, khả thi. Xây dựng và ban hành quy chế xây dựng môi trường văn hóa trong tổ chức cơ sở đảng với các tiêu chí rõ ràng, cụ thể, dễ nhớ, dễ thực hiện. Đồng thời, tăng cường công tác kiểm tra, đánh giá của các tổ chức đảng từ Trung ương tới cơ sở đối với việc thực hiện nhiệm vụ này.

Thứ ba, phát huy vai trò của Đảng, Quốc hội và Chính phủ trong việc thể chế hóa chủ trương xây dựng văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế thành luật pháp và các chính sách thích hợp để thực hiện trong hoạt động xây dựng hệ thống chính trị và phát triển kinh tế theo hướng dân tộc, dân chủ, nhân văn, khoa học và hiện đại, giàu bản sắc văn hóa dân tộc.

Thứ tư, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội trong việc tổ chức, vận động, giáo dục và thu hút sự tham gia của các tầng lớp nhân dân đối với nhiệm vụ xây dựng văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế.

Thứ năm, mỗi tổ chức cơ sở đảng phải thường xuyên xây dựng kế hoạch triển khai nhiệm vụ xây dựng văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế, làm cho các giá trị văn hóa thấm sâu vào sinh hoạt chính trị và hoạt động kinh tế ở cơ sở, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của hệ

thống chính trị, đảm bảo cho kinh tế phát triển nhanh và bền vững.

c) Nâng cao trách nhiệm và hiệu quả quản lý của Nhà nước đối với xây dựng văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế

Nhà nước cần thể chế hóa quan điểm của Đảng về xây dựng văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế thành luật pháp và chính sách cụ thể, phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, hội nhập quốc tế và sự phát triển của khoa học công nghệ, đặc biệt là công nghệ thông tin và truyền thông. Đổi mới, sắp xếp, tổ chức lại các cơ quan của Quốc hội, Chính phủ, của chính quyền đô thị và chính quyền nông thôn một cách tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả. củng cố, xây dựng và hoàn thiện bộ máy quản lý nhà nước đảm bảo tính thống nhất của hệ thống hành chính nhà nước, sử dụng có hiệu quả thành tựu khoa học công nghệ vào công tác quản lý, xây dựng chính quyền thông minh, xây dựng bộ máy công quyền liêm khiết, trong sạch, vì dân, trọng dân. Thực hiện nghiêm túc quy chế văn hóa công sở và các quy định về văn hóa công vụ, văn hóa hành chính. Tăng cường giáo dục và xây dựng đạo đức công chức, đạo đức nghề nghiệp trong hệ thống chính trị và trong hệ thống giáo dục, đặc biệt là giáo dục đại học, cao đẳng, dạy nghề. Phát huy vai trò của liên hiệp các hội khoa học kỹ thuật, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, các hiệp hội doanh nghiệp... và các tổ chức xã hội khác nhau trong việc xây dựng văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế.

Khảo sát ý kiến xã hội về các giải pháp cần ưu tiên để đẩy mạnh xây dựng văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế, kết quả cho thấy giải pháp được đông đảo người được hỏi lựa chọn là ưu tiên xây dựng luật pháp nghiêm minh (chiếm 64,4%), thứ hai là nêu cao trách nhiệm quản lý của Nhà nước (58,4%), thứ ba là xây dựng lòng tin xã hội (57,3%), thứ tư là xây dựng đạo đức xã hội (45,3%). Có hai giải pháp cùng nhận được tỷ lệ lựa chọn bằng nhau là xây dựng thể chế kinh tế dân chủ và nêu cao trách nhiệm của doanh nghiệp (39,5%). Như vậy, nâng cao vai trò và trách nhiệm quản lý của Nhà nước là yêu cầu vừa cơ bản, vừa cấp bách để tạo nên môi trường pháp lý và đạo lý minh bạch, dân chủ, công bằng, văn minh để tạo lập niềm tin, củng cố nền tảng văn hóa và đạo đức xã hội cho xây dựng văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế.

d) Tăng cường sự tham gia của doanh nghiệp và người dân trong việc xây dựng văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế

Trong quá trình xây dựng văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế, sự tham gia của doanh nghiệp đóng vai trò đặc biệt quan trọng. Hệ thống các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác nhau là “trụ cột”, là “xương sống” của nền kinh tế và chế độ chính trị - xã hội. Tiến độ tăng trưởng nhanh và bền vững của hệ thống các doanh nghiệp có vai trò quan trọng trong việc ổn định chính trị - xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân, góp phần và khẳng định thế và lực của đất nước trong giao lưu và hội nhập quốc tế. Vì vậy, sự tham gia tích cực của các doanh

ng nghiệp ở các thành phần kinh tế khác nhau có ý nghĩa rất lớn không chỉ đối với việc xây dựng văn hóa trong kinh tế mà còn có vai trò quan trọng trong xây dựng văn hóa trong chính trị, tham gia vào cuộc chiến chống tham nhũng, làm lành mạnh hóa đời sống kinh tế và đời sống chính trị.

Bên cạnh sự tham gia tích cực của doanh nghiệp, Đảng và Nhà nước cần có cơ chế, chính sách khuyến khích sự tham gia của người dân thuộc các giai cấp, các thành phần xã hội khác nhau tham gia vào xây dựng văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế, nâng cao chất lượng và hiệu quả trong việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, quy chế dân chủ trong các doanh nghiệp, các đơn vị, cơ quan, trường học. Phát huy vai trò phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ở các cấp đối với các chương trình phát triển kinh tế - xã hội. Huy động sự tham gia của Liên hiệp các Hội Khoa học kỹ thuật Việt Nam; Liên hiệp các Hội Văn học, nghệ thuật; Hội Nhà báo; Hội Cựu chiến binh; Hội Giáo chức... tham gia vào quá trình hoạch định xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và địa phương, đặc biệt là trong dịp Đảng ta đang tiến tới tổ chức đại hội đảng các cấp ở cơ sở và tiến hành Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng sắp tới. Hàng loạt dự thảo báo cáo chính trị, các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 - 2025 sẽ được công bố để lấy ý kiến đóng góp của cán bộ, đảng viên và nhân dân. Đây là đợt sinh hoạt chính trị toàn diện và sâu sắc đòi hỏi các tổ chức đảng và cơ quan nhà nước phải tổ chức tốt việc tuyên truyền và thu hút sự đóng góp ý kiến của toàn Đảng, toàn dân vào các văn kiện quan trọng, phản ánh được ý chí và nguyện vọng của nhân dân trong việc cùng tham gia vào quá trình xây dựng đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, tạo tâm thế mới

để thực hiện khát vọng của cả dân tộc trong xây dựng và phát triển đất nước trong giai đoạn tới.

2. Các giải pháp cụ thể

a) Đổi mới giáo dục lý luận chính trị, khẳng định và củng cố niềm tin của cán bộ, đảng viên và nhân dân vào lý tưởng, mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kế thừa và phát huy truyền thống dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, vận dụng kinh nghiệm quốc tế phù hợp với Việt Nam để phát triển bền vững đất nước vì sự nghiệp “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.

Xây dựng lòng tin xã hội là “chìa khóa” của mọi thành công về chính trị và kinh tế. Lòng tin xã hội bắt nguồn từ nhận thức lý tính và được bồi dưỡng bằng tình cảm của xã hội. Nó phản ánh nhận thức đúng - sai và tình cảm yêu - ghét của cá nhân và cộng đồng, là cơ sở cho hành động chính trị và kinh tế. Việc xây dựng và củng cố niềm tin xã hội... từ đường lối, chính sách khoa học, đúng đắn của Đảng và Nhà nước, được cán bộ, đảng viên và nhân dân nhận thức một cách đầy đủ và sâu sắc, từ đó tham gia tự giác, chủ động, tích cực để thực hiện những chủ trương, chính sách mà Đảng và Nhà nước đề ra. Kết quả điều tra cho thấy: sự thu hút của người dân đối với tổ chức đảng ở cơ sở hiện nay trước hết là vì niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng (62%) và vì trách nhiệm đối với Tổ quốc (43,8%). Vận mệnh của Tổ quốc phụ thuộc vào sự lãnh đạo đúng đắn và sáng suốt của Đảng.

Kết quả điều tra cũng cho thấy, đa số lựa chọn của những người được hỏi trả lời là tin tưởng (57,4%), tuyệt đối tin tưởng (26,7%); còn lại là thiếu tin tưởng (16%). Như vậy,

việc xây dựng, củng cố niềm tin của cán bộ, đảng viên và nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước, tin tưởng vào đường lối, chính sách của Đảng là vấn đề cơ bản để nâng cao chất lượng của việc xây dựng văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế.

Để tăng cường giáo dục, lý luận chính trị, xây dựng và củng cố niềm tin của cán bộ, đảng viên và nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước hiện nay cần đẩy mạnh việc triển khai Chỉ thị số 23-CT/TW, ngày 09/02/2018 của Ban Bí thư “Về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả học tập, nghiên cứu, vận dụng và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong tình hình mới”. Mục tiêu đặt ra là:

- Tạo sự chuyển biến mạnh mẽ, thực sự hiệu quả, thiết thực trong việc học tập, nghiên cứu, vận dụng và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong tình hình mới.

- Nâng cao bản lĩnh chính trị, năng lực tư duy lý luận, năng lực tổng kết và chỉ đạo thực tiễn để giải quyết hiệu quả những vấn đề thực tiễn đặt ra; thường xuyên bồi dưỡng lý tưởng cách mạng, xây dựng đạo đức, lối sống theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh cho đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là thế hệ trẻ.

- Góp phần xây dựng, chỉnh đốn Đảng, nâng cao năng lực và sức chiến đấu của tổ chức đảng, xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên, tổ chức đảng ngày càng trong sạch, vững mạnh; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ.

Chỉ thị số 23-CT/TW cũng nêu lên ba quan điểm là:

Thứ nhất, học tập, nghiên cứu, vận dụng và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa là nội dung quan trọng hàng đầu của công tác xây dựng Đảng về mặt tư tưởng, vừa có vai trò nền tảng, vừa có vị trí then chốt trong tình hình hiện nay.

Thứ hai, học tập, nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lênin theo phương châm cơ bản, hệ thống, thực tiễn và hiện đại.

Thứ ba, vận dụng và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin một cách biện chứng, sáng tạo và cầu thị; đồng thời phòng, chống có hiệu quả nguy cơ “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”.

Các nhiệm vụ, giải pháp và tổ chức phân công thực hiện Chỉ thị này cần được triển khai một cách nghiêm túc, đồng bộ để tạo nên sự chuyển biến tích cực và mạnh mẽ để củng cố và nâng cao niềm tin của cán bộ, đảng viên và nhân dân đối với sự nghiệp cách mạng vĩ đại của dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng trong sự nghiệp đổi mới hiện nay.

Ở đây, cần tập trung đổi mới mạnh mẽ về nội dung, phương pháp học tập, nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh theo hướng phù hợp với từng đối tượng, khắc phục “bệnh hình thức”, “bệnh thành tích” ở tất cả các cơ sở đào tạo của Đảng, Nhà nước, các đoàn thể chính trị - xã hội.

b) Xây dựng giá trị và chuẩn mực văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế, quy phạm hóa thành thể chế, khuôn mẫu để thực hành trong chính trị và trong kinh tế

Trong thời kỳ đổi mới, đẩy mạnh phát triển kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế hiện nay, để đảm bảo cho văn hóa

trong chính trị và văn hóa trong kinh tế phát triển ổn định, bền vững, vấn đề quan trọng đặt ra là phải xác định rõ các giá trị và chuẩn mực cốt lõi của chính trị và kinh tế Việt Nam, từ đó quy phạm hóa các giá trị và các chuẩn mực này thành thể chế, thành khuôn mẫu để tổ chức thực hành trong đời sống xã hội.

Đảng ta đã khẳng định trong *Cương lĩnh xây dựng đất nước thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011)*: “Đi lên chủ nghĩa xã hội là khát vọng của nhân dân ta, là sự lựa chọn đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh, phù hợp với xu thế phát triển của lịch sử”¹. Đồng thời, Đảng ta cũng nêu rõ: “*Xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng là một xã hội: Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh; do nhân dân làm chủ; có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp; có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện; các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển; có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo; có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới*”².

Các giá trị cơ bản của chế độ xã hội chủ nghĩa mà Đảng ta nêu ra đã được khẳng định qua các văn kiện Đại hội Đảng. Để đạt được hiệu quả cao trong việc thực hiện các giá trị này, Đảng ta đã cụ thể hóa thành các chuẩn mực

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Sđd, tr.70.

thể hiện ở các mục tiêu cụ thể trong các báo cáo chính trị và các chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của các giai đoạn khác nhau gắn với từng nhiệm kỳ Đại hội Đảng toàn quốc và đại hội đảng các cấp. Tuy vậy, các giá trị này cần được định lượng hóa, quy phạm hóa, thể chế hóa cụ thể hơn nữa, gắn liền với các tiêu chí phấn đấu cụ thể của mỗi giai đoạn lịch sử. Hiện nay, trong các nghị quyết của Đại hội đại biểu toàn quốc các khóa XI, XII, Đảng ta mới chỉ tập trung vào các chỉ tiêu về kinh tế, xã hội, môi trường, mà chưa bám vào các giá trị cơ bản mà Cương lĩnh nêu ra là “Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh” để xác lập các chỉ tiêu cụ thể. Vì vậy, để chuẩn bị cho Đại hội XIII, đề nghị các cơ quan có thẩm quyền nên định hình về các giá trị này trong giai đoạn từ nay đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

Về xây dựng văn hóa trong kinh tế, Đảng ta đã xác định nền kinh tế mà chúng ta xây dựng là nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa mà nước ta xây dựng là nền kinh tế vận hành đầy đủ, đồng bộ theo các quy luật của kinh tế thị trường; đồng thời đảm bảo định hướng xã hội chủ nghĩa phù hợp với từng giai đoạn phát triển của đất nước; là nền kinh tế thị trường hiện đại và hội nhập quốc tế, có sự quản lý của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, nhằm mục tiêu: “Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”. Định hướng xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế được nhất quán xác lập và tăng cường thông qua sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của Nhà nước, lấy con người làm trung tâm, vì mọi người và do con người, phát huy đầy đủ vai trò làm chủ của Nhân dân, thực hiện tiến bộ

và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách phát triển. Có thể khái quát lại đó là nền kinh tế hiện đại và nhân văn. Hiện đại và nhân văn cần được xem là giá trị cốt lõi của nền kinh tế này và cần được cụ thể hóa thông qua các chuẩn mực, các thể chế để thực hiện trong thực tiễn, phù hợp với mỗi giai đoạn phát triển của đất nước.

c) Nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng để xây dựng nhân cách con người, chủ thể quyết định việc xây dựng văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế

Con người là chủ thể của quá trình xây dựng văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế, là nhân tố quyết định chất lượng của quá trình này. Văn kiện Đại hội XII của Đảng đã xác định: “*Xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện* phải trở thành một mục tiêu của chiến lược phát triển. Đúc kết và xây dựng hệ giá trị văn hóa và hệ giá trị chuẩn mực của con người Việt Nam thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế; tạo môi trường và điều kiện để phát triển về nhân cách, đạo đức, trí tuệ, năng lực sáng tạo, thể chất, tâm hồn, trách nhiệm xã hội, nghĩa vụ công dân, ý thức tuân thủ pháp luật”¹.

Vấn đề xây dựng con người để nâng cao chất lượng xây dựng văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế, cần đặc biệt chú ý nâng cao phẩm chất chính trị, tư tưởng đạo đức, lối sống của đội ngũ đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức, đội ngũ doanh nghiệp, doanh nhân và những người lao động, đề cao trách nhiệm xã hội và ý thức dân tộc, ý thức

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Sdd, tr.126-127.

cộng đồng, đề cao khát vọng, lý tưởng cống hiến vì sự phục hưng dân tộc trong bối cảnh mới hiện nay.

Việc nâng cao chất lượng xây dựng nhân cách con người, chủ thể của quá trình xây dựng văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế trước hết là tập trung vào xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong bộ máy của Đảng, Nhà nước và các đoàn thể chính trị - xã hội. Chất lượng của đội ngũ này có vai trò quyết định sự thành công của sự nghiệp cách mạng. Ở đây, cần tập trung thực hiện một số giải pháp cụ thể sau:

Thứ nhất, cần tổng rà soát, sắp xếp lại tổ chức, bộ máy, cơ quan, đơn vị theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 khóa XII của Đảng. Loại bỏ các cấp trung gian, các cơ quan chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ. Xác định rõ vị trí, chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị, xây dựng bộ máy trong hệ thống chính trị tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả.

Thứ hai, tổng rà soát lại tình hình nhân lực của các cơ quan, bộ máy trong tổ chức. Sắp xếp lại vị trí việc làm, xác định rõ nhu cầu về năng lực và phẩm chất của từng vị trí việc làm, bố trí hợp lý đội ngũ cán bộ, công chức, đúng với trình độ nghề nghiệp, năng lực chuyên môn và phẩm chất đạo đức của cán bộ, công chức. Kiên quyết loại bỏ những cán bộ, công chức yếu kém, mất uy tín ra khỏi cơ quan công quyền. Tổ chức đào tạo và đào tạo lại cho cán bộ, công chức còn thiếu các yêu cầu về chuyên môn, trình độ chính trị và nghiệp vụ công tác.

Thứ ba, xây dựng chế độ, chính sách tiền lương hợp lý để tạo động lực cho đội ngũ cán bộ, đảng viên và công chức, viên chức phát huy hết năng lực và tâm huyết phục vụ sự nghiệp chung của Đảng và Nhà nước theo hướng dùng lương để chống tham nhũng và chống tham nhũng để làm lành mạnh

hóa bộ máy công quyền. Loại bỏ các khoản thu nhập phi chính thức để kiểm soát thu nhập của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức thông qua lương và thuế thu nhập. Minh bạch và công khai hóa thu nhập hằng năm của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

Thứ tư, sử dụng hợp lý và hiệu quả các cuộc vận động, các phong trào thi đua một cách thực chất, không phô trương hình thức, có thể lượng hóa được sự tham gia đóng góp của cán bộ, đảng viên trong việc thực hiện các cuộc vận động, các phong trào thi đua này, phát hiện và biểu dương những tấm gương, những điển hình tiên tiến để nhân rộng, lan tỏa trong đời sống xã hội.

Thứ năm, cần tập trung đào tạo và bồi dưỡng về ngoại ngữ, nhất là tiếng Anh và công nghệ thông tin cho đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức các cấp, coi đây là tiêu chuẩn cứng để nâng cao chất lượng chuyên môn của đội ngũ này trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, là cơ sở để xây dựng chính quyền điện tử thông minh và tiếp thu kinh nghiệm quốc tế nhằm xây dựng nền kinh tế kỹ thuật số và chính phủ điện tử. Đây chính là khâu đột phá nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên và đội ngũ doanh nghiệp, doanh nhân, những người lao động trong cách mạng công nghiệp 4.0.

d) Tập trung xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh trong xã hội, đặc biệt là môi trường văn hóa trong các cơ quan của Đảng, Nhà nước, các đoàn thể chính trị - xã hội, các doanh nghiệp

Môi trường văn hóa là các giá trị văn hóa và các quan hệ văn hóa diễn ra trong cộng đồng, được cộng đồng chia sẻ và

tạo dựng theo những chuẩn mực, những khuôn mẫu để hướng dẫn các hành vi hoạt động của tổ chức, tạo nên bản sắc riêng, góp phần vào sự ổn định và phát triển của cộng đồng. Cộng đồng chính trị và cộng đồng kinh tế là những cộng đồng có ảnh hưởng, có tính chất quyết định đến sự phát triển bền vững của đất nước. Vì vậy, tiếp tục đẩy mạnh xây dựng môi trường văn hóa trong chính trị và môi trường văn hóa trong kinh tế có vai trò to lớn để xây dựng và phát triển đất nước nói chung, đối với sự nghiệp xây dựng và phát triển nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc nói riêng.

Môi trường văn hóa bao gồm các giá trị và chuẩn mực về pháp lý và thẩm mỹ được xã hội chấp nhận và tuân thủ, thực hành thường xuyên, trở thành nếp sống, lối sống của cộng đồng, gắn liền với các thể chế, các thiết chế, các quy phạm, xác lập trật tự, kỷ cương của xã hội.

Môi trường văn hóa trong tổ chức đảng được xác lập dựa trên việc các nguyên tắc của công tác xây dựng Đảng gắn liền với việc thực hiện Cương lĩnh và Điều lệ Đảng, các quy định cụ thể về quyền hạn, trách nhiệm của đảng viên và các tổ chức cơ sở đảng từ Trung ương đến địa phương. Để thực hành xây dựng môi trường văn hóa trong Đảng, các ban đảng cần phải tham mưu giúp Trung ương Đảng xây dựng các tiêu chí cụ thể về xây dựng môi trường văn hóa đối với từng tổ chức cơ sở đảng thuộc các đối tượng khác nhau như trong các cơ quan đảng tại bộ máy quản lý nhà nước các cấp, các đơn vị quân đội, đơn vị công an, đơn vị doanh nghiệp, cơ quan đối ngoại...

Việc cụ thể các tiêu chuẩn về xây dựng môi trường văn hóa trong từng chi bộ, đảng bộ trên phạm vi cả nước sẽ góp phần thiết thực vào nâng cao sức chiến đấu và năng lực lãnh đạo của Đảng, góp phần củng cố niềm tin của xã hội đối với

tổ chức đảng và cá nhân mỗi đảng viên trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Đối với cơ quan hành chính nhà nước, cần nâng cao tầm văn hóa trong việc hoạch định chủ trương, chính sách phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt là phải quán triệt sâu sắc quan điểm của Đảng về đề cao nhân tố con người, nhân tố văn hóa trong phát triển, cổ vũ động viên tinh thần dân tộc. Đoàn kết dân tộc trong xây dựng và phát triển đất nước, nhất quán với tinh thần đề cao lợi ích quốc gia - dân tộc là trên hết, kiên quyết đấu tranh chống “giặc nội xâm” như tham nhũng, quan liêu, lãng phí... và sự phá hoại của các thế lực thù địch trong nước và nước ngoài, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Tiếp tục đẩy mạnh cải cách tổ chức bộ máy quản lý hành chính nhà nước, xây dựng chính quyền điện tử, chính phủ điện tử, đặc biệt là đẩy mạnh phong trào xây dựng văn hóa công sở, văn hóa công vụ... Nâng cao chất lượng của văn hóa hành chính nhà nước. Đặc biệt là chú trọng xây dựng đạo đức và văn hóa nghề nghiệp, tập trung đào tạo ngoại ngữ, trước hết là tiếng Anh để có thể làm việc trong môi trường hội nhập quốc tế.

Việc xây dựng văn hóa công sở, văn hóa công chức, văn hóa công vụ phải được kết nối với nhau chặt chẽ, tạo nên sức mạnh tổng hợp để xây dựng bộ máy hành chính nhà nước chuyên nghiệp, năng động, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Đối với việc xây dựng văn hóa doanh nghiệp, văn hóa doanh nhân, văn hóa kinh doanh, văn minh thương mại, cần có sự tham gia của các hiệp hội doanh nghiệp cùng với cơ quan quản lý nhà nước, công đoàn các cấp để xây dựng các chuẩn mực, các tiêu chí đánh giá hợp lý, phù hợp với các đối tượng

cụ thể. Cần đổi mới công tác thi đua khen thưởng đối với cá nhân, tập thể được vinh danh trong quá trình xây dựng môi trường văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế, tập trung vào chất lượng, tránh bệnh thành tích và bệnh hình thức trong thi đua. Đồng thời phát huy vai trò của các tổ chức đoàn thể như Mặt trận Tổ quốc, các hiệp hội, các cơ quan truyền thông đại chúng trong việc tuyên truyền, quảng bá và lan tỏa những tấm gương điển hình, góp phần củng cố niềm tin vào giá trị tinh thần của dân tộc Việt Nam, của con người Việt Nam, của trí tuệ và bản lĩnh Việt Nam trong xây dựng và phát triển đất nước, thắp sáng cảm hứng sáng tạo vươn tới tương lai cho thế hệ trẻ, giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc trong thời kỳ đổi mới và hội nhập quốc tế.

đ) Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện xây dựng văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế của các cơ quan đảng, nhà nước, các đoàn thể chính trị - xã hội và nhân dân

Mọi chủ trương, chính sách đúng nếu không có hoạt động kiểm tra, giám sát, đánh giá cụ thể thì cũng khó đạt được kết quả như mong muốn. Vì vậy, cần phải phát huy vai trò của các tổ chức đảng, các cơ quan nhà nước, các đoàn thể chính trị - xã hội, các hiệp hội... và vai trò của nhân dân trong việc kiểm tra, đôn đốc, đánh giá việc xây dựng văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế của các cơ quan, ban, ngành, địa phương, doanh nghiệp. Trước hết Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương cần có chương trình, kế hoạch để hướng dẫn việc tổ chức thi đua, tuyên dương những điển hình tiên tiến, lan tỏa những tấm gương của cá nhân và đơn

vị có thành tích tốt trong các phong trào này. Đồng thời có biện pháp chấn chỉnh các đơn vị, cơ quan còn thờ ơ, thậm chí với các hoạt động có ý nghĩa quan trọng này, nhất là vấn đề xây dựng văn hóa công vụ, văn hóa doanh nghiệp được phát động gần đây. Trong công tác thi đua, cần đi vào thực chất, chống “bệnh thành tích” và “bệnh hình thức”. Các tổ chức đảng từ Trung ương đến cơ sở phải là đơn vị đi đầu trong lĩnh vực này để thực hiện phương châm “gương mẫu vừa là một nội dung, vừa là phương thức để bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng”. Gương mẫu cũng chính là trung thành với sự nghiệp cách mạng của Đảng, một phẩm chất đầu tiên và quan trọng bậc nhất đối với mỗi cán bộ, đảng viên và tổ chức đảng.

Như vậy, để thực hiện mục tiêu, quan điểm, nhiệm vụ xây dựng văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế trong thời gian tới, chúng ta phải tiến hành đồng bộ và toàn diện các giải pháp trên. Việc xây dựng thành công văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế sẽ có sức lan tỏa mạnh mẽ vào xây dựng đời sống văn hóa trong xã hội, tạo lập bầu không khí tinh thần lành mạnh cho quá trình xây dựng và phát triển đất nước. Với tinh thần đổi mới, sáng tạo không ngừng vì sự phát triển bền vững của đất nước trong thời kỳ phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế, chúng ta hoàn toàn tin tưởng rằng sự nghiệp xây dựng văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế dưới sự lãnh đạo của Đảng chắc chắn sẽ đạt được kết quả tốt đẹp, với quyết tâm chính trị cao của cả hệ thống chính trị và nhân dân.

KẾT LUẬN

Càng bước vào đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế, Đảng, Nhà nước và Nhân dân ta càng nhận thức sâu sắc và toàn diện hơn vai trò của văn hóa đối với sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước. *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011)* đã khẳng định: “Xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, phát triển toàn diện, thống nhất trong đa dạng, thấm nhuần sâu sắc tinh thần nhân văn, dân chủ, tiến bộ; làm cho văn hóa gắn kết chặt chẽ và thấm sâu vào toàn bộ đời sống xã hội, trở thành nền tảng tinh thần vững chắc, sức mạnh nội sinh quan trọng của phát triển”¹. Một trong những nhiệm vụ trọng tâm để xây dựng và phát triển nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, làm cho văn hóa “gắn kết và thấm sâu vào đời sống xã hội” là xây dựng văn hóa trong chính trị và xây dựng văn hóa trong kinh tế. Đây chính là quá trình xây dựng và lan tỏa các giá trị văn hóa vào trong chính trị và trong kinh tế, nâng cao tính dân tộc, tính khoa học, tính dân chủ, tính nhân văn của chính trị và kinh tế, góp phần nâng

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Sđd*, tr.75-76.

cao chất lượng hoạt động chính trị và kinh tế, đáp ứng nhu cầu của thực tiễn xây dựng đất nước trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

Nhiệm vụ xây dựng văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế chính là nhiệm vụ quan trọng thực hiện tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh để giải quyết quan hệ giữa văn hóa với chính trị, văn hóa với kinh tế, văn hóa “phải ở trong chính trị và trong kinh tế”, trong sự nghiệp đổi mới hiện nay. Đây là một nhiệm vụ tất yếu đặt ra nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả của công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh và phát triển kinh tế bền vững, hướng tới nâng cao chất lượng cuộc sống của Nhân dân, nâng cao vị thế của dân tộc trong giao lưu và hợp tác quốc tế.

Xây dựng văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế là một trong những nhiệm vụ cốt lõi để xây dựng môi trường văn hóa trong xã hội lành mạnh, làm nền tảng tinh thần, làm động lực cho quá trình đổi mới đất nước. Chính trị và kinh tế là hai lĩnh vực cơ bản của đời sống xã hội. Kinh tế phát triển làm tiền đề để xây dựng và phát triển hệ thống chính trị vững mạnh. Đồng thời, chính trị trong sạch và vững mạnh sẽ dẫn dắt và điều chỉnh các hoạt động kinh tế phát triển đúng hướng và bền vững. Sự lan tỏa và thẩm thấu các giá trị văn hóa vào trong chính trị và kinh tế chính là đặt chính trị và kinh tế phát triển dựa trên nền tảng văn hóa, nâng cao trình độ, năng lực, phẩm chất của chính trị và kinh tế, gia tăng các giá trị trí tuệ, nhân văn của các hoạt động này, lan tỏa ra các lĩnh vực khác của đời sống xã hội.

Văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế bao gồm cả văn hóa của tổ chức và văn hóa cá nhân trong hoạt động

chính trị và kinh tế. Nó bao gồm cả trí tuệ, đạo đức và tình cảm, gắn liền với khát vọng, ý chí và bản lĩnh của cá nhân và cộng đồng trong chính trị và trong kinh tế.

Hơn 30 năm đổi mới, đặc biệt là từ khi triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII (1998) “Về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”, vấn đề xây dựng văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế đã đạt được những thành tựu quan trọng, góp phần tích cực nâng cao năng lực và sức chiến đấu của Đảng, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh quá trình phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao chất lượng của hoạt động chính trị và kinh tế, khắc phục từng bước những tiêu cực xã hội tác động vào chính trị và kinh tế, góp phần tạo lập môi trường văn hóa lành mạnh.

Xây dựng văn hóa trong chính trị với trọng tâm là xây dựng văn hóa trong tổ chức đảng, nâng cao tính kỷ luật, tính gương mẫu trong sinh hoạt đảng, thực hiện nghiêm túc nguyên tắc tập trung dân chủ, thực hiện đấu tranh tự phê bình và phê bình, trung thực, thẳng thắn, củng cố truyền thống đoàn kết và tính tiên phong, gương mẫu của tổ chức và cá nhân mỗi đảng viên, chống tình trạng suy thoái về tư tưởng, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng. Đồng thời, đây là quá trình thể chế hóa nhiệm vụ xây dựng văn hóa trong chính trị bằng các quy định có tính chất pháp quy để triển khai trong thực tiễn. Bộ máy nhà nước, trước hết là đội ngũ cán bộ, công chức ở các cơ quan lập pháp, hành pháp và tư pháp phải thực sự nêu cao tinh thần trách nhiệm xã hội và đạo đức công vụ, thực hiện nghiêm túc kỷ cương, kỷ luật công vụ, xây dựng bộ máy nhà nước liêm

chính, chuyên nghiệp, hiệu lực, hiệu quả. Đồng thời, phải phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể thành viên và nhân dân tham gia xây dựng môi trường văn hóa chính trị lành mạnh, thực hiện có hiệu quả vai trò giám sát và phản biện xã hội.

Xây dựng văn hóa trong kinh tế là xác lập và lan tỏa các giá trị văn hóa vào trong hoạt động kinh tế, phấn đấu xây dựng nền kinh tế nhân văn, kinh tế vì con người, bảo đảm tăng trưởng kinh tế phải gắn liền với phát triển văn hóa, xây dựng con người, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, đem lại hạnh phúc cho con người. Văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế có mối quan hệ biện chứng, tác động hỗ trợ lẫn nhau, làm tiền đề cho nhau và tạo nên sự phát triển đồng bộ, toàn diện, bền vững của đất nước.

Xây dựng văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế là một quá trình phấn đấu bền bỉ của cả hệ thống chính trị và toàn thể xã hội, trong đó, sự lãnh đạo của Đảng đóng vai trò quyết định.

Đứng trước những yêu cầu bức thiết đặt ra trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế, việc quán triệt sâu sắc và toàn diện quan điểm của Đảng về xây dựng văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế là yêu cầu vừa cơ bản, vừa cấp bách hiện nay.

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
<i>Lời Nhà xuất bản</i>	5
<i>Lời nói đầu</i>	7
<i>Chương I</i>	
CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN NGHIÊN CỨU VĂN HÓA TRONG CHÍNH TRỊ VÀ VĂN HÓA TRONG KINH TẾ Ở VIỆT NAM HIỆN NAY	9
I- Cơ sở lý luận	9
II- Cơ sở thực tiễn	77
III- Nội dung xây dựng văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế	90
<i>Chương II</i>	
THỰC TRẠNG VĂN HÓA TRONG CHÍNH TRỊ VÀ VĂN HÓA TRONG KINH TẾ Ở VIỆT NAM	99
I- Thực trạng văn hóa trong chính trị ở Việt Nam	99
II- Thực trạng văn hóa trong kinh tế ở Việt Nam	241
<i>Chương III</i>	
NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA VỀ VĂN HÓA TRONG CHÍNH TRỊ VÀ VĂN HÓA TRONG KINH TẾ Ở VIỆT NAM	362
I- Nhận thức về văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế hiện nay	362

II- Về giá trị và chuẩn mực văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế	372
III- Về trách nhiệm xã hội và đạo đức trong chính trị và kinh tế	374
IV- Về xây dựng môi trường văn hóa trong chính trị và môi trường văn hóa trong kinh tế ở Việt Nam hiện nay	383
V- Về phát huy vai trò của văn hóa để xây dựng chế độ chính trị và phát triển kinh tế ở Việt Nam hiện nay	387
VI- Về mối quan hệ giữa văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế	392

Chương IV

MỤC TIÊU, QUAN ĐIỂM, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP XÂY DỰNG VĂN HÓA TRONG CHÍNH TRỊ VÀ VĂN HÓA TRONG KINH TẾ Ở VIỆT NAM TỪ NAY ĐẾN NĂM 2030 VÀ TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045

395

I- Thời cơ và thách thức đối với việc xây dựng và phát triển văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế ở Việt Nam giai đoạn 2020 - 2030	395
II- Mục tiêu	401
III- Quan điểm xây dựng văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế ở Việt Nam trong thời gian tới	404
IV- Các nhiệm vụ trọng tâm để xây dựng văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế ở nước ta hiện nay	417

469

V- Các giải pháp cơ bản để đẩy mạnh xây dựng văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế ở Việt Nam thời gian tới	444
<i>Kết luận</i>	464

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

Số 6/86 Duy Tân, Cầu Giấy, Hà Nội

ĐT: 080 49221 Fax: 080 49222 Email: suthat@nxbctqg.vn Website: www.nxbctqg.vn

TÌM ĐỌC SÁCH CỦA NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

HỘI ĐỒNG LÝ LUẬN TRUNG ƯƠNG

- ♦ **ĐẨY MẠNH XÂY DỰNG VĂN HÓA TRONG ĐIỀU KIỆN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG, HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ - KINH NGHIỆM VIỆT NAM, KINH NGHIỆM TRUNG QUỐC**

TS. VI THÁI LANG, TS. TRẦN THỊ HỒNG LOAN

- ♦ **VĂN HÓA SINH THÁI VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG Ở NƯỚC TA HIỆN NAY**

TS. TRẦN THANH GIANG - PGS.TS. ĐỖ MINH HỢP (Đồng chủ biên)

- ♦ **VĂN HÓA VÀ KHOA HỌC VỀ VĂN HÓA**

ISBN 978-604-57-5363-7



9 786045 753637



8935279119097

Giá: 198.000đ